



Kinh sách ấn tống không được bán.
This book is strictly for free distribution, it is not for sale.

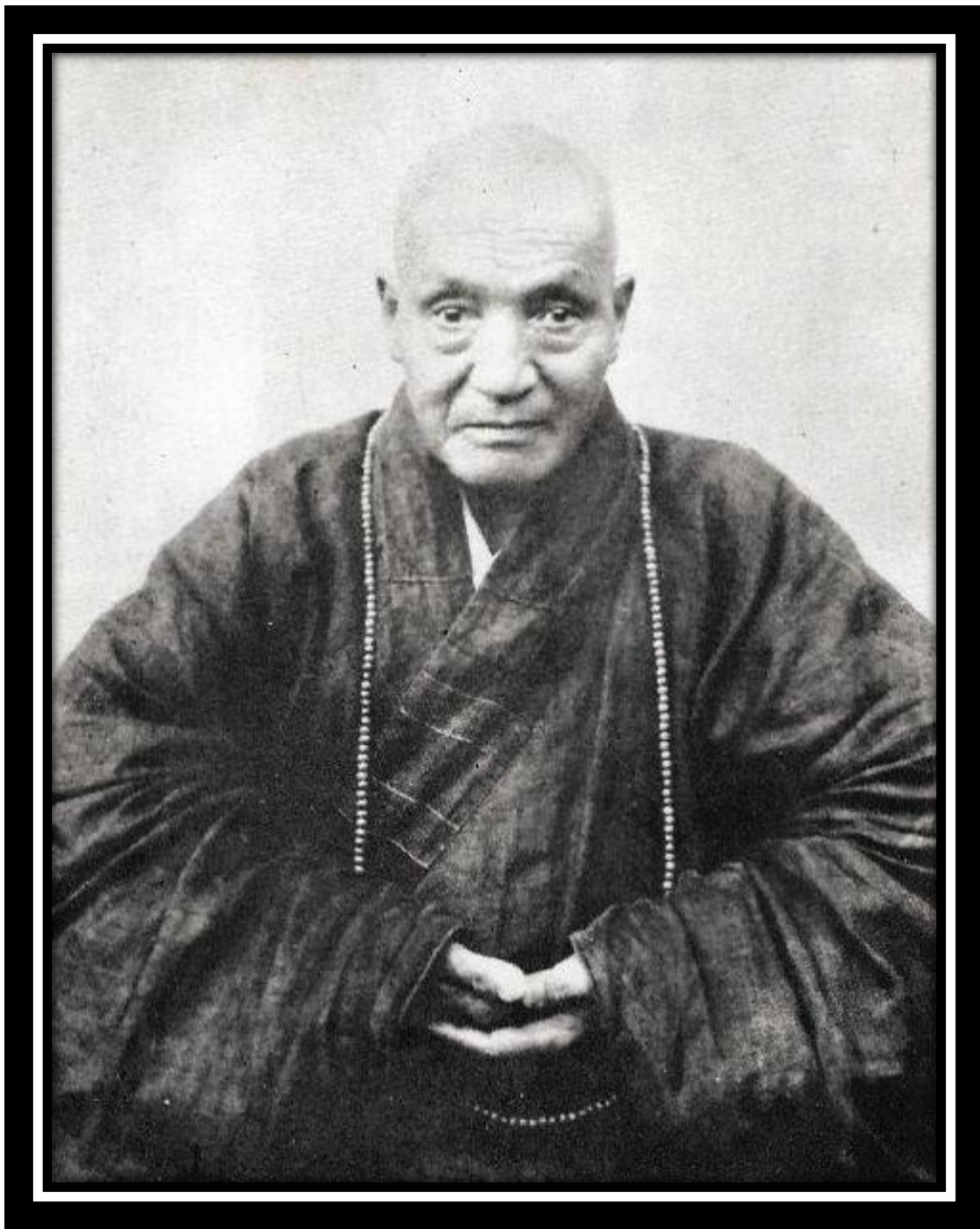
ẤN QUANG ĐẠI SƯ GIA NGÔN¹ LỤC

印光大師嘉言錄

Theo bản in của Phật Quang Viện
Thành phố Bản Kiều, Đài Loan
Tháng 2, năm 1982

Kết tập: Cư sĩ Lý Viên Tịnh
Giám định: Đại Sư Ấn Quang
Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa
Hiệu đính: Hy Tịnh

¹ **Gia** có nghĩa là tốt, lành, đáng khen ngợi. Gia Ngôn là lời nói tốt đẹp, tận thiện. Như vậy, Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục nghĩa là cuốn sách tập hợp những pháp ngữ tận thiện, tận mỹ của đại sư Ấn Quang.



Đại Sư Ấn Quang

MỤC LỤC

ĐẠI SƯ ÁN QUANG	i
LỜI TỰA	ix
PHẦN 1	1
I. TÌNH ĐỘ THÙ THẮNG	1
II. KHUYÊN TÍN NGUYỆN HẠNH NÊN CHÂN THÀNH, THA THIẾT	25
1. Giảng về lòng tin chân thành, tâm nguyện tha thiết	25
2. Khuyên trừ nghi sanh tín	31
3. Khuyên đầy đủ Tín, Nguyện	49
PHẦN 2	59
III. CHỈ DẠY PHƯƠNG PHÁP TU TRÌ	59
1. Giảng về phương pháp niệm Phật	59
2. Đối trị tập khí	69
3. Luận về việc gìn lòng lập phẩm	93
4. Luận định các pháp tu trì	103
5. Khuyên hành nhân nỗ lực	115
PHẦN 3	121
IV. LUẬN VỀ VIỆC LỚN SANH TỬ	121
1. Cảnh tỉnh mạng người vô thường	121
2. Khuyên chuyên cậy vào Phật lực	123
3. Dạy những điều thiết yếu về lâm chung	130
4. Lâm Chung Chu Tiếp (<i>Mái chèo lâm chung</i>)	139
5. Khuyên nên giữ lòng thành kính	143
PHẦN 4	157
V. KHUYÊN CHÚ TRỌNG NHÂN QUẢ	157
1. Luận về lý nhân quả	157
2. Giảng nhân quả về mặt Sự	171
3. Giải thích về nguyên do của kiếp vận	178
4. Giảng những điểm trọng yếu về việc giới sát	184
PHẦN 5	199

VI. PHÂN ĐỊNH GIỚI HẠN GIỮA THIỀN VÀ TỊNH	199
VII. GIẢI QUYẾT NHỮNG ĐIỀU NGHI HOẶC THƯỜNG GẶP	215
1. Luận về sự - lý.....	215
2. Luận về tâm tánh	222
3. Luận về ngộ chứng	228
4. Luận về Tông, Giáo.....	237
5. Luận về Trì Chú	240
6. Luận về xuất gia	243
7. Luận về báng Phật	247
8. Luận về đạo thầy trò	259
9. Luận về Giới Luật	259
10. Luận về Kinh điển	260
11. Luận về Trung Âm	264
12. Luận về bốn cõi Tịnh Độ.....	266
13. Luận về xá lợi.....	268
14. Luận về tỷ hương	269
15. Luận về cảnh giới	271
16. Luận về thần thông	275
17. Luận về bí truyền.....	278
18. Luận về cầu cơ	279
19. Luận về luyện đan	280
20. Luận về tu hành, xử sự phải phù hợp, thích nghi	282
21. Luận về phú cường.....	287
22. Luận về cách dự phòng tai họa	288
PHẦN 6	291
VIII. KHUYÊN NHỮ CÁC THIỆN TÍN TẠI GIA.....	291
1. Dạy về luân thường đại giáo.....	291
2. Luận về giáo dục gia đình	294
3. Khuyên nên tại gia hoằng pháp	306
4. Khuyên nên sống trong cõi trần học đạo	313
5. Vì hàng tại gia đệ tử lược giảng ý nghĩa của Tam Quy, Ngũ Giới, Thập Thiện	318

6. Các sách vở nên đọc.....	325
PHẦN TẶNG BỔ.....	337
1. Thư gửi Sài Dã Ngu	337
2. Thư phúc đáp Du Huệ Úc, Trần Huệ Sưởng	339
3. Thư phúc đáp cư sĩ Ngu Tăng	342
4. Thư phúc đáp cư sĩ Thiệu Huệ Viên.....	344
5. Thư gửi cư sĩ Vương Tâm Thiên.....	345

ĐẠI SƯ ẮN QUANG

TỔ THỨ 13 TỊNH ĐỘ TÔNG



Đại Sư Ắn Quang, húy Thánh Lượng, biệt hiệu Thường Tâm, người khoảng cuối đời nhà Thanh sang kỹ nguyên Dân Quốc, con nhà họ Triệu ở Thiểm Tây. Thuở bé ngài học Nho, lớn lên lấy việc duy trì đạo Khổng làm trách nhiệm, nên theo thuyết của Hàn Dũ, Âu Dương Tu, bài bác Phật pháp. Sau bị bệnh mấy năm, tự xét biết lỗi lầm, liền cải hối tâm niệm trước.

Niên hiệu Quang Chử thứ bảy đời Thanh, vừa sang hai mươi một tuổi, căn lành thành thực, ngài xuất gia với Đạo Thuần Hòa Thượng tại chùa Liên Hoa Động ở núi Chung Nam. Ít lâu sau, lại được duyên thọ Đại Giới nơi chùa Song Khê, huyện Hưng An với Luật Sư Ắn Hải Định.

Ngài từng bị đau mắt khi sanh ra vừa sáu tháng, sau tuy lành bệnh nhưng mục lực đã suy kém. Mắt vừa hơi đỏ thì chỉ nhìn thấy cảnh vật mờ mờ. Lúc thọ giới Cụ Túc, vì ngài cẩn thận và viết chữ khéo nên được cử làm chúc Thơ Ký. Do viết chữ quá nhiều, đôi mắt lại phát đỏ như huyết. Lúc trước nhân khi phơi Kinh được xem bộ Long Thư Tịnh Độ, biết rõ công đức niệm Phật, nên kỳ thọ giới này, ban đêm sau khi chúng an nghỉ, ngài vẫn ngồi niệm Phật. Ban ngày cho đến lúc viết chữ, tâm cũng không rời Phật. Nhờ đó tuy đôi mắt phát đỏ, vẫn có thể gắng gượng biên chép. Khi giới đàn vừa mãn, bệnh đau mắt cũng được lành. Do đây, ngài biết công đức niệm Phật không thể nghĩ bàn. Và nhân duyên này cũng là đầu mối khiến ngài quy hướng Tịnh Độ và khuyên người niệm Phật. Từ đó, Đại Sư tiến

bước trên đường tu học trải qua các danh lam Từ Phước Tự, Long Tuyên Tự, Viên Quảng Tự và sau cùng đến chùa Pháp Võ ở Phổ Đà Sơn.

Trong thời gian ấy, khi thì tham học, lúc duyệt Tam Tạng Kinh, khi lại nhập thất, nên ngài ngộ sâu đến Thượng Thừa, lý sự đều vô ngại. Đại Sư kiến thức cao siêu, làm việc cẩn mật, nên hai phen được Hóa Văn Hòa Thượng và Đế Nhân Pháp Sư mời làm đồng bạn đến để đô thỉnh ba tạng Kinh cho Pháp Võ Tự ở Phổ Đà Sơn và Đầu Đà Tự tại Ôn Châu. Cảm mến hạnh đức, Hóa Văn Hòa Thượng thỉnh ngài về ở lầu Tàng Kinh tại chùa Pháp Võ để tĩnh tâm tu niệm. Tính đến cuối đời nhà Thanh, trong hơn ba mươi năm xuất gia, Đại Sư trước sau mai danh ẩn tích, không thích cùng người tới lui giao tiếp để hôm sớm yên tu, cầu chứng Niệm Phật Tam Muội.

Nhưng chuông trống tuy đánh bên trong, tiếng thanh vẫn vang ra ngoài. Cao Tăng dù muốn ẩn mình, Thiên Long cũng đưa duyên phổ hóa. Niên hiệu Trung Hoa Dân Quốc năm đầu, cư sĩ Cao Hạc Niên nhân khi hành hương đến chùa Pháp Võ, lúc trở về đem vài bài văn của Đại Sư đăng lên Phật Học Tông Báo ở Thượng Hải, dưới đề tên là Thường Tâm. Tuy chưa biết đó là ai, nhưng văn tự Bát Nhã đã khiến cho độc giả phát khởi căn lành, nhiều người đua nhau dò hỏi chỗ ở. Lúc ấy, Đại Sư vừa đúng năm mươi hai tuổi. Mấy năm sau, tung tích cũng bị người tìm biết được; lần lượt kẻ vượt bể lên non cầu lời khai thị, người mượn tin hồng nhận hỏi lối nam châm. Cư sĩ Từ Uất Như sưu tập văn tín của ngài in thành bộ Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao, tái bản và tặng đính nhiều lượt, truyền bá cả trong đến ngoài nước.

Ban sơ, khi Từ cư sĩ đem mẹ lên núi cầu xin quy y, Đại Sư còn bền giữ chí ẩn tu không chịu chấp nhận, bảo sang quy y với Đế Nhân Pháp Sư ở chùa Quán Tông tại Ninh Ba. Đến năm Dân Quốc thứ tám, cư sĩ Châu Mạnh Do đem quyến thuộc lên núi, ba bốn phen

đánh lễ cầu khẩn, xin thân làm đệ tử tại gia. Đại Sư quán xét cơ duyên, lý khó khước từ, bắt buộc phải chấp thuận. Tính đến năm ấy, ngài được năm mươi chín tuổi, mới thân đệ tử quy y lần đầu. Từ đó, hàng thiện tín kẻ viết thư cầu làm đệ tử, người lên non xin được quy y, tất cả đều y giáo phụng hành, ăn chay niệm Phật. Trong một đời giáo hóa, đệ tử tại gia của Đại Sư, từ hạng quyền quý giàu sang, danh nhon học sĩ đến kẻ thôn dã thường dân, số lên đến gần ba trăm ngàn người. Có nhiều vị niệm Phật tu hành được sanh về cõi Cực Lạc.

Đại Sư trì giới tinh nghiêm, giữ mình rất kiệm ước. Đồ phục dụng tốt đẹp, cùng thức ăn uống ngon quý người đem đến dâng, nếu không từ khước được cũng chuyển tặng cho những vị xuất gia khác. Còn phẩm vật thông thường thì đều chuyển giao cho nhà kho của chùa để đại chúng cùng thọ hưởng. Bao nhiêu số tiền của dân tín cúng dường riêng cho mình, ngài đều đem in Kinh sách, hoặc cứu tế các nạn tai, hay giúp vào những cơ quan từ thiện. Riêng mình chỉ giữ phần cơm thô, áo vải đến trọn đời. Đại Sư tánh không thích phô trương, có vài Phật tử mến khi ngài còn bé qua giai đoạn xuất gia và ra đời hoằng hóa, viết thành tuyệt ký, rồi gửi đến xin hiệu chính để ấn tống lưu truyền rộng ra. Ngài đều khước từ, gửi nguyên bản trả lại, khuyên xin vì mình mà dẹp bỏ đi. Hai vị hiền quan: Đào Tái Đông và Hoàng Hàm Chi có viết thư đem đạo hạnh của Đại Sư trình lên Tổng Thống Trung Hoa Dân Quốc. Ngài được Từ Tổng Thống phong tặng tám biển đề "Ngộ Triệt Viên Minh", sai đoàn đại biểu đem đến tận chùa Phổ Đà, cùng hiến dâng nhiều hương hoa phẩm vật. Hàng đạo tục nghe thấy đều ngợi khen, song riêng ngài vẫn thản nhiên dường không hay biết. Đại Sư có ba điểm đặc biệt khác hơn những vị xuất gia đương thời. Một là không lãnh làm trụ trì tự viện lớn, vì cho mình kém đức, e chướng ngại đến sự thanh tu. Hai là không thân đệ tử xuất gia, vì xét thấy vào thời Mạt Pháp đã sâu,

người xứng đáng với bốn phận xuất gia rất ít, nên không muốn gây nhiều hệ lụy. Ba là không quyên mộ khuyến hóa, bởi thẹn thấy nhiều kẻ vì lợi danh mà làm mất sự thanh khiết của nhà tu.

Về duyên hoằng hóa, Đại Sư quán xét vào thời mạt vận đạo đức lần suy, nhơn căn hầu hết đều kém yếu; phần đông chỉ ở trình độ giữ Tam Quy Ngũ Giới, niệm Phật ăn chay mà thôi. Như thế cũng gọi là đã có nhiều căn lành rồi. Còn hạng siêu xuất thì thật ra tuyệt ít. Vì thế, đại khái ngài chỉ khuyên giữ trọn luân thường, tin chắc nhân quả, lánh dữ làm lành, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Người đáng chiết phục, dù bậc Thiên tức cự Nho, đạt quan danh sĩ, cũng thẳng thắn chỉ trích; kẻ đáng nhiếp thọ, tuy hạng sơ học hậu sanh, nông công nô bộc, cũng từ ái dạy khuyên. Cách giáo hóa của ngài, chỉ đem những sự lý thiết thật, bình thường để khuyến ích. Tuy chính mình hiểu sâu Tông, Giáo, song không chuộng huyễn luận cao đàm. Đại Sư thường tán trợ vào các hội niệm Phật phóng sanh, khuyên giúp vào các viện từ ái, dưỡng lão. Ngài cũng sáng lập ra Hoằng Hóa Xã, giao cho người coi sóc, mình lãnh phần hướng dẫn, để ấn tống hoặc phát hành Kinh sách và tượng Phật. Trong hơn hai mươi năm, nơi đây đã lưu hành trên một triệu bức tượng Phật, Bồ Tát và hơn năm triệu bộ Kinh sách thích ứng với thời cơ.

Về công trình hộ pháp, lúc Âu chiến lần thứ nhứt, chính quyền có nghị định cho dời những kiều dân người Đức vào ở các chùa. Đại Sư cố gắng vận động với các bậc quyền thế khiến cho bỏ qua việc đó. Từ năm Dân Quốc thứ hai đến năm Dân Quốc thứ hai mươi lăm, đã nhiều phen chính phủ theo lời đề nghị của những nhà đương quyền có tư tưởng duy vật, lần lượt đăng báo muốn sung tài sản chùa chiền vào công quỹ, chiếm các tự viện làm trường học. Đại Sư hợp sức cùng chư Tăng sĩ và các cư sĩ hộ pháp lập cách giải cứu, khiến cho đều được nạn khỏi tai qua. Ngoài ra, các tiểu tiết khác, ngài chỉ tùy thời dùng đôi lời nói, hoặc một phong thơ; đều tiêu trừ kiếp nạn.

Về phần linh cảm, năm Đại Sư bảy mươi tuổi được Tăng chúng thỉnh về chùa Báo Quốc. Vào cuối mùa Hạ, nơi đây sanh ra loài rệp rất nhiều. Từ gối chăn màn nệm, đến cửa sổ, án Kinh, đâu đâu cũng thấy chúng bò lai vãng. Hàng đệ tử thương ngài tuổi già sợ không kham chịu sự quấy nhiễu, xin vào để tìm cách tiêu diệt. Đại Sư không chấp nhận, chỉ yên tâm niệm Phật cầu nguyện cho chúng đi, không bao lâu, loài rệp đều tuyệt tích. Ngoài thời niệm Phật, ngài thường tụng chú Đại Bi gia trì vào tàn hương, gạo, hoặc nước, để cứu những bệnh nặng mà các y sĩ đều bó tay. Mỗi lần như thế đều được ứng nghiệm kỳ lạ. Một hôm, nơi lầu Tàng Kinh chùa Báo Quốc phát hiện vô số mối trắng. Ngài hay được liền trì chú Đại Bi trong nước, bảo đem đến vẩy tưới vào chúng. Loài mối đều kéo nhau bỏ đi nơi khác. Cư sĩ Cao Hạc Niên có lời tự thuật: *“Sở dĩ tôi biết Ấn Quang Đại Sư là bậc cao tăng, bởi ngài nói những lời rất thông thường, nhưng càng nói những lời rất thông thường, càng suy gẫm càng thấy đúng với hiện cảnh và sau đều có ứng nghiệm”*. Kỳ lên núi Phổ Đà lần thứ nhứt, lúc nhà Thanh hãy còn, nhân ở ngụ tại chùa lâu ngày, cư sĩ có hỏi Đại Sư về cuộc diện mai sau. Ngài ứng khẩu đáp bằng một bài thơ:

Tuần hoàn kiếp số rất bi thương
Thoát khổ đâu hơn Cực Lạc bang?
Gắng niệm Di Đà về bản cảnh
Đừng mê trần lụy lạc tha hương
Bụi hồng nghiệp trước đời hư mộng
Lửa đỏ ngày sau nước họa ương
Khuyên sớm xa nơi nhiều kiếp nạn
Cùng nhau dạo bước đến Liên phương.

Trong bài thơ, ngài ám chỉ nạn binh hỏa về sau, và khuyên người niệm Phật vậy.

Năm Dân Quốc thứ mười bảy, Đại Sư thành lập Tịnh Độ đạo tràng tại chùa Linh Nham, soạn ra chương trình quy củ giao cho Chân Đạt Hòa thượng nhiếp chúng trụ trì. Từ đó ngài về ở tịnh thất tại Tô Châu. Sau thời niệm Phật, Đại Sư họp cùng cư sĩ Hứa Chỉ Tịnh, tu chỉnh bốn quyển Danh Sơn Chí, nói về linh tích các núi: Phổ Đà, Thanh Lương, Nga Mi, Cửu Hoa. Năm bảy mươi bảy tuổi vì chiến cuộc bức bách, ngài từ Tô Châu dời về Linh Nham, an cư niệm Phật ba năm.

Năm Dân Quốc thứ hai mươi chín, ngày 24 tháng 10, Đại Sư dự biết kỳ vãng sanh, cho triệu tập chư Tăng và cư sĩ về chùa Linh Nham. Trong buổi hội đàm, ngài suy cử Diệu Chơn Hòa Thượng kế nhiệm trụ trì, dặn dò các việc mai sau, và bảo: "Pháp môn Niệm Phật không có chi đặc biệt lạ kỳ. Chỉ cần khẩn thiết chí thành thì không ai chẳng được Phật tiếp dẫn". Qua ngày mùng 4 tháng 11, Đại Sư cảm bệnh nhẹ, song vẫn tinh tấn niệm Phật. Niệm xong, bảo đem nước rửa tay, rồi đứng lên nói: "Phật A Di Đà đã đến tiếp dẫn, tôi sắp đi đây. Đại chúng phải tin nguyện niệm Phật cầu về Tây phương!" Nói đoạn, bước lại ghé ngồi kiết già, chấp tay trì danh theo tiếng trợ niệm của đại chúng rồi an lành viên tịch. Lúc ấy, Đại Sư tăng lạp được sáu mươi, thế thọ tám mươi tuổi.

Rằm tháng Hai năm sau, nhằm thánh tiết Phật nhập Niết Bàn, cũng vừa đúng kỳ Đại Sư vãng sanh được một trăm ngày. Hàng đạo tục các nơi hội về Linh Nham trên hai ngàn người, sắp đặt lễ trà tỳ. Lúc ấy bầu trời hốt nhiên sáng tạnh trong trẻo. Khi Chân Đạt Hòa Thượng cầm đuốc cử hỏa, khói bay lên trắng như tuyết, hiện ra ánh sáng năm sắc. Hôm sau Diệu Chơn Hòa Thượng cùng đại chúng đến nơi khám nghiệm, thấy xá lợi hiện ra nhiều hình dáng, đủ các màu, có thứ gồm ngũ sắc. Tất cả đều cứng như khoáng chất, gõ vào phát ra tiếng trong thanh. Đại chúng lựa chia thành sáu phần:

1. Nha xá lợi: gồm ba mươi hai cái răng.
2. Ngũ sắc xá lợi châu: nhiều hạt tròn sáng.
3. Ngũ sắc tiểu xá lợi hoa: hình như các đóa hoa nhỏ.
4. Ngũ sắc đại xá lợi hoa: hình như những đóa hoa lớn.
5. Ngũ sắc huyết xá lợi: do huyết nhục hóa thành.
6. Ngũ sắc xá lợi khối: gồm những khối có nhiều hình dáng, màu sắc.

Tất cả đều để vào lòng kiếng, trân tàng tại bản sơn.

Kế tiếp hàng Tăng Ni và đệ tử lễ bái thỉnh cầu, vị nào có thành tâm khi bói tro tìm kiếm đều được xá lợi. Như Quảng Hiệp Pháp Sư ở Tân Gia Ba, Pháp Độ Thượng Nhon ở Ngũ Đài, cư sĩ Ngô Quốc Anh ở Phi Luật Tân, cư sĩ Nhạc Huệ Võ ở Thượng Hải, mỗi vị đều được xá lợi màu xanh, màu vàng, huyết sắc hoặc ngũ sắc. Đại Sư lúc bình thời, ngôn hạnh chân thật, không biểu thị điều chi kỳ lạ nên chẳng thể biết ngài chứng đắc đến đâu. Song hàng Tăng tục xét qua đạo hạnh, sự hoằng hóa thuở còn sanh tiền, đến việc quy Tây và lưu xá lợi khi viên tịch, đều nhận định ngài là bậc Thánh nhơn tái lai để tùy cơ độ sanh và hộ trì chánh pháp. Vì thế, nhân ngày kỷ niệm một năm viên tịch, các liên hữu Tăng tục đồng suy tôn Đại Sư làm vị tổ thứ mười ba của Liên tông.

Hòa Thượng Thích Thiên Tâm dịch

LỜI TỰA

Pháp môn Tịnh Độ lý cực cao sâu, sự cực giản dị. Do vậy, người thiên tư thông minh, tri kiến cao siêu thường xem Tịnh Độ là pháp tu của ngu phu, ngu phụ, không chịu tu trì. Nào biết đây là pháp môn rốt ráo để mười phương tam thế hết thảy chư Phật, trên thành Phật đạo, dưới độ chúng sanh, thành thủy, thành chung. Họ thấy ngu phu, ngu phụ tu được pháp này bèn coi thường, sao chẳng xét trong hội Hoa Nghiêm, bậc đã chứng bằng với Phổ Hiền, bằng với chư Phật, vẫn phải dùng “mười đại nguyện vương” hồi hướng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc ngõ hầu viên mãn Phật Quả? Miệt thị pháp môn Tịnh Độ không chịu tu là coi những vị trong hội Hoa Nghiêm thuộc hạng người gì? Chỗ quy tông cuối cùng của Kinh Hoa Nghiêm có đáng nên tôn trọng hay nên coi thường đây?

[Có thái độ như vậy] không có gì khác hơn là do chưa xét kỹ nguyên do của từng pháp môn thông thường và đặc biệt, cũng như tự lực, Phật lực, đại, tiểu, khó, dễ, nên mới đến nỗi như thế. Nếu đã xét kỹ, há chẳng học đòi Hoa Nghiêm Hải Chúng, nhất trí tiến hành cùng cầu vãng sanh ư? Ân Quang tôi từ lúc búi tóc đọc sách, nhiệm ngay phải cái độc bài Phật của Hàn, Âu, Trình, Chu, may là không có được cái tài như Hàn, Âu, Trình, Chu. Nếu như có được chút tài như họ, ắt sẽ tự mình làm, khiến người làm, thân còn sống mà đã hãm trong địa ngục A Tỳ mất rồi. Từ năm mười bốn, mười lăm tuổi về sau, bệnh nặng nhiều năm. Từ đấy chiêm nghiệm khắp xưa nay, xem kỹ Kinh sách, mới hay những thuyết do Hàn, Âu, Trình, Chu lập đó đều là những tri kiến quẩn quanh ngoài cửa ngõ, tuyệt chẳng đạt đến những sự huyền ảo trong nhà.

Nhược quan¹ được một năm, tôi liền xuất gia làm Tăng, chuyên tu Tịnh Nghiệp. Thề trọn một đời này làm một kẻ tự tu, không lập môn đình, rộng thu đồ chúng đến nỗi con cháu đời sau làm Phật pháp bại hoại, kéo cả Ấn Quang tôi vào trong địa ngục A Tỳ chịu khổ với họ. Đến năm Quang Tự 19 (Quý Tỵ - 1893), hòa thượng Hóa Văn chùa Pháp Vũ ở Phổ Đà Sơn lên Kinh đô thỉnh Đại Tạng Kinh, nhờ tôi coi sóc việc ấn loát. Xong việc, Hòa Thượng mời tôi cùng về núi. Biết tôi không thích tham gia Tăng sự, Ngài cho tôi ở riêng một liêu, tùy ý tu trì. Đến nay đã hơn ba mươi năm rồi. Ở núi lâu ngày, có việc phải dùng đến bút mực viết lách, tuyệt chẳng dùng đến tên gọi Ấn Quang. Ngay cả những văn tự cần phải ký tên, cũng chỉ tùy tiện viết hai chữ là xong. Vì thế trong hai mươi năm qua, không có người khách nào đến thăm, cũng không có thư từ qua lại làm phiền.

Năm đầu Dân Quốc (1911), cư sĩ Cao Hạc Niên đem mấy thiên văn cáo đăng trên Phật Học Tùng Báo, chẳng dám dùng tên Ấn Quang, mà dùng tên Ấn Quang thường tự xưng là Thường Tâm Quý Tăng. Vì thế, ký tên là Thường Tâm. Cư sĩ Từ Uất Như và Châu Mạnh Do tưởng lầm là Kiến Thường, nghe nói [lầm như vậy] cả ba bốn năm không hề biết. Sau Mạnh Do lên núi bái yết, xin quy y, đem mấy thiên bản cáo tặc hại gởi cho Uất Như, đưa in ở Kinh đô, đặt tên là Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao khiến cho văn tôi gai mắt khắp mọi người cao nhả nên càng thêm hổ thẹn.

Năm Dân Quốc thứ bảy, thứ tám (1918-1919), họ lại lôi ra thêm mấy thiên nữa, soạn thành sách Tục Biên, in chung với cuốn Sơ Biên. Năm Dân Quốc thứ chín, giao cho Thượng Hải Thương Vụ Ấn Thư Quán sắp chữ thành hai cuốn để làm bản lưu. Mùa Xuân

¹ **Nhược quan:** là 20 tuổi. Thời cổ, con trai đến 20 tuổi làm lễ đội mũ (nhược quan), công nhận là một người trưởng thành. Theo Ấn Quang Niên Phổ, đại sư trốn nhà đi xuất gia năm 21 tuổi, vào năm Quang Tự thứ 7 (Tân Tỵ - 1881) tại chùa Nam Ngũ Đài Liên Hoa Động Tự ở núi Chung Nam, thờ hòa thượng Đạo Thuần làm thầy.

năm Dân Quốc thứ 10, sách in xong. Quang tôi lại qua Dương Châu, đem bản sắp chữ năm Dân Quốc thứ 9 khắc thành một bản, chia làm bốn cuốn. Năm Dân Quốc thứ 11, lại giao cho Thương Vụ Ấn Thư Quán in thành bốn cuốn. Khi ấy, các cư sĩ chỉ yêu cầu in hai vạn bộ, nhưng đến khi Thương Vụ Ấn Thư Quán in xong, gởi ra bán, số ấy vẫn chẳng đủ!

Mùa Đông năm Dân Quốc thứ 14 (1925), lại giao cho Trung Hoa Thư Cục in bản tăng quảng (bản mở rộng – do thêm vào những bài mới), cũng chia thành bốn cuốn, dày hơn lần in trước một trăm tờ. Mùa Hạ năm nay in sách, do phong trào công nhân đấu tranh, giá in rất cao, chỉ in được hai ngàn bản. Bản gốc đã đem đánh máy ra thành bốn bản sao thì nhà in giữ lại hai bản, trả về cho Quang hai bản. Tôi bèn giao cho Hàng Châu Chiết Giang Ấn Loát Công Ty in trước một vạn bản, sau đó sẽ in tiếp.

Một nhân duyên tình cờ nữa là cư sĩ Viên Tịnh Lý Vinh Tường trong mấy năm qua, chuyên tâm học Phật, đối với luận Khởi Tín, Kinh Lăng Nghiêm, Kinh Viên Giác đều viết sớ giải. Quang bảo: *“Người thanh niên nên thiết thực dụng công niệm Phật trước đã, đến khi nghiệp tiêu trí rạng, chương tận, phước dày rồi sẽ lại phát huy, tự có thể xiển minh Phật ý truyền khắp vũ trụ”*. Khi ấy, ông Lý không chịu là đúng. Sau vì dụng tâm quá độ, tinh thần, thân thể mỗi ngày một suy, mới hay lời tôi nói chẳng sai. Ông bèn đọc kỹ Văn Sao, hoan hỷ khôn xiết nên trích lục những nghĩa trọng yếu, chia thành từng môn, từng loại, soạn thành một cuốn, tính dùng giấy in báo in một ngàn cuốn để đáp ứng nhu cầu cần đọc ngay của độc giả. Tháng Năm, ông đến thưa chuyện cùng Quang, rồi cùng vợ thọ quy y. Tháng Tám sách in ra, chẳng lâu sau sách được thịnh hành. Thư yêu cầu nườm nượp gởi tới, tôi bèn bảo giám ngục Tào Hà Kinh sắp đặt việc in sách. Cư sĩ Trần Địch Châu xin đảm nhiệm việc trình

bày, cũng như chịu phí tổn đánh máy bốn bản sao. Ông lại chịu tiền in hai ngàn bản, một lúc bỏ ra gần hai vạn.

Với xuất xứ của mỗi câu trong bản này, thuộc quyển nào, trang nào, ông Lý đều ghi kỹ để người đọc có thể đối chiếu với quyển Văn Sao. Do chỉ chép lấy những nghĩa trọng yếu trong các bài văn, xếp vào một loại nên trong mỗi thể loại, ý nghĩa [từng đoạn trích] khá giống nhau, nhưng tôi không lược bớt đi, ngõ hầu người đọc được khuyên đi, khuyên lại nhiều lần sẽ đoạn ngay được lòng nghi, phát sanh lòng tin. Xuất xứ từ quyển nào, trang số mấy đều dựa theo cách đánh số trong bản Tăng Quảng Văn Sao để làm bản lưu thông vĩnh viễn, sau này không phải in lại nữa.

Lại vì Văn Sao ý nhiều, nghĩa lắm, có lẽ người sơ cơ khó lòng phân biệt, hiểu rõ dễ dàng được, nên tôi thuận theo cơ nghi, muốn cho họ trước hết thấy được những điều trọng yếu của pháp môn, từ đây sẽ thiết thực tấn tu, tự đạt đến chỗ cùng cực, khỏi phải đến nỗi nhìn biển than dài hoặc đến nỗi lui sụt. Nhân đây, chép cả mục lục cuốn Văn Sao Tuyền Độc Biên vào sau mục lục cuốn Gia Ngôn Lục để người chưa từng nghiên cứu Phật học dễ theo dõi. Tôi trình bày duyên do như thế để mong người đọc đều biết rõ.

Nguyện người thấy, người nghe đừng cho lời tôi nói là tầm thường, quê mùa rồi bỏ qua, chỉ toan cầu lấy điều cao thâm, huyền diệu. Đạo của Nghiêu Thuấn chỉ là Hiếu Đễ mà thôi. Đạo của Như Lai chỉ là Giới – Định – Tuệ. Thực hành được việc tầm thường, quê mùa, hành đến cùng cực thì lý cao thâm huyền diệu há còn phải cầu nơi nào khác nữa ư? Nếu không, thì chỉ cao thâm huyền diệu nơi đâu môi chót lưỡi, khi sanh tử xảy đến chẳng dùng được mấy may. Xin độc giả hãy lưu tâm.

Mồng Tám tháng Chạp năm Đinh Mão, Dân Quốc 16 (1927)

Cổ Tân Thường Tàm Quý Tăng Thích Án Quang căn soạn

PHẦN 1

I. TỊNH ĐỘ THÙ THẮNG

❖ Lớn lao thay! Điều được pháp môn Tịnh Độ chỉ dạy là “*tâm này làm Phật, tâm này là Phật*”, chỉ thắng tâm người. Nếu vẫn cho là kém kỳ lạ, đặc biệt thì mỗi niệm niệm-Phật chính là thành Phật ngay trong niệm ấy. Độ khắp ba căn, thông nhiếp Thiên, Luật, Giáo. Như mưa đúng thời nhuần thấm vạn vật; giống như biển cả dung nạp trăm sông.

Tất cả pháp Thiên, Viên, Đốn, Tiệm, không pháp nào không phát xuất từ pháp giới này. Hết thủy hạnh Đại, Tiểu, Quyền, Thiết, không hạnh nào không quy về nơi pháp giới này. Chẳng đoạn Hoặc nghiệp, liền được dự vào hàng Bồ Xứ, viên mãn Bồ Đề ngay trong một đời này. Chúng sanh trong cửu giới là môn này thì trên không thể viên thành Phật đạo. Mười phương chư Phật bỏ pháp môn này thì dưới chẳng thể lợi khắp quần sanh. Bởi thế, trọn Hoa Nghiêm hải chúng cùng tuân theo mười đại nguyện vương, Pháp Hoa vừa xưng một tiếng liền chứng Thật Tướng các pháp.

[Tịnh Độ là] hạnh phương tiện tối thắng nên trong Khởi Tín Luận, ngài Mã Minh bảo là dễ hành mau đến; ngài Long Thọ xiển dương pháp này trong Tỳ Bà Sa Luận. Hậu thân của đức Thích Ca là ngài Trí Giả nói ra Thập Nghi Luận chuyên chỉ Tây Phương. Sư Vĩnh Minh là Phật Di Đà thị hiện, soạn Tứ Liệu Giản, chung thân niệm Phật, dẫn tam thừa ngũ tánh cùng chứng Chân Thường, đưa thượng Thánh hạ phàm cùng lên bờ kia.

Vì thế pháp môn này cả cửu giới cùng hướng về, mười phương cùng khen ngợi, ngàn Kinh cùng xiển dương, vạn luận đều tuyên

thuyết. Thật có thể nói là pháp cực đàm của một đời giáo hóa [của Đức Phật], là đại giáo Nhất Thừa vô thượng. Không trông cội đức thì trải bao kiếp khó mà gặp được. Đã được thấy nghe thì phải siêng tu tập.

❖ Giáo, Lý, Hạnh, Quả là cương tông của Phật pháp. Nhớ Phật, niệm Phật thật là đường tắt để đắc đạo. Thời xưa, cứ tu một pháp thì cả bốn [Giáo, Lý, Hạnh, Quả] đều đủ. Còn đời này, nếu bỏ Tịnh Độ thì hoàn toàn không chứng được đạo quả. Đó là vì cách biệt Thánh đã xa, căn tánh con người thấp kém, nếu không cậy vào Phật lực, nhất quyết khó được giải thoát.

Như đã nói, pháp môn Tịnh Độ nhiếp khắp căn cơ thượng, trung, hạ; cao trội hơn Luật, Giáo, Thiền Tông, thật là lòng từ bi triệt để của chư Phật, chỉ bày thể tánh sẵn có của chúng sanh, dẫn tam thừa ngũ tánh đồng quy cội Tịnh, đưa thượng Thánh hạ phàm cùng chứng Chân Thường. Cửu giới chúng sanh lia pháp này thì trên chẳng thể viên thành Phật đạo. Mười phương chư Phật bỏ pháp môn này thì dưới không thể lợi khắp quần sanh.

Thế nên, vãng Thánh tiền Hiền ai ai cũng hướng về. Ngàn Kinh vạn luận đâu đâu cũng chỉ quy. Từ sau hội Hoa Nghiêm dẫn khởi quy hướng, các đại Bồ Tát tận khắp mười phương thế giới không vị nào lại không cầu sanh Tịnh Độ. Kể từ khi diễn thuyết tại Kỳ Viên đến nay, tất cả các “trước thuật” của Tây Thiên, Đông Độ, sau cùng đều quy kết Liên Bang.

❖ Cổ nhân nói: “*Thân người khó được, trung quốc¹ khó sanh, Phật pháp khó nghe, sanh tử khó xong*”. Chúng ta may mắn được thân người, sanh ở trung quốc, được nghe Phật pháp. Điều bất hạnh là tự

¹ **Trung quốc:** ở chính giữa đất nước, hoặc những vùng văn minh, không sanh nơi vùng biên cương, hoang sơ.

thẹn nghiệp chướng sâu nặng, không sức đoạn Hoặc để mau thoát khỏi Tam Giới, liễu sanh thoát tử; nhưng lại may mắn được nghe đức Như Lai của ta tâm bi triệt để nói ra pháp môn Tịnh Độ là pháp đại quyền xảo, phương tiện lạ lùng, khiến hàng phàm phu lè tè sát đất được đỏi nghiệp vãng sanh, thật không còn gì may mắn hơn nữa. Nếu không phải là từ vô lượng kiếp đến nay đã trồng thiện căn sâu dày, làm sao nghe được pháp chẳng thể nghĩ bàn này? Không nên gấp sanh lòng tin chân thành, phát nguyện cầu sanh ư?

❖ Trộm nghe Tịnh Độ chính là pháp tỏ bày rốt ráo bốn hoài của Phật, cao vượt tất cả Thiên, Giáo, Luật; thống nhiếp toàn bộ Thiên, Giáo, Luật. Nói gọn thì một lời, một câu, một kệ, một sách đều có thể gồm trọn không còn sót. Nói rộng ra, dù huyền ngôn của Tam Tạng mười hai bộ Kinh, diệu nghĩa của chư Tổ năm tông cũng chẳng thể diễn giảng trọn [pháp môn Tịnh Độ này].

Giả sử khắp cả đại địa chúng sanh đều thành Chánh Giác, hiện tướng lưỡi rộng dài, dùng sức thần thông, sức trí tuệ, vi trần nói, cõi nước nói, nói hăm hở, nói không gián đoạn, vẫn còn chưa thể tận nổi. Bởi lẽ Tịnh Độ vốn là chẳng thể nghĩ bàn.

Hãy thử nghĩ xem, Hoa Nghiêm đại Kinh là vua trong Tam Tạng, trong phẩm cuối cùng quy trọng nơi Nguyên Vương. Áo diễn Pháp Hoa màu nhiệm đứng đầu các Kinh, nghe Kinh liền vãng sanh, địa vị ngang với Đẳng Giác. Vậy thì ngàn Kinh muôn Luận đâu đâu cũng đều chỉ quy Tịnh Độ là có nguyên do vậy.

Văn Thù phát nguyện, Phổ Hiền khuyến khích. Trong hội Đại Tập, Đức Như Lai thọ ký rằng: “*Trong đời Mạt Pháp, không do pháp này thì không thể đắc độ*”. Trong luận Tỳ Bà Sa, ngài Long Thọ phán định là pháp dễ hành, mau thoát sanh tử. Thế nên, vãng Thánh tiền Hiền người người hướng đến, nào phải phí công toi. Thật có thể nói là cả một đời giáo hóa đều chỉ là để đặt cơ sở cho pháp môn Niệm Phật.

Không phải chỉ có vậy. Phàm tất cả cảnh giới đối ứng sáu căn – tức là: núi, sông, đại địa, sáng, tối, sắc, không, thấy, nghe, hay, biết, thanh, hương, vị, v.v. – không gì không phải là văn tự để phô diễn, xiển dương Tịnh Độ đó sao? Lạnh - nóng đắp đổi, già - bệnh chen nhau, lụt, hạn, chiến tranh, tật dịch, bạo ma, tà kiến, không gì không phải là để nhắc cảnh tỉnh con người mau cầu sanh Tịnh Độ đó ư? Nói rộng ra há có thể trọn hết được sao?

Còn như bảo “*một lời đã gộp hết cả*” thì lời đó là “Tịnh”. Tịnh đến cùng cực thì sáng tỏ, thông suốt. Nếu chưa đạt Diệu Giác thì có dễ đảm đương nổi một lời này ư? Nghiên cứu bài tụng Lục Tức Thành Phật¹ thì sẽ biết.

“*Một câu*” là “Tín, Nguyện, Hạnh”. Với Tín, Nguyện, Hạnh thì không Tín chẳng đủ để khởi Nguyện. Không Nguyện thì chẳng đủ để dẫn dắt Hạnh. Không có diệu hạnh Trì Danh thì chẳng đủ để viên mãn điều mình Nguyện, chứng điều mình Tín. Tất cả Kinh Luận Tịnh Độ đều hiển bày rõ ràng ý chỉ này.

“*Một kệ*” là kệ tán Phật², nêu chánh báo để gồm thâu y báo, thuật Hóa Chủ để bao gồm đồ chúng; tuy chỉ gồm tám câu nhưng đã nêu trọn đại cương của cả ba Kinh Tịnh Độ.

“*Một sách*” là Tịnh Độ Thập Yếu. Chữ chữ đều là bến cầu³ cho đời Mạt Pháp. Lời lời đều là gương báu của Liên Tông. Buốt lòng trào lệ, phanh tim vấy máu, xứng tánh phát huy, chỉ bày cốt tủy. Dù dùng những thí dụ như cứu người chết đuối, cứu người bị lửa cháy

¹ **Lục tức thành Phật:** Lục tức là xứng lý, danh tự, tương tự, phần chứng, cứu cánh, quán hạnh. Tức là thành Phật đi từ mặt lý đến thực chứng. Chẳng hạn như: Xứng lý tức thành Phật, nghĩa là chúng sanh ai cũng sẵn Phật tánh, nên về mặt lý, chúng sanh đều là Phật. Khi nhận hiểu rằng ai cũng có Phật tánh, tin chắc không nghi nhưng chưa đoạn được phiền não, chưa chứng đạo quả, thì chỉ là danh tự tức thành Phật. Khi khởi công tu tập, đoạn dần phiền não thì gọi là quán hạnh tức thành Phật...

² Tức là kệ tán Phật A Di Đà: A Di Đà Phật thân kim sắc....

³ Nguyên văn là “tân lương” (bến và cầu).

vẫn chẳng thể diễn tả lòng thông thiết [của chư Tổ] được. Bỏ qua [sách này] thì chánh tín không do đâu mà sanh được, tà kiến không do đâu mà diệt được.

❖ Nên biết rằng chúng ta từ vô thủy đến nay đã tạo ác nghiệp vô lượng, vô biên. Kinh Hoa Nghiêm dạy: “*Giả sử ác nghiệp có thể tương thì mười phương hư không chẳng thể chứa đựng nổi*”. Lẽ đâu tu trì lơ mơ, hời hợt, lại tiêu nổi được nghiệp u? Bởi vậy, Thích Ca, Di Đà, giáo chủ hai cõi đau xót nghĩ đến chúng sanh không sức đoạn Hoặc, riêng mở ra một pháp môn nương vào từ lực của Phật để đối nghiệp vãng sanh. Lòng hoằng từ đại bi ấy dù trời đất, cha mẹ cũng không thể bằng được một phần cát sông Hằng. Chỉ nên phát lòng hổ thẹn, phát tâm sám hối mới tự có thể được Phật gia bị, nghiệp tiêu, thân an mà thôi.

❖ Hòa Thượng Thiện Đạo nói: “*Nếu muốn học về Giải thì tất cả các pháp từ địa vị phàm phu cho đến địa vị Phật, không pháp nào mà không nên học. Nếu muốn học về Hạnh, nên chọn lấy một pháp kệ lý, kệ cơ, chuyên tinh tấn sức mới mau chứng được lợi ích chân thật. Nếu không, thì từ kiếp này qua kiếp nọ vẫn khó xuất ly*”. Pháp kệ lý, kệ cơ Ngài nói đó không gì hơn là Tín – Nguyện – Trì Danh Cầu Sanh Tây Phương.

❖ Kinh A Di Đà, Kinh Vô Lượng Thọ, Kinh Quán Vô Lượng Thọ gọi là “Tịnh Độ Tam Kinh”, chuyên luận về sự lý duyên khởi của Tịnh Độ. Các Kinh Đại Thừa khác đều nói kèm về Tịnh Độ. Nhưng Kinh Hoa Nghiêm chính là khi Đức Như Lai mới thành Chánh Giác, vì bốn mươi một địa vị Pháp Thân Đại Sĩ mà xưng tánh giảng thẳng diệu pháp Nhất Thừa. Cuối Kinh, Thiện Tài đi tham học khắp các thiện tri thức. Sau khi chứng ngộ như chư Phật, Thiện Tài

đồng tử được Phổ Hiền Bồ Tát giảng cho nghe mười Đại Nguyên Vương. Ngài dạy Thiện Tài và khắp Hoa Nghiêm hải chúng hồi hướng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, ngõ hầu được viên mãn Phật quả.

Trong Quán Kinh, phần nói về Hạ Phẩm Hạ Sanh, người ngu nghịch, thập ác đủ các điều bất thiện, lúc lâm chung tướng địa ngục hiện, có thiện tri thức dạy cho niệm Phật. Người ấy liền vâng lời dạy, xưng niệm Phật danh, chưa đầy mười tiếng liền thấy hóa thân Phật đưa tay tiếp dẫn vãng sanh.

Kinh Đại Tập dạy: *“Đời Mạt Pháp ực ực người tu hành, hiếm có một người đắc đạo. Chỉ có nương vào Niệm Phật mới thoát khỏi sanh tử”*. Do vậy, ta biết rằng pháp Niệm Phật là đạo dễ thượng Thánh, hạ phàm cùng tu, là pháp dù trí hay ngu đều hành được. Hạ thủ dễ, thành công cao, dùng sức ít nhưng được hiệu quả nhanh. Do chuyên cậy vào Phật lực nên lợi ích thù thắng, vượt trội những giáo pháp thông thường. Người xưa nói: *“Các môn khác học đạo như kiến bò lên núi cao. Niệm Phật vãng sanh như căng buồm thuận gió, nước xuôi”*, thật rất khéo hình dung vậy.

❖ Đại Giác Thế Tôn thương các chúng sanh mê trái tự tâm, luân hồi lục đạo, trải bao kiếp dài lâu chưa thể thoát ra. Do vậy, Ngài hưng khởi Vô Duyên Từ, vận lòng Bi Đồng Thể, thị hiện sanh trong thế gian, thành Đẳng Chánh Giác, tùy thuận cơ nghi nói rộng các pháp. Nói đại cương, gồm có năm tông. Năm tông gì? Là Luật, là Giáo, là Thiền, là Mật, là Tịnh.

Luật là thân Phật, Giáo là lời Phật, Thiền là tâm Phật. Sở dĩ Phật được gọi là Phật chỉ là do ba pháp này mà thôi. Sở dĩ đức Phật độ sanh cũng chỉ là do ba pháp này. Nếu chúng sanh thật sự có thể nương theo Luật, Giáo, Thiền mà tu trì, thì ba nghiệp của chúng sanh

sẽ chuyển thành ba nghiệp của chư Phật. Ba nghiệp đã chuyển thì phiền não chính là Bồ Đề, sanh tử chính là Niết Bàn.

Lại sợ túc nghiệp sâu nặng không thể dễ chuyển nên dùng sức Đà-la-ni Tam Mật gia trì để hun đúc. Hoặc lại sợ rằng căn khí kém cỏi, chưa được giải thoát, phải thọ sanh lần nữa sẽ khó tránh khỏi mê lầm, vì thế đặc biệt mở ra một môn Tín – Nguyện – Niệm Phật Cầu Sanh Tịnh Độ, ngõ hầu dù Thánh hay phàm đều cùng vãng sanh Tây Phương ngay trong đời này. Thánh thì mau chứng Vô Thượng Bồ Đề, phàm thì vĩnh viễn thoát khỏi sanh tử trói buộc. Do dựa vào từ lực của Phật nên công đức, lợi ích không thể nghĩ bàn.

Nên biết rằng, Luật là nền tảng của Giáo, Thiền, Tịnh, Mật. Nếu chẳng nghiêm trì giới cấm, sẽ không thể đạt được lợi ích chân thật nơi Giáo, Thiền, Tịnh, Mật. Như lầu cao vạm vỡ, nếu nền móng không vững thì chưa cất xong đã sụp. Tịnh là chỗ quy túc của Giáo, Thiền, Mật; như trăm sông, vạn dòng đều đổ vào biển cả.

Bởi lẽ, pháp môn Tịnh Độ là pháp môn để mười phương chư Phật trên thành Phật đạo, dưới độ chúng sanh; thành thủy, thành chung. Vì thế trong phẩm “Nhập Pháp Giới” của Kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài được ngài Phổ Hiền gia bị, khai thị, chứng được Đăng Giác. Đức Phổ Hiền lại khuyên Thiện Tài nên phát mười Đại Nguyện Vương, hồi hướng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, ngõ hầu mau viên mãn Phật Quả. Ngài lại dùng pháp này phổ khuyến toàn bộ Hoa Tạng đại chúng.

Trong Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh, phần nói về Hạ Phẩm Hạ Sanh, người ngũ nghịch thập ác, sắp đọa địa ngục A Tỳ, được thiện tri thức dạy cho niệm Phật, niệm mười tiếng hoặc chỉ niệm mấy tiếng là mạng chung, cũng vẫn được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương.

Xem đó thì trên từ bậc Đăng Giác Bồ Tát không thể ra khỏi pháp này; dưới đến người tội ngũ nghịch, thập ác cũng có thể chứng nhập

pháp này. Công đức, lợi ích của pháp môn này vượt trội hơn [các giáo pháp khác trong] cả một đời giáo hóa của Đức Phật. Bởi lẽ, các giáo pháp khác toàn dạy dùng tự lực để thoát ly sanh tử. Người chưa đoạn Hoặc, nương vào từ lực của Phật liền có thể đởi nghiệp vãng sanh. Người đã đoạn Hoặc nếu nương theo từ lực của Phật sẽ chóng chứng được phẩm vị cao.

Vì thế, đây là một pháp môn đặc biệt nhất trong cả một đời giáo hóa của Đức Phật, chẳng thể dùng những giáo pháp thông thường để bàn luận pháp này được. Do đó, các Kinh Đại Thừa như Kinh Hoa Nghiêm, Pháp Hoa v.v., các đại Bồ Tát như Văn Thù, Phổ Hiền,... các đại Tổ sư như Long Thọ, Mã Minh,... đều hiển thị, xiển dương, khen ngợi, chỉ dạy, phổ khuyến vãng sanh.

❖ Đức Di Đà, Đức Thích Ca trong những kiếp xưa, phát đại thệ nguyện độ thoát chúng sanh. Vị này thì thị hiện sanh trong uế độ, dùng nhơ, dùng khổ chiết phục, hòng đưa chúng sanh đi. Vị kia thì an cư Tịnh Độ, dùng tịnh, dùng vui nhiếp thọ để lôi kéo, uôn nắn.

Ông chỉ thấy ngu phu, ngu phụ cũng niệm Phật được bèn coi thường Tịnh Độ; sao chẳng thấy trong phẩm “Nhập Pháp Giới” của Kinh Hoa Nghiêm, sau khi Thiện Tài đã chứng ngộ ngang với chư Phật thì Phổ Hiền Bồ Tát bèn chỉ dạy phát khởi mười Đại Nguyên Vương, hồi hướng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, hòng viên mãn Phật Quả? Huống hồ Bồ Tát còn đem pháp này khuyến khắp cả Hoa Tạng Hải Chúng nữa. Hoa Tạng Hải Chúng không một ai là phàm phu, nhị Thừa, mà toàn là Pháp Thân Đại Sĩ thuộc bốn mươi một địa vị, cùng phá vô minh, cùng chứng pháp tánh, đều có thể do bốn nguyện hiện làm Phật trong thế giới không có Phật.

Hơn nữa, trong biển Hoa Tạng, Tịnh độ vô lượng, nhưng ai nấy đều hồi hướng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đủ biết là vãng sanh Cực Lạc chính là huyền môn để thoát khổ, là đường tắt để

thành Phật. Vì thế, từ xưa tới nay, trong tất cả tông lâm Thiền, Giáo, Luật, không đâu không sớm chiều trì danh hiệu Phật cầu sanh Tây Phương vậy.

❖ Tất cả chúng sanh vốn sẵn có trí tuệ, đức tướng Như Lai. Chỉ do không nhận ra Chân, chạy theo Vọng, quay lưng với Giác, xuôi theo trần lao, nên toàn thể chuyển thành phiền não, ác nghiệp. Vì thế phải trải bao kiếp dài lâu, luân hồi sanh tử. Như Lai thương xót giảng ra các pháp khiến họ bỏ Vọng, quy Chân, ngoảnh mặt với trần lao, xuôi theo Giác Ngộ, khiến cho toàn thể phiền não ác nghiệp lại trở thành trí tuệ, đức tướng. Từ đây cho đến tột cùng đời vị lai, an trụ trong cõi Thường Tịch Quang. Khác nào nước đóng thành băng, băng lại tan thành nước, thể vốn không khác, nhưng công dụng thật khác nhau một trời một vực.

Nhưng căn cơ chúng sanh có tiểu, có đại, có mê, có cạn, có sâu; Phật tùy thuận cơ nghi của mỗi người khiến ai nấy đều được lợi ích. Pháp môn Ngài nói ra mệnh mông như Hằng sa, nhưng cầu lấy pháp chí viên, chí đốn; tối diệu, tối huyền; hạ thủ dễ, thành công cao, dùng sức ít được hiệu quả nhanh; độ khắp ba căn, thống nhiếp các pháp, thượng Thánh hạ phàm cùng chung tu, đại cơ cùng tiểu căn đều lãnh thọ được; thì không gì thù thắng, siêu tuyệt bằng pháp môn Tịnh Độ.

Vì sao nói thế? Tất cả pháp môn tuy đốn - tiệm khác nhau, quyền - thật đều khác, nhưng đều phải dụng công tu tập sâu xa mới hòng đoạn Hoặc, chứng Chân, xuất ly sanh tử, siêu phàm nhập Thánh. Đó gọi là cậy vào tự lực, không nương dựa vào điều gì khác cả. Nếu như còn chút Hoặc chưa tận thì vẫn bị luân hồi như cũ. Đấy đều là các pháp phải thấu đạt lý rất sâu, chẳng dễ tu tập. Nếu không phải sẵn có linh căn từ trước, đời này thật khó lòng chứng nhập.

Chỉ có riêng pháp môn Tịnh Độ, chẳng luận là phú quý hay bần tiện, già, trẻ, gái, trai, trí, ngu, tăng, tục, sĩ, nông, công, thương; mọi

dạng người đều tu tập được là do đại bi nguyện lực của đức A Di Đà Phật nhiếp thủ chúng sanh khổ não cõi Ta Bà. Vì thế, so với các pháp môn khác, tu Tịnh Độ đặc quả dễ dàng hơn.

❖ Một niệm tâm tánh của chúng sanh và Phật không hai. Tuy [chúng sanh] còn mê, chưa Giác, khởi Hoặc tạo nghiệp, gây đủ các tội, [nhưng] Phật tánh sẵn có vẫn không bị tổn thất. Ví như bảo châu ma-ni vớt ở nhà xí, sánh cùng phân ối trộn chẳng khác gì. Người ngu không biết là báu, coi hệt như phân ối. Người trí biết là diệu bảo vô giá, không hiềm ô ối, vào trong nhà xí nhặt lên, dùng đủ mọi cách gột rửa cho sạch. Sau đó treo lên tràng cao, liền phóng đại quang minh, tùy lòng người muốn gì đều tuôn khắp các thứ báu. Do thế, người ngu mới biết là quý báu.

Đại Giác Thế Tôn thấy các chúng sanh cũng giống như vậy, mê muội, điên đảo, phiền não, gây đủ ngũ nghịch, thập ác, vĩnh viễn đọa trong đường ác Tam Đồ. Phật không hề có tâm niệm vớt bỏ [chúng sanh], luôn tìm kiếm cơ duyên – hiển nhiên hoặc ngầm gia bị – vì họ thuyết pháp, mong họ giữ sạch Hoặc nghiệp huyễn vọng, ngộ Phật tánh Chân Thường, mãi cho đến khi viên chứng Vô Thượng Bồ Đề mới thôi. Đối với người tội tà đình, ác cùng cực cũng vẫn như vậy; với người tội nghiệp ít; với người đủ cả giới, thiện; tu thiền định sâu; không một ai lại không [được Phật hóa độ] như vậy.

Phàm là trong Tam Giới, người nhiếp được tâm, chế ngự được các phiền Hoặc, nhưng còn chấp thân, tình chũng vẫn còn; một khi phước báo hết, sanh xuống cõi dưới; gặp cảnh, đụng duyên, lại khởi Hoặc tạo nghiệp. Do nghiệp cảm khổ, luân hồi Lục Đạo không lúc nào xong. Vì thế Kinh Pháp Hoa bảo: *“Ba cõi không an, giống như nhà cháy. Các khổ đầy đầy, thật đáng sợ hãi”*. Nếu không phải là người nghiệp tận, tình không, đoạn Hoặc chứng Chân thì chẳng có hy vọng thoát khỏi tam giới.

Nay chỉ có mỗi pháp môn Tịnh Độ, cốt sao lòng Tin chân thành, Nguyên thiết tha, Trì danh hiệu Phật, liền có thể nương Phật Từ lực vãng sanh Tây Phương. Đã được vãng sanh liền nhập cảnh giới Phật, thọ dụng như Phật; phàm tình, Thánh kiến thứ gì cũng chẳng sanh. Thật là ngàn phần ổn thỏa, vạn phần thích đáng, là pháp môn vạn phần không thể bỏ sót vậy. Nay đang lúc Mạt Pháp, bỏ pháp môn này thì không còn có cách nào khác cả.

❖ Phật quang chính là trí tuệ có sẵn ngay trong tâm của phàm, Thánh – chúng sanh và Phật trong mười pháp giới. Tâm ấy thể lộ quang minh chiếu suốt, trập tịch, thường hằng, bất sanh, bất diệt, vô thủy, vô chung; theo chiều dọc tột cùng ba đời, nhưng ba đời bởi đó mà mất hết; theo chiều ngang trọn khắp mười phương, nhưng mười phương bởi đó tiêu sạch. Nếu bảo là Không thì vạn đức cùng hiển bày trọn vẹn. Nếu bảo là Có thì một trần chẳng lập. Chính là tất cả pháp nhưng lìa mọi tướng. Tại phàm không giảm, nơi Thánh không tăng. Dù có Ngũ Nhân cũng không thấy được, có Tứ Biện Tài cũng chẳng diễn tả được; nhưng pháp nào cũng phải nương vào sức nó, chỗ nào cũng gặp nó cả.

Nhưng do chúng sanh chưa triệt ngộ nên không những không thọ dụng được, trái lại còn dùng sức chẳng thể nghĩ bàn ấy để khởi Hoặc tạo nghiệp, do nghiệp cảm khổ, đến nỗi sanh tử luân hồi không lúc nào xong. Dùng chân tâm thường trụ để thọ nhận huyễn báo sanh diệt. Ví như đang say thấy nhà cửa quay cuồng – nhà thật sự không quay. Mê rồi bảo là phương vị di chuyển – phương vị thật sự chẳng dời động. Toàn là do vọng nghiệp hóa hiện, trọn không có pháp nào để được. Vì thế, Thích Ca Thế Tôn thị hiện thành Phật đạo, lúc Ngài chứng ngộ triệt để Phật quang bèn vui mừng rằng: *“Lạ thay! lạ thay! Tất cả chúng sanh đều có đủ Như Lai trí tuệ, đức tướng. Chỉ do vọng tưởng, chấp trước nên không thể chứng đắc. Nếu lìa được*

vọng tướng thì Nhất Thiết Trí, Tự Nhiên Trí, Vô Ngại Trí sẽ được hiện tiền”.

Kinh Lăng Nghiêm nói: “Diệu tánh viên minh là các danh tướng, vốn không có thế giới, chúng sanh. Do vọng mà có sanh, do sanh nên có diệt. Sanh, diệt gọi là Vọng. Diệt vọng gọi là Chân. Đây gọi là Như Lai Vô Thượng Bồ Đề hay Đại Niết Bàn, hai danh hiệu sử dụng lẫn nhau”.

Ngài Bàn Sơn nói: “Riêng một vàng trắng tâm tròn đầy, ánh sáng bao trùm muôn vật. Ánh sáng không chiếu cảnh, cảnh cũng chẳng còn. Tâm, cảnh cùng mất, còn lại vật gì?”¹

Ngài Quy Sơn nói: “Linh quang riêng chiếu, thoát khỏi căn trần. Thể lộ chân thường, chẳng phiền văn tự. Tâm tánh không nhiễm, vốn tự viên thành. Chỉ là vọng niệm, tức Như Như Phật”.

Do đó, biết rằng mọi ngôn giáo của Phật, Tổ, không lời nào không phải là nhằm chỉ bày tâm tánh sẵn có của chúng sanh, khiến họ bỏ mê quy ngộ, phản bản hoàn nguyên đó thôi. Nhưng chúng sanh căn cơ có sâu, cạn; mê có dày, mỏng; nếu không nhọc nhằn dùng mọi thứ ngôn giáo để khai thị, chỉ dẫn, dùng các thứ pháp môn để đối trị thì mỗi người nhờ đâu mới nhìn xuyên được mây mê che lấp tánh Không, thấy được vàng trắng tâm?

Bởi thế, lúc Như Lai mới thành đạo, trước hết ngài diễn giảng Đại Hoa Nghiêm, luận thẳng vào đại Pháp vượt ngoài cửu giới – không xen lẫn với pháp Quyền, Tiểu – để những hàng đại cơ, tức căn thành thực đều chứng Chân Thường, vượt lên bốn Giác. Lại vì độn căn chúng sanh chưa được hưởng lợi ích, Phật liền khéo dẫn dụ dần dần, tùy cơ diễn thuyết: hoặc dùng Ngũ Giới, Thập Thiện để nhiếp phục hai thừa Nhân, Thiên, khiến họ gieo nhân Phật đạo thù thắng; hoặc

¹ Nguyên bản Hán văn: 心月孤圓，光吞万象。光非照境，境亦不存。心境俱亡，復是何物 (Tâm nguyệt cô viên, quang thôn vạn tượng. Quang phi chiếu cảnh, cảnh diệt bất tồn. Tâm cảnh câu vong, phục thị hà vật).

dùng Tứ Đế, Thập Nhị Nhân Duyên, Lục Độ Vạn Hạnh nhiếp phục ba thừa Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, khiến họ chứng được cận duyên của Phật đạo.

Bắt đầu từ thời A Hàm cho đến thời Bát Nhã, không Kinh nào lại không tuyên thuyết thuận theo căn tánh của chúng sanh, khiến họ lần lượt tiến dần trên đường về nhà. Bốn hoài của Phật vẫn giữ kín chưa nói. Mãi đến thời Pháp Hoa, Phật mới khai Quyền hiển Thật, khai Tịch hiển Bồn¹; Nhân, Thiên, Quyền, Tiểu đều là Nhất Thừa; khách làm thuê thật là con ông trưởng giả; ba căn đều được thọ ký; diễn bày trọn vẹn bốn hoài xuất thế, cùng hội Hoa Nghiêm ban sơ, đầu cuối chiếu rọi lẫn nhau. Có thể nói là một đại sự nhân duyên đem giao phó trọn vẹn, không còn giấu diếm chút gì. Lại vì chúng sanh đời Mạt căn cơ thấp kém, thật không ai có thể đoạn Hoặc chứng Chân mà [Phật] đặc biệt mở ra một môn Tịnh Độ; để cho thượng, trung, hạ căn, dù phàm hay Thánh cùng lìa khỏi Ta Bà, sanh về Cực Lạc ngay trong đời này, chứng dần dần Vô Lượng Quang Thọ. Lòng thâm từ đại bi ấy thật là chí cực không còn gì hơn được.

❖ Phật pháp rộng sâu như biển cả. Kẻ phàm phu sát đất nào lại có thể một hơi hút sạch tận nguồn, cạn đáy được? Tuy nhiên, nếu có thể sanh tâm chánh tín, sẽ tự có thể tùy theo sức mình được hưởng lợi ích; Ví như Tu La, hương tượng và các loài muỗi mòng uống nước biển cả; loài nào, loài nấy uống no mới thôi. Đức Như Lai xuất thế tùy thuận chúng sanh thuyết pháp khiến mỗi loài được lợi ích cũng giống như thế. Chúng sanh đời Mạt nghiệp chướng sâu dày,

¹ **Khai Tịch hiển Bồn** : Bồn là bản thể, Tịch là hình tướng thị hiện. Ví như mặt trăng là Bồn, bóng trăng hiện trong các chỗ có nước là Tịch. Khai Tịch hiển Bồn là chỉ dạy về Pháp Thân, chỉ rõ Ứng Thân. Chẳng hạn trong hội Pháp Hoa, phẩm Như Lai Thọ Lượng, Đức Phật chỉ rõ thân thuyết pháp trong cõi Sa Bà, thọ tám mươi tuổi là ứng thân thị hiện để dẫn dụ chúng sanh về đạo Nhất Thừa, chứ pháp thân của Phật thường trụ bất hoại. Cũng như không riêng trong cõi Sa Bà, Phật còn thị hiện trong nhiều thế giới khác nhau, dùng nhiều danh hiệu khác nhau để hóa độ chúng sanh.

thiện căn cạn mỏng, tâm trí hẹp kém, thọ mạng ngắn ngủi. Đã thế, tri thức ít ỏi; ma tà, ngoại đạo tung hoành. Tu các pháp môn khác muốn ngay trong hiện đời đoạn Hoặc chứng Chân, liễu sanh thoát tử thật là một việc hy hữu cực khó.

Chỉ mỗi mình pháp Tịnh Độ chuyên cậy vào Phật lực. Thế nên không cần biết đến Đoạn, Chứng; chỉ trọng Tín, Nguyện. Nếu có đủ Tín, Nguyện, dù là hạng tội ác cực đại sắp đọa A Tỳ địa ngục vẫn có thể nương vào sức “mười niệm”, mau chóng được Phật Từ tiếp dẫn vãng sanh. Ôi! Như Lai đại từ phổ độ không bỏ sót một ai. Chỉ mình pháp này thật là tóm thâu trọn khắp.

❖ Pháp môn Niệm Phật nguyên lai ra sao? Do một niệm tâm tánh của chúng ta giống như hư không thường hằng, bất biến. Tuy thường chẳng biến, nhưng lại niệm niệm tùy duyên. Nếu không duyên theo Phật giới sẽ duyên theo cửu giới. Không duyên theo Tam Thừa sẽ duyên theo Lục Đạo. Không duyên theo Nhân, Thiên, ắt sẽ duyên theo Tam Đồ. Do duyên theo nhiễm - tịnh sai khác thành ra quả báo sướng - khổ khác xa.

Dù bản thể trọn chẳng biến đổi, nhưng Tướng và Dụng dĩ nhiên khác biệt một trời, một vực. Ví như hư không, mặt trời chiếu thì sáng, mây đùn thì tối. Tuy bản thể của hư không chẳng vì mặt trời hay mây mà tăng, giảm, nhưng tướng trạng hiện rõ hay ngán che cố nhiên không thể nói là cá mè một lứa. Do nghĩa này, Như Lai dạy mọi chúng sanh duyên niệm nơi Phật.

Vì thế mới nói: *“Nếu tâm chúng sanh nhớ Phật, niệm Phật thì hiện tại, tương lai nhất định thấy Phật, cách Phật chẳng xa”*.

Lại nói: *“Chư Phật Như Lai là thân pháp giới, nhập trong tâm tướng của tất cả chúng sanh. Vì thế, lúc tâm các ông tưởng Phật thì tâm ấy chính là ba mươi hai tướng, tám mươi tùy hình hảo. Tâm này*

làm Phật, tâm này là Phật. Biến Chánh Biến Tri của chư Phật từ tâm tưởng sanh”.

Hễ duyên theo Phật giới thì tâm này làm Phật, tâm này là Phật. Nếu duyên theo các giới chúng sanh thì tâm này làm chúng sanh, tâm này là chúng sanh. Đã hiểu vậy rồi mà vẫn không niệm Phật, thật là chuyện chưa từng có.

Một pháp Niệm Phật lấy vạn đức hồng danh của Như Lai làm duyên, mà vạn đức hồng danh ấy chính là Vô Thượng Đạo Giác do đức Như Lai đã chứng khi Ngài đắc quả. Do lấy Quả Địa Giác¹ làm Nhân Địa Tâm², cho nên Nhân trùm biển Quả, Quả thấu tột nguồn Nhân. Như người nhiễm hương, thân có mùi thơm; như tò vò nuôi nhện, lâu ngày hóa tò vò con³. Thành Phật ngay trong đời này, chuyển phàm thành Thánh; công năng, lực dụng của pháp này vượt xa tất cả các pháp môn khác trong cả một đời giáo hóa của Đức Phật. Bởi lẽ, các pháp môn khác đều cậy vào tự lực, phải đoạn Hoặc chứng Chân mới hồng liễu sanh thoát tử.

Pháp môn Niệm Phật đủ cả hai: tự lực và Phật lực. Do đó, người đã đoạn Hoặc nghiệp sẽ mau chứng Pháp Thân. Người đầy đầy Hoặc nghiệp thì đời nghiệp vãng sanh. Pháp này cực kỳ bình thường – dù là ngu phu, ngu phụ cũng được hưởng lợi ích – nhưng lại cực kỳ huyền diệu, dù là Đẳng Giác Bồ Tát cũng chẳng thoát khỏi phạm vi của pháp này. Vì thế, không một ai là không tu được. Hạ thủ dễ, thành công cao. Dùng sức ít, hiệu quả nhanh chóng. Thật là pháp môn đặc biệt trong cả một đời giáo hóa của Như Lai. Vì thế, không

¹ **Quả Địa Giác**: sự giác ngộ khi đã chứng quả

² **Nhân Địa Tâm**: cái tâm dùng để tu nhân

³ **Tò vò con**: Nguyên văn là “*minh linh*”, là một loại sâu cắn lúa. Dịch là nhện để thuận theo câu ca dao “Tò vò mà nuôi con nhện...”. Thật ra, tò vò bắt các loài sâu hay nhện, tiêm nọc cho chúng mê đi, nhưng vẫn sống, rồi bỏ vào ổ có chứa trứng tò vò con để làm mồi cho con. Ở đây, Tổ dùng ví dụ này để thuận theo cách hiểu của thế gian.

thể dùng những giáo lý thông thường để bình luận, phán đoán được. Mật Pháp chúng sanh phước mỏng, huệ cạn, chương dày, nghiệp sâu; không tu pháp này, toan cậy tự lực để đoạn Hoặc chứng Chân hòng liễu sanh tử thì thật là vạn nan, vạn nan.

❖ Kể từ Đại Giáo truyền sang Đông¹, Lô Sơn hưng khởi liên xã, một xướng trăm hòa, không đâu không thuận theo. Mà những vị có đại công làm rạng rỡ Tịnh tông thì đời Bắc Ngụy có ngài Đàm Loan. Ngài Đàm Loan là bậc không thể suy lường nổi. Do có việc, ngài phải xuống Nam gặp Lương Vũ Đế; sau trở về Bắc, Vũ Đế thường hướng về Bắc cúi lạy, nói: “*Loan Pháp Sư là bậc nhục thân Bồ Tát!*” Đời Trần, Tùy, có ngài Trí Giả. Đời Đường có ngài Đạo Xước, noi theo giáo pháp của ngài Đàm Loan, chuyên tu Tịnh Nghiệp, cả đời giảng ba Kinh Tịnh Độ hơn hai trăm lượt. Từ cửa ngài Đạo Xước, có ngài Thiện Đạo. Cho đến các vị Thừa Viễn, Pháp Chiêu, Thiệu Khang, Đại Hạnh thì liên phong đã thổi khắp cả trung ngoại². Do vậy, tri thức các tông không ai lại không dùng đạo này để mật tu hoặc hiển hóa, tự lợi, lợi tha.

Với nhà Thiên, nếu chỉ đề cao hướng thượng thì một pháp chẳng lập, Phật còn không thêm bận tâm tới, huống là niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Đây là Chân Đế: một pháp đã mất thì tất cả đều mất. Nói “*Thật Tế Lý Địa không nhận một mảy trần*”, là nói về Tánh thể. Nếu luận đích xác về mật tu trì thì lại không bỏ một pháp nào; không làm việc thì không ăn, huống hồ niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ! Đây là Tục Đế, một pháp đã lập thì tất cả đều lập.

Cái gọi là “*Trong cửa Phật sự, không bỏ một pháp*” là nói về Tánh sẵn đủ vậy. Nếu toan bỏ Tục Đế để luận Chân Đế thì không

¹ Ý nói, Phật giáo truyền sang Trung Hoa

² **Trung ngoại**: trong và ngoài Trung Hoa

phải là Chân Đế, khác nào bỏ Tứ Đại, Ngũ Uẩn đi tìm tâm tánh. Thân đã không còn, tâm gởi vào đâu? Nếu dùng Tục Đế để hiển Chân Đế thì đích thật là Chân Đế. Như ở nơi mắt thì bảo là thấy, ở tai gọi là nghe; tức là dùng Tứ Đại, Ngũ Uẩn để hiển tâm tánh.

Những điều vừa nói trên đây chính là ý chỉ lớn lao của việc chư Tổ ngàm tu Tịnh Độ; nhưng các ngài không giảng rộng, thuật rõ, nên nếu không hiểu sâu xa ý Tổ sẽ không biết được. Cứ như quy chế kỳ đảo cho những vị Tăng mắc bệnh và quy cách thiêu hóa, tống táng những vị đã mất do ngài Bách Trượng xác lập, ta thấy đều quy về Tịnh Độ.

Có vị nói: *“Tu hành dùng niệm Phật là ổn thỏa, thích đáng”*. Ngài Chân Hiệt Liễu bảo: *“Pháp môn Tịnh Độ chính là để tiếp dẫn căn khí thượng thượng, kiêm tiếp dẫn căn khí trung hạ”*. Ngài còn bảo: *“Trong cả tông Tào Động, tất cả đều ngàm tu. Do vì tu Tịnh Độ thấy Phật giản dị hơn Tông môn rất nhiều”*. Ngài cũng bảo: *“Dù Phật hay Tổ, dù Giáo hay Thiền đều tu Tịnh Độ, đồng quy một nguồn”*. [Những lời ấy] đủ cho ta thấy được đại khái [quan điểm của các thiền sư thời ấy].

Kịp đến ngài Vĩnh Minh đại sư, bản thân là Cổ Phật, do nguyện xuất thế mới lưu lại ngôn giáo rõ ràng, soạn sách lưu truyền, hoằng dương. Ngài lại sợ người học không rõ đường nẻo, lẫn lộn lợi hại, nên cực lực xướng ra bài kệ Tứ Liệu Giản, có thể nói là cương tông của cả Đại Tạng. Ngài làm bậc hướng đạo nơi đường rẽ, khiến cho người học chỉ trong tám mươi chữ đón ngộ yếu đạo xuất sanh tử, chứng Niết Bàn. Tấm lòng từ bi nhân ái cứu thế của ngài thật là thiên cổ chưa từng có.

Sau đây, các tông sư đều lưu lại ngôn giáo rõ ràng, chuyên khen ngợi pháp này như các đại Tổ Sư: Trường Lô Trách, Thiên Y Hoài, Viên Chiếu Bồn, Đại Thông Bồn, Trung Phong Bồn, Thiên Như Tắc,

Sở Thạch Kỳ, Không Cốc Long, v.v. tuy hoằng dương Thiền Tông, vẫn chú trọng khen ngợi Tịnh Độ.

Đến khi đại sư Liên Trì tham học với Tiểu Nham¹, sau khi đại ngộ, cân nhắc mọi bề, đề xướng: “*Nếu Tịnh Nghiệp đã thành, Thiền Tông sẽ tự chứng. Giống như tắm nơi biển cả là đã dùng nước của cả trăm sông. Thân đã đến điện Hàm Nguyên, cần gì hỏi Trường An đâu nữa!*” Sau đấy, các đại Tổ sư như Ngẫu Ích, Triệt Lưu, Tỉnh Am, Mộng Đông, v.v., không vị nào lại không xướng như vậy. Bởi lẽ, lập cách hóa độ theo thời, pháp phải phù hợp căn cơ. Nếu không như thế, chúng sanh không thể đắc độ.

Từ đấy về sau, Phật pháp suy dần, lại thêm quốc gia lắm biến cố, pháp luân cơ hồ ngừng chuyển. Dù có bậc trí thức ra sức chống chọi, nhưng chẳng đủ sức, đến nỗi không ai hỏi đến đạo này. Nếu có ai bàn đến, người nghe cứ như đang bị làm phiền. May còn có một hai vị tăng, tục có đại tâm, in khắc lưu truyền, khiến cho những lời giáo huấn của chư Tổ chẳng bị diệt, khiến cho người ta được tạm nghe đến thì thật không còn gì may mắn hơn vậy.

❖ Cho đến khi đại giáo truyền sang Đông, Viễn Công Đại Sư² bèn dùng pháp này lập tông. Lúc đầu, Ngài muốn cùng đồng học là Huệ Vĩnh qua La Phù, nhưng do Pháp Sư Đạo An lưu lại nên ngài Huệ Vĩnh bèn một mình đi trước qua Tầm Dương. Thứ Sử Đào Phạm ngưỡng mộ đạo phong của Sư, bèn lập chùa Tây Lâm cho Ngài ở. Đây là năm Đinh Sửu, niên hiệu Thái Nguyên thứ hai (377) đời Hiếu Vũ Đế nhà Đông Tấn. Đến năm Thái Nguyên thứ 9 (Giáp Thân - 384), Viễn Công mới đến Lô Sơn.

Thoạt đầu, Ngài trụ tại Tây Lâm, nhưng bận tu tìm đến quá đông, chùa Tây Lâm chật hẹp không chứa nổi. Thứ Sử Hoàn Y bèn bắt

¹ **Tiểu Nham:** Tiểu Nham Nguyệt Tâm thiền sư

² **Viễn Công đại sư:** Tổ Huệ Viễn

đầu dựng chùa tại phía Đông núi, đặt tên là Đông Lâm. Đến ngày 28 tháng Bảy năm Canh Dần (390 - Thái Nguyên thứ 15), Viễn Công bèn cùng tăng, tục một trăm hai mươi ba người người, kết liên xã niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, sai ông Lưu Di Dân soạn bài văn khắc vào đá để minh thệ.

Pháp Sư Huệ Vĩnh cũng dự vào liên xã. Vĩnh Công sống tại Tây Lâm, trong gian nhà tranh biệt lập trên đỉnh núi. Khi ấy có người đi thiền hành, đến bên thất ngài, liền ngửi thấy mùi hương lạ, nhân đó đặt tên là Hương Cốc để người khác suy ra thì biết.

Lúc Viễn Công mới kết xã, có một trăm hai mươi ba người đều là bậc long tượng trong pháp môn; Thái Sơn, Bắc Đầu trong làng Nho. Do đạo phong của Viễn Công lan tỏa nên đều rủ nhau tìm tới. Nếu tính suốt cả hơn ba mươi năm trong đời Ngài thì số người dự vào liên xã tu Tịnh Nghiệp, được tiếp dẫn vãng sanh rất nhiều không thể tính được. Sau này, các vị Đàm Loan, Trí Giả, Đạo Xước, Thiện Đạo, Thanh Lương, Vĩnh Minh,... không vị nào không như vậy: tự hành, dạy người. Ngài Đàm Loan soạn Vãng Sanh Luận chú diệu tuyệt cổ kim. Ngài Trí Giả viết Thập Nghi Luận diễn giải đến tột cùng lẽ được - mất. Ngài soạn Quán Kinh Sớ giảng sâu xa cách quán tưởng đúng đắn. Ngài Đạo Xước giảng ba Kinh Tịnh Độ gần hai trăm lượt. Ngài Thiện Đạo sớ giải ba Kinh Tịnh Độ, cực lực khuyên chuyên tu. Ngài Thanh Lương sớ giải Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm, phát huy đạo rốt ráo thành Phật. Ngài Vĩnh Minh thuyết Tứ Liệu Giản chỉ thẳng pháp liễu thoát ngay trong đời này.

Từ xưa, các bậc cao nhân trong các tông, không vị nào lại không hướng lòng về Tịnh Độ, chỉ có các tông sư nhà Thiền lại chuyên ngâm tu nên không xiển dương rõ rệt. Từ sau khi ngài Vĩnh Minh xướng xuất, các vị mới lưu lại ngôn giáo rõ rệt, thiết tha khuyên tu trì. Vì thế, bài “Khuyến Tu Tịnh Độ Văn” của Tỳ Bà Tân Thiền Sư có câu: *“Di Đà rất dễ niệm, Tịnh Độ thật dễ sanh”*. Lại viết:

“Người tham thiền rất nên niệm Phật. Nếu căn cơ độn, chỉ e đời này chưa thể đại ngộ, phải nhờ Di Đà nguyện lực tiếp dẫn vãng sanh”. Ngài còn viết: “Nếu ông niệm Phật mà không sanh Tịnh Độ thì lỗi tăng sẽ đọa trong địa ngục kéo lùi”.

Tác phẩm “Tịnh Độ Thuyết” của thiền sư Chân Hiết Liễu có câu: “Cả một tông Tào Động, tất cả đều chú trọng ngâm tu. Là vì sao vậy? Là vì pháp môn Niệm Phật là đường tắt tu hành, thật dựa vào Đại Tạng, tiếp dẫn căn khí thượng thượng; kiêm tiếp dẫn căn cơ trung, hạ”.

Ngài còn viết: “Bậc đại tượng trong Tông môn đã ngộ pháp Bát Hữu Bất Không bèn quyết chí khẳng khái nơi Tịnh Nghiệp. Do Tịnh Nghiệp thấy được Phật giản dị hơn Tông môn rất nhiều”.

Ngài còn nói: “Dù Phật hay Tổ, dù Giáo hay Thiền, đồng quy một nguồn. Nhập được pháp môn này thì vô lượng pháp môn tất cả đều chứng nhập”.

Thiền sư Trường Lô Trách kết Liên Hoa Thắng Hội phổ khuyến đạo, tục niệm Phật cầu vãng sanh, cảm hai vị Bồ Tát Phổ Hiền, Phổ Huệ trong mộng đến xin dự hội. Sư liền đề tên hai vị Bồ Tát đứng đầu hội. Đủ thấy pháp này khế lý, khế cơ, chư Thánh ngậm khen ngợi.

Trong hai triều Tống Thái Tông và Tống Chân Tông, pháp sư Tĩnh Thường trụ trì chùa Chiêu Khánh ở Chiết Giang, hâm mộ đạo phong của tổ Lô Sơn Huệ Viễn, lập Tịnh Hạnh Xã. Ông Văn Chánh Vương Công Đán quy y đầu tiên, làm người chủ xướng. Những bậc Tể quan, Châu mục, Học Sĩ, Đại Phu đều xưng là đệ tử, tham dự Tịnh Hạnh Xã đến hơn một trăm hai mươi người. Hàng Sa Môn tham dự đến hơn ngàn người, còn hàng Sĩ Thứ không thể tính nổi số.

Sau lại có Lộ Công Văn Ngạn Bác làm quan suốt bốn triều Nhân Tông, Anh Tông, Thần Tông, Triết Tông, xuất Tướng nhập Tướng hơn năm mươi năm, quan phẩm đến chức Thái Sư, được phong là Lộ

Quốc Công. Ông bình sinh dốc lòng tin Phật pháp, tuổi già càng tận lực hỗ trợ đạo pháp, chuyên niệm A Di Đà Phật. Sáng, chiều, đi, đứng, chưa từng thiếu, lười. Ông cùng với pháp sư Tịnh Nghiêm kết xã mười vạn người ở kinh đô để cầu sanh Tịnh Độ. Phần lớn các sĩ đại phu thời ấy đều được ông giáo hóa. Ông có bài tụng như sau:

*Tri quân khí đảm đại như thiên,
Nguyện kết Tây Phương thập vạn duyên.
Bất vị tự thân cầu kế hoạt,
Đại gia tề thượng độ đầu thuyền.*

Tạm dịch:

*Biết ngài lớn mật bằng trời,
Xin cùng Tịnh Độ kết mười vạn duyên.
Cứu thân nào tính kế riêng,
Ai ai đều đã bước lên thuyền rồi.*

Ông thọ đến chín mươi hai tuổi, niệm Phật qua đời.

Đời Nguyên, Minh thì có các ngài Trung Phong, Thiên Như, Sở Thạch, Diệu Hiệp. Mỗi vị để lại thi ca, hoặc tạo luận giải thích, không vị nào lại không cực lực xiển dương pháp khế lý, khế cơ, suốt trên tốt dưới này. Nhưng các vị Liên Trì, U Khê, Ngẫu Ích là những người thành khẩn, thiết tha tận lực nhất.

Đời Thanh có ngài Phạm Thiên Tư Tề, Hồng Loa Triệt Ngộ đều tận lực hoằng dương đạo này. Các tác phẩm “Khuyến Phát Bồ Đề Tâm Văn” của ngài Phạm Thiên, “Thị Chúng Pháp Ngữ” của ngài Hồng Loa có thể nói là những tác phẩm tiếp nối chí nguyện cổ Thánh, khai phát kẻ học hậu lai, kinh thiên địa, động quỷ thần. Nếu người học thật có thể hành theo đó thì không ai lại không già biệt Ta

Bà, đẳng cao Cực Lạc, làm đệ tử của Phật Di Đà, làm bạn hiền trong hải hội.

❖ Cho đến khi nào căn cơ của chúng sanh hết sạch, đức Như Lai mới nghỉ ngơi, nhưng lòng đại bi lợi sanh của Phật không bao giờ cùng tận. Do đó, các vị đại đệ tử phân phát xá lợi, kết tập Kinh Tạng mong được lưu thông khắp mọi cõi, ngõ hầu tất cả đều được Phật pháp thấm nhuần. Mãi đến đời Đông Hán, đại giáo mới bắt đầu truyền đến [Trung Quốc]. Nhưng do phong khí chưa mở nên chỉ lưu thông ở phương Bắc. Đến đời Tôn Ngô, vào năm Xích Ô thứ tư (241), tôn giả Khang Tăng Khải sang giáo hóa tại Kiến Nghiệp, cảm được xá lợi của Như Lai giáng lâm khiến cho Tôn Quyền sanh lòng tin tưởng tốt bậc. Họ Tôn bèn sửa chùa, dựng tháp để hoàng dương pháp hóa. Nam phương bắt đầu được thọ hưởng giáo pháp từ đây.

Đến đời Tấn, giáo pháp lan khắp các nước Cao Ly, Nhật Bản, Miến Điện, An Nam, Tây Tạng, Mông Cổ. Từ đây về sau, ngày càng hưng thịnh. Đến đời Đường, các tông đã thành lập đầy đủ, có thể nói là cực thịnh. Các tông Thiên Thai, Hiền Thủ, Từ Ân hoàng Giáo. Lâm Tế, Tào Động, Quy Ngưỡng, Vân Môn, Pháp Nhãn hoàng Tông. Nam Sơn thì nghiêm tịnh Tỳ Ni¹. Liên Tông thì chuyên tu Tịnh Độ. Giống như các Bộ chia nhau coi sóc công việc, hệt như sáu căn hỗ trợ nhau. Ấy là vì Giáo là lời Phật, Tông là tâm Phật, Luật là hạnh Phật. Tâm, ngữ, hạnh ba thứ khó thể tách rời, chỉ là ước trên phương diện chú trọng vào mặt nào mà lập danh.

Chỉ riêng một pháp Tịnh Độ mới nhìn thì là phương tiện để phàm phu nhập đạo, nhưng thật ra đó là chỗ quy túc rốt ráo của các tông. Bởi thế, kẻ sắp đọa A Tỳ được dự vào phẩm chót, bậc đã chứng ngộ ngang với chư Phật vẫn cầu vãng sanh. Lúc đức Như Lai còn tại thế,

¹ Tỳ Ni: dịch âm tiếng Phạn, nghĩa là giới luật

ngàn căn cơ cùng được nuôi dưỡng, vạn mạch đều quy hướng. Phật diệt độ rồi, bậc Đại Sĩ hoằng pháp ai nấy chỉ hoằng dương một pháp để mong thâm nhập được một môn.

Chư pháp dung thông, ví như ngàn hạt châu nơi cái lưới của Đế Thích, mỗi hạt châu chẳng lẫn vào nhau, nhưng ánh sáng mỗi châu lại chiếu vào hàng ngàn hạt châu khác, ánh sáng của ngàn hạt châu chiếu vào một hạt châu. Soi rọi lẫn nhau nhưng không tạp, riêng biệt nhưng chẳng thể phân khai. Người câu nệ vào Tích thì bảo: *“Tất cả pháp, mỗi pháp đều sai khác”*. Kẻ khéo hiểu sẽ nói: *“Tất cả pháp, các pháp viên thông”*. Như bốn cửa thành, gần cửa nào theo cửa đó mà vào. Cửa tuy khác nhau, nhưng vào thành chẳng khác. Nếu biết ý này thì không phải chỉ có những giáo lý rất sâu do chư Phật, chư Tổ đã nói mới là pháp để *“quy chân đạt bốn”*, *“minh tâm kiến tánh”*; mà tất cả Âm, Nhập, Xứ, Giới, Đại, v.v. trong khắp thế gian cũng đều là pháp để quy Chân đạt Bốn, minh tâm kiến tánh. Mỗi một pháp cũng chính là chân, là bốn, là tâm, là tánh.

Bởi vậy, Kinh Lăng Nghiêm coi Ngũ Âm, Lục Nhập, Thập Nhị Xứ, Thập Bát Giới, Thất Đại đều là Như Lai Tạng Diệu Chân Như Tánh. Vì thế bảo rằng: Tất cả pháp, không một pháp nào lại không phải là Phật pháp, cũng như không một ai không phải là Phật. Tiếc thay, chúng sanh châu đeo trong vật áo trợn chẳng hay biết, ôm của báu đi ăn xin, chịu khổ cùng oan uổng. Dùng tâm Như Lai tạo nghiệp chúng sanh, dùng pháp giải thoát chịu khổ luân hồi, đáng thương lắm thay! Vì thế, bậc Đại Sĩ hoằng pháp không nề gian nan, cay đắng, dùng đủ mọi phương tiện để khai ngộ, dẫn dắt khiến chúng sanh hiểu đúng sự lý, nhân quả của mười pháp giới, triệt ngộ tự tánh của tâm, ngộ hầu viên chứng rốt ráo.

Từ Đường sang Tống, sang Nguyên, sang Minh, đến Thanh, cả một ngàn năm, Thanh Giáo chẳng suy tàn. Dù không hưng thịnh bằng thời Đường, nhưng cũng có thể nói là suýt soát. Từ đời Hàm

Phong, Đồng Trị trở đi, binh hỏa liên miên, đói kém liên tiếp, cao nhân ngày một hiếm hoi, kẻ dung tục ngày càng nhiều, quốc gia chẳng bận tâm đề xướng, tăng lữ không sức chấn hưng. Do đó, hàng cao nhân tại gia vì chưa từng nghiên cứu Phật pháp, chuộng lầm khuôn sáo cũ của Âu – Hàn¹, đến nỗi đạo pháp suy sụp sát đất. Mãi đến cuối đời Thanh, học vấn phát triển, những người thiên tư cao tìm đọc Kinh Phật mới hay gốc đạo chính là đây, nên liền quyết chí nghiên cứu.



¹ **Âu - Hàn:** Âu Dương Tu, Hàn Dũ

II. KHUYÊN TÍN NGUYỆN HẠNH NÊN CHÂN THÀNH, THA THIẾT

1. Giảng về lòng tin chân thành, tâm nguyện tha thiết

❖ Nói đến Tín là nói phải tin Ta Bà thật là khổ, Cực Lạc thật là vui. Ta Bà khổ vô lượng, vô biên. Nói chung, không ngoài tám nỗi khổ, tức là: Sanh, già, bệnh, chết, ân ái biệt ly, oán ghét nhưng vẫn phải gặp mặt, cầu chẳng được thỏa ý, năm ấm lầy lùng. Tám nỗi khổ này dù người cả đời giàu sang tốt bụng hay kẻ nghèo đến nỗi phải ăn mày, ai nấy đều có. Bảy thứ đầu là quả báo do đời quá khứ cảm thành, cứ suy nghĩ kỹ ắt tự biết, không cần phải nói rõ. Nói rõ sẽ phải tốn nhiều giấy mực.

Nỗi khổ thứ tám – năm ấm lầy lùng – là do hiện tại khởi tâm động niệm; cũng như những hành động, nói năng. Đây chính là nhân thọ khổ trong đời sau. Nhân quả vẫn vít lòi kéo liên tục từ kiếp này sang kiếp khác chẳng thể giải thoát.

Ngũ Âm là Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Sắc chính là cái thân do nghiệp báo cảm thành. Thọ, Tưởng, Hành, Thức là những thứ do tâm huyễn vọng khởi lên khi tiếp xúc với cảnh. Do các pháp thân tâm huyễn vọng này bèn đối với sáu trần cảnh khởi Hoặc, tạo nghiệp, như lửa cháy hừng hực chẳng thể dập tắt, nên bảo là “lầy lùng”.

Thêm nữa, Âm có nghĩa là ngăn che. Do năm pháp này ngăn che nên chân tánh không thể hiện hiện, như mây dày che khuất mặt trời. Tuy vàng thái dương rực rỡ trọn chẳng bị tổn giảm, nhưng vì mây che lấp nên không soi thấu được. Cũng giống như thế, phàm phu chưa đoạn Hoặc nghiệp bị năm pháp này che phủ, bầu trời chân tánh

và vàng mặt trời trí tuệ chẳng thể hiển hiện được. Đây là nỗi khổ thứ tám, chính là cội gốc của tất cả các khổ.

Người tu đạo, sức thiền định sâu, đối với cảnh giới sáu trần trọn không chấp trước, không khởi oán ghét. Từ đây lại gia công dụng hạnh, tiến lên chứng đắc Vô Sanh thì Hoặc nghiệp hết sạch, cắt đứt cội gốc sanh tử. Nhưng công phu này thật không dễ dàng, trong đời mạt thật khó có ai đạt được. Vì thế phải chuyên tu Tịnh Nghiệp, cầu sanh Cực Lạc, nương lực Phật Từ vãng sanh Tây phương.

Đã được vãng sanh thì liên hoa hóa sanh, chẳng còn các nỗi khổ, thuần mang hình dáng bé trai, thọ ngang hư không, thân không tai biến. Những danh từ “lão, khổ, bệnh”, v.v. còn chẳng nghe đến, huống là thật có. Kề cận Thánh chúng, châu hầu Di Đà. Chim, nước, rừng cây đều diễn pháp âm. Tùy theo căn tánh nghe xong liền chứng, người thân còn không có, huống là oán thù. Mong áo được áo, tưởng ăn liền ăn. Lâu các, đèn đài đều do bảy báu tạo thành, chẳng nhọc sức người, chỉ là hóa hiện. Vậy thì bảy nỗi khổ cõi Ta Bà biến thành bảy điều vui.

Nơi thân có đại thân thông, có đại oai lực, không rời chỗ mình đang ở mà ngay trong một niệm ở khắp các thế giới của chư Phật trong mười phương, làm các Phật sự, thượng cầu, hạ hóa. Tâm có đại trí tuệ, đại biện tài; nơi một pháp biết thật tướng của tất cả pháp. Tùy cơ thuyết pháp chẳng hề lầm lạc. Tuy nói những lời thuộc về Thế Đế nhưng đều khéo hợp diệu lý Thật Tướng. Không có nỗi khổ Ngũ Ấm Xí Thanh, hưởng niềm vui thân tâm tịch diệt. Bởi thế Kinh dạy: *“Không có các nỗi khổ, chỉ hưởng các sự vui, nên gọi là Cực Lạc”*.

Ta Bà khổ, khổ không thể nói. Cực Lạc vui, vui không gì ví nổi. Tin sâu lời Phật, trọn chẳng nghi hoặc mới gọi là Chân Tín. Đừng nên dùng tri kiến ngoại đạo, phạm phu để so lường làm lạc, cho rằng mọi thứ trang nghiêm thắng diệu không thể nghĩ bàn của Tịnh Độ

đều là chuyện ngu ngôn, là thí dụ, là tâm pháp, không phải là ảnh thật. Nếu có các thứ tà kiến, hiểu biết sai lạc như vậy sẽ đánh mất điều lợi ích thực sự là được vắng sanh Tịnh Độ. Cái hại ấy rất lớn, không thể không biết.

❖ Đã biết Ta Bà là khổ, Cực Lạc là vui thì hãy nên phát thệ nguyện thiết thực: nguyện lìa khổ Ta Bà, nguyện hưởng vui Cực Lạc. Nguyện ấy phải tha thiết như bị rớt xuống hầm xí, cầu được thoát ra gấp. Lại như bị giam cầm trong ngục, cấp thiết nghĩ đến quê nhà. Sức mình không thể tự thoát, ắt phải cầu người có đại thế lực cứu cho thoát khỏi.

Tất cả chúng sanh trong thế giới Ta Bà đối với cảnh thuận - nghịch, khởi tham, sân, si; tạo giết, trộm, dâm; ô uế diêu giác mình tâm sẵn có. Đấy chính là hầm xí không đáy. Đã tạo nghiệp ác, ắt phải chịu ác báo, qua nhiều kiếp dài lâu luân hồi sáu nẻo. Đấy chính là chốn lao ngục chẳng hề phóng thích tội nhân. A Di Đà Phật trong nhiều kiếp quá khứ, phát bốn mươi tám nguyện độ thoát chúng sanh. Có một nguyện là: *“Nếu có chúng sanh nghe danh hiệu ta, cầu sanh về nước ta, dù chỉ mười niệm mà nếu không sanh, không thành Chánh Giác”*. A Di Đà Phật thệ nguyện độ sanh; nhưng nếu chúng sanh không cầu tiếp dẫn, Phật cũng không biết làm cách nào. Nếu như chí tâm xưng danh, thề cầu xuất ly Ta Bà thì không một ai lại không được Phật rủ lòng từ nhiếp thọ. A Di Đà Phật có đại thế lực, cứu được người đang ở trong hầm phân không đáy, trong “bát xá lao ngục”; khiến họ thoát ngay những chốn ấy, đặt yên họ nơi quê nhà sẵn có là cõi Cực Lạc; khiến họ nhập cảnh giới Phật, được thọ dụng giống như Phật.

❖ Phật Di Đà vì chúng ta phát nguyện, lập hạnh để mong chúng ta thành Phật. Chúng ta bội nghịch hạnh nguyện của đức Di Đà nên

bao kiếp dài lâu ngụp lặn mãi trong lục đạo, vĩnh viễn làm chúng sanh. Hiểu rõ Di Đà chính là đức Phật ở ngay trong tâm chúng ta, ta chính là chúng sanh trong tâm Phật Di Đà. Tâm đã là một, nhưng phàm và Thánh cách nhau một trời một vực là do ta cứ một bề mê muội, trái nghịch, nên mới đến nỗi vậy. Tín tâm như vậy mới đáng là Chân Tín. Dùng tín tâm này phát Nguyện quyết định vãng sanh, hành hạnh quyết định Niệm Phật, mới hòng thâm nhập Tịnh Tông pháp giới, thành tựu ngay trong một đời, một phen siêu thăng liền vào thẳng ngay địa vị Như Lai; như mẹ con gặp gỡ, vui sướng vĩnh viễn thường hằng vậy.

❖ Trong sự niệm Phật, điều trọng yếu nhất là để liễu sanh thoát tử. Đã vì liễu sanh tử thì với nỗi khổ sanh tử, tự sanh tâm chán nhàm; với sự vui Tây phương, tự sanh tâm ưa thích. Như thế thì hai pháp Tín, Nguyện sẽ được đầy đủ, trọn vẹn ngay trong niệm ấy. Rồi lại thêm chí thành, khẩn thiết như con nhớ mẹ mà niệm thì Phật lực, Pháp lực, Tự Tâm Tín Nguyện Công Đức lực, cả ba pháp cùng hiển hiện trọn vẹn, khác nào mặt trời rực rỡ trên không. Dù cho sương mù dày đặc, băng đóng tầng tầng, không lâu sau cũng sẽ tan hết.

❖ Hãy thử hỏi: Ngoài tâm không Phật, ngoài Phật không tâm; chẳng khẩn thiết thì có đạt được như thế chẳng? Không có Tín, Nguyện thì có đạt được như thế chẳng?

❖ Phàm là bọn hữu tình chúng ta, hễ nghe nói đến pháp môn Tịnh Độ thì phải tin Ta Bà cực khổ, Tây Phương cực vui. Phải tin rằng từ nhiều đời đến nay, nghiệp chướng sâu nặng; không cạy vào Phật lực thì khó thể xuất ly. Phải tin rằng cầu được vãng sanh thì ngay trong đời này sẽ được vãng sanh. Phải tin niệm Phật nhất định được Ngài từ bi nhiếp thọ. Dùng một lòng kiên định này, nguyện là

Ta Bà như kẻ tù muốn thoát khỏi lao ngục, trọn chẳng có tâm lưu luyến. Nguyên sanh Tây Phương như lữ khách mong quay về cố hương, không hề có ý niệm do dự. Từ đó, tùy phận, tùy lực, chí tâm trì niệm thánh hiệu A Di Đà Phật; chẳng luận là nói năng, im lặng, động, tịnh, đi, đứng, nằm, ngồi, đón tiếp khách khứa, mặc áo, ăn cơm; giữ sao Phật chẳng lìa tâm, tâm không lìa Phật.

❖ Kinh A Di Đà nói: *“Từ đây đi qua Tây Phương quá mười vạn ức Phật độ, có thế giới tên là Cực Lạc. Cõi đó có Phật danh là A Di Đà, nay hiện đang thuyết pháp”*.

Kinh còn dạy: *“Cõi đó vì sao tên là Cực Lạc? Chúng sanh cõi đó không có các khổ, chỉ hưởng những điều vui, nên gọi là Cực Lạc”*. Không có các điều khổ, chỉ hưởng những điều vui là do được trang nghiêm bởi phước đức, trí tuệ, thần thông đạo lực của Phật A Di Đà.

Thế giới chúng ta đang sống có đủ cả ba khổ, tám khổ, vô biên các nỗi khổ, hoàn toàn chẳng vui. Vì thế gọi là Ta Bà. Tiếng Phạn là “Ta Bà”, Hán dịch là “Kham Nhẫn”; ý nói: chúng sanh trong thế giới này có thể kham chịu được các thứ khổ. Trong thế giới này không phải là không có điều vui, nhưng những điều được coi là vui ấy lại đều là khổ. Chúng sanh mê muội lại coi đây là vui; như mê rượu đắm sắc, săn bắn, bầy rập, có gì là vui? Một đám ngu phu đắm đuối không bỏ được, thích đến quên mệt, thật đáng xót thương.

Những điều dù thật sự là vui cũng khó lâu bền. Ví dụ như cha mẹ cùng còn sống, anh em không xảy ra chuyện gì; chuyện như vậy làm sao thường hằng được mãi? Vì thế cảnh vui vừa thoáng qua, tâm buồn liền tiếp theo ngay, nên bảo là *“trọn chẳng có gì vui”*, không cần phải bàn nữa. Sự khổ trong thế giới chẳng thể nói hết, nhưng có thể dùng ba khổ, tám khổ để bao quát không sót.

Ba khổ là:

- Khổ Khổ.

- Vui/Lạc là Hoại Khổ.
- Không khổ không vui là Hành Khổ.

Khổ Khổ là nói thân tâm ngũ ấm này, thể tánh bức bách nên gọi là Khổ. Lại còn phải luôn chịu đựng các nỗi khổ sanh, lão, bệnh, tử v.v. nên gọi là Khổ Khổ.

Hoại Khổ là bất cứ sự gì trong thế gian cũng không được bền lâu. Mặt trời giữa Ngọ phải chéch về Tây. Trăng đầy rồi khuyết. Đạo trời còn phải như thế, huống chi nhân sự? Cảnh vui vừa chớm, cảnh khổ đã đến ngay. Nỗi khổ ấy không thể diễn tả được. Vì thế gọi Lạc (vui) là Hoại Khổ.

Hành Khổ là tuy không khổ, không vui, tựa hồ phải chăng, nhưng tánh nó dời đổi, có gì là thường trụ? Vì thế gọi là Hành Khổ.

Nêu lên ba thứ khổ ấy thì không có nỗi khổ nào lại không gộp trong đó. Ý nghĩa tám khổ trong các sách đã thuật rõ. Nếu biết cội này là khổ thì tâm chán nhàm Ta Bà sẽ bùng bùng phát sanh. Nếu biết cội kia là vui thì ý niệm ưa thích, mong cầu Cực Lạc sẽ hừng hực phát khởi. Do vậy, “đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành” để bồi đắp nền tảng. Lại dùng tâm chí thành, khẩn thiết trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương thì thoát được cội Ta Bà này, sanh về cội Cực Lạc kia, đích thực làm con của đấng Di Đà, làm bạn hiền trong Hải Hội vậy.

❖ Xem cội Ta Bà này như xấu còn hơn nhà xí. Tin cội Cực Lạc kia chính là quê nhà mình vốn sẵn có. Không cầu phước lạc cội trời, cội người trong đời này hay đời sau; chỉ nguyện khi báo chung, mạng tận, được Phật tiếp dẫn vãng sanh. Sáng tối như vậy, niệm đầu chú trọng đây, niệm cực công thuần, cảm ứng đạo giao, lúc lâm

chung, ắt được thỏa nguyện. Đã sanh về Tịnh Độ sẽ đôn ngộ Vô Sanh, nhìn lại phú quý thế gian khác nào ánh dương diệm¹, hoa đóm trên không, thật đúng là nhà ngục, biển độc mà thôi.

2. Khuyên trừ nghi sanh tín

❖ Pháp môn Tịnh Độ nếu tin cho tới, còn gì tốt lành hơn! Nếu trí mình chưa quyết thì phải nên tin tưởng lời chân thành của chư Phật, chư Tổ, trọn không được một niệm nghi tâm. Nghi sẽ không tương ứng chư Phật, lâm chung nhất định khó thể cảm thông. Cổ nhân bảo: *“Pháp môn Tịnh Độ chỉ có Phật với Phật mới có thể hiểu trọn vẹn. Hàng Đẳng Địa Bồ Tát² chẳng biết được ít phần”*. Hàng Đẳng Địa Đại Sĩ còn không thể biết hết, huống hồ là hạng phàm phu lè tè sát đất lại vọng sanh ước đoán ư?

❖ Nếu tâm sanh tử thật sự thiết tha, tin tới nơi, tâm không sanh một niệm ngờ vực thì dù chưa ra khỏi Ta Bà, đã chẳng còn là khách trọ lâu ngày trong chốn Ta Bà; chưa sanh Cực Lạc, nhưng đã là khách quý cõi Cực Lạc. Thấy người hiền mong mình được bằng, gặp điều nhân đừng để lỡ. Há có nên do dự, lười nhác, xao lãng, để đến nỗi một phen lầm lỡ khiến mình bị lỡ làng mãi mãi ư? Là trang nam nhi có huyết tánh, dứt khoát không chịu sống làm thân đi, thịt chạy, chết mục nát như cỏ cây. Hãy gắng lên, cố lên!

❖ Trong các pháp môn khác, tiểu pháp thì đại căn không cần tu, đại pháp thì tiểu căn chẳng tu nổi. Chỉ có một pháp Tịnh Độ này

¹ **Dương diệm** (mirage): ảo ảnh do sức nóng hay ánh nắng soi lên các lớp không khí lạnh và nóng khác nhau tạo thành.

² **Đẳng Địa Bồ Tát**: còn gọi là Địa Thượng Bồ Tát, bậc Bồ Tát đã chứng từ Sơ Địa trở lên.

thích ứng khắp ba căn, gồm thân lợi độn. Trên thì Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền, không vị nào vượt ra ngoài pháp này; dưới thì ngũ nghịch, thập ác, chủng tánh A Tỳ cũng được dự vào. Nếu Như Lai không mở ra pháp này thì chúng sanh đời Mạt muốn liễu sanh thoát tử ngay trong đời này tuyệt chẳng có chút hy vọng gì.

Tuy pháp môn này rộng lớn như vậy, nhưng cách tu lại cực giản dị. Bởi lẽ đó, nếu không phải là người kiếp trước có thiện căn Tịnh Độ thì sẽ khó thể tin chắc, không nghi. Không riêng phàm phu chẳng tin, phần nhiều hàng Nhị Thừa cũng nghi. Không những Nhị Thừa không tin, Quyền Vị Bồ Tát vẫn có người còn nghi. Chỉ có các vị Bồ Tát Đại Thừa địa vị cao sâu mới có thể triệt để tin tưởng, không nghi.

Người sanh lòng tin sâu xa nơi pháp này, dù là phàm phu đầy dẫy triền phược nhưng chủng tánh đã vượt qua Nhị Thừa, khác nào Thái Tử ngã xuống đất vẫn quý hơn quần thần. Tuy tài đức chưa lập nhưng cậy vào thế lực của vua cha, cảm được báo như thế. Người tu Tịnh Độ cũng giống như vậy, do dùng Tín, Nguyên trì danh hiệu Phật nên có thể đem tâm phàm phu gieo vào biển giác của Phật. Bởi vậy, ngầm được Phật trí, ám hợp đạo mầu.

Muốn bàn về pháp tu trong Tịnh Độ mà không nói lược qua sự khó khăn của các pháp cậy vào tự lực để liễu thoát, và sự dễ dàng của pháp cậy vào Phật lực này, thì [người nghe] nếu không nghi pháp cũng sẽ nghi chính mình. Nếu tâm có chút mảy may nào nghi ngờ thì sẽ do nghi thành chướng; đừng nói là không tu, dù tu cũng chẳng được lợi ích thật sự. Do vậy phải nói rằng Tín là một pháp không thể không gấp gấp giảng giải để mong gây dựng sâu xa đến cùng cực vậy.

❖ Pháp môn Tịnh Độ do Phật Thích Ca và Di Đà kiến lập, do Văn Thù, Phổ Hiền chỉ quy, do Mã Minh, Long Thọ hoằng dương,

do các vị Khuông Lư¹, Thiên Thai², Thanh Lương, Vĩnh Minh, Liên Trì, Ngẫu Ích phát huy, xướng đạo rộng khuyên dù phàm hay Thánh, dù ngu hay trí. Trăm ngàn năm trước, các vị Bồ Tát Đại Sĩ ấy sớm đã vì chúng ta mà nghiên cứu khắp các giáo pháp trong Đại Tạng, đặc biệt chọn ra pháp không cần đoạn Hoặc mà được dự ngôi Bồ Xứ; ngay trong một đời này quyết định xỏ lồng; chí viên, chí đốn, cực kỳ giản dị; thống nhiếp Thiền, Giáo, Luật; lại vượt xa Thiền, Giáo, Luật; cho dù căn cơ cạn hay sâu, dù Quyền hay Thật. Thật là một diệu pháp thật đặc biệt, siêu việt lẽ thường.

Chúng ta không tin tưởng Phật, Tổ là những bậc thầy từ xưa bằng những vị tri thức cận thời hay sao? Kinh Hoa Nghiêm là vua trong Tam Tạng, cuối Kinh quy kết chú trọng Nguyên Vương. Hoa Tạng hải chúng đều đã chứng Pháp Thân, đều cầu vãng sanh hồng viên mãn Phật Quả. Bọn ta là hạng gì mà lại dám không bắt chước theo? Hãy bỏ tâm cuồng ấy, tận lực thực hành đạo này. Công đức lợi ích sẽ tự chứng biết. Nào đợi phải tham học khắp cả rồi mới thành hạng biết pháp ư?

❖ Luận bàn xác thực thì pháp môn Đại Thừa, pháp nào cũng viên diệu, nhưng căn cơ có sống – chín, duyên có cạn – sâu. Bởi thế, xét về mặt lợi ích thì có “khó được” và “dễ được”. Tổ Thiệu Đạo, hóa thân của Phật Di Đà, đã dạy chuyên tu. Ngài chỉ e hành nhân tâm chí bất định, bị các Thầy trong những pháp môn khác lung lạc, nên bảo: Cho dù thánh nhân Sơ Quả, Nhị Quả, Tam Quả, Tứ Quả, và Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Đẳng Giác Bồ Tát cho đến thập phương chư Phật, tận hư không, trọn pháp giới hiện thân, phóng quang, khuyên ta bỏ pháp Tịnh Độ, giảng cho pháp thù thắng nhiệm

¹ Khuông Lư: Huệ Viễn

² Thiên Thai: Trí Khải

màu nào khác, ta cũng không chịu nhận. Thừa là do lúc ban đầu đã phát tâm chuyên tu Tịnh Độ, chẳng dám trái nghịch nguyện ấy.

Hòa Thượng Thiện Đạo đã sớm thấy người đời sau đứng núi này trông núi nọ, không có kiến giải nhất định. Vì thế Ngài nói như vậy để kiệt lực xoay chuyển cái tâm ngấm ghé cuồng vọng, ưa ham cầu. Ai đã biết ngài Thiện Đạo là thầy mà lại không tuân theo? Thế mà người tuân theo lời Ngài thật không được mấy. Có phải là do túc thế ác nghiệp sai khiến đến nổi ngoảnh mặt bỏ lơ pháp khế lý, khế cơ bậc nhất này; không Thiền, không Tịnh Độ, nghiệp thức mang mang, làm kẻ không cội rễ trong neo luân hồi đó chăng? Áo nào thay!

❖ Tu hành Tịnh Độ có cái lẽ quyết định không nghi. Không cần phải hỏi han người khác hiệu nghiệm hay không. Dù khắp cả người đời không ai được hiệu nghiệm, cũng không sanh nhất niệm nghi tâm, cứ lấy lời lẽ chân thành của Phật, Tổ làm căn cứ. Nếu hỏi người khác về sự hiệu nghiệm, chính là tin Phật chưa đến mức cùng cực, tâm vẫn còn so đo, chưa thể trọn vẹn mọi sự. Nam nhi anh liệt quyết chẳng đến nỗi bỏ lời Phật để tin lời người, trong tâm không chú ý, chỉ muốn cậy vào lời người khác khoe hiệu nghiệm để hướng dẫn tiền đồ của chính mình. Thật chẳng đáng buồn ư?

❖ Do tập khí, mỗi chúng sanh có điểm riêng thiên trọng. Kẻ ngu thiên về cái tầm thường, hèn kém. Người trí thiên về điều cao thượng. Nếu kẻ ngu cam phận ngu, không tạp dụng tâm, chuyên tu Tịnh Nghiệp thì sẽ ngay trong đời này quyết định được vãng sanh. Như vậy dù ngu nhưng chẳng ai bằng được. Nếu là người trí, nhưng không tự đắc, vẫn từ “Sự” hướng đến pháp môn cậy vào Phật Từ lực, cầu sanh Tịnh Độ thì có thể nói là bậc đại trí. Còn như cậy vào kiến giải của mình, miệt thị Tịnh Độ; sẽ thấy người đó từ kiếp này đến

kiếp khác, trầm luân ác đạo, muốn học đòi theo kiểu ngu phu ngày hôm nay cũng trọn không thể được.

Những người thông hiểu Tánh, Tướng, Tông, Giáo, tôi thực sự ái mộ, nhưng không dám học theo. Vì sao? Là vì dây ngắn chẳng kéo được nước sâu, túi nhỏ không thể chứa vật lớn. Tôi không bảo là tất cả mọi người đều nên phỏng theo việc tôi làm. Nhưng nếu cũng hèn kém như tôi mà lại toan học theo hành vi của bậc đại thông gia, toan thẳng vào diệu ngộ tự tâm, vẫy vùng biển giáo, tôi chỉ e chẳng thành bậc đại thông gia; trái lại còn bị hàng ngu phu, ngu phụ – [những người] thành thật niệm Phật vãng sanh Tây Phương – thương xót. Há có phải là biến khéo thành vụng to, toan bay lên không nhưng lại bị rớt xuống vực sâu thăm thẳm đó chăng? Một lời đủ để bao quát hết: *“Hãy tự xét kỹ căn cơ của chính mình mà thôi!”*

❖ Ông La Đài Sơn không được vãng sanh, lại bị đọa vào nơi phước báo là do tập khí văn chương quá nặng. Tập khí ấy đã nặng, dù nói là niệm Phật, nhưng thật ra niệm niệm lại đặt nơi công phu sáng tác văn chương. Công phu niệm Phật chỉ là chống đỡ mặt ngoài đó thôi. Đây là bệnh chung của văn nhân, chẳng phải chỉ riêng Đài Sơn thôi đâu! Phật bảo *“thế trí biện thông”* là một trong tám nạn, chính là vì lẽ này.

❖ Người sống trong cõi đời, nhất nhất phải theo đúng bản phận của mình, không được vọng tưởng tính toán ra ngoài bản phận. Tức là như thường nói: *“Quân tử chẳng vượt ngoài phận vị của mình”*. Cũng như nói: *“Quân tử chỉ làm đúng theo phận vị của mình”*. Tuy đối với pháp môn Tịnh Độ đã sanh tín tâm, nhưng ý niệm ưa cao, chuộng trội vẫn còn chưa buông xuống được, chưa chịu đặt mình vào hàng ngu phu, ngu phụ. Phải biết rằng ngu phu, ngu phụ dễ liễu thoát sanh tử bởi tâm họ không có dị kiến.

Nếu hiểu Tông, thông Giáo, toàn thân có thể buông xuống hết, thực hành công phu của hạng ngu phu, ngu phụ thì cũng dễ [liều thoát sanh tử]. Nếu không, thì bậc cao nhân thông Tông, thông Giáo lại chẳng bằng ngu phu, ngu phụ đối nghiệp vãng sanh. Pháp môn Tịnh Độ lấy vãng sanh làm chủ, tùy duyên tùy phận chuyên tinh chí nguyện mình, Phật quyết chẳng dối người. Nếu không, mong bay lên hóa ra lại rớt xuống; đây là tự mình làm lẫn, nào phải lỗi của Phật đâu!

❖ Một pháp Tịnh Độ chính là pháp môn tối huyền, tối diệu, chí viên, chí đốn trong giáo pháp của cả một đời Đức Phật (*một pháp có đủ tất cả pháp là Viên, ngay trong đời này tu sẽ chứng đắc ngay trong đời này nên bảo là Đốn*). Hạng phàm phu lè tè sát đất cũng vào được pháp này, bậc Đẳng Giác Bồ Tát cũng không ra khỏi pháp này. Thật là một con đường tắt để thượng Thánh hạ phàm chóng thành Phật đạo, là một chiếc thuyền Từ phổ độ chúng sanh của chư Phật, chư Tổ.

Không sanh tín tâm nơi pháp này, hoặc tin không chân thành, thiết tha, chính là do nghiệp chướng sâu nặng, không kham liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập Thánh, đời đời kiếp kiếp vĩnh viễn thường luân hồi Lục Đạo trong thế giới này, chẳng có kỳ ra. Dù được làm thân trời, người, [nhưng] thời gian ấy rất ít, như khách chỉ ở trọ. Một phen đọa trong Tam Đồ, thời gian ấy dài lâu như ở yên nơi quê nhà. Mỗi lần nghĩ đến tâm kinh sợ, dựng đứng lông tóc, [nên] không ngại rát miệng mà khẩn cáo đồng nhân.

❖ Xem kỹ thơ ngài gởi đến, bàn luận nhiều điều, nhưng có thể nói gọn một lời là: *“chỉ dùng tri kiến phàm phu để suy lường xằng bậy Phật Trí mà thôi”*. Và như chúng ta từ sống đến chết, trong là thân tâm, ngoài là cảnh giới, có một ai biết rõ được nguyên do mọi

sự chẳng? Từ khi mình có hiểu biết đến nay, thấy tiền nhân làm sao mình cũng bắt chước làm đúng như thế thì thân thể mới được thành tồn, mọi sự mới thuận tiện, thích đáng, thân tâm an lạc, từ sống đến chết hưởng thọ tự tại. Đối với những lời khuyên dụ của đức Như Lai, các hạ cho rằng vì không biết ngọn ngành Phật Trí và ngọn ngành Tịnh Độ như thế nào, nên dù Phật, Tổ nói lời thành thật, cũng không thể nhân đó sanh lòng tin.

Xin lấy chuyện này để xét: Các hạ suốt ngày ăn cơm, suốt ngày mặc áo, thì có biết hay là không biết nguồn gốc của việc chống đối, ngăn lạnh? Nếu nói là biết thì ai là người biết, xin chỉ đích xác ra. Nếu chỉ không được, vẫn là theo quy cũ của tiền nhân đã lập mà ăn cơm, mặc áo; sao lại đối với diệu pháp liễu sanh thoát tử bậc nhất, cứ đòi phải biết trước cội nguồn rồi mới sanh lòng tin, trọn chẳng chịu do lời thành thực của chư Phật, chư Tổ mà sanh lòng tin vậy?

Lại nữa, nếu các hạ có bệnh cần phải uống thuốc thì trước hết sẽ mở sách Bản Thảo, Mạch Quyết ra xem để biết được tánh, nguồn gốc căn bệnh rồi căn cứ trên bệnh chứng mà kê toa, sau đấy mới uống thuốc; hay là lập tức mời thầy lang chẩn mạch, lập tức uống thuốc? Nếu lập tức uống thuốc thì việc trị bệnh và học Phật mâu thuẫn nhau quá!

Dù cho có mở sách Bản Thảo, Mạch Quyết ra xem để biết được tánh, gốc bệnh, cũng vẫn mâu thuẫn với việc học Phật. Vì sao vậy? Bản Thảo, Mạch Quyết đều là lời để đời của tiền nhân. Ông chưa thể tận mắt thấy, làm sao tin được? Nếu bảo những câu trong Bản Thảo, Mạch Quyết không thể không tin thì lời của Phật, Tổ, thiện tri thức sao lại đều chẳng tin, cứ phải chính mình thấy mới tin?

Với tri kiến của ông, nếu cứ thật tình mà luận thì trước hết phải thấy thuốc ấy chạy vào kinh mạch nào, trị được bệnh nào, rồi mới kê toa, uống thuốc; quyết không chịu dựa theo những điều nói trong

Bản Thảo, Mạch Quyết để lập toa, uống thuốc. Vì sao vậy? Vì chưa từng thấy.

Nay nguồn gốc của việc chống đói, ngăn lạnh, trị bệnh chưa từng thấy nhưng vẫn cứ ăn cơm, mặc áo, uống thuốc; vậy thì ngọn nguồn của Phật và Tịnh Độ chưa từng thấy, dù có lời thành thật của Phật, của Tổ cũng không tin là vì lẽ gì? Với điều này thì coi là chuyện liên quan đến tánh mạng, tuy không biết vẫn chẳng dám không làm đúng như thế. Còn với chuyện kia lại cậy mình cao minh, đòi phải thấy tốt cùng mới chịu tu trì pháp ấy. Xưa nay được mấy đáng hào kiệt phi thường như thế? Do tri kiến đó, rốt cục không hưởng được lợi ích thật sự của Phật pháp.

Những người bị coi là ngu phu, ngu phụ kia, thoát đầu cũng không biết gì, nhưng y theo quy củ của tiền nhân, cấm đầu niệm Phật. Bởi đó, ngầm thông Phật trí, thâm hợp đạo mâu, liền được đói nghiệp vãng sanh, cùng người đoạn Hoặc vãng sanh đều chứng Phật Quả, có hơn người chỉ biết suông rồi thôi chẳng? Dạng người tự dán nhãn mình là hạng xuất cách, do nghi sanh báng, sẽ từ kiếp này sang kiếp khác, đọa mãi trong ác đạo, dù hàng ngu phu, ngu phụ niệm Phật vãng sanh thương xót muốn cứu vớt giùm cũng không được. Vì sao? Vì hạng này bị ác nghiệp bất tín đòi trước chướng ngại.

Trí của các hạ như Can Tương, Mạc Gia¹, chặt ngọc như chém bùn. Do chẳng khéo dùng trí ấy, khác nào dùng thanh Can Tương, Mạc Gia để chém bùn, bùn không việc gì, uổng phí kiếm sắc, không đáng buồn sao!

❖ Phật pháp là tâm pháp. Tất cả pháp thế gian không sánh ví được. Có sánh ví chẳng qua là để khiến người ta lãnh hội được ý nghĩa. Không được chấp chết vào “Sự” để bàn ngang. Dùng cái

¹ **Can Tương, Mạc Gia:** tên của hai thanh bảo kiếm của thời Xuân Thu

quạt để ví cho mặt trăng, rung cây dậy gió. Nếu cứ do cái quạt tìm lấy quang minh, từ nơi cây tìm ra sự phát phơ thì có còn được gọi là trí hay chẳng? Tuy mộng cảnh là giả, nhân quả là chân, cũng không ngại dùng mộng cảnh để ví dụ nhân quả, cốt sao chúng phù hợp nhau.

Là sao? Vọng tâm là Nhân, mộng cảnh là Quả. Nếu không, vọng tâm chắc chắn chẳng có mộng cảnh. Điều này nhất định không dễ luận. Tâm thiện ác và việc tu trì là Nhân, được quả báo thiện ác và quả báo tu trì là Quả. Các hạ phải tin; nếu không, do vọng tâm là nhân của mộng sẽ được mộng cảnh. Tâm niệm Phật là nhân thành Phật, gần là được vãng sanh Tây Phương, xa là rốt ráo viên thành Phật đạo. Đây chính là điều ngài đang nghi, ngăn trở ngài phát khởi lòng tin vậy.

❖ Hãy để chuyện Phật rốt ráo là có hay không lại đó. Các hạ cứ muốn cật vấn Phật là có hay là không thì hãy tự hỏi chính các hạ rốt ráo là có hay là không? Nếu bảo là không thì mỗi ràng buộc này đây, ai là người thuật nói? Nếu bảo là có, xin hãy chỉ đích xác! Lời lẽ của người nói chỉ là do yết hầu và thức tâm hợp lại mà có. Văn tự cũng do thức tâm, tay, bút vận động mà hiện. Mỗi mỗi đều không ngoài Ngũ Uẩn: Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức; đều không phải là các hạ. Rời ngoài năm pháp này có chỉ được ai là các hạ để hỏi Phật rốt ráo là có hay không, mà cho đó là câu hỏi đại trí tuệ?

Nếu không chỉ ra được chính mình là có hay không, nhưng lại muốn biết Phật là có hay không trước đã thì đây chỉ là câu hỏi cuồng vọng, không đáng luận tới, không phải câu hỏi thấu đạt lý đến cùng tận. Phật rốt ráo là có. Vì phàm tình của ông chưa sạch, nên Phật chẳng thể hiện. Chính các hạ cũng là “có”. Do Ngũ Uẩn của ông chưa là “không” nên cũng chẳng thể chỉ ra ngoài Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức được.

❖ Kinh Kim Cang dạy hàng Bồ Tát phát tâm Bồ Đề, phát tâm độ tất cả chúng sanh, khiến họ đều chứng Vô Dư Niết Bàn, nhưng không thấy có một chúng sanh được diệt độ. Chẳng trụ vào Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp để hành bố thí. Bố thí đứng đầu trong Lục Độ vạn hạnh. Nếu lên bố thí thì trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, cho đến vạn hạnh cũng đều không trụ vào Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp để tu. Kinh văn này giản lược, chỉ nêu bố thí để nói chung tất cả các pháp kia.

Hãy nên không trụ vào đâu để sanh tâm. Không có các tướng ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả mà tu tất cả thiện pháp. Nói như vậy thì bảo là hữu tướng hay vô tướng?

Tướng quang minh rộng lớn như vậy, chật kín thái hư mà bảo là “không” thì khác gì mù lòa từ lúc mới sanh? Nói “*không có một chúng sanh được độ*” là chẳng trụ vào tướng, vô tướng. “Vô sở trụ” là muốn cho con người chẳng vướng mắc trong phạm tình, Thánh kiến, rồi chấp trước tướng.

Nói “*độ tận chúng sanh, hành bố thí, sanh tâm, tu thiện pháp*” là muốn cho con người xứng tánh tu tập pháp tự lợi, lợi tha, ngõ hầu mình lẫn người cùng được viên mãn Bồ Đề mới thôi, đừng vướng vào đó. Vọng chấp “vô tướng” là rất ráo, chia xẻ cùng một tri kiến với kẻ nhai bã hèm, có đáng gọi là người có trí tuệ chăng? Tín có gì là khó khởi, nghi có gì là khó trừ? Ông quyết định không chịu khởi, quyết định không chịu trừ; dù Phật có đích thân thuyết pháp cho ông, cũng chẳng làm sao được. Huống hồ tôi đây chỉ là kẻ phàm phu đầy dẫy phiền phược.

❖ Muốn biết Phật là thật hay giả, sao không đối với những lý được bàn trong Tịnh Độ Văn, Tây Quy Trục Chỉ và những chuyện được chép trong ấy mà phát khởi lòng tin, dứt lòng nghi; lại cho những ngôn luận, sự tích ấy chỉ là chuyện bịa đặt, lời đồn, không

đáng để vào mắt vậy? Nếu nghĩ như vậy thì nhất định linh hồn chẳng đọa trong năm đường nào khác, chỉ ở ngay trong địa ngục A Tỳ đến hết đời vị lai. Cứ mãi mãi hưởng thọ vạc sôi, lò than, rừng gươm, núi đao do tâm hiển hiện, cứ coi chúng như các thứ lạc cảnh tự tại thọ dụng. Coi đó là vui thì không thể khuyên dụ được nữa.

Ông cứ muốn biết Phật là thật hay giả, dù Tịnh Độ Văn, Tây Quy Trục Chỉ nói gì đi nữa đều coi là chẳng thật; chỉ khi tự mình thấy, đích thân chứng, mới nhận là thật. Nay tôi lấy một sự tướng để hỏi, ông nên thẳng thắn đáp lời, không được hàm hồ, thoái thác.

Bắc Thông Châu Vương là Thiết San, trước thời nhà Thanh từng giữ chức Phiên Đài ở Quảng Tây. Khi ấy, Quảng Tây thổ phỉ rất nhiều. Lúc ông coi việc binh bị bèn bày kế diệt hết phỉ đảng, bắt giết rất nhiều. Bốn năm trước đây, ông mắc bệnh rất nặng. Cứ chớp mắt liền thấy mình ở trong căn nhà tối. Nhà đó rất lớn, lại rất tối, bọn quỷ vô số đều đến bức bách ông, sợ quá tỉnh dậy. Một lát sau, chớp mắt lại thấy y như cảnh cũ, lại hoảng sợ tỉnh dậy. Suốt ba ngày đêm chẳng dám chớp mắt. Ông ta chỉ còn thờ thoi thóp, vợ bèn khuyên dụ: *“Ông cứ như thế không tốt đâu! Ông niệm Nam Mô A Di Đà Phật đi, niệm Phật sẽ ổn ngay!”* Thiết San nghe vậy liền gắng niệm. Được một chốc liền ngủ, ngủ đầy một giấc không mộng mị gì, mà bệnh cũng dần dần thuyên giảm. Nhân đó, ông trường trai niệm Phật. Năm ngoái, Thiết San và Trần Tích Chu lên núi, có trò chuyện cùng Quang.

Nếu các hạ lâm vào cảnh ấy, thì cứ phải biết trước Phật là thật hay giả rồi sau mới niệm chăng? Hay là nghe xong liền niệm? Nếu lúc ấy không nhọc công xét thật, giả; cứ niệm ngay thì hiện tại sao lại cùng người đời này bàn bạc ngôn luận, sự tích người đời trước là thật hay hư? Cứ nhất loạt cho là vọng, chỉ cầu lấy chỗ đúng; cứ vịn vào đó khiến tâm cảnh mơ màng, mờ mịt, còn toan nhỏ lệ khóc cầu nữa ư? Đã có thể coi phú quý như chiếc dép rách, sao không thể coi

chấp trước giống như chiếc dép rách để bỏ sạch cả đi? Ông tính dùng tri kiến ấy để làm cửa nhập đạo đấy ư? Không biết nó chính là đường để đạt địa ngục A Tỳ đấy!

Lấy mộng để ví cho Phật thì vọng tâm là Nhân, mộng cảnh là Quả. Ví như niệm Phật là Nhân, vắng sanh gặp Phật là Quả. Vì sao có thể lấy sáu thí dụ trong Kinh Kim Cang làm chứng? Ngôn ngữ, văn tự thế gian, một chữ, một sự, không ngại gì diễn tả cả sang lẫn hèn, giảng giải cả tốt lẫn xấu. Chẳng hạn như chữ “Tử”, dùng để chỉ mình đức Phu Tử cũng được, mà chỉ người bình thường cũng được, dùng để gọi con cái cũng tốt. Điều phải dựa vào văn mạch để xác định ý nghĩa, quyết không thể đối với chữ Tử có nghĩa là Phu Tử, lại giảng là “nhị tử” được. Cõi Phật là mộng cảnh, đâu cần chờ các hạ thành Phật rồi mới nói sau. Nói như vậy chỉ tự tổn hại, vô ích mà thôi.

❖ Sự, Lý, Tánh, Tướng, Không, Hữu, Nhân, Quả lẫn lộn chẳng phân, chỉ bằng học theo ngu phụ, ngu phụ, cầm cú niệm Phật; cứ chí cung, chí kính, một mực thành khẩn, lâu ngày chầy tháng, nghiệp tiêu, trí rạn, chương tận, phước dày, mỗi nghi tâm ấy triệt để rơi rụng hết, thì những chuyện Phật có hay là không, chính mình là có hay là không, đường nẻo “vào cửa Phật, lên bờ kia” đã có xác cứ, nào phải đợi hỏi ai nữa.

Nếu không chuyên tâm, dốc chí niệm Phật, cứ cùng người khác bàn suông những hiểu biết chỉ mới được một phần, thì cũng giống như xem Kinh Kim Cang nhưng chẳng biết Thật Tướng. Xem Tịnh Độ Văn, Tây Quy Trục Chỉ nhưng không sanh tín tâm là do nghiệp ngăn chướng tâm, không thể lãnh hội. Như kẻ mù nhìn mặt trời, mặt trời ở ngay trên không, mắt nhìn ngay vào mặt trời nhưng chẳng thấy được tướng sáng, nào khác lúc không thấy. Nếu mắt được sáng lại, vừa nhìn liền thấy ngay tướng sáng.

Một pháp Niệm Phật chính là pháp tối thiết yếu để mắt được sáng lại. Muốn thấy tướng trạng Thật Tướng, hãy nên dốc trọn lòng thành nơi pháp này, ắt mau có ngày được thỏa nguyện vậy. Muốn tự thấy Chân Ngã, nếu không phải là bậc đại triệt đại ngộ sẽ không thể làm được. Muốn chứng ngộ mà chẳng đoạn Hoặc chứng Chân sẽ không thể được. Muốn viên chứng, nếu ba Hoặc chưa đoạn sạch, hai Tử¹ chưa vĩnh viễn mất, sẽ không thể được.

Luận trên thực tại, các hạ luân hồi bao kiếp dài lâu và nay đang cật vấn những điều trái với giáo lý đều là do sức tác dụng của Chân Ngã. Do các hạ quay lưng với giác, xuôi theo trần lao, nên không thể thọ dụng chân thật. Khác nào cái đầu của gã Diễn Nhã², hạt châu trong áo, từ đầu đến cuối chưa hề mất, làm sanh sợ hãi, làm chịu khổn cùng vậy.

❖ Tất cả thể gian dù là căn thân (*tức thân chúng ta*) hay là thể giới (*hiện tại trời đất*) đều là do đồng nghiệp, biệt nghiệp trong tâm của chúng sanh cảm thành, đều có thành - hoại, đều không trường cửu. Thân có sanh, già, bệnh, chết; thể giới có thành, trụ, hoại, không. Câu nói: “*Vật cực tắc phản, cực lạc sanh bi*”³ là nói về ý này. Do Nhân đã là sanh diệt, Quả cũng không thể không sanh diệt.

Thể giới Cực Lạc là thể giới do Phật A Di Đà đã chứng ngộ triệt để Phật tánh sẵn có trong tự tâm, tùy tâm biến hiện, xứng tánh trang nghiêm. Vì thế, sự vui trong cõi ấy không có lúc cùng tận. Ví như hư không rộng rãi to lớn, bao hàm hết thủy sâm la vạn tượng. Dù thể

¹ Hai Tử: phần đoạn sanh tử và biến dịch sanh tử

² Đầu gã Diễn Nhã: trong Kinh Lăng Nghiêm có nhắc đến một người tên là Diễn Nhã, soi gương thấy mặt mình, bèn sanh vọng tưởng là đầu của ai đây, đầu của mình ở đâu, rồi đâm ra phát cuồng.

³ Mọi sự đến chỗ cùng cực sẽ chuyển biến theo chiều ngược lại, vui quá hóa buồn.

giới nhiều lần thành, nhiều lần hoại, hư không rốt ráo không bị tăng giảm.

Ông đem sự vui thế gian để biện bác sự vui Cực Lạc, nhưng sự vui Cực Lạc ông chưa thể thấy. Dầu ông chưa thể thấy toàn bộ hư không, nhưng với khoảng hư không trong vòng trời đất đây, ông có bao giờ thấy nó bị biến cải hay chưa?

Phải biết rằng tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Vì thế Đức Phật dạy con người niệm Phật cầu sanh Tây Phương để nhờ vào nguyện lực đại từ bi của Phật Di Đà, cũng sẽ được thọ dụng niềm vui bất sanh bất diệt này. Do căn thân là liên hoa hóa sanh nên không có nỗi khổ Sanh, Lão, Bệnh, Tử. Thế giới là do công đức xứng tánh hóa hiện nên không có biến chuyển Thành, Trụ, Hoại, Diệt. Dù là Thánh nhân vẫn có những điều không biết, há nên vì những pháp sanh diệt trong thế gian mà khởi nghi ư?

❖ Pháp môn Tịnh Độ là bí tâm triệt để của đức Như Lai, là pháp môn phổ độ chúng sanh, khiến cho những kẻ phàm phu đầy dẫy triền phược, không có sức đoạn Hoặc, nhờ Tín Nguyện Trì Danh sẽ được liễu thoát ngay trong đời này, cùng làm bè bạn với Quán Âm, Thế Chí. Trên đến bậc Đăng Giác Bồ Tát, địa vị gần kề Phật Quả vẫn còn phải vãng sanh mới thành Chánh Giác. Chí viên chí đốn, thông trên suốt dưới, vượt trội tất cả các pháp môn đã được giảng trong một đời giáo hóa. Vì thế, trong khi Đức Phật giảng Kinh A Di Đà, sáu phương chư Phật hiện tướng lưới rộng dài đồng thanh tán thán, khen là Kinh công đức không thể nghĩ bàn, được tất cả chư Phật hộ niệm.

Phật lại nói: *“Ta là Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn làm được chuyện rất khó, hiếm có”*. Đức Thế Tôn ta tự thuật cái nhân từ trước: *“Ta trong đời ác ngũ trước, làm được chuyện khó làm sau đây: chứng đắc Bồ Đề, vì tất cả thế gian nói pháp khó tin này. Thật là rất khó”*

khiến cho người nghe tin nhận, phụng hành, chỉ nhằm bày trọn bốn hoài xuất thế mà thôi.

Nhưng pháp môn này rất sâu, khó lường, tuy đã được Bốn Sư và chư Phật Thế Tôn cùng khuyên nên tin tưởng, nhưng đời vẫn còn rất nhiều kẻ nghi. Không những hàng thế trí phàm tình chẳng tin, ngay cả hàng tri thức thông hiểu Tông, Giáo sâu xa cũng còn ngờ vực. Không những hàng tri thức chẳng tin, mà bậc Thanh Văn, Duyên Giác đã chứng Chân Đế, nghiệp tận tình không, vẫn còn nghi ngờ. Không những bậc tiểu Thánh chẳng tin, ngay cả Quyền Vị Bồ Tát cũng hãy còn ngờ. Ngay đến bậc Pháp Thân Đại Sĩ dù đã tin chắc, nhưng vẫn không thể thấu hiểu tận cùng nguồn cội.

Đó là vì pháp môn này lấy Quả Giác làm Nhân Tâm, toàn thể là cảnh giới Phật, chỉ riêng Phật với Phật mới có thể hiểu trọn, không phải trí con người thấu hiểu được. Bọn phàm phu ta ngưỡng tin lời Phật, y giáo phụng hành sẽ tự được lợi ích thật sự. Nếu được nghe pháp môn “không thể nghĩ bàn” này thì phải là trong nhiều kiếp đã gieo sâu căn lành, hướng hồ là tin nhận, phụng hành ư?

❖ Kinh Hoa Nghiêm vua của Tam Tạng, là do đức Như Lai lúc tối sơ thành Chánh Giác, vì các bậc Pháp Thân Đại Sĩ thuộc bốn mươi địa vị đã vượt ngoài cửu giới, giảng ra pháp một đời thành Phật. Chỗ quy tông kết đảnh của “Thật Nghĩa rốt ráo” là dùng mười Đại Nguyên Vương, hồi hướng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới để mong viên mãn Phật Quả.

Cảnh sở chứng của Thiện Tài đã bằng với Phổ Hiền, bằng với chư Phật, được gọi là bậc Đẳng Giác Bồ Tát. Đẳng Giác chỉ kém Phật một chút mà vẫn còn phải hồi hướng vãng sanh. Toàn bộ các Bồ Tát trong biển Hoa Tạng thế giới đều vãng thọ giáo pháp này, cùng tu pháp này. Kẻ thông Tông, thông Giáo hiện nay, mức căn tánh thông lợi, mức chứng nhập sâu xa lại hơn nổi các vị Đẳng Giác

Bồ Tát kia chẳng? Ngàn Kinh, vạn luận, đâu đâu cũng chỉ quy; vắng Thánh tiền Hiền ai nấy đều hướng về. Những Kinh luận ấy há không đáng để tuân thủ, hành theo ư? Các vị Thánh Hiền ấy đều là hạng ngu phu, ngu phụ ư?

Nói gọn một lời: *“Nghệp sâu chương nặng, chưa được giải thoát nên đến nỗi đối với việc hằng ngày còn chẳng biết, cứ quen thói không suy xét đó thôi!”*

❖ Nếu nói: A Di Đà Phật an cư Cực Lạc. Mười phương thế giới vô lượng, vô biên. Trong một thế giới, chúng sanh niệm Phật cũng nhiều vô lượng, vô biên, A Di Đà Phật một thân làm sao tiếp dẫn khắp tất cả những chúng sanh niệm Phật trong mười phương vô lượng vô biên thế giới được?

Đáp: Sao ông lại dùng tri kiến phàm phu để suy lường Phật cảnh? Tôi mượn thí dụ nói rõ cho ông khỏi lầm. Một vàng trắng sáng rực trên không, hiện bóng trong vịnh con sông, trăng có tâm chẳng? Trên trời chỉ có một vàng trắng, nhưng biển cả, sông ngòi, sông to, suối nhỏ, đều hiện trọn vẹn khuôn trăng. Dù nhỏ như một chước¹, một giọt nước, không nơi nào không hiện toàn thể bóng trăng.

Lại nữa, vàng trắng hiện nơi sông, rạch, một người nhìn thì có một vàng trắng ở ngay trước người ấy. Trăm ngàn vạn ức người trong trăm ngàn vạn ức chỗ cùng nhìn, không một ai lại không có một vàng trắng ở ngay trước mặt. Nếu trăm ngàn vạn ức người ai nấy đi qua Đông, Tây, Nam, Bắc; mỗi người đi đến đâu, luôn thấy trăng cũng đi theo đấy, chẳng hề gần xa. Nếu trăm ngàn vạn ức người đứng yên không động, trăng cũng đứng yên chẳng động, thường ở bên người. Chỉ là nước trong lặng, trăng sẽ hiện; nước đục

¹ **Chước:** một phần trăm của thăng (ta thường dịch là thương), đơn vị đo dung lượng rất nhỏ. Mười chước là một cấp (ta thường dịch là một “lẻ”). Một thương gần bằng một lít (Người Hoa gọi lít là “công thăng”). Như vậy, có thể tạm hiểu một chước gần bằng một centiliter.

chao động, trắng ẩn mất. Trắng vốn không lấy bỏ, trắng không hiện là vì nước đục ngầu, lay động, chẳng phản chiếu được bóng trắng.

Tâm chúng sanh như nước, A Di Đà Phật như trăng. Chúng sanh đầy đủ Tín, Nguyện, Hạnh, chí thành cảm Phật thì Phật sẽ ứng như trăng hiện trong nước. Nếu tâm không thanh tịnh, không chí thành; ứng với tham, sân, si; trái nghịch với Phật như nước vừa đục vừa xao động, dù trăng vẫn chiếu xuống nhưng không thể hiện bóng rõ ràng.

Trăng là sắc pháp thế gian, còn diệu dụng như vậy, hướng hồ Phật A Di Đà đã hết sạch phiền Hoặc, phước huệ đầy đủ, tâm bao thái hư, lượng trọn pháp giới ư? Vì thế Kinh Hoa Nghiêm bảo: *“Phật thân đầy khắp pháp giới, hiện trước tất cả chúng sanh. Tùy duyên cảm ứng không đâu là không trọn khắp, nhưng luôn ngồi nơi tòa Bồ Đề này”*.

Do đó, biết rằng Phật cảm khắp pháp giới, Phật ứng khắp pháp giới. Phật thật sự chưa từng khởi tâm động niệm, có ý tưởng đến đi, nhưng có thể khiến cho chúng sanh duyên đã thành thực thấy Ngài đến tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Cho nên Phật không phải là một, không phải là hai. Chỉ nêu đại ý để sanh chánh tín mà thôi.

❖ Phải biết rằng pháp môn Tịnh Độ chính là để nhiếp phục người thượng thượng căn. Vì thế, Thiện Tài đã chứng Đăng Giác, Phổ Hiền Bồ Tát vẫn dạy dùng mười Đại Nguyện Vương hồi hướng vãng sanh, ngõ hầu viên mãn Phật Quả; nhân đó, khuyên khắp Hoa Tạng hải chúng. Do vậy, ta biết rằng một pháp hồi hướng vãng sanh Tịnh Độ chính là pháp tối hậu để viên mãn Phật Quả.

Đời có người cuồng không hiểu kỹ giáo lý, thấy ngu phu, ngu phụ đều tu được pháp này bèn khinh rẻ, cho là pháp Tiểu Thừa, chẳng biết rằng đây chính là pháp môn đệ nhất một đời thành Phật, thành thủy, thành chung của Hoa Nghiêm.

Cũng có người ngu tri kiến hẹp kém, nghĩ mình công phu cạn mỏng, nghiệp lực sâu dày, làm sao vãng sanh ngay được; không biết rằng tâm tánh chúng sanh và tâm tánh của Phật chẳng hai. Ngũ nghịch, thập ác sắp đọa địa ngục, gặp thiện tri thức dạy cho niệm Phật đủ cả mười tiếng hoặc chỉ mấy tiếng rồi liền chết đi, còn được vãng sanh. Lời Quán Kinh dạy có sao chẳng tin?

Bọn họ còn vãng sanh, huống hồ chúng ta dù còn tội nghiệp, dù ít công phu, sánh với kẻ thập ác ngũ nghịch kia [chỉ niệm] mười tiếng hay là mấy tiếng, còn vượt trội hơn rất nhiều, lẽ nào tự vội vàng bỏ qua đến nỗi đánh mất lợi ích vô thượng này?

Như Lai gọi pháp môn Tịnh Độ này là pháp khó tin là vì hạ thủ dễ, lại thành công cao; dụng công ít, được hiệu quả nhanh. Chí viên, chí đốn, thẳng tắt, rộng lớn, giản dị, vượt trội tất cả giáo lý thông thường. Chẳng phải khi xưa vốn đã có thiện căn, quyết sẽ khó tin nhận, phụng hành. Tôi thường nói: *“Cửu giới chúng sanh là khởi pháp môn này thì trên không thể viên thành Phật đạo. Mười phương chư Phật bỏ pháp môn này thì dưới chẳng thể lợi khắp quần sanh”* là chuyện thật vậy.

❖ Pháp môn Tịnh Độ độ khắp ba căn, chính là để tiếp độ căn khí thượng thượng, kiêm tiếp dẫn hạng trung, hạ căn. Người ngu thường hay chê là pháp thiên cận, Tiểu Thừa; nói chung là vì không xem Kinh luận Đại Thừa, chưa phải là người thông suốt có đủ con mắt. Chỉ dùng cái tâm điên đảo, chấp trước của mình để suy lường đạo nguyên thủy trọng yếu, chung cục của Như Lai. Như kẻ mù ngó mặt trời, như người điếc nghe sấm, đương nhiên không thấy, không nghe, chỉ đành suy luận vọng tưởng.

Phải biết một pháp “Tịnh, Nguyên Niệm Phật” là do Như Lai vì bi tâm triệt để phổ độ chúng sanh mà tuyên thuyết, chỉ có các vị Bồ Tát như Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền mới có thể rốt ráo

đảm đương. Những người kia thấy ngu phu, ngu phụ đều niệm Phật được bèn coi là pháp Tiểu Thừa thiên cận, khác nào ngôi sao bé chỉ có được khoảng trời nhỏ, con trùng bé chỉ bò được khoảng đất hẹp.

Nếu tin tưởng được pháp này là nhiều kiếp đã trồng sâu thiện căn. Nếu có thể dùng “Tín Nguyễn Sâu Trì Danh Hiệu Phật, Nhiếp Trộn Sáu Căn, Tịnh Niệm Tiếp Nối” thì cái tâm phàm phu đó biến thành Như Lai Tạng; như người nhiễm hương, thân có mùi thơm. Hiện tại đã tiếp giáp với khí phần của Phật thì lúc lâm chung lại không cảm ứng đạo giao, được Phật tiếp dẫn hay sao?

3. Khuyên đầy đủ Tín, Nguyễn

❖ Dù kính cẩn tu trì Ngũ Giới, Thập Thiện, được thân trời người, nhưng phước lạc nhân gian lại chính là cội rễ đọa lạc. Trên trời tuy phiên Hoặc không mãnh liệt như ở nhân gian, nhưng một khi phước trời đã tận, nhất định sẽ đọa xuống. Do túc phước chưa tận, nên được hưởng phước. Do hưởng phước nên tạo nghiệp. Đã tạo nghiệp rồi thì đọa lạc ác đạo chỉ trong khoảng nháy mắt, một hơi thở mà thôi. Huống hồ có người khi mạng trời hết, vì sức ác nghiệp đời trước đã chín, liền đọa ngay vào ác đạo.

Vì thế Cổ Đức bảo, người tu hành nhưng không có chánh niệm tu trì Tịnh Nghiệp, chỉ được phước báo trời người, thì gọi là oán thù đời thứ ba. Kinh Pháp Hoa nói: “*Tam giới không yên, giống như nhà lửa. Thật đáng sợ hãi*”. Người biết tốt xấu phải gấp cầu xuất ly để được yên ổn mới là kẻ sách bậc thượng vậy.

❖ Một pháp Niệm Phật là cậy vào “Phật Lực” để thoát Tam Giới, sanh về Tịnh Độ. Nay đã không phát Nguyễn thì có Tín chăng? Tín, Nguyễn đều không, chỉ niệm Phật danh thì thuộc về Tự Lực. Vì không Tín, Nguyễn nên chẳng thể cảm ứng đạo giao cùng hồng thệ

của đức Di Đà. Nếu hết “Kiến Tư Hoặc”, có lẽ được vãng sanh. Còn nếu hoàn toàn chưa đoạn hay chưa đoạn hết sạch thì nghiệp căn vẫn còn, làm sao thoát ngay khỏi luân hồi cho được? Ngũ Tổ Giới Diển, Thảo Đường Thanh, v.v. chính là những chứng cứ xác thực.

Phải biết rằng không có Tín, Nguyện mà niệm Phật sẽ chẳng khác gì tham cứu bên Tông, bên Giáo. Dù có được vãng sanh nhưng nhân quả chẳng phù hợp với nhau. Ngài Ngẫu Ích nói: *“Được vãng sanh hay không toàn là do có tín nguyện hay không. Phẩm vị cao hay thấp toàn là do trì danh sâu hay cạn”*. Đây chính là phán định chắc như sắt vậy.

❖ Bình sinh tuyệt không có Tín, Nguyện thì khi lâm chung nhất định khó cậy vào Phật Lực. Đã nói là *“thiện ác đồng thời cùng hiện ngay”* thì không luận là bốn chữ A Di Đà Phật chẳng hiện nên chẳng được vãng sanh, mà dù có hiện cũng không được vãng sanh. Vì sao vậy? Do không nguyện vãng sanh, do không cầu Phật, nên không được Phật tiếp dẫn. Kinh Hoa Nghiêm nói: *“Giả sử ác nghiệp có thể tương thì mười phương hư không không thể chứa đựng nổi”*. Cổ Đức nói: *“Như người mắc nợ, chủ nợ nào mạnh sẽ kéo đi trước”*. Tâm tình đa đoan, đặt nặng nơi nào sẽ nghiêng về đó. Nay thiện ác đều hiện, do không có Tín, Nguyện [nên] không thể làm gì ác nghiệp được. Phải biết rằng, cậy vào tự lực thì nếu còn một mảy ác nghiệp sẽ không thể xuất ly sanh tử, huống chi là nhiều ác nghiệp?

Lại nếu không Tín, Nguyện, dù niệm đến “Nhất Tâm” thì trong vô lượng vô biên người như thế, may ra có một hai người được vãng sanh. Quyết chẳng thể lấy đó làm gương để cắt đứt thiện căn của tất cả người vãng sanh Tịnh Độ trong đời sau. Vì có sao? Người có thể cậy vào tự lực, niệm đến mức nghiệp tận, tình không; chứng Vô Sanh Nhẫn; trong cả cõi đời ít có được một, hai. Nếu ai nấy tu hành theo cách đó, bỏ Tín, Nguyện không theo, thì những chúng sanh bình

thường sẽ ở mãi trong biển khổ, không cách nào xuất ly, đều là do bị một lời này gây ra vậy. Thế mà người ấy vẫn dương dương đắc ý, cho mình là thật cao, chẳng biết mình bị đoạn Phật huệ mạng, là chúng sanh ngu si nói cuồng. Buồn thay!

Với pháp Tịnh Độ, phải tránh nhìn bằng một mắt, không được đem những giáo nghĩa thông thường để so bì. Nếu Như Lai không mở ra pháp này thì sự liễu sanh thoát tử của chúng sanh đời mạt sẽ chẳng thể thấy được.

❖ Phải nên phát “tâm quyết định”, lâm chung quyết định muốn được sanh về Tây Phương. Đừng nói là không muốn thọ lại thân người tầm thường, mà ngay cả thân vua trong cõi trời, người; hay xuất gia làm Tăng nghe một ngộ cả ngàn, đắc đại tổng trì, hoàng hóa đại pháp làm lợi khắp chúng sanh; cũng coi như chỗ chất chứa tội lỗi, độc hại; tâm quyết định chẳng sanh một niệm muốn thọ nhận. Quyết định như thế thì Tín, Nguyễn, Hạnh của mình mới cảm được thệ nguyện của Phật, mới được Phật nhiếp thọ – Cảm ứng đạo giao, được Phật tiếp dẫn, thăng lên cửu phẩm, vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi.

❖ Phải biết rằng: Tây phương Cực Lạc thế giới, đừng nói là phàm phu không đến được, ngay cả Thánh nhân Tiểu Thừa cũng không đến được, vì nơi đó thuộc về cảnh giới Đại Thừa, không thể nghĩ bàn. Tiểu Thánh hồi tâm hướng “Đại” thì liền đến được. Phàm phu nếu không có Tín, Nguyễn để cảm Phật, dù tu tất cả các hạnh thù thắng khác, lẫn hạnh “trì danh” thù thắng cũng không thể vãng sanh. Vì thế, Tín, Nguyễn là tối khẩn yếu. Ngài Ngẫu Ích nói: “*Được vãng sanh hay chẳng toàn là do có Tín, Nguyễn hay không. Phẩm vị cao hay thấp toàn là do trì danh sâu hay cạn*”. Dù ngàn đức Phật

xuất thế cũng không thay đổi được lời phán định chắc như sắt này. Có thể tin cho trọn cùng, dám chắc Tây Phương ông phải có phần.

❖ Nếu luận về pháp môn Niệm Phật thì chỉ có ba pháp Tín, Nguyện, Hạnh là tông yếu. Đầy đủ ba pháp, quyết định vãng sanh. Nếu không có Tín Thật, Nguyện Thiết, dù có chân hạnh cũng không thể vãng sanh, huống là kẻ tu hành hời hợt, qua loa ư? Ngài Ngẫu Ích từng bảo: *“Được vãng sanh hay chẳng toàn là do có Tín, Nguyện hay không. Phẩm vị cao hay thấp toàn là do trì danh sâu hay cạn”*. Chính là pháp này cả ba đời không dễ thường bàn, là diệu đạo độ khắp ba căn. Hãy nên dốc trọn toàn thân nương về tu tập, mới hòng chứng được lợi ích thật sự.

Ba thứ Tín, Nguyện, Hạnh sách Thập Yếu đã giảng rõ từng thứ. Nhưng trọng yếu nhất là trong phần giảng về Ngũ Trung Huyền Nghĩa của sách Yếu Giải, phần thứ ba là Minh Tông¹ đã phát huy ba pháp này tinh tường bậc nhất. Tiếp đó, trong mỗi một đoạn văn, Tổ đều giảng giải về Tín, Nguyện, Hạnh. Hãy nên đọc thật kỹ quyển sách không thể thiếu này.

❖ Muốn sanh Tây Phương, trước tiên phải có “Tín Thật, Nguyện Thiết”. Nếu không có lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, dù cho tu hành vẫn chẳng thể cảm ứng đạo giao cùng Phật, chỉ được phước báo nhân thiên và tạo thành cái nhân đắc độ trong đời vị lai mà thôi. Nếu đầy đủ Tín, Nguyện thì [được vãng sanh] vạn người chẳng sót một ai. Tổ Vĩnh Minh bảo: *“Vạn người tu, vạn người đến”* là nói về Tín, Nguyện, Hạnh đấy!

❖ Phàm lễ bái, đọc tụng Kinh điển Đại Thừa và làm hết những việc lợi ích người đời, tất cả đều đem hồi hướng Tây Phương, không

¹ **Minh Tông**: Minh định tông Thù của Kinh

phải chỉ niệm Phật mới hồi hướng Tây Phương được. Nếu đem các công đức khác hồi hướng về phước báo thế gian thì niệm chẳng quy một mối, càng khó vãng sanh. Phải biết rằng nếu thật sự niệm Phật sẽ không cầu phước báo thế gian, nhưng tự được hưởng phước báo thế gian. Nếu cầu phước báo thế gian, không chịu hồi hướng vãng sanh thì phước báo thế gian đạt được đó sẽ trở thành thấp kém. Tâm không chuyên nhất nên càng khó quyết định vãng sanh.

❖ Người niệm Phật chỉ nên chân thành, thiết tha niệm Phật, tự có thể nương vào Phật Từ lực tránh khỏi nạn đao binh, lửa, nước. Chỉ khi nào vì túc nghiệp lôi kéo, hoặc do trọng báo địa ngục chuyển thành báo nhẹ trong hiện đời thì mới mắc phải những nạn đó. Nhưng do thường ngày lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, nên ngay khi ấy được Phật tiếp dẫn. Dù hiện tại chưa chứng Tam Muội nhưng đã dự vào dòng Thánh. Tự thân như hình bóng; đao binh, thủy hỏa chẳng trở ngại chi. Dù hiện tại gặp phải tai ương, thật không bị khổ. Cả thế giới mệnh mông, mấy ai được như vậy chẳng?

❖ Nguyện lìa Ta Bà như tù nhân mong thoát lao ngục. Nguyện sanh Cực Lạc như kẻ nghèo mong về lại cố hương. Nếu trước khi chưa sanh về Tịnh Độ mà phải nhận lấy ngôi vua trong cõi trời, người thì cũng phải coi đó là nhân duyên đọa lạc, trọn không có một niệm mong cầu, hâm mộ. Dù cho đời sau chuyển nữ thành nam, xuất gia từ thơ ấu, nghe một ngộ cả ngàn, đắc đại ‘Tông Trì’, cũng phải coi đó là đường quanh nẻo rẽ, trọn không có tâm niệm nào mong mỏi cả; chỉ mong lúc lâm chung được Phật tiếp dẫn, vãng sanh Tây Phương.

Đã được vãng sanh, sẽ liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập Thánh, ở vào địa vị Bồ Xứ, chứng Vô Sanh Nhẫn, nhìn lại những sự như làm vua trong cõi trời, người, xuất gia làm Tăng, v.v. nào bằng Tịnh

Độ. Tu các pháp môn khác trải bao kiếp khó nhọc, chuyên cần, nào được giải thoát! Như lửa đóm sánh với vàng mặt trời rạng rỡ, như gò mối sánh cùng Thái Sơn, khó ngăn buồn thương, khó kìm run rẩy. Bởi vậy, người tu Tịnh Độ trọn không thể cầu những sự như hưởng phước lạc nhân thiên trong đời sau, đến đời sau xuất gia làm Tăng. v.v.

Nếu có chút mảy may mong cầu đời sau thì là không có lòng tin chân thành, nguyện thiết tha; đối với thệ nguyện của đức Di Đà sẽ bị cách trở; không thể cảm ứng đạo giao, được Phật tiếp dẫn. Như vậy là đã dùng diệu hạnh thù thắng chẳng thể nghĩ bàn để tạo thành phước nhân hữu lậu trong cõi nhân thiên. Huống chi, lúc hưởng phước ắt sẽ tạo nghiệp. Đã tạo ác nghiệp ắt khó tránh ác báo. Như bỏ chất độc vào đề-hồ khiến người uống vào phải chết. Người không khéo dụng tâm sẽ mắc họa như thế. Phải nên triệt để cắt đứt ý niệm ấy mới hòng được lợi ích hoàn toàn nơi Tịnh Độ, toàn thân thọ dụng vậy.

❖ Dù thọ cả trăm năm, chỉ trong khoảng khảy ngón tay, thở hắt ra một hơi là không còn nữa. Hãy tìm đường thoát; chớ để đến lúc lâm chung, hối cũng chẳng kịp. Thường nhớ Kinh dạy: *“Thân người khó được, trung quốc khó sanh, Phật pháp khó nghe, tín tâm khó khởi”*. Nay may mắn đủ cả bốn điều, càng phải nên nỗ lực như đã lên được núi báu, phải tìm cho được ngọc ma-ni.

Chúng sanh vì còn trong địa vị phàm phu, chưa đoạn Hoặc nghiệp, sanh tử giải quyết chưa xong, khó tránh đọa lạc. Do đó đức Như Lai cực lực khuyên chúng sanh *“phát tâm chân tín và nguyện tâm thiết tha, trì danh hiệu Phật cầu sanh Tịnh Độ”*. Đem tất cả công đức đã làm như cúng dường Tam Bảo, giữ giới cả đời,...; không cầu phước báo đời sau trong cõi nhân thiên; không cầu đời này trường thọ, khỏe mạnh, yên vui; chỉ cầu lâm chung vắng sanh Tịnh

Độ thì phù hợp với thế nguyện của Phật, cảm ứng đạo giao, chắc chắn được mãn nguyện. Như người rớt xuống biển, có thuyền đến cứu, nếu chịu lên thuyền sẽ lên được bờ kia.

Cầu phước nhân thiên, không cầu vãng sanh thì như không lên thuyền, khó khỏi chết chìm. Phật muốn ông siêu phàm nhập Thánh, ông lại chỉ nguyện được phước hữu lậu. Một khi phước báo hết, vĩnh viễn đọa trong Tam Đồ. Khác nào dùng ngọc ma-ni để ném chim sẻ; được thì ít, mất quá nhiều. Chẳng tiếc lắm ư? Hãy nên tự cảnh tỉnh.

❖ Nếu muốn trong đời này được hưởng lợi ích chân thật, hãy nên nương vào pháp môn Tịnh Độ. Tín, Nguyện, Niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì quyết định được liễu sanh thoát tử. Nếu không y vào pháp môn Niệm Phật, đừng kể chi người chưa được chân truyền Phật giáo, ngay cả kẻ đã được chân truyền cũng không thể liễu sanh thoát tử. Vì sao thế? Dù được chân truyền, đại triệt, đại ngộ, nhưng vẫn chưa thật “Chứng”. Có “Chứng” mới liễu sanh thoát tử được, chỉ “Ngộ” thì không thể.

Tu các pháp môn khác đều phải đoạn Hoặc, chứng Chân mới có thể liễu sanh thoát tử. Tu pháp môn Tịnh Độ chỉ cần đủ Tín thật, Nguyện thiết, Trì danh hiệu Phật, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành; chánh - trợ cùng hành, không những được vãng sanh mà phẩm vị còn ưu thắng nữa. Không riêng người một lòng tin tưởng, siêng tu được vãng sanh, mà hạng ngũ nghịch thập ác sanh lòng hổ thẹn lớn lao, chí tâm niệm Phật mấy tiếng thì ngay lúc mạng chung nhất định được vãng sanh. Do lòng Từ rộng lớn của Phật, chuyên vì sự nghiệp độ sanh, nhất niệm hồi quang liền được nhiếp thọ. Như thế gọi là “*nương Phật Từ lực, đời nghiệp vãng sanh*”. Chúng sanh đời Mạt không nương theo Tịnh Độ, tu các pháp môn khác chỉ được phước báo nhân thiên và tạo nhân duyên đắc độ cho

đời vị lai mà thôi. Do không có sức đoạn Hoặc, gốc sanh tử vẫn còn, dễ hồ không nảy mầm mộng sanh tử nữa ư?

❖ Pháp Niệm Phật trọng tại Tín, Nguyện. Tín, Nguyện chân thiết, dù trong tâm chưa thanh tịnh cũng được vãng sanh. Vì sao vậy? Do chí tâm niệm Phật là năng cảm, nên A Di Đà Phật liền năng ứng. Như nước trong sông, biển, chưa thể dứt sạch tướng động; nhưng nếu không có gió cuồng, sóng to thì vàng trắng rạng ngời trên không sẽ hiện bóng lồ lộ. Cảm ứng đạo giao như mẹ con nhớ nhau. Các pháp khác chuyên trọng tự lực, chẳng nhờ vào Phật lực, cứ do đây mà hiểu được nghĩa này vậy.

❖ Ước theo những cách giảng dạy thông thường, còn trong địa vị phàm phu muốn liễu sanh thoát tử thật không phải chuyện dễ. Nếu ước theo pháp môn đặc biệt “Tín, Nguyện, Niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ” thì ngay trong hiện đời đều được liễu thoát. Nếu như đầy đủ Tín thật, Nguyện thiết thì trong vạn người nhất định không sót một ai. Chúng sanh đời Mạt chỉ có mỗi một pháp này đáng để nương cậy. Bởi thế, khi vận mạng đạo pháp ngày càng suy giảm thì pháp này càng thích đáng căn cơ, thiện tri thức càng đề xướng thiết tha. Chân thật tu trì liền được vãng sanh, là điều chứng nghiệm từng thấy.

❖ Pháp môn Tịnh Độ lấy ba pháp Tín, Nguyện, Hạnh làm Tông. Có Tín, Nguyện thì chẳng luận tu hành nhiều - ít, cạn - sâu, đều được vãng sanh. Không tín nguyện, dù đạt đến địa vị cả Năng lẫn Sở cùng mất, hồi thoát căn trần thì cũng khó được vãng sanh.

Nếu như thật sự đạt được Thật Lý, Năng lẫn Sở cùng mất, hồi thoát căn trần, có thể cậy vào tự lực để liễu sanh thoát tử thì không cần phải bàn đến nữa. Nhưng nếu công phu chưa thấy được lý này,

vẫn còn chưa thật Chứng, nếu không có tín nguyện, cũng khó vãng sanh.

Thiền gia giảng Tịnh Độ quy về Thiền tông, bỏ qua Tín, Nguyện. Nếu thật sự y theo đó mà tu, họa may được khai ngộ, nhưng chưa đoạn Hoặc nghiệp, muốn liễu sanh tử thì có mơ cũng mơ không được. Bởi phàm phu vãng sanh là do Tín, Nguyện cảm Phật, nên có thể nương vào Phật Từ lực mà đới nghiệp vãng sanh. Nay đã không sanh Tín, Nguyện, lại toan đem Phật cùng cõi nước quy hết vào tự tâm, làm sao cảm Phật được? Cảm ứng không phù hợp thì chúng sanh là chúng sanh, Phật là Phật, biến pháp Hoành Siêu¹ thành pháp Thụ Xuất², được lợi thì ít nhưng lại bị tổn hại rất sâu. Không thể không biết điều này. Được lợi là do tuân theo thuyết ấy, họa chẳng được khai ngộ. Còn bị tổn hại là do bỏ đi Tín, Nguyện sẽ không cách chi nhờ vào Phật Từ lực được. Bởi vậy, tôi bảo: *“Người thực sự tu Tịnh Độ không được dùng đến lời khai thị của nhà Thiền, vì tông chỉ của pháp môn bất đồng vậy”*.

HẾT PHẦN 1

Dịch xong ngày 13 tháng 12, năm 2003

¹ **Hoànch siêu**: Siêu việt tam giới theo chiều ngang

² **Thụ xuất**: Thoát tam giới theo chiều dọc

PHẦN 2

III. CHỈ DẠY PHƯƠNG PHÁP TU TRÌ

1. Giảng về phương pháp niệm Phật

❖ Đã có lòng tin chân thành, nguyện thiết tha thì hãy nên tu chánh hạnh Niệm Phật. Lấy Tín, Nguyện để dẫn đường, lấy niệm Phật làm chánh hạnh. Ba thứ Tín, Nguyện, Hạnh chính là tông yếu của pháp môn Niệm Phật. Có Hạnh nhưng không có Tín, Nguyện sẽ không thể vãng sanh. Có Tín, Nguyện nhưng thiếu Hạnh cũng không thể vãng sanh. Ba thứ Tín, Nguyện, Hạnh đầy đủ không thiếu sẽ quyết định được vãng sanh. Được vãng sanh hay không toàn là do có Tín, Nguyện hay không, phẩm vị cao hay thấp toàn là do Trì Danh sâu hay cạn.

Về chánh hạnh niệm Phật, nên tùy sức mỗi người mà lập, không thể chấp chặt một bề. Nếu thân mình không bận việc, cố nhiên nên từ sáng đến tối, từ đêm đến sáng; đi, đứng, nằm, ngồi, nói năng, im lặng, động, tịnh, ăn cơm, mặc áo, đại tiện, tiểu tiện; trong tất cả thời, tất cả chỗ, giữ sao cho một câu hồng danh Thánh hiệu chẳng rời tâm, miệng. Nếu rửa ráy, súc miệng thanh tịnh, áo mũ chỉnh tề và nơi chốn thanh tịnh thì niệm Phật ra tiếng hoặc niệm thầm đều được cả.

Còn lúc ngủ nghỉ, lúc thân hình hờ hang, tắm gội, đại tiểu tiện, cũng như khi đến chỗ dơ bẩn không sạch, chỉ nên thầm niệm, đừng niệm ra tiếng. Thầm niệm cũng có cùng một công đức [với niệm ra tiếng], niệm ra tiếng [những chỗ trên] thì không cung kính. Chớ bảo rằng ở những chỗ ấy không thể niệm Phật. Phải biết là ở những nơi như vậy, không được niệm ra tiếng mà thôi. Hơn nữa, lúc nằm ngủ

nếu niệm ra tiếng thì không những không cung kính lại còn bị tổn khí. Không thể không biết điều này.

❖ Dù là niệm Phật lâu ngày không hề gián đoạn, nhưng mỗi sáng, chiều nên hướng về Phật lễ bái. Lễ xong, trước hết, đọc một biến Kinh A Di Đà, ba biến chú Vãng Sanh; đoạn đọc tám câu kệ tán Phật: “*A Di Đà Phật thân kim sắc...*”. Đọc kệ xong, niệm “*Nam mô Tây Phương Cực Lạc thế giới đại từ đại bi A Di Đà Phật*”. Tiếp đó, niệm sáu chữ “*Nam mô A Di Đà Phật*” một ngàn lần hoặc năm trăm lần, nên vừa nhiều Phật vừa niệm. Nếu không tiện nhiều Phật thì quỳ, hoặc ngồi, hoặc đứng niệm đều được cả.

Lúc niệm gần xong, trở về chỗ, quỳ niệm Quán Âm, Thế Chí, Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát, mỗi danh hiệu ba lần. Sau đó đọc “*Tịnh Độ Văn*”¹, phát nguyện hồi hướng vãng sanh. Khi đọc “*Tịnh Độ Văn*” phải nương theo văn nghĩa mà phát tâm. Nếu tâm không nương theo văn, sẽ thành ra uổng công đọc suông, không được lợi ích thật sự. Đọc “*Tịnh Độ Văn*” xong đọc “*Tam Quy Y*”, lễ bái lui ra. Đây là công khóa sáng, buổi tối cũng như vậy.

Nếu muốn lễ bái nhiều hơn thì khi trở về chỗ, sẽ lễ Phật bao nhiêu lay đó, xưng danh Bồ Tát chín lượt, lễ chín lay. Lễ xong, phát nguyện hồi hướng. Hoặc lễ bái lúc niệm xong công khóa, miễn sao tiện cho mình là được. Nhưng phải khẩn thiết, chí thành, đừng làm lếu láo, qua loa. Bồ đoàn chẳng được cao quá, cao là không cung kính.

Nếu công việc bề bộn, không lúc rảnh rỗi, thì sáng tối sau khi rửa mặt, súc miệng xong, nếu có tượng Phật thì nên lễ Phật ba lay, đứng ngay, niệm “*Nam Mô A Di Đà Phật*”. Hết một hơi là một niệm. Niệm đến mười hơi liền niệm Tiểu Tịnh Độ Văn, hoặc chỉ niệm bốn

¹ **Tịnh Độ Văn:** Văn phát nguyện vãng sanh của Đại Sư Liên Trì

câu kệ “*Nguyện sanh Tây Phương Tịnh Độ trung...*”. Niệm xong, lễ Phật ba lạy, lui ra.

Nếu không có tượng Phật thì hướng về Tây xá lạy, chiếu theo cách trên mà niệm. Đây là phép “Thập Niệm” do ngài Từ Vân Sám Chủ đời Tống vì hàng vương giả, đại thần quá bận rộn việc triều chánh, không rảnh để tu trì mà lập ra. Vì sao dạy niệm hết một hơi? Là vì chúng sanh tâm tán loạn, lại không rảnh để chuyên niệm. Lúc niệm như vậy, họ sẽ mượn khí để nhiếp tâm, tự tâm chẳng tán. Phải tùy theo hơi dài hay ngắn, không được cưỡng niệm cho nhiều đến nổi tổn khí.

Lại chỉ nên niệm mười hơi, không được niệm hai mươi, ba mươi hơi. Niệm nhiều hơi cũng tổn khí. Vì tán tâm niệm Phật khó được vắng sanh nên pháp này khiến cho tâm quy một chỗ, nhất tâm niệm Phật, quyết định vắng sanh. Số câu niệm tuy ít, công đức rất sâu. Người cực nhàn, kẻ cực bận đều có pháp tắc. Còn kẻ nửa nhàn, nửa bận hãy tự nên châm chước để lập thành pháp tắc tu trì.

❖ Một pháp Niệm Phật chính là diệu pháp bậc nhất để bỏ trần lao, quay về Giác, phản Bồn quy Nguyên. Đối với người tại gia, pháp này lại càng thân thiết. Vì người tại gia, thân trong lưới trần, công việc đa đoan, đối với những việc như nhiếp tâm tham thiền, tụng Kinh trong tịnh thất..., do hoàn cảnh sẽ không làm được nổi hoặc không đủ sức. Chỉ có riêng pháp Niệm Phật là thuận tiện nhất.

Sáng tối đối trước Phật, tùy phận, tùy sức lễ bái, trì niệm, hồi hướng, phát nguyện. Ngoài ra thì đi, đứng, nằm, ngồi, nói năng, im lặng, động, tịnh, mặc áo, ăn cơm, mọi thời, mọi nơi đều niệm được cả. Nhưng ở nơi sạch sẽ, lúc cung kính thì niệm ra tiếng hay niệm thầm đều được. Còn như ở những nơi không sạch sẽ (*như vào nhà tiêu chẳng hạn*) hoặc nhằm lúc không cung kính (*như đang nằm ngủ,*

tắm gội...) chỉ nên niệm thầm, không nên niệm ra tiếng, chứ không phải là ở những chỗ ấy, nhằm lúc ấy, không được niệm.

Nằm ngủ niệm ra tiếng thì không những không cung kính, mà lại còn bị tổn khí, lâu ngày thành bệnh. Công đức niệm thầm giống hết công đức niệm bình thường. Ấy là: “*Niệm ở đâu sẽ ở đó. Ngay thẳng cũng do đây, mà điên đảo cũng bởi đây*”.

❖ Muốn tâm không tham sự vật bên ngoài, chuyên niệm Phật nhưng không thể chuyên, cứ toan chuyên chuyện khác; không thể niệm, cứ muốn niệm những sự khác; không thể nhất tâm, cứ muốn nhất tâm nơi chuyện khác, v.v. thì không có pháp tắc kỳ đặc, áo diệu nào khác cả; cứ lấy một chữ “*Tử*” dán ngay trên trán, rủ xuống tận lông mày, tâm luôn nghĩ:

“Ta là người nào mà từ vô thủy mãi cho đến đời này đã tạo ác nghiệp vô lượng, vô biên. Giả sử ác nghiệp có thể tướng thì tận mười phương hư không chẳng thể chứa đựng nổi. Đời trước do may mắn nào mà nay được thân người, lại được nghe Phật pháp. Nếu không nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương, khi một hơi thở ra chẳng trở lại, quyết sẽ phải thọ khổ trong vạc sôi, lò than, rừng guom, núi đao nơi địa ngục, không biết phải trải qua bao nhiêu kiếp.

Dù thoát địa ngục, lại đọa vào Ngạ Quỷ, bụng to như biển cả, họng bé như chiếc kim, đói khát bao kiếp dài lâu. Trong họng lửa cháy, không được nghe đến tên chất tương hay nước, khó được no lòng chốc lát. Từ Ngạ Quỷ ra, lại làm súc sanh: bị người cười cở, hoặc gieo thân vào nhà bếp của người. Dù được làm người, cũng ngu si, vô trí, coi tạo nghiệp là đức năng, coi tu thiện là gông cùm. Không quá mấy mươi năm lại bị đọa lạc; trải qua kiếp số nhiều như cát bụi luân hồi lục đạo. Dù có muốn xuất ly, cũng không biết làm sao”.

Nghi được như vậy thì những việc mong muốn nói trên sẽ thành tựu được ngay. Bởi thế, ông Trương Thiện Hòa, Trương Chung Quỳ, lâm chung tướng địa ngục hiện, niệm Phật mấy tiếng liền tận mắt thấy Phật đến tiếp dẫn vãng sanh. Lợi ích như vậy, trăm ngàn vạn ức pháp môn khác trong cả một đời giáo hóa của Đức Phật đều không có. Tôi thường nói: *“Cửu giới chúng ta rời pháp này thì trên không thể viên thành Phật đạo. Mười phương chư Phật bỏ pháp này thì dưới chẳng thể lợi khắp quần sanh”* chính là vì lẽ này.

❖ Nếu niệm Phật tâm khó quy nhất thì nên nhiếp tâm niệm khẩn thiết, tâm sẽ tự có thể quy nhất. Tâm không chí thành, muốn nhiếp tâm cũng không được. Nếu đã chí thành, nhưng vẫn chưa thuần nhất thì hãy nên lắng tai nghe kỹ; không luận là niệm ra tiếng hay niệm thầm, mỗi niệm đều phải từ tâm khởi, tiếng từ miệng thoát ra, âm thanh theo tai nhập vào (*khi niệm thầm, miệng không động, nhưng trong ấy vẫn có thanh tướng*). Tâm và miệng niệm được rõ ràng, tách bạch; tai nghe cho rõ ràng, phân minh. Nhiếp tâm như vậy vọng niệm sẽ tự dứt.

Nếu sóng vọng tưởng vẫn còn trào dâng thì dùng ngay pháp “Thập Niệm Ký Số”, dốc toàn bộ sức lực của “tự tâm” đặt vào mỗi câu Phật hiệu thì vọng niệm khởi cũng không đủ sức. Điều pháp nhiếp tâm niệm Phật rất rảo này, các vị hoàng dương Tịnh Độ trước kia chưa nhắc đến vì căn tánh người thời ấy còn lạnh lợi, không cần phải làm vậy vẫn có thể quy nhất. Tôi [Ấn Quang] vì tâm khó chế phục, mới biết cách này mau nhiệm, càng thực hành càng thấy hiệu nghiệm, chứ không phải là tự tiện nói mò. Xin chia sẻ cùng những người độn căn trong khắp thiên hạ đời sau, ngõ hầu vạn người tu vạn người về.

Pháp Thập Niệm Ký Số vừa nhắc đến đó như sau: Trong khi niệm Phật, từ một câu đến mười câu phải niệm cho phân minh, nhớ

số phân minh. Niệm hết mười câu lại niệm từ một câu đến mười câu, không được niệm hai mươi, ba mươi câu. Niệm câu nào nhớ câu này, không được lần chuỗi, chỉ dựa vào tâm để nhớ. Nếu thấy khó nhớ cả mười câu thì chia ra làm hai hơi: từ câu thứ nhất đến câu thứ năm và từ câu thứ sáu đến câu thứ mười. Nếu vẫn chưa được, hãy niệm thành ba hơi: từ câu thứ nhất đến câu thứ ba, từ câu thứ tư đến câu thứ sáu, và từ câu thứ bảy đến câu thứ mười. Niệm cho rõ ràng, nhớ cho phân minh, nghe cho rành rẽ, vọng niệm không chỗ chen chân, lâu ngày sẽ tự được Nhất Tâm Bất Loạn.

Phải biết là pháp Thập Niệm này nhiếp vọng giống như pháp “Thập Niệm Sáng Chiều”, chỉ có cách dụng công là khác nhau. “Thập Niệm Sáng Chiều” coi hết một hơi là một niệm, chẳng luận là số câu niệm Phật nhiều hay ít; còn cách này cứ một câu là một niệm. Cách kia chỉ có thể niệm mười hơi vào mỗi sáng, chiều; nếu niệm đến hai mươi, ba mươi hơi sẽ bị tổn khí thành bệnh. Cách này niệm một câu Phật hiệu, tâm biết là một câu; niệm mười câu Phật hiệu, tâm biết là mười câu. Từ một đến mười, rồi lại từ một đến mười. Suốt ngày niệm mấy vạn câu đều giống như thế. Không những trừ được vọng, lại còn dưỡng thần rất hay. Dù niệm chậm hay nhanh, trọn chẳng trở ngại. Từ sáng đến tối, không lúc nào không thích hợp.

So với cách lần chuỗi để nhớ số, lợi ích cách xa một trời một vực. Cách nhớ số bằng chuỗi khiến thân mệt, tinh thần động. Cách Thập Niệm Ký Số này khiến thân thông thả, tâm an nhàn. Chỉ những lúc làm việc khó nhớ nổi số thì cứ khẩn thiết niệm. Làm việc xong, lại nhiếp tâm nhớ số, thì những ý tưởng lông bông qua lại sẽ theo nhau gom về chuyên chú nơi một cảnh Phật hiệu. Đức Đại Thế Chí nói: “*Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, đắc Tam-ma-địa, ấy là bậc nhất*”. Kể lợi căn chẳng cần bàn đến, còn như bọn độn căn chúng ta

bỏ cách Thập Niệm Ký Số này lại mong “*nhiep trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối*” thì thật khó khăn lắm thay.

Lại phải nên biết rằng cách nhiếp tâm niệm Phật này chính là pháp vừa cạn vừa sâu, vừa Tiểu vừa Đại, không thể nghĩ bàn. Chỉ nên ngưỡng tin lời Phật, chớ vì mình chưa hiểu đến nơi đến chốn bèn sanh ngờ vực, đến nỗi thiện căn nhiều kiếp do đây phải mất, không thể tự rút ráo đạt được lợi ích, thật là đáng buồn.

Chỉ nên lần chuỗi niệm Phật trong hai lúc: đi hoặc đứng. Nếu tĩnh tọa dưỡng thần, do tay động, tinh thần không thể an, lâu ngày thành bệnh. Pháp Thập Niệm Ký Số này: đi, đứng, nằm, ngồi đều thực hành được cả, nhưng lúc nằm chỉ nên niệm thầm, không được niệm ra tiếng. Nếu niệm ra tiếng thì một là không cung kính, hai là bị tổn khí. Hãy nhớ kỹ, nhớ chắc.

❖ Đã có lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, phải nên chí tâm chấp trì sáu chữ Thánh hiệu “*Nam mô A Di Đà Phật*”. Bất luận đi, đứng, nằm, ngồi, nói năng, im lặng, mặc áo, ăn cơm, và đại tiểu tiện v.v. đều không lìa sáu chữ hồng danh (*hoặc trì bốn chữ cũng được*). Cần phải niệm sao cho toàn tâm là Phật, toàn Phật là tâm, tâm Phật chẳng hai, tâm Phật nhất như. Nếu có thể niệm tại đâu chú tâm tại đó, niệm đến cùng cực, tình mất sạch, tâm không, Phật hiện; sẽ chứng được Tam Muội ngay trong đời này. Đến lúc lâm chung, sanh trong Thượng Thượng Phẩm, có thể nói là đã hoàn tất sự tu trì đến cùng cực vậy.

❖ Lúc niệm Phật nên tùy nghi. Nay trong Niệm Phật Đường của các Tùng Lâm đều đọc Kinh A Di Đà xong thì niệm chú Vãng Sanh ba biến hoặc một biến, rồi mới xướng kệ niệm Phật. Tán kệ xong, niệm tiếp “*Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Đại Từ Đại Bi A Di Đà Phật*”, rồi nhiều niệm. Phải đi nhiều từ Đông sang Nam, từ

Tây sang Bắc. Đây là thuận tùng, là tùy hỷ. Thuận tùng mới có công đức. Tây Vực trọng nhất là đi nhiều. Ở phương này, cùng thực hành cả hai cách lễ bái và đi nhiều. Nếu đi từ Đông sang Bắc, từ Tây sang Nam tức là “phản nhiều”, sẽ mắc tội, không thể không biết điều này. Nhiều niệm một khắc rưỡi rồi ngồi thâm niệm. Ước chừng một khắc lại niệm Phật ra tiếng.

Niệm xong, quỳ niệm Phật mười lần. Quán Âm, Thế Chí, Thanh Tịnh Đại Hải Chúng, mỗi danh hiệu niệm ba lượt. Sau đây mới đọc “Phát Nguyện Văn”. Người tại gia ngại thất nhỏ, khó nhiều niệm thì đứng, quỳ hay ngồi niệm đều được. Chỉ nên án theo tinh thần mình mà định, bắt tất phải nhờ người khác lập phép tắc cho mình.

❖ Niệm Phật tuy quý ở tâm niệm, nhưng không thể bỏ miệng tụng. Vì ba thứ thân, khẩu, ý hỗ trợ nhau. Nếu tâm ức niệm, nhưng thân không lễ kính, miệng không trì tụng thì cũng khó được lợi ích. Thế gian nhắc vật nặng còn phải dùng tiếng [hò reo] để trợ lực, huống là muốn nhiếp tâm để chứng Tam Muội ư?

Vì thế, Kinh Đại Tập nói: “*Niệm lớn thấy Phật lớn. Niệm nhỏ thấy Phật nhỏ*”. Cổ đức bảo: “*Niệm lớn tiếng sẽ hiện thân Phật lớn. Niệm nhỏ tiếng sẽ hiện thân Phật nhỏ*”. Hàng phàm phu đầy dẫy phiền não, tâm nhiều hôn trầm, nếu không nhờ vào sức thân - khẩu - lễ niệm mà mong được nhất tâm thì thật không thể được.

❖ Hòa Thượng Thiện Đạo là hóa thân của đức Di Đà, có đại thần thông, có đại trí tuệ; nhưng khi hoằng khai, hiển dương Tịnh Độ, Ngài chẳng luận đến chỗ huyền diệu, chỉ chú trọng vào những điểm chân thật, thiết thực, bình thường để dạy người tu trì. Thuyết “Chuyên Tập Nhị Tu” của Ngài dạy lợi ích vô cùng.

Chuyên Tu nghĩa là thân nghiệp chuyên lễ, khẩu nghiệp chuyên xưng¹, ý nghiệp chuyên niệm. Như thế thì vãng sanh Tây Phương vạn người chẳng sót một.

Tập Tu là kiêm tu nhiều loại pháp môn, hồi hướng vãng sanh. Do tâm không thuần nhất nên khó được lợi ích; trong trăm người họa may được một hai, trong ngàn người may ra được ba bốn người vãng sanh. Đây là lời chân thành phát xuất từ miệng vàng, là lời phán định chắc như sắt ngàn đời chẳng đổi được.

❖ Phát Nguyện Văn, văn tuy rộng lớn, nhưng phải chân thật phát nguyện từ nơi tâm mới gọi là Nguyện. Nếu không, tâm - miệng trái nhau, gọi là Nguyện sao được? Nguyện [được phước báo] trong đời này cũng không ngại gì – muốn được phước huệ, đông con lắm cháu thì cứ cầu bằng cách chất chứa thật nhiều âm đức, rộng hành các phương tiện.

❖ Niệm Phật không thể bỏ qua “hồi hướng”. Hồi hướng chính là dùng miệng để phát khởi Tín, Nguyện. Nhưng chỉ nên hồi hướng sau khi hoàn tất khóa tụng sáng tối và sau khi niệm Phật, tụng Kinh giữa ngày xong. Niệm Phật thì nên niệm từ sáng đến tối không gián đoạn, chỉ cần trong tâm có ý niệm nguyện được vãng sanh là đã luôn hồi hướng. Nếu cứ theo nghi thức tụng “văn hồi hướng” sẽ không luôn luôn được như vậy. Các Kinh Đại Thừa, Kinh nào cũng đều dạy chúng sanh thẳng đến Phật đạo; chỉ hận người tụng không thành tâm niệm tụng, đến nỗi không được lợi ích hoàn toàn.

¹ **Thân nghiệp chuyên lễ:** Đi nhiều và trong tất cả nơi chốn đều không phóng dật thì là thân nghiệp chuyên lễ. **Khẩu nghiệp chuyên xưng:** Phàm là trì tụng Kinh chú đều chí tâm hồi hướng, cũng có thể gọi là chuyên xưng.

❖ Trong sinh hoạt hằng ngày, toàn bộ những việc thiện nhỏ nhoi, và các thiện căn như tụng Kinh, lễ bái; đem tất cả những công đức ấy hồi hướng vãng sanh. Như thế thì tất cả hạnh môn đều là trợ hạnh của Tịnh Độ. Giống như các hạt bụi tụ thành đất, các dòng chảy dồn lại thành biển rộng lớn sâu thẳm, ai có thể cùng tận được nổi?

Nhưng phải phát Bồ Đề tâm, thệ nguyện độ sanh, tất cả công đức tu trì hồi hướng cho khắp bốn ân, ba cõi pháp giới chúng sanh; như lửa thêm dầu, như mưa gặp mưa. Đã kết sâu pháp duyên cùng tất cả chúng sanh thì sẽ mau thành tựu hạnh Đại Thừa thù thắng của chính mình. Nếu không biết nghĩa này thì chỉ là sự hiểu biết của phàm phu, Nhị Thừa, dù tu diệu hạnh cũng chỉ cảm được quả báo thấp kém.

❖ Nên phát nguyện vào lúc niệm Phật sáng chiều xong (*với pháp Thập Niệm Sáng Chiều cũng phải niệm Phật trước rồi mới phát nguyện*). Hoặc là dùng bài Tiểu Tịnh Độ Văn [để phát nguyện]. Nếu thân tâm rảnh rỗi thì nên đọc bài Tịnh Độ Văn do Liên Trì Đại sư soạn. Bài này văn từ, nghĩa lý chu đáo, hay nhất xưa nay. Phải biết rằng phát nguyện đọc văn là nương theo văn để phát nguyện, chứ không phải chỉ đọc qua một lượt là đã phát nguyện.

❖ Với công khóa mỗi ngày, công khóa nào cũng đều nên hồi hướng cho pháp giới chúng sanh. Nếu đem công khóa này hồi hướng cho việc này, công khóa kia hồi hướng cho việc kia thì không phải là không được, nhưng phải có lời phổ đồng hồi hướng thì mới tương hợp với ba thứ hồi hướng. Ba thứ hồi hướng là:

- Một là hồi hướng về Chân Như Thật Tế, tâm tâm khế hợp.
- Hai là hồi hướng Phật Quả Bồ Đề, niệm niệm viên mãn.
- Ba là tất cả pháp giới chúng sanh cùng sanh Tịnh Độ.

Ai nấy có chí riêng, người người có nghiệp riêng (*ngiệp ở đây là chức nghiệp*), nhưng tùy duyên tùy phận đều được vãng sanh, bất tất mọi người phải giống hệt nhau.

2. Đối trị tập khí

❖ Niệm Phật muốn được nhất tâm thì trước tiên phải phát tâm chân thật, thật sự vì liễu sanh tử; không phải vì mong người đời gọi mình là người tu hành chân thật. Lúc niệm, từng câu, từng chữ phải từ tâm phát khởi, từ miệng thốt ra, theo tai nhập vào [tâm]. Mỗi câu đều như vậy, trăm ngàn vạn câu cũng đều như vậy. Làm được như thế thì vọng niệm không do đâu khởi được, tâm và Phật tự có thể khéo hợp nhau. Lại phải khéo dụng tâm, đừng đến nỗi quá chấp trước đề rồi thân tâm bất an, đến nỗi ma sự có thể phát khởi. Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, hành đúng theo đây, nhất định sẽ không lầm lạc.

❖ Lúc niệm Phật không thể khản thiết là vì chưa biết Ta Bà là khổ, Cực Lạc là vui. Nếu nghĩ rằng thân người khó được, trung quốc khó sanh, Phật pháp khó nghe, pháp môn Tịnh Độ lại càng khó gặp; nếu không nhất tâm niệm Phật, một hơi thở ra chẳng trở lại, chắc chắn sẽ tùy theo nghiệp nặng nhất trong đời trước hay đời này mà đọa trong ba đường ác đạo, chịu khổ bao kiếp dài lâu trọn không có kỳ ra; như thế là “*do nghĩ khổ địa ngục, phát Bồ Đề tâm*”. Bồ Đề tâm chính là tâm tự lợi, lợi tha. Tâm này vừa phát sẽ như bình được sét đánh xuống, như thuốc thêm lưu huỳnh, sức nó rất lớn lại rất nhanh chóng. [Do phát tâm Bồ Đề] tiêu được nghiệp chướng, tăng phước huệ, không thể lấy những thiện căn, phước đức bình thường sánh ví được.

❖ Niệm Phật nên thường tưởng như mình sắp chết, sắp đọa địa ngục, thì không khẩn thiết cũng sẽ tự khẩn thiết, không tương ứng cũng tự tương ứng. Dùng tâm “sợ khổ” niệm Phật chính là diệu pháp thoát khổ bậc nhất, cũng là diệu pháp tùy duyên tiêu nghiệp bậc nhất.

❖ Trị tập khí trong tâm thì chỉ có siêng năng, chỉ có thiết tha [mới tiêu trừ được]; nhưng vẫn chưa đạt, chưa thấy tập khí tiêu trừ là vì có gì? Đó là vì tâm sanh tử chưa thiết tha, chỉ đem pháp “siêu phàm nhập Thánh, tiêu trừ Hoặc nghiệp, thành tựu tịnh niệm” này mà bàn suông nơi cửa miệng nên không đạt hiệu quả thật sự.

Nếu như biết thân người khó được, Phật pháp khó nghe, pháp môn Tịnh Độ lại càng khó gặp; nay mình may được thân đại trượng phu, lại được nghe pháp môn Tịnh Độ khó tin nhất; dám đâu để quang âm hữu hạn bị tiêu hao hết sạch bởi sắc, thanh, của cải, lợi lộc; để rồi vẫn sống thừa, chết uổng như cũ, vẫn lại trầm luân lục đạo, không ngày thoát ra ư?

Hãy đem ngay một chữ Tử dán vào trán. Hễ những cảnh không nên tham luyến hiện ra liền biết đấy chính là vạc sôi, lò than của chính mình, quyết sẽ chẳng đến nỗi như con thiêu thân đâm đầu vào lửa, cam chịu đốt mình. Với những sự mình phải nên làm thì biết đấy là thuyền Từ để thoát khổ, quyết sẽ không đến nỗi gặp việc nhân bèn thoái thác, thấy việc nghĩa chẳng làm. Như thế thì trần cảnh sẽ là duyên để nhập đạo, há cần phải dứt sạch trần duyên mới có thể tu hành chăng? Bởi đã làm chủ được tâm, không bị cảnh chuyển thì trần lao chính là giải thoát.

Vì thế, Kinh Kim Cang mấy lượt dạy người tâm chẳng trụ tướng, phát tâm độ tận tất cả chúng sanh, nhưng không thấy ta là người độ, chúng sanh là người được độ, và tướng thọ giả của vô dư Niết Bàn để đắc, thì mới là thật sự hành Bồ Tát đạo. Nếu thấy có ta là người

độ, chúng sanh được độ và vô dư Niết Bàn là pháp để độ thì tuy là độ sanh, nhưng chưa thể khế hợp đạo Nhất Thừa Thật Tướng. Vì không thấu rõ bản thể của chúng sanh là Phật, Phật tánh bình đẳng, vọng khởi phàm tình thánh giải, đến nỗi lợi ích vô vi biến thành công đức hữu vi. Huống hồ là tham luyến, dính chặt vào thanh, sắc, của cải, lợi lộc ư?

❖ Niệm Phật không thể thuần nhất thì nhất định phải chế tâm, đừng để nó chạy theo bên ngoài. Lâu ngày sẽ tự được thuần nhất. Nói “thành phiền” nghĩa là thuần nhất, không tạp vậy.

❖ Sơ tâm niệm Phật, lúc còn chưa tự chứng Tam Muội, ai lại không có vọng niệm? Cốt sao tâm thường “giác chiếu”, không chuyển theo vọng. Ví như quân hai bên đối đầu nơi chiến lũy, ắt phải giữ vững thành quách bên mình, không để quân giặc xâm phạm chút nào. Đợi lúc giặc vừa phát tác, mình liền nghênh địch, đánh trả, ắt phải dùng quân Chánh Giác bao vây bốn mặt khiến địch không lối lên trời, không nẻo chui xuống đất. Chúng nó sợ bị tận diệt bèn khuất phục, quy hàng.

Điều tối yếu là chủ soái không hôn trầm, không lười biếng, luôn luôn tỉnh táo mà thôi. Nếu một phen hôn trầm, lười biếng thì chẳng những không diệt được giặc, trái lại còn bị giặc diệt. Vì thế người niệm Phật không biết nhiếp tâm thì càng niệm, càng sanh vọng tưởng. Nếu nhiếp được tâm thì vọng niệm sẽ dần dần mỏng nhẹ, cho đến hết sạch. Vì thế bảo:

*Học đạo do như thủ cấm thành
Trú phòng lục tặc, dạ tỉnh tỉnh
Tướng quân chủ soái năng hành lĩnh
Bất động can qua, định thái bình.*

Tạm dịch:

*Học đạo cũng như giữ cấm thành
Ngày phòng sáu giấc, đêm tỉnh minh
Trưởng quân chủ soái luôn đôn đốc
Chẳng dấy binh đao, vững thái bình.*

❖ Niệm Phật tâm không quy nhất là do tâm sanh tử không thiết tha. Nếu luôn nghĩ như đang bị nước dâng, lửa đốt, không được cứu viện; luôn tưởng sắp bị chết, sắp đọa địa ngục; tự tâm sẽ quy nhất, không cần phải tìm diệu pháp nào khác. Vì thế trong Kinh thường nói: “*Nghĩ khổ địa ngục, phát Bồ Đề tâm*”. Đây chính là lời khai thị tối thiết yếu của đáng Đại Giác Thế Tôn, tiếc rằng người đời không chịu chân thật suy tưởng.

Nỗi khổ địa ngục so với thảm trạng nước, lửa, sâu đậm hơn vô lượng, vô biên lần. Nghĩ đến nước cuốn, lửa cháy liền run rẩy, tưởng đến địa ngục lại hồ hững thì một là vì tâm lực nhỏ, không thể hiểu rõ sự khổ đó; hai là khi chính mắt thấy sẽ bất giác hoảng sợ, lông tóc dựng cả lên.

❖ Niệm Phật cũng là cách để dưỡng khí, điều thân, mà cũng là pháp để tham cứu bốn lai diện mục. Vì sao nói thế? Tâm chúng ta thường luôn rối loạn, nếu chí thành niệm Phật thì sẽ thấy tất cả tạp niệm, vọng tưởng dần dần bị tiêu diệt, nên tâm quy nhất. Quy nhất thì tự nhiên thần khí sung mãn, thông suốt.

Ông không biết niệm Phật diệt được vọng ư? Hãy thử niệm, sẽ thấy các thứ vọng niệm trong tâm đều hiện. Nếu niệm lâu ngày sẽ tự thấy không có các thứ vọng niệm đó nữa. Lúc đầu biết có vọng niệm là nhờ niệm Phật mới thấy được các vọng niệm trong tâm mình. Không niệm Phật sẽ không thấy.

Ví như trong nhà, sạch sẽ không bụi, một ánh nắng lọt qua khe cửa sẽ thấy không biết bao nhiêu là bụi. Bụi trong nhà do ánh mặt trời hiện rõ, vọng niệm trong tâm do niệm Phật hiện rõ. Nếu thường niệm Phật, tự tâm sẽ thanh tịnh. Khổng Tử hâm mộ đạo của Nghiêu, Thuấn, Châu Công, niệm niệm chẳng quên, nên thấy Nghiêu trong canh, thấy Thuấn nơi tường¹, thấy Châu Công trong mộng. Đây là do luôn luôn nghĩ nhớ.

Niệm Phật có khác chi? Do vì Hoặc nghiệp, tâm và miệng của chúng sanh biến thành nhiễm ô, nên Phật dạy dùng tâm và miệng xưng niệm hồng danh thánh hiệu A Di Đà Phật, như người nhiễm hương, thân có mùi thơm. Niệm lâu ngày, nghiệp tiêu, trí rạng, chương tận, phước cao, Phật tánh sẵn có nơi tự tâm sẽ tự hiển hiện.

❖ Nếu như vọng niệm đầy ngập, qua lại loang loáng, quẩn quanh nơi ý, đó là do chưa thật sự đề khởi chánh niệm. Nếu chánh niệm chân thật, thiết tha thì sẽ khẳng khái chuyên chú vào một cảnh chánh niệm. Như thường nói: *“Chế ngự, thuần phục đúng pháp thì giặc cướp cũng như con đò. Chế ngự, thuần phục thất cách thì kẻ tay chân cũng thành oán gia”*.

Còn thuộc địa vị phàm phu, ai là không phiền não? Phải luôn luôn đề phòng sẵn thì tự nhiên khi gặp cảnh, đụng duyên, chẳng đến nổi phiền não bạo phát. Ví dù phiền não có phát, vẫn có thể nhanh chóng đề khởi “giác chiếu” khiến phiền não tiêu diệt. Những cảnh làm phiền não khởi nào phải chỉ có một, chỉ nêu những cảnh dễ khởi phiền não nhất thì không ngoài tài, sắc và những chuyện ngang trái mà thôi.

Nếu biết tiền tài vô nghĩa, hại hơn rắn độc thì thấy tiền tài sẽ không khởi phiền não. Phương tiện cùng người [sử dụng tiền tài],

¹ **Canh tường:** 羹牆 dùng để chỉ lòng truy niệm và ngưỡng mộ bậc tiên hiền, tiền bối

luôn rớt rảo quay về tiền trình [giải thoát] của chính mình, sẽ không có các phiền não “hoạn nạn cùng quần, cấp bách cầu cứu, tham tiếc tiền tài mà không bỏ”.

Về sắc thì đối trước dung mạo như hoa, như ngọc, tâm luôn nghĩ như chị, như em. Dù gặp gái ăn sương vẫn nghĩ như thế, sanh lòng thương xót, sanh tâm độ thoát, sẽ không có phiền não “thấy sắc động lòng”. Vợ chồng kính trọng nhau như khách, coi mê thiếp như ân nhân giúp mình nói dối tổ tông, chẳng dám xem nhẹ họ như vật để hành lạc thỏa dục thì sẽ không có phiền não “đắm dục diệt thân, vợ chẳng thể sanh nở, con chẳng thành người”.

Giáo huấn con cái từ nhỏ sẽ không có phiền não “con cái nghịch với cha mẹ, bại hoại môn phong”. Ngay cả khi gặp cảnh trái ngang, phải sanh lòng thương xót, thương kẻ đó vô tri, chẳng nên so đo. Lại nghĩ do mình đời trước từng nào hại kẻ đó, do vậy nay phải đền nợ cũ; sanh lòng hoan hỷ, sẽ không có phiền não “trả thù kẻ trái nghịch”.

Những điều vừa nói trên chỉ dành cho người sơ cơ. Còn nếu là bậc đại sĩ tu lâu, do đã thấu rõ “Ngã, Không” nên vô tận phiền não đều hóa thành “Đại Quang Minh Tạng”, giống như đao đã mài bén, vàng đã luyện thuần. Sen nhờ bùn vun bón mới được thanh tịnh, tươi sạch.

❖ Cái học của người quân tử là vì chính mình, niệm niệm nhắc nhở mình tự tỉnh. Giác và Mộng hết như nhau, chỉ có công phu đến nơi mới hiểu được. Chỉ là khi giác liền tu trì ngay, lâu ngày, ngay trong mộng cũng không làm gì làm lỡ.

❖ Người học đạo, nặng “đạo niệm” một phần, sẽ nhẹ phạm tình một phần, đó là lẽ tất nhiên. Người chưa đoạn Hoặc phải thường nỗ lực. Nếu một phen phóng túng, bệnh cũ nhất định sẽ tái phát. Người

đã đoạn sạch Kiến Tư Hoặc mới nên tùy ý hành động, chẳng cần phải kiềm chế, gìn giữ.

❖ Tâm tham, sân, si ai nấy đều có. Nếu biết đó là bệnh, thế lực của chúng sẽ khó lừng lẫy được. Ví như giặc vào nhà người, nếu chủ nhân nhà ấy tưởng là người trong nhà thì đồ trân báu của cả nhà sẽ bị nó lén trộm mất sạch. Nếu biết nó là giặc, sẽ không cho nó ở lại nhà mình dù chỉ một khắc, ắt phải đuổi nó đi khuất mắt, thật xa, mới hòng tài bảo không bị mất, chủ nhân yên vui. Cổ đức bảo: “*Không sợ niệm khởi, chỉ e biết chậm*”. Tham, sân, si vừa khởi, lập tức biết ngay, nó sẽ lập tức tiêu diệt. Nếu coi tham, sân, si là ông chủ chánh trong nhà mình thì sẽ giống như nhận giặc làm con, của báu trong nhà ắt phải tiêu tán hết.

❖ Bị cảnh chuyển là sức “tháo trì” còn nông cạn. Vui - giận dấy động bên trong hiện thành vẻ tốt - xấu ngoài mặt. “Tháo trì” có nghĩa là hàm dưỡng. Nếu coi trọng chánh niệm thì mọi thứ khác đều xem nhẹ. Vì thế, người thật sự tu hành phải mài luyện trong trần lao, khiến cho phiền não, tập khí dần dần bị tiêu diệt thì mới là công phu thật sự.

❖ Hãy để chuyện đối trị tập khí, phiền não trong tự tâm lại, khoan bàn tới. Chỉ hành trì ngoài mặt, công phu bên trong trống rỗng, trái lại còn sanh ngã mạn; coi công, lợi là đức thì càng bị tổn hại nhiều. Ví như ăn cơm phải có rau dưa phụ trợ, lại cũng như thân thể phải dùng áo mao để trang hoàng. Nơi con đường đạo tu hành dài lâu để liễu sanh tử, sao lại muốn thâm nhập một môn, phế sạch các môn khác? Phế sạch các môn khác, chỉ lo đả thất¹ thì còn được.

¹ **Đả thất:** Tham dự Phật thất cùng với đại chúng, hay tự mình kết thất để niệm Phật hay tọa thiền, trì chú v.v. Một thất là bảy ngày.

Còn trong lúc thường nhật, nếu không phải là bậc Bồ Tát tái lai, chắc hẳn chưa có một ai lại không trở thành hạng biếng nhác, ngạo mạn. Bởi vì tâm phàm phu thường hay sanh chán.

Trời sanh ra vật, ắt phải mưa nắng điều hòa, nóng lạnh đắp đổi mới có thể khiến cho mọi vật sanh thành, tạo hóa. Giả sử mưa hoài, nắng mãi, luôn lạnh, luôn nóng thì dưới khắp gầm trời sẽ trọn không có một vật gì. Huống hồ bọn ta tâm như khỉ vượn, chẳng dùng các biện pháp đối trị, lại muốn nó an trụ một nơi, không vọng rong ruổi thì thật là khó lắm, khó lắm! Ai nấy nên tự gắng sức, chớ nên thiên chấp một pháp, cũng đừng lan man không đầu mối.

❖ Cứ hướng ngoại rong ruổi tìm cầu, không biết hồi quang phản chiếu, học Phật như vậy, thật khó được lợi ích thật sự. Mạnh Tử nói: *“Đạo học vẫn không có gì khác cả, cầu sao buông được cái tâm mà thôi”*. Ông học Phật chẳng biết lắng lòng niệm Phật thì đối với Nho giáo còn chưa thật tuân hành, huống hồ là đối với pháp chân thật lắng tâm của Phật giáo ư?

Quán Thế Âm Bồ Tát “phản văn văn tự tánh”. Đại Thế Chí Bồ Tát “đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế”. Kinh Kim Cang “ưng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm”. Không trụ sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp mà hành bố thí, cho đến vạn hạnh. Tâm Kinh soi thấy Ngũ Uẩn đều không. Những pháp này đều là diệu pháp dạy người đối cảnh hiểu biết được tâm. Nếu cứ nhất quyết muốn học rộng hết cả thì chẳng phải là không lợi ích, nhưng vì nghiệp chướng chưa tiêu nên chưa được lợi ích, lại bị mắc bệnh trước.

❖ Khi làm việc, không thể “niệm tại đâu, tâm tại đó” là do chưa đạt đến cảnh giới Nhất Tâm Bất Loạn, tâm vô nhị dụng, nên khó tránh khỏi gián đoạn. Chỉ cần luôn giữ được tâm “giác chiếu” thì cũng chẳng ngại gì.

❖ Sắc dục là một bệnh chung của toàn bộ người đời. Không những kẻ “trung, hạ” bị sắc mê hoặc; ngay cả người thượng căn, nếu không tự gìn giữ, run sợ, luôn nghĩ kiêng dè thì cũng khó tránh khỏi bị nó mê hoặc. Hãy thử nhìn xem, từ xưa đến nay, không ít bậc hào kiệt phi thường đáng coi là bậc thánh bậc hiền, chỉ do chẳng vượt được cái ải này nên trở thành người hạ ngu, xấu xa; lại còn vĩnh viễn đọa lạc trong ác đạo.

Kinh Lăng Nghiêm nói: *“Nếu lục đạo chúng sanh trong các thế giới, tâm không dâm sẽ không sanh tử tiếp nối. Các ông tu Tam Muội vốn là để thoát trần lao, nhưng chưa trừ dâm tâm thì chưa thoát khỏi trần. Người học đạo vốn là để xuất ly sanh tử, nếu chẳng thể trừ khử bệnh này thì nhất định sẽ khó thoát lìa sanh tử”*.

Cho dù pháp môn Niệm Phật, tuy rằng đối nghiệp vãng sanh, nhưng nếu thói quen dâm dục cố kết, sẽ xa cách Phật, khó thể cảm ứng đạo giao. Muốn tuyệt họa sắc dục này thì không gì bằng đối với tất cả nữ nhân, luôn khởi lên “thân tưởng, oán tưởng, bất tịnh tưởng”.

Thân tưởng: Thấy người già coi như mẹ, thấy người lớn hơn coi như chị, coi người nhỏ hơn như em, với trẻ nhỏ coi như con gái. Dù dục tâm mạnh mẽ, quyết chẳng thể khởi ý niệm bất chánh đối với mẹ, chị, em, con. Thấy tất cả nữ nhân đều là mẹ, chị, em gái, con gái của mình thì đương nhiên chế ngự được dục, dục không do đâu phát khởi được.

Oán tưởng: Phàm thấy mỹ nữ liền khởi tâm yêu mến. Do tâm yêu mến đó sẽ đọa ác đạo, bao kiếp dài lâu thọ khổ, không thể xuất ly. Như thế thì cái gọi là mỹ lệ, kiều mỵ còn kịch hại hơn giặc cướp, cọp, sói, rắn độc, rết dữ, tỳ sương, trầm độc¹ gấp trăm ngàn lần. Với

¹ **Tỳ sương:** Chất thạch tín (arsenic), đôi chỗ còn gọi là Nhân Ngôn, rất độc. Trầm là tên một loại chim theo truyền thuyết rất độc. Lông của nó rút xuống khoảng nước nào, thủy tộc nơi đó đều chết sạch.

kẻ oán gia cực lớn ấy, vẫn còn quyến luyến, mơ tưởng, chẳng phải là kẻ mê muội quá sức hay sao?

Bất tịnh tướng: Về xinh đẹp rung động lòng người chỉ là một lớp da mỏng bên ngoài. Nếu bóc lớp da ấy đi, sẽ không có can đảm nhìn nữa. Xương, thịt, máu, mủ, phân, tiểu đầm đìa; lông, tóc loạn xạ; trọn không có vật nào đáng để người khác yêu thích được cả. Chỉ vì một lớp da mỏng che phủ bèn làm sanh luyến ái. Bình đẹp đựng phân, không ai thương thức. Nay lớp da mỏng của mỹ nhân khác gì bình đẹp, những thứ được gói trong da khác gì phần uế, sao lại yêu mến lớp da, quên đi các thứ vật dơ chứa trong lớp da đó, khởi lên vọng tưởng miên man?

Nếu không run rẩy, kinh sợ; quyết liệt trừ khử thói quen này, sẽ chỉ thấy người nữ kia tư chất mỹ lệ, đến nỗi mũi tên ái dục đâm thấu xương mà không chịu nhổ ra. Nếu cứ luôn như vậy, mà lại muốn sau khi mất không vào trong bụng người nữ, quyết chẳng thể được. Vào bụng người nữ còn khá, vào bụng súc sanh cái thì không biết làm sao. Thử nghĩ đến đây, tâm thần kinh hãi.

Nhưng muốn đối với những cảnh trông thấy mà không khởi nhiễm tâm thì lúc chưa thấy cảnh phải thường tập ba thứ tướng nói trên, khi thấy cảnh sẽ tự có thể chẳng bị cảnh chuyển. Nếu không, dù chẳng thấy cảnh nhưng tâm ý vẫn cứ triền miên, rốt cục vẫn bị tập khí dâm dục trói buộc. Bởi thế, phải nhận “Chân”, gột trừ ác nghiệp tập khí thì tự do mới được có phần.

❖ Bàn đến những ai bị việc đời trói buộc, không cách nào thoát được; nếu trong lúc bị ràng buộc mà có thể chẳng bị chúng xoay chuyển thì sẽ thoát ngay được những ràng buộc ấy. Như gương chiếu vật, vật đến chẳng cự tuyệt, vật đi chẳng giữ lại. Nếu không hiểu nghĩa này, dù có bỏ sạch việc đời, không còn một việc gì, thì tâm vẫn cứ tán vọng, ràng buộc kiên cố, chẳng thể gột sạch.

Người học đạo phải làm đúng với bốn phận của mình, tận hết bốn phận. Như vậy, dù suốt ngày việc đời bận bịu, vẫn suốt ngày tiêu dao ngoại vật. Câu nói: “*Nhất tâm vô trụ, vạn cảnh câu khai, lục trần bất ó, hoàn đồng Chánh Giác*¹” là nói về điều này vậy.

❖ Muốn cho Chân Trí hiển hiện thì hãy nên thường khởi “giác chiếu” đối với mọi ngôn từ, cử chỉ hằng ngày, đừng để tất cả những tình cảm, ý tưởng trái lẽ, tạm thời nảy mầm trong tâm. Thường giữ cho tâm này “hư minh đồng triệt²”. Như gương đặt trên đài, gặp cảnh nào hiện bóng cảnh nấy, chỉ chiếu cảnh trước mắt, không bị chuyển theo cảnh; tốt xấu kệ nó, can chi đến mình? Đến chẳng mong chờ, đi không lưu luyến.

Nếu những tình tượng trái lẽ vừa mới manh động liền phải nghiêm khắc đối trị, trừ khử cho sạch. Như cùng quân giặc đối địch, chẳng những không cho nó xâm phạm lãnh thổ của mình, mà còn phải chém tướng, đoạt cờ, diệt sạch dư đảng. Phải nghiêm khắc dùng cách chế ngự quân địch như vậy để tự trị mình, đừng lười nhác, đừng chênh mảng. Khắc kỷ, giữ lễ, chú trọng kính, giữ lòng thành. Khí giới [để tự đối trị mình] thì nên dùng “bốn điều không” của Nhan Tử; “ba điều cảnh tỉnh” của Mạnh Tử; cách hạn chế lỗi lầm, tự biết mình sai của ông Cừ Bá Ngọc. Lại phải nom nớp lo sợ [những tình tượng trái lẽ] như té xuống vực sâu, như đi trên băng mỏng. Đối địch cùng chúng thì quân oai vang dậy khiến tặc đảng tấm lòng nguội lạnh, hoảng hốt, sợ vương phải con tàn sát diệt chủng nặng nề, chỉ mong hưởng hồng ân vỗ về. Từ đấy, chúng sẽ khuất phục, đầu hàng, quy thuận sự giáo hóa, đổi sạch tâm trước, chăm tu đức sau. Tướng không ra khỏi cửa, quân chẳng đổ máu. Toàn bộ giặc cướp, oán cừu đều thành con đỏ; bọn phản loạn đều thành dân lành. Trên

¹ Nhất tâm vô trụ, vạn cảnh đều khai, không ghét sáu trần, đều coi chúng là Chánh Giác

² Trống không, sáng suốt, thấu suốt.

cai trị, dưới tuân phục, cả nước phẳng lặng, không dấy can qua, ngồi hưởng thái bình.

Những điều vừa nói trên đây là do “cách vật nên trí tri”, do trí tri nên tự khắc sẽ làm sáng tỏ minh đức¹. Chân thành và minh đức nhất trí thì phạm sẽ thành Thánh. Nếu là người căn khí hèn kém, chưa thể tự thâm liễu mình, hãy nên bắt chước ông Triệu Duyệt Đạo: ngày làm điều gì, đêm đốt hương bảch bạch cùng Thượng Đế. Điều gì mình không dám bảch bạch thì không dám làm.

Ông Viên Liễu Phàm chẳng làm các điều ác, vâng làm các điều lành; mạng do chính mình lập, phước do chính mình cầu; chứ Tạo Vật² không thể tự tiện chiếm quyền. Ông vâng giữ phép Công Quá Cách, hễ khởi tâm động niệm, nói năng, làm gì, dù việc thiện hay ác, nhỏ nhất đều ghi lại; ngõ hầu điều thiện ngày càng thêm lớn, điều ác mỗi ngày mỗi diệt.

Lúc đầu, thiện ác xen tạp, lâu dần chỉ còn thiện không còn ác. Vì thế có thể chuyển vô phước thành hữu phước, chuyển yếu thọ thành trường thọ, chuyển không con cháu thành lắm con cháu. Ngay trong đời này đã dự vào bậc Thánh Hiền, khi báo hết sẽ cao đăng cõi Cực Lạc. Việc làm trở thành khuôn mẫu cho đời, lời nói trở thành pháp thức cho đời. Họ là trượng phu, ta cũng như thế, sao lại tự khinh đến nỗi đành chịu thua kém vậy?

¹ **Cách vật trí tri**, minh minh đức: Hiểu theo nghĩa thông thường, “cách vật trí tri” nghĩa là nghiên cứu mọi sự nhằm hiểu rõ lý lẽ (vì thế, trước đây những môn nghiên cứu khoa học tự nhiên hay gọi là Cách Trí). Nhưng tổ Ân Quang hiểu hơi khác. Trong pháp thoại tại Tức Tai Hộ Quốc ở Thượng Hải, Tổ đã giảng như sau: “Họ [chỉ hạng Tổng Nho] bảo “trí tri” là suy xét trí thức của mình đến cùng cực, “cách vật” là hiểu cùng tận cái lý của mọi sự vật trong thiên hạ; nào hay “vật” chính là tư duy trong tâm mình. Do có tư duy nên tự tâm bị chướng ngại; bởi thế, tâm vốn sẵn đủ chân tri nhưng không cách nào hiển hiện được. “Cách trừ” (hiểu biết và trừ khử) được tư duy thì chân tri sẵn có sẽ tự hiển hiện. Hễ chân tri đã hiển thì tâm sẽ chánh, ý sẽ thành”

² **Tạo Vật**: đối với người Hoa, “Tạo Vật” đồng nghĩa với Tạo Hóa. Không như trong thần học Công Giáo, Tạo Hóa (creator) là Chúa Trời, còn tạo vật là những vật được Chúa tạo ra (creature).

❖ Nếu như căn cơ hèn kém, chưa thể chứng nhập, nếu ước trên Sanh Diệt Môn để luận về nguyên do, hậu quả là bởi tâm mê đuổi theo cảnh, hướng ngoại rong ruổi tìm cầu, khiến toàn thể trí tuệ, đức tướng biến thành vọng tưởng, chấp trước. Vì thế, phải nên chú trọng chỗ tinh yếu; chú trọng chuyên nhất, chấp trì Thánh hiệu Di Đà; tin thật, nguyện thiết, mong cầu vãng sanh Tây Phương.

Hành trì lâu ngày, tâm và Phật như một, chẳng lìa niệm hiện tại, triệt để chứng Ngũ Uẩn là Không. Vọng tưởng, chấp trước đã diệt; trí tuệ, đức tướng cũng không còn. Do tâm tịnh, cõi nước sẽ tịnh; không lìa ngay nơi này, thâm nhập cõi Tịch Quang. Chỉ có mỗi cách này là cách để chúng ta rốt ráo an thân lập mạng mà thôi.

❖ Người sống trong thế gian huyễn trụ mấy mươi năm. Kể từ khi có hiểu biết đến nay, ngày đêm tính toán bộn bề, ngổn ngang, không điều gì không phải là để nuôi thân mình cùng người nhà, giữ thể diện, sao cho con cháu quý hiển mà thôi. Xét cội nguồn căn bệnh đó, chỉ là do chấp trước có Ngã, chẳng chịu buông xuống. Nỗi lo nghĩ ấy dính chắc, dù Đức Phật có vì mình thuyết pháp cũng không hiểu được. Trái lại, còn chẳng thêm bận tâm đến diện mạo vị chủ nhân sẵn có của chính mình, mặc tình lưu chuyển theo nghiệp, trầm luân muôn kiếp, không đáng buồn ư?

❖ Tu hành trọng yếu là đối trị tập khí phiền não. Tập khí giảm một phần, công phu tiến một phần. Có người càng ra sức tu hành, tập khí càng phát động; đó là do chỉ biết tu trì theo sự tướng, không biết hồi quang phản chiếu, khắc trừ vọng tình trong tâm chính mình nên mới đến nỗi vậy. Hãy nên thường sắp sẵn cách đề phòng thì tập khí sẽ chẳng phát khi gặp cảnh dụng duyên.

Nếu bình thời biết được thân tâm ta đây toàn là huyễn vọng, trọn không thể cầu được thật thể, thật tánh của cái Ngã. Đã không có

Ngã sao còn có chuyện vì cảnh, vì người nảy sanh phiền não? Đây chính là phương pháp giải quyết tối thượng thiết yếu vậy.

Nếu như không thể hiểu chắc thật Ngã là Không thì hãy dùng pháp Ngũ Đình Tâm Quán mà Đức Như Lai đã dạy để đối trị (*Ngũ Đình Tâm Quán là dùng năm pháp để điều hòa, ngưng lắng cái tâm khiến tâm an trụ, không bị cảnh chuyển*). Đó là, Chúng sanh nhiều tham: dùng Bất Tịnh Quán, chúng sanh nhiều sân: dùng Từ Bi Quán, chúng sanh hay tán loạn: dùng Sở Tức Quán, chúng sanh ngu si: dùng Nhân Duyên Quán, chúng sanh nhiều chướng: dùng Niệm Phật Quán.

❖ Tham nghĩa là thấy cảnh bèn sanh lòng yêu thích. Chúng sanh trong Dục Giới đều do đắm dục mà sanh. Đắm dục do Ái mà sanh. Nếu có thể đối với thân mình, thân người, từ trong ra ngoài, quán sát kỹ mỗi thứ sẽ chỉ thấy cấu ghét, mồ hôi, đờm dãi, lông tóc, răng móng, xương thịt, máu mủ, đại tiện, tiểu tiện, thối như xác chết, bản như nhà cầu. Ai còn sanh tâm tham ái đối với vật ấy? Tham ái đã dứt thì tâm địa thanh tịnh. Dùng tâm thanh tịnh niệm danh hiệu Phật, như chất ngọt hòa lẫn, như lụa trắng ăn màu, dùng Nhân Địa Tâm khế hợp Quả Địa Giác, sự ít công nhiều, lợi ích khó nghĩ được.

❖ Sân là thấy cảnh tâm khởi giận dữ, chán ghét. Người phú quý thường hay nóng giận là do với các chuyện muốn được như ý thì cần phải có người làm, có chút việc gì trái ý liền sanh sân nộ. Nhẹ thì dùng lời ác chửi mắng, nặng thì roi, gậy đập thẳng cánh, chỉ cốt khoái ý mình, chẳng đoái hoài người khác đau lòng.

Lại khi sân tâm khởi lên, không những vô ích cho người khác, chính mình cũng bị tổn. Nhẹ thì tâm ý nóng nảy, bực bội; nặng thì gan lẫn mắt bị tổn hại. Vì thế, thường giữ được một khối nguyên khí thuần hòa trong tâm thì tật bệnh tiêu diệt, phước thọ tăng trưởng.

Xưa kia, vua A Kỳ Đạt cả đời thờ Phật, giữ vững năm giới, lúc lâm chung vì người hầu cầm quạt đuổi ruồi đứng hầu lâu đâm ra mê mệt, để quạt rớt trúng mặt vua. Vua sanh tâm sân hận, ngay khi ấy mạng chung. Do một niệm ấy, liền thọ thân mạng xà. Do sức tức phước còn biết được nhân, bèn cầu Sa Môn giảng cho Tam Quy Ngũ Giới, liền thoát thân mạng xà, sanh lên trời. Do đây biết rằng thói quen sân hận tai hại rất lớn. Kinh Hoa Nghiêm dạy: “*Một niệm sân tâm khởi, trăm vạn cửa chướng mở*”. Cổ đức bảo:

Sân thị tâm trung hỏa,
Năng thiêu công đức lâm.
Dục học Bồ Tát đạo,
Nhẫn nhục hộ sân tâm.

Tạm dịch:

Sân là lửa trong tâm,
Đốt sạch rừng công đức.
Muốn học đạo Bồ Tát,
Nhẫn nhục ngừa tâm sân.

Như Lai dạy chúng sanh nhiều sân tu Từ Bi Quán như sau: coi tất cả chúng sanh đều là cha mẹ trong quá khứ, đều là chư Phật trong vị lai. Đã là cha mẹ trong quá khứ thì hãy nghĩ đến ân đức nuôi nấng trong những đời trước, thẹn chưa báo đáp được, lẽ đâu với chuyện chẳng vừa ý nhỏ nhặt lại ôm lòng phẫn nộ? Họ đã là chư Phật trong vị lai, ắt sẽ rộng độ chúng sanh. Mình còn chưa giải quyết sanh tử trọn vẹn, phải mong họ đến độ thoát cho.

Không những với chuyện chẳng vừa ý nhỏ nhặt không sanh sân nộ; dù là chuyện táng thân mất mạng cũng chỉ sanh hoan hỷ, không sanh sân hận. Vì thế, lúc Bồ Tát bỏ đầu, mắt, tủy, não đều tưởng

[người xin những thứ ấy] là thiện tri thức, tưởng là ân nhân, tưởng là người thành tựu Vô Thượng Bồ Đề Đạo cho mình. Cứ xem phẩm Thập Hồi Hướng của Kinh Hoa Nghiêm sẽ tự biết.

Hơn nữa, một niệm tâm tánh của chúng ta cùng với một niệm tâm tánh của Phật không hai. Chỉ vì mê trái bốn tâm, chấp chặt Ngã Kiến, nên tất cả các duyên đều thành đối đãi. Như cái bia để bắn đã lập thì các mũi tên sẽ đều ghim vào đó. Nếu biết được tâm ta chính là tâm Phật, tâm Phật trống không, vô sở hữu, hết như hư không, sâm la vạn tượng không gì không bao quát trong đó.

Lại cũng như biển cả, trăm sông, các dòng, không dòng nước nào biển chẳng hứng nhận; như trời che khắp, như đất bình đẳng nâng đỡ, để tự lập đức; nếu ta vì sự trái ý nhỏ nhặt bèn sanh nóng giận, không phải là đã thu hẹp cái lượng, tự chôn vùi cái đức hay chăng? Dù có đủ Phật tâm lý thể, nhưng khởi tâm động niệm toàn dùng sự phàm tình, nhận vọng là chân, lấy tứ làm chủ. Nghĩ như thế thật đáng hổ thẹn.

Nếu bình thời luôn nghĩ như vậy thì tâm lượng rộng lớn, không gì chẳng dung được, thấy người cũng hết như mình, không thấy đây - kia; gặp nghịch cảnh còn nhận xuôi theo được, huống hồ là chuyện bất như ý nhỏ nhặt lại sanh nóng giận hay sao?

❖ Người ngu si, không phải là nói về người hoàn toàn vô tri thức, mà chính là nói đến những người trong đời đối với cảnh duyên thiện ác, không biết đầy đủ là do túc nghiệp chuốc lấy nên hiện tại cảm thọ; bảo làm là không có nhân quả báo ứng và kiếp trước, đời sau v.v.

Tất cả những chúng sanh không có mắt trí tuệ; không phải là chấp Đoạn thì cũng là chấp Thường. Người chấp Đoạn nói con người vốn từ khí huyết cha mẹ mà sanh ra. Trước lúc sanh ra, vốn không có vật gì; cũng như chết đi, thân hình đã mục nát thì hồn cũng

phiêu tán; làm sao có đời trước và đời sau được? Hàng nho sĩ câu nệ, hủ bại phương này đa phần nói như vậy.

Chấp Thường là nói người luôn là người, vật luôn là vật, không biết nghiệp do tâm tạo, hình tùy tâm chuyển. Thời cổ có kẻ cực độc đang còn sống biến ra thân rắn, người cực tàn bạo đang khi còn sống biến thành thân hổ. Đang khi còn sống, nghiệp lực mãnh liệt còn biến đổi được thân, huống hồ chết đi; trước khi tái sanh, thức bị chuyển biến theo sự lôi kéo của nghiệp ư? Bởi vậy, Phật nói mười hai nhân duyên chính thức là luận về ba đời. Nhân trước ắt cảm quả sau, quả sau ắt phải có nhân trước. Thiện ác báo ứng, họa phước xảy đến đều do mình làm, mình chịu, không phải Trời giáng. Bất quá Trời chỉ là người đứng ra thừa hành thôi. Sanh tử tuần hoàn chẳng có cùng cực. Muốn khôi phục bản tâm để liễu sanh tử mà bỏ “Tín Nguyện Niệm Phật cầu sanh Tây Phương”, sẽ không thể được.

Ba thứ tham, sân, si là cội gốc sanh tử. Ba thứ Tín, Nguyện, Hạnh là diệu pháp liễu sanh tử. Muốn bỏ ba pháp kia để tu ba pháp này thì ba pháp này đắc lực, ba pháp kia tự diệt. Một pháp quán Sở Túc bất tất phải dùng. Hãy nên trong lúc niệm Phật, tai lắng nghe kỹ, cách nhiếp tâm này tương tự phép Sở Túc, nhưng lực dụng hơn phép Sở Túc một trời một vực. Phép quán Niệm Phật nên đọc trong Ấn Quang Văn Sao và các trước thuật Tịnh Độ sẽ biết.

❖ **Hỏi:** Nếu như nói dù táng thân mất mạng cũng chỉ sanh hoan hỷ, không sanh sân hận thì giả sử có kẻ ác muốn đến hại mình, mình chẳng lo toan gì, cứ mặc cho sát hại mình ư?

Đáp: Phàm người tu hành, có người là phàm phu, có người là bậc Bồ Tát đã chứng Pháp Thân. Lại có người lấy việc duy trì thể đạo làm chánh, có người chỉ lấy việc liễu giải tự tâm làm trọng. Nếu là dạng chỉ lo liễu giải tự tâm và hàng Bồ Tát đã chứng Pháp Thân thì

sẽ hành động như đã nói. Bởi lẽ, họ thấy mình và vật hết như nhau, sanh tử như một.

Nếu là hạng phàm phu, muốn duy trì thể đạo thì cứ an lòng học theo Bồ Tát thâm từ đại bi, không gì là chẳng dung. Xử sự vẫn thuận theo lẽ thường thế gian: hoặc là dùng cách khuất phục, chế ngự để nhiếp phục, hoặc dùng nhân từ để cảm hóa..., nhiều cách khác nhau; nhưng trong tâm trọn không được hung tợn, nóng giận, cố kết oán hận.

Những điều nói trong đoạn trước là nêu tình huống giả tưởng để [người tu nhờ đó] tiêu diệt tập khí nóng giận. Nếu phép quán này thành thực, tập khí sân hận tự diệt, dù gặp phải cảnh thật sự hại đến thân cũng vẫn giữ được tâm thanh nhiên, thực hiện đại bố thí. Nhờ công đức ấy liền sanh Tịnh Độ. So với việc giết chóc lẫn nhau, bao kiếp dài lâu đền trả, không phải là khác biệt một trời, một vực đấy ư?

❖ Sân tâm chính là thói quen từ đời trước. Nay cứ nghĩ mình đã chết, mặc cho đao cắt hay hương bôi cũng không can dự gì đến mình. Với tất cả những cảnh không thuận tâm, do nghĩ mình đã chết, sân làm sao còn khởi được nữa?

❖ Nói đến sân tâm là nói đến thói quen từ đời trước. Nay đã biết sân là có hại, vô ích, đối với tất cả các sự hiện hữu hãy nên dùng lượng biển rộng trời cao để dung nạp. Như vậy thì tập tánh rộng rãi trong đời này sẽ chuyển biến được tập tánh hẹp hòi trong những đời trước. Nếu chẳng gia công đối trị, tập khí sân hận càng tăng, tai hại chẳng nhẹ.

Còn khi niệm Phật thì phải căn cứ trên tinh thần, khí lực của mình để làm chuẩn mà niệm lớn tiếng, niệm nhỏ tiếng, niệm thầm và kim cang niệm (*tức là niệm có tiếng se sẽ, người khác chẳng nghe thấy. Những người trì chú gọi cách này là kim cang niệm*). Không được

quá mãnh liệt đến nỗi mắc bệnh. Cái tâm quá mãnh liệt ấy cũng là cái bệnh “dục tốc”.

Nếu nay đã không thể niệm ra tiếng, há trong tâm chẳng niệm thầm được hay sao? Sao lại chỉ hạn chế trong mười niệm? Huống hồ lúc bệnh nằm trên giường, há nên để tâm trống rỗng như bị rửa sạch, trọn không niệm gì hoặc niệm chuyện khác? Sao bằng càng niệm nhiều danh hiệu Phật!

Lúc ấy phải nên giao gấp mọi việc cho người nhà làm thay, luôn nghĩ mình sắp chết, tưởng sắp đọa địa ngục, trong tâm không còn dính mắc sự gì. Dùng tâm thanh tịnh ấy nhớ tưởng Phật tượng và thầm niệm Phật danh cũng như tượng Quán Thế Âm Bồ Tát và danh hiệu Ngài. Nếu thật sự làm được như thế thì nghiệp chướng quyết định tiêu trừ, thiện căn tăng trưởng, bệnh tật thuyên giảm, thân tâm khang kiện.

Bệnh của các hạ thuộc về túc nghiệp, niệm Phật quá mạnh mẽ tạo duyên cho bệnh phát hiện, chẳng phải hoàn toàn do niệm Phật quá mãnh liệt nên mắc bệnh. Nếu ông không niệm Phật thì cũng do nhân duyên khác mà bị bệnh. Trên đời, kẻ không niệm Phật rất nhiều, há không có một ai cũng mắc phải căn bệnh đó, cứ khỏe mạnh mãi ư? Hiểu được điều này sẽ chẳng tự làm lẫn mà bảo là niệm Phật đến bệnh, chỉ tổn hại, không ích lợi gì.

❖ Bệnh và ma đều do túc nghiệp mà thành. Ông chỉ nên chí thành, khẩn thiết niệm Phật thì bệnh tự thuyên giảm, ma tự rời xa. Còn như tâm ông không chí thành, hoặc khởi các ý niệm bất chánh như tà dâm v.v. thì toàn thể tâm ông đọa trong hắc ám, khiến ma quấy nhiễu. Lúc niệm Phật xong, hồi hướng, ông nên hồi hướng cho tất cả oán gia trong đời quá khứ, khiến họ đều thấm đẫm lợi ích niệm Phật của ông, siêu sanh thiện đạo.

Ngoài ra không để ý gì hết. Ma có phát ra tiếng thì cũng chẳng quan tâm đến rồi sợ hãi. Nó im hơi lặng tiếng, cũng không quan tâm đến mà sanh hoan hỷ. Chỉ chí thành, khẩn thiết niệm, tự nhiên nghiệp chướng tiêu, mà phước huệ đều cùng tăng trưởng. Khi xem Kinh điển, không được làm như kẻ đời nay đọc sách, trọn chẳng có chút nào cung kính, phải [trân trọng] dường như Phật, Tổ, Thánh Hiền giảng lâm mới được lợi ích thật sự. Nếu ông làm được như vậy thì tâm địa chánh đại quang minh, tà quỷ, tà thần kia không còn đất dung thân nữa.

Nếu tâm ông tà trước thì tà chiêu cảm tà, làm sao có thể khiến cho đối phương xa lìa, không quấy nhiễu được? Quỷ thần dù có Tha Tâm Thông, nhưng thần thông của họ nhỏ và gần. Nếu nghiệp tận, tình không, sẽ hết như gương báu đặt trên đài, có hình liền hiện bóng. Ông không chí tâm niệm Phật, lại toan nghiên cứu chân tướng này, chẳng biết tâm này liền thành “ma chủng”.

Ví như gương báu không có mây may trần cấu sẽ tự chiếu trời soi đất. Cái tâm ông bị trần cấu phủ kín dày chặt, lại muốn được như vậy, khác nào tấm gương bị bụi phủ dày kín trọn chẳng thể tỏa ánh sáng. Nếu có phát sáng cũng chỉ là ánh sáng yếu quái, không phải ánh sáng của gương. Hãy bỏ việc đó ra ngoài tâm tưởng, hãy nên như lâm nạn lửa, nước, như cứu đầu cháy mà niệm Phật thì không nghiệp hay ma nào lại không tiêu cả.

❖ Người học đạo, phạm gặp các thứ không như ý, chỉ nên dùng đạo để hiểu. Cảnh nghịch xảy đến bèn vui lòng chịu, dù có gặp phải những sự nguy hiểm gì, lúc ấy cũng không đến nỗi kinh hoàng, thất chí, làm điều thất thố. Chuyện đã qua hãy để cho nó qua như giấc mộng đêm trước, sao còn ủ mãi trong lòng đến nỗi thành bệnh hoảng hốt? Ông đã muốn tu hành, phải biết tất cả cảnh duyên đều do túc nghiệp cảm vờ.

Lại phải nên biết: Chỉ thành niệm Phật sẽ chuyển được nghiệp. Chúng ta không làm chuyện thương thiên, tổn đức thì sợ gì chứ? Người niệm Phật [có] thiện Thần bảo hộ, ác quỷ tránh xa, sợ điều gì chứ? Nếu ông cứ sợ mãi thì sẽ bị vương “ma sợ”, rồi oán gia trong vô lượng kiếp thừa dịp tâm ông hoảng sợ đến dọa nạt ông, khiến ông mất trí hóa cuồng để báo oán xưa.

Chớ có nói: *“Nếu tôi còn niệm Phật, chỉ sợ thành linh sẽ bị như thế”*. Không biết rằng toàn thể chánh niệm của ông đã quy vào nỗi sợ, nên khi phân xa cách Phật, tương thông với ma. Chẳng phải Phật không thiêng, do tâm ông đã mất chánh niệm nên đến nỗi niệm Phật không được lợi ích toàn phần vậy.

Chỉ mong ông thấy chữ viết của tôi, bèn quyết liệt gột bỏ tâm trước. Ông chỉ một chồng, một vợ còn lo nỗi gì? Dù cho nghiệp chướng hiện tiền, sợ gì mà chẳng tiêu diệt được nó? Chỉ vì không sợ nên giữ được chánh niệm, thành ra làm việc gì cũng đích đáng, chân thân ổn định nên tà chẳng thể xâm.

Nếu không, do tà chiêu tà, tức oán đồ tới, gặp sự không làm chủ được, hành động hoàn toàn thất thủ, chẳng đáng buồn ư? Tôi nay vì ông tính kế, hãy nên buông bỏ hoài bão, chẳng nên toan tính mọi thứ; không nên đảm đương, lo lắng mọi việc; chỉ sợ hành vi có tỳ vết, không sợ họa hoạn, quỷ thần.

❖ Nếu bệnh khổ đến hồi kịch liệt không chịu đựng nổi thì ngoài việc sáng chiều niệm Phật, hồi hướng, hãy chuyên tâm dốc chí niệm Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát. Quán Thế Âm Bồ Tát hiện thân trong sát na, tầm thanh cứu khổ. Người gặp cơn nguy cấp nếu có thể trì tụng, lễ bái Ngài thì không ai lại không được cảm ứng, rửa lòng từ gia hộ khiến thoát khổ não, hưởng yên vui vậy.

❖ Thầy thuốc dù giỏi cũng chỉ trị được bệnh, không trị được nghiệp. Như Tử Trọng ruột bị loét nặng, thầy thuốc bảo không giải phẫu không xong. Bà thím Tư của ông chẳng đành lòng nên không chữa, cùng Đức Chương liêu mạng niệm Phật, đọc Kinh Kim Cang. Năm ngày khỏi bệnh. Bệnh này đáng kể là cực nặng, cực nguy hiểm, nhưng không chữa, sau năm ngày liền lành. Bệnh điên của Tử Tường thuộc về túc nghiệp, bà thím Tư của ông do chí thành lễ tụng, nửa năm liền khỏi.

Cha ông đã quy y Phật pháp, lẽ ra nên tin lời Phật, không nên tin theo thầy thuốc Tây, phải đến bệnh viện của họ để chữa. Nếu như tất cả bệnh đều phải được thầy thuốc trị mới lành, không thầy thuốc chẳng xong thì từ thời cổ, Hoàng Đế và những người phú quý lẽ ra vĩnh viễn không bệnh tật, cũng vĩnh viễn không bị tử vong. Thế nhưng, người bần tiện vừa ít bệnh vừa sống lâu, người phú quý lắm bệnh lại thường đoản thọ. Đó là vì có gì? Một là do mình tự tạo thành bệnh, hai là thầy thuốc gây ra bệnh. Do hai công năng tạo tác này, muốn thoát bệnh khổ có được hay chăng?

Mong ông thừa cho cha hiểu, bất tất phải lên Thượng Hải tìm thầy thuốc Tây, cứ ở nhà cầu nơi đại y vương A Di Đà Phật, Quán Thế Âm Bồ Tát, sẽ tự có thể không cần đến thuốc mà lành bệnh. Cầu thầy thuốc Tây chỉ hy vọng chừng một nửa, cầu đại y vương có thể thân thể sẽ được mạnh. Mà dù thân thể chưa khỏe lại, thần thức chắc chắn thấy thư thái. Nếu sai lầm muốn được mạnh liền, bỏ hết những giới đã trì khi trước, thật chẳng khác nào rạch thịt để tự bị thương, chỉ tổn hại không ích gì. Khi Tây Y chưa truyền vào Trung Quốc, Trung Quốc có bệnh gì cũng không trị được ư? Bởi vậy nên buông vọng tưởng xuống, đề khởi chánh niệm, sẽ cảm ứng đạo giao, tự có thể lành bệnh hoàn toàn.

❖ Nghiệp chướng nặng, tham sân mạnh mẽ, thân yếu đuối, tâm khiếm nhược thì chỉ nên nhất tâm niệm Phật, lâu ngày các bệnh sẽ tự lành. Phẩm Phổ Môn nói: *“Nếu có chúng sanh nhiều dâm dục, nóng giận, ngu si, thường niệm cung kính Quán Thế Âm Bồ Tát sẽ xa lìa được những sự ấy”*. Niệm Phật cũng thế, chỉ nên tận tâm kiệt lực, chẳng hề ngơi vực thì không cầu cũng được.

❖ Mỗi ngày ngoài trừ lúc phải làm công việc bổn phận của mình, hãy chuyên tâm niệm danh hiệu Phật. Sáng tối đối trước Phật, kiệt thành tận kính, khấn thiết sám hối túc nghiệp từ vô thủy. Lâu ngày như thế sẽ có lợi ích không thể nghĩ bàn mà chẳng hay, chẳng biết. Kinh Pháp Hoa dạy: *“Nếu có chúng sanh nhiều lòng dâm dục, thường niệm cung kính Quán Thế Âm Bồ Tát liền được ly dục”*. Với sân hận, ngu si cũng thế. Như vậy, chí thành niệm thánh hiệu A Di Đà, Quán Âm, ba thứ Hoặc “tham, sân, si” sẽ tự tiêu diệt.

Hơn nữa, nay đang lúc cõi đời hoạn nạn, ngoài việc niệm Phật ra, nên niệm thêm thánh hiệu Quán Âm, trong âm thầm sẽ có sự chuyển biến không thể nghĩ bàn; kéo đến lúc túc nghiệp bất chợt hiện đến, không cách chi tránh thoát.

❖ Quán Thế Âm Bồ Tát trong kiếp quá khứ đã thành Phật từ lâu, hiệu là Chánh Pháp Minh, chỉ vì lòng từ bi thiết tha, dù an trụ trong cõi Thường Tịch Quang vẫn hiện thân trong ba cõi Thật Báo, Phương Tiện, Đồng Cư. Tuy là thường hiện thân Phật, Ngài cũng còn hiện đủ các thân Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác và thân Trời, người, lục đạo. Tuy Ngài thường hầu Di Đà nhưng hiện thân khắp trong mười phương vô tận pháp giới. Đó là, hề có lợi ích thì không điều gì Ngài chẳng vận dụng. Nên dùng thân nào để độ được, Ngài liền hiện thân đó để thuyết pháp cho người đáng độ.

Phổ Đà Sơn là chỗ Bồ Tát ứng tích. Muốn cho chúng sanh có nơi để gieo tâm lòng thành nên Bồ Tát thị hiện ứng tích nơi núi đó; nào phải Bồ Tát chỉ ngự trong núi Phổ Đà, không ở nơi khác đâu? Một vàng trắng vằng vặc giữa trời, vạn con sông in bóng. Dù nhỏ như một chước, một giọt nước, nơi nơi đều hiện toàn bộ khuôn trăng. Nếu nước vừa đục vừa xao động, trắng chẳng thể hiện phân minh.

Tâm chúng sanh như nước, nếu nhất tâm chuyên niệm Bồ Tát, Bồ Tát liền ngay trong niệm ấy, sẽ ngầm hoặc hiển nhiên [gia hộ] khiến [người niệm] được lợi ích. Nếu tâm không chí thành, không chuyên nhất thì cũng khó cứu hộ. Nghĩa này rất sâu, hãy nên đọc bài Thạch Ấn Phổ Đà Sơn Chí Tự¹ trong Ấn Quang Văn Sao sẽ biết.

Ngài có tên là Quán Thế Âm vì khi tu nhân, Ngài do Quán và Nghe nơi tánh mà chứng viên thông, và lúc đã đắc quả, Ngài xem xét âm thanh xưng danh hiệu Ngài để ban cho sự cứu giúp. Vì thế Ngài tên là Quán Thế Âm.

Phổ Môn là đạo Bồ Tát rộng lớn không giới hạn, tùy thuận khắp căn tánh của tất cả chúng sanh, khiến cho họ biết đường về nhà, không lập riêng một môn nào. Giống như trong đời có ngàn căn bệnh thì cũng phải có vạn loại thuốc, không thể cháp chặt vào một pháp nào. Tùy theo họ mê nơi đâu và chỗ nào họ dễ ngộ mà Bồ Tát chỉ điểm cho. Như sáu căn, sáu trần, bảy đại; pháp nào cũng có thể dùng để chứng viên thông. Vì thế bất cứ pháp nào cũng là cửa để ra khỏi sanh tử, thành Chánh Giác. Vì thế gọi là Phổ Môn. Nếu Bồ Tát chỉ ở Nam Hải thì không đáng gọi là Phổ được.

¹ Bài tựa cho bản in thạch quyển Phổ Đà Sơn Chí.

3. Luận về việc gìn lòng lập phẩm

❖ Nếu cảnh ngộ không tốt lành thì hãy nên nghĩ đến việc lùi một bước. Hãy thử nghĩ trong đời, người hơn ta cố nhiên là nhiều, người thua ta cũng chẳng phải là ít. Chỉ mong không đói không lạnh; mong chi đại phú, đại quý! Vui theo thiên mệnh, an vui với hoàn cảnh. Như vậy còn có thể chuyển phiền não thành Bồ Đề, hướng hồ lại không chuyển nỗi ưu khổ thành an lạc sao?

Nếu tật bệnh triền miên thì nên ra sức nghĩ thân là gốc khổ, sanh cực chán lìa, tận lực tu Tịnh Nghiệp, thể cầu vãng sanh. Chư Phật lấy khổ làm thầy đạt thành Phật đạo. Chúng ta nên lấy bệnh làm thuốc, mau cầu xuất ly. Phải biết rằng phàm phu đầy dẫy triền phược, nếu không có các nỗi khổ bần cùng, tật bệnh v.v. sẽ suốt ngày rong ruổi trong nơi thanh sắc, danh lợi, chẳng hề thỏa mãn. Trong lúc hiển hách, đắc ý, ai chịu quay đầu tưởng đến lúc chìm đắm mai sau?

Mạnh Tử nói: *“Trời muốn giao trách nhiệm lớn cho ai thì trước đó sẽ khiến kẻ đó tâm chí khổ sở, gân xương mỏi mệt, hình thể đói khát, thân phận khốn cùng; nhiều loạn hành vi của họ ngộ hầu tâm họ khởi tánh Nhẫn, tăng trưởng [khả năng làm được] những điều mình chưa thể làm được”*. Do đó, ta biết rằng những người được trời thành tựu phần nhiều gặp nghịch cảnh, con người chỉ nên thuận theo mạng trời nhận lãnh.

Cái “trách nhiệm lớn” Mạnh Tử đã nói đó chỉ là tước vị trong thế gian mà còn phải lo buồn, vất vả như thế mới khỏi phụ lòng trời. Hướng chi bọn ta là phàm phu sát đất, muốn trên thì tiếp nối đạo Giác của đấng Pháp Vương, dưới thì giáo hóa pháp giới hữu tình; nếu không bị nghèo đói thử thách đôi chút thì Phàm Hoặc ngày thêm lừng lẫy, Tịnh nghiệp khó thành, mê muội bốn tâm, vĩnh viễn chìm

đắm trong ác đạo đến tận đời vị lai, không khi nào mong thoát khỏi được. Cổ đức nói:

*Bất kinh nhất phiên hàn triệt cốt,
Tranh đắc mai hoa phác tỵ hương.*

Tạm dịch:

*Không trải một phen lạnh thấu xương,
Để đâu hoa mai thơm ngát mũi.*

Chính là nói về ý này vậy. Chỉ nên chí tâm niệm Phật để tiêu nghiệp cũ, trọn không nên khởi tâm phiền bức, oán trời trách người, bảo là nhân quả hư huyền, Phật pháp chẳng thiêng.

❖ Ông Cừ Bá Ngọc đến tuổi năm mươi biết bốn mươi chín năm trước là sai trái. Khổng Tử tuổi chừng bảy mươi, còn mong trời cho sống thêm vài năm nữa để học Dịch hầu khỏi mắc lỗi lớn. Thánh Hiền học hỏi không vị nào lại không mong muốn hiểu đến chỗ rốt ráo. Các nho gia cận đại chỉ học từ chương, chẳng bận tâm đến chánh tâm thành ý. Tuy suốt ngày đọc sách, trọn không biết ý sách vở lưu lại để răn đời của Thánh Hiền. Nếu lời nói, hành vi của mình đem so với lời nói, hành vi của Thánh Hiền mà sáng - tối không hợp nhau, tròn - vuông chẳng khớp nhau, không nên gấp suy xét tới từng điểm sai biệt ẩn kín, nhỏ nhặt ư?

Kinh Phật dạy người ta thường hành sám hối ngũ hầu đoạn sạch vô minh, viên thành Phật đạo. Dù địa vị đến bậc Đẳng Giác như Di Lặc Bồ Tát vẫn trong mười hai thời lễ thập phương chư Phật để mong hết sạch vô minh, viên chứng Pháp Thân, hướng những người kém hơn Ngài ư? Kẻ phạm phu sát đất, khắp thân là nghiệp lực, không sanh hổ thẹn, không tu sám hối; dù nhất niệm tâm tánh bình

đăng với Phật, nhưng do phiền não ác nghiệp ngăn lấp nguồn tâm không thể hiển hiện được.

❖ Đối với việc dứt ác làm lành, dựa trên thực tế mà suy xét thì không gì hay bằng Công Quá Cách. Nhưng nếu tâm không thành kính, dù suốt ngày ghi công, chép lỗi, cũng chỉ là hư văn.

Ở nơi đây chưa có sách Công Quá Cách, nhưng theo tôi thấy, chỉ nên chú trọng lòng thành, giữ lòng kính, trong suốt mười hai thời, không có một niệm hời hợt, một tướng lười biếng, chểnh mảng. Đối xử với thế nhân chỉ giữ lòng trung hậu và khoan dung thì tự nhiên trong mọi lúc, mọi chỗ, ác niệm không thể khởi từ đâu được. Giả như do túc tập sai khiến, ngẫu nhiên ác niệm phát sanh, vì luôn ôm ấp lòng thành kính, trung hậu, khoan dung, sẽ tự có thể: nếu niệm khởi liền nhận biết ngay. Khi đã giác thì ác niệm liền không, quyết chẳng đến nỗi để nó tăng trưởng khiến cả ba nghiệp phải xuôi theo.

Sở dĩ kẻ tiểu nhân giả ngụy làm lành chứ thật sự là làm ác, là do nghĩ rằng người khác không biết tới. Họ không hiểu rằng người không biết họ chỉ là những phàm phu trong thế gian mà thôi. Nếu là bậc Thánh nhân đắc đạo, cố nhiên sẽ biết họ tường tận. Thiên địa, quỷ thần dù chưa đắc đạo, nhưng do được báo Tha Tâm Thông nên cũng sẽ biết họ tường tận. Huống hồ là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, chư Phật. Tha Tâm Đạo Nhãn của các vị ấy thấy trọn Tam Thế như nhìn vật đang đặt trong lòng bàn tay. Muốn không ai biết thì chỉ có mình không biết mới được mà thôi!

Nếu chính mình đã biết thì tất nhiên thiên địa, quỷ thần, Phật, Bồ Tát v.v. không vị nào là không biết, không thấy. Nếu biết nghĩa này, dù ở trong phòng tối, nhà kín cũng chẳng dám biếng trễ, xao lãng; dù ở nơi người khác không biết đến vẫn không dám manh nha làm ác bởi thiên địa, quỷ thần, chư Phật, Bồ Tát đều biết. Nếu không biết

hỗ thẹn nhưng hiểu được nghĩa này rồi thì cũng sẽ hỗ thẹn không cùng vậy; huống hồ là người chân thật tu hành ư?

Vì thế muốn ít phạm lỗi thì phải bắt đầu từ chỗ sợ Thánh, phạm cùng biết, cùng thấy. Xem gương “Tiên Triết ăn canh, nhìn tường”, dù ở một mình hành vi chẳng cầu thả, chẳng thẹn với bóng áo¹, vẫn còn là những cách nói thiển cận ước theo sự thấy biết của thế gian đó thôi! Thật ra, bản thể tâm ta cùng bản thể mười phương pháp giới tương hợp khít khao. Do ta mê nên sự thấy biết bị hạn cuộc trong một thân. Mười phương pháp giới Thánh nhân triệt chứng “pháp giới tạng tâm” sẵn có trong tự tâm nên tất cả hữu tình trong pháp giới khởi tâm động niệm, các ngài đều hay biết cả. Vì sao thế? Vì cùng tuân theo Chân Như, Tự - Tha không hai vậy. Nếu biết nghĩa này thì sẽ tự sợ hãi, kiêng dè, giữ lòng thành kính, thoát đầu phải gắng sức dứt vọng, lâu ngày vọng sẽ không khởi được nữa.

❖ Việc giảm thiểu lỗi lầm thật sự là công phu thiết yếu của cả Nho lẫn Phật. Ông Cừ Bá Ngọc lúc năm mươi tuổi, thấy cả bốn mươi chín năm trước mình đều sai trái. Nếu ai nói muốn bớt lỗi nhưng chưa làm được, thì phải thật sự dụng công nơi ý, chứ không phải cứ thân khẩu vừa phát động liền có lỗi đâu! Cư sĩ tại gia, hằng ngày cùng người cư xử phải luôn đề phòng trong mỗi khắc. Nếu không, chẳng những ý nghiệp không tịnh mà thân khẩu cũng thành ra ô uế, bất tịnh. Muốn cả mình lẫn người cùng được lợi thì không

¹ Nguyên văn: “Kiến Tiên Triết ư canh tường, thận độc tri khâm ảnh”. Tiên Triết: người hiền trí đời trước. Canh tường là điển tích nói về vua Ngu Thuấn do hâm mộ đức hạnh của vua Đường Nghiêu nên trong suốt ba năm ăn canh thấy bóng vua Nghiêu hiện trong bát canh, ngồi thấy bóng vua Nghiêu hiện trên tường. Đời sau thường dùng chữ “canh tường” để chỉ lòng cung kính, chí thành đến cùng cực. “Thận độc” là ở một mình, hành vi luôn dè dặt, chẳng cầu thả. “Khâm ảnh” là bóng chiếc áo, lấy từ thành ngữ “khâm ảnh vô quý” (chẳng thẹn với bóng áo). Như vậy “thận độc khâm ảnh” ngụ ý hành vi luôn cẩn thận, nghiêm cung, không hề phải hổ thẹn với ai, dù ngay cả với bóng của chính mình.

gì bằng lấy những hành vi của vị danh nhân đã nói ở trên¹ làm khuôn phép, gương mẫu vậy.

❖ Muốn học theo Phật, Tổ [đề] liễu sanh tử thì phải bắt đầu từ việc hổ thẹn, sám hối, dứt ác, tu thiện, ăn chay, tự răn nhắc, ý thật chân thành, thiết tha. Phải thật sự tu tập, tận lực thực hành. Nếu không, chỉ trở thành vọng ngữ trong các thứ hư dối. “Biết” không có khó, “làm được” mới là khó. Ít nhiều người thông minh trong thế gian đều chỉ nói được, nhưng không làm được. Trọn một đời này, uổng công vào núi báu, trở về tay không. Đáng xót, đáng tiếc thay! Đáng xót, đáng tiếc thay!

❖ Phàm phu còn mê, tín tâm bất định; vì thế có tất nhiều lúc tin rồi lại ngờ, lắm phen đã tu rồi lại tạo nghiệp; cũng là do người dạy ban đầu không hiểu đạo đến nơi đến chốn. Nếu lúc ban đầu, chỉ từ nhân quả thiện cận mà khởi sự sẽ không đến nỗi bị điên đảo, mê hoặc như thế. Đối với những tội cũ, dù rất sâu nặng, hãy nên chí tâm sám hối, sửa đổi thói xưa, tu tập từ nay, dùng chánh tri kiến tu tập Tịnh Nghiệp; dốc chí tự lợi, lợi tha thì tội chướng như sương tiêu tan, bầu trời chân tánh sáng rạng. Vì thế, Kinh nói: *“Thế gian có hai hạng người mạnh mẽ: một là người không tạo tội; hai là đã tạo tội rồi lại có thể sám hối”*.

Một chữ Hối phải từ tâm khởi. Tâm chẳng thật sám hối, có nói gì cũng vô ích. Ví như chỉ đọc toa thuốc chứ không uống thuốc, nhất định chẳng hy vọng gì lành bệnh được. Còn nếu theo toa uống thuốc, sẽ tự được lành bệnh, thân an. Điều đáng ngại là lập chí không vững, một nóng mười lạnh thì chỉ uổng mang hư danh, không mấy may lợi ích thật sự.

¹ Tức Cừ Bá Ngọc

❖ Cảnh không có tự tánh, tổn hại hay lợi ích toàn do người. Ba nghiệp, bốn oai nghi (*đi, đứng, nằm, ngồi*) thường giữ như “tứ vật” (*bốn điều dừng*) của Nhan Uyên. Ngũ giới, thập thiện khác gì “tam tỉnh” (*ba điều tự cảnh tỉnh*) của Tăng tử. Trong nhà tối tuy không ai thấy nhưng thiên địa, quỷ thần đều biết. Niệm mới mạnh nha nhưng tội - phước đã phân định ra như trời với vực. Nếu thường tu tỉnh được như thế thì tất cả hành động đều là thiện, ác chẳng sanh từ đâu được. Đây chính là quy mô sâu rộng của chánh tâm thành ý, chớ nói là nhà Phật phiền toái, không giản dị, nhanh tắt như Nho gia.

❖ Người niệm Phật đối với sự sự phải tận lòng, tha thứ; tâm tâm luôn đề phòng tội lỗi, sai lầm. Biết lỗi liền sửa, thấy điều nghĩa mạnh mẽ làm ngay thì mới hợp với Phật. Người như thế quyết định vãng sanh. Nếu không như thế, tức là trái nghịch với Phật, quyết khó cảm thông.

❖ Kinh Pháp Hoa nói: *“Tam giới không yên, hết như nhà lửa. Các khổ đầy đầy, thật đáng kinh sợ”*. Do đó, để thành tựu con người, trời phải cho có khổ có vui, có nghịch có thuận, có phước có họa, vốn không nhất định. Nhưng người trong hoàn cảnh ấy nếu có cái nhìn thấu suốt sẽ thấy không khổ không vui, không nghịch không thuận, không họa không phước. Vì thế, quân tử vui biết mệnh trời, trên chẳng oán trời, dưới không trách người, an vui theo hoàn cảnh, không lúc nào là không tự tại tiêu dao.

Do vậy, họ không phú quý mà hành như đang hưởng phú quý (*chữ “hành” ở đây hàm ý ung dung, tự tại. Phú là cứu giúp khắp mọi người bản cùng. Quý là tận tụy với vua, giúp đỡ dân*), chẳng bản tiện mà hành như nghèo hèn (*nếu trong nhà không tiền của, thân chưa ra làm quan thì thanh bản giữ khí tiết, chẳng dám làm bậy*),

không phải Di Địch¹ mà hành xử như Di Địch (ý nói: Nếu vì lòng tận trung bị sàm tấu, bị vua biếm truất ra miền xa như các tỉnh Vân Nam, Quý Châu, Lưỡng Quảng, Hắc Long Giang v.v. thì tâm bình, khí hòa, trên chẳng oán vua, dưới không hận người sàm tấu, tự coi mình giống như người dân đang sống tại những vùng ấy), chẳng hoạn nạn mà hành như đang hoạn nạn (hoặc là không những bị đày, còn bị trừng phạt. Nhẹ thì bị đánh đập, giam cầm, nặng thì bị chém đầu, phanh thây, hoặc đến nỗi diệt tộc. Nhưng vẫn cứ không oán vua, chẳng hận gian đảng. Nếu tự mình làm được như thế, khi gặp người gieo vạ còn giữ được vậy, huống hồ khi trời gieo vạ, há có nên oán hận chăng? Người như vậy được người yêu mến, trời bảo vệ; ngay trong đời này hoặc trong đời sau, hoặc con cháu người đó nhất định sẽ hưởng phước báo vô cùng xứng với đức ấy).

❖ Phàm là người bỏ lỗi theo lành và tu Tịnh Nghiệp, chỉ quý ở chỗ chân thành, tối kỵ giả dối. Không được ngoài mặt phô trương cái danh làm lành tu hành, trong lòng bất trung, bất thứ². Ông Cừ Bá Ngọc lúc năm mươi tuổi, thấy bốn mươi chín năm trước mình toàn làm quấy. Có vậy mới mong thành Thánh, thành Hiền, học Phật, học Tổ; là bậc danh giáo công thần, là con đích thực của đức Như Lai. Vì thế, tôi chẳng quan tâm đến kẻ Tăng, người tục ấy là thành đạt hay cùng quần chi cả.

❖ Niệm Phật cầu sanh Tây Phương phải biết nhân, hiệu quả. Hành vi nơi thân, ý niệm nơi tâm phải hợp với Phật. Nếu trái nghịch Phật, dù có niệm Phật cũng khó vãng sanh vì không cảm ứng đạo giao vậy. Nếu có thể sanh lòng hổ thẹn lớn lao, sửa lỗi như trừ ghẻ

¹ **Di Địch**: Di chỉ các dân tộc phía đông Trung Hoa. Địch chỉ các dân tộc phía Bắc. Di địch chỉ các dân tộc thấp kém.

² **Bất thứ**: khoan hậu, rộng lượng

độc, lập chí như giữ bạch ngọc thì vạn người chẳng sót một ai, đều được vãng sanh cả.

❖ Nói về những quy luật phải giữ, ngoài việc ăn chay trường niệm Phật, là nói đến việc chăm chăm bền lòng hiếu thuận, thành kính giữ trọn vẹn luân thường, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành. Tâm nghĩ, niệm khởi không hề tà quái, hư nguy. Làm việc cho người phải tận hết trách nhiệm. Gặp người hữu duyên, khuyên họ nhập đạo. Các hành tướng như vậy chẳng cần phải thuật đủ. Chỉ siêng xem Án Quang Văn Sao và An Sĩ Toàn Thư sẽ tự biết.

Phải biết rằng: Là đệ tử Phật, phạm làm gì phải vượt trội hơn hành vi thế tục thì chính mình mới đạt được lợi ích chân thật, khiến cho người khác trông thấy làm lành theo. Nếu miệng nói tu hành, trong tâm chẳng lành; đối với cha mẹ, anh em và hết thầy người đời không trọn hết bốn phận thì người như thế gọi là “nguy thiện nhân”. Nhân địa đã giả dối, làm sao đạt lợi ích thật sự? Cái học của Thánh Hiền đều bắt đầu từ “cách vật trí tri, thành ý chánh tâm”; hướng muốn liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh [lại chẳng như thế] ư? Về “cách vật trí tri”, nên xem lời tựa bản in lại sách chú giải Tứ Thư của ngài Ngẫu Ích và lời tựa quyển Liễu Phàm Tứ Huấn.

❖ Các việc ác và các điều thiện đều là dựa trên tâm địa mà luận, chứ không phải chỉ nói về sự tướng mà thôi. Trong tâm đã chẳng khởi ác thì toàn thể là thiện, niệm ấy là Phật, công đức hơn hẳn người thường trăm ngàn vạn lần. Muốn cho cõi lòng chỉ thiện, không ác, thì trong mọi lúc, mọi nơi, hãy nên giữ lòng thành kính như đối trước trời Phật mới hòng đạt được. Nếu tâm vừa mới phóng túng thì các ý niệm không đúng pháp sẽ theo đó mà khởi.

❖ Niệm Phật phải khéo phát tâm. Tâm làm chủ việc tu trì. Tâm nếu phù hợp với “tứ hoằng thệ nguyện” thì niệm Phật một câu, làm một điều lành, công đức vô lượng vô biên; hướng hồ là ba nghiệp thân, khẩu, ý luôn đặt nơi niệm Phật lợi sanh?

Nếu tâm chỉ cầu tự lợi, không mong lợi người, dù làm nhiều việc vẫn đạt được công đức rất ít. Hướng hồ lại còn có ý khuynh đảo người, hại người, và tâm tự khoe khoang, hợm hĩnh thì việc mình niệm Phật, việc mình làm đó dù chẳng phải hoàn toàn không công đức, nhưng trong trăm ngàn vạn ức phần, mình chỉ thật sự đạt được một phần rủi. Thế nhưng tội lỗi của ác niệm cũng lại không ít. Bởi vậy, người tu hành đều phải khéo phát tâm, chứ không riêng gì người niệm Phật.

❖ Phải biết rằng Phật pháp vốn không lìa thế gian. Phàm tất cả bạn trong liên xã ai nấy đều phải trọn vẹn bốn phận của mình. Như cha hiền con hiếu, anh rộng lượng, em cung kính, chồng xướng vợ theo, chủ nhân từ, tớ trung thành v.v.. Lại phải đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, kiêng giết, phóng sanh; không ăn mặn, uống rượu; ngăn điều tà, giữ lòng thành; khắc kỷ, giữ lễ; tự lợi, lợi tha; [lấy những việc như vậy] làm trách nhiệm của mình. Như thế thì nền tảng vững vàng, ngay ngắn, đáng thọ pháp nhuận. Nếu có đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, ắt sẽ vắng sanh thượng phẩm.

Người ngu trong đời phần nhiều thường không tu hành thật sự, chỉ mong được cái hư danh là tu hành chân thật. Vì thế, bày ra đủ mọi cách tô son trát phấn thành ra những trò trông giống như thật, nhưng chỉ là giả, chỉ mong người khác khen ngợi mình. Tâm hạnh họ đã dơ bẩn quá đỗi, dù có tu trì cũng bị tâm ấy làm bẩn, quyết khó được lợi ích chân thật. Đây gọi là “háo danh, ghét thật”, là điều đại kỵ bậc nhất cho việc tu hành.

Nếu ai thực hiện những điều nên làm đã nói ở phần trước, không có những điều nên tránh như đã nói ở phần sau, người ấy là người hiền trong thế gian, là bậc Khai Sĩ trong Phật pháp. Dùng thân mình làm gương cho mọi người, từ trong nhà ra đến làng xóm, từ làng xóm đến thành ấp, cho đến toàn quốc cùng cả thiên hạ thì lễ nghĩa hưng thịnh, can qua vĩnh viễn ngưng dứt, từ thiện nảy nở, tai hại chẳng sanh, mới hòng thiên hạ thái bình, nhân dân an lạc.

❖ Đã niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì phải phát tâm từ bi, hành phương tiện sự; dứt tham, sân, si; tránh giết, trộm, dâm; tự lợi, lợi người mới hợp ý Phật. Nếu không, tâm trái với Phật, cảm ứng đạo giao bị gián cách, chỉ gieo nhân đời sau, khó được quả hiện tại. Nếu chí thành niệm Phật, hạnh hợp tâm Phật, tâm khẩu tương ứng thì người như thế đến lúc lâm chung, A Di Đà Phật và Thánh chúng tất nhiên hiện đến tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương.

Một phen sanh về Tây Phương liền siêu phàm nhập Thánh, liễu sanh thoát tử, vĩnh viễn lìa khỏi các khổ, chỉ hưởng các vui. Đây là toàn cậy vào Phật lực, không bàn đến công đức là cạn hay sâu, có Hoặc hay không Hoặc. Chỉ đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, quyết định vạn người chẳng sót một.

❖ Người học đạo an tâm lập hạnh ắt phải chất trực, trung chánh, không được có mảy may thiên lệch, tư vị, quanh co nào. Nếu có chút thiên lệch, tư vị, quanh co nào, sẽ giống như cái cân có mấu cân chẳng chuẩn, cân các vật nặng nhẹ đều sai. Như tấm gương thể chất không sạch, chiếu các vật đẹp xấu chẳng đúng. Sai chỉ hào ly, mất cả ngàn dặm. Sai lầm lan truyền, không sao dứt được.

Vì thế, Kinh Lăng Nghiêm nói: *“Thập phương Như Lai đồng một đạo nên xuất ly sanh tử đều dùng trực tâm”*. Do tâm lẫn lờ nói đều ngay thẳng như thế cho đến địa vị Chung Thủy, trong khoảng thời

gian ấy vĩnh viễn không có các tướng ủy khúc. Kinh Thư nói: *“Nhân tâm nguy ách, đạo tâm tế nhị, ròng chuyên một mối, đừng chấp hai bên”*.

❖ Quán Kinh dùng hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu thập thiện nghiệp và thọ trì Tam Quy, các giới Cụ Túc, chẳng phạm oai nghi, phát Bồ Đề tâm, tin sâu nhân quả, đọc tụng Đại Thừa, khuyến tấn hành giả, dùng đó làm chánh nhân cho Tịnh nghiệp. Với mười một điều này, chỉ có một điều “dùng Tín Nguyên sâu xa, hồi hướng vãng sanh” thì đều được như nguyện.

4. Luận định các pháp tu trì

❖ Trộm nghĩ, pháp môn tu trì có hai thứ khác nhau. Nếu cậy vào sức mình đề tu Giới, Định, Huệ hòng đoạn Hoặc chứng Chân, liễu sanh thoát tử thì gọi là những pháp môn phổ thông. Nếu đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, trì danh hiệu Phật, mong nhờ vào Phật lực vãng sanh Tây Phương thì gọi là pháp môn đặc biệt.

Pháp môn phổ thông toàn cậy vào tự lực, pháp môn đặc biệt gồm cả tự lực và Phật lực. Dù có công tu Định Huệ, đoạn Hoặc sâu, nhưng không có lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, niệm Phật cầu vãng sanh thì vẫn thuộc về Tự Lực. Nay dùng ví dụ để chỉ rõ. Đường lối tu phổ thông giống như vẽ tranh sơn thủy, phải vẽ từng nét bút mới từ từ thành hình. Còn pháp môn đặc biệt như chụp cảnh sơn thủy, dù núi non, cây cỏ um tùm cách mấy, chụp một cái là đủ hết cả. Đường lối tu phổ thông lại như ra đi bằng đường bộ, người mạnh nhất mỗi ngày đi không quá khoảng trăm dặm. Pháp môn đặc biệt thì như ngồi trên luân bảo của Chuyển Luân Thánh Vương, một ngày bay đi khắp bốn đại bộ châu. Chúng ta đã không có khả năng thành Phật ngay lập tức, lại không thực sự chứng “đoạn Kiến Hoặc,

tùy ý chẳng tạo nghiệp”; nếu không chuyên tu Tịnh Nghiệp để nhờ vào Phật lực đối nghiệp vãng sanh, chỉ e đến tận đời vị lai, vẫn ở trong tam đồ, lục đạo, thọ sanh, thọ tử, không cách nào xuất ly, chẳng đáng buồn ư? Nguyên những đồng nhân của tôi hãy gấp sanh chánh tín.

❖ Một pháp Niệm Phật ước có bốn loại, nghĩa là: Trì Danh, Quán Tượng, Quán Tướng, Thật Tướng. Chỉ riêng pháp Trì Danh thâm nhiếp căn cơ rất rộng, hạ thủ dễ dàng nhất, không đến nỗi bị ma sự.

Nếu muốn tu Quán, phải đọc kỹ Quán Kinh, hiểu sâu xa “tâm này làm Phật, tâm này là Phật” và “tâm tịnh Phật hiện, cảnh chẳng phải đến từ bên ngoài”, chỉ do tâm hiện, đừng sanh chấp trước. Đã không chấp trước thì cảnh càng thêm thâm diệu, tâm càng thêm tinh nhất. Làm được như vậy thì quán tưởng được lợi ích chẳng nhỏ.

Nếu cảnh quán không thuần thực, không hiểu rõ Lý, dùng tâm gấp rút vọng động muốn cảnh hiện gấp thì toàn thể đều là vọng, chẳng tương ứng với cả Phật lẫn tâm, đọa vào ma thai. Bởi vì, vọng động muốn thấy cảnh thì tâm càng thêm vọng động, ắt đến nỗi phát động oán gia trong nhiều đời hiện ra những cảnh giới. Cái nhân ban đầu đã không chân, làm sao biết được cảnh ấy là do ma nghiệp hiện? Mà lại liền sanh đại hoan hỷ; tình thức chẳng tự yên nên ma sẽ dựa thân, mất trí thành cuồng. Dù cho Phật sống hiện thân cứu độ, cũng không làm gì được. Nên tự lượng căn tánh, chớ toan tính chuyện cao xa khiến cho nỗi mong cầu lợi ích lại thành tổn hại.

Hòa Thượng Thiện Đạo dạy: *“Mạt Pháp chúng sanh thần thức chao đảo, tâm thô cảnh tế, Quán khó thành tựu. Cho nên đức Đại Thánh thương xót riêng khuyên nên trì danh. Vì xưng danh dễ, trì danh liên tục liền được sanh”*. Đúng là Ngài sợ có người không khéo dụng tâm đến nỗi lạc vào cảnh ma. Hãy tự xét kỹ. Hơn nữa,

Trì Danh Chí Thành Khẩn Thiết cũng là một diệu pháp để tiêu trừ ma cảnh vọng động. Hãy nên dốc kiệt tâm lực thực hành mới nên.

❖ Đừng nói là “*duyên tưởng một Đức Phật công đức không lớn bằng duyên tưởng nhiều Đức Phật*”. Phải biết rằng A Di Đà Phật là Pháp Giới Tạng Thân; công đức của tất cả mười phương pháp giới chư Phật, chỉ mình đức Phật A Di Đà đã hoàn toàn trọn đủ. Như các hạt châu nơi lưới của Thiên Đế, ngàn hạt châu in bóng trong một hạt châu, một hạt châu chiếu khắp ngàn hạt châu. Nêu một gồm thâu toàn bộ, không thiếu, không dư.

Nếu là bậc Đại Sĩ tu lâu, duyên cảnh rộng lớn không ngại gì. Cảnh càng rộng, tâm càng chuyên nhất. Nếu là kẻ sơ tâm mật học, nếu duyên cảnh rộng, tâm thức sẽ phân tán; nhưng chương sâu huệ cạn, rất có thể khởi các ma sự. Cho nên đức Phật Thế Tôn ta và lịch đại chư Tổ đều dạy nhất tâm chuyên niệm A Di Đà Phật là vì lẽ ấy. Đợi đến khi niệm Phật chứng được Tam Muội thì trăm ngàn pháp môn, vô lượng diệu nghĩa đều đầy đủ. Cổ nhân bảo:

*Dĩ mộc đại hải giả,
Tất dụng bách xuyên thủy.
Thân đảo Hàm Nguyên điện,
Bất tu vấn Trường An?*

Tạm dịch:

*Đã tắm trong biển cả,
Ắt dùng nước trăm sông.
Thân đến điện Hàm Nguyên,
Hỏi Trường An chi nữa?*

Có thể nói là rất khéo hình dung vậy!

❖ Chớ có nói một pháp Trì Danh là thiện cận, rồi bỏ pháp này, tu các pháp Quán Tượng, Quán Tướng, Thật Tướng. Trong bốn pháp niệm Phật, chỉ có mỗi Trì Danh là khế cơ bậc nhất. Trì đến nhất tâm bất loạn thì diệu lý Thật Tướng sẽ hiển lộ toàn thể, diệu cảnh Tây Phương triệt để phô bày trọn vẹn. Tức là Trì Danh mà chứng được Thật Tướng, chẳng quán tượng mà thấy cùng tột cảnh Tây Phương.

Một pháp Trì Danh chính là huyền môn để nhập đạo, là đường tắt để thành Phật. Nay những người dạy lý quán pháp đều không hiểu rõ. Nếu tu Quán Tướng, Thật Tướng, lỡ bị ma dựa, há có phải là biến khéo thành vụng, cầu thăng hóa đọa. Hãy nên tu hạnh dễ hành, sẽ tự cảm được diệu quả.

❖ Như Lai thuyết pháp vốn là để thích ứng căn cơ. Vì thế mới có việc vì Thật bày Quyền, hiển Quyền khai Thật, năm thời giáo hóa. Lại vì cây vào tự lực để liễu thoát thì khó, cây Phật lực để liễu thoát thì dễ. Lại vì chúng sanh đời Mạt căn cơ hèn kém nên Phật đặc biệt mở ra pháp môn Tịnh Độ để ba căn thượng, trung, hạ đều hưởng lợi ích, cùng chứng Bất Thoái.

Đời có kẻ ham cao chuộng trội, không xét thời cơ, cứ đem những pháp phân đông chẳng khế ngộ nổi để dạy người tu tập. Ý họ tuy rất lành, nhưng ước về giáo pháp thì không thích hợp với căn cơ, cho nên dụng sức rất nhiều mà kẻ được lợi ích lại ít.

❖ Trước khi chưa đắc Nhất Tâm, trọn không thể móng khởi ý niệm thấy Phật. Đạt được Nhất Tâm thì tâm hợp với đạo, tâm hợp với Phật, muốn thấy liền thấy ngay, chẳng thấy cũng không ngại gì. Nếu muốn gấp thấy Phật, tâm niệm rối bời, ý niệm muốn được thấy Phật kết chặt trong dạ, trở thành đại bệnh cho việc tu hành. Lâu ngày, kẻ oán gia trong nhiều đời thừa dịp tình tưởng vọng động, dối hiện thân Phật để đòi oán cũ. Tự mình tâm không chánh kiến, toàn

thể thuộc về khí phận ma, vừa thấy liền sanh hoan hỷ. Do đây, ma nhập tim gan, bị ma dựa phát cuồng. Dù có Phật sống cũng chẳng làm gì được.

Chỉ nên gắng đạt Nhất Tâm, quản chi thấy Phật hay không! Nhất Tâm rồi sẽ tự biết rõ. Nếu không thấy Phật thì do công phu vượt tiến liền thấy; lại càng thêm một dạ chuyên tu, trọn chẳng mắc lỗi, sai lầm; chỉ được lợi ích vượt trội.

Trong đời, người không hiểu lý mới tu trì chút ít đã mong mỏi quá phận mình. Ví như mài gương, nếu bụi dơ đã hết, chắc chắn quang minh sẽ hiện ra chiếu trời, soi đất. Nếu chẳng tận lực mài, cứ mong gương tỏa sáng, do toàn thể là nhơ bẩn nên nếu có phát quang thì ánh sáng ấy cũng là ánh sáng ma quái, chứ nào phải ánh sáng của gương!

Tôi chỉ sợ ông không khéo dụng tâm, lỡ ra bị mất lợi lành, khiến tín tâm người khác bị lui sụt, nên mới viết thư bày tỏ. Tổ Vĩnh Minh nói: *“Chỉ được thấy Di Đà, lo chi không khai ngộ”*. Nay tôi bắt chước Ngài nói: *“Chỉ mong đạt Nhất Tâm, lo gì thấy, không thấy”*. Biết vậy rồi thì hãy nên dốc sức để tâm hợp với đạo của Phật vậy.

❖ Đóng cửa Phương Tiện, cự tuyệt sự vụ chẳng cấp bách, thật là hữu ích.

❖ Khi bế quan dụng công, nên lấy “chuyên tinh bất nhị” làm chánh. Nếu tâm được chuyên nhất sẽ tự được cảm thông, không thể nghĩ bàn. Lúc chưa được Nhất Tâm, tâm chớ vọng động cầu cảm thông. Sau khi Nhất Tâm, nhất định có cảm thông. Cảm thông thì tâm càng tinh nhất. Có thể nói là như gương sáng đặt trên đài, hình đến liền hiện bóng, hình tự lặn vắng, can gì đến ta? Tâm chưa chuyên nhất, đừng cầu cảm thông; bởi cái tâm cầu cảm thông đó chính là một chướng ngại lớn bậc nhất cho việc tu đạo. Huống hồ do

vọng động mong cầu thái quá, rất có thể khởi các ma sự, phá hoại tịnh tâm.

❖ Việc chích máu chép Kinh có thể hoãn lại, trước hết nên lấy nhất tâm niệm Phật làm trọng. E rằng vì máu hao mà tinh thần suy nhược, lại hóa thành chướng ngại. Thân có an thì đạo mới vượng. Còn thuộc địa vị phàm phu đừng bắt chước khổ hạnh của bậc Pháp Thân Đại Sĩ. Chỉ cần được nhất tâm thì pháp nào cũng trọn vẹn vậy.

❖ Đối với pháp Quán Tưởng, nếu không minh bạch về mặt Lý, quán cảnh chưa thành thực thì không được có tâm vọng động mong chóng đạt. Người có chí trấn định chẳng dòi, tu pháp này thì hại nhiều, lợi ít. Còn Thật Tướng Niệm Phật chính là diệu hạnh thuộc về đường lối chung trong tất cả pháp môn, thuộc toàn bộ giáo pháp của đức Phật. Như Chỉ Quán bên Thiên Thai Tông, tham cứu hướng thượng của nhà Thiền v.v. đều thuộc đường lối này cả. Những pháp nói đó đều là niệm Đức Phật tự tánh thiên chân.

Niệm đức Phật Thật Tướng như vậy nói có vẻ dễ, nhưng tu chứng khó nhất. Chẳng phải bậc Đại Sĩ tái lai, có ai chứng được ngay trong đời này? Do khó khăn ấy, lẽ đương nhiên cách Trì Danh Niệm Phật đáng nên khen ngợi, khuyến tu. Hiểu điều này rồi mà còn muốn cậy vào Tự Lực để đoạn Hoặc chứng Chân, khôi phục tâm tánh vốn sẵn có, không chịu sanh lòng tin, phát nguyện, chấp trì danh hiệu cầu sanh Tây Phương, quyết chẳng có lẽ ấy.

Do Thật Tướng hiện hữu trong tất cả pháp, một pháp Trì Danh chính là một đại pháp môn, vừa là Sự vừa là Lý; vừa cạn, vừa sâu; vừa là tu, vừa là tánh; là phàm tâm nhưng lại là Phật tâm. Với Trì Danh mà hiểu được thể của nó chính là Thật Tướng thì lợi ích sâu rộng. Bỏ Trì Danh để chuyên tu Thật Tướng thì vạn người tu, cũng khó được một hai kẻ thật chứng. Cứ xem quả báo của những vị như

Tô Đông Pha, Tăng Lỗ Công, Trần Trung Tú, Vương Thập Bằng v.v. sẽ thấy được lẽ trên. Với một việc liễu sanh thoát tử, há có thể dùng chí to, lời lẽ lớn mà thành tựu được sao?

❖ Niềm vui niệm Phật chỉ người chân thật niệm Phật mới biết được. Nhưng phải chí thành khẩn thiết, nhiếp tâm mà niệm, chẳng được chấp vào tướng ngoại cảnh. Nếu không, cõi lòng không thông, quán đạo chẳng thuần thực, ma cảnh hiện tiền cũng không biết rõ thì rất nguy. Phải nhớ kỹ, nhớ kỹ! Nay những người thật sự hoảng dương Tịnh Độ khó được mấy ai. Dem ý niệm tham học với khắp các bậc tri thức đổi thành nhất tâm niệm Phật thì lợi ích to lớn. Nếu không, chỉ thành ra uống công nhọc nhằn bôn ba mà thôi.

❖ “Niệm Mà Vô Niệm, Vô Niệm Mà Niệm” chính là niệm đến lúc tương ứng, dù thường niệm Phật, nhưng trọn không có tướng khởi tâm động niệm. Tuy không khởi tâm động niệm, nhưng thường luôn xung niệm hoặc ức niệm một câu Phật hiệu; nên nói “*niệm mà vô niệm, vô niệm mà niệm*”. Đừng hiểu vô niệm là không niệm. Vô niệm nghĩa là không có tướng khởi tâm động niệm để niệm, nhưng niệm niệm chẳng gián đoạn. Cảnh giới này không dễ đạt được, chớ có hiểu lầm.

❖ Một pháp Quán Tưởng tuy hay, nhưng phải hiểu rõ tượng Phật mình thấy đó thuộc về duy tâm sở hiện. Nếu tưởng đó là cảnh ngoài tâm, rất có thể bị ma dựa phát cuồng. Không thể không biết, duy tâm sở hiện là cảnh tượng ấy tuy rành rẽ phân minh, nhưng thật không có vật gì. Nếu tưởng là ngoại cảnh, cho thật là có thì liền thành ma cảnh. [Khi tu Quán] nhắm mắt, mở mắt cốt sao thích hợp là được.

❖ Người khác dạy người chú trọng vào chỗ huyền diệu. Quang tôi dạy người đa phần chỉ dẫn những điều họ có thể tận sức làm được. Nếu không thể tận sức mình, dù có luận tới tốt nguồn, tận đáy của mỗi một pháp trong Thiên hay Giáo cũng chỉ thành “tam thể chư Phật oan” mà thôi, huống gì chưa phải là chuyện tốt nguồn, tận đáy ư?

❖ Không có Tín, Nguyện mà niệm Phật, so với tham thiền, khán thoại đầu tuy công đức lớn hơn, nhưng bản thân chưa đoạn được Hoặc, sẽ chẳng thể liễu thoát bằng tự lực. Thêm nữa, không có Tín, Nguyện thì không thể được Phật tiếp dẫn liễu thoát, vẫn là pháp môn thông thường cạy vào tự lực để chứng đạo, thật chẳng thể dễ dàng. Chớ bảo “tín nguyện cầu sanh” là hèn kém. Hoa Tạng hải hội cùng lấy mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh là chỗ quy kết cuối cùng cho Kinh Hoa Nghiêm. Huống hồ những pháp ngữ, những lời dạy của các Bồ Tát, Tổ Sư trong Tịnh Độ đều chỉ dạy Tín Nguyện Cầu Sanh.

❖ Tuy có mười sáu phép Quán, nhưng hành giả nên bắt đầu từ phép quán dễ, hoặc là quán tướng bạch hào của Như Lai, hoặc phép quán thứ mười ba là “Tập Tướng Quán”. Còn như quán về chín phẩm chẳng qua là để hành nhân biết được tiền nhân, hậu quả của việc vãng sanh mà thôi, chỉ cần hiểu rõ là được; bất tất phải đặt riêng làm phép quán.

Không thể không biết lý của Quán, về mặt sự của tu quán thì phải hành từ từ. Nếu như không hiểu rõ mặt lý, quán cảnh chẳng phân mình, dùng tâm tháo động thô phù để tu, có thể tạo thành ma sự. Tức là khi quán cảnh hiện tiền, nếu tâm chột vọng sanh ý niệm vui mừng, sẽ do vui thành chướng, có thể bị thoái thất cái tâm ban đầu.

Vì thế, Kinh Lăng Nghiêm dạy: “*Tâm không cho là cảnh Thánh, gọi là cảnh giới lành. Nếu cho là Thánh giải liền vướng quàn tà*”. Chỉ mỗi cách Nhất Tâm Trì Danh là hạnh ngàn phần ổn thỏa, vạn bề thích đáng, đợi đến khi tâm quy nhất, tịnh cảnh sẽ tự hiện tiền.

❖ Phải biết lý “Pháp Thân nhập vào tâm tướng”¹ rất sâu. Tâm là Phật, tâm làm Phật sự vốn bình thường. Bình thường phi thường, rất sâu chẳng sâu. Phải viên ngộ mới gọi là “người thông đạt”. Còn phép quán thứ mười ba là riêng vì chúng sanh căn cơ kém cỏi mở cửa phương tiện, dạy họ quán thân Phật tượng sáu hoặc tám thước.

Phép quán thứ mười sáu lại dạy những kẻ ác nghiệp nặng nề xưng danh hiệu. Do xưng danh liền được vãng sanh. Do đây biết rằng Tướng có lớn nhỏ, Phật vốn là một; không thể quán tượng thì xưng danh liền được lợi ích. Suy nghĩ kỹ điều này sẽ biết một pháp Trì Danh thật là bậc nhất. Hành nhân thời Mạt muốn được quyết định vãng sanh ngay trong đời này có nên bỏ phí của báu một hạnh Trì Danh này chăng?

❖ Người đời này hơn quá nửa chuộng thể diện, xây lầu gác trên không. Có được một phần hay nửa phần liền nói là có đến trăm ngàn vạn phần. Như trong sách Ngũ Lục của vị cư sĩ nọ, những cảnh giới ông ta thuật đều là chuyện do ngòi bút vẽ vời, chứ không phải cảnh do tâm tạo. Cố nhiên ông không nói dối, nhưng tôi thật sự e rằng không chừng ông vướng phải tập khí này, họa ấy chẳng nhỏ.

Phật xếp vọng ngữ vào năm giới căn bản, chính là để phòng tệ này. Nếu thấy mà nói không thấy, không thấy mà nói thấy thì thuộc về tội vọng ngữ. Nếu xây lầu gác trên không, bịa đặt cảnh giới thù thắng là phạm đại vọng ngữ giới. Nếu chưa đắc bảo là đắc, chưa chứng nói là chứng thì tội đó nặng hơn tội giết, trộm, dâm trăm ngàn

¹ Nói trong Quán Kinh

vạn ức lần. Người ấy nếu không tận lực sám hối, một khi hơi thở ra không trở vào nữa sẽ đọa ngay vào địa ngục A Tỳ vì hoại loạn Phật pháp, khiến chúng sanh hoại nghi, sai lầm.

Ông phải rất thận trọng, cảnh mình thấy chỉ một phen, không được nói một phen mốt, cũng chẳng thể nói là chín ly chín. Nói quá thì mắc tội, nói giảm cũng không được. Vì sao vậy? Bởi [người] tri thức chưa đắc Tha Tâm Đạo Nhãn, chỉ có thể dựa vào lời đã nói để phán đoán mà thôi. Cảnh giới này, nhờ tri thức chứng minh là tà hay chánh, là đúng hay sai thì không sao. Nếu chẳng vì chứng minh, chỉ muốn khoe khoang cũng có lỗi. Nếu nói với tất cả mọi người, cũng có lỗi. Ngoại trừ việc cầu tri thức chứng minh, đều không được nói ra. Khi nói ra, sau này sẽ vĩnh viễn không đạt được cảnh giới thù thắng ấy nữa. Đây chính là lỗi thứ nhất cho người tu hành, trong Thiên Thai Tông đã nhiều lần nói đến.

Sở dĩ những người tu hành gần đây nhiều kẻ bị ma dựa đều là do tâm vọng động, gấp rút mong được cảnh giới thù thắng. Đừng kể cảnh ấy là ma cảnh, dù cảnh ấy đích thị là cảnh thù thắng, nhưng nếu cả một đời tâm cứ hoan hỷ, tham đắm v.v. sẽ vẫn bị tổn, chớ không được ích, hướng hồ cảnh ấy chưa đích xác là cảnh thù thắng.

Nếu người ấy có hàm dưỡng, tâm chẳng vọng động, gấp rút, không tâm tham đắm, thấy các cảnh giới cũng như chẳng thấy, không sanh tâm hoan hỷ, tham đắm, cũng lại chẳng sanh tâm hoảng hốt, kinh nghi, thì đừng nói là cảnh thù thắng hiện bèn được lợi, dù cảnh ma hiện cũng vẫn hưởng lợi ích. Vì sao vậy? Vì không bị ma chuyển, nên có thể thăng tiến. Tôi không thường nói lời này với người khác, vì ông có những sự ấy nên chẳng thể không nói.

Tượng Đại Sĩ ông được thấy lúc mới lễ Phật là không đích xác. Nếu đích thật là tượng Ngài thì sẽ không vì ông nghĩ tượng đó chẳng khớp với Quán Kinh mà ỉn. Nhưng vì điều đó mà tín tâm của ông càng khẩn thiết thì cũng là một nhân duyên tốt, nhưng không nên

mong thường thấy tượng. Chỉ nên chí thành lễ bái mà thôi, mong ông đừng nghĩ gì khác. Lúc ngủ thấy ánh sáng trước mắt và khi lễ Phật thấy tượng Phật đứng trên hư không, tuy là thiện cảnh nhưng đừng tham đắm. Từ đây về sau đừng lấy đó làm điều mong mỏi, các tướng ấy sẽ không hiện nữa.

Xem căn tánh của ông, có lẽ đời trước từng tu tập Thiền Định nên mới nhiều lần thấy những tướng ấy. Đời Minh, ông Ngu Thuần Hy ở tại núi Thiên Mục, bế quan tĩnh tu trên đỉnh núi cao. Lâu ngày bèn có tiên tri, dự đoán được trời sẽ âm u hay quang đặng, họa phước của người. Ông ta quy y với Liên Trì đại sư. Đại sư nghe chuyện, gởi thư cực lực quở trách, bảo ông ta lọt vào lưới rập của ma. Sau đó ông ta không biết nữa.

Cần biết rằng, người học đạo phải biết điều gì là quan trọng. Nếu không, được lợi ích nhỏ nhặt, bị tổn hại lớn lao. Đừng kể đến những cảnh giới ấy, dù có thật sự đặc Ngũ Thông cũng còn phải không đếm xỉa gì tới, mới hòng chứng được Lậu Tận Thông. Nếu một phen tham đắm sẽ khó thể tiến lên, thậm chí còn thoái đạo. Không thể không biết.

❖ Người tu Tịnh Nghiệp không đặt nặng các thứ cảnh giới nên không có cảnh giới nào phát sanh. Nếu trong tâm cứ chuyên muốn thấy cảnh giới thì cảnh giới rất nhiều. Nếu chẳng khéo dụng tâm, có thể bị tổn hại, không thể không biết.

❖ Đàm Bích Vân cứ mong gặp chứng. Không chỉ riêng ông ta mắc phải căn bệnh này, tất cả người học Phật đa số đều phạm phải căn bệnh này. Đã có bệnh ấy, không những chiêu cảm ma sự, mà còn chưa chứng nói là đã chứng. Phải biết rằng, Tâm vốn là Phật, do phiền não chưa trừ, phải oan uổng làm chúng sanh. Chỉ khi tiêu diệt được phiền não thì Phật tánh sẵn có sẽ tự nhiên hiển hiện.

Giống như mài gương chỉ mong sạch chất dơ, không mong phát quang. Như thầy thuốc chữa mắt, khi màng mộng mất đi, mắt sẽ tự sáng lại. Còn lúc chất dơ chưa sạch, màng mộng chưa khử, dù có muốn phóng đại quang minh, há có thể được chăng? Nếu phát quang, đấy chính là yêu ma biến hiện, chứ không phải là quang minh chân chánh của gương hay mắt. Đối với những người sơ phát tâm, hãy nên đem ý này bảo cho họ biết.

❖ Người niệm Phật hãy nên mang trong lòng cái tâm được vắng sanh ngay trong đời này. Nếu báo thân chưa đến lúc mãn phần, chỉ nên tùy duyên. Như muốn định thời hạn, mong được vắng sanh, nếu như công phu đã thành thực, lẽ cố nhiên chẳng trở ngại gì; bằng không, một cái tâm mong cầu ấy sẽ trở thành ma căn. Nếu như vọng niệm ấy kết thành một khối không gỡ bỏ được thì nguy hiểm chẳng thể nói được. Dốc hết lòng thành đến hết báo thân này chính là điều chúng ta nên tuân hành. Chứ còn chams dứt tuổi thọ để cầu chứng chính là điều bị Giới Kinh quả trách nặng nề. Cuối Kinh Phạm Võng có bài kệ:

*Kế ngã trước tướng giả,
Bất năng sanh thị pháp.
Diệt thọ thủ chứng giả,
Diệc phi hạ chủng xứ.*

Tạm dịch:

*Chấp ngã, dính mắc tướng,
không sanh nổi pháp này.
Diệt thân cầu được chứng,
Chẳng phải điều nên làm.*

Chỉ nên dốc trọn thành kính, cầu mau được vãng sanh. Không nên định kỳ hạn mong nhất định được vãng sanh. Người học đạo tâm chẳng được cố chấp. Cố chấp thì rất có thể đến nỗi mất trí thành điên, không những vô ích mà còn có hại nữa. Nếu Tịnh nghiệp thuần thực, vãng sanh ngay ngày hôm nay là tốt. Nếu chưa thuần thực lại muốn được vãng sanh ngay thì khác nào kéo mạ cho nó mau lớn.

Thật đáng sợ một khi ma sự khởi, không những tự mình không thể vãng sanh, mà còn khiến kẻ vô tri lui giảm tín tâm, cho là: *“Niệm Phật chỉ tổn hại, không ích lợi gì; cứ coi gương tày đình của ông X thì cái hại ấy thật là không đơn giản!”* Xin hãy đem cái tâm “quyết định lập kỳ hạn” ấy đổi thành cái tâm “chỉ nguyện nhanh được vãng sanh”. Dù không nhanh được vãng sanh cũng không phàn nàn, chỉ càng chí thành, chí kính, chỉ mong báo tận liền được vãng sanh là được. Không gấp rút, vọng động, khăng khăng bám chắc đến nỗi chiêu cảm ma sự.

5. Khuyên hành nhân nỗ lực

❖ Người sống trong thế gian, có đủ tám nỗi khổ. Dù sanh trên trời cũng khó tránh ngũ suy¹. Duy Tây Phương Cực Lạc thế giới không có các nỗi khổ, chỉ hưởng các sự vui. Kinh dạy: *“Ba cõi không yên, giống như nhà lửa. Các khổ đầy đầy, rất đáng kinh sợ”*. Mạng người vô thường, lẹ như ánh chớp. Đại hạn xảy đến, không ai có thể chiếu cố cho nhau. Tất cả pháp hữu vi như mộng, huyễn, bọt, bóng.

¹ **Ngũ suy:** Năm tướng suy: 1. Hoa trên đầu héo; 2. Y phục nhợt nhạt; 3. Đồ ăn hôi thối; 4. Thân hình hôi thối; 5. Không ưa ngồi trên tòa. Mỗi khi năm tướng ấy hiện là điềm báo trước vị trời ấy khi mạng chung sẽ bị đọa lạc.

Đối với những điều ấy mà không tỉnh ngộ, tận lực tu Tịnh Nghiệp thì cùng sanh trường như gỗ, đá vô tình trong vòng trời đất vậy. Là trang nam nhi có huyết tánh, há chịu làm thầy đi thịt chạy, chết mục nát với cỏ cây? Đề cao cảnh Thánh nhưng tự ở chốn phàm phu; gặp lời răn nhắc lớn lao mà chẳng phát phần; nghe đạo của Thánh Hiền, Phật, Tổ, vẫn không chịu tin thì là trời phụ người hay người phụ trời đây?

❖ Tâm gặp ác mộng là điềm ác nghiệp đời trước hiển hiện. Dù cảnh hiện ra có thiện hay ác, nhưng chuyển biến được cảnh chính tại nơi mình. Ác nghiệp hiện nhưng chuyên tâm niệm Phật thì nhân duyên ác thành nhân duyên lành, ác nghiệp đời trước biến thành đạo sư đời này. Tiếc là người đời phần nhiều bị nghiệp trói buộc, không thể chuyển biến, đến nỗi lâm vào cảnh đã té giếng còn bị ném đá, khổ càng thêm khổ.

❖ Thời này là thời nào? Nam Bắc đánh nhau, trong ngoài đối địch. Ba bốn năm gần đây, người chết bốn năm ngàn vạn. Tự thuở có con người đến nay, chưa từng nghe thấy sự thê thảm như vậy. Lại còn gió lốc, nước dâng, địa chấn, ôn dịch nhan nhản các nơi. Rồi thêm lụt lội, hạn hán, không năm nào lại không kèm thêm các tai nạn đó. Giá cả các thứ mắc gấp mấy lần năm trước. Trong lúc này, may còn được sống, dám đâu chẳng kiệt lực chuyên tu Tịnh Nghiệp để cầu vãng sanh Tịnh Độ ư? Dám đâu do may mắn còn được cái thân lại buông lung ý chí, không chuyên chú nhất định vào một pháp, lơ mơ dốc sức vào một pháp môn chẳng khéo hợp thời cơ ư? Giả sử một hơi thở ra không hít trở vào được, muốn lại được nghe pháp môn thẳng tắt như thế này, chỉ e không có dịp may mắn như thế nữa đâu!

❖ Thân là gốc để chiêu khổ, chán ngán nó liền được cái nền tảng để hưởng vui. Do túc nhân sâu dày, hiện tại thiện hảo càng nồng hậu, nên báo nặng từ nhiều kiếp chuyển thành nhẹ trong hiện tại. Càng hoạn nạn đón đầu, càng mạnh mẽ tu trì thì những thống khổ trong cõi Ta Bà sẽ là thầy hướng dẫn mình về Cực Lạc. Hãy nghĩ mình đang đền nợ cũ thì những ý tưởng ảo não, phiền muộn sẽ tự tiêu. Nếu vẫn còn ôm lòng oán trách thì tội chương tiếp tục khởi. Cam chịu nghịch cảnh xảy đến mới là kẻ biết vui theo mệnh trời. “Chán đây - Thích kia” mới là người tu Tịnh Nghiệp.

❖ Một câu Phật hiệu bao gồm toàn bộ giáo nghĩa Đại Tạng, không còn sót gì. Người thông Tông, thông Giáo mới có thể làm người chân thật niệm Phật; nhưng người cái gì cũng không biết, cái gì cũng chẳng làm được, miệng chỉ biết thừa thốt, cũng vẫn có thể làm người chân thật niệm Phật. Hai hạng người này có chân thật hay không toàn là do tự mình nỗ lực hay không, có hành theo đúng giáo pháp hay không.

❖ Với pháp môn Tịnh Độ, nếu kính tin lời Phật quyết định không ngờ; lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, tu hành thật sự, nhất định sẽ vãng sanh làm người trong thế giới Cực Lạc. Há nên trong lúc kiếp vận này, toan nhằm thời buổi nguy hiểm, tinh thần hữu hạn, lại thực hiện những pháp vụ chẳng cấp bách hòng được tiếng tăm là bậc đại thông gia để thỏa thể diện, khiến cho một việc chuyên tu của chính mình rốt cục thành hư luống sao?

❖ Mười nguyện Phổ Hiền, một hạnh Văn Thù, nếu có thể chuyên ròng tu, dù tất cả Kinh luật đều không thông suốt cũng có thể nhanh chóng tháo cũi xổ lồng, cao dự Hải Hội. Nếu đối với một pháp cậy vào Phật lực này tin không chân thật, không quyết định nương dựa

vào pháp này, dù có thông Tông thông Giáo sâu xa cũng chỉ là Tam Muội nơi cửa miệng. Toan dùng Tam Muội ngoài miệng ấy để liễu sanh thoát tử thật giống như dùng bánh vẽ để đỡ đói, nhất định đến bước đường cùng, hối hận sâu xa cũng không mảy may có lợi ích gì. Hiện tại đời lẫn đạo không biết tình trạng tương lai ra sao, vẫn còn toan dùng quang âm sắp hết để lo những chuyện chẳng cấp bách ư?

❖ Cổ nhân nói: *“Ít thật hơn hư nhiều. Khéo quá chẳng bằng vụng. Nói một trượng không bằng làm được một tác”*. Chân tâm là ở chính mình, hãy suy nghĩ thấu đáo!

❖ Một pháp Tịnh Độ lấy ba điều Tín, Nguyện, Hạnh làm tông. Chỉ có đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha mới dốc chí hành trì được. Gặp cảnh họa hại liền chân thành, khẩn thiết; gặp lúc nhàn nhã, thông dong bèn lơ là, hoãn đãi; đó là bệnh chung của phàm phu. Vào lúc này, thời cuộc lẫn tình hình đạo pháp như nằm yên trên đồng củi, phía dưới lửa đã bốc cháy, nhưng chưa cháy đến thân. Chớp mắt là toàn thể bùng cháy, khắp cõi không chỗ nào trốn tránh được. Sao còn lơ là, chểnh mảng qua ngày, chẳng chuyên chí cầu nơi một câu Phật hiệu? Cái tri kiến ấy thiển cận quá mức.

❖ Đời trước vun bồi huệ căn này cố nhiên không dễ dàng gì. Nếu đối với pháp này không chuyên tinh, dốc cạn sức để mong được tự chứng, có khác gì chén, bình chưa nung, gặp mưa liền vỡ. Quang âm ngắn ngủi, mạng người mấy chốc? Một hơi thở ra không trở lại, đã qua đời sau. Người chưa chứng đạo từ ngộ vào mê, vạn người có cả mười ngàn; từ ngộ thêm ngộ, ức kẻ chẳng được một hai. Nỡ để vô thượng pháp khí gặp phải cơn mưa tái sanh liền trở thành bụi đất ư?

❖ Chúng ta đã là Phật tử, phải hành Phật hạnh. Dù chẳng phá sạch được vô minh, nhanh chóng khôi phục bốn tánh, tiến thẳng vào Diệu Giác quả hải, không lẽ không thể viên chứng “ba tâm”, dốc lòng tu Tịnh Nghiệp để mong đoạn Hoặc ngay nơi thân này, gởi tâm thức nơi Liên Bang, làm đệ tử Phật Di Đà, làm bạn lành của các Đại Sĩ, an trụ tịch diệt, đạo các cõi Phật, trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh hay sao?

Nếu không tự gắng sức, chỉ đề cao Thánh cảnh, vẫn cam làm phàm ngu, e rằng cả nửa đời tu trì siêng nhọc phải đành cay đắng vĩnh viễn trầm luân. Mê muội nên châu buộc nơi vật áo mà không trân quý, lên núi báu trở về tay không. Dùng tánh Chân Như màu nhiệm có đủ vô lượng công đức, trí tuệ, thần thông, tướng hảo để hứng chịu oan uổng vô lượng sanh tử luân hồi, phiền não nghiệp quả, huyễn vọng cực khổ. Không phải là mất trí sanh cuồng, ghét thẳng, thích đọa, sống làm thịt chạy, thầy đi, chết mục nát cùng cỏ cây ư? Tam thế chư Phật gọi đó là hạng người đáng thương xót. Những vị đồng luân với tôi hãy nên nỗ lực.

❖ Trong lúc đường đời nguy hiểm này, hãy nên mở toang tâm lòng, tầm mắt, nỗ lực tu trì Tịnh Nghiệp. Tất cả cát - hung, họa - phước đều đừng lo tới, hãy tùy duyên ứng biến. Dù cho đại họa trút xuống đầu vẫn nên nghĩ: *“Những người cùng mắc phải họa này không biết là mấy ngàn vạn ức người? Trong tình thế chẳng làm gì khác được, vẫn còn có A Di Đà Phật và Quán Thế Âm Bồ Tát để nương cậy được, có còn lo chi?”* Lấy việc niệm Phật, niệm Quán Thế Âm Bồ Tát để làm chỗ cậy nhờ vô úy. Mở rộng tâm lượng, đừng thấp thỏm thì bệnh tự nhiên lành, thân yên vui.

Không biết nghĩa này, dù chưa gặp phải cảnh tai ách đã tự hãm mình trước vào trong tai ách; dù là Phật, Bồ Tát cũng không thể cứu

nổi. Bởi thế, quân tử không hoạn nạn hành xử như đang bị hoạn nạn, cho nên không điều gì xảy đến mà không tự chủ được.

HẾT PHẦN 2

PHẦN 3

IV. LUẬN VỀ VIỆC LỚN SANH TỬ

1. Cảnh tỉnh mạng người vô thường

❖ Quang âm vùn vụt, thời thế đổi dời trong mỗi sát na, một niệm chẳng trụ. Đây chính là Tạo Vật vì tất cả bọn chúng sanh ta mà hiện tướng lưới rộng dài giăng vô thường diệu pháp: Mạng người vô thường, vinh hoa chẳng bền, gấp tìm nẻo về để khỏi phải chịu cái khổ trầm luân vậy.

❖ Việc lớn sanh tử phải dự bị trước. Nếu đợi đến lúc sắp ra đi mới tu, chỉ e sẽ bị nghiệp lực đoạt mất.

❖ Sanh tử là việc lớn. Vô thường nhanh chóng. Nghe đến kinh sợ, nhưng còn lâu mới bằng khi thân trải qua nỗi đớn đau kịch liệt.

❖ Cổ nhân nói: “*Thông minh bất năng địch nghiệp. Phú quý khởi miễn luân hồi*”¹. Sanh tử xảy đến, không có gì để nương dựa cả, chỉ có mỗi A Di Đà Phật là nương nhờ được thôi! Tiếc người đời quá ít ai biết. Người biết đến, tin chân thật và thật sự niệm Phật lại càng ít hơn nữa.

❖ Ngày ba mươi tháng Chạp là ngày chấm dứt một năm. Nếu không thu xếp trước cho khéo thì chủ nợ, oán gia sẽ xúm lại lôi kéo,

¹ Thông minh chẳng cự nổi nghiệp. Phú quý chẳng tránh khỏi luân hồi

chẳng dung cho lỗi lầm của mình. Lúc lâm chung chính là ngày ba mươi tháng Chạp của cả một đời. Nếu tư lương Tín, Nguyên, Hạnh chưa đủ, vẫn còn tham, sân, si, tập khí ác thì oán gia, chủ nợ từ vô lượng kiếp đến nay sẽ kéo đến bức bách, đòi nợ, không dung cho mình.

Đừng nói những người không biết đến pháp môn Tịnh Độ, không biết làm cách nào, nên phải theo nghiệp thọ sanh; dù là đã biết nhưng chẳng chăm chú tu hành thật sự thì cũng giống hết như vậy, bị ác nghiệp lôi kéo vào trong Tam Đồ, Lục Đạo, vĩnh viễn luân hồi. Muốn cầu con đường thoát khổ, chỉ có cách niệm niệm lo nghĩ đến lúc chết, sợ rằng chết đi sẽ đọa lạc trong Tam Đồ ác đạo thì niệm Phật sẽ tự thuần, Tịnh nghiệp sẽ tự thành; mọi thứ trần cảnh sẽ không thể đoạt được chánh niệm nữa.

❖ Cầu sanh Tây Phương đừng nên sợ chết. Nếu chết ngay ngày hôm nay thì liền sanh về Tây Phương. Đây là như lời đã nói: “*Sáng nghe đạo, chiêu chết cũng được!*” Lẽ đâu ngày hôm nay phải chết lại không chịu chết, cứ tham luyến trần cảnh không thể buông xuống, khiến cho do tham thành chướng, cảnh Tịnh Độ chẳng hiện, khiến cho cảnh tùy nghiệp thọ sanh trong đường thiện ác liền hiện.

Cảnh hiện, liền theo nghiệp thọ sanh trong đường thiện ác; vãng sanh Tây Phương hóa thành bánh vẽ. Vì thế, đối với người tu Tây Phương, chết hôm nay cũng tốt; sống thêm một trăm hai mươi năm rồi chết cũng hay. Tất cả phó mặc nghiệp trước, không làm sanh ý tưởng tính toán, so đo. Nếu như tín nguyện chân thành, thiết tha; báo hết, mạng tận; thần thức bèn siêu Tịnh vực, nghiệp trả lại trần lao, sen vàng chín phẩm nở hoa, Phật thọ ký một đời thành Phật.

2. Khuyên chuyên cậy vào Phật lực

❖ Quang tôi từ Tây qua Đông, từ Bắc xuống Nam, qua lại hơn vạn dặm, gặp gỡ nhiều người. Trong số đó, bình nhật tự vỗ ngực là bậc thông Tông, thông Giáo, coi Tịnh Độ như uế vật, chỉ sợ nó làm bẩn lây đến mình. Lúc lâm chung, đa số chân loạn tay cuống, kêu cha gọi mẹ. Trong số ấy, có những người trì giới niệm Phật già già, chắc thật; dù tín nguyện chưa đến mức cùng cực, tướng lành không hiện, nhưng đều an nhiên mạng chung.

Vì sao như vậy? Xác thật bởi vì tâm thủy trong lặng, do phân biệt nên xao động, đục ngầu, sóng thức trào dâng. Do Phật hiệu nên tâm thủy ngưng lặng. Bởi thế, người thượng trí không bằng kẻ hạ ngu, biến quá khéo thành vụng về lớn vậy.

❖ Phật nói tất cả pháp môn Đại, Tiểu, Quyền, Thật, đều phải cậy vào công sức của chính mình để đoạn Hoặc chứng Chân mới thoát khỏi sanh tử. Nếu còn chút may may Hoặc nghiệp, sẽ quyết định khó thoát khỏi sanh tử. Vì thế, từ đời này sang đời khác, từ kiếp này sang kiếp khác, lần lượt tu trì, nếu ai có đầy đủ sức lực sẽ tiến thẳng lên Bất Thoái, liền được liễu thoát. Đa phần là từ giấc chột mê, thoát tiến liền lùi, trải qua bao kiếp nhiều như bụi trần không thể xuất ly. Sở dĩ, Ngài và tôi hôm nay vẫn còn là phàm phu, toàn là vì không biết đến pháp môn Tịnh Độ độ khắp ba căn, chí cực viên đốn của đức Như Lai.

❖ Người không hiểu Tịnh Độ, đọc đến Kinh Lăng Nghiêm sẽ cho Kinh này là nhân tố chính để đả phá Tịnh Độ. Người hiểu Tịnh Độ đọc đến, liền biết Kinh này khéo hướng dẫn hoằng dương Tịnh Độ. Vì sao nói thế? Vì tự lực ngộ đạo thì khó, Tịnh Độ vắng sanh là dễ. Nhân quả mười pháp giới mỗi mỗi phân minh. Nếu không cậy

vào Phật lực, dù phá được một hai Âm, vẫn bị ma dựa phát cuồng, thành chủng tử địa ngục. Hơn nữa, trong hai mươi bốn công phu Viên Thông, người đời nay có ai là kẻ tu tập được?

Chỉ có mỗi phép Niệm Phật như con nhớ mẹ, hễ là người hữu tâm đều có thể phụng hành được. Cốt sao tịnh niệm tiếp nối, sẽ tự chứng được Tam Ma Địa. Người biết phân biệt tốt xấu đọc đến, lẽ nào chỉ ung chịu chủ trương tự lực, không cậy vào Phật lực hay sao? Người chẳng biết hay dở mới nghĩ như vậy, bởi họ chỉ mong làm bậc thông gia, không có lòng liễu sanh thoát tử.

❖ Tu hành dụng công vốn là để liễu sanh thoát tử. Nếu dụng công nhưng không thể liễu sanh tử là do không chịu y vào pháp có thể liễu được sanh tử mà hành. Khác nào gánh gai bỏ vàng, tự chuốc lấy lỗi hay sao? Dù tham thiền đại triệt đại ngộ như Ngũ Tổ Giới, Thảo Đường Thanh, Chân Như Triết, Đoạn Nham Nghĩa, còn chưa liễu nổi sanh tử, phải thọ thân đời sau, đến nổi mê lầm. So ra, ta còn thua xa họ, [họ còn chẳng thể liễu sanh tử nổi] huống hồ là bọn ta ư?

❖ Pháp môn Tịnh Độ là pháp môn phổ độ chúng sanh, viên đốn, thẳng tắt, rộng lớn, giản dị nhất của đức Như Lai. Vì sao nói vậy? Bởi vì tất cả các pháp môn đều phải đoạn hai Hoặc: Kiến và Tư mới hòng liễu sanh tử. Nhưng đoạn Kiến Hoặc còn như cắt đứt dòng chảy rộng bốn mươi dặm, huống hồ là Tư Hoặc? Đoạn Kiến Hoặc là chứng Sơ Quả. Nếu ước theo Viên Giáo thì là Sơ Tín. Đoạn sạch Tư Hoặc liền chứng Tứ Quả; trong Viên Giáo là địa vị Thất Tín. Sơ Quả, Sơ Tín còn có sanh tử. Tứ Quả, Thất Tín mới hết sanh tử.

Nhưng Đại Sư Thiên Thai Trí Giả chỉ thị hiện chứng được địa vị ngũ phẩm, tuy sở ngộ đã bằng với chư Phật, đã hàng phục trọn vẹn ngũ trụ phiền não, nhưng vẫn chưa từng đoạn Kiến Hoặc. Thế

nhưng, bốn địa¹ của Đại Sư thực không thể suy lường được. Lúc mạng chung, Ngài chỉ nói là chứng ngũ phẩm, vì lo xa hậu thế chẳng dốc sức đoạn Hoặc chứng Chân, chỉ lấy “minh tâm kiến tánh” làm rốt ráo.

“Minh tâm kiến tánh” là đại triệt đại ngộ. Nếu là bậc tối thượng thượng căn, hễ ngộ liền chứng, thì liễu được sanh tử. Nếu không, dù có biết trước được vị lai như sư Viên Trạch vẫn không tránh khỏi phải thọ sanh lần nữa. Đến như Ngũ Tổ Giới lại sanh làm Tô Đông Pha, Thảo Đường Thanh lại làm thân Lỗ Công. Đấy hãy còn là tạm được. Ngài Hải Ấn Tín thành con gái của quan Phòng Ngự họ Châu, quá là không thể! Nhưng ông Tăng ở núi Nhạn Đăng trở thành Tần Cối thì thật là đáng thương xót quá. Tự lực đoạn Hoặc chứng Chân để liễu sanh thoát tử thật khó khăn thay!

Các giáo lý tu chứng thông thường trong cả một đời đức Như Lai đã nói, tuy có nhiều pháp khác nhau, nhưng không có một pháp nào khiến cho người còn đầy dẫy Hoặc nghiệp có thể liễu sanh thoát tử. Chỉ mình pháp Tịnh Độ, chỉ cần lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, dùng tâm chí thành trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương. Không luận là Hoặc nghiệp dày hay mỏng, công phu cạn hay sâu, khi lâm chung đều cậy vào Phật từ lực, đới nghiệp vãng sanh. Đã vãng sanh liền siêu phàm nhập Thánh, liễu sanh thoát tử. Từ đấy, lần lượt tấn tu, liền chứng được Vô Sanh, thậm chí viên mãn Phật Quả. Đây chính là pháp môn đặc biệt thương xót chúng sanh căn cơ hèn kém, muốn cho họ mau thoát khỏi luân hồi của đức Như Lai.

❖ Những người nghiên cứu về Giáo dựa trên giáo lý thông thường để luận đoán sự chứng đắc, không tin có việc đới nghiệp vãng sanh; khoe mình là hàng thường ở trong sanh tử để độ chúng

¹ **Bốn địa:** là ứng với Tích Hóa mà nói. Bốn là gốc, là Pháp Thân, Tích là sự hóa hiện để hóa độ chúng sanh. Bốn địa là nói đến sự chứng ngộ thật sự của Ngài.

sanh; không muốn mau thoát khỏi sanh tử. Không biết rằng chén, bình chưa nung, gặp mưa liền rã; phiền Hoặc chưa đoạn, chuyển sanh liền mê. Tự lợi còn khó, huống là lợi người. Những người đó đều là dạng không lượng đức mình, là phạm phu sát đất, có chút huệ tánh bèn vội bắt chước phong cách của bậc Pháp Thân Đại Sĩ, đến nỗi lầm lỡ một phen, lỡ lầm vĩnh viễn.

Người tham Thiền thì chuyên chú tham cứu, mong mình tâm kiến tánh; không biết căn cơ mình khá hèn kém, chẳng thể mình tâm kiến tánh rất nhiều. Dù cho đã được mình tâm kiến tánh, nhưng nếu Hoặc nghiệp chưa đoạn, vẫn luân hồi sanh tử y như cũ, không thể xuất ly cũng lại nhiều lắm. Ngũ Tổ Giới, Thảo Đường Thanh, Hải Ấn Tín, Chân Như Triết v.v. là những chứng cứ xác thực.

Ồi! Sanh tử lớn thế, sao lại chuyên cậy vào tự lực, không cậy vào Phật lực? Ý chừng tự lực hơn hẳn Phật lực ư? Phạm người sống trong đời, việc lớn như sáng lập sự nghiệp lưu truyền nhiều đời; việc nhỏ như một manh áo, một bữa ăn; không gì là không phải nhờ vào sức của nhiều người để hoàn thành việc mình. Đến như việc lớn liễu sanh tử, dù sẵn có Phật lực vẫn chẳng chịu nương nhờ, cứ muốn tỏ ra phong cách phi thường, chỉ e lại rơi vào thói thường của hạng phạm ngu. Chí của họ đáng bảo là lớn, nhưng tiếc là không biết khả năng của họ có đáng gọi là lớn hay chẳng?

❖ Muốn liễu sanh tử thì phải thật Chứng. Nếu phiền Hoặc vẫn còn, ắt phải thật nỗ lực mới có thể cạnh tranh với nghiệp, trải qua những duyên rèn luyện thì trong tâm thường giác chiếu, thâm hợp với Thánh trí. Phạm tình, nhân ngã, thị phi, không do đâu khởi được. Nếu không tăng thêm giác chiếu, phạm tình vẫn lừng lẫy như cũ, thì công hạnh càng cao, tình kiến càng nặng, từ ngộ vào mê là chuyện khó tránh khỏi. Như người ngủ chẳng tỉnh, càng ngủ mê mệt thêm.

Cổ nhân bảo: “Đại sự đã hiểu như chôn cha mẹ”¹. Chính là vì phiền Hoặc chưa đoạn, chỉ e lại mê. Phải biết rằng người đã đoạn Hoặc thì không có phàm tình. Đã không có phàm tình, lấy đâu sanh tử? Người đại ngộ dù ngộ bằng với Phật, nhưng chưa đoạn trừ Hoặc thì phải niệm niệm giác chiếu, mới hòng tránh khỏi tác dụng của phàm tình.

❖ Pháp môn này toàn cậy vào Phật lực. Ví như người chân bị tật, một ngày chỉ đi được mấy dặm; nếu ngồi trên Luân báu của Chuyển Luân Thánh Vương liền trong khoảnh khắc đến khắp bốn đại châu. Đây là sức của Luân Vương, không phải do sức mình. Người đời tu hành cố nhiên giống vậy. Dù là kẻ ngu nghịch thập ác tội lỗi cực nặng, lúc lâm chung, tướng địa ngục hiện, nếu có thể chí tâm niệm Phật, liền được Phật tiếp dẫn. Ấy là vì Phật xem chúng sanh khác nào con một. Đứa nào thiện thuận, dĩ nhiên từ ái dưỡng dục. Đứa nào ác nghịch, càng thêm xót thương. Nếu con hồi tâm hướng về mẹ, ắt mẹ sẽ rửa lòng từ tiếp nhận.

❖ Cậy tự lực tu hành, đoạn Hoặc chứng Chân thật không dễ dàng. Đoạn Kiến Hoặc như cắt ngang dòng nước rộng bốn mươi dặm, hướng hồ là Tư Hoặc. Kiến Hoặc đoạn được liền chứng Sơ Quả, dự vào dòng Thánh, vẫn còn phải bảy lần sanh lên trời, bảy lần sanh xuống nhân gian mới đoạn sạch được Tư Hoặc để chứng Tứ Quả.

Tuy nói là mười bốn lần sanh tử, nhưng trên trời tuổi thọ dài lâu, cố nhiên không thể dùng năm tháng để luận. Thánh nhân Sơ Quả muốn liễu sanh tử còn khó khăn như vậy, huống hồ là phàm phu đầy dẫy Hoặc nghiệp ư? Nếu chứng Tứ Quả sẽ vĩnh viễn đoạn được căn

¹ Đại sự dĩ minh như táng khảo tử.

bản sanh tử, siêu xuất Lục Đạo luân hồi. Nếu phát tâm Đại Bi, nhập thế độ sanh, nương theo nguyện thị hiện hạ sanh, sẽ không giống như người đầy dẫy Hoặc nghiệp bị nghiệp thiện ác lôi kéo thăng trầm trong lục đạo, tự mình không may mắn làm chủ được. Tự lực liễu sanh tử, nếu chẳng phải là hạng tức căn thâm hậu sẽ không thể làm được; chúng sanh đời mạt mong bằng được sao?

Bởi thế, Như Lai đặc biệt mở ra pháp môn Tịnh Độ để tất cả dù Thánh hay phàm, thượng trung hạ căn, cùng được liễu sanh thoát tử ngay trong đời này. Lòng từ bi cứu hộ ấy tốt bậc không chi hơn được. Để tu trì pháp này cũng phải nghiêm trì tịnh giới, tận lực tu Định, Huệ; kiêm thêm sanh lòng tin, phát nguyện, trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương. Lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, niệm lực tinh thuần, ngay trong hiện đời cũng có thể chứng Thánh, lâm chung lên ngay thượng phẩm, dự vào ngôi vị Bồ Tát, chứng địa vị Bất Thoái.

Nếu như căn cơ hèn kém, chưa làm được như thế, cứ chí thành niệm Phật thì tâm và Phật khế hợp nhau, cảm ứng đạo giao. Lúc lâm chung ắt được Phật rủ lòng từ tiếp dẫn, đởi nghiệp vãng sanh. Thậm chí kẻ ngu nghịch, thập ác, lúc lâm chung tướng địa ngục hiện; nếu tâm thức không mê, có thiện tri thức dạy cho niệm Phật; người ấy sanh lòng sợ hãi lớn lao; sanh lòng hổ thẹn, đại sám hối; dù niệm mấy tiếng rồi liền mạng chung, cũng vẫn được Phật từ lực tiếp dẫn vãng sanh.

Một phen được vãng sanh liền vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi, cao dự Hải Hội, lần lượt tấn tu, ắt chứng Phật Quả. Cậy vào tự lực để liễu sanh tử khó như thế ấy, cậy vào Phật lực để liễu sanh tử dễ như vậy đó! Phàm ai có tâm đều có thể niệm Phật, đều có thể vãng sanh. Là trang nam nhi có huyết tánh, nhất định không chịu để Chân Như Phật Tánh sẵn có trái nghịch Tịnh duyên, theo duyên mê nhiễm, luân hồi trong lục đạo bao kiếp dài lâu không thể thoát khỏi.

❖ Chúng ta luân hồi trong sanh tử, trải kiếp số đã lâu, đã tạo ác nghiệp vô lượng vô biên. Nếu cậy vào sức tu trì của mình, muốn diệt sạch phiền não Hoặc nghiệp để liễu sanh tử, còn khó hơn lên trời. Nếu tin được pháp môn Tịnh Độ do Đức Phật đã giảng, dùng lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, niệm danh hiệu A Di Đà Phật, cầu sanh Tây Phương, không luận là nghiệp lực lớn hay nghiệp lực nhỏ, đều có thể nhờ vào Phật lực vãng sanh Tây Phương.

Ví như một hạt cát gieo xuống nước liền chìm, còn dù có đem hòn đá nặng mấy ngàn vạn cân đặt lên chiếc Đại Hỏa Luân Thuyền sẽ không bị chìm, còn chờ được sang chỗ khác để tùy ý sử dụng. Đá ví như nghiệp lực sâu nặng của chúng sanh. Đại Hỏa Luân Thuyền ví như từ lực rộng lớn của Phật Di Đà.

Nếu không niệm Phật, cậy vào sức tu trì của chính mình hòng liễu sanh thoát tử, cần phải đạt đến chỗ “nghiệp tận tình không” mới được. Nếu không, dù cho phiền não Hoặc nghiệp chỉ còn chút mấy may chưa đoạn cũng chẳng liễu nổi. Ví như một hạt cát bé tí cũng bị chìm trong nước, quyết không thể tự nó thoát ra ngoài nước được.

Các hạ chỉ nên sanh tín tâm, niệm Phật cầu sanh Tây Phương, không nên khởi lên những ý niệm nào khác. Nếu thật sự làm được như vậy, nếu tuổi thọ chưa hết sẽ mau được lành bệnh. Do công đức chuyên nhất chí thành niệm Phật liền diệt trừ được ác nghiệp đời trước, khác nào mặt trời rạng rỡ đã mọc, sương tuyết liền tiêu. Tuổi thọ đã hết sẽ liền được vãng sanh vì tâm không có niệm nào khác nên cảm ứng đạo giao với Phật. Vì thế, được Phật tiếp dẫn vãng sanh. Nếu các hạ tin được lời này thì sống cũng được đại lợi ích, mà chết cũng được đại lợi ích.

❖ Tình thế hiện tại chính là tình thế hoạn nạn. Nếu không lấy Phật A Di Đà và Quán Thế Âm Bồ Tát làm chỗ nương cậy để thường niệm, lỡ ra họa hoạn xảy tới, hoặc thành linh gặp phải chuyện

bất trắc, kêu gào sông cũng chẳng được. Nếu đã niệm sẵn từ trước sẽ có sự chuyển biến âm thầm. Huống hồ sanh tử đến tới, ai cũng phải có ngày ấy. Vì thế, cần phải thường nghĩ đến lúc lâm chung, chạy theo tất cả vọng tưởng không nên có và các pháp môn không giúp ích gì cho việc liễu sanh thoát tử, tự mình không nỗ lực, dốc sức, không tu “pháp môn phải quyết định dựa vào” để liễu sanh thoát tử này. Mong vợ chồng, cha con ông đừng cho lời Quang tôi là hủ bại, vợ vẫn thì thật là may mắn lắm!

❖ Người niệm Phật có bệnh nên nhất tâm chờ chết. Nếu tuổi đời chưa tận sẽ chóng lành bệnh. Đem toàn thân buông xuống để niệm Phật, tiêu nghiệp rất hay. Nghiệp tiêu thì bệnh lành. Nếu không buông xuống được, cứ mong được khỏe lại; nếu chẳng được khỏe lại thì chắc chắn không cách chi được vãng sanh vì không nguyện sanh. Không hiểu rõ đạo lý này, còn mong cậy vào Phật Từ Lực nữa ư?

Với căn bệnh của mẹ ông, hãy nên khuyên bà khẩn thiết buông xuống, cầu vãng sanh. Nếu tuổi thọ chưa hết mà cầu vãng sanh sẽ hóa ra mau được lành bệnh. Ấy là vì tâm chí thành nên được Phật Từ gia bị. Mong ông hãy nhỏ nhẹ, khéo léo khuyên mẹ, đừng bắt chước người si nói những lời si dại nữa.

3. Dạy những điều thiết yếu về lâm chung

❖ Một cửa ải lâm chung thật là khẩn yếu. Đời có người ngu, lúc cha mẹ, quyến thuộc lâm chung bèn khóc lóc vật vã, tắm rửa, thay áo; chỉ mong đẹp mắt người đời, bất kể di hại cho người chết. Người không niệm Phật hãy khoan bàn đến; người chí thiết vãng sanh, lúc lâm chung gặp phải quyến thuộc như vậy, đa phần bị phá hoại chánh niệm, vẫn bị ở lại trong thế giới này.

Lâm chung trợ niệm ví như kẻ yếu đuối trèo núi, sức mình không đủ, may nhờ có sức người đằng trước kéo, đằng sau đẩy, tả hữu xóc nách, nên có thể lên được đỉnh núi cao nhất.

Lâm chung chánh niệm rõ ràng, bị ma quyến, ái tình lay động, phá hoại,... giống như dững sĩ trèo núi, tự lực sung túc, nhưng bạn bè, người quen ai nấy đem vật dụng của mình bảo phải gồng gánh. Gồng gánh quá nhiều, sức kiệt, thân nhọc, dõi nhìn vách núi liền lùi bước.

Lẽ được mất này dù do người khác gây ra, thật sự là do những nghiệp lực thiện hay ác của chính mình trong những kiếp trước đã thành tựu hay phá hoại người mà ra. Phàm là người tu Tịnh Nghiệp, phải nên có chánh niệm thành toàn cho người, và phải chỉ dạy sẵn cho quyến thuộc về lẽ lợi hại, ngõ hầu ai cũng hiểu điều quan trọng là chỗ đạt đến của thần thức người chết, chứ không phải tại phương diện tình cảm thế tục, mới hòng khỏi lâm lạc vậy.

❖ Trong tuần thất và trong mọi lúc, mọi sự, phải lấy niệm Phật làm chánh, chứ không phải chỉ lúc đang lo ma chay. Hiện thời, đa số Tăng lữ nhác. Tụng Kinh [Phật tử] phần nhiều không biết. Đã thế còn tụng nhanh như nước chảy, [Phật tử] dù biết nhưng không thuộc cũng không có thể đọc theo. Dù có đến mấy mươi người, không có mấy người tụng Kinh được. Chỉ có mỗi niệm Phật, trừ phi chẳng phát tâm, quyết không có cái nạn không ai niệm theo được. Lại dù chẳng chịu niệm, một câu Phật hiệu lọt qua tai thâu vào tâm cũng tự lợi ích không ít. Đây là lý do Quang tôi tuyệt đối không đề xướng lập bất cứ đạo tràng nào khác.

❖ Đối với người sắp mạng chung, chỉ có đồng thanh niệm Phật là có ích. Nếu tâm thức [người mất] chưa rời khỏi thân thì tắm rửa, thay y phục v.v. gây trở ngại rất lớn. Vì thế, người tu Tịnh Nghiệp

hằng ngày phải nên nói cho quyền thuộc hiểu rõ duyên do ấy, ngõ hầu không đến nỗi dùng lầm tình thân ái, gây trở ngại việc vãng sanh. Nếu là bậc đại nhân tốt bậc, bậc cao sĩ xuất cách, bất tất e sợ sẽ mắc phải những chướng ngại như vậy.

❖ Phật pháp rộng sâu, chỉ khi nào thành Phật mới ngừng tay được. Muốn quyết tâm để có thể được vãng sanh, thường hành “truy tiến”¹, thật không trở ngại gì đến việc khẩn thiết niệm Phật, tức là như Kinh Phật đã dạy: *“Dù biết tội tánh vốn là không, nhưng luôn sám hối tội trước, chẳng nói là mình đã được thanh tịnh”*. Ngài Liên Trì nói: *“Trong năm, thường phải truy tiến người đã mất, không được nói họ đã được giải thoát nên chẳng cử hành”*.

Phải biết rằng, tụng Kinh, niệm Phật tuy nói là để truy tiến người thân, thật sự là để quyền thuộc hiện tiền, người quen mở mang cõi lòng, trông thiện căn, và đem toàn bộ công đức truy tiến người thân hồi hướng cho tất cả pháp giới chúng sanh để mở rộng tâm lượng của mình lẫn người, của người sống lẫn người mất, hòng tiêu diệt những chấp trước, chướng ngại của mình lẫn người, của người còn lẫn người mất. Nếu như không đặt nặng lòng thành, chỉ cốt xa hoa, khoa trương, chung diện cùng người, có thể nói là: *“Dùng đám tang người thân để bày trò náo nhiệt”*, thì không phải là điều con cái nên làm.

❖ Ngay lúc thân mắc bệnh nặng, lúc chưa thể chắc chắn sẽ sống hay chết, hãy dạy cho mọi người vì mẹ chí thành khẩn thiết niệm “Nam mô A Di Đà Phật”, ngõ hầu tuổi thọ chưa tận sẽ mau lành bệnh, tuổi thọ đã hết sẽ mau được vãng sanh Tây Phương. Các con ông hiểu tâm tinh thuần, chuyên dốc, ắt sẽ đều thường trì niệm như

¹ **Truy tiến:** làm các việc thiện hồi hướng cho người đã quá vãng.

cứu đầu bị cháy. Như thế, nào phải chỉ hữu ích cho phu nhân, mà thật sự còn có ích lợi sâu xa cho các cậu con ông nữa vậy.

Người phạm mắc bệnh thì dùng thuốc để trị, nhưng cũng không nhất quyết phải dùng đến thuốc. Bệnh chẳng thể dùng thuốc trị, dù có tiên đan cũng vô dụng, huống hồ là thuốc của thế gian? Không cần biết là bệnh trị được hay không, đều nên dùng thuốc A Già Đà. Thứ thuốc này tuyệt đối không hại người. Uống vào, dù thân hay tâm đều kiến hiệu liền.

Người sống trong thế gian, chẳng luận lâu hay mau, rốt cuộc cũng một lần chết. Cái chết ấy không đáng tiếc, nhưng chỗ sẽ trở về sau khi chết không đáng để sắp đặt sẵn hay sao? Người có năng lực tự mình sắp đặt thỏa đáng, yên ổn; lẽ cố nhiên khi lâm chung không cần đến người khác giúp đỡ. Nhưng nếu được hỗ trợ lại càng thêm đắc lực. Người không năng lực phải nên bảo gia quyến thay mình niệm Phật, ắt sẽ đề khởi được chánh niệm, chẳng đến nỗi bị ân ái buộc ràng, vẫn y như cũ bị ái tình trói buộc vào cõi này không thể ra khỏi.

❖ Với việc đảo bệnh, tiền vong, người đời nay hay dùng những cách như tụng Kinh, lễ sám, làm đàn Thủy Lục v.v. Riêng Quang đối với những người quen biết mình đều dạy niệm Phật. Vì lợi ích của việc niệm Phật còn hơn tụng Kinh, lễ sám, lập đàn Thủy Lục v.v. rất nhiều. Vì sao vậy?

Tụng Kinh thì người không biết chữ không tụng được. Dù biết chữ nhưng tụng nhanh như nước chảy, người miệng lưỡi hơi chậm chạp cũng không tụng theo nổi. Người lười biếng tuy tụng được, cũng chẳng chịu tụng. Hóa ra chỉ hữu danh vô thực. Lễ sám, lập đàn Thủy Lục cứ theo đó mà suy.

Niệm Phật thì không một ai là không niệm được. Dù có người lười nhác không chịu niệm, nhưng mọi người cùng hòa tiếng niệm, người ấy chẳng bị tai nên một câu Phật hiệu tất nhiên sẽ phân minh

rành rọt rót vào tâm. Dù không niệm có khác gì là niệm! Như người nhiễm hương, thân có mùi thơm, nào phải họ muốn thơm, chẳng mong như vậy mà lại được vậy. Vì thân quyền cầu an, tiền vong, không thể không biết điều này.

❖ Làm Phật sự bất tất phải niệm Kinh, lễ sám, làm đàn Thủy Lục v.v. vì những việc ấy đều thuộc về mặt đàn tràng. Hãy nên chuyên nhất niệm Phật, ngõ hầu các cậu con ông từ đầu đến cuối đều niệm theo được. Nữ quyền đều phải tự niệm trong phòng mình, không nên ngồi sau lưng các Tăng. Như thế thì không những phu nhân và lệnh quyền được lợi ích thật sự, mà vị Tăng niệm Phật và tất cả người thấy nghe không ai không được lợi ích.

Phàm làm Phật sự, nếu chủ nhân chịu tham dự đàn tràng thì vị Tăng sẽ tự phát tâm chân thật. Còn nếu chủ nhân coi đó là chuyện hình thức thì ông Tăng cũng sẽ coi pháp sự ấy là chuyện hình thức, như một kỳ Phật sự đã xong, ban đêm xả đàn Diệm Khâu¹ rồi thôi.

❖ Cho dù [người mất] thật sự được vãng sanh, vẫn phải nên chân thành niệm Phật để cầu phẩm sen của người ấy được cao hơn, nhanh chóng Vô Sanh, đấy mới là tận hiếu. Điều này tuy để người mất được lợi, nhưng thật ra con cái, dâu rể đều cùng gieo thiện căn. Cháu nào niệm được cũng nên bảo nó niệm theo.

❖ Đang lúc lâm chung, toàn gia không khóc lóc mà niệm Phật là có lợi ích nhất. Nhưng [niệm] trong lúc ấy vẫn còn ngán ngủ lắm, hãy nên niệm Phật cả ba tiếng không ngừng, không cất tiếng khóc cũng như di động, chuyển dịch là tốt nhất. Xin hãy nhớ kỹ lấy!

¹ **Diệm Khâu:** nghi thức chuẩn tế các cô hồn.

❖ Đối với việc làm Phật sự, Quang tôi đã từng nói rõ rồi. Mong đừng bắt chước thói tục, làm chuyện sáo rỗng suông. Nếu niệm Phật trong suốt bốn mươi chín ngày so ra còn lợi hơn tụng Kinh rất nhiều.

❖ Người trước khi mất nếu tự có thể tắm gội, thay áo thì rất hay. Nếu người ấy không thể tự làm, quyết không nên tắm gội, thay áo sẵn, khiến người ấy bị đau đớn khó chịu đựng nổi, mất chánh niệm. Vậy mà cuối cùng ông vẫn buộc người đã khuất mặc pháp y, khoanh chân ngồi kiết già để rồi di hận? Không biết rằng trong lúc ấy tốt nhất là đồng thanh niệm Phật, vạn vạn phần không được phô trương, bày vẽ (*như tắm gội, thay áo, bắt người sắp chết ngồi xếp bằng v.v.*). Nếu phô trương, bày vẽ sẽ thành như đã bị té xuống giếng còn bị ném đá thêm. Hãy nhớ kỹ, nhớ chắc!

❖ Lâm chung teo quắt lại và bị bệnh khổ chính là do nghiệp chướng từ nhiều kiếp. Vì người ấy dốc lòng tu Tịnh Nghiệp nên chuyên trọng báo, hậu báo thành báo nhẹ trong hiện đời. Ông bảo do tu trì tinh tấn nên thân ngày càng yếu. Lời này không xác đáng, còn vướng lỗi là khiến cho người tín tâm nông cạn nhân đó bèn lui sụt. Phải biết rằng, người niệm Phật quyết định tiêu trừ được nghiệp chướng; những nghiệp chướng hiện tiền chỉ là những ác báo phải đọa trong Tam Đồ của đời tương lai, chuyển thành bệnh khổ trong đời hiện tại để giải quyết cho xong đó thôi!

Kinh Kim Cang dạy: *“Trì Kinh Kim Cang, có điều nhọc nhỏ như bị người khác khinh miệt, chính là diệt được cái khổ tam đồ ác đạo trong nhiều kiếp”*. Đây chính là phước dày, sẽ được vãng sanh Tây Phương. Chịu cái khổ nhỏ lúc này để giải quyết cho xong ác báo từ vô lượng kiếp đến nay, thật là may mắn lớn. Chớ học theo người không biết gì, nói rằng: *“Vì tu trì đến nỗi mắc bệnh hay bị chết”*.

❖ Vì lẽ nào mẹ ông bệnh không lành? Đây là do túc nghiệp tạo thành như thế, nhằm chuyển trọng báo, hậu báo thành báo nhẹ trong đời này để giải quyết cho xong ngay trong lúc này.

Pháp sư Huyền Trang khi lâm chung còn có chút bệnh khổ, lòng ngờ những Kinh mình dịch có chỗ nào sai lầm chẳng! Liên có một vị Bồ Tát an ủi rằng: *“Tội báo trong những kiếp trước của Sư sẽ do nỗi khổ nhỏ này mà tiêu. Đừng hoài nghi nữa!”* Hãy dùng ý này để an ủi mẹ ông, khuyên bà sanh tâm hoan hỷ, đừng sanh tâm oán hận, sẽ quyết định được Phật gia bị. Tuổi thọ chưa hết sẽ mau được lành bệnh. Tuổi thọ hết sẽ vãng sanh. Phạm nhân đang lúc bệnh khổ cứ nghĩ đến chuyện lùi một bước sẽ an lạc vô lượng.

Gần đây, binh lửa liên miên, chúng ta may chưa mắc phải nạn ấy. Dù có bệnh khổ, vẫn còn được cảnh tỉnh, nhắc nhở mong thoát khổ, thì chỉ nên cảm kích, chuyên tu, tự được lợi ích. Nếu không, cứ oán trời trách người, không những túc nghiệp không thể tiêu, mà còn tăng thêm cái nghiệp oán trời trách người. Hãy bảo mẹ ông như thế. Nếu thật không oán trời trách người, tịnh tâm niệm Phật sẽ tiêu được nghiệp như nước sôi tan tuyết.

❖ Về việc tang tế nên dùng toàn đồ chay, chớ thuận theo thói tục. Dù bị người không thạo việc đời trách là không đúng, cũng cứ mặc họ chê cười mà thôi. Việc chôn cất đừng quá phô trương, bày vẽ. Làm Phật sự chỉ nên niệm Phật, đừng làm Phật sự nào khác. Nên bảo cả nhà cùng khấn thiết niệm Phật thì mẹ ông, người nhà ông, quyến thuộc của ông và thân thích, bằng hữu đều cùng thật sự hưởng lợi ích.

Có tài lực thì hãy làm nhiều việc công đức. Nếu tiền của dùng cho việc tang ma chẳng dư, chỉ lo tang ma không thôi cũng được. Chớ có vung tay quá trán đến nỗi thiếu hụt, sau này phải chịu cảnh quần bách.

❖ Mọi việc trong đời người đều có thể giả ngụy được, chỉ riêng lúc lâm chung là không thể dối trá được. Huống hồ những chuyện như không tình duyên ái, vẻ mặt vui sướng, ngồi yên qua đời, nếu chẳng phải là Tịnh nghiệp thành thực, đoan chắc không thể đạt được như thế.

Chỉ mong con cháu và quyến thuộc cả nhà ông hiểu đúng sự việc, vì mẹ niệm Phật thì không những mẹ ông được lợi, mà thật ra công đức niệm Phật của chính mình càng lớn. Bởi vậy, Phật dạy người mỗi khi tụng Kinh, trì chú, niệm Phật, làm các công đức, đều hồi hướng cho pháp giới chúng sanh. Ngày thường, còn vì pháp giới chúng sanh, không can hệ gì đến mình mà hồi hướng, huống hồ mẹ mất mà chẳng chí tâm vì mẹ niệm Phật ư?

Có thể vì tất cả chúng sanh hồi hướng là đã hợp với thệ nguyện Bồ Đề của Phật, như một giọt nước gieo vào biển cả liền được rộng sâu như biển cả. Nếu như chưa đến được biển, đừng nói là một giọt nước; cho dù là sông dài, sông cái tất nhiên vẫn khác với biển cả một trời, một vực. Như vậy, làm điều gì cho người thân và cho tất cả mọi người đều là để tự bồi đắp phước đức của chính mình đó thôi!

Biết được nghĩa này, người có tâm hiếu thì tâm hiếu lại càng thêm tăng trưởng. Kẻ không hiếu tâm cũng sẽ phát khởi tâm hiếu, thỉnh Tăng niệm Phật suốt bốn mươi chín ngày, càng hay! Lúc niệm, anh em ông phải có người tham dự cùng niệm. Phụ nữ bắt tất phải tới ngồi sau chúng Tăng; bởi lẽ niệm Phật nhiều ngày sẽ trở nên quen biết nhau, có thể khiến người khác nảy sanh hiềm nghi. Nên xếp riêng một nơi niệm Phật cho phụ nữ, hoặc để họ ngồi sau màn, ra vào theo cửa riêng, hai bên không trông thấy nhau.

Làm như vậy để làm gương cho làng xóm, mở bày khuôn phép tốt lành. Nếu để lung tung không giới hạn, lỡ người khác bắt chước theo, lâu ngày ắt nảy sanh mối tệ. Người xưa lập pháp, tuy là thượng

thượng nhân vẫn tuân theo khuôn phép của hạ hạ nhân nên tệ hại mới không nảy sanh.

❖ Những thuyết “đảnh Thánh, nhãn sanh Thiên”¹ thật sự có căn cứ, nhưng tôi sợ kẻ vô tri cứ chăm chút thăm dò hơi nóng lạnh. Ý tôi muốn nói là nếu có tín nguyện, lâm chung chánh niệm phân minh, ắt được vãng sanh, không cần cứ phải thăm dò hơi nóng lạnh để làm bằng chứng. Cho nên nói, cũng không phải chỉ có một cách. Chỉ e thăm dò nhiều lượt đến nỗi gây lầm lỡ. Không thể không biết.

❖ Hãy nên đem tất cả việc nhà và ngay cả cái sắc thân của chính mình đây đều toàn bộ buông xuống hết. Từ trong cái tâm không nhiễm mảy trần mà trì Thánh Hiệu Vạn Đức Hồng Danh; nghĩ mình sắp chết, ngoại trừ việc niệm Phật cầu tiếp dẫn, không khởi một tạp niệm nào. Làm được như vậy, nếu tuổi thọ đã tận thì quyết định sẽ vãng sanh Tây Phương, siêu phàm nhập Thánh. Nếu tuổi thọ chưa tận, quyết định sẽ tiêu nghiệp, lành bệnh, huệ rạng, phước cao. Nếu không nghĩ như thế, cứ si ngốc chỉ cầu chóng lành bệnh thì chẳng những bệnh không thể chóng lành, trái lại còn nặng thêm. Giả sử như tuổi thọ đã hết, ắt sẽ theo nghiệp chìm nổi, vĩnh viễn không có dịp thoát khỏi nỗi khổ ở Ta Bà này.

❖ Người lâm chung được trợ niệm, có thể sẽ được vãng sanh. Đã không được trợ niệm, lại còn khóc lóc, xáo động; khiến ái tình, sân hận khởi lên làm cho người chết khó tránh khỏi đọa lạc. Vô cùng nguy hiểm, vô cùng nguy hiểm! Ông thành tựu được việc vãng sanh cho mẹ cũng là chánh nhân Tịnh nghiệp của tam thế chư Phật. Ấy

¹ **Đảnh thánh, nhãn sanh thiên...** là khi người chết, căn cứ vào chỗ nào còn giữ được hơi nóng, sẽ biết được người chết sanh về đâu. Như đảnh đầu nóng sẽ sanh vào cõi Thánh, nóng ở vùng trán/mắt sẽ sanh vào cõi trời v.v...

là, ngay trong trần lao mà hành Phật sự, công đức ấy thù thắng hơn những công đức tầm thường cả vạn phần.

4. Lâm Chung Chu Tiếp (*Mái chèo lâm chung*)

Phật quy định, Tăng khi mất phải hỏa thiêu vốn là để họ rời lìa được cái thân phần đoạn giả dối, chứng được Pháp Thân chân thường. Vì thế, từ khi Phật lập khuôn phép ấy đến nay, Tăng chúng tôn dùng như một “thường quy”. Tiếc là đạo pháp ngày càng suy đồi, lâu ngày tệ nạn phát sanh. Như nay Thích tử vội vàng lo hỏa thiêu cho xong việc, không tuân quy chế. Mỗi khi người bệnh vừa thở hắt ra, liền vội thay áo, dời động để kịp nhập khám một hai ngày, rồi liền hỏa thiêu. Có thể nói là rất trái nghịch chế định của Phật.

Phật nói con người có tám thức, tức là tri thức. Năm thức đầu là Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân. Thức thứ sáu là Ý. Thức thứ bảy là Mạt Na, còn gọi là Truyền Tổng thức. Thức thứ tám là A Lại Da, còn gọi là Hàm Tàng thức. Khi con người sanh ra, chỉ có thức thứ tám này đến trước nhất, các thức kia đến sau. Đến lúc chết, thức thứ tám này cũng ra đi sau cùng; các thức khác lần lượt đi trước.

Thức thứ tám chính là linh thức của con người, thế tục thường gọi là “linh hồn”. Thức thứ tám này thông linh nên khi con người mới nhập thai mẹ, nó liền đến trước. Vì thế, con trong bụng mẹ liền biết hoạt động. Đến khi chết, sau khi dứt hơi, nó không đi ngay, phải đợi đến khi toàn thân lạnh giá, không còn một điểm nào còn ấm nữa, thức ấy mới chịu đi. Khi thức đã đi, thân này sẽ không còn mảy may tri giác nào.

Nếu chỗ nào còn ấm là thức ấy còn chưa rời đi. Động chạm đến vẫn biết đau khổ. Lúc ấy kỳ nhất là các sự mặc áo, xếp chân, dời động v.v. Nếu hơi động đến sẽ đau khổ khó chịu đựng nổi; chỉ là miệng không nói được, thân không động được đó thôi. Xét theo

Kinh dạy, ba thứ hơi nóng, thọ mạng và thức thường chẳng rời nhau. Như người sống có hơi ấm thì thức 7 còn hiện hữu. Thức còn hiện hữu thì tuổi thọ chưa hết. Xưa nay có kẻ chết đi dăm ba ngày rồi sống lại, chép rõ ràng trong sách vở có thể tra cứu được.

Nho Giáo cũng có cái lễ để ba ngày rồi mới đại liệm, do quyền thuộc yêu mến, vẫn hy vọng người chết vạn nhất sống lại chẳng? Còn Tăng sĩ ta, tuy chẳng mong sống lại, nhưng cũng không thể không quan gì đến nỗi thống khổ [của người mất]; cứ tự tiện đòi động để kịp di quan, thiêu hóa. Lòng từ bi để đâu? Cổ nhân nói: *“Thổ chết, cáo buồn; loài vật thương xót nhau”*¹. Loài vật còn như thế, huống hồ cùng là loài người ư? Huống hồ lại còn cùng là Phật tử nữa ư?

Lại nữa, thói đời khi đau đón tội bậc sẽ dễ nổi tâm sân. Do tâm sân nên rất dễ bị đọa lạc. Như Kinh nói vua A Kỳ Đạt lập chùa tháp Phật, công đức vôi vọi. Lúc lâm chung, người hầu cầm quạt lỗ rớt trúng mặt; vua bị đau, nổi sân, chết đọa làm thân rắn. Nhờ có công đức, gặp được Sa Môn vì rắn thuyết pháp. Do nghe pháp nên bèn thoát thân rắn, được sanh lên Trời. Xem đó, biết rằng khi thân thức của người chết chưa đi hẳn thì mặc áo, đòi động và lập tức thiêu hóa ngay sẽ khiến người ấy đau đón nổi sân, càng thêm đọa lạc, há không phải là nhẫn tâm cố ý hại người, lại bày trò thảm độc ư?

Hãy thử nghĩ, người chết có oán cừu chi với mình, chỉ vì hảo tâm thành ra ác duyên. Nếu bảo sự còn mờ昧, biết cậy vào đâu để suy xét, thì những điều chép trong Kinh điển không đáng tin chẳng? Đến giờ đây, các thói tệ lưu hành nói chung là do người sống không biết thương cho nỗi khổ của người chết, chỉ tính xong việc cho nhanh nên chẳng nhọc công xem kỹ âm lạnh. Do đấy, trở thành thói quen, dù có ai nhắc đến lại cười là vu vơ, đến nỗi người chết phải chịu khổ

¹ Thổ từ hồ bi, vật thương kỳ loại.

nạn. Ô hô! Điều khổ nhất trên đời không gì bằng sanh tử. Sanh như rùa còn sống bị bóc mai, tử như cua bị nhúng nước sôi. Tám khổ cùng nấu, đau đớn không thể nói nên lời.

Mong những ai chăm sóc bệnh nhân hãy lưu tâm cẩn thận, chớ cùng bệnh nhân tán nhảm, chuyện gẫu, khiến tâm họ tán loạn; cũng đừng buồn bã, khóc kể om sòm. Hãy nên khuyên bệnh nhân buông xuống thân tâm, một lòng niệm Phật để cầu vãng sanh. Lại nên trợ niệm, khiến cho bệnh nhân nương theo tiếng niệm Phật của mình để nhớ kỹ trong tâm. Nếu có tiền tài hãy thỉnh Tăng chúng chia ban niệm Phật, khiến cho tiếng niệm Phật ngày đêm không ngớt, khiến tai người bệnh luôn nghe Phật hiệu, có thể quyết định nhờ vào từ lực của Phật mà vãng sanh Tây Phương. Còn như không có tiền của thì cả nhà phát tâm trợ niệm để kết duyên cuối cùng.

Về việc sắp đặt hậu sự, chớ bàn bạc ngay trước mặt bệnh nhân. Chỉ nên gõ dẫn khánh, cao tiếng niệm Phật, khiến cho từng câu lọt vào tai bệnh nhân ngõ hầu trong tâm người bệnh thường chẳng lìa Phật. Tiếng mõ vốn đục, trợ niệm lâm chung trọn không nên dùng. Nên để bệnh nhân nằm hay ngồi tùy ý, chớ nên di động, cả nhà cứ chuyên tâm niệm Phật. Đợi đến lúc toàn thân đã lạnh hết, tức là thần thức đã đi hết rồi, đợi thêm hai tiếng nữa mới được tắm rửa, thay áo. Nếu như thân đã lạnh hóa cứng thì nên dùng nước nóng xoa nắn, dùng vải thấm nước nóng áp vào khuỷu tay, đầu gối, cổ chân, đợi giây lát, những chỗ đó sẽ mềm mại trở lại. Lúc ấy mới xếp chân cho người chết nhập quan. Cho đến lúc mọi việc xong xuôi hết, vẫn phải thường niệm Phật.

Tất cả những việc như lễ sám, tụng Kinh đều không có lợi ích rộng lớn bằng niệm Phật. Phàm các quyền thuộc, dù là tại gia hay xuất gia, đều phải tuân hành cách này thì kẻ còn, người mất đều được lợi ích lớn lao. Hơn nữa, Đức Phật ta khi [nhập] Niết Bàn, vốn nằm trên hông phải, để như vậy nhập quan trà tỳ. Người đời nay cứ

thuận theo tự nhiên. Nếu ngồi mất thì đặt vào khám. Nếu nằm mất thì đặt vào quan tài, cốt sao thỏa đáng. Nhưng người đời nay phong tục đã thành thói, sợ họ không cho như vậy là đúng, cũng nên lắng nghe, suy nghĩ để quyết định sao cho tiện.

Còn như người chết rồi có các cảnh tượng thiện ác, vốn là có chứng có thật sự. Người sanh vào thiện đạo hơi nóng từ dưới bốc lên trên; người sanh vào ác đạo, hơi nóng từ trên tỏa xuống dưới. Nếu như cả thân lạnh hết, khí nóng tụ lại trên đánh bèn là sanh trong Thánh đạo. Hơi nóng ở mắt sanh trong thiên đạo, ở ngực sanh trong nhân đạo, ở bụng sanh ngạ quỷ đạo, ở gối sanh trong súc sanh đạo, ở bàn chân sanh trong địa ngục đạo. Vì thế có bài kệ:

Đánh thánh, nhãn sanh thiên
 Nhân tâm, ngạ quỷ phúc
 Súc sanh tất cái ly
 Địa ngục cước bản xuất

Tạm dịch:

Đánh: thánh; mắt: sanh thiên
 Ngực: người, bụng: ngạ quỷ
 Từ gối ra: súc sanh
 Địa ngục: bàn chân nóng

Ôi! Đại sự sanh tử không ai tránh được, chỉ có một điều phải thật thận trọng: người săn sóc bệnh nhân phải dùng “đồng thể bi tâm” để giúp hoàn thành đại sự vãng sanh. Cổ nhân nói:

Ngã kiến tha nhân tử
 Ngã tâm nhiệt như hỏa
 Bất thị thực tha nhân
 Khán khán luân ngã đáo.

Tạm dịch:

Ta thấy người khác chết
Ruột ta nóng như lửa,
Nào phải mình ai kia
Rồi ta cũng đến lượt.

Nhân duyên, quả báo cảm ứng chẳng sai. Muốn cầu tự lợi, trước phải lợi người. Soạn thiên này để bảo khắp đồng bào, khẩn khoản mong mọi người chú ý.

5. Khuyên nên giữ lòng thành kính

❖ Nhập đạo nhiều môn, chỉ do chí hướng mỗi người mà thâm nhập một môn, trọn không có một pháp nhất định. Nhưng nhất định phải là Thành, là Cung Kính. Hai điều này, dù cho tất cả chư Phật tận đời vị lai đều xuất thế vẫn không thể thay đổi được. Chúng ta đã là phàm phu sát đất muốn mau tiêu nghiệp lụy, mau chứng Vô Sanh, không dốc sức vào hai việc này thì ví như cây không rễ lại mong tươi tốt, chim không cánh lại mong bay lên, có được hay chăng?

❖ Thế tục đọc sách tuyệt không kính nể. Sáng dậy, chẳng buồn rửa ráy, súc miệng. Đi tiêu xong chẳng thềm tẩy rửa. Hoặc còn bỏ sách nơi giường, ghế, hoặc làm gối lót đầu để đêm ngủ đọc luôn; bỏ chung với đồ lót, áo quần. Sách nào đặt trên bàn để đọc thì bỏ lẫn lộn với các vật khác, xem lời Thánh Hiền như mớ giấy cũ nát. Hoàn toàn không có ý chăm chút, không mảy may kính trọng.

Thậm chí những sách coi chơi của phụ nữ, các nhà thư hương, đều là kinh truyện; tôi tớ những nhà giàu có lau chùi đồ đạc đều dùng [những tờ giấy có in chép] văn chương. Bao thứ khinh nhờn

khó mà kẻ xiết. Thói tệ tích tập đã lâu, quen mắt chẳng quan tâm đến. Nếu không chỉ rõ họa phước, chắc chắn khó tránh lỗi khinh nhờn. Chưa được ích gì, đã mắc lỗi lớn trước. Thương những kẻ vô tri ấy nên cần phải chỉ dạy sẵn.

❖ Một pháp niệm Phật thật rất giản dị, rất rộng, rất lớn, nhưng phải khẩn thiết, chí thành đến cùng cực mới hòng cảm ứng đạo giao, được lợi ích thật sự ngay trong đời này. Nếu lười biếng, giải đãi, không mảy may kính nể; dù gieo được nhân xa, vẫn mắc tội khinh nhờn không thể tưởng tượng nổi. May ra được sanh vào cõi Trời, cõi người, quyết khó lòng cao dự Hải Hội.

Đối với tượng Phật nên tưởng như đức Phật thật, không được coi giống như gỗ, đất, đồng, sắt v.v. Kinh điển chính là thầy của tam thế chư Phật, là Pháp Thân xá lợi của Như Lai, cũng nên xem như Đức Phật thật sự, không được coi như giấy mực. Lúc đối trước Kinh, tượng, hãy nên như trung thân thờ Thánh Chúa, như con hiếu đọc di chúc. Làm được như vậy, không nghiệp chướng nào không tiêu, không phước huệ nào không đủ.

Hiện tại, hàng sĩ đại phu học Phật rất nhiều, nhưng đa số chỉ đọc Kinh văn, hiểu ý nghĩa, dùng đó để phô trương ngoài miệng hòng được tiếng là bậc thông gia mà thôi. Còn như cung kính, chí thành, y giáo tu trì, thật khó có được một ai.

Tôi thường nói: *“Muốn hưởng lợi ích thật sự từ Phật pháp, phải cầu nơi cung kính. Có một phần cung kính sẽ tiêu được một phần tội nghiệp, tặng một phần phước huệ. Có mười phần cung kính sẽ tiêu được mười phần tội nghiệp, tặng mười phần phước huệ. Nếu không cung kính đến nỗi khinh mạn thì tội nghiệp càng tăng, phước huệ càng giảm. Buồn thay!”*

❖ Lễ, tụng, trì, niệm, các thứ tu trì đều phải lấy thành kính làm chủ. Nếu thành kính đến cùng cực thì công đức như trong Kinh nói: *“Còn ở địa vị phàm phu chưa thể viên đắc, nhưng sở đắc cũng đã khó nghĩ khó bàn.”* Nếu không thành kính, có khác chi hát tuồng, những trò khở, sướng, buồn, vui đều là giả trang, không phát xuất từ bên trong. Dù có công đức, cũng không thể vượt quá cái phước si ám của cõi nhân thiên mà thôi. Nhưng do cái si phước ấy ắt sẽ tạo ác nghiệp, cái khở tương lai có lúc nào xong?

❖ Nói đến thành, nói đến cung kính, lời lẽ ấy cả thế gian đều biết, nhưng đạo lý này cả thế gian đều mê muội. Ông X. nọ do tội nghiệp sâu nặng, mong tội nghiệp tiêu trừ để báo ân Phật, thường tìm cầu những khuôn mẫu tu trì tốt đẹp của cổ Đức. Nhờ đó, ông biết rằng Thành và Cung Kính thật là bí quyết cực diệu để siêu phàm nhập Thánh, liễu sanh thoát tử. Vì thế, ông thường cùng kẻ hữu duyên nhắc đi, nhắc lại điều này.

❖ Đối với việc xem Kinh, nếu muốn làm Pháp Sư để tuyên dương cho đại chúng thì hãy đọc Kinh văn trước, tiếp đó xem các chú sớ. Nếu tinh thần không sung túc, kiến giải không hơn người, chớ có mất công nhọc nhằn tâm lực, uổng phí năm tháng.

Nếu muốn tùy phận được lợi ích thật sự, phải chí thành khẩn thiết thanh tịnh tam nghiệp. Hoặc trước hết phải đoạn tọa chốc lát, lắng định thân tâm, rồi mới lễ Phật, đọc ra tiếng; hoặc chỉ im lặng xem. Hoặc lễ Phật xong, đoạn tọa chốc lát, sau đó mới mở Kinh. Cũng phải thân đoạn nghiêm, ngồi ngay ngắn như đối trước Thánh dung, đích thân lắng nghe viên âm, không dám manh nha một niệm biếng nhác, không dám khởi một niệm phân biệt. Đọc một loạt từ đầu đến cuối, dù là văn hay nghĩa đều nhất loạt không dùng lý lẽ để hiểu.

Đọc Kinh như vậy, người lợi căn liền có thể ngộ lý Nhị Không¹, chứng pháp Thật Tướng; còn kẻ căn cơ độn kém cũng tiêu trừ được nghiệp chướng, tăng trưởng phước huệ. Lục Tổ nói: “*Chỉ xem Kinh Kim Cang liền có thể minh tâm kiến tánh*” là nói về cách xem Kinh như trên đây, cho nên bảo là “*chỉ*”. Kinh Đại Thừa đều có công năng minh tâm kiến tánh, chứ nào phải riêng Kinh Kim Cang?

Nếu cứ một mực phân biệt câu này nghĩa như thế nào, đoạn này nghĩa là gì thì toàn là thuộc về phàm tình, vọng tưởng, xét đoán, suy lường. Vậy làm sao ngẫm phù hợp với ý Phật, lãnh ngộ trọn vẹn ý Kinh; nhân đó, nghiệp chướng tiêu diệt, phước huệ tăng cao cho được? Nếu biết cung kính thì còn gieo được chút thiện căn. Nếu cứ làm giống hệt như cách đọc sách Nho của kẻ học rộng sẽ thành hạng người vương phải tội khinh nhờn sừng sững như non, thăm thăm như vực, dùng nhân lành chiêu lấy quả ác vậy.

Cổ nhân chuyên trọng nghe Kinh vì tâm không thể khởi phân biệt. Như có người đọc Kinh ra tiếng, một người khác ở cạnh nhiếp tâm lắng nghe mỗi chữ, mỗi câu cho thật phân minh. Tâm người nghe chuyên chú, chẳng dám duyên theo mọi thứ thanh sắc bên ngoài. Nếu chỉ hơi phóng túng liền bị đoạn tuyệt ngay, không thể quán thông được nghĩa văn. Người tụng có Kinh văn để nương theo, không phải dốc trọn tâm, nhưng cũng phải tụng cho rõ ràng vì người nghe chỉ nhờ vào tiếng tụng. Nếu người tụng phóng túng một chút liền thành đứt đoạn. Nếu nghe được như thế, công đức bằng với công đức của người chí thành, cung kính tụng. Nếu người tụng chỉ thiếu cung kính đôi chút thì công đức khó bằng nổi người nghe.

¹ **Nhị Không:** Sanh Không và Pháp Không. Sanh Không: chúng sanh vốn là Không vô, chẳng có thật. Pháp Không: vạn pháp, sự vật đều là Không vô. Lại nữa, có Nội Không và Ngoại Không. Nội Không: cái Nội thân vốn là Không vô, thân và tâm vốn không thật. Ngoại Không: các vật ngoài thân (ngoại khí) vốn là Không vô.

Người đời nay xem Kinh Phật như giấy cũ. Trên án Kinh để lẫn các tạp vật. Cầm lấy Kinh không rửa tay, miệng chẳng súc sạch, lặc lư thân mình, giở chân, rung đùi, thậm chí phóng thí, gãi chân, buông lung hết, chẳng kiêng sợ gì; mà lại muốn xem Kinh để được phước, tiêu tội. Chỉ có hạng Ma Vương muốn diệt Phật pháp là tán thán, cho là hoạt bát viên dung, là phù hợp sâu xa với diệu đạo không chấp trước của Đại Thừa. Hàng Phật tử chân thật tu hành trông thấy cảnh ấy chỉ còn biết đau xót thảm, nước mắt đầm đìa, than thở ma quỷ hoành hành, không biết làm sao!

Ngài Trí Giả tụng Kinh hoát nhiên đại ngộ, lặng lẽ nhập định, nào phải do tâm phân biệt mà được đâu! Một vị cổ Đức chép Kinh Pháp Hoa, nhất tâm chuyên chú liền đạt “niệm cực tình vong”, cho đến lúc trời tối mịt vẫn chép Kinh như thường. Thị giả vào hỏi trời đã tối mịt sao vẫn còn chép, Ngài liền xòe tay ra, chẳng trông thấy lòng bàn tay. Xem Kinh như thế là cũng chuyên tâm dốc chí giống như tham thiền khán thoại đầu, trì chú, niệm Phật. Do dụng lực lâu ngày, sẽ có một ngày được hoát nhiên quán thông.

Minh Tuyết Kiệu Tín thiền sư, người ở phủ thành Ninh Ba, không biết chữ. Xuất gia lúc trung niên, tận lực khổ công tham cứu, nhẫn được những việc người khác không thể nhẫn, làm được việc người khác không thể làm. Khổ hạnh của Ngài người khác khó đạt được. Lâu ngày, đại triệt, đại ngộ, miệng nói ra điều gì đều khéo léo khế hợp cùng thiền cơ. Tuy không biết chữ, không viết được, nhưng lâu ngày Ngài liền biết chữ. Về sau, Ngài còn tung hoành ngọn bút, nghiêng nhiên trở thành một bậc đại thư pháp.

Những sự lợi ích này đều là từ chẳng phân biệt, chuyên tinh tham cứu mà có. Người xem Kinh cũng nên lấy đó làm gương.

❖ Lúc xem Kinh, tuyệt đối không được khởi tâm phân biệt thì tự nhiên vọng tưởng phải tiềm phục, thiên chân phát hiện. Nếu muốn

ngiên cứu nghĩa lý hoặc giờ xem các chú sớ hãy dành một thời gian khác để chuyên nghiên cứu. Trong lúc nghiên cứu, tuy không nghiêm túc như lúc xem Kinh, cũng chẳng được hoàn toàn không cung kính. Bất quá, so với lúc xem Kinh, thư thái hơn một chút.

Nghiệp chưa thể tiêu, trí chưa thể rạng thì phải lấy việc xem Kinh làm chánh, việc nghiên cứu chỉ đại lược kèm theo. Nếu không, suốt ngày quanh năm chỉ lo nghiên cứu, dù nghiên cứu đến mức như vệt mây thấy mặt trăng, mở cửa thấy núi, cũng chỉ là bàn suông ngoài miệng, không hề can hệ mảy may đến thân tâm, tánh mạng, sanh tử chi cả. Ngày ba mươi tháng Chạp xảy đến chẳng dùng được mảy may.

Nếu có thể xem Kinh như trên vừa nói, ắt sẽ nghiệp tiêu, trí rạng, ba thứ tình kiến sẽ trở về “cảnh giới không hề tồn tại”. Nếu không xem Kinh được như thế, không những ba thứ tình kiến vị tất không sanh, mà còn e do sức tức nghiệp, tà kiến sẽ phát khởi, bác bỏ nhân quả, và các thứ phiền não như giết, trộm, dâm, dối sẽ nối tiếp nhau nổi dậy như lửa cháy hừng hực, nhưng vẫn cứ cho mình là người hành Đại Thừa, tất cả vô ngại. Lại còn vịn vào câu nói “*tâm bình nào phải nhọc công giữ giới?*”¹ của Lục Tổ để cho rằng “phá hết các giới mà không phá mới thật sự là trì giới”. Thật là tu hành khó đạt chân pháp vậy.

Sở dĩ chư Phật, chư Tổ chủ trương Tịnh Độ là để nhờ vào Phật Từ lực chế phục nghiệp lực, không cho chúng phát hiện. Vì thế nên lấy niệm Phật làm chánh, xem Kinh làm trợ hạnh.

❖ Đức Như Lai đã diệt độ, những cái còn lại chỉ là Kinh và tượng. Nếu coi tượng đất, gỗ, vàng, tượng vẽ v.v. là đức Phật thật thì sẽ diệt được nghiệp chướng, phá được phiền Hoặc, chứng Tam

¹ Nguyên bản Hán văn: 心平何勞持戒? (Tâm bình hà lao trì giới?)

Muội, thoát sanh tử. Nếu coi đó chỉ là đất, gỗ, vàng, tranh vẽ thì tượng cũng chỉ là đất, gỗ, vàng, tranh vẽ mà thôi. Nếu khinh nhờn đất, gỗ, vàng, tranh vẽ thì không có lỗi gì; nhưng nếu khinh nhờn tượng Phật bằng đất, gỗ, vàng, tranh vẽ thì tội tày trời. Đọc tụng Kinh Phật, lời Tổ, phải coi như Phật, Tổ đang hiện diện nói cho ta nghe, không dám móng khởi chút biếng nhác nào.

Làm được như vậy, tôi bảo người ấy nhất định có khả năng cao đăng chín phẩm, triệt chứng Nhất Chân. Nếu không, chỉ là dạo chơi trong pháp môn, bất quá được lợi ích là biết nhiều, thấy nhiều, nói được rành rẽ, chứ không mấy may thọ dụng được lợi ích chân thật, vẫn chỉ là chuyện nghe bên đường, nói bên lè vạy. Cổ nhân đối với Tam Bảo đều giữ lòng tôn kính thật sự, chứ không chỉ bàn bạc ơ hờ rồi thôi. Người đời nay miệng còn chẳng buồn bàn đến một chữ, huống là thực hành ư?

❖ Quang tôi thấy những người trích máu chép Kinh gần đây, chỉ là tạo nghiệp vì trọn không cung kính. Mỗi lần trích máu, liền trích rất nhiều. Vào tiết Xuân Thu, qua hai ba ngày máu liền hư thối. Mùa Hạ, để nửa ngày máu liền tanh hôi, vẫn cứ dùng để chép. Có người còn đem máu phơi khô, mỗi lần chép liền dùng nước hòa máu khô nghiền ra để chép. Lại còn chép luộm thuộm, không chút nào cung kính, đúng là trò trẻ con đùa giỡn. Chẳng phải là dùng máu để biểu lộ lòng chí thành, mà chỉ là trích máu chép Kinh để đoạt cái danh mình là người chân thật tu hành mà thôi.

❖ Chép Kinh không giống như viết tự bình¹, chủ yếu là dốc tinh thần vào, chứ chẳng cần tinh xảo. Chép Kinh nên như Tiến Sĩ chép sách, mỗi một nét bút không được cẩu thả, viết tắt. Dạng chữ dùng

¹ **Tự bình:** những bức thư họa, hoặc chữ viết trên quạt, trên giấy, trên lụa để phô diễn tài thư pháp.

phải là dạng chánh thức. Nếu Tọa Hạ¹ viết theo thể loại viết tắt là không được. Xưa nay, người ta hay dùng các thể loại hành thư hay thảo thư để chép Kinh, Quang tôi tuyệt đối không tán thành.

❖ Người đời nay chép Kinh mặc sức ngoáy bút, thật không phải là chép Kinh, chỉ là mượn dịp để luyện chữ đồng thời lưu lại bút tích cho hậu thế mà thôi. Chép Kinh như thế không phải là hoàn toàn vô ích, nhưng chẳng qua chỉ tạo thành cái nhân đắc độ trong đời tương lai, mà cái tội khinh nhờn cũng không nhỏ.

❖ *Lời của dịch giả: Lược bỏ đoạn này không dịch vì Tổ luận về thể loại chữ nên dùng để chép Kinh. Ngài trách một vị cư sĩ khi chép Kinh đã nệ cổ, tự tiện sửa đổi những chữ trong Kinh theo lối viết cổ. Thiển nghĩ, đoạn này vô ích đối với những độc giả không biết chữ Hán, nên không dịch ra.*

❖ Nếu đối với pháp môn Tịnh Độ không thể dốc hết một lòng quyết chí tu trì; đối với việc tuân giữ lòng thành kính, khắc kỷ, giữ lễ,... cứ muốn cho là “không chấp trước”, hòng khéo che đậy những thứ sơ sài, tán loạn, phóng dật, thì những lợi ích Ngài đạt được không giống với những thấy hiểu kém được biết tới của Quang tôi. Những điều khác trong bộ Văn Sao tạp nhạp của tôi đã nói đủ cả, nên chẳng đông dài nữa.

Đối với việc xem Kinh, chỉ có cung kính mới được lợi ích thật sự. Nếu không cung kính, dù có được lợi ích thì lợi ích ấy chẳng qua là nương theo Kinh văn hiểu ý nghĩ; mà nghiệp tiêu, trí rạn, thâm ngộ tự tâm trọn không thể cầu may như vậy. Huống hồ còn đeo cái lỗi

¹ **Tọa hạ:** Quan lớn, tiếng tôn xưng người khác, thường dùng để gọi người có chức.

khinh nhờn không thể nói hết được. Đây chính là bệnh chung của cả thế gian, thật là buồn đau, khóc hận, thở dài sùn sọt vậy!

❖ Không thể lập riêng nghi thức lễ Phật cho người cực bận. Chỉ chí thành, khẩn thiết, miệng xưng Phật hiệu, thân lễ chân Phật, cử thành kính như Phật đang hiện diện là được.

❖ Không thể lễ bái xá lợi, không thể thân cận từng lâm, cũng chẳng có sai sót gì! Cốt sao trông thấy tượng Phật liền tưởng như đức Phật thật; thấy Kinh Phật, lời Tổ thì tưởng Phật, Tổ đang đích thân giảng dạy cho mình. Chí cung chí kính, không lười nhác, không chảnh mắng chính là suốt ngày thấy Phật, suốt ngày thân cận chư Phật, Bồ Tát, Tổ Sư, thiện tri thức, xá lợi, từng lâm.

❖ Tri thức gởi vài trắng cho biết đến năm Nhâm Ngọ sẽ in. Điều này tội lỗi đến mức cùng cực, lấy Bồ tát danh hiệu đặt trên đệm dùng lay, khinh nhờn đến mức cùng tột. Huống hồ có nơi còn khinh miệt ngồi lên nữa. Năm Quang Tự thứ 20, tôi từng thấy một lần ở Phổ Đà, năm 21 ở chùa A Dục Vương lại thấy. Tôi lấy làm lạ, than cùng điện chủ điện Xá Lợi. Ông bảo: “*Đấy là phong tục của vùng Ninh Ba*”. Tôi tự thẹn mình không có sức để ngăn ngừa thói tục xấu ác này. Nếu như Quang tôi là chủ nhân một phương, ắt sẽ đến nơi thanh minh lỗi hại của việc này, ngõ hầu những người có tín tâm chỉ được lợi ích, chẳng mắc điều tổn hại ấy.

❖ Tất cả tôn Kinh Đại Thừa Hiển Mật mà đức Đại Giác Thế Tôn đã nói, đều dạy “lý vốn duy tâm, đạo hợp Thật Tướng”, khắp ba đời không đổi, khắp mười cõi cùng tuân trở về nguồn, quay lại cội; là đạo sư của chư Phật, đẹp khổ, ban vui; là cha lành của chúng sanh. Nếu có thể dốc cạn lòng thành kính lễ tụng, thọ trì thì ta lẫn người

đều được lợi ích thù thắng, U - Hiền cùng gọi ân quang, như Như Ý châu, như Vô Tận Tạng; lấy không hết, dùng chẳng tận; tùy tâm hiện lượng, sở nguyện đều mãn.

Kinh Lăng Nghiêm nói: “*Cầu vợ được vợ, cầu con được con, cầu Tam Muội được Tam Muội, cầu trường thọ được trường thọ. Cứ như vậy cho đến cầu Niết Bàn được đại Niết Bàn*”¹. Đại Niết Bàn là cứu cánh quả đức. Nếu luận về Như Lai bản tâm thì thật sự toàn bộ khế Kinh chỉ là để giảng điều này. Nhưng chúng sanh chỉ nguyện hẹp kém, chưa chí thành đến mức cùng cực nên không thể nhập ngay được. Vì thế, phải thuận theo tâm hạnh của họ để thỏa mãn sở nguyện của mỗi người. Nếu là bậc túc căn sâu dày sẽ liền đón mình tự tánh, triệt chứng duy tâm, phá phiền Hoặc, tiến ngay vào Bồ Đề, viên mãn phước huệ, mau thành Giác Đạo để đạt được toàn bộ lợi ích của Kinh, phô trọn bốn hoài của Như Lai.

Ví như một trận mưa thấm khắp, cỏ cây đều tươi tốt. Cây lớn sẽ chọc mây, che lấp ánh mặt trời; cây nhỏ sẽ dài phân, tăng tác. Đạo vốn duy nhất Chân Như, nhưng tùy tâm mà lợi ích có thù thắng, có kém hèn. Nhưng nếu đã trồng thiện căn, cuối cùng cũng thành Phật quả. Dù không thể đạt được ngay lợi ích lớn lao, cũng tạo thành nhân độ thoát. Nghe tiếng cái trống沸 thuốc độc, xa gần đều chết. Ăn chút kim cương, quyết định chẳng tiêu. Trước phải dùng dục để lôi kéo, sau mới hòng chứng nhập Phật trí, là nói về lẽ này đây!

❖ Kinh nói: “*Thân người khó được, Phật pháp khó nghe*”. Nếu không phải xưa đã có nhân duyên, tên các bộ Kinh Phật còn chẳng được nghe, huống là được thọ trì, đọc tụng hòng tu nhân chứng quả ư? Nhưng những điều Như Lai đã dạy chỉ dựa trên Lý vốn sẵn có

¹ Nguyên bản Hán Văn: 求妻得妻, 求子得子, 求三昧得三昧, 求长寿得长寿, 如是乃至求大涅槃得大涅槃 (Cầu thế đắc thế, cầu tử đắc tử, cầu Tam Muội đắc tam muội, cầu trường thọ đắc trường thọ, như thị nãi chí cầu đại Niết Bàn đắc đại Niết Bàn).

trong tâm của chúng sanh. Ngoài tâm tánh ra, trọn không có một pháp nào để được.

Nhưng chúng sanh còn mê, không thể liễu tri, huyễn sanh vọng tưởng chấp trước đối với Chân Như Thật Tướng. Do vậy khởi tham, sân, si; tạo giết, trộm, dâm; trí tuệ mê trở thành phiền não, khiến thường trụ trở thành sanh diệt, trải bao kiếp số nhiều như bụi trần, không thể trở lại. May gặp các Kinh điển Đại Thừa Hiển Mật do Đức Như Lai nói, mới biết hạt châu vẫn còn nguyên nơi vạt áo, Phật tánh vẫn thường còn, người hèn hạ làm khách đó vốn là con ông trưởng giả. Trời người sáu nẻo nào phải chỗ mình ở; Thật Bảo, Tịch Quang chính là quê nhà sẵn có.

Nghĩ lại từ vô thủy đến nay, chưa được nghe Phật nói, tuy sẵn đủ tâm tánh này, vô cớ phải chịu luân hồi oan uổng. Thật đúng là đau đớn ứa lệ, thống khóc vang động đại thiên. Lòng tan từng mảnh, ruột đứt từng tấc. Ân này, đức này hơn hẳn thiên địa, cha mẹ, cả trăm ngàn vạn lần. Thân nghiền, xương nát, khi nào mới báo đáp được?

❖ Tăng, tục ngày nay giờ xem Kinh Phật không mảy may cung kính, bao thứ khinh nhờn khó thể thuật tỉ mỉ từng thứ. Thói quen lưu hành đã lâu, coi đó là thuận mắt, những điều khinh nhờn khó bề kể hết. Coi pháp ngôn của Như Lai như giấy cũ rách nát.

Đừng nói chỉ người chẳng biết chỉ thú của Kinh, trọn không lợi ích; ngay cả những người hiểu sâu xa nghĩa Kinh cũng chỉ là Tam Muội nơi cửa miệng, tỏa sáng ngoài mặt. Như kẻ đói kể chuyện ăn, như người nghèo đếm của báu; tuy có công nghiên cứu, tuyệt không được ích lợi thật chứng. Huống hồ cái tội khinh nhờn đã ngập cả trời, nên thời hạn thọ khổ phải đâu chỉ hết kiếp. Tuy là nhân lành, chiêu cảm ngược thành ác quả. Dù có thành cái nhân đắc độ cho tương lai, khó tránh nhiều kiếp chịu đủ các khổ.

Dem tấm lòng ôm ấp nỗi thảm thương này dám bày tỏ những điều rơm rác để mong ai nấy vâng làm theo lời Phật, ngõ hầu chỉ được lợi ích, chẳng bị tổn hại.

❖ Kinh Kim Cang nói: *“Nơi chỗ nào có Kinh điển thì chỗ đó có Phật, là đệ tử phải tôn trọng”*. Lại nói: *“Nơi nơi chốn chốn nếu có Kinh này thì tất cả thế gian, trời, người, A-tu-la đều phải nên cúng dường. Phải biết chỗ ấy chính là tháp [Phật], đều phải nên cung kính, làm lễ, nhiễu quanh, dùng các thứ hoa hương để rải lên trên ấy. Vì sao phải như vậy? Là vì tất cả chư Phật và pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác của chư Phật đều xuất phát từ Kinh này”*.

Trong các Kinh Đại Thừa, Kinh nào cũng dạy người phải cung kính Kinh điển, chứ không phải riêng một Kinh. Ấy là vì các Kinh Đại Thừa là mẹ của chư Phật, là thầy của Bồ Tát, là Pháp Thân xá lợi của tam thế Như Lai, là thuyền Từ thoát khổ của cửu giới chúng sanh. Dù cao đẳng Phật Quả, vẫn còn phải kính Pháp hòng báo đền nguồn gốc, chẳng quên đại ân. Vì thế, Kinh Niết Bàn nói: *“Pháp là mẹ Phật, Phật từ Pháp sanh”*.

Tam thế Như Lai đều cúng dường Pháp; huống hồ phạm phu sát đất khắp thân toàn là nghiệp lực, như tội nặng bị tù, giam cầm trong ngục lâu ngày, không do đâu được thoát ra. May sao nhờ thiện căn túc thế được thấy Kinh Phật, như tù được lệnh phóng thích, mừng rỡ vô ngần, bèn dùng ngay Pháp ấy để mãi mãi từ biệt tam giới, vĩnh viễn xuất ly lao ngục sanh tử, tự chứng tam thân, về thẳng quê nhà Niết Bàn. Nhờ nghe Kinh mà được vô biên lợi ích, há nên do tri kiến cuồng vọng bèn chẳng kiêng nể, khác nào tục nho đọc sách, tự tiện khinh nhờn ư?

❖ Đạo của thánh hiền chỉ là Thành và Minh. Thánh, cuồng phân biệt chỉ trong một niệm. Không niệm Thánh ắt biến thành cuồng,

khắc chế cuồng niệm bèn trở thành Thánh. Lẽ năm - buông, được - mất ví như thuyền chèo ngược nước, chẳng tiến phải lùi, không thể không gắng sức chống chọi mà lơ lửng chút nào.

Phải biết rằng một chữ “Thành”, Thánh lẫn phàm cùng có một Chân Tâm hệt như nhau chẳng khác. Một chữ Minh phải luôn giữ gìn, xem xét, là cách để đạt đạo từ phàm đến Thánh. Nhưng trong địa vị phàm phu, trong những sinh hoạt hằng ngày, muôn cảnh chen nhau chẳng nhận biết, soi xét một cảnh sẽ khó tránh trong chớp mắt liền nảy sanh những tình tưởng trái lẽ. Tình tưởng ấy đã sanh, chân tâm liền bị trói buộc, che lấp; nên hành vi nào cũng đều không trung chánh. Nếu không vận dụng một phen công phu thiết thực trừ khử cho sạch, thì ngày càng tệ hơn; chẳng biết đã tuột xuống tận đáy. Uổng cho cái tâm làm Thánh sẵn có vĩnh viễn bị chìm đắm trong loài phàm ngu, chẳng đáng buồn sao?

Nhưng làm Thánh không khó, chỉ là tự làm sáng “đức sáng” của chính mình. Muốn làm sáng cái đức sáng thì phải từ “trí tri cách vật” mà hạ thủ. Nếu không thể cực lực hiểu rõ, trừ khử những mối tham muốn của con người thì Chân Tri sẵn có quyết khó thể hiển hiện triệt để được.

❖ Dù là trai chủ tỉnh pháp hay các Sư tác pháp, ai nảy đều kiệt thành tận kính thì lợi ích không thể nói được. Như Xuân về, khắp cõi đất thảo mộc đều nảy nở xanh tươi; trăng sáng vằng vặc giữa trời, sông ngòi thủy đều hiện bóng. Do đó, người đang sống sẽ nghiệp tiêu, trí rạng; chướng tận, phước tăng; tiên vong đều sanh Tịnh Độ, sở cầu không gì không được toại ý, lại khiến cho oán thân bao kiếp, pháp giới hàm thức cùng gọi Tam Bảo ân quang, cùng kết duyên chủng Bồ Đề.

Nếu trai chủ chẳng thành kính thì công đức xuất tiền chỉ hữu hạn, nhưng tội lỗi khinh mạn thì vô cùng. Tăng chúng không thành kính,

chính là thổi ống bễ thành Kinh, gõ chày cối thành lễ¹, lúc Tam Bảo, Long Thiên giáng lâm cứ xử sự lỗ mãng, luộm thuộm, tắc trách, mà không đến nỗi núi tội ngất ngưỡng, biển phước cạn khô, sông mắc tai vạ, chết bị đày phạt há có được chăng?

HẾT PHẦN 3

¹ Ý nói, đọc Kinh không thành kính chỉ có âm điệu nhịp nhàng như thợ rèn thổi bễ, đánh các pháp khí làm lễ nhưng chẳng thành kính khác gì người giã gạo, cứ nhịp chày đều đều cho xong việc.

PHẦN 4

V. KHUYÊN CHÚ TRỌNG NHÂN QUẢ

1. Luận về lý nhân quả

❖ Một pháp Nhân Quả là bước đầu nhập môn của Phật giáo, mà cũng là kế sách trọng yếu để thành ý, chánh tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ.

❖ Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian và xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh. Nếu nay chẳng lấy nhân quả làm nhiệm vụ cấp bách để cứu quốc, cứu dân, dù ông có trí xảo, đạo đức cao siêu đến mấy cũng chỉ uổng công, vì chẳng giảng đạo lý cũng như không có vương pháp vậy!

❖ Thánh hiền đời xưa không ai là chẳng dè dặt, Kinh sợ để tự rèn luyện, gìn giữ mình, nên tâm họ chẳng bị cảnh phú quý, cùng - thông xoay chuyển. Cùng thì riêng thân mình thiện, đạt thì khiến cả thiên hạ cùng thiện. Người đời nay, trong những hành vi, lời lẽ thường ngày, trong vòng cha con, anh em, chồng vợ, mỗi mỗi đều chẳng thể như pháp.

Người có chút tri kiến bèn lắm mong làm bậc cao nhân lỗi lạc: chưa có quyền bèn mặc tình cuồng vọng luận nghị mù quáng để mê hoặc người đời; đã có quyền vị rồi, bèn tỏ rõ cái ác niệm bạo ngược tàn nước hại dân. Gốc bệnh là do lúc ban đầu, cha mẹ, thầy bạn chưa từng dùng đạo nhân quả báo ứng để chỉ bảo cho kẻ ấy. Nếu biết nhân quả báo ứng đôi chút thì khởi tâm động niệm ắt đều kiêng dè, chẳng dám phóng túng. Dù chẳng mong thành thánh, thành hiền,

muốn chẳng Kinh sợ, dè dặt như vào vực sâu, như đi trên băng mỏng cũng không thể được!

Vì thế, những người thiên tư cao phải bắt đầu từ những điều thiện cận, chớ cho là điều lành nhỏ nên không làm, chớ cho là điều ác nhỏ rồi cứ làm. Cứ vun bồi từng ít một sẽ thành tánh. Ví như cây nhỏ đã mọc thẳng, đến lớn muốn uốn cong chẳng thể được!

❖ Y gia trị bệnh, gấp thì trị ngọn, thông thả bèn trị gốc. Ví như có người yết hầu ung thũng, ăn uống khó nuốt xuống, thở ra khó khăn; trước hết phải tiêu trừ chứng thũng, sau đấy mới căn cứ trên gốc bệnh, điều hòa tạng phủ. Nếu chẳng trừ trước chứng thũng ấy, người đó lặn đùng ra chết, dù có lương phương, diệu dược trị được gốc bệnh cũng chẳng làm gì được!

Nhân quả chính là diệu pháp để tiêu trừ chứng bệnh thũng ngày nay; nhưng một pháp Nhân Quả trị được bệnh cả gốc lẫn ngọn. Kẻ sơ cơ nương vào đó sẽ cải ác tu thiện. Người thông hiểu nương theo đó có thể đoạn Hoặc chứng Chân, thông trên, suốt dưới. Dù là hàng phàm phu sát đất cho đến bậc viên mãn Phật Quả đều chẳng thể lìa pháp này, chứ nhân quả nào phải chỉ trị được mỗi bệnh ngọn ư!

❖ Một pháp Nhân Quả chính là lò luyện lớn để nung phàm, luyện thánh của thánh nhân thế gian, xuất thế gian. Nếu lúc ban đầu chẳng hiểu rõ nhân quả thì sau khi đã thông Tông, thông Giáo, sẽ rất có thể bị lầm lẫn nhân quả. Đã lầm nhân quả, đọa lạc ắt sẽ có phần, không cách gì siêu thăng. Đừng bảo lý này thiện cận rồi coi thường! Đức Như Lai đã thành Chánh Giác, chúng sanh đọa lạc tam đồ đều chẳng ra ngoài nhân quả.

Nhưng tâm lượng của phàm phu hẹp nhỏ, có lẽ không lãnh hội được những lẽ nhân quả lớn lao đã nói trong Kinh. Hãy dùng những điều thiện cận trong thế gian để làm phương tiện lãnh hội những điều

thù thắng ấy. Chẳng hạn như đối với bài Âm Chất Văn của Văn Xương Đế Quân, sách Thái Thượng Cảm Ứng v.v... xin hãy đọc kỹ, suy xét tường tận, làm theo, thì ai nấy đều là lương dân, người người đều có thể liễu sanh thoát tử.

Năm trước, Quang từng khắc An Sĩ Toàn Thư, bản khắc để tại Dương Châu, các nơi phát hành Kinh đều có. Cuốn sách này thật là một tác phẩm trọng yếu để làm cõi đời hiền dụ, dân chúng hiền lành vậy!

❖ Xưa kia, ông Bạch Cư Dị hỏi Ô Sào thiền sư: *“Thế nào là đại ý Phật pháp?”* Ngài Ô Sào đáp: *“Đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành”*. Họ Bạch bảo: *“Hai câu nói ấy, đưa bé lên ba cũng nói được”*. Ngài Ô Sào bảo: *“Tuy đưa bé lên ba nói được, ông già tám mươi làm chẳng xong”*. Phải biết lời nói này chính là lời nói thiết yếu quan trọng nhất đối với hết thầy người học Phật.

❖ Hai câu *“Đừng làm các điều ác...”* chính là đại ý của hết thầy Kinh giới của tam thế chư Phật, chớ nên coi thường. Ngay trong mỗi ý niệm vừa phát khởi của chính mình hãy nên suy xét kỹ, nếu có thể suy xét đến cùng cực thì còn có thể thành được Phật đạo, huống hồ là các quả vị phước huệ khác nữa!

❖ Dạy giới thiện (*ngũ giới, thập thiện*) để mở ra con đường trời - người phẳng phiu. Hiểu nhân quả để bày phương cách xu tỵ (*xu là hướng tới, tỵ là tránh né*) tốt lành. Nói đến giới thiện thì:

a. Ngũ Giới:

Chẳng sát là Nhân; chẳng trộm là Nghĩa; chẳng tà dâm là Lễ; chẳng nói dối là Tín; chẳng uống rượu thì tâm thường trong trẻo, chí ngưng lặng, thần chẳng hôn mê nên lý hiện, tức là Trí. Trì trọn Ngũ

Giới chẳng đọa tam đồ, luôn sanh trong nhân đạo. Năm điều này nói chung tương đồng với Ngũ Thường (*nhân, nghĩa, lễ, trí, tín*) của đạo Nho, nhưng Nho giáo chỉ dạy tận nghĩa, nhà Phật còn giảng thêm về quả báo.

b. Thập Thiện:

Chẳng giết, chẳng trộm, chẳng tà dâm, gọi là ba nghiệp nơi thân. Chẳng nói dối, chẳng nói thêu dệt, chẳng nói lưỡi đôi chiều, chẳng ác khẩu, gọi là bốn nghiệp nơi miệng. Chẳng tham, chẳng sân, chẳng si, gọi là ba nghiệp nơi ý. Những điều này xét về đại thể, giống như Ngũ Giới, nhưng Ngũ Giới đa phần nói về thân, Thập Thiện đa phần nói về tâm. Đầy đủ Thập Thiện quyết định sanh vào thiên giới.

Còn như các điều dạy về luân lý như hiếu với cha, từ với con, kính anh, nhường em... đều là muốn cho ai nấy đều tận bốn phận không khiếm khuyết, thuận theo tướng thể gian để tu pháp xuất thế. Nếu nói rộng về nhân quả báo ứng thì hào ly chẳng sai. Đọa địa ngục hay sanh thiên chỉ do tự mình chiêu cảm lấy. Đức Như Lai tâm bi chí cực, muốn cho chúng sanh vĩnh viễn lìa khổ, chỉ hưởng các điều vui; vì thế, Ngài chẳng tiếc hiện tướng lưỡi rộng dài, vì các chúng sanh tận tình tuyên diễn.

Kinh dạy: “*Bồ Tát úy nhân, chúng sanh úy quả*” (*Bồ Tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả*). Nếu chẳng muốn nhận quả khổ, phải đoạn trừ nhân ác trước đã! Nếu luôn tu thiện nhân, ắt quyết định thường hưởng quả vui! Đây chính là điều Kinh Thư bảo: “*Tác thiện giáng tường, tác bất thiện giáng ương*” (*Làm thiện thì điều tốt lành giáng xuống. Làm điều bất thiện, tai ương giáng xuống*), Kinh Dịch nói: “*Tích thiện tất hữu dư khánh, tích bất thiện tất hữu dư ương*” (*Tích thiện sự vui có thừa, chất chứa điều chẳng lành tai ương ắt có thừa!*)

Nhưng nhà Nho chỉ xét trên đời hiện tại và con cháu mà nói, còn Phật xét trên cả ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai để luận. Phàm tình chẳng hiểu thấu, bèn cho là chuyện mộng lung, chẳng chịu tin nhận. Như kẻ mù cãi lời người dẫn đường, tự đi vào đường hiểm, muốn chẳng rớt hầm, sụp hố có được hay chăng?

❖ Đề xướng nhân quả báo ứng là kính vâng theo tâm của thiên địa và thánh nhân để thành tựu tánh đức nhân nghĩa, đạo đức của người đời. Nếu coi nhân quả báo ứng là chuyện mờ mịt, không cách nào khảo sát thì chẳng những trái nghịch với tâm của thiên địa, thánh nhân, mà thân thức của mình còn vĩnh viễn đọa trong ác thú.

Nếu bậc trí giả chẳng phản phát ý chí ưu thời mẫn thế để tu đức mình, kẻ hạ ngu không kiêng sợ gì, dám làm điều ác thì quyền dưỡng dục của thiên địa, thánh nhân bị chèn ép chẳng được phô bày, cái lý sẵn có trong tâm tánh của chúng ta ẩn mất chẳng hiện. Họa hại ấy chẳng thể nói được!

Nhưng lời lẽ của thánh nhân thể gian giản lược, lại chỉ bàn về đời này và con cháu, còn những việc trước khi sanh ra, sau khi chết đi, từ vô thủy đến nay theo nhân duyên tội phước luân hồi lục đạo... đều chưa luận rõ. Vì thế, những kẻ thấy biết nông cạn tuy hằng ngày đọc những lời dạy về nhân quả báo ứng của thánh hiền vẫn chẳng tin nhân quả báo ứng.

Đại giáo của đức Như Lai hiển dương cái huyền diệu nơi tâm tánh của chúng ta, sự tinh vi của nhân quả ba đời. Tất cả những thuyết “cách trí” (*trí tri cách vật*), thành, chánh (*chánh danh*), “tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ”, và pháp “đoạn Hoặc chứng Chân, liễu sanh thoát tử”, không pháp nào chẳng giảng đủ. Vì thế, những điều Phật dạy về cha hiền, con hiếu, anh nhường, em kính, chồng xướng vợ theo, chủ nhân từ, tớ trung thành, ai nấy tận hết bốn phận có khác gì những điều thánh nhân thể gian đã dạy đâu!

Thế nhưng, với mỗi một điều, Phật lại khai thị nhân trước quả sau; đây chính là điều thánh nhân thể gian chẳng thể làm nổi! Lời dạy “tận nghĩa, dốc trọn bốn phận” chỉ để dạy hàng thượng trí, chẳng thể chế ngự kẻ hạ ngu. Nếu biết nhân quả báo ứng thì thiện - ác, họa - phước rành rành như nhìn vào lửa; ai lại không tìm tốt, tránh xấu, tránh họa đạt phước cơ chứ?

❖ Kinh Hoa Nghiêm nói: *“Hết thấy chúng sanh đều có đủ trí huệ, đức tướng của Như Lai. Nhưng vì vọng tưởng, chấp trước, nên chẳng thể chứng đắc”*. Do vậy, biết rằng: trí huệ, đức tướng chúng sanh và Phật đều đồng, tức là Tánh Đức. Do có vọng tưởng chấp trước và lìa vọng tưởng chấp trước nên chúng sanh và Phật khác nhau. Đây chính là Tu Đức.

Tu Đức có thuận, có nghịch. Thuận tánh mà tu thì càng tu càng gần. Tu đến cùng cực thì triệt chứng, chứng được rằng hoàn toàn không có gì để đắc cả. Còn nghịch tánh mà tu thì càng tu càng xa. Tu đến cùng cực sẽ vĩnh viễn đọa trong ác đạo, đọa nhưng không có gì mất cả. Hiểu được điều này thì ngu cũng là hiền, hiền cũng là ngu, thọ cũng là yếu, yếu cũng là thọ, [những mong ước] phú quý, cháu con đầy đàn đều diệt sạch. Mỗi mỗi đều làm chủ được thì có cái để nương dựa cũng coi như không, không có cái để nhờ cậy cũng coi như có. Như núi cao chẳng thể trèo lên được, người ta không có cách nào, thì chẳng ngại gì đục núi, xếp bậc, sẽ cũng có thể lên đến chót núi.

Con người xưa nay chẳng biết nghĩa lý “do tâm tạo nghiệp, do tâm chuyển nghiệp”, không ít kẻ đại thông minh, học vấn rộng, giỏi trò bỏ sạch công lao người trước khiến di hại bao kiếp. Nếu chẳng tu đức, dù thân đạt tới mức giàu trùm thiên hạ, quý như thiên tử, địa vị đứng đầu các quan, thanh thế hiển hách như hàng tể phụ, há chẳng

có kẻ bị tru lục, diệt môn ngay trong đời này đó ư? Những điều mình đạt được đó đều chẳng thể nương dựa được!

Ông Viên Liễu Phàm hiểu rõ điều này nên đối với những thứ được hưởng thọ đều bảo chẳng phải do “tiền nhân” (*nhân đời trước*) định sẵn. “Tiền nhân”, tục gọi là “thiên” (*trời*). “Thiên định thắng nhân” tức là tiền nhân khó chuyển. Nhân định cũng thắng thiên, tức là tu trì để chuyển nghiệp thì tiền nhân chẳng đủ để ỷ lại. Vì thế, lấy nhân hiện tại làm nhân để tiêu trừ tiền nhân. Nếu buông lung làm xằng, kết quả sẽ ngược lại. Hiểu rõ điều này thì muốn ngu lại thành hiền, muốn tầm thường lại trở thành siêu quần, bạt tụy, đều là do giữ lòng tu đức, tùy thời khéo dạy mà thôi!

❖ Mạng là gì? Chính là quả báo của những điều đã làm trong đời trước. Lại nữa, điều đạt được do làm đúng theo đạo nghĩa mới gọi là Mạng. Những điều đạt được do làm chẳng đúng theo đạo nghĩa thì chẳng được gọi là Mạng. Vì sau khi đạt được như vậy, cái khổ đời sau chẳng cam nghe thấy! Như trộm cướp tiền tài của người, tạm thời dường như giàu sướng, một khi quan phủ biết ra, ắt sẽ đầu một nơi, thân một nẻo! Lẽ nào với cái tạm thời được vui, lại cho là Mạng?

Lực là gì? Chính là nói đến những cái mình làm ngay trong đời này. Có hai thứ làm: Một là tài trí chuyên dùng mưu mẹo biến trá. Hai là chuyên dùng sự khắc kỷ, giữ lễ để tu trì.

Cái Mạng do Liệt Tử nói đó hỗn độn, chẳng phân; cái Lực của ông ta nói đó đa phần chú trọng về mưu mẹo, biến trá. Bởi thế, đến nỗi Lực bị Mạng đè ép, không cách gì đáp được [câu chất vấn sau]: “Khổng Tử bị khốn đốn nơi biên giới nước Trần, nước Sái; Điền Hằng lấy nước Tề làm tách mạng, còn có thể nói là biết Mạng ư?”

Không Tử chẳng gặp vua hiền, chẳng thể khiến thiên hạ trị an, chính là do nghiệp lực của muôn dân tạo ra như vậy, can dự chỉ đến Không Tử! Nhan Uyên yếu thọ, nghĩa lý cũng giống như thế.

Điền Hằng có được nước Tề là do soán đoạt mà có, sao gọi là Mạng được? Tuy hiện thời còn là vua Tề, nhưng khi hơi thở không hít vào được, liền thành tù nhân trong A Tỳ địa ngục. Đây mới là Mạng, vì ông ta dạy người chẳng tu đạo nghĩa, mặc tình cướp đoạt!

Bởi thế, tôi mới nói: “Liệt Tử chẳng biết Mạng. Chẳng thấy Mạnh Tử luận về Mạng đó ư? Ất phải cùng lý tận tánh đến mức như thế mới gọi là Chân Mạng. Còn những điều chẳng do đạo nghĩa mà được, chẳng do đạo nghĩa mà mất, đều chẳng được gọi là Mạng. Liệt Tử luận về Lực đa phần thuộc về tài trí mưu mẹo, biến trá, [là những điều] hiền thánh chẳng thêm nói tới. Những điều hiền thánh nói đến đều là khắc kỷ, giữ lễ để tu trì”.

“Thánh mất niệm thành cuồng, cuồng khắc chế niệm thành Thánh. Nhà tích thiện ắt sự vui có thừa, nhà tích điều chẳng lành, ắt tai ương có thừa. Làm lành trăm điều tốt lành giáng. Làm điều chẳng lành trăm tai ương trút xuống. Gỗ phải theo dây mực mới ngay, vua phải nghe lời can gián mới thành thánh. Làm điều nhân ái sẽ dẫn tới phước lành; dù gặp phải cảnh hung hiểm trái nghịch cũng chỉ nhẹ nhàng. Năm năm mươi tuổi, biết bốn mươi chín năm trước là sai trái; muốn giảm bớt lỗi nhưng vẫn chưa thể. Muốn mình được sống thêm năm mươi năm nữa để học Dịch hầu không mắc lỗi lớn. Ai cũng có thể là Nghiêu, Thuấn, kiêng giữ những điều chẳng nên nhìn, Kinh sợ những điều chẳng nên nghe, đều là Lực”. Đây là những lời của Nho gia.

Còn nhà Phật bảo hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, đều sẽ thành Phật để họ sám hối nghiệp cũ, cải ác tu thiện, mong họ đừng làm các điều ác, vâng làm các việc lành. Dùng Giới giữ thân, chẳng làm điều phi lễ. Dùng Định nhiếp tâm, chẳng khởi vọng niệm.

Dùng Huệ đoạn Hoặc, thấy rõ bốn tánh. Đây đều là những Lực để khắc kỷ, giữ lễ tu trì. Hành theo đó, còn thành được Phật đạo, hưởng hồ là những quả vị thấp hơn ư! Vì thế, Kinh Lăng Nghiêm nói: Cầu vợ được vợ, cầu con được con, cầu trường thọ được trường thọ, cầu Tam Muội được Tam Muội. Như thế cho đến cầu Đại Niết Bàn đắc Đại Niết Bàn. Đại Niết Bàn là Phật Quả rất ráo. [Những điều ấy] đều là do tu trì theo đúng giáo pháp mà được, Lực ấy rất lớn, chẳng thể hạn lượng.

Ông Viên Liễu Phàm gặp Khổng tiên sinh bói các việc trước sau, việc nào cũng đều ứng nghiệm cả, bèn cho là nhất định phải có Mạng (*số mạng*). Sau ông được Vân Cốc thiền sư khai thị, tận lực tu trì. Những điều ông Khổng đã đoán, chẳng trúng một mảy. Ông Viên Liễu Phàm là bậc hiền giả, dù có nhầm lẫn làm điều gì chẳng đúng, lời đoán của họ Khổng cũng chẳng linh. Do đây, ta biết rằng hiền thánh dạy đời chỉ trọng tu trì. Đức Như Lai dạy người cũng giống như thế. Vì thế, tất cả những pháp môn Đại, Tiểu, Quyền, Thật Phật đã nói, không pháp nào chẳng khiến chúng sanh trừ khử Hoặc nghiệp huyễn vọng, triệt chứng Phật Tánh sẵn có. Vì thế, đời có kẻ cực ngu, cực độn, tu trì lâu ngày liền đạt được đại trí huệ, đại biện tài.

Liệt Tử quy hết thảy mọi sự về Mạng (*số mạng*), gây trở ngại chí mong thành thánh, thành hiền của con người, cổ vũ cái tâm gian ác, soán đoạt của người. Dưới là phải chịu họa hại vô cùng, trên là làm nhụt khí lực quyết chí, ưu thời mẫn thế đến nỗi chung thân chẳng dục vào bậc thánh hiền, cứ làm một người hèn hạ, thấp kém. Thiên sách ấy hoàn toàn vô ích cho đời, nào có giá trị gì đáng để nghiên cứu đâu!

❖ Tôi thường nói: “Người trong cõi đời, trong mười phần, chết trực tiếp bởi sắc dục có đến bốn phần, chết gián tiếp vì sắc dục cũng

đến bốn phần”. Do sắc dục mà hao tổn, phải chịu đựng các thứ cảm xúc khác mà chết. Đối với những cái chết ấy, không ai là chẳng đổ cho số mạng, biết đâu rằng: Do tham sắc mà chết đều chẳng phải là số mạng!

Mạng vốn nằm trong tay những ai giữ lòng thanh tịnh, trinh khiết, chẳng tham dục sự. Tham sắc là tự giết hại mình, bảo là số mạng sao được? Còn những người do mạng mà sanh, mạng tận bèn chết, bất quá chỉ một hai phần thôi. Do vậy, biết rằng quá nửa thiên hạ là hạng uổng tử. Cái họa này rất dữ dội, có một không hai trong đời. Chẳng đáng buồn ư? Chẳng đáng sợ ư?

Nhưng chẳng tốn một đồng, chẳng nhọc tí ti sức lực gì, lại có thể trở thành bậc đức hạnh chí cao, hưởng an lạc chí đại, con cháu quý hiển, phước âm vô cùng, đời sau được quyền thuộc trình lương, chỉ có mỗi việc giới dâm mà thôi! Đối với việc hành dâm chánh đáng giữa vợ chồng, ở phần trước tôi đã thuật qua về lẽ lợi hại, ở đây chẳng nhắc lại nữa. Còn đối với việc tà dâm, vô liêm, vô sỉ, cực uế, cực ác, chính là dùng cái thân người để làm chuyện súc sanh.

Vì thế, nếu gái đẹp đến cột nhà, đàn bà yêu kiều đến xin chung chạ, quân tử coi đó là mối họa ương không gì lớn bằng, bèn cự tuyệt, thì phước chiếu rạng ngời, hoàng thiên ban ân. Kẻ tiểu nhân coi đó là hạnh phúc không chi lớn bằng bèn thâm nạp, ắt đến nỗi bị tai tinh xung chiếu, quỷ thần tru lục. Quân tử do họa được phước, tiểu nhân do họa càng thêm họa. Vì thế, mới nói: “Họa phước vô môn, duy nhân tự chiêu” (*họa phước không cửa, do người tự chuốc lấy*). Nếu đối với cái ái nữ sắc, người đời chẳng thể triệt để thấu hiểu thì [những sự như] đức hạnh chí cao, an lạc chí đại, con cháu quý hiển, phước âm vô cùng, đời sau quyền thuộc trình thực sẽ bị mất hết trong giây phút hoan lạc mà thôi! Xót thay!

❖ Hai chữ Nhân Quả gồm trọn hết thấy các pháp thế gian, xuất thế gian không sót chút gì. Những thánh nhân thế gian không ai chẳng dạy nhân quả, nhưng do chuyên chú nơi đạo xử thế, muốn cho nó được kể tục, được lưu truyền, nên chỉ hạn cuộc trong đời này và thế hệ trước, thế hệ sau, chẳng nói những chuyện trước lúc sanh ra, sau khi chết đi và những điều kể từ vô thủy trước đến tận đời vị lai sau.

Kẻ hậu học chẳng thể hiểu rõ ý của thánh hiền bèn cho rằng người, vật có sự sống là do khí thiên địa ngẫu nhiên thấm vào hình hài mà thôi. Còn đến lúc chết, hình hài mục nát, hồn cũng phiêu tán, không nhân, không quả, trở thành Đoạn Diệt Kiến. Đã cô phụ thánh giáo, còn mê muội tánh linh của mình đến cùng cực vậy! Không Tử khen ngợi sách Chu Dịch, ngay câu đầu tiên, Ngài nói: “*Nhà tích thiện ắt sự vui có thừa, nhà tích bất thiện ắt tai ương có thừa*”...

Điều thứ hai là nếu chẳng dùng quá khứ, hiện tại, vị lai để luận thì những điều trời giáng xuống phần nhiều mâu thuẫn với những ngôn luận của thánh nhân, chánh lệnh của bậc minh quân (*chẳng hạn như gian đảng vinh hoa, trung thân bị tru戮; Nhan Uyên chết yếu, Đạo Chích trường thọ...*). Nếu biết tiền nhân, hậu quả thì [sẽ hiểu] những sự cùng, thông, được, mất, đều do tự mình chuốc lấy. Dù có gặp nghịch cảnh cũng chẳng oán, chẳng hận, chỉ thẹn đức mình kém cỏi, chẳng thấy lỗi lầm của trời - người, vui biết mạng trời, không lúc nào là chẳng tự tại tiêu dao!

❖ Hết thấy những kẻ chẳng hiểu thấu tốt cùng lý sâu và những kẻ vô tri, vô thức, nếu nghe nói đến lý tánh, phần nhiều đề cao thánh cảnh, nhưng vẫn tự làm phạm phu, chẳng chịu mạnh mẽ gắng sức khởi đầu từ Sự. Nếu bảo cho họ biết nhân quả ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai dù thiện hay ác đều có quả báo, ắt sẽ sợ ác quả mà đoạn ác nhân, tu thiện nhân hòng được thiện quả.

Thiện - ác chẳng ngoài ba nơi thân - khẩu - ý. Đã biết nhân quả sẽ tự phòng giữ thân - miệng, rửa lòng gột ý. Dù ở trong nhà tối, phòng kín, vẫn luôn như đang ở trước Thiên Đế, chẳng dám móng khởi chút bĩ ổi nào, kéo vướng phải tội vạ! Đây chính là đại pháp “trí tri, thành ý, chánh tâm, tu thân” để dạy khắp hết thầy chúng sanh thượng, trung, hạ căn của đức Đại Giác Thế Tôn vậy. Tuy thế, kẻ cuồng sợ bị câu thúc, bảo đó là chấp tướng; kẻ ngu nhằm tránh khỏi bị xấu mặt, bèn bảo đó là chuyện vu vơ. Trừ hai hạng người này ra, có ai lại chẳng tin nhận?

Vì thế, ngài Mộng Đông nói: *“Người khéo luận về tâm tánh sẽ chẳng thể bỏ được nhân quả. Người tin sâu nhân quả cuối cùng ắt sẽ thấy cực rõ tâm tánh ấy”*. Lý này lẽ tất nhiên phải như thế. Phải biết rằng: Từ địa vị phàm phu cho đến khi viên chứng Phật Quả, đều chẳng ra ngoài nhân quả. Kẻ nào chẳng tin nhân quả đều là hạng tự đánh mất thiện nhân, thiện quả, luôn tạo ác nhân, luôn chịu ác quả, trải kiếp số như bụi trần, luân chuyển trong ác đạo, chưa thể xuất ly vậy. Buồn thay!

❖ Phật pháp lưu thông lợi ích vô lượng. Người căn tánh sâu sẽ lãnh hội sâu xa, liền minh tâm kiến tánh, đoạn Hoặc chứng Chân. Người căn cơ cạn lãnh hội nông cạn, cũng vẫn có thể cải ác tu thiện, cầu thành Thánh, thành Hiền. Ấy là do đức Như Lai lập giáo, dù chánh yếu là vì xuất thế, nhưng Phật tùy thuận cơ nghi, khuyến dụ lần lần, nên đối với đạo xử thế, Ngài cũng phát huy trọn khắp, không bỏ sót mảy may điều thiện nào! Gặp cha nói về từ, gặp con nói về hiếu, anh nhường em kính, chồng xướng vợ theo, phàm hết thầy những đạo luân thường hằng ngày Phật dạy trọn chẳng khác gì với những điều Nho Giáo đã nói.

Chỗ khác biệt là: đối với mỗi điều ấy, Phật đều chỉ rõ nhân quả ba đời, thiện ác báo ứng, khiến cho người nghe đem lòng kính sợ, chẳng

dám vượt phạm. Dù ở trong nhà tối, phòng kín, thường như đang ở trước Phật, trời. Đến cả hạng tham tàn bạo ác, trọn chẳng có tín tâm, nghe mãi chuyện nhân quả báo ứng, tâm cũng thâm bị chế phục, cũng chẳng đến nổi mười phần khốc liệt. Cứ xem thời Liệt Quốc¹, có tục giết người tuần táng², giết càng nhiều càng vinh hiển; đến khi Phật giáo truyền sang Đông mới chấm dứt được thói tục ấy. Điều ấy đủ để chứng minh vậy.

❖ Đời này đã cách thời Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Võ cả ba bốn ngàn năm, tình đời, lòng người so với thời cổ khác xa lắm. Nhưng do biết lục đạo luân hồi theo nghiệp thăng trầm, sanh lên trời, đọa xuống địa ngục, người biến ra thú, thú sanh làm người, nên dù là hạng cùng hung cực ác ương ngạnh khó giáo hóa, trọn không có tín tâm cũng bị pháp này (*nhân quả*) chiết phục.

Dù coi rẻ mạng người, trong tâm vẫn tiềm ẩn một chút sợ hãi ảnh hưởng của nhân quả, nên chưa đến nỗi thập phần bạo ác. Như các chư hầu thời Liệt Quốc đem bày tội, ái thiếp và bá tánh bắt giết tuần táng theo cả mấy chục, mấy trăm người, chẳng coi đó là sai; trái lại, còn cho là vẻ vang nữa. Chẳng phải là do pháp Nhân Quả mà thời này hiền hơn đời trước ư? Châu Văn Vương ân trạch thâm đến cả xương khô, thế mà chỉ mấy trăm năm, phong tục giết người tuần táng đã lan khắp thiên hạ. Dù Lão, Trang, Khổng, Mạnh cùng ra đời, đều chẳng thể văn hồi được phong tục suy đồi ấy.

¹ **Liệt Quốc** là thời gian kể từ khi Châu U Vương (Cơ Cung Niết) lên ngôi năm 781 trước Công Nguyên cho đến khi vua Tần Thủy Hoàng (Doanh Chính) gồm sáu nước, thống nhất Trung Nguyên vào năm 221 trước CN. Thời này, các chư hầu đánh lẫn nhau, tranh nhau xưng bá nên còn gọi là thời Xuân Thu Chiến Quốc (từ năm 781 trước CN đến năm 476 trước CN là thời Xuân Thu, từ năm 475 đời Châu Nguyên Vương trở đi, chỉ còn sáu nước lớn (Tần, Triệu, Hàn, Yên, Tề, Sở, Tấn) tranh giành lẫn nhau nên gọi là thời Chiến Quốc).

² **Tuần táng** là hình thức chôn sống hay giết rồi chôn những người tùy tùng, ái thiếp trong lăng mộ của các bậc đế vương, công hầu.

Từ sau khi Phật pháp truyền sang phương Đông, lý sanh tử, luân hồi, nhân quả báo ứng sáng rực trong đời. Chẳng kể chư hầu, ngay cả kẻ hướng mặt về Nam xưng “trẫm”¹ cũng chẳng dám làm. Dù có kẻ dám làm, cũng chẳng dám coi giết nhiều người là vinh. Nếu không có pháp này, chỉ có cái thuyết “chánh tâm, thành ý” để đề cao lòng trung thứ, dốc lòng đùm bọc nhau hòng dứt trừ tục tuần táng trong toàn dân, tôi e rằng càng nhọc nhằn khuyên lơn, thói tệ ấy càng thêm thịnh hành!

Huống nữa, Nho gia chỉ biết trị đạo, chẳng rõ tự tâm, muốn bài xích Phật pháp, cưỡng lập môn đình, đều nói là chết rồi là vĩnh viễn diệt, không còn đời sau nữa. Nếu không có lẽ sanh tử, luân hồi, nhân quả báo ứng của đức Như Lai thấm nhuần khắp tâm người thì những người đời sau được chánh mạng, chết tốt lành càng hiếm hơn nữa.

Đây chỉ là pháp thiện cận nhất trong Phật pháp, còn có thể trừ khử được thói tàn sát, hướng hồ là đại pháp viên đôn chí cực sâu xa. Thế trí phạm tình há thể suy lường được một phần trong vạn phần lợi ích của Phật pháp ư?

❖ Phật pháp rộng lớn, không gì chẳng bao gồm, không điều nhỏ nhặt nào lại chẳng nêu lên. Chẳng những thế, nương theo đó còn có thể đoạn Hoặc chứng Chân, liễu sanh thoát tử. Đây chính là đạo “cách vật trí tri, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ, minh minh đức, chỉ ư chí thiện”².

¹ Chỉ hoàng đế. Vua ngồi trên ngai, quay mặt về hướng Nam, tự xưng là **Trẫm**. Thời cổ, Trẫm là tiếng thông dụng để tự xưng. Sau này, Tần Thủy Hoàng cấm ngặt người khác tự xưng là Trẫm. Các đời vua sau này, cũng bắt chước xưng là Trẫm.

² Hiểu theo quan điểm Nho gia, những điều này có nghĩa là nghiên cứu sự vật để hiểu thấu tận cùng lý lẽ, tu dưỡng thân, giữ cho trong nhà yên vui, thuận thảo, giúp ích cho đất nước, làm cho thiên hạ thái bình, làm sáng tỏ cái đức sáng, đạt được đạo tốt lành.

Nếu thấu hiểu Phật pháp thì sự chỉ một nửa, nhưng công gấp bội. Bởi lẽ, những điều thánh nhân thế gian nói chỉ nhằm dạy con người tận hết bốn phân; chỉ bậc thượng trí mới có thể tuân hành triệt để. Nếu là hạng căn tánh trung, hạ, sẽ chênh mảng, coi thường. Phật pháp dạy rõ các sự lý: nhân quả báo ứng, sanh tử, luân hồi, và hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, đều có thể thành Phật... Nếu là bậc thượng trí, ắt sẽ chứng được Phật tánh sẵn có; kẻ hạ ngu sẽ chẳng dám phóng túng, can rờ vì sợ cái khổ đời vị lai; tất nhiên sẽ cải ác hướng thiện, mong thành thánh, thành hiền. Dù ở trong nhà tối, phòng kín, vẫn thường như đang đối trước Phật, trời.

Đức Như Lai dùng Tam Quy, Ngũ Giới, Thập Thiện để nhiếp khắp chúng nam nữ tại gia. Tu Ngũ Giới, Thập Thiện sẽ thắng được thói tàn sát, bỏ thói kiêu bạc, trở thành thuần hòa, vĩnh viễn thoát khỏi ác báo tam đồ, thường hưởng sự khoái lạc cõi nhân thiên. Pháp nông cạn nhất còn như thế, huống hồ là pháp sâu nhất.

Vì thế biết rằng: Như Lai là đại sư ba cõi, là cha lành của bốn loài, là thánh nhân của các thánh, là trời của các trời. Bởi thế, vua thánh tôi hiền, bậc thông đạt, không ai chẳng tuân lời Phật dạy tu tập, hộ trì, lưu thông. Trong hết thảy pháp lấy tâm làm gốc, chỉ có mỗi Phật pháp là phát minh đến chỗ rốt ráo!

2. Giảng nhân quả về mặt Sự

❖ Kinh dạy: *“Bồ Tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả”*. Bồ Tát sợ gặp phải ác quả, nên đã đoạn sẵn ác nhân từ trước. Do vậy, tội chướng tiêu diệt, công đức viên mãn thẳng đến khi thành Phật mới thôi. Chúng sanh thường tạo ác nhân, muốn tránh ác quả, như ở trước mặt trời lại muốn không có bóng, cứ nhọc nhằn rảo chạy.

Thường thấy kẻ ngu vô tri vừa làm chút điều lành liền mong đại phước. Vừa gặp phải nghịch cảnh bèn bảo làm lành mắc họa, chẳng

có nhân quả. Từ đó, cái tâm ban đầu lười sụt, đâm ra báng bỏ Phật pháp. Họ nào biết đến ý chỉ huyền áo “báo thông ba đời, chuyển biến do tâm”.

Hiện đời làm thiện, làm ác; hiện đời được phước, mắc họa thì gọi là “hiện báo”. Đời này làm thiện, làm ác, đời sau được phước, mắc họa, gọi là “sanh báo”. Đời này làm thiện, làm ác, đến đời thứ ba, hoặc đời thứ tư, hoặc mười, trăm, vạn đời sau, hoặc đến vô lượng vô biên kiếp sau mới hưởng phước, mắc họa, thì gọi là “hậu báo”. Hậu báo sớm, chậm bất định. Phàm những nghiệp đã tạo, tuyệt đối không có nghiệp nào lại chẳng có báo.

“Chuyển biến do tâm” là ví như có người đã tạo ác nghiệp, sẽ phải đọa mãi trong địa ngục, chịu khổ cả bao kiếp dài lâu. Về sau, kẻ ấy sanh lòng hối hận lớn lao, phát đại Bồ Đề tâm, cải ác tu thiện, tụng Kinh, niệm Phật, tự hành, dạy người hành, cầu sanh Tây Phương. Do đó, trong đời này, người ấy bị người khinh miệt hoặc mắc chút bệnh khổ, hoặc phải tạm chịu bần cùng, và gặp hết thảy chuyện chẳng như ý. Nghiệp vĩnh viễn đọa địa ngục chịu khổ bao kiếp dài lâu mình đã tạo trước đây liền bị tiêu diệt, lại còn có thể liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh. Đây là điều Kim Cang đã nói: *“Nếu có người thọ trì Kinh này bị người khác khinh rẻ, người ấy do tội nghiệp đời trước đáng đọa ác đạo, nhưng vì đời này bị người đời khinh rẻ nên tội nghiệp đời trước liền bị tiêu diệt, sẽ đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề”*. Đây chính là ý nghĩa “chuyển biến do tâm”.

❖ Thế nhân gặp chút tai ương nếu chẳng oán trời, cũng sẽ trách người, tuyệt chẳng có ý tưởng trả nợ, sanh tâm sám hối tội lỗi. Phải biết rằng: trồng dưa được dưa, gieo đậu được đậu, trồng cỏ dại chẳng thể được thóc tốt, gieo gai góc chớ mong lúa nếp.

Kẻ làm ác được phước [thì phước đó] là do đời trước đã vun trồng sâu dày. Nếu chẳng làm ác thì phước càng thêm lớn. Ví như con em nhà giàu, ăn xài phung phí, xem vàng như đất, chẳng bị đói lạnh ngay là do vàng nhiều. Nhưng nếu ngày ngày cứ như thế, dù giàu đến trăm vạn, chẳng được mấy năm cũng nhà tan, người chết, mất sạch sành sanh cả!

Làm lành mắc họa là do tội nghiệp đời trước sâu nặng. Nếu chẳng làm lành thì tai ương càng lớn. Ví như người phạm trọng tội, chưa bị hành hình, lập được công nhỏ; do công nhỏ nên chẳng thể xá tội hoàn toàn, nhưng đã đổi nặng thành nhẹ. Nếu có thể ngày ngày lập công, do công càng nhiều, càng lớn nên tội hết, được xá miễn; lại được phong hầu bá tướng, tước vị thế tập dài lâu cùng vận nước.

❖ Phải biết rằng: điều trái nghịch xảy đến cứ thuận theo, mới gọi là “lạc thiên” (*vui theo mệnh trời*). Tu thân, gieo đức mới gọi là “tận tánh”. Đời có kẻ ngu chẳng biết thiện ác đời trước, chỉ thấy việc tốt xấu trước mắt, thấy làm thiện mắc họa bèn bảo “thiện chẳng đáng làm”; thấy làm ác được phước bèn bảo “ác chẳng đáng kiêng”.

Chẳng biết thiện báo, ác báo chẳng phải là chuyện một sớm, một chiều, phải xảy ra dần dần. Ví như ba thước băng, nào có phải là trời lạnh một buổi đã kết thành được đâu! Trăm sông đầy ắp nước nào có phải là trời nóng một ngày mà tan được băng đâu! Chớ nên oán trời, trách người, cũng đừng do dự, hối hận, lui sụt; hãy nên học theo cách tu thân của ông Du Tịnh Ý, cách lập mạng của ông Viên Liễu Phàm!

❖ Như Lai giảng Kinh: báo thông tam thế. Phàm người sanh con, đại lược có bốn nhân.

Thứ nhất là hiện báo, nghĩa là đời này làm thiện, làm ác, đời này hưởng phước, mắc họa. Như sĩ tử rèn luyện văn chương khoa cử, thân đời này được công danh. Điều này mắt phàm thấy được.

Thứ hai là sanh báo, nghĩa là đời này làm thiện, làm ác, đời sau hưởng phước, mắc tội. Như tổ phụ có trọng học vấn thì con cháu mới hiển đạt. Điều này mắt phàm chẳng thấy được, nhưng thiên nhãn còn thấy được (*đời này, đời sau đều là ước theo người đó mà nói. Đối với việc cách đời, dùng thí dụ để giảng cho dễ hiểu, nên tạm dùng tổ phụ và con cháu. Đừng chấp vào văn mà đánh mất ý nghĩa. Mong lắm thay!*)

Thứ ba là hậu báo, tức là đời này làm thiện, làm ác, đến đời thứ ba, hoặc bốn, năm, sáu, bảy đời, hoặc mười, trăm, ngàn, vạn đời, hoặc một, mười, trăm, ngàn, vạn kiếp, hoặc là đến vô lượng vô biên Hằng hà sa kiếp mới hưởng báo thiện hay ác. Như vương nghiệp nhà Thương, nhà Châu xưa kia, thật sự bắt nguồn từ việc ông Tắc giúp vua Thuần, ông Khiết phò vua Vũ.

Nếu là chuyện trong ba bốn đời, thiên nhãn còn thấy được. Như trong trăm ngàn vạn kiếp, thiên nhãn chẳng thấy được, nhưng đạo nhãn của Thanh Văn còn thấy được. Nếu là vô lượng vô biên Hằng hà sa kiếp, chỉ ngũ nhãn viên minh của đức Như Lai mới thấy được nổi. Đây còn chưa phải là cảnh giới thuộc đạo nhãn của Thanh Văn, huống hồ là thiên nhãn, nhục nhãn ư!

Hiểu ý nghĩa của ba thứ báo này thì chuyện làm thiện được phước, làm ác tai họa giáng xuống, thánh ngôn vốn chẳng sai lầm. Phú quý, bần tiện, thọ, yếu, cùng, thông, mạng trời chưa từng thiên vị. Cảnh duyên xảy đến như hình ảnh hiện trong gương. Kẻ trí chỉ quan tâm đến vẻ mặt ở ngoài gương, người ngu uổng công ghét hình ảnh hiện trong gương. Chuyện trái nghịch xảy đến, vui chịu mới gọi là “lạc thiên”. Chẳng oán, chẳng trách mới gọi là “lập mạng”.

Còn có bốn nhân là: một là báo ân, hai là báo oán, ba là trả nợ, bốn là đòi nợ.

- **Báo ân** nghĩa là trong đời trước cha mẹ có ân với con, nên nó sanh vào làm con để hầu hạ, phụng dưỡng, sống thờ, chết chôn. Cho nên [cha mẹ còn] sống ắt chăm sóc, chết thì cúng giỗ. Thậm chí tận tụy với vua, lợi dân, tên lưu sử xanh, khiến thiên hạ hậu thế kính người ấy bèn kính luôn cả cha mẹ, như các ông: Tăng Lỗ Công, Trần Trung Tú, Vương Quy Linh, Sử Đại Thành (*Ba ông Tăng, Trần, Vương đều là bậc danh thần đời Tống. Ông Sử là trạng nguyên đầu đời Thanh. Bốn ông cùng tin Phật, nhưng chỉ mình Trần Tú ngộ nhập rất sâu. Do ông đời trước là cao tăng nên tuy hưởng phú quý vẫn không quên mất bốn nhân*). Con hiếu, cháu hiền trong đời này đều thuộc về loại này.

- **Báo oán** là đời trước cha mẹ từng phụ ân con, nên sanh vào làm con để báo oán. Lúc nhỏ ngộ nghịch khiến cha mẹ buồn lòng, lớn lên gây họa khiến cha mẹ mắc vạ lây. Lúc sống, ngọt bùi chẳng đoái, chết đi phải mang nhục dưới chín suối. Lại còn những trường hợp quá đáng, con có quyền vị trọng yếu, mưu chuyện phi pháp, diệt môn tàn tộc, quật mồ cuộc mả, khiến cho thiên hạ hậu thế thóa mạ kẻ ấy, chửi lây cả cha mẹ. Như Vương Mãng, Tào Tháo, Đồng Trác, Tần Cối v.v... chính là loại này.

- **Đền nợ** là đời trước mắc nợ cha mẹ tiền tài. Nay để đền trả bèn sanh làm con. Nếu nợ nhiều sẽ làm con suốt đời. Nếu nợ ít, chẳng thể tránh khỏi giữa chừng chết trước cha mẹ, như: học sắp thành tài bèn mất mạng, buôn bán vừa có lời bèn chôn thân.

- **Đòi nợ** là đòi trước cha mẹ nợ tiền tài của con, nó bèn sanh vào làm con để đòi nợ. Nợ nhỏ sẽ uống công biểu xén mời thầy, dạm vàng hỏi vợ, dạy răn các thứ, những mong con được thành người, nhưng đại hạn chợt xảy đến, hốt nhiên chết mất. Nợ lớn thì chẳng chỉ có thể, ắt còn phải mất nghiệp phá sản, nhà bại, người mất mới thôi!

Chuyện trong thiên hạ đều có nhân duyên. Sự được thành hay chẳng đều do nhân duyên xui khiến. Dù có người làm cho việc thành hay hoại, nhưng quyền lực thật sự là do nhân trước của ta, chứ chẳng do duyên hiện tại. Hiểu điều này sẽ vui biết mạng trời, chẳng oán, chẳng trách, làm đúng theo địa vị, chẳng chứng nhập mà tự đạt được vậy.

Với chuyện vun bồi đức hãy nên thường xem các sách [Thái Thượng] Cảm Ứng, Âm Chất Văn. Với điều thiện sẽ tùy phận, tùy lực mà hành. Với điều ác bỏ đi như oán, như thù. Ông Viên Liễu Phàm hành pháp Công Quá Cách, nhận chân được bản thể, chẳng may may buông lung. Vì thế, mạng vốn chẳng thọ bèn được thọ, không có đại công danh bèn được đại công danh, không con bèn có con.

Phàm những người hiển đạt nhờ khoa cử, tổ phụ họ đều có đại âm đức. Nếu không âm đức, cây sức người để hiển đạt, sau này ắt gặp đại họa; chẳng thà không hiển đạt còn hơn. Xem khắp cuộc đời của các bậc đại thánh, đại hiền xưa nay, đều là do tổ phụ họ tích đức mà nên. Đại phú, đại quý cũng thế. Con cháu họ sanh ra phú quý, chỉ biết hưởng phước tạo nghiệp, quên mất công tổ phụ một phen vun bồi. Do đấy, chôn vùi tổ đức, phá sạch tổ nghiệp, cam chịu bần tiện. Đấy chính là bệnh chung của kẻ phú quý trong cả cõi đời.

Đời đời giữ cho đức tổ tiên vĩnh cửu chẳng bị chìm lấp chỉ có mỗi nhà họ Phạm ở Tô Châu là bậc nhất từ xưa đến nay. Từ Văn Chánh Công (Phạm Trọng Yêm) đời Tống đến nay, đến mãi cuối đời Thanh,

hơn tám trăm năm, gia phong chẳng suy sụp, con cháu nối tiếp nhau đỗ đạt, đáng gọi là nhà thư hương đời đời. Nhà họ Bành ở Trường Châu từ đầu đời Thanh đến nay, khoa bảng đứng đầu thiên hạ. Nhà ấy có bốn năm người đỗ trạng nguyên, có lúc cả mấy anh em cùng làm quan cực phẩm. Nhưng họ đời đời sùng phụng Phật pháp, dù là trạng nguyên, tể tướng vẫn hằng ngày đọc Cẩn Ứng, Âm Chất Văn để noi gương thành ý, chánh tâm, tận tụy thờ vua, giúp dân.

Gã cuồng sanh kia bảo những sách ấy là để hạng ông già, bà cả quê mùa tin theo, chẳng những chẳng biết vì sao thánh hiền là thánh hiền, mà còn chẳng biết vì sao người là người nữa kia! Sống làm thầy đi, thịt chạy, chết mục nát cùng cỏ cây. Lại còn ác nghiệp khó tiêu, vĩnh viễn trầm luân trong ác đạo. Gã ấy cứ vênh váo tự coi mình là hạng học rộng thông suốt, đến nỗi đời sau, những danh từ “thiên, địa, phụ mẫu” còn chẳng được nghe đến, còn đáng gọi là hay ư?

Đừng có nói nhà mình nghèo hèn, chẳng thể rộng chứa âm đức, hành phương tiện lớn. Phải biết rằng ba nghiệp thân - khẩu - ý đều ác thì không có gì ác bằng, còn nếu ba nghiệp thân - khẩu - ý đều thiện thì không có chi thiện bằng!

Như có người ngu chẳng tin nhân quả, chẳng tin tội phước báo ứng ngông nghênh, ngạo ngược, dựa theo những điều đã nói trong An Sĩ Toàn Thư mà giảng cho kẻ ấy, khiến hắn bắt đầu tin nhân quả dần dần, kế đó thâm tín Phật pháp, cuối cùng là vãng sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử. [Độ] một người như thế, công đức vô lượng vô biên, huống hồ là nhiều người.

Nhưng mình phải nghiêm túc không tỳ vết mới cảm ứng được người chung quanh. Vợ con mình tin nhận, vâng làm, người khác trông thấy mới ham thích, nào phải đâu là tiền của nhiều [mới tích chứa âm đức được]!

❖ Người sanh trong thế gian có được cái vốn để thành đức, thành tài, dựng công lập nghiệp, và có được một tài, một nghề để nuôi thân cùng gia đình, đều là do sức chủ trì của văn tự mà được thành tựu. Chữ nghĩa là của cải quý báu nhất trong thế gian, có thể khiến kẻ phàm thành thánh, biến kẻ ngu thành trí, kẻ nghèo hèn thành phú quý, kẻ tật bệnh trở thành khỏe mạnh. Đạo mạch thánh hiền được lưu truyền thiên cổ; Kinh doanh nuôi sống mình và gia đình, để của cải lại cho con cháu, không việc gì chẳng nhờ vào sức lực chữ nghĩa. Nếu trên đời không có chữ nghĩa, hết thầy sự lý sẽ đều chẳng thành lập được, con người cũng chẳng khác gì cầm thú!

Chữ nghĩa đã có công sức như thế, tất nhiên phải nên trân trọng, yêu tiếc. Trộm thấy người đời nay mặc tình khinh thường, làm như chữ nghĩa, đúng là xem của cải chí bảo khác gì phân, đất! Đời này chẳng bị giảm phước, tổn thọ; đời sau cũng bị vô tri, vô thức đẩy thôi! Chẳng những chớ xem thường, làm ô uest, vứt bỏ những văn tự hữu hình; đối với những văn tự vô hình cũng chẳng được khinh thường, ô uest, vứt bỏ! Nếu chẳng ra sức thực hành “hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sĩ” là đã mất cả tám chữ. Tám chữ ấy đã mất thì sống là loài cầm thú mặc áo, đội mũ; chết sẽ đọa tam đồ, ác đạo!

3. Giải thích về nguyên do của kiếp vận

❖ Sự khổ trong Sa Bà chẳng thể nói hết nổi. Dù trong thời thanh bình, hằng ngày vẫn gặp cảnh khổ não. Vì chúng sanh quá quen với những cảnh khổ ấy đã lâu nên chẳng biết đó thôi! Gần đây, Trung Quốc trải mấy phen binh lửa, đã là khổ chẳng thể nói. Ngoài thế giới, các nước đại chiến đã ba năm, người chết gần cả ngàn vạn, khai mào nạn binh kiếp bậc nhất. Tình hình chiến tranh vẫn còn mạnh mẽ, chẳng biết mức độ khốc liệt sẽ đến đâu, lặng im suy nghĩ, thật đáng kinh sợ vậy.

Nguyên nhân là do nước nọ tận lực muốn chiếm đoạt, tàn diệt nước kia, nhưng cũng do ác nghiệp xưa kia của chúng sanh chiêu cảm ác báo nên mới đến nỗi cực kỳ tàn khốc như thế. Nay nghe lời này, phải nên mạnh mẽ phát khởi đại tâm cầu mau được vãng sanh. Sau đây sẽ trở vào Sa Bà phổ độ hết thảy.

Kinh dạy: *“Bồ Tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả”*. Bồ Tát sợ chiêu lấy ác quả nên đoạn ác nhân. Ác nhân đoạn rồi, ác quả không sanh từ đâu được. Chúng sanh đua nhau tạo nhân ác, ắt phải lãnh quả ác. Đến lúc lãnh quả ác, chẳng biết tự sám hối nghiệp trước, lại còn tạo thêm ác pháp để chống chọi lại. Thế nên oan oan tương báo trải bao kiếp không ngừng. Chẳng đáng buồn sao? Chẳng đáng sợ sao? Biết vậy rồi, chẳng lẽ nào lại chẳng cầu sanh Tây Phương!

❖ Cõi đời đang lúc Kiếp Trước, cướp bóc, giết hại lẫn nhau. Chẳng có lá bùa hộ thân, sẽ khó tránh khỏi họa hại được mãi! Lá bùa hộ thân vừa nói đó cũng chỉ là chí thành lễ niệm A Di Đà Phật mà thôi! Quán Âm Đại Sĩ thệ nguyện rộng sâu, nghe tiếng cứu khổ, có cảm ắt ứng. Ngoài việc sáng chiều lễ Phật ra, hãy nên lễ niệm thêm Đại Sĩ sẽ ngầm được gia hộ, tự có thể chuyển họa thành phúc, biến tai nạn thành điều tốt lành mà mình chẳng biết.

❖ Thiên hạ loạn lạc, kẻ thất phu phải có trách nhiệm. Người người ai nấy dốc tấm lòng thành, ai nấy tận lực hiếu đễ, ai nấy làm điều từ thiện: giúp đỡ kẻ cô quả, cứu kẻ hoạn nạn, thương xót kẻ nghèo, kiêng giết, phóng sanh, ăn chay, niệm Phật. Người có thiện cảm, trời ắt ứng phúc, tự nhiên mưa thuận, gió hòa, dân yên, vật mạnh, quyết chẳng đến nỗi trời thường giáng các tai nạn: lụt, hạn, ôn dịch, châu chấu, gió lốc, động đất... Thời tiết điều hòa, được mùa, nhân dân lạc nghiệp.

Lại thêm từ hòa, nhân nhượng tập quen thành thói. Dù có một hai kẻ ngu độn cũng sẽ biến thành hiền lành. Nếu thương xót kẻ quân tử trên xà nhà¹, hẳn sẽ dứt tuyệt vĩnh viễn thói trộm cắp; chu cấp cho đũa rình rập nhà kín, từ đây về sau nó sẽ trở thành người lành. Cổ nhân dùng nhân từ để cai trị, chân thành yêu dân, nên còn cảm hóa được cả dị loại. Các điều lành như: hồ chẳng vào nơi trần nhậm, cá sấu bỏ đi nơi khác... chép trong sử sách, nào phải chỉ có một chuyện! Nếu ai nấy thật sự có thể dùng lòng từ thiện cảm động nhau, quyết chẳng đến nỗi thường có các tai họa: thổ phỉ, đao binh, giầy xéo, cướp bóc!

❖ Nên biết rằng: Phật pháp lấy nhân quả báo ứng làm đạo nguyên thủy trọng yếu để hạ học, thượng đạt. Nay kẻ trên không giữ đạo, kẻ dưới chẳng tuân phép tắc, tàn hại lẫn nhau, lấy giết chóc làm vui, chỉ cốt sao thỏa thích ý mình, chẳng đoái quốc gia còn mất, dân tình thống khổ. Đây đều là do chẳng biết nhân quả báo ứng mà nên nổi. Tôi thường nói: *“Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian và xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh”*. Trong lúc này chẳng đề xướng sự lý nhân quả báo ứng, sanh tử, luân hồi, mà muốn thiên hạ thái bình, nhân dân an lạc, dù Phật, Tổ, thánh hiền cùng ra đời cũng chẳng biết làm sao được!

❖ Thế đạo suy sụp, lòng người bạc bẽo là do Nho Gia chẳng biết đạo là ở chỗ cung kính thực hành, cứ một bề đuổi theo cái ngon. Phàm đối với những nghĩa lý như khắc kỷ, giữ lễ, ngăn lòng tà, giữ lòng thành, họ chẳng cần biết đến, cứ lo thuộc lòng từ chương hòng làm cái vốn để tán thủ trong đời, khiến cho cái đạo khen ngợi, giáo hóa, dưỡng dục của thánh nhân trở thành ngôn ngữ để đầu đoạt

¹ Nguyên văn: “Lương thượng chi quân tử” (kẻ quân tử ở trên xà nhà) là thành ngữ chỉ kẻ trộm.

danh lợi. Đây thật là báng nhục thánh hiền, trái nghịch thiên địa đến cùng cực!

Do vậy, người đọc sách tâm chẳng hiểu nghĩa sách, thân chẳng hành theo đạo lý dạy trong sách. Người làm văn cứ phô diễn đạo lý hiểu dễ, trung tín, lễ nghĩa, liêm sỉ chẳng sót mảy may, nhưng xét đến ý nghĩ, việc làm, tuyệt chẳng có chút mảy may nào liên quan đến những điều ấy cả. Khác nào con hát diễn tuồng, khổ, sướng, vui, buồn, cố làm giống như thật, chứ thật sự ra những tâm trạng ấy chẳng mảy may liên quan gì đến chính mình cả! Thói tệ ấy đã nảy, dần dà biến thành quá mức.

Người có thiên tư quen thói cuồng vọng, then phải theo vết Nghiêu, Thuấn, Châu, Khổng, bèn muốn tiến lên, rút cuộc phé bỏ Kinh điển thánh hiền, sùng thượng Âu hóa. Một người đề xướng, trăm kẻ hùa theo, trở thành phong trào, đến nỗi những kẻ tiểu nhân hèn kém tầm thường muốn thỏa ý niệm mặc sức phóng túng không kiêng kỵ của mình, bèn vội vã đề xướng dẹp bỏ cương thường đạo lý gây trở ngại cho họ, muốn gấp rút thực hành chủ trương tệ hại gây hại lớn lao cho quần chúng, khiến dân không có pháp gì để an, đến nỗi thiên tai, nhân họa liên tục giáng xuống. Vận nước nguy ngập, dân không lẽ sống. Ví như đi đêm bỏ đuốc, vượt biển bỏ thuyền, lại mong chẳng bị té ngã, chìm đắm, há có được chẳng?

❖ Gần đây, thế đạo nhân tâm suy sụp, chìm đắm đến cùng cực. Thiên tai, nhân họa liên tục giáng xuống. Người biết lo cho đời, biết các nghiệp quả ấy đều do sát hại khởi lên. Nếu đã biết vật còn chẳng nên giết, quyết chẳng lẽ nào giết người. Do vậy, ai nấy ôm lòng từ thiện, nâng đỡ lẫn nhau, tự thay đổi được phong tục, chiêu cảm được thiên hòa vậy.

❖ Phải biết rằng phóng sanh chính là để ngăn ngừa giết chóc. Muốn tránh giết chóc thì phải bắt đầu bằng ăn chay. Nếu như ai nấy đều kiêng giết, ai nấy đều ăn chay thì nhà nhà tu tập từ thiện, người người tuân hành đề cao lễ nghĩa, phong tục thuần mỹ, khí hậu điều hòa, mùa màng sung túc, có đâu đến nỗi kiếp đao binh khởi, kẻ này người kia tàn hại lẫn nhau! Đây chính là nhiệm vụ căn bản trọng yếu, thanh tịnh đúng đắn để vãn hồi thiên tai, nhân họa. Phàm những ai muốn cửa nhà yên vui, thân tâm Khang Ninh, thiên hạ thái bình, nhân dân an lạc, xin hãy cầu nơi việc phóng sanh kiêng giết, ăn chay, niệm Phật thì cầu gì lại chẳng được!

❖ Gần đây, thiên tai nhân họa liên tiếp xảy ra quá đỗi, số người tử vong quá nhiều càng thảm. Há nào phải đạo trời bất nhân đâu, thật ra là do ác nghiệp trong bao kiếp và trong đời này chiêu cảm đó thôi. Tuyệt đối chẳng có chuyện không nhân lại được quả, cũng tuyệt đối chẳng có chuyện tạo thiện nghiệp lại bị quả ác! Chỉ vì tri kiến phàm phu chẳng thể biết rõ nhân duyên túc thế, nên tựa hồ có trường hợp lẽ ra chẳng đáng được nhưng lại được. Nếu có thể xem trọn nhiều kiếp, nhiều đời, sẽ thấy mỗi một quả báo thiện hay ác ta phải nhận đều như tiếng vọng đi theo âm thanh, như bóng theo hình, trọn chẳng sai khác!

❖ Nay thế đạo nhân tâm suy sụp, khuyết hãm đã đến cực điểm. Nếu chẳng dùng nhân quả, báo ứng, sanh tử, luân hồi và “hết thấy chúng sanh đều có Phật tánh, đều có thể thành Phật” để dạy dỗ, quyết khó lòng đạt được hiệu quả! Do một niệm tâm tánh của chúng ta bất biến tùy duyên, tùy duyên bất biến, hễ gặp tịnh duyên bèn chứng Tam Thừa và Phật pháp giới; gặp duyên mê nhiễm sẽ thành nhân thiên và tứ ác thú pháp giới. Dù mười pháp giới thăng trầm,

khổ vui khác xa nhau như trời với đất, nhưng tâm tánh vốn sẵn có ấy tại phàm chẳng giảm, tại thánh chẳng tăng.

Nếu hiểu kỹ nghĩa này, dù có táng thân mất mạng, quyết chẳng chịu bỏ đi tịnh duyên đã ngộ để theo đuổi nhiễm duyên đến nỗi luân hồi mãi mãi, chẳng thể thoát nổi! Vì thế, biết rằng các pháp: nhân quả, báo ứng, sanh tử, luân hồi v.v... chính là đại đạo trị cả gốc lẫn ngọn, là nguyên do của cả phàm lẫn thánh, là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian, xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh. Trong lúc này, nếu bỏ đi pháp này, dù Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Vũ, Châu, Khổng cùng ra đời, cũng chẳng làm gì được!

❖ Ba cõi chẳng yên, hết như nhà lửa, các khổ đầy dẫy thật đáng Kinh sợ! Chúng sanh ngu si dù chịu khổ lớn chẳng cầu xuất ly. Dù sẵn có Phật tánh, nhưng vì mê muội, trái nghịch, lại khởi Hoặc tạo nghiệp đến nỗi trải kiếp số như trần sa không cách nào giải thoát. Chẳng đáng buồn ư? Huống nay thế đạo, lòng người nguy hiểm, chìm đắm đến cùng cực, sát kiếp thâm từ xưa chưa từng nghe.

Lại thêm trào lưu tân học bác không nhân quả, chê những lời nghị luận đạo đức của thánh hiền là hủ bại, vu vơ, mặc tình đề xướng những ý kiến mình ước đoán. Kẻ quáng dẫn lũ mù, lôi nhau vào lửa, đến nỗi thiên tai, nhân họa liên tục giáng xuống. Lũ dân ngây ngô thật đáng thương xót. Bởi thế, những người có tâm lo cho đời bền mạnh mẽ phát đại chí muốn cứu giúp dân. Những nghiệp quả ấy đều do chỉ biết tự tư, tự lợi, chẳng biết nhân quả ba đời, thiện ác báo ứng, tưởng là người chết đi, thần thức liền diệt, chẳng có linh hồn tùy theo nhân duyên tội phước thọ sanh trong trời người hay đọa vào tam đồ, ác đạo!

Nếu thiện hay ác cũng đều bị diệt mất như nhau, lẽ nào chẳng tùy ý làm bất cứ chuyện gì cốt sao thân tâm khoái lạc ư? Do vậy, đối với những việc nghịch thiên trái lý, tổn người lợi mình, cùng với giết

hại sanh mạng cốt sao thỏa thích miệng bụng, bèn đua nhau tung bừa làm, chẳng e dè chi!

Nếu như biết đến nhân quả ba đời sẽ liền sợ phải thọ báo, chẳng dám móng khởi chút ý niệm, huống hồ là thực hành những việc ấy ư? Vì vậy, biết rằng: sự lý nhân quả ba đời, sanh tử, luân hồi do đức Phật ta giảng chính là huệ nhật trong đêm dài vô minh. Niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới chính là thuyền Từ trong biển khổ sanh tử. Muốn vãn hồi kiếp vắn, bỏ qua pháp này, không còn cách chi!

4. Giảng những điểm trọng yếu về việc giới sát

❖ Đại đức của trời đất là Sanh, đại đạo của Như Lai là Từ. Người, vật tuy khác, tâm tánh là đồng. Như Lai xem khắp cả tam thừa lục phạm đều như con một. Vì sao vậy? Do họ đều có Phật tánh, đều có thể thành Phật. Tam thừa hãy để đó. Lục phạm là trời, người, A-tu-la, súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục. Tuy có cao thấp khác nhau, khổ vui khác nhau, nhưng đều chưa đoạn được Hoặc nghiệp, chưa ra khỏi sanh tử. Phước trời nếu hết liền phải đọa xuống. Tội trong địa ngục nếu tiêu bèn lại sanh lên. Hết như bánh xe, hết lên cao lại xuống thấp.

Ta nay may được thân người, lẽ ra phải khéo léo bày cách để cứu giúp, thương tiếc sanh mạng loài vật, thể hiện đức hiếu sanh của trời đất, thể hiện lòng nhân trắc ẩn trong tâm ta. Ấy là vì các loài vật và ta cùng sống trong vòng trời đất, cùng hưởng sự sanh trưởng, dưỡng dục của trời đất. Lại cùng biết tham sống, cùng biết sợ chết. Người có lòng nhân đối với xương khô còn nhặt lấy đem chôn, đối với cỏ cây còn để mọc dài chẳng chặt, nào chịu vì sướng bụng miệng mà khiến cho các loài vật trên cạn, dưới nước phải chịu nỗi khổ cắt, xẻ, nung nấu ư?

Phải biết rằng các loài vật từ vô thủy đến nay cũng từng ở địa vị cao sang, tôn quý, oai quyền hiển hách, chẳng biết mượn oai quyền để ban bố ân đức; trái lại cậy quyền tạo nghiệp, khiến cho ác nghiệp chất chứa như rừng, đọa trong dị loại. Miệng chẳng nói được, tâm không suy nghĩ, thân không tài khéo nên mắc phải nạn này. Tuy thịt mềm bị cưỡng ăn là chuyện đã đành, nhưng oán hận đã kết, há chẳng đòi đòi kiếp kiếp lo báo thù cái oán niệm này chăng?

Ví dù con người chẳng nghĩ đến nỗi khổ của những con vật bị giết, lẽ nào chẳng sợ oán nghiệp kết sâu, thường bị chúng giết lại hay sao? Lại chẳng sợ tàn hại loài vật của trời, trời sẽ đoạt mất phước thọ của mình hay sao? Người nào mong cho quyền thuộc đoàn tụ, thọ mạng dài lâu, thân tâm yên vui, các duyên như ý, rất nên phát tâm đại bi, thực hành phóng sanh, khiến cho thiên địa quý thần thấy đều thương xót tấm lòng thành thương loài vật của ta sẽ khiến cho những điều mình mong mỗi được thành tựu.

Nếu cậy mình có tiền tài, mình có trí lực, bày ra đủ cách bắt lấy các con vật hòng thỏa mãn bụng miệng mình, chẳng kể đến nỗi thống khổ của chúng, há còn đáng gọi là con người đứng cùng với trời đất thành tam tài chăng? Nhưng ta với chúng cùng trong sanh tử từ vô thủy đến nay, cố nhiên chúng đều là cha, mẹ, anh, em, thê thiếp, con cái của mình, mình cũng là cha mẹ, anh em, thê thiếp, con cái của chúng. Mỗi con vật ấy trong khi làm người hoặc lúc trong dị loại, từng bị ta giết; ta cũng trong lúc làm người, hoặc trong lúc làm dị loại, từng bị chúng giết. Làm kẻ oán, người thân, sanh ra nhau, giết hại nhau.

Lặng im suy nghĩ, thẹn chẳng muốn sống nữa! Hãy gấp rút sửa đổi, hối hận, vẫn còn là chậm, hướng hồ cứ quen thói cũ, vẫn chấp mê tình, cho rằng trời sanh ra dị loại vốn là để làm thức ăn cho con người ư? Ta vẫn còn đầy đủ Hoặc nghiệp nên không cách nào thoát ra ngoài luân hồi được. Vạn nhất, chúng nó tội đã diệt, lại sanh làm

người, thiện căn phát sanh, nghe pháp tu hành, đoạn Hoặc chứng Chân, đạt thành Phật đạo. Nếu ta đọa lạc, còn mong chúng sẽ rủ lòng từ cứu viện ngõ hầu lìa khổ được vui, chứng được Phật tánh. Há nên cậy vào sức mạnh một thời để đạt [cái khổ] bao kiếp dài lâu không được cứu vớt chăng?

❖ Phải biết: Người cùng loài vật cùng mang cái thân huyết nhục này, cùng có tánh linh tri, cùng sanh trong vòng trời đất. Chỉ do đây kia tội phước bất đồng, đến nỗi đời này hình chất thông linh hay ngu xuẩn sai khác. Cậy ta mạnh hiếp loài yếu, dùng thịt chúng nó no đầy bụng mình, khoái lòng thích chí, cho đó là phước báo. Chẳng biết rằng một khi phước lực đã tận, nghiệp báo hiện tiền, lúc bị người giết chóc, thân chẳng kháng cự lại được, miệng chẳng nói nổi, trong lòng buồn sợ, đau đớn, khổ sở, mới biết chuyện ăn thịt là một tội vạ lớn vậy.

Người ăn thịt đúng là La Sát, dù chẳng giết người để ăn thịt cũng không được. Vì thế, Kinh Lăng Nghiêm nói: *“Do người ăn dê, dê chết thành người, người chết thành dê. Như thế cho đến mười loại sanh vật. Chết chết, sống sống, ăn nuốt lẫn nhau, ác nghiệp cùng sanh đến cùng tội đời vị lai”*.

Lại còn nhiều kiếp đến nay sanh ra lẫn nhau. Đã không có đạo lực để cứu tế, nỡ nào để chúng nó bị đao xẻ cực khổ, hòng miệng lưỡi mình hưởng vị ngon chẳng? Trong Kinh Nhập Lăng Già, đức Thế Tôn bao lần quở trách chuyện ăn thịt. Có đoạn chép: *“Hết thấy chúng sanh từ vô thủy đến nay ở trong sanh tử luân hồi chẳng ngơi. Không ai chẳng từng làm cha mẹ, anh em, quyến thuộc nam nữ cho đến bằng hữu thân ái, kẻ hầu. Qua đời khác, phải thọ các thân chim, thú... sao lại dùng chúng nó để ăn?”* Phàm những ai sát sanh ăn thịt,

nếu nghĩ đến điều này, ắt sẽ giết mình Kinh sợ, tỉnh ngộ, thà tự giết mình, chẳng thể giết hết thầy loài vật nữa!

❖ Ta cùng hết thầy chúng sanh đều trong luân hồi; từ vô thủy đến nay thay phiên sanh ra nhau, lần lượt giết nhau. Cố nhiên ai nấy đều từng là cha mẹ, anh em, chị em, con cái của chúng ta, ta cũng từng là cha mẹ, anh em, chị em, con cái của mỗi kẻ đó. Cố nhiên, bọn họ do sức ác nghiệp trùng trùng ở trong loài người hoặc trong dị loại bị ta giết hại, ta cũng do sức ác nghiệp trùng trùng ở trong loài người hoặc trong dị loại bị chúng giết hại. Trải kiếp dài lâu, sanh ra nhau, giết lẫn nhau, trọn chẳng ngừng nghỉ. Phàm phu chẳng biết, Như Lai thấy thấu triệt. Chẳng nghĩ thì thôi, hễ nghĩ đến, hổ thẹn, đau xót khôn ngăn!

Ta nay may nhờ phước thiện đời trước sanh trong loài người, tất nhiên nên giải trừ oán hận, tháo mối trói buộc, kiêng giết, phóng sanh, khiến cho hết thầy những loài có sanh mạng ấy đều được yên ổn. Lại còn vì chúng nó niệm Phật hồi hướng Tịnh Độ khiến chúng được độ thoát. Nếu như chúng nó nghiệp nặng chẳng được sanh ngay, nương vào công đức từ thiện này, chắc chắn khi lâm chung sẽ vãng sanh Tây Phương. Đã vãng sanh rồi, liền được siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi, dần dần chúng được Phật Quả.

Vả nữa, thương yêu loài vật, phóng sanh, cổ thánh tiên hiền đều làm chuyện ấy. Vì thế, Kinh Thư chép chim, thú, cá, ba ba đều cảm mến Văn Vương. Văn Vương thương xót cả xương khô, hướng hồ gì loài vật có tri giác! Còn như Giản Tử thả chim bồ câu, Tử Sản nuôi cá, Tùy Hầu cứu rắn, Dương Bảo thả chim sẻ. Đây là do tấm lòng nhân bình đẳng của thánh hiền, chứ họ nào biết đến nghĩa lý: mỗi loài hàm linh xuân động đều có Phật tánh, lần lượt thăng trầm, làm kẻ oán, người thân lẫn nhau, tương lai quyết định thành Phật.

Mãi đến khi đại giáo truyền sang Đông, lý nhân quả ba đời, chúng sanh - Phật - tâm bình đẳng vô nhị mới được sáng rực trong đời. Phàm là bậc đại thánh, đại hiền, không ai là chẳng kiêng giết, phóng sanh, hòng vãn hồi sát kiếp, hòng bồi đắp phước quả, dứt đao binh hầu làm nền tảng cho ngày tháng an vui. Cổ nhân nói: *“Dục tri thế thượng đao binh kiếp; tu thánh đồ môn bán dạ thanh”* (Muốn biết binh đao trên cõi thế, lò mổ nên nghe tiếng giữa đêm). Lại nói: *“Dục đắc thế gian vô binh kiếp, trừ phi chúng sanh bất thực nhục”* (Muốn cho thế giới thái bình, trừ phi nhân loại đồng tình ăn chay). Do vậy, biết rằng kiêng giết, phóng sanh chính là kế sách tốt lành nhỏ sạch rẽ, lấp tận nguồn để cứu đời vậy.

❖ Nếu nói: “Kẻ quan, quả, cô, độc¹, bản cùng hoạn nạn đâu đâu cũng có, sao chẳng chu cấp cho họ, cứ khăng khăng lo cho bọn dị loại chẳng quan hệ chi với mình? Chẳng phải là đảo lộn chuyện hoãn - gấp, nặng - nhẹ ư?” Đáp rằng: Ông chưa biết nguyên do đức Như Lai dạy người kiêng giết, phóng sanh. Người và vật tuy khác, Phật tánh vốn đồng. Chúng do ác nghiệp đắm chìm trong dị loại, ta do thiện nghiệp may được làm thân người; chẳng tăng thêm lòng lân tuất, lại còn mặc sức ăn nuốt. Một mai phước ta đã hết, tội chúng nó đã tận, khó tránh bị nắm đầu đèn nợ, no thỏa bụng miệng chúng.

Phải biết rằng: đao binh đại kiếp đều do sát nghiệp đời trước cảm thành. Nếu không có sát nghiệp, dù thân gặp phải giặc cướp, chúng sẽ khởi tâm lành, chẳng chém giết mình. Huống hồ là đối với những tai nạn ngang trái: ôn dịch, nước lửa... người kiêng giết, phóng sanh, tuyệt ít gặp phải. Vì thế, biết rằng: bảo vệ loài vật vốn là để bảo vệ mình, kiêng giết mới hòng khỏi bị trời giết, quỷ thần giết, đạo tặc giết, vị lai oan oan tương báo giết.

¹ **Quan, quả, cô, độc:** quan là góa vợ, quả là góa chồng, cô là không cha mẹ, độc là không con cái.

Đối với kẻ quan, quả, cô độc, bần cùng, hoạn nạn, cũng nên tùy phần tùy sức chu cấp, chứ nào phải người kiêng giết phóng sanh tuyệt chẳng thực hiện công đức ấy! Nhưng những kẻ quan, quả... dù thật đáng thương xót, vẫn chưa đến nỗi lâm vào tử địa. Loài vật nếu chẳng được cứu chuộc ngay, sẽ lập tức phải lên chảo, thót để thỏa miệng bụng con người.

Lại còn có kẻ nói: Loài vật vô tận, phóng sanh được mấy? Đáp: Phải biết rằng, một việc phóng sanh chính là để khiến đồng nhân phát khởi thiện tâm tối thắng cứu giúp khắp sanh mạng loài vật, mong họ thể nhận được cái ý gấp thả, trong tâm động lòng xót thương, chẳng nỡ ăn nuốt. Đã chẳng ăn nuốt sẽ thôi săn bắt. Vậy thì hết thấy loài vật bay trên không, bơi dưới nước sẽ tự tại bay, chạy, bơi lội trong nơi sanh sống của chúng, tức là chẳng phóng sanh mà phóng sanh khắp cả, đây chẳng phải là cả thiên hạ trở thành một cảnh hay sao?

Dù không phải ai cũng làm được như vậy, nhưng một người chẳng nỡ ăn thịt đã có vô lượng sanh mạng loài vật trên cạn, dưới nước khỏi bị tàn sát; huống hồ nào phải chỉ có một người [không nỡ ăn thịt] thôi ư? Lại vì hết thấy đồng nhân trong hiện tại, vị lai, dứt trừ cái nhân quan - quả - cô - độc, bần cùng, hoạn nạn, tạo cái duyên trường thọ, không bệnh, phú quý, yên vui, cha con xum họp, vợ chồng giai lão.

Đây chính là thực hiện sự chu cấp, giúp đỡ sẵn, để đòi đòi, kiếp kiếp trong vị lai vĩnh viễn chẳng có những nỗi khổ quan quả... hưởng thọ dài lâu những sự vui: trường thọ v.v... há chẳng đáng gọi là khiến cho khắp hết thấy đều được hưởng phước ư? Há nên thờ ơ bỏ qua? Ông nghĩ kỹ đi: kiêng giết phóng sanh, rốt ráo chính là khẳng khái vì con người, nào phải cứ cấm đầu lo cho loài vật, đảo lộn chuyện hoãn - gấp, nặng - nhẹ đâu!

❖ Một niệm tâm tánh của hết thầy chúng sanh và một niệm tâm tánh của tam thể chư Phật trọn chẳng phải hai. Nhưng do mê chưa ngộ nên bao kiếp dài lâu luân hồi trong lục đạo, mãi không ngừng nghỉ. Tuy đường lành trời người so với tam đồ ác đạo khổ vui khác xa nhau, nhưng đều là thuận theo nghiệp lực thiện ác cứ luân hồi mãi! Thiện đạo chẳng đáng tin cậy, ác đạo thật đáng sợ. Há chẳng nên vun bồi nhân lành, cứ tạo càn ác nghiệp, cứ cậy mình mạnh, hiếp đáp kẻ yếu, bắt lấy hết thầy chúng sanh trên cạn, dưới nước giết ăn chẳng?

Trước kia, khi Phật giáo chưa truyền sang, thánh nhân Nho giáo đều dùng luân thường thế gian để giảng dạy. Đối với Phật tánh sẵn có của chúng ta và sự chuyển biến, thăng trầm, luân hồi lục đạo, cũng như chuyện đoạn Hoặc, chứng Chân, siêu phàm, nhập thánh, dù là Lý hay Sự đều chưa giảng ra. Vì thế chẳng cấm giết, nhưng cái tâm bất nhẫn đã nêu tỏ lăm ròi trong các lời dạy để lại cho đời.

Chẳng hạn như, Kinh Thư nói chim, thú, cá, ba ba đều quyền luyến, sách Luận Ngữ nói thả câu nhưng chẳng vãi chài, chẳng bán ban đêm. Mạnh Tử thấy sống, không nỡ thấy chết; nghe tiếng chẳng nỡ ăn thịt. Kinh Lễ chép: Chư hầu chẳng vô cớ mổ trâu; đại phu chẳng vô cớ giết dê, kẻ sĩ chẳng vô cớ giết chó, lợn; thứ dân chẳng vô cớ ăn món ngon. “Món ngon” chính là thịt vậy.

Đủ thấy rằng: đối với việc sát sanh, Nho Giáo cũng chẳng phải không hạn chế vậy, chỉ là quyền biến để dạy dỗ, chứ chưa thể vĩnh viễn cấm hẳn được. Có duyên có mới giết, cố nhiên kẻ giết cũng ít. Vô cớ chẳng ăn thịt thì trong một năm ăn thịt được mấy ngày? Hậu thế, sự giáo hóa suy đồi, quen thói tàn nhẫn, bèn coi chuyện ăn thịt như chuyện cơm bữa trong nhà, chỉ cốt sao khoái khẩu, chẳng biết đến nỗi khổ của loài vật.

Đến khi Phật giáo truyền sang Đông thì chân lý, sự thật thường trụ vĩnh viễn “hết thầy chúng sanh đều có Phật tánh” và “mê thì luân

hồi sanh tử, trọn không lúc nào xong”, “ngộ thì triệt chứng Niết Bàn” mới được xiển minh rõ ràng. Mới biết rằng các dị loại này nọ đều là cha mẹ trong quá khứ, là chư Phật trong vị lai. Chẳng những chẳng dám giết ăn, lại còn mong cho chúng nó đều được sống yên ổn. Do vậy, vua thánh, tôi hiền, bậc triết sĩ, bậc hồng nho, đa phần đều kính tuân lời Phật giáo huấn, tài bồi lòng nhân của chính mình. Hoặc là ăn chay, bỏ hẳn ăn mặn, hoặc là kiêng giết, phóng sanh. Những lời lẽ tốt lành, hành vi hay đẹp ấy được chép trong các sử sách cũng chỉ là để mong người đời sau cùng tu tâm từ, thương xót loài vật, cùng thấy Phật tánh.

Do ác nghiệp nhân duyên,ọa trong đường súc sanh. Ta nay may được sanh trong loài người, nếu chẳng tăng thêm lòng lân tuất, cứ mặc tình sát hại, khó tránh đời sau oan oan tương báo. Kinh Lăng Nghiêm nói: *“Giết thân mạng chúng, hoặc ăn thịt chúng, trải vì trần kiếp ăn lẫn nhau, giết lẫn nhau giống như bánh xe lăn, hết lên cao lại xuống thấp, chẳng có lúc ngừng. Trừ Xa-ma-tha và lúc Phật xuất thế, chẳng thể ngưng nghỉ được”*.

Nhưng đạo Xa-ma-tha thật chẳng dễ đắc, Như Lai xuất thế cũng khó gặp gỡ, dám đâu chẳng học theo gương tiên hiền, chẳng tuân lời Phật dạy. Suy cái tâm sợ chết của mình mà cứu vớt loài đọa bị nấu nướng kia để mong tiêu trừ túc nghiệp, vun bồi căn lành, dứt vĩnh viễn cái nhân sát hại, cùng chứng quả trường thọ vậy!

❖ Hết thấy chúng sanh đều có Phật tánh, đều là cha mẹ quá khứ, là chư Phật vị lai. Lập cách cứu giúp còn e chưa kịp, há nên để thỏa miệng bụng mình, bèn giết hại thân xác chúng nó ư? Phải biết rằng các loài vật bay trên không, lặn dưới nước đều có cái tâm linh minh giác tri, nhưng vì túc nghiệp sâu nặng đến nỗi hình thể khác xa, miệng chẳng nói được. Xem tình cảnh chúng đi tìm cái ăn, tránh né cái chết, sẽ nhận ra chúng có khác gì con người đâu!

Chúng ta nhờ sức tức phước, may được làm người, tâm có trí lự, phải nên luôn nghĩ đến dân chúng và loài vật cùng [sinh từ] một bọc cha trời, mẹ đất, mới chẳng phụ bạc cái lễ con người đứng cùng trời đất thành tam tài vậy! Do cùng được trời đất sanh thành, nuôi nấng, phải mong cho mọi người cùng loài vật đều được sống yên ổn, cùng được trời che, đất chở, cùng vui ngày tháng mới phải. Nếu như chẳng hiểu thấu cái đức hiếu sanh của trời đất, buông lung ý niệm tham ăn tục uống của chính mình, cậy mình khỏe, hiếp kẻ yếu, ăn thịt nó để no đầy bụng mình, ắt đến ngày nào đó, tức phước đã hết, sát nghiệp hiện tiền, muốn chẳng thay đầu, đổi mặt, bị chúng nó ăn, giết trở lại, há có được chẳng?

Vả nữa, ăn thịt có chất độc, do lúc chúng bị giết tâm oán hận kết lại. Bởi thế, khi ôn dịch lưu hành, người ăn chay rất ít người bị nhiễm phải. Hơn nữa, thịt là vật uế trược. Ăn vào máu sẽ bẩn, tinh thần tối tăm, thấy mạnh mẽ ngay đó, nhưng hiệu quả tan đi rất nhanh, rất dễ tạo thành đầu mối cho bệnh tật. Rau cỏ là vật thanh khiết, ăn vào khí thanh, trí rạng, khỏe mạnh lâu, già chậm, có nhiều chất bổ. Tuy đây là lời bàn thông thường về phép vệ sinh, nhưng thật sự là lời luận cùng tột về tánh. Do thói quen kéo dài đến nỗi mê man chẳng tỉnh.

Phải biết rằng: người nhân ắt thương yêu loài vật. Người giết loài vật quyết khó thể là người có lòng nhân, do tánh quen khiến thành như thế. Vì vậy, thánh vương trị thế, chim thú cá, rùa đều sung sướng. Đạo sáng dạy dân thì gây nhựa dính, ná bắn đạn đều bỏ sạch. Thử nghĩ: Từ xưa đến nay, phạm là kẻ tàn nhẫn tham ăn tục uống, phần nhiều dòng dõi bị tuyệt diệt. Người nhân ái tử tế, con cháu ắt hưng thịnh. Kẻ khởi đầu thói ác, Khổng Tử đoán nó vô hậu; kẻ mặc sức ăn thịt, Như Lai dự ký ắt phải đền trả. Xin chớ nói suông xa lánh

bếp núc¹, đây chỉ là cách nói quyền biến thuận theo thế tục, phải vĩnh viễn dứt hẳn đồ hôi tanh thì mới là xứng lý thật nghĩa.

❖ Tâm tánh chúng sanh giống hệt như Phật. Do nghiệp thiện - ác, báo phân ra người, thú. Người có trí huệ, thú không tài khéo. Cây mạnh hiếp yếu, giết để ăn thịt. Làm con trong nhà người ta chẳng ngoài [lý do đã] thiếu nợ nặng. Huống hồ giết thân mạng chúng chỉ cốt sướng miệng, oán hận cố kết, trải bao kiếp đòi nợ lẫn nhau. Thử nghĩ đến điều ấy, trong tâm đau thương.

❖ Nguyên hết thảy chúng sanh trên cạn, dưới nước, không một loài nào chẳng biết đón đau, khổ, vui, không một loài nào chẳng biết tham sống sợ chết, nhưng không con vật nào chẳng phải là cha mẹ, anh em, chị em, vợ con, bạn bè, thân quyến trong vô lượng kiếp của ta. Lại không có một loài nào chẳng thể trong đời vị lai, gieo sâu thiện căn, tu trì Tịnh Nghiệp, đoạn Hoặc chứng Chân, viên thành Phật đạo. Chỉ vì túc thế ác nghiệp, phải đọa trong dị loại.

Vì thế phải nên sanh lòng thương xót sâu xa, hộ trì chúng, khiến mỗi con vật đều được sống yên vui, há nên cây mạnh hiếp yếu, hoặc dùng trí đoạt lấy, hoặc dùng tiền của đoạt lấy, khiến hết thảy bọn chúng bị dồn vào miệng bụng mình? Tuy chúng nó sức chẳng chống chọi được, tâm đã kết mối hận đắng dặc; cho nên đòi đòi, kiếp kiếp xoay vần giết nhau. Sướng miệng bụng một lúc, giết thân mạng nhiều kiếp. Sánh với chuyện tự giết mình còn khốc liệt gấp bội! Sao lại khổ sở làm chuyện chuốc lấy ương họa này, há có phải là ngu mê đến cùng cực chẳng?

Xưa nước Lỗ có hai gã dũng sĩ, chỉ nghe tên nhau chứ chưa gặp mặt. Một bữa gặp nhau, mua rượu cùng uống. Một gã bảo: “*Không*

¹ Trong nhà Nho hay có câu: “Quân tử viễn trù” (quân tử nên tránh xa bếp núc). Ở đây, Tổ quả người học Nho chỉ nói suông “xa lánh bếp núc”, nhưng vẫn tham ăn tục uống.

có thịt chẳng vui, hãy đi mua thịt!” Gã kia bảo: *“Thịt của tôi với anh đây, còn tìm đâu nữa!”* Gã thứ nhất bảo ý kiến ấy rất hay, bèn trần áo xẻ thịt mình, hai bên cùng ăn. Kẻ kia lại cắt thịt mình, đưa cho bạn ăn. Dương dương tự đắc, bảo là tình bạn chúng ta tình ý chân thật tốt bậc. Vừa cắt vừa ăn mãi cho đến chết. Những người trông thấy đều than: *“Hai gã ngu!”*

Do vì ăn thịt, người đời tạo các sát nghiệp đến nỗi bao kiếp xoay vần giết hại lẫn nhau. So với hai gã dưng sĩ kia càng khốc liệt hơn! Do không mắt huệ, chẳng biết hậu báo, lại coi là chuyện đắc ý để khoe khoang, kiêu hãnh, chê kẻ ăn chay là mê tín cùng là bạc phước. Thế tục tán thành, nào biết là sai!

Vì thế, trong các Kinh Đại Thừa Phạm Võng, Lăng Nghiêm, Lăng Già v.v... đức Như Lai đã cực lực phơi bày cái họa sát sanh ăn thịt, có thể nói là lòng chân từ đại bi nhỏ rể lấp nguồn vậy. Gần đây, sát kiếp thảm khốc, thiên cổ chưa từng nghe, lại còn các tai vạ: nước, lửa, tật dịch, gió lốc, động đất, hạn hán, lụt lội... thành linh xảy ra. Nói chung đều là do sát nghiệp duyên khởi đến nỗi thế đạo, nhân tâm càng ngày càng thấp. Do vậy, thiên tai, nhân họa liên tiếp xảy ra, như đứng trước tấm gương, chẳng thể tránh khỏi bị soi bóng.

❖ Thế tục mê hoặc, coi ác là thiện, coi tạo nghiệp là tu phước, [kẻ như vậy] rất nhiều. Điều mắt nhìn thấy thăm, lòng thấy xót xa nhất không gì bằng chuyện cúng tế quỷ thần. Phú quý đại gia luôn giết con vật lớn để tế: một mặt để cầu được nhiều phước, một mặt để phô phang mình giàu có. Còn những nhà nghèo khó cũng phải giết gà, giết vịt để cầu thần thường bảo hộ, khiến cho phước thọ tăng thêm, lâu dài hơn, mọi việc đều như ý.

Chẳng biết thiên địa lấy hiếu sanh làm đức, quỷ thần lấy thiên địa làm chủ tế các sự, há chẳng phải là tâm ấy trái thiên nghịch địa ư? Vì hưởng một kỳ tế lễ của ta khiến cho vô số sanh mạng cùng chịu

nổi khổ cắt xẻ, ông thần ấy còn đáng gọi là một vị chánh thần thông minh, chánh trực, thương thiện, phạt ác nữa chẳng? Nguyên do là bọn ngu phu tham ăn, chỉ mượn danh quỷ thần, giết thú lớn, vật nhỏ, cốt sao thỏa thích bụng miệng, quen dần thành thói, chẳng biết là đã tạo đại ác nghiệp!

Bảo là cúng quỷ thần, thần có ăn đâu? Huống hồ đã gọi là thần, ắt phải vâng giữ đức thông minh, chánh trực, ắt phải chuẩn theo việc thiện hay ác mà giáng phước hay gieo vạ. Há phải đâu ai sát sanh cúng bái mình, dù nó làm ác vẫn cứ giáng phước; kẻ nào chẳng sát sanh cúng tế mình, dù có làm thiện cũng cứ gieo vạ ư? Nếu vậy, tâm hạnh của ông thần ấy có khác gì tâm hạnh của bọn tiểu nhân vô lại nơi chợ búa đâu? Làm sao xưng là ông thần thông minh, chánh trực được nữa? Đã là một vị thần thông minh, chánh trực, chắc chắn chẳng vì thói yêu tà, quỷ quái này mà chẳng tuân thủ đạo đức, nhân nghĩa!

❖ Người đời chỉ biết ăn thịt là ngon, bèn vì ý niệm tham cầu thứ hôi thối, tanh tươi ấy, cho rằng thần thánh cũng giống như vậy. Từ đấy kẻ nọ người kia bắt chước nhau, chẳng biết là trái. Ví như giò lụa ăn phân, nghĩ thiên tiên cũng phải tham ưa vị ngon này, bèn thường muốn dâng lên để cầu được ban thưởng phước khánh!

Những con vật bị giết kia phần nhiều đều là những kẻ trong đời trước sát sanh cúng tế quỷ thần ngộ hầu chính mình có dịp ăn thịt, nay phải đền trả quả báo sát sanh khi ấy. Thế nhưng hết thấy kẻ ngu nghe nói đến chuyện sát sanh tế thần bèn vui mừng, hớn hở, coi đấy là chuyện làm phước, chẳng biết tương lai sẽ phải biến thành những giống vật ấy. Lúc bị người giết, có miệng chẳng nói được, không cách nào thoát khỏi.

Huống những ai đã thâm nhập Phật pháp, đã thọ đại giới nhà Phật, là bậc cao nhân lỗi lạc suốt đời ăn chay, do ham muốn ăn thịt

bền vô có bịa chuyện, giết vô số sanh mạng để cúng tế. Cái tội nghịch trời, trái lý, dối thánh, khinh hiền ấy khiến cho đời đời kiếp kiếp sẽ mãi mãi làm các loài vật bị giết chóc ấy, há chẳng đáng buồn bã lắm sao?

❖ Người đời mắc bệnh cùng bị những tai nạn nguy hiểm, chẳng biết niệm Phật tu thiện, lại làm lạc cầu đảo quỷ thần, đến nỗi sát hại sanh mạng. Nghiệp tăng thêm nghiệp, thật đáng thương xót! Người sống trong đời có những cảnh duyên gì, đa phần là do túc nghiệp.

Đã mắc bệnh khổ, nên niệm Phật tu thiện, sám hối túc nghiệp, nghiệp tiêu bệnh sẽ lành. Hạng quỷ thần kia chính họ còn đang trong biển nghiệp, sao có thể tiêu nghiệp cho người khác được? Dù là vị chánh thần có đại oai lực đi nữa thì oai lực của vị ấy so với oai lực của Phật, Bồ Tát khác chi lửa đom đóm sánh với ánh sáng mặt trời! Đệ tử Phật chẳng hướng về Phật, Bồ Tát cầu đảo, lại hướng về quỷ thần cầu đảo, chính là tà kiến, chính là trái nghịch lời Phật dạy. Không thể không biết điều này!

Thêm nữa, hết thấy chúng sanh đều là cha mẹ quá khứ, là chư Phật vị lai, lẽ ra nên kiêng giết, phóng sanh, yêu tiếc mạng sống loài vật, chớ nên theo tri kiến thế tục, cho rằng dâng thức ngon lành lên cha mẹ mới là hiếu. Kẻ chưa nghe Phật pháp chẳng biết sự lý luân hồi lục đạo, lầm tưởng đây là hiếu, còn tha thứ được. Chứ nếu là người đã nghe Phật pháp, giết phụ mẫu, thân thuộc quá khứ để phụng dưỡng cha mẹ hiện tại và dùng trong tang tế v.v... chẳng những chẳng phải là hiếu đạo, mà còn thành ngỗ nghịch nữa!

Bởi vậy, do nghe nghĩa để chân thật của Phật pháp, những người thông đạt đều chẳng chịu làm theo những pháp quyền tạm của thế tục. Bởi những pháp tạm bợ ấy chỉ thuận theo mê tình thế tục mà lập, chẳng phải là đạo thấy thấu suốt nhân quả ba đời của đức Như Lai vậy!

❖ Trong các ác nghiệp, chỉ có sát nghiệp là nặng nhất. Khấp dưới gầm trời, không một ai chẳng tạo sát nghiệp. Dù cả đời chẳng sát sanh, nhưng hằng ngày ăn thịt tức là hằng ngày sát sanh! Bởi chẳng giết, chắc chắn chẳng có thịt! Kẻ mổ thịt, kẻ săn bắt, kẻ đánh cá đều là để cung cấp cho nhu cầu của người ăn thịt, họ giết hại thay cho mình.

Nhưng một ả ăn thịt - ăn chay thật sự là nguyên nhân chẳng nhỏ khiến chúng ta thăng hay trầm, thiên hạ bình trị hay loạn lạc vậy. Những ai yêu thân mình và yêu thương khắp cả mọi người trên cõi đời, muốn được trường thọ, an lạc, chẳng mắc phải tai họa ngoài ý muốn, phải lấy việc kiêng giết, ăn chay làm điều pháp bậc nhất để vãn hồi thiên tai, nhân họa.

Một niệm tâm tánh của hết thảy chúng sanh chẳng khác với chư Phật, cũng chẳng khác với một niệm tâm tánh của chúng ta. Chỉ vì tức thế ác nghiệp đọa vào dị loại; vì thế, phải sanh lòng thương xót lớn lao, lẽ đâu mặc sức giết chóc? Người đời vô tri bị tập tục trói chặt, thường coi sát sanh ăn thịt là vui, chẳng nghĩ đến các con vật bị giết ôm nỗi thống khổ, oán hận như thế nào!

Cây mạnh hiếp yếu, coi là chuyện đương nhiên; một khi đao binh khởi lên, tình cảnh khác gì những con vật bị giết. Đốt cháy nhà cửa người, hãm hiếp vợ con người, cướp tiền tài của người, giết thân mạng người, người vẫn chẳng dám dùng lời ác chửi nó vì sức chẳng chống chọi lại được. Loài vật bị giết cũng vì chẳng có sức chống cự lại được; nếu nó kháng cự được, tất nhiên nó sẽ cắn xé kẻ toan giết nó đến cùng. Sao không đối với cảnh khổ ấy, hãy thử nghĩ lại xem!

Loài vật cùng ta đều tham sống sợ chết. Ta đã có trọn vẹn cái thể chất đội trời đạp đất này, lẽ ra phải nên hỗ trợ đất trời sanh thành, dưỡng dục, khiến cho các loài chim, thú, cá, rùa kia đều sống yên vui. Nỡ nào giết thân mạng chúng để vui sướng bụng miệng mình ư? Do sát nghiệp có kết đến nỗi phát sanh cái họa đao binh do người

gây ra và các thiên tai: nước, lửa, hạn, lụt, đói kém, tật dịch, gió lốc, địa chấn, biển trào, sông ngập v.v... nối tiếp nhau giáng xuống.

Giống như biếu quà cuối năm, ta biếu quà đi, người biếu quà lại, quyết chẳng bao giờ biếu đi chẳng được biếu lại, hoặc chỉ nhận quà chứ không biếu trả. Nếu có trường hợp như vậy, tất nhiên phải có nhân duyên nào khác ngăn trở, chứ thật ra đều chẳng ngoài chuyện qua lại, đáp tạ cả. Trời thưởng phạt cũng giống như thế, hưởng hờ là chuyện báo đền giữa con người? Vì thế, Kinh Thư viết: *“Làm lành giáng xuống trăm điều tốt lành; làm việc chẳng lành, giáng xuống trăm điều họa ương”*. Kinh Dịch chép: *“Nhà tích thiện ắt sự vui có thừa, nhà chứa điều bất thiện, ắt tai ương có thừa”*. Đạo trời ưa xoay vần, không có gì qua mà chẳng lại! Muốn tránh khỏi ác quả, phải đoạn ác nhân trước đã. Muốn được thiện quả, phải trồng thiện nhân trước đã! Đây là lẽ rõ ràng của lý trời, tình người vậy!

HẾT PHẦN 4

PHẦN 5

VI. PHÂN ĐỊNH GIỚI HẠN GIỮA THIỀN VÀ TỊNH

❖ Thiền và Tịnh lý vốn không hai. Nếu luận về Sự Tu thì tướng trạng [của hai pháp này] khác xa nhau. Thiền nếu chẳng triệt ngộ, triệt chứng sẽ chẳng thể siêu xuất sanh tử. Vì thế, tổ Quy Sơn nói: *“Do chánh nhân đốn ngộ sẽ dần dần thoát trần. Nếu đời đời bất thoái sẽ quyết định có lúc thành Phật”*. Ngài còn nói: *“Sơ tâm do duyên đốn ngộ tự tánh, nhưng vẫn chưa thể diệt sạch ngay tức khắc tập khí trong bao kiếp từ vô thủy. Vì thế phải dạy họ trừ sạch nghiệp thức hiện đang lưu chuyển”*.

Ngài Hoằng Biện nói: *“Đốn ngộ tự tánh thì [sở ngộ] giống hết chư Phật, nhưng chưa thể trừ sạch ngay được vô thủy tập khí, nên phải tốn công đối trị mới hòng thuận tánh khởi dụng. Như người ăn cơm, chẳng thể ăn một miếng liền no ngay được!”* Ngài Trường Sa Sầm nói: *“Thiện tri thức trong thiên hạ chưa chứng được quả Niết Bàn là vì công đức chẳng bằng chư thánh vậy!”* Vì thế, Ngũ Tổ Giới sanh làm Tô Đông Pha, Thảo Đường Thanh thân sau làm Lỗ Công. Cổ kim tông sư triệt ngộ nhưng chưa triệt chứng phần nhiều đều như vậy. Ấy là do chỉ cậy vào tự lực, chẳng cầu Phật gia bị, hễ Hoặc nghiệp còn mảy may chưa tận sẽ nhất định chẳng thể thoát khỏi sanh tử được!

Về phân Tịnh Độ, hễ đầy đủ ba thứ Tín - Nguyện - Hạnh liền có thể đới nghiệp vãng sanh. Một khi đã vãng sanh sẽ vĩnh viễn thoát khỏi sanh tử. Bậc ngộ chứng sẽ mau đạt tới bậc Bồ Xứ, người chưa ngộ cũng sẽ chứng địa vị A Bệ Bạt Trí. Bởi thế, Hoa Tạng hải chúng đều nguyện vãng sanh; những bậc tri thức trong Tông, trong

Giáo cùng sanh Tịnh Độ. Rõ ràng là do cậy vào Phật lực kiêm thêm cái tâm khẩn thiết nên được cảm ứng đạo giao; do vậy, chóng thành Chánh Giác.

Xét tình thế hiện tại, đừng quan tâm tới các Thiền lục nữa, cứ chuyên tu Tịnh Nghiệp, dùng cái tâm chẳng nhiễm mảy trần để chuyên trì thánh hiệu vạn đức hồng danh. Niệm ra tiếng hoặc niệm thầm, chẳng tạp, chẳng gián đoạn sao cho niệm khởi từ tâm, tiếng thấu vào tai, từng chữ phân minh, từng câu chẳng loạn. Lâu ngày chầy tháng, tự thành một phiền, tự chứng Niệm Phật Tam Muội, tự biết Tây phương tông phong. Đây là dùng công phu “phản văn tự tánh” (*xoay trở lại nghe nơi tự tánh*) của Quán Âm để tu Tịnh Nghiệp, “nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối” của Thế Chí, tuy là Tịnh nhưng chính là Thiền, còn gì hay khéo hơn!

❖ Người tu Thiền Định (*chỉ tứ thiền, bát định*) và người tham Thiền chỉ cậy vào tự lực, chẳng cầu Phật gia bị. Vì thế lúc công phu đắc lực, chân vọng chống cự nhau, thường có các thứ cảnh giới huyền hoặc xuất hiện, huyền hoặc biến mất! Ví như lúc trời mưa dầm sắp tạnh, mây dày bị xé toạc, chợt thấy ánh mặt trời chỉ trong khoảnh khắc, biến hóa bất trắc. Nếu chẳng phải là người thật sự có đạo nhãn sẽ chẳng thể phân biệt biết rõ tất cả những cảnh giới ấy. Nếu tưởng làm đó chính là dấu hiệu [chứng tỏ mình chứng đắc] sẽ bị ma dựa phát cuồng, không sao chữa được!

Người niệm Phật dùng lòng tín nguyện chân thành, thiết tha, trì vạn đức hồng danh ví như mặt trời rực rỡ giữa hư không, đi trên đường lớn của vua, chẳng những quý mị vọng lượng biến mất tăm tích, ngay cả những ý niệm ngoắt ngoéo, sai trái cũng chẳng sanh từ đâu được. Suy đến cùng cực, chẳng qua là: Niệm đến mức công thuần, lực tận thì toàn tâm là Phật, toàn Phật là tâm, tâm - Phật bất nhị, tâm - Phật như một mà thôi! Chỉ sợ con người chẳng biết đến

hạnh ấy, lý ấy, nên chẳng thể xứng hợp ý nguyện phổ độ chúng sanh của Phật; chứ phải đâu là bí mật chẳng truyền, chỉ truyền riêng cho mình ông ư? Nếu có những “diệu quyết” khẩu truyền kín đáo thì đây chính là tà ma ngoại đạo, chứ nào phải là Phật pháp!

❖ Hòa Thượng Pháp Tràng sẵn đủ linh căn từ trước, thoát đầu là bậc chân nho, sau thành bậc chân tăng; có thể nói là chẳng uổng công đọc sách học đạo vậy! Đời có bậc chân nho thì mới có bậc chân tăng. Những hạng vô lại xuất gia thấy đều là ma vương ngoại đạo phá hoại Phật pháp vậy! Ngũ lục của Ngài (*Pháp Tràng*) thật là thống khoái, thẳng chổng, mở toang tự tâm con người, rất nên khắc in lưu thông để làm pháp bảo nhà Thiền. Thế nhưng, Ngài chỉ phát huy đạo lý “chỉ thẳng tâm người, thấy tánh thành Phật”; chúng ta chuyên tu Tịnh Nghiệp, đừng nên so đo, đoán mò lời Ngài đến nỗi đánh mất lợi ích cả hai bên vậy. Chẳng thể chẳng biết điều này.

Tông gia (*Thiền tông*) chỉ đề xướng bốn phận, những thứ khác đều chẳng thềm xiển dương. Việc tu nhân đạt quả, đoạn Hoặc chứng Chân của nhà Thiền đều là ngầm tự tu trì. Những kẻ đứng ngoài thấy nhà Thiền chẳng đề xướng những đạo lý tu chứng ấy, bèn cho rằng Tông gia hoàn toàn chẳng dùng đến những pháp đó. Đây là báng Tông, lẫn báng Phật, báng Pháp vậy!

❖ Nên biết rằng: trong hết thấy pháp môn đức Phật đã nói, đều phải đoạn Hoặc chứng Chân thì mới có thể liễu sanh thoát tử, tuyệt đối chẳng có chuyện chưa đoạn sạch Hoặc mà liễu thoát được! Với pháp môn Niệm Phật, nếu người vãng sanh đã đoạn Hoặc nghiệp thì sẽ mau chứng Pháp Thân, người tuy còn đủ Hoặc nghiệp mà vãng sanh thì cũng đã vượt lên địa vị thánh nhân. Một đẳng hoàn toàn cậy vào tự lực, một đẳng hoàn toàn nhờ vào Phật lực kiêm thêm tự lực.

Điều thứ hai, [sự tu trì] khó dễ thật là một trời một vực. Thường có kẻ thông minh, đọc sách Thiền qua quýt, hiểu chút vị Thiền, bèn toan lấy Thiền làm mạng, học đòi làm bậc cao nhân thông suốt, nhưng toàn là hạng chẳng biết Thiền lẫn Tịnh đến nơi đến chốn, cứ lầm tưởng mình là hạng tôn quý, đại căn. Tuyệt đối chớ nên bắt chước theo thứ tri kiến như thế. Bắt chước theo đó, chỉ e trái kiếp số như vi trần vẫn chẳng mong gì được liễu sanh thoát tử cả!

❖ “Quyền” nghĩa là Như Lai tùy thuận theo căn cơ của chúng sanh mà đặt bày phương tiện. “Thật” nghĩa là nói đến những nghĩa lý do chính tự tâm đức Phật chứng được. “Đốn” là chẳng cần đến thứ tự, nhanh thẳng, mau lẹ, nhất siêu trực nhập. “Tiệm” nghĩa là tấn tu dần dần theo thứ tự, chứng nhập dần dần, phải trải nhiều kiếp, nhiều đời mới đích thân chứng được Thật Tướng.

Người tham Thiền cho rằng pháp Tham Thiền là pháp “chỉ thẳng tâm người, thấy tánh thành Phật”. Cố nhiên, pháp này thật sự là pháp Đốn, nhưng họ chẳng biết rằng: Tham Thiền dù đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh thì cũng mới chỉ thấy được đức Phật lý tánh sẵn có ở ngay trong tâm này! Nếu là căn tánh đại Bồ Tát thì vừa ngộ liền chứng, tự có thể mãi mãi thoát khỏi luân hồi, vượt xa tam giới. Từ đây, dùng thượng cầu hạ hóa làm nền tảng để trang nghiêm phước và trí.

Xét ra, trong trăm ngàn người đại triệt đại ngộ chỉ được một hai vị thuộc vào căn tánh này. Còn như những kẻ căn khí hơi kém hơn, dù có thể diệu ngộ nhưng chưa thể đoạn trừ Kiến Tư Hoặc thì vẫn phải thuộc trong tam giới, thọ sanh thọ tử. Đã phải thọ sanh tử thì từ ngộ thành mê là nhiều, từ ngộ trở thành ngộ lại ít. Như vậy, tuy pháp này thực sự là viên đốn, nhưng nếu chẳng phải đúng người thì cũng chẳng thật sự được lợi ích thật nhanh chóng, nên nó cũng trở thành pháp Quyền Tiệm mà thôi. Vì sao vậy? Do cậy vào Tự Lực;

nếu Tự Lực mười phần đầy đủ thì họa may sẽ được như thế; còn như chỉ hơi thiếu chút phần, sẽ chỉ ngộ được lý tánh nơi cửa miệng, chẳng thể đích thân chứng được lý tánh. Hiện thời, bậc đại triệt đại ngộ còn khó có được mấy người, huống là người chứng được điều mình đã ngộ!

Một pháp Niệm Phật thông trên suốt dưới, vừa là Quyền vừa là Thật, vừa Tiệm vừa Đốn, chẳng thể dùng giáo lý tầm thường phân định được. Trên đến bậc Đẳng Giác Bồ Tát, dưới đến chúng tánh A Tỳ đều cùng nên tu tập (*do đấy nói là “thông trên suốt dưới”*). Như Lai vì chúng sanh thuyết pháp chỉ nhằm làm cho chúng sanh liễu sanh thoát tử. Trong các pháp môn khác, bậc thượng căn có thể liễu sanh thoát tử ngay trong đời này, còn hạ căn bao kiếp khó lòng liễu được! Chỉ mỗi mình pháp này, chẳng cần biết là chủng tánh, căn cơ nào, cũng đều có thể vãng sanh Tây Phương ngay trong đời này, hề vãng sanh liền liễu sanh thoát tử. Pháp thẳng chóng như thế há có thể gọi là Tiệm ư?

Chỉ do căn cơ [được hóa độ bởi pháp này] chẳng giống với căn cơ của các pháp viên đốn thông thường nên pháp này tựa hồ là Tiệm, nhưng oai lực của pháp môn này phát xuất từ thế nguyện muốn cho những căn cơ hạ liệt ấy đều mau chóng hưởng được lợi ích lớn của đức Như Lai. Lợi ích ấy nằm ở chỗ cậy vào Phật từ lực. Phàm những người giảng Thiền nếu chưa nghiên cứu kỹ Tịnh tông, chưa có ai không coi pháp này là thiện cận rồi khinh thường. Nếu nghiên cứu kỹ Tịnh tông ắt sẽ cạn kiệt lòng thành, tận hết sức lực hoằng dương, há nào chấp mãi vào những lý luận Quyền - Thật, Tiệm - Đốn để tự mình làm, làm người khác làm nữa ư?

❖ Nói đến thủ - xả (*lấy - bỏ*) là ước trên Thật Nghĩa rốt ráo mà nạn (*“nạn” tức là cật vấn, bắt bẻ*), chẳng biết rằng: không thủ không xả rốt ráo chỉ là chuyện sau khi đã thành Phật! Nếu chưa thành Phật,

còn đang trong giai đoạn “đoạn Hoặc chứng Chân” thì đều thuộc về thủ - xả cả! Đã chấp nhận chuyện thủ - xả “đoạn Hoặc chứng Chân”, sao lại chẳng chấp nhận chuyện thủ - xả “bỏ Đông lấy Tây, lìa cầu giữ tịnh”?

Đối với pháp Tham Thiền thì thủ - xả đều là sai, nhưng đối với một pháp Niệm Phật, thủ - xả lại là đúng. Một đấng chuyên suy xét tự tâm, một đấng kiêm nhờ vào Phật lực. Kẻ kia chẳng xét đến duyên do của từng pháp môn, lầm đem pháp Tham Thiền phá pháp Niệm Phật; vậy là hiểu lầm ý mất rồi!

Vô thủ - xả vốn là đề hồ, nhưng niệm Phật mà cũng muốn không thủ - xả thì không thủ - xả bèn thành thuốc độc! Mùa Hạ dùng Cát Cẩn¹, mùa Đông khoác áo Cừu, khát uống, đói ăn, chẳng sai trái gì, cũng chẳng thể cố chấp được! Chỉ cốt sao chọn lấy điều thích nghi thì được lợi ích chẳng bị trở ngại gì!

❖ Cõi “bỏ Đông lấy Tây” là sanh diệt tức là chẳng biết rằng “chấp Đông phế Tây” chính là đoạn diệt! Chưa chứng Diệu Giác, có ai là không lấy - bỏ? Tam kỳ² luyện hạnh, trăm kiếp tu nhân, thượng cầu, hạ hóa, đoạn Hoặc chứng Chân, không sự nào chẳng phải là lấy - bỏ đó sao? Phải biết rằng: đức Như Lai muốn cho hết thảy chúng sanh mau chứng Pháp Thân và Tịch Quang cho nên Ngài mới đặc biệt khuyên trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương.

❖ Một chuyện Tham Thiền nói dễ dàng sao! Cổ nhân như ngài Triệu Châu Thấm thiền sư, xuất gia từ nhỏ, đến hơn tám mươi tuổi vẫn hành cước, nên mới có bài tụng rằng:

Triệu Châu bát thập do hành cước,

¹ **Cát Cẩn:** củ sắn dây, thường cho là mát, có tính chất giải nhiệt, nên ta thường uống bột sắn dây trong mùa Hạ.

² **Tam kỳ:** ba đại a-tăng-kỳ kiếp.

Chỉ vị tâm đầu vị tiểu nhiên.

Tạm dịch:

Triệu Châu tám chục còn hành cước,

Do bởi cõi lòng chưa lặng không!

Ngài Trường Khánh ngồi rách bảy cái bồ đoàn rồi mới khai ngộ. Ngài Dũng Tuyền phải nhọc nhằn hết bốn mươi năm. Ngài Tuyết Phong ba lượt lên gặp ngài Đầu Tử, chín lần lên Động Sơn. Họ là bậc đại Tổ Sư đại triệt, đại ngộ mà còn phải gian nan đến thế. Lũ ma con kia mới nghe qua ma thuyết đều được khai ngộ ngay, vậy thì những vị Tổ Sư vừa nói trên đây có xách giày cho chúng cũng không đáng sao?

❖ Những lời “chẳng chấp trước”... về Lý thì đúng, nhưng về Sự thì chẳng phải là điều hạng phàm phu sát đất có thể làm nổi! Suốt ngày mặc áo, ăn cơm, rồi vênh váo mình bất chấp đói lạnh, bảo kẻ suốt ngày bụng rỗng tuếch, chẳng được chén nước, hạt cơm, đói là gần chết rằng: “Tôi coi gan rồng tủy phượng hết như uế vật, nghĩ đến là muốn ói, hưởng hồ là nuốt xuống!” Toàn là nói suông như nhau thôi!

Nay kẻ tham Thiên nếu chẳng hiểu giáo lý thì cái Không giải thoát đó phần nhiều trở thành bệnh cho họ. Còn như không cảnh hiện tiền khi tịnh tọa, lắng ý, thì bất quá là do [ý niệm] lặng trong, chế ngự được vọng nên ngẫu nhiên huyền cảnh phát hiện đó thôi! Nếu tưởng lầm đấy chính là dấu hiệu chứng tỏ mình chứng đắc, bèn sanh lòng mừng rỡ lớn lao thì sẽ mất trí thành cuồng, Phật cũng khó cứu được!

Nếu may mắn suy xét kỹ, chẳng chấp trước, buông bỏ huyền vọng, chột quán thông các pháp môn thì đấy mới là: đi trong chốn gai góc đã lâu, chột đến chỗ khoảng khoát. Người đời mạt căn cơ hèn kém, tri thức hiếm hoi, nếu chẳng nhờ vào Phật từ lực chuyên tu

Tịnh Nghiệp, chỉ cậy vào tự lực tham cứu Thiền tông thì minh tâm kiến tánh, đoạn Hoặc chứng Chân thành công hiem có mấy ai, còn hạng tướng huyễn là chân, lấy mê làm ngộ, ma dựa phát cuồng thật nhiều lắm! Vì thế, các vị Vĩnh Minh, Liên Trì v.v... quán sát căn cơ đương thời, cực lực chủ trương pháp môn Tịnh Độ.

❖ Thiền tức là Chân Như Phật Tánh trong bốn tâm chúng ta, Tông môn gọi là “bỏ lai diện mục trước lúc cha mẹ sanh ra”. Tông môn chẳng nói toạc ra, cốt sao người tham cứu tự hiểu lấy, nên mới nói như vậy. Chứ thật ra nó là cái tâm thể thuần chân, không Năng, không Sở, vừa Tịch vừa Chiếu, ly niệm linh tri (*“ly niệm linh tri” là không có ý niệm suy nghĩ gì, nhưng mọi cảnh hiện hữu đều hiểu rõ cả*).

Tịnh Độ là Tín Nguyện Trì Danh cầu sanh Tây Phương, chứ chẳng phải chỉ riêng “duy tâm Tịnh Độ, tự tánh Di Đà!” “Có Thiền” là cực lực tham cứu đến mức niệm lặng, tình mất, thấy thấu tột “bỏ lai diện mục trước khi cha mẹ sanh ra”, minh tâm kiến tánh. “Có Tịnh Độ” là chân thật phát Bồ Đề tâm, sanh tín, phát nguyện, trì danh hiệu Phật cầu sanh Tây Phương. [Nói] Thiền và Tịnh Độ chỉ là ước về Giáo, ước theo Lý [mà nói].

“Có Thiền, có Tịnh Độ” là ước về căn cơ, ước theo mặt tu hành. Giáo Lý luôn luôn như thế, Phật chẳng thể tăng, phàm chẳng thể giảm. Ước theo căn cơ để tu hành thì phải y giáo khởi tu, tu hành đến cùng cực để chứng lý, chứ thật sự chẳng có gì khác cả!

Thứ hai là văn tuy tương tự, nhưng thật ra khác biệt rất lớn. Hãy nên hiểu kỹ càng, đừng bộp chộp. Nếu tham thiền chưa ngộ, hoặc ngộ chưa triệt để, đều chẳng thể gọi là “có Thiền”. Nếu niệm Phật nhưng thiền chấp duy tâm, lại không tín nguyện, hoặc có tín nguyện nhưng chẳng chân thật, thiết tha, mà chỉ hời hợt, hờ hững, thực hành qua quít, hoặc hạnh tuy tinh tấn nhưng tâm luyện cảnh ma, hoặc cầu

đời sau sanh vào nhà phú quý hưởng thú vui ngũ dục, hoặc cầu sanh lên trời hưởng phước lạc trời, hoặc cầu đời sau xuất gia làm Tăng nghe một hiểu được cả ngàn, đắc đại tổng trì, hoằng dương đạo pháp phổ lợi chúng sanh, đều chẳng được gọi là “có Tịnh Độ”!

❖ “Có Thiền, có Tịnh Độ; khác nào cọt mọc sừng, hiện đời làm thầy người, đời sau làm Phật, Tổ” là người triệt ngộ Thiền Tông, minh tâm kiến tánh, lại còn thâm nhập Kinh tạng, biết hết các pháp môn Quyền, Thật của Như Lai, nhưng trong các pháp môn lại chỉ chọn lấy một pháp Tín Nguyện Niệm Phật để tự lợi, lợi người làm chánh hạnh tu tập. Bậc thượng phẩm thượng sanh đọc tụng Kinh Đại Thừa, hiểu Đệ Nhất Nghĩa đã nói trong Quán Kinh chính là hạng người này.

Người ấy có đại trí huệ, có đại biện tài, ma tà ngoại đạo nghe tên vỡ mật, như hổ đội sừng oai mãnh khôn sánh! Có ai đến cầu học bèn tùy cơ thuyết pháp: nên dùng Thiền Tịnh song tu để tiếp độ bèn dùng Thiền Tịnh song tu để tiếp độ; nên dùng chuyên tu Tịnh Độ để tiếp độ bèn dùng chuyên tu Tịnh Độ để tiếp độ. Bất luận là thượng, trung, hạ căn, không ai chẳng được lợi ích; há chẳng phải là đạo sư của trời người ư?

Đến lúc lâm chung được Phật tiếp dẫn, vãng sanh thượng phẩm, trong khoảng khảy ngón tay chứng Vô Sanh Nhẫn, tột nhất cũng chứng được Sơ Trụ. Cũng có người đón siêu các địa vị, đạt đến Đẳng Giác. Bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo còn có thể hiện thân làm Phật trong trăm cõi, hướng là những địa vị sau đó, càng cao càng thù thắng, cho đến địa vị thứ bốn mươi một là Đẳng Giác! Vì thế nói là: “Đời sau làm Phật, Tổ!”

❖ “Không Thiền, có Tịnh Độ; vạn người tu vạn về; nếu được thấy Di Đà, lo gì chẳng khai ngộ” là có người tuy chưa minh tâm

kiến tánh, nhưng quyết chí cầu sanh Tây Phương. Do trong kiếp xưa, Phật từng phát đại thệ nguyện nhiếp thọ chúng sanh như mẹ nhớ con. Nếu chúng sanh thật sự có thể như con nhớ mẹ, chí thành niệm Phật sẽ cảm ứng đạo giao, liền được nhiếp thọ. Người tận lực tu Định Huệ cố nhiên được vãng sanh, nhưng kẻ ngu nghịch thập ác, lâm chung bị sự khổ bức bách, phát lòng hổ thẹn lớn lao, xung niệm danh hiệu Phật hoặc tới mười tiếng, hoặc chỉ một tiếng rồi liền lâm chung, cũng đều được Phật hóa thân tiếp dẫn vãng sanh. Chẳng phải là “vạn người tu, vạn người về” hay sao?

Kẻ ấy tuy niệm Phật chẳng bao nhiêu, nhưng do cực kỳ mãnh liệt nên đạt được lợi ích lớn lao như thế, chớ nên so sánh nhiều ít với những kẻ niệm Phật hời hợt, qua loa! Đã sanh về Tây Phương, thấy Phật nghe pháp, dù có nhanh chậm bất đồng, nhưng đều đã cao dự dòng thánh, vĩnh viễn chẳng thoái chuyển, tùy theo căn tánh cạn hay sâu, là Tiệm hay Đốn mà chứng các quả vị. Đã được chứng quả, cần chi phải nói đến khai ngộ nữa! Vì thế nói: “*Nếu được thấy Di Đà, lo gì chẳng khai ngộ!*”

❖ “Có Thiền không Tịnh Độ, mười người chín chân chừ, ẩm cảnh nếu hiện tiền, chớp mắt đi theo nó”. Người tuy triệt ngộ Thiền tông, minh tâm kiến tánh, nhưng Kiến Tư phiền Hoặc chẳng dễ đoạn trừ, phải qua nhiều duyên rèn luyện để trừ sạch không còn sót gì mới có thể thoát khỏi phần đoạn sanh tử. Với kẻ chẳng đoạn được chút gì thì chẳng cần bàn đến nữa! Dù cho đoạn đến mức còn một mảy phiền não chưa trừ sạch thì vẫn hết như cũ: khó tránh nổi luân hồi lục đạo! Biền sanh tử sâu thăm thẳm, nẻo Bồ Đề xa vời vợi, còn chưa về được nhà đã mạng chung. Trong mười người đại triệt đại ngộ, chín người đã như thế; cho nên nói “mười người chín chân chừ” (*thập nhân cửu ta lộ*).

Ta là “ta đà”, thông thường nói là “đảm các” (*chân chừ*). “Âm cảnh” là “trung âm thân cảnh”, tức là các cảnh hiện ra bởi các nghiệp lực thiện ác trong đời này và bao kiếp. Khi cảnh này hiện, trong khoảng chớp mắt sẽ theo nghiệp lực, thiện hay ác nào mạnh mẽ nhất đi thọ sanh trong đường thiện hay ác, chẳng may may tự chủ được; như người mắc nợ, chủ nợ nào mạnh sẽ lôi đi. Tâm tình lăm mồi, đặt nặng nơi nào sẽ nghiêng về đó. Ngũ Tổ Giới tái sanh làm Tô Đông Pha, Thảo Đường Thanh lại sanh làm Lỗ Công, họ còn là căn cơ bậc thượng đấy nhé! Vì thế nói: “Âm cảnh nếu hiện tiền, chớp mắt đi theo nó!”

Chữ Âm có nghĩa là ngăn che, ý nói: do nghiệp lực này ngăn che khiến chân tánh chẳng thể hiển hiện được. Có kẻ cho rằng “ta đà” nghĩa là lăm lặc, “âm cảnh” là cảnh [hiển hiện bởi] ngũ âm ma, toàn là do chẳng hiểu chữ Thiện và chữ Có nên mới nói hồ đồ như thế. Lẽ nào bậc đại triệt đại ngộ mười người hết chín kẻ lặc lôi, chạy theo cảnh ngũ âm ma bị ma dựa phát cuồng ư? Phàm những kẻ bị ma dựa phát cuồng toàn là hạng tăng thượng mạn chẳng biết giáo lý, chẳng rõ tự tâm, tu mù luyện quáng đó thôi, sao lại gán cho bậc đại triệt đại ngộ là chẳng biết tốt xấu vậy? Điều này quan hệ rất lớn, chẳng thể không biện định rõ!

❖ “Không Thiện, không Tịnh Độ; giường sắt và cột đồng, vạn kiếp cùng ngàn đời, không một ai nương dựa”. Có kẻ cho rằng câu “Không Thiện, không Tịnh Độ” chỉ kẻ vui đầu tạo nghiệp, chẳng tu thiện pháp, thật là lẩn quá!

Pháp môn vô lượng, nhưng chỉ có Thiện và Tịnh Độ phù hợp với các căn cơ nhất. Kẻ nào chưa triệt ngộ, lại chẳng cầu vãng sanh, hời hợt, qua quít tu các thiện pháp khác. Đã chẳng thể cân bằng Định Huệ, đoạn Hoặc chứng Chân, lại chẳng cậy vào Phật lực để đối nghiệp vãng sanh; do đã tạo ác nghiệp, khó trốn khỏi ác báo. Một

khi hơi thở ra chẳng trở vào, liền đọa địa ngục, rõ ràng là trải kiếp dài lâu nằm ngò, ôm ấp giường sắt, trụ đồng để đền trả các thứ ác nghiệp: tham lam thanh sắc, sát sanh hại mạng v.v... Chư Phật, Bồ Tát tuy rủ lòng thương xót, nhưng họ bị ác nghiệp chướng ngăn che nên chẳng thể được lợi ích.

Người xưa nói: *“Người tu hành nếu không chánh tín, cầu vãng sanh Tây Phương, tu lung tung các điều thiện khác thì gọi là oan gia đời thứ ba”* chính là nói đến tình cảnh này. Bởi lẽ, do đời này tu hành, đời sau hưởng phước. Cây phước làm ác ắt bị đọa lạc. Tạm vui trong đời này, khổ mãi trong cả kiếp dài lâu. Ví như nghiệp địa ngục tiêu hết, lại chuyển sanh làm súc sanh, muốn lại được thân người, khó vô cùng khó!

Vì thế, đức Phật dùng tay nhón lấy chút đất, hỏi A Nan: *“Đất trong tay ta nhiều hay đất trong đại địa nhiều?”* A Nan bạch Phật: *“Đất trong đại địa nhiều!”* Phật dạy: *“Được thân người như đất trong tay ta, mất thân người như đất trong đại địa”*. Nói “Muôn kiếp và ngàn đời, không một ai nương dựa” là do bị ràng buộc bởi vắn diệu của bài kệ nên chỉ nói thiển cận như thế.

Hết thầy pháp môn chuyên cậy vào tự lực, pháp môn Tịnh Độ chuyên cậy vào Phật lực. Hết thầy các pháp môn phải hết sạch Hoặc nghiệp mới có thể liễu sanh tử. Pháp môn Tịnh Độ đối nghiệp vãng sanh liền dựa vào dòng thánh. Đại sư Vĩnh Minh sợ thế gian chẳng biết nên soạn riêng bài Liệu Giản này để chỉ dạy cho đời sau, có thể nói là “chiếc bè báu nơi bến mê, là người dẫn lối nơi đường hiểm!” Tiếc là mọi người trong thế gian đọc lướt qua, chẳng chịu nghiên cứu đến cùng tột, chẳng phải là đồng phạm ác nghiệp xui khiến đến nỗi thành như thế chẳng?

❖ Đạt Ma từ Tây qua, truyền Phật tâm ấn, chỉ thẳng tâm người, thấy tánh thành Phật. Nhưng cái để thấy, để thành ấy chính là thiên

chân Phật tánh có sẵn ngay nơi tâm chúng ta, [Ngài dạy như thế] để con người trước hết biết được cái gốc rồi tự dựa vào đó mà tấn tu hết thấy các pháp tu chứng cho đến khi nào tu được cái không thể tu, chứng được cái không thể chứng mới thôi! Chứ chẳng có nghĩa là vừa ngộ liền đầy đủ cả phước lẫn huệ, viên mãn rốt ráo Phật đạo Bồ Đề! Giống như vẽ rồng điểm nhãn để [người nghe] tự mình được thọ dụng.

Do vậy, Thiền tông phát triển rực rỡ, chói ngời nơi Chấn Đán (*Trung Hoa*), đạo “tâm này chính là Phật”, pháp “phi tâm phi Phật” lan khắp hoàn vũ. Người thiên cơ sâu đối với mỗi cơ, mỗi cảnh liền biết đầu mối, liền phun châu nhả ngọc, chẳng vương lối sáo mòn, vào sông ra chết trọn chẳng ngăn ngại, sợ hãi, được đại giải thoát, đắc đại tự tại. Nếu căn cơ hơi kém hơn, dù đại triệt, đại ngộ, nhưng phiền não tập khí chưa thể trừ sạch thì vẫn là người trong sanh tử y như cũ. Xuất thai cách ăm¹ đa phần bị mê. Bậc đại ngộ còn như thế, huống kẻ chưa ngộ ư? Vì thế phải chuyên tâm dốc chí vào pháp môn Tịnh Độ cậy vào Phật từ lực mới là kế sách ngàn phần ổn thỏa, vạn phần thích đáng vậy!

❖ Trong Luật, Giáo, Thiền Tông, trước hết phải hiểu sâu giáo lý rồi mới y giáo tu hành. Tu hành công sâu, đoạn Hoặc chứng Chân mới thoát khỏi sanh tử. Nếu chẳng hiểu giáo lý, bèn là tu mù luyện quáng. Nếu không, được chút ít đã cho là đủ bèn bị ma dựa phát cuồng. Dù cho hiểu giáo lý, công tu hành sâu xa, vẫn phải đoạn Hoặc, nếu còn chút mảy may nào chưa đoạn sạch sẽ vẫn y như cũ, chẳng thể thoát khỏi cảnh khổ được! Mãi đến khi Hoặc nghiệp hết sạch mới có thể thoát ly sanh tử, nhưng vẫn còn cách địa vị Phật rất xa, phải trải bao kiếp tấn tu mới viên mãn được Phật quả.

¹ **Xuất thai cách ăm**: thân này chết đi, sanh sang đời sau.

Ví như dân hèn sanh ra đã thông minh, đọc sách, học văn nhiều năm khó nhọc, học vẫn đã thành, thi đậu làm quan. Do có tài năng lớn, từ chức quan nhỏ được thăng cấp dần đến khi làm Tể Tướng, quan vị cực phẩm nhưng không thể nào lên cao hơn được nữa! Địa vị bậc nhất trong đám quần thần, nhưng so với thái tử, sang hèn khác nhau một trời, một vực, huống hồ so với hoàng đế? Suốt đời làm bày tôi, tuân hành lệnh vua, cúc cung tận tụy giúp vua cai trị quốc gia. Nhưng cái địa vị tể tướng ấy thật chẳng dễ dàng gì! Cả nửa đời siêng năng, vất vả, ra sức nhằn nặn. Cho đến cuối cùng cũng chẳng hơn được thế. Còn kẻ học vấn, tài năng sút kém đôi chút chẳng đạt được như thế thì có đến trăm, ngàn, vạn, ức người! Đây là tự lực.

Học vấn tài năng ví như hiểu sâu giáo lý, y giáo tu hành. Địa vị đến bậc tể tướng ví như công tu hành sâu, đoạn Hoặc chứng Chân. “Chỉ có thể xưng là Thần (*bày tôi*), chẳng dám xưng là vua” ví như tuy ra khỏi sanh tử, vẫn chưa thành Phật. “Những kẻ học vấn chẳng đủ, chẳng thể đạt được như thế rất nhiều” ví như rất nhiều kẻ chưa đoạn hết Hoặc, chẳng thể thoát khỏi biển khổ sanh tử.

❖ Trong pháp môn Niệm Phật dù chẳng hiểu giáo lý, chưa đoạn Hoặc nghiệp, chỉ cần tín nguyện trì danh cầu sanh Tịnh Độ, lúc lâm chung, quyết định được Phật đích thân tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Đã sanh về Tây Phương, gặp Phật nghe pháp, ngộ Vô Sanh Nhẫn, liền ngay trong một đời ấy, quyết định bỏ vào địa vị Phật. Đây là Phật lực lại kiêm tự lực, nghĩa là: tín nguyện trì danh là tự lực, tự lực ấy có thể cảm được đức Phật. Do thế nguyện nhiếp thọ, Phật rủ lòng từ tiếp dẫn, đây là Phật lực có thể ứng đến ta. Do cảm ứng đạo giao nên được như thế.

Nếu như hiểu sâu giáo lý, đoạn Hoặc chứng Chân thì phẩm vị vãng sanh càng cao, viên thành Phật đạo càng nhanh. Bởi thế, Văn Thù, Phổ Hiền, Hoa Nghiêm hải chúng, Mã Minh, Long Thọ, Tổ sư

các tông đều nguyện vãng sanh. Ví như thác sanh vào hoàng cung, vừa ra khỏi thai mẹ đã quý hiển át cả quần thần. Đây là do thế lực của vua. Chờ đến khi khôn lớn, học vấn tài năng mỗi mỗi đều đầy đủ cả sẽ có thể tiếp nối ngôi báu, bình trị thiên hạ. Hết thấy quần thần phải nghe theo chiếu dụ. Đây chính là vương lực, tự lực cùng có.

Pháp môn Niệm Phật cũng giống như thế: chưa đoạn Hoặc nghiệp, nương Phật từ lực vãng sanh Tây Phương liền thoát sanh tử, giống như thái tử mới sanh đã quý hiển át cả quần thần. Khi đã vãng sanh, Hoặc nghiệp tự đoạn, quyết định bỏ vào địa vị Phật, giống như thái tử khôn lớn kế thừa ngôi báu, bình trị thiên hạ.

Thêm nữa, bậc đã đoạn Hoặc nghiệp như Mã Minh, Long Thọ, Tổ sư các tông, bậc đã chứng địa vị Bồ Xứ như Văn Thù, Phổ Hiền, Hoa Nghiêm hải chúng đều nguyện vãng sanh, giống như trước kia trấn giữ chốn biên thùy hẻo lánh, chẳng thể nối ngôi, nay sống trong Đông Cung, chẳng bao lâu sẽ lên ngôi báu.

❖ Tâm tánh chúng ta hết như chư Phật, chỉ vì mê trái nên luân hồi chẳng ngơi. Như Lai xót thương tùy cơ thuyết pháp khiến cho hết thấy hàm thức đều biết đường về nhà. Pháp môn tuy nhiều, trọng yếu chỉ có hai môn Thiên và Tịnh là dễ liễu thoát nhất. Thiên chỉ có tự lực, Tịnh kiêm Phật lực.

So sánh hai môn, Tịnh khế cơ nhất, như người vượt biển phải nhờ sức thuyền mới mau đến được bến, thân tâm thuận nhiên. Chúng sanh đời mạt chỉ có thể hành nổi pháp này. Nếu không, là trái với căn cơ, nhọc nhằn nhưng khó thành. Phát đại Bồ Đề, sanh tín nguyện chân thành, thiết tha, suốt đời kiên trì, chỉ niệm đức Phật. Niệm đến cùng cực, tình kiến mất sạch chính là niệm nhưng vô niệm, diệu nghĩa Thiên - Giáo triệt để hiển hiện; đến khi lâm chung được Phật tiếp dẫn lên ngay thượng phẩm, chứng Vô Sanh Nhân. Có một bí quyết,

tha thiết bảo ban: “Dốc lòng thành, tận lòng kính” mẫu nhiệm, huyền diệu làm sao!



VII. GIẢI QUYẾT NHỮNG ĐIỀU NGHI HOẶC THƯỜNG GẶP

1. Luận về sự - lý

❖ Lý thể gian hay xuất thể gian chẳng ra khỏi hai chữ “tâm tánh”. Sự thể gian và xuất thể gian chẳng ra khỏi hai chữ “nhân quả”. Chúng sanh trầm luân cửu giới, Như Lai chứng Nhất Thừa, nhưng tâm tánh chẳng tăng hay giảm mảy may nào! Sở dĩ thăng - trầm khác xa nhau, khổ vui cách biệt vời vợi là do tu đức nơi nhân địa chẳng giống hết nhau nên thọ dụng quả địa khác biệt.

Xiển dương Phật pháp thật chẳng phải là chuyện dễ! Chỉ luận về lý tánh thì trung căn, hạ căn chẳng hưởng lợi ích; chuyên nói nhân quả thì người căn cơ bậc thượng thường hay chán nghe. Nhưng nhân quả và tâm tánh nếu tách rời ra, cả hai đều tổn; hợp lại, cả hai cùng tốt đẹp. Vì thế, ngài Mộng Đông nói: *“Người khéo luận tâm tánh ắt chẳng bỏ lìa nhân quả. Người tin sâu nhân quả ắt rõ cuộc hiểu rõ ràng tâm tánh”*. Lý này lẽ tất nhiên là như thế.

Nhưng chúng sanh thời Mạt Pháp căn cơ hèn kém, các pháp Thiền - Giáo chỉ cậy vào tự lực, khế ngộ còn khó, hướng hồ liễu thoát! Chỉ có pháp môn Tịnh Độ cậy vào Phật lực, chỉ cần đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, dù là ngũ nghịch thập ác cũng có thể vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi, cao dự hải hội. Đối với pháp tối thượng thừa chẳng thể nghĩ bàn này, hãy nên giảng về cả Lý lẫn Sự, thành thật khuyên [ai nấy] hãy nên thí [pháp này] đều khắp.

❖ Nên biết rằng pháp môn Tịnh Độ có đủ tất cả sự tướng của bốn pháp giới, đều là pháp giới sự sự vô ngại. Đọc đến rồi tu, chớ nên chấp Lý bỏ Sự. Nếu chấp vào một bên, cả Lý lẫn Sự cùng mất.

Như người biết ý căn nhảy bén nhất bèn bỏ cả ngũ căn thì ý căn cũng chẳng thể do đâu tồn tại được. Chỉ nên dùng Sự để hiển Lý, dùng Lý dung hội Sự mới chẳng sai lầm. Vì vậy, mới nói yếu chỉ của Tịnh Độ là “toàn Sự tức Lý”. Lý - Sự viên dung bèn khế hợp bốn thể. Tôi biết sư đã ăn no cơm vua từ lâu¹, nhưng vẫn cứ miệt mài hiển lời hèn mọn, chẳng qua để giải bày tác lòng thành của đứa con túng quẫn mong được trở về nhà, cũng như mong rửa sạch cái tội báng pháp trước đây đó thôi!²

Người thông minh đời nay tuy học Phật pháp, nhưng chưa thân cận khắp các thiện tri thức, đa phần chuyên trọng lý tánh, bài bác, vứt bỏ nhân quả và những chuyện tu hành về mặt Sự. Đã bác Sự Tu, nhân quả thì lý tánh cũng mất. Bởi thế, thường có hạng tài cao, ngôn từ Kinh động cả quý thần, nhưng xét đến hành vi lại chẳng khác gì bọn vô tri vô thức đầu đường xó chợ. Gốc bệnh đều là do bác Sự Tu và nhân quả gây ra cả, khiến cho bậc thượng trí uổng công nẩy lòng thương xót, kẻ hạ ngu bắt chước làm càn theo. Ấy là dùng thân mình báng pháp, tội lỗi vô lượng.

Biết chẳng khó, làm được mới khó. Đời có hạng người rộng tuệ, nghe được lý “tâm, Phật, chúng sanh cả ba không sai biệt”, hoặc do duyệt Kinh sách bên Giáo, tham thiền, ngộ được lý này, liền cho rằng mình giống như Phật, cần gì phải tu phải chứng, bèn phóng túng tâm ý, đối với hết thảy cảnh duyên lầm lạc bảo: “Sáu trần chính là Giác, tham - sân - si chính là Giới - Định - Huệ, cần gì phải chế tâm nhiếp thân, không dây mà tự trói mình?” Thứ kiến giải này hèn

¹ **Cơm vua (vương thiện):** Vương thiện là cỗ bàn của nhà vua. Đây là điển tích lấy từ Kinh Pháp Hoa, phẩm Thọ Ký: Các vị La Hán như Ca Chiên Diên, Tu Bồ Đề, Mục Kiền Liên... nghe Phật chỉ dạy đạo Nhất Thừa, bèn biết mình cũng có khả năng thành Phật, nhưng vẫn chưa đủ tự tin, bèn cầu xin Phật thọ ký, giống như kẻ đói thấy cỗ bàn của vua chẳng dám ăn, phải chờ vua cho phép. “Ăn no cơm vua” ý nói vị Tăng trong đoạn thư này đã hiểu lý Nhất Thừa, đã tự tin mình có khả năng thành Phật.

² Trước khi hiểu đạo Phật, tổ Ân Quang mê Nho nên kịch liệt bài bác đạo Phật.

kém nhất; nghĩa là chấp Lý phế Sự, bác không nhân quả có khác gì dùng bánh vẽ để khỏi đói, cất nhà trên không, tự mình làm, khiến người làm, há chẳng phải là tội lỗi cực điểm hay sao? Dùng thiện nhân chuốc lấy quả ác, tam thế chư Phật gọi kẻ ấy là kẻ đáng thương xót vậy!

Người đời nay phần nhiều ưa bàn suông, chẳng chuộng thực sự tu tập. Khuyến tu Tịnh Nghiệp, hiển nhiên là nên tu cả Sự lẫn Lý, nhưng phải đặt nặng việc tu về mặt Sự làm phương cách tu trì. Vì sao vậy? Do đối với người hiểu rõ Lý thì toàn Sự tức Lý, suốt ngày Sự Trì chính là suốt ngày Lý Trì. Nếu chưa thể hiểu thật rõ về Sự và Lý, vừa nghe nói đến Lý Trì liền biết nghĩa ấy thâm diệu, rất hợp với cái tính lười nhác, biếng trễ, sợ phải trì niệm nhọc nhằn của mình, bèn chấp Lý phế Sự. Sự đã phế thì Lý cũng chỉ thành bàn suông mà thôi!

❖ Sự Trì là tin có đức A Di Đà Phật ở Tây phương, chưa thấu hiểu “tâm này làm Phật, tâm này là Phật”, nhưng cứ quyết chí nguyện cầu vãng sanh như con nhớ mẹ, chẳng lúc nào tạm quên. Đây là chưa đạt lý tánh nhưng cứ y theo Sự mà tu trì.

Lý Trì là tin đức A Di Đà Phật ở Tây phương tâm ta sẵn có, do tâm ta tạo. “Tâm sẵn có” nghĩa là tâm vốn có đủ lý này. “Tâm tạo” là nương theo cái lý sẵn có ấy để khởi tu thì lý ấy mới có thể hiển hiện được; vì thế gọi là “tạo”. “Tâm sẵn có” chính là lý thể, “tâm tạo” là sự tu. “Tâm sẵn có” chính là “tâm này là Phật”. “Tâm tạo” chính là “tâm này làm Phật”.

“Tâm này làm Phật” chính là xứng tánh khởi tu. “Tâm này là Phật” chính là toàn tu tại tánh. Tu đức có công, tánh đức mới hiển, dù ngộ Lý nhưng vẫn chẳng phế Sự thì mới là “chân tu”. Nếu không, sẽ đọa vào tri kiến cuồng vọng chấp Lý phế Sự. Bởi thế,

phần dưới mới viết: “Liên dùng hồng danh tự tâm sẵn có, hồng danh do tâm tạo thành để làm cảnh buộc tâm chẳng để tạm quên”.

Thứ giải pháp này ngàn đời chưa từng có, thật là khế lý khế cơ, lý sự viên dung, chẳng phải bậc Pháp Thân Đại Sĩ dễ gì đạt tới được! Sự Trì dù chưa ngộ Lý, há nào phải ra ngoài Lý đâu, bất quá là hành nhân chưa thể viên ngộ tự tâm! Đã ngộ thì Sự chính là Lý, nào có phải cái lý được ngộ nằm ngoài Sự đâu! Lý chẳng lìa Sự, Sự chẳng lìa Lý, Lý - Sự không hai; như thân và tâm con người đồng thời vận dụng cả hai, trọn chẳng hề có chuyện thân và tâm tranh nhau hơn kém! Người thấu đạt dù có muốn chẳng dung hợp cũng chẳng thể được. Tri kiến cuông vọng, chấp Lý phế Sự thì chẳng thể dung hợp.

❖ Tâm này trọn khắp, thường hằng như hư không. Chúng ta do mê nhiễm nên khởi các chấp trước, ví như hư không do bị các vật ngăn chướng nên chẳng thể trọn khắp, chẳng thường hằng. Nhưng chẳng trọn khắp, chẳng thường hằng chỉ là vọng kiến chấp trước, chứ nào phải hư không thật sự bị các vật ngăn chướng nên chẳng trọn khắp, chẳng thường hằng ư? Vì thế, cái tâm phàm phu cùng với cái tâm bất sanh bất diệt mà đức Như Lai đã chứng trọn chẳng khác gì.

Điều khác biệt là do phàm phu mê nhiễm nên mới đến nỗi như thế, chứ chẳng phải là tâm thể vốn có cải biến! Di Đà Tịnh Độ hoàn toàn nằm trong một niệm tâm tánh của chúng ta, tâm ta vốn sẵn có Phật A Di Đà. Tâm ta sẵn có nên đương nhiên phải thường niệm. Đã thường niệm ắt sẽ cảm ứng đạo giao, tu đức có công, tánh đức mới hiển, Sự - Lý viên dung, chúng sanh và Phật chẳng khác! Vì thế nói: “Dùng tâm sẵn có Phật của mình để niệm đức Phật sẵn có trong tâm ta, lẽ nào đức Phật sẵn có trong tâm ta chẳng ứng với cái tâm sẵn có Phật ư?”

❖ Những điều Tông môn dạy chuyên chỉ về lý tánh, chẳng luận về Sự Tu. Vì sao vậy? Muốn cho con người trước hết biết đến cái lý “nhân quả, tu chứng, phàm thánh, chúng sanh - Phật chẳng phân biệt”, để rồi y theo cái lý ấy mà bắt đầu tu nhân chứng quả, siêu phàm nhập thánh, đây chính là sự “chúng sanh thành tựu Phật đạo” vậy!

❖ Luận rạch ròi thì Phật pháp chẳng ngoài Chân Đế và Tục Đế. Trong Chân Đế, một pháp chẳng lập, như thường nói: *“Thật Tế lý địa chẳng dính mảy trần”*. Trong Tục Đế, không pháp nào chẳng đủ, như thường nói: *“Trong cửa Phật sự, chẳng bỏ một pháp”*. Trong Giáo, xiển dương cả Tục lẫn Chân, nhưng đa phần nói về Tục Đế. Bên Tông thì chính ngay nơi Tục nói về Chân, nhưng quét sạch tướng Tục.

Phải biết rằng: Chân và Tục đồng thể, hoàn toàn chẳng phải là hai vật. Ví như tám gương báu tròn lớn, rộng sáng chiếu soi cùng tốt, trọn chẳng có một vật. Tuy trọn chẳng có một vật, nhưng nếu người Hồ đến, gương hiện bóng người Hồ, người Hán đến, hiện bóng người Hán, sâm la vạn tượng cùng đến đều cùng hiện. Dù bao tượng cùng hiện, vẫn trọn chẳng có một vật. Tuy trọn chẳng có một vật, chẳng trở ngại các tượng cùng hiện. Nơi “các tượng cùng hiện” đó, nhà Thiền chuyên nói “trọn chẳng có một vật”. Nơi “trọn chẳng có một vật” ấy, Giáo dạy rõ “các tượng cùng hiện”. Như vậy, nơi Sự Tu nhà Thiền hiển rõ lý tánh, chẳng bỏ Sự Tu. Nơi lý tánh, Giáo giảng Sự Tu quy về lý tánh. Đây gọi là “xứng tánh khởi tu, toàn tu tại tánh, bất biến tùy duyên, tùy duyên bất biến, Sự - Lý cùng đạt, Tông - Giáo bất nhị” vậy!

❖ Cái gọi là Niệm Phật Tam Muội nói tưởng dễ dàng, nhưng chứng đạt thật khó. Hãy nên nhiếp tâm niệm thiết tha, lâu ngày sẽ tự

đạt. Dù chẳng thể tự đạt, nhưng do công đức tin chân thành, nguyện thiết tha, nhiếp tâm tịnh niệm ắt sẽ ngầm được Phật tiếp dẫn, đối nghiệp vãng sanh. Sự Nhất Tâm theo cách phán định của đại sư Ngẫu Ích người tu hành đời nay còn chưa thực hiện nổi, hướng chi Lý Nhất Tâm? Phải đoạn được Kiến Tư Hoặc mới gọi là Sự Nhất Tâm. Phá vô minh, chứng pháp tánh gọi là Lý Nhất Tâm.

Nếu là bậc “trong ngầm hạnh Bồ Tát, ngoài hiện làm phàm phu” thì đối với hai loại Nhất Tâm này chẳng khó khăn gì. Nếu thật sự là phàm phu đầy dẫy triền phược thì Sự Nhất Tâm còn chưa dễ được, hướng hồ là Lý Nhất Tâm ư? Hãy xem kỹ lá thư trao đổi rất dài giữa Quang tôi và vị cư sĩ nọ ở Vĩnh Gia ắt sẽ biết rõ. Đến chừng nào ngộ Vô Sanh rồi, gìn giữ chắc chắn, tiêu sạch các tập khí dư thừa, sẽ tự hiểu rõ điều ấy, cần gì phải hỏi trước? Như người uống nước, nóng lạnh tự biết. Nếu không, dù người uống có nói đích xác mười phần, người chưa uống rốt cuộc vẫn chẳng biết được mùi vị ra sao!

Có lẽ cư sĩ thấy ngộ được Vô Sanh Nhẫn là chuyện dễ dàng, e tự mình ngộ rồi nhưng chưa biết cách gìn giữ chắc chắn [cái ngộ ấy] ắt sẽ bị các tập khí thừa sót khiến cho sở ngộ lại bị mất đi nên mới hỏi như vậy chăng? Chân Vô Sanh Nhẫn thật chẳng phải là chuyện nhỏ đâu, đây chính là “phá vô minh - chứng pháp tánh”; tối thiểu phải là bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo, bậc Sơ Địa trong Biệt Giáo [mới chứng được], nói sao dễ dàng thế?

Mong ông hãy hành theo những điều Quang đã nói trong Văn Sao, ắt sẽ hiểu duyên do của pháp môn Tịnh Độ, ắt tin - nguyện - hạnh sẽ chẳng bị những dị thuyết của hết thầy thiện tri thức đoạt mất. Sau đây, nếu còn sức thì chẳng ngại nghiên cứu thêm các Kinh luận Đại Thừa để mở mang trí thức, hòng làm căn cứ hoằng truyền Tịnh Độ. Như vậy, dù là phàm phu vẫn có thể tùy cơ lợi sanh, hành Bồ Tát đạo, đừng làm mong cao xa, chỉ e Sự - Lý chẳng rành, khó tránh khỏi bị ma dựa. Lá thư dài gởi vị cư sĩ nọ ở Vĩnh Gia chuyên tri

chứng bệnh này. Bệnh cư sĩ ấy với bệnh của ông tên gọi khác nhau, nhưng tánh chất giống hệt, nên Quang chẳng muốn nói nhiều.

Chỉ mong ông nhờ lá thư ấy mà lãnh hội. Phải biết người sau khi đã ngộ dù tu trì giống hệt như người chưa ngộ, nhưng tâm niệm khác biệt. Người chưa ngộ Vô Sanh, cảnh chưa xảy đến đã mong sẵn, cảnh hiện tiền bèn nắm nín, cảnh đã qua rồi vẫn nghĩ nhớ. Người ngộ Vô Sanh thì cảnh tuy sanh diệt, tâm chẳng sanh diệt, hệt như gương sáng, đến không dính, đi không tăm tích. Tâm ứng theo cảnh như gương hiện bóng, trọn chẳng có mảy may ý niệm nào chấp trước, quuyến luyến. Dù đối cảnh vô tâm, vẫn sóng trào biển hạnh, mây bủa cửa từ. Đối với luân lý, cương thường thế gian và việc thượng hoàng hạ hóa đều mỗi mỗi nhận hiểu đúng, thật sự thực hành, dù táng thân mất mạng chẳng chịu vượt phạm.

Đừng tưởng là đối cảnh vô tâm rồi phứt hết các sự tu trì, tự lợi, lợi tha, thượng hoàng hạ hóa. Nếu hiểu như vậy sẽ vướng sâu vào Không Ma, đọa vào Ngoan Không. Do đây, bác không nhân quả, buông lung làm cản trở thành đem phạm lạm thánh, hoại loạn Phật pháp, làm lạc chúng sanh, tạo thành chủng tử A Tỳ địa ngục. Điều này quan hệ hết sức sâu xa, bắt đặc dĩ Quang tôi phải vì ông trình bày sơ lược lợi hại.

❖ Nếu ước trên Thật Tế lý thể để luận thì phạm - thánh, chúng sanh - Phật, nhân - quả, tu - chứng đều chẳng thể được. Nếu luận trên phương diện pháp môn tu trì thì trên từ Như Lai đã thành Phật đạo, dưới đến chúng sanh trong A Tỳ đều chẳng ra ngoài nhân quả. Hiểu rõ lý tánh nhưng chẳng phứt Sự Tu bèn là Chánh Tri, chấp lý tánh, phứt Sự Tu bèn thành tà kiến. Sai chỉ hào ly, lập thành địa ngục và Phật quả khác biệt.

2. Luận về tâm tánh

❖ Tâm vừa Tịch, vừa Chiếu, bất sanh bất diệt, rộng lớn, thấu triệt, linh thông, viên dung hoạt bát, là gốc của hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian. Từ hạng phàm phu đầy dẫy triền phược, hôn mê, điên đảo làm lạc cho đến tam thể chư Phật, tâm ấy vẫn hết như nhau, trọn không có gì khác. Vì thế nói: *“Tâm, Phật, chúng sanh cả ba không sai biệt”*.

Chỉ vì chư Phật chứng đắc rốt ráo nên công đức, lực dụng phổ bày triệt để; phàm phu toàn thể mê trái, lại còn áp dụng sức công đức lực dụng ấy vào sáu trần cảnh, khởi tham - sân - si, tạo giết - trộm - dâm, do Hoặc tạo nghiệp, do nghiệp cảm khổ. Ba thứ Hoặc - nghiệp - khổ phát khởi lẫn nhau, nhân nhân quả quả liên tiếp chẳng dứt, trải trần sa kiếp chịu mãi luân hồi, dù muốn xuất ly cũng chẳng có cách nào! Ví như trong nhà tối mò phải của báu, chẳng những không thọ dụng được, lại còn bị của báu ấy làm tổn thương. Tâm mê chạy theo cảnh, quay lưng với Giác, xuôi theo trần lao cũng giống như thế.

Như Lai thương xót, dạy cho họ bỏ vọng về với chân, khôi phục tâm tánh mình. Thoạt đầu dạy “hết vọng là chân”, kế đó dạy “toàn thể vọng chính là chân”, như gió lặng sóng yên, nắng ấm băng tan; sóng, băng trở thành nước. Sóng, băng cùng với nước nào phải là hai vật; nhưng lúc sóng chưa yên, băng chưa tan, so với lúc sóng đã lặng, băng đã tan, dù thể tánh trọn chẳng phải hai, tướng và dụng khác xa vời vợi. Bởi thế mới nói: “Tu đức có công, tánh đức mới hiện”. Nếu chỉ cậy vào tánh đức, chẳng chú trọng tu đức thì đến tận đời vị lai cứ mãi mãi là chúng sanh, luống uổng Phật tánh sẵn có, không chỗ dựa nương! Vì thế, Bát Nhã Tâm Kinh nói: *“Lúc Quán Tự Tại Bồ Tát thực hành sâu xa Bát Nhã Ba La Mật, soi thấy năm uẩn đều không, vượt hết thảy khổ ách”*.

Toàn thể Ngũ Uẩn là Chân Như diệu tâm, nhưng do một bề mê muội, trái nghịch, bèn thành tướng huyền vọng. Vọng tướng đã thành, bèn lầm mất Nhất Tâm. Đã mê muội nơi Nhất Tâm, các khổ đều nhóm lại. Như gió thổi, toàn thể nước trở thành sóng; trời lạnh, nước mềm thành cứng. Dùng Bát Nhã thậm thâm để chiếu soi liền hiểu rõ: mê chân thành vọng, toàn vọng chính là chân; như gió lặng, trời ấm, nước lại trở về bản thể.

Vì thế biết rằng: Hết thấy các pháp đều do vọng tình biến hiện, nếu lìa vọng tình thì bản thể của các pháp ấy hoàn toàn là Không. Bởi vậy, tứ đại đều mất bản tánh, lục căn dùng lẫn cho nhau. Thế nên, Bồ Tát chẳng khởi Diệt Định, hiện các oai nghi, dùng nhãn căn làm Phật sự của nhĩ căn, dùng nhĩ căn làm Phật sự của nhãn căn, vào trong đất như vào nước, đi trong nước như đi trên đất, nước lửa chẳng thể đốt cháy hay nhận chìm được, tùy ý đi, ngồi trên hư không, cảnh không tự tánh, đều theo tâm chuyển.

Bởi vậy, Kinh Lăng Nghiêm nói: *“Nếu có kẻ nào nhận chân, quy nguyên thì mười phương hư không thấy đều tan mất”*. Đây chính là hiệu quả thật sự của việc “soi thấy năm uẩn đều không” vậy. “Quy” nghĩa là quay về, trở về, tức là phản chiếu hồi quang, khôi phục tâm tánh vốn có. Nhưng muốn phản chiếu hồi quang khôi phục tâm tánh, nếu trước hết tâm chẳng quy hướng Tam Bảo sẽ chẳng thể y giáo phụng hành. Tâm đã quy hướng Tam Bảo sẽ tự có thể khôi phục nguồn tâm, triệt chứng Phật tánh. Đã khôi phục được nguồn tâm vốn sẵn có, triệt chứng Phật tánh, mới biết tự tâm quý báu nhất, trong mê chẳng giảm, lúc ngộ chẳng tăng. Chỉ vì thuận theo pháp tánh nên thọ dụng được, trái lại sẽ bị tổn thương. Thế nhưng, tổn hại hay lợi ích cách biệt nhau một trời, một vực!

❖ Chúng sanh là Phật chưa ngộ, Phật là chúng sanh đã ngộ. Tâm tánh bản thể của chúng sanh và Phật bình đẳng, giống hệt như nhau,

không hai, không khác; nhưng khổ - vui, thọ dụng khác biệt nhau như trời với đất là do xứng tánh thuận tu hay trái tánh nghịch tu mà thành ra như thế. Lý này rất sâu, chẳng dễ tuyên nói. Để khỏi phí lời [giải bày], xin mượn ví dụ để minh thị:

Chư Phật tu đức đến cùng cực, chúng ngộ triệt để tánh đức, giống như tấm gương báu tròn lớn. Thể chất của gương là đồng¹. Biết gương có tánh chất tỏa sáng nên hằng ngày lau, mài, ra sức chẳng ngại. Bụi hết, gương tỏa sáng, dựng trên đài cao, vật nào soi đến liền hiện bóng. Lớn như trời đất, nhỏ như hạt bụi, mỏng lông, sâu la vạn tượng đều hiện rành rành. Ngay trong lúc muôn vàn hình tượng cùng hiện ấy, gương vẫn rỗng rang, trống trải, trọn chẳng có một vật nào.

Tâm chư Phật cũng giống như vậy: đoạn sạch phiền não, Hoặc nghiệp, hiển hiện trọn vẹn trí huệ, đức tướng, an trụ trong Tịch Quang đến cùng tận đời vị lai thường hưởng pháp lạc, độ chín giới xuất ly sanh tử, cùng chứng Niết Bàn. Chúng sanh hoàn toàn mê nơi tánh đức, trọn chẳng tu đức mấy may, ví như gương báu bụi phủ, chẳng có mấy may quang minh nào, ngay cả chất đồng cũng bị teng đóng nên quang minh chẳng hiện được. Tâm chúng sanh cũng giống như thế.

Nếu như biết tấm gương bị bỏ phế chẳng hiện chất đồng này vốn có quang minh soi trời chiếu đất, do đây chẳng chịu bỏ phế, ngày ngày lau chùi, mài bóng, lúc đầu hơi lộ chất đồng, dần dà tỏa ánh quang minh, vẫn cực lực mài cho sạch, một ngày kia, teng lẫn bụi hết sạch, tự nhiên hình tượng nào soi vào liền hiện bóng, soi trời chiếu đất. Quang minh ấy gương vốn tự có, chẳng phải từ bên ngoài vào, chẳng phải do mài mà có; nhưng nếu chẳng mài cũng không cách nào có được!

¹ Thời xưa dùng những tấm đồng tròn, đánh bóng làm gương soi mặt.

Chúng sanh bỏ trần xuôi theo tánh giác, bỏ vọng theo chân cũng giống như thế. Phiên Hoặc đoạn dần dần, trí huệ sẽ tăng dần dần. Đến khi công hạnh viên mãn, đoạn được cái không thể đoạn, chứng được cái không thể chứng, viên mãn Bồ Đề, trở về cái chẳng thể đạt được, thần thông, trí huệ, công đức, tướng hảo trọn chẳng khác gì với mười phương ba đời chư Phật. Dù là như vậy, cũng chỉ là khôi phục cái mình sẵn có, phải đâu là mới có. Nếu chỉ chấp nhận tánh đức, chẳng khởi tu đức, ắt đến tận đời vị lai thường phải chịu cái khổ luân hồi sanh tử, vĩnh viễn chẳng có ngày khôi phục cái gốc, trở về cội nguồn được!

❖ Hết thấy chúng sanh đều có Phật tánh, nhưng tâm hạnh thọ dụng của Phật và chúng sanh tuyệt đối chẳng tương đồng. Vì sao vậy? Vì Phật bỏ trần theo giác, chúng sanh lại bỏ giác theo trần; Phật tánh dẫu đồng, mê - ngộ rất khác! Vì thế, sướng - vui, thăng - trầm khác nhau một trời, một vực! Nếu quan sát kỹ nghĩa lý ba nhân Phật tánh, ắt không mỗi nghi nào là chẳng phá được, không ai là chẳng muốn tu tập! Ba nhân là chánh nhân, liễu nhân và duyên nhân.

Chánh nhân Phật tánh chính là diệu tánh vốn sẵn có trong tâm ta, là Pháp Thân chân thường chư Phật đã chứng. Diệu tánh này tại phàm chẳng giảm, nơi thánh chẳng tăng, trong sanh tử chẳng nhiễm, ở Niết Bàn chẳng tịnh. Chúng sanh triệt để mê trái tánh này, chư Phật viên chứng rốt ráo. Mê - chứng dù khác, tánh thường bình đẳng.

Thứ hai là liễu nhân Phật tánh, tức là chánh trí để phát sanh chánh nhân Phật tánh. Do tri thức hoặc là do Kinh giáo, nghe biết diệu nghĩa chánh nhân Phật tánh bèn liễu ngộ, biết do một niệm vô minh chướng lấp nguồn tâm, chẳng biết bản thể của cảnh giới sáu trần vốn là không, nhận lầm thật có, đến nỗi khởi tham - sân - si, tạo giết -

trộm - dâm, do Hoặc tạo nghiệp, do nghiệp chịu khổ, khiến cho chánh nhân Phật Tánh trở thành cái gốc để khởi Hoặc tạo nghiệp chịu khổ. Từ đây liễu ngộ, bèn muốn bỏ vọng về với chân, hòng mong khôi phục bản tánh.

Ba là duyên nhân Phật tánh, tức là trợ duyên. Đã liễu ngộ, phải tu tập các thứ thiện pháp ngõ hầu tiêu trừ Hoặc nghiệp, tăng trưởng phước huệ, cốt sao tự chứng được rốt ráo cái lý sẵn có mà ta đã ngộ đó mới thôi!

Xin dùng thí dụ để chỉ rõ: chánh nhân Phật Tánh như vàng trong quặng, như lửa trong gỗ, như ánh sáng nơi gương, như mầm trong hạt, dù là sẵn có, nhưng nếu chẳng biết đến, chẳng được các duyên: nung luyện, khoét, dùi, mài giũa, gieo trồng, mưa dầm... thì vàng, lửa, ánh sáng, mầm mộng vĩnh viễn chẳng khi nào phát sanh được! Như vậy dù có chánh nhân nhưng nếu không duyên, trọn chẳng thể thọ dụng được.

Bởi thế, Phật dạy hết thảy chúng sanh đều là Phật, muốn độ thoát họ; nhưng chúng sanh trọn chẳng liễu ngộ, chẳng chịu tu tập thiện pháp, đến nỗi bao kiếp dài lâu luân hồi sanh tử, không thể thoát được. Do đó, Như Lai rộng bày các phương tiện, tùy cơ chỉ bày, dẫn dắt, mong chúng sanh bỏ vọng theo chân, bỏ trần theo giác.

❖ Cổ nhân nói: *“Sanh tử cũng lớn, há chẳng đau đớn ư?”* Trộm bàn: Đã chẳng biết nguyên do, dù có đau lòng cũng chẳng ích gì! Nên biết rằng: Hết thảy chúng sanh theo nghiệp lưu chuyển, thọ sanh trong sáu đường, sanh chẳng biết từ đâu đến, chết chẳng biết đi về đâu! Do nhân duyên tội hay phước sẽ thăng hay giáng, xoay vần luân hồi, chẳng lúc nào xong. Như Lai thương xót, dạy nhân duyên “do Hoặc khởi nghiệp, do nghiệp cảm khổ” và bản thể “thường, lạc, ngã, tịnh, tịch chiếu viên dung” khiến chúng sanh hiểu rõ: Do vô minh nên mới có thân này. Vì thế, thân này hoàn toàn thuộc về

huyền vọng, chẳng những không có tứ đại, ngay cả ngũ uẩn cũng đều không. Đã biết ngũ uẩn là không thì Chân Như pháp tánh, Thật Tướng diệu lý sẽ triệt để phô bày trọn vẹn.

❖ Do tùy duyên nên có tứ thánh, lục phàm, khổ sướng, thăng - trầm khác xa nhau; nhưng duyên có tịnh - nhiễm, nên phải tùy thuộc vào một [trong hai duyên ấy]. Tùy thuộc nhiễm duyên sẽ khởi Hoặc, tạo nghiệp, luân hồi sáu đường. Tùy thuộc tịnh duyên sẽ đoạn Hoặc chứng Chân, thường trụ Niết Bàn. Do Hoặc nghiệp có nặng và nhẹ nên có đường lành người - trời, đường thiện ác chen lẫn là A-tu-la, và ba ác đạo: súc sanh, địa ngục, ngạ quỷ.

Do Hoặc khởi Hoặc, do nghiệp tạo nghiệp hoặc thiện hoặc ác, trọn chẳng có tướng nhất định, cho nên chỗ phải sanh về sẽ lần lượt thay đổi như bánh xe xoay tít chẳng có đầu mối, chọt lên, chọt xuống. Đã có đủ phiền Hoặc, sẽ đều bị nghiệp buộc ràng, theo nghiệp thọ sanh, chẳng thể tự làm chủ được!

Do đoạn chứng (*đoạn Hoặc chứng Chân*) có sâu hay cạn nên người đoạn Kiến Tư Hoặc sẽ chứng quả Thanh Văn, người trừ tập khí sẽ chứng quả Duyên Giác, bậc phá vô minh sẽ chứng quả Bồ Tát. Nếu trừ sạch vô minh, phước huệ viên mãn, công tu đức đến cùng cực, tánh đức phô bày trọn vẹn sẽ chứng Phật Quả. Chứng Phật Quả bất quá chỉ là chứng rốt ráo triệt để những công đức, lực dụng sẵn có trong tâm tánh ngay khi còn thuộc địa vị phàm phu, nay thọ dụng toàn thể những công đức, lực dụng ấy mà thôi, chứ chẳng thêm mảy may gì vào cái tâm tánh ban đầu ấy cả!

Như Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, tuy sở chứng cao thấp bất đồng, nhưng đều chưa thể thọ dụng trọn vẹn những công đức sẵn có nơi tánh. Thế nhưng hết thấy phàm phu lại hướng sức lực chẳng thể nghĩ bàn của tâm tánh ấy vào sáu trần cảnh, khởi tham - sân - si, tạo

giết - trộm - dâm, đến nỗi đọa vào ba ác đạo, trầm luân bao kiếp, so ra ai nấy đều như thế, chẳng đáng buồn ư?

❖ Trước không khởi đầu, sau không kết thúc, dù chứa đựng cả thái hư vẫn chẳng thể lọt ra ngoài, dù nằm lọt trong vi trần cũng chẳng thể lọt vào trong, thanh tịnh sáng sạch, trạm tịch thường hằng, chẳng sanh, chẳng diệt, lìa tướng, lìa danh, là có nhưng chẳng phải có, là không nhưng chẳng phải không. Đây là Chân Tánh.

Xét ra cái thân địa - thủy - hỏa - phong chỉ là gân, xương, máu, thịt chứa nhóm, mới sanh liền diệt, vừa tươi tốt đã tàn úa. Các xương, đốt chống đỡ như kết gỗ làm nhà, một tấm da phủ ra ngoài như tô bùn trát vách. Bên trong toàn là phân tiểu, máu mủ, mặt ngoài cấu ghét, mồ hôi, lông, tóc; giò tửa lúc nhúc, chấy rận như sao trời, giả gọi là Người, nào tồn tại cái Ngã! Lại dùng những thứ mình sẵn có là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý để bươn bả trong rừng gai góc sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Do đó, khởi vô minh tham - sân - si, diệt mất chánh trí Giới - Định - Huệ.

Ngũ Uẩn vốn không, nào ai chịu một phen quán chiếu. Sáu trần vô tánh, người người cho là thật, đến nỗi vạn khổ cùng tụ tập, cứ lầm mãi tánh linh với vọng tâm và huyền thân. Đúng như Kinh Viên Giác nói: *“Hết thấy chúng sanh bao thứ điên đảo, nhận lầm tứ đại là thân tướng của mình, nhận lầm duyên ảnh của sáu trần là tâm tướng của mình”*.

3. Luận về ngộ chứng

❖ Từ xưa, cao tăng hoặc cổ Phật tái sanh, hoặc Bồ Tát thị hiện đều thường hiện thân làm phàm phu, trọn chẳng hề nói ta là Phật, ta là Bồ Tát. Vì thế, Kinh Lăng Nghiêm nói: *“Sau khi ta diệt độ, ta truyền các Bồ Tát và các A La Hán, ứng thân sanh trong thời Mạt*

Pháp, hiện các thứ thân để độ những kẻ đang luân chuyển, nhưng trọn chẳng tự bảo mình thật sự là Bồ Tát hay A La Hán, tiết lộ nhân duyên bí mật của Phật, chỉ thường nhún nhường nói mình là kẻ mạt học”. Chỉ trừ lúc lâm chung, bèn ngậm để lại lời phó chúc.

Trí Giả Đại Sư thật sự là hóa thân của Phật Thích Ca, đến lúc lâm chung, có người hỏi ngài đã chứng đến địa vị nào. Ngài đáp: “*Nếu tôi chẳng lãnh chúng ắt sẽ tịnh được sáu căn, vì tổn mình lợi người nên chỉ đạt được Ngũ Phẩm. Do vậy, vẫn còn thuộc địa vị phàm phu!*” Ngũ Phẩm tức là địa vị Quán Hạnh trong Viên Giáo, sở ngộ bằng với chư Phật, đã chế phục hoàn toàn ngũ trụ phiền não, nhưng vẫn chưa đoạn được Kiến Hoặc. Ngài Trí Giả lúc lâm chung còn chẳng hé lộ sở chứng thật sự là vì để khích lệ kẻ hậu học gắng chí tinh tu, chẳng đến nỗi được chút ít đã cho là đủ, hoặc còn là phàm phu mà đã lạm xưng là thánh!

Nay bề lũ ma khoe xằng mình đắc đạo, hoại loạn Phật pháp, làm lạc chúng sanh, là kẻ đại vọng ngữ. Cái tội đại vọng ngữ đó nặng hơn tội ngũ nghịch, thập ác trăm ngàn vạn ức lần. Thầy trò họ sẽ đọa mãi trong địa ngục A Tỳ trải qua Phật sát vi trần số kiếp¹, luôn chịu sự khổ cùng cực, không cách nào thoát khỏi. Sao đành vì hư danh, lợi lạc phù phiếm một thời để phải chịu hình phạt thảm khốc dài cả kiếp? Danh lợi làm con người lầm lạc đến nỗi như thế đây!

❖ Niệm Phật, xem Kinh, ngộ lý Nhị Không, chứng pháp Thật Tướng là ước trên phương diện tự tỉnh ngộ tu trì để dạy về nhân hiện tại, quả mai sau. Chớ nên can rở tự đắc, bảo là ngay trong đời này mình sẽ đạt được như thế. Chứng Thật Tướng ngay trong đời này chẳng phải là không có người làm được, chỉ e hiện khiết² không có

¹ **Phật sát vi trần số kiếp**: Số kiếp nhiều như số vi trần trong một cõi Phật.

² Bọn bề xa cách nhau gọi là “khiết khoát”, nên khi viết thư, ta hay gọi người bạn ở xa là “hiên khiết” (bạn hiên)

căn lành ấy! Nếu chẳng trình bày rõ nguyên do, e rằng ông sẽ lầm mong chứng thánh, chí cao nhưng hạnh chẳng xứng, lâu ngày ắt sẽ mất trí đâm cuồng, chưa đắc bảo đã đắc, chưa chứng bảo đã chứng, cầu thăng hóa đọa, biến khéo thành vụng. Xét đến kết quả, khó tránh chìm đắm mãi mãi trong nẻo ác; chẳng những mai một tánh linh của chính mình, lại còn cô phụ Phật ân nữa!

Đối với hai thứ Không Lý, nếu chỉ luận về ngộ thì hàng phàm phu lợi căn cũng ngộ được. Như những người thuộc vào địa vị Danh Tự của Viên Giáo, tuy chẳng chế phục được mảy may ngũ trụ phiền não nào, nhưng sở ngộ của họ và sở ngộ của chư Phật không hai, không khác (*Ngũ trụ: Kiến Hoặc là một trụ, Tư Hoặc gồm ba trụ. Trần Sa Hoặc và Vô Minh Hoặc gộp thành một trụ*). Nếu nói theo nhà Thiền, những kẻ ấy gọi là bậc đại triệt đại ngộ, bên Giáo gọi là “đại khai viên giải”.

[“Đại triệt đại ngộ”] chẳng phải là chỉ hiểu loáng thoáng mơ hồ đầu nhé! Như Bàng cư sĩ (*Bàng Long Uẩn*) nghe Mã Tổ bảo: “*Đợi khi nào ông một hơi uống cạn nước Tây Giang, ta sẽ nói cho ông hay*” liền đón vong huyền giải. Ngài Đại Huệ Cảo nghe ngài Viên Ngộ bảo: “*Gió nồm từ Nam thổi, điện gác mát mẻ sao!*” cũng ngộ như thế. Tổ Trí Giả tụng Kinh Pháp Hoa đến câu “*gọi là chân tinh tấn, là chân pháp để cúng dường Như Lai*” của phẩm Dược Vương Bồn Sự liền hoát nhiên đại ngộ, lặng lẽ nhập định, tận mắt thấy một hội Linh Sơn nghiêm nhiên chưa tan. Ngộ như thế mới gọi là “đại triệt đại ngộ, đại khai viên giải!”

Nếu bàn về chuyện chứng được pháp Thật Tướng thì hàng phàm phu sát đất chẳng thể làm được. Nam Nhạc Tư đại thiền sư là “đắc pháp sư”¹ của ngài Trí Giả, có đại trí huệ, có đại thần thông, lúc lâm chung, có người hỏi đến sở chứng, ngài bảo: “*Tôi lúc đầu mong đạt*

¹ **Đắc pháp sư**: lãnh hội pháp, chứng ngộ pháp nơi vị nào thì vị ấy gọi là “đắc pháp sư”.

được Đồng Luân, nhưng do lãnh chúng quá sớm nên chỉ đạt được Thiết Luân mà thôi!” (Đồng Luân tức là Thập Trụ, phá một phần vô minh, vừa mới dục vào Thật Báo Tịnh Độ, chứng được một phần Tịch Quang Tịnh Độ. Bạc Sơ Trụ có thể hiện thân làm Phật giáo hóa chúng sanh trong một trăm tam thiên đại thiên thế giới. Nhị Trụ giáo hóa được một ngàn, Tam Trụ giáo hóa bốn ngàn. Mỗi địa vị cứ gấp mười lần hơn. Thiết Luân tức là địa vị thứ mười trong Thập Tín. Sơ Tín đoạn Kiến Hoặc, Thất Tín đoạn Tư Hoặc, Bát, Cửu, Thập Tín phá được Trần Sa, chế phục vô minh. Ngài Nam Nhạc Huệ Tư thị hiện chỉ chứng được ngôi thứ 10 trong Thập Tín, tức là vẫn chưa chứng được pháp Thật Tướng. Phá một phẩm vô minh liền chứng Sơ Trụ, mới được gọi là chứng pháp Thật Tướng).

Trí Giả đại sư là hóa thân của Phật Thích Ca. Lâm chung có người hỏi ngài chứng được địa vị nào, ngài đáp: “Nếu ta chẳng lãnh chúng, ắt sẽ tịnh được sáu căn (tức là nếu ngài không thâm nạp, giáo hóa đồ chúng, ngài sẽ chứng được Thập Tín, sáu căn thanh tịnh như trong phẩm Pháp Sư Công Đức Kinh Pháp Hoa đã nói). Do tổn mình lợi người, nên chỉ chứng được Ngũ Phẩm” (Ngũ Phẩm tức là địa vị Quán Hạnh, chế phục trọn vẹn Ngũ Trụ Hoặc, nhưng vẫn chưa đoạn được Kiến Hoặc). Ngẫu Ích đại sư lâm chung có bài kệ như sau:

Danh tự vị trung chân Phật nhãn,

Vị tri tất cánh phó hà nhân.

Tạm dịch:

Phật nhãn hãy còn nơi danh tự,

Giao ai rốt cuộc biết đâu là!

(Người thuộc về địa vị danh tự đã viên ngộ Tạng Tánh giống như chư Phật, nhưng chưa thể chế phục được Kiến Hoặc, hướng hồ là đoạn nổi! Thân phận những bậc đại triệt đại ngộ trong đời mạt đa

phân giống như vậy. Tạng Tánh chính là Như Lai Tạng Diệu Chân Như tánh, là tên gọi khác của pháp Thật Tướng).

Ngẫu Ích đại sư thị hiện chỉ chứng địa vị Danh Tự, ngài Trí Giả thị hiện chỉ chứng được Ngũ Phẩm, ngài Nam Nhạc thị hiện chỉ chứng được Thập Tín. Tuy bốn địa của ba vị đại sư đều chẳng thể suy lường được, nhưng các ngài thị hiện chỉ chứng ba địa vị Danh Tự, Quán Hạnh, Tương Tự, đủ thấy Thật Tướng chẳng dễ chứng. Vì kẻ hậu tấn khó thể vượt hơn các ngài được, chỉ e bọn họ chưa chứng đã bảo là chứng nên các ngài lấy thân mình thuyết pháp ngõ hầu người đời sau tự biết hổ thẹn, chẳng dám làm xằng đó thôi! Cái ân thị hiện địa vị sở chứng vào lúc sau cùng của ba vị đại sư thật là nghiền xương, nát thân khó báo đáp nổi! Ông hãy tự suy gẫm coi mình thật sự có vượt trội ba vị đại sư ấy chăng?

Còn như cho rằng: “Niệm Phật, xem Kinh, vun bồi căn lành, sau khi vãng sanh Tây Phương, thường hầu Phật Di Đà, cao dự hải hội, tùy theo công hạnh cạn hay sâu ắt chứng được Thật Tướng sớm hay trễ” thì đây là lời quyết định vô ngại, là điều hết thảy những người vãng sanh cùng chứng cùng đắc vậy!

❖ Ngộ là phân minh rành rành như mở cửa thấy núi, vệt mây thấy trăng. Lại như người mắt sáng đích thân thấy đường về nhà, cũng như kẻ nghèo đã lâu chột mở toang kho báu. Chứng là như theo đường về nhà, dừng chân ngồi yên, cũng như giữ lấy kho báu ấy, tùy ý hưởng dùng. Phàm phu đại tâm cũng có thể liễu ngộ giống như chư Phật, nhưng về mặt Chứng thì Sơ Địa còn chẳng thể biết nổi chỗ giờ chân, đặt chân của bậc Nhị Địa. Hiểu được ý nghĩa Chứng và Ngộ rồi, tự nhiên sẽ chẳng khởi lòng tăng thượng mạn, chẳng nảy ý lui sụt, mà cái tâm cầu sanh Tịnh Độ dù vạn con trâu cũng chẳng kéo lui lại được!

❖ Trí Giả đại sư được người đời xưng tụng là hóa thân của Phật Thích Ca. Chẳng ai biết được sở chứng của Ngài, nhưng Phật hiện thân tạo pháp tắc cho chúng sanh. Vì thế, đại sư thị hiện vẫn thuộc địa vị phàm phu, bảo: *“Nếu ta chẳng lãnh chúng, ắt sẽ tịnh được sáu căn”*. Ngài dùng chính thân mình để răn người, hiện thân thuyết pháp. Thoạt đầu, đại sư mong đoạn Hoặc chứng Chân, đạt thẳng lên Thập Địa hay Đẳng Giác. Do phải hoằng pháp lợi sanh, bỏ lỡ công phu thiền định của chính mình nên chỉ chứng được địa vị Ngũ Phẩm Quán Hạnh trong Viên Giáo mà thôi! Vì thế ngài nói: *“Do tổn mình lợi người nên chỉ đạt được Ngũ Phẩm”*.

Ngũ Phẩm là năm thứ: tùy hỷ, đọc tụng, giảng nói, kiêm hành Lục Độ và chánh hành Lục Độ. Địa vị Ngũ Phẩm trong Viên Giáo viên ngộ Tạng Tánh (*Tạng tánh là Thật Tướng diệu lý, khi còn triền phược (“tại triền”) gọi là Như Lai Tạng Tánh. Lúc thoát được triền phược gọi là Tịnh Pháp Thân. Nói chung là vì vô minh chưa đoạn nên gọi là Triền*) giống hết sở ngộ của Phật, trọn chẳng khác gì. Đã chế phục trọn vẹn Kiến, Tư, Trần Sa, Vô Minh, Phiền Nã nhưng chưa đoạn được Kiến Hoặc. Nếu đoạn được Kiến Hoặc liền chứng Sơ Tín. Đến địa vị Thất Tín mới đoạn sạch Tư Hoặc, thật sự chứng được “lục căn tùy ý chẳng nhiễm sáu trần”. Vì thế gọi là địa vị “lục căn thanh tịnh”.

Đã thế, trong mỗi một căn lại có đủ công đức của sáu căn, làm Phật sự của sáu căn. Do vậy, còn gọi là “lục căn hỗ dụng” (*sáu căn dùng lẫn nhau*) như trong phẩm Pháp Sư Công Đức của Kinh Pháp Hoa đã nói. Ngài Nam Nhạc thị hiện chứng địa vị này. Người thuộc vào địa vị này chẳng những có đại trí huệ, lại còn có đại thần thông, thần thông của Tiểu Thừa A La Hán chẳng thể sánh bằng. Vì thế ngài Nam Nhạc lúc sanh tiền cũng như sau khi tịch luôn có những sự chẳng thể nghĩ bàn khiến kẻ thấy hoặc nghe phát khởi tín tâm.

Nam Nhạc, Trí Giả đều là bậc Pháp Thân Đại Sĩ, địa vị thực chứng của các Ngài nào ai dò được mức cao thâm. Chẳng qua các ngài muốn cổ vũ hậu thế chuyên tinh học đạo nên mới chịu khuất lấp như thế, nào phải đâu các ngài thật sự chỉ chứng địa vị Thập Tín Tương Tự hay Ngũ Phẩm Quán Hạnh! Lũ phàm phu sát đất chúng ta há kham học đòi các ngài được ư? Hãy nên ưa thô tri trọng giới¹, nhất tâm niệm Phật, kiêm tu các điều lành thế gian để làm trợ hạnh, noi theo pháp hạnh các vị Vĩnh Minh, Liên Trì thì không ai là chẳng được lợi cả!

❖ Các tông tu trì Phật pháp phải đến mức “hạnh khởi, giải tuyệt” mới được lợi ích thật sự, chỉ riêng Tịnh Tông chẳng tu quán như thế. Nhà Thiền đem một câu thoại đầu hoàn toàn vô nghĩa đặt vào trong tâm, coi như bốn mạng nguyên thân, chẳng kể năm tháng, suốt ngày tham cứu cho đến khi nào cả thân tâm lẫn thế giới đều chẳng biết đến nữa, mới hòng đại triệt đại ngộ; chẳng phải là hạnh khởi giải tuyệt hay sao? Lục Tổ nói: “*Chỉ xem Kinh Kim Cang liền có thể minh tâm kiến tánh*”, đây chẳng phải là hạnh khởi giải tuyệt ư?

Theo ngu ý, chữ Khởi nên hiểu là Cực, tức là tận lực đến cùng cực, mới hòng đạt đến cả Năng lẫn Sở cùng mất, nhất tâm phô bày triệt để. Nếu hạnh chưa đến mức cùng cực, dù có quán niệm vẫn còn có Năng, có Sở, vẫn hoàn toàn là tác dụng của phàm tình, hoàn toàn là tri kiến phân biệt, hoàn toàn là tri giải, sao đạt lợi ích chân thật được? Phải tận sức đến cùng cực thì Năng, Sở, tình kiến mới tiêu diệt, chân tâm vốn có mới phát hiện. Bởi thế, thuở xưa có người đầu như cây chết sau chứng đạo phong, rạng rỡ cổ kim. [Muốn tu hành được] lợi ích [phải] hoàn toàn [chú trọng] nơi một chữ Cực vậy!

¹ **Thô tri trọng giới:** Giữ các giới trọng còn ở mức giới tướng, chưa hoàn toàn giữ được giới tánh nên gọi là “thô tri”.

❖ Người khéo đạt lợi ích thì không gì là chẳng hữu ích, người cam chịu tổn mình sẽ chẳng bị tổn hại gì cả. Người đời nay hay dùng thế trí biện thông để làm vốn nghiên cứu Phật học; vừa biết được chút nghĩa lý đã bảo mình chứng đắc. Từ đây, tự nghĩ mình cao quý, miệt thị cô kim. Đừng nói là người hiện đại chẳng đáng để vào mắt, ngay cả những bậc cao tăng từ một ngàn mấy trăm năm trước (*đa phần là cổ Phật tái lai, hoặc Pháp Thân Bồ Tát thị hiện*) đều bị họ coi tuốt là hạng tầm thường, chẳng đáng noi theo! Chưa đắc bảo đã đắc, chưa chứng khoe đã chứng. Nghe lời họ nói cao chót vót chín tầng trời, xét tâm họ thấp trệt dưới chín tầng đất! Tập nhiễm như thế hãy nên quyết liệt trừ khử. Nếu không, khác nào đề hồ đựng trong chén độc, giết người chết tươi!

Nếu có thể niệm niệm quay lại xem xét tự tâm thì chẳng những sẽ được lợi ích nơi các pháp Như Lai đã giảng, ngay cả phiền não, hòn sỏi tầm thường, chiếc đèn lồng, cây cột ngoài đường, tất cả những hình sắc, thanh âm trong đại địa, không thứ gì chẳng phải là diệu lý Thật Tướng Đệ Nhất Nghĩa Đế! Bởi thế mới nói: *“Xưa nay chưa có ai, sao từng mộng thấy được?”* Xin hãy tin chắc, gắng sức thực hành.

❖ Những điều lệnh thân¹ được thấy thật là hy hữu, lạ lùng, có thể nói là có thiện căn từ xưa, nhưng phải ra sức gắng công tu trì thì giấc mộng ấy mới chẳng bị uổng phí. Nếu như vì tri kiến phàm phu, lầm tưởng mình đã được Tam Bảo gia bị, đã dựa vào dòng thánh, rồi sanh đại ngã mạn, chưa đắc bảo đã đắc, chưa chứng bảo đã chứng, sẽ thành ra do nhân lành chuốc lấy quả ác. Người đời mạt tâm trí hèn kém thường mắc phải căn bệnh ấy. Câu Kinh Lăng Nghiêm: *“Chẳng nghĩ là thánh tâm thì gọi là cảnh giới lành, nếu cho là thánh*

¹ **Lệnh thân**: tiếng gọi tỏ ý tôn trọng đối với mẹ của người khác.

giải sẽ vương quần tà” chính là nói về tình trạng này. Xin hãy lấy việc tận lực tu trì pháp môn Tịnh Độ để tự khích lệ mình, ngõ hầu tương lai quyết định được hưởng đại lợi ích!

❖ Niệm Phật chú trọng vãng sanh, niệm đến cùng cực cũng có thể minh tâm kiến tánh, phải đâu niệm Phật hoàn toàn chẳng ích lợi gì cho đời hiện tại! Xưa kia, ngài Minh Giáo Tung thiền sư, nhật khóa niệm mười vạn lần thánh hiệu Quán Thế Âm, sau này mọi Kinh sách thế gian ngài không đọc nhưng đều biết. Cứ xem Tịnh Độ Thập Yếu, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục ắt sẽ biết niệm Phật màu nhiệm, Quang tôi đã nhắc đến nhiều lần trong cuốn Văn Sao hủ lậu của mình. Cư sĩ bảo “niệm Phật vô ích đối với đời này” thì chẳng những chưa thâm hiểu các Kinh luận Tịnh Độ, mà ngay cả với cuốn Văn Sao của Quang cũng chỉ cười ngửa xem hoa, chưa đọc hiểu thật kỹ vậy!

❖ Tuy Tịch Quang Tịnh Độ là “đương xứ tức thị” (*có thể tạm hiểu là “ngay nơi đây chính là cõi Thường Tịch Quang”, hoặc “hiện hữu ngay tại nơi đây”, hoặc “có thể ngộ nhập ngay nơi đây chẳng cần tìm nơi khác”*), nhưng nếu chẳng là bậc trí đoạn rốt ráo, viên chứng Pháp Thân Tỳ Lô Giá Na sẽ chẳng thể triệt để chứng ngộ, đích thân thọ dụng được! Bốn mươi một địa vị: Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác trong Viên Giáo vẫn còn là “phần chứng” (*chứng nhập được ít phần*). Nếu ông đã viên chứng được Pháp Thân Tỳ Lô Giá Na, nói “đương xứ tức thị Tịch Quang” cũng chẳng ngại gì. Nếu không, thì chỉ là kẻ tên món ăn, đếm của báu, chẳng khỏi bị đói rét đến chết mà thôi!

4. Luận về Tông, Giáo

❖ Những giảng sư đời mạt thường thích giảng Thiên, đến nỗi thính chúng đa phần chấp vào những câu công án. Trộm nghĩ: Những câu cơ phong chuyển ngữ (*thoại đầu, công án*) trong nhà Thiên tuyệt đối chẳng có ý nghĩa gì, chỉ nhằm đáp ứng căn cơ người đến hỏi hòng chỉ nẻo hướng thượng. [Những câu chuyển ngữ] ấy chỉ nên để tham cứu, sao lại giảng nói? Giảng Kinh như vậy chỉ những bậc đại sĩ siêu phàm mới hưởng lợi ích, còn những hạng trung - hạ khác đều mắc bệnh hết. Đối với Tông, chẳng biết tận lực tham cứu những câu cơ phong chuyển ngữ, chỉ lo phỏng đoán ý nghĩa. Với Giáo, do thật lý, thật sự nào phải là cảnh giới của mình, bèn làm tướng [Phật, Tổ] nói thí dụ để giảng pháp. Dem Tông phá Giáo, dùng Giáo phá Tông, cái tệ nạn lưu hành này không còn gì tệ hơn được nữa!

❖ Từ ngài Tào Khê (*Lục Tổ Huệ Năng*) về sau, đạo Thiên lưu truyền rộng rãi; mỗi văn tự “chẳng lập văn tự” phổ biến khắp hoàn vũ. Đường giải thuyết ngày càng mở rộng, cửa chứng ngộ ngày càng bế tắc! Vì thế, các tổ Nam Nhạc, Thanh Nguyên đều dùng cơ phong chuyển ngữ để độ người, khiến cho Phật, Tổ trở thành ngôn ngữ suông, không cách nào đáp được lời các ngài hỏi. Nếu chẳng phải thật sự là căn cơ tương xứng sẽ chẳng thể hiểu được lời ấy. Dùng cách ấy để xét nghiệm, khiến vàng - thau rạch ròi, ngọc - đá rành rành, không còn cách nào giả trá, ngăn trở đạo pháp. Đây chính là duyên do của cơ phong chuyển ngữ.

Từ đây về sau, pháp này ngày càng thịnh hành, được các tri thức đề cao, chỉ e lạc vào lối mòn của người khác, trở thành khuôn sáo cũ kỹ, khiến người học nghi ngờ, làm lạc, hoại loạn Tông phong, nên cơ phong chuyển ngữ ngày càng cao tột, vô phương chuyển biến, để

người khác (*người căn cơ không phù hợp*) chẳng biết đâu mà mò. Bởi thế mới có những câu nói trách Phật, quở Tổ, bài xích Kinh giáo, bác bỏ Tịnh Độ! Những lời lẽ ấy nhằm cưỡng đoạt tình kiến, bít chặt sự biện giải của người nghe. Người căn thuần sẽ nhờ ngay đó biết đường trở về, triệt ngộ hướng thượng; người căn cơ chưa thuần sẽ chân thành, tận lực tham cứu, quyết đạt đến đại triệt, đại ngộ mới thôi. Ấy là vì tri thức còn nhiều, căn tánh con người vẫn còn thông lợi, hiểu rành rẽ giáo lý, tâm sanh tử khẩn thiết, dù chưa thể liễu ngộ ngay cũng chẳng nẩy lòng hèn kém, cho đó là pháp bảo vậy!

❖ Hiện tại, lắm kẻ mới đọc vài cuốn sách Nho, chẳng hiểu đạo lý thế gian, chưa hiểu cùng tột giáo thừa, chẳng hiểu Phật pháp, vừa mới phát tâm bèn gia nhập Tông môn. Hàng tri thức chỉ vì duy trì môn đình, cũng học đòi cổ nhân xiển dương, chẳng quản đạo pháp lợi hại thế nào. Người theo học chẳng phát khởi mối nghi tình chân thật, đối với bất cứ điều nào cũng tưởng là chân pháp cả!

Đối với những câu khai thị của người hiện tại hoặc những câu chép trong sách của cổ nhân, có kẻ bèn tự ý suy diễn nêu ra nghĩa lý, dù trọn chẳng ra khỏi việc giải thích ý nghĩa theo mặt văn tự, nhưng cứ tự hào là triệt ngộ hướng thượng, việc tham học đã hoàn tất rồi, liền dự ngay vào địa vị tri thức để dạy dỗ đàn hậu học, lập riêng một môn đình. Cứ sợ người khác chê mình chẳng phải là bậc thông gia bèn ra sức giảng Thiền, muốn được xưng tụng là “tông thuyết kiêm thông”.

Giảng về Tông thì khi giảng những lời chỉ quy hướng thượng của cổ đức rốt cuộc chỉ giảng nghĩa câu văn theo mặt văn tự. Khi giảng Giáo, cái đạo tu nhân chứng quả của Như Lai bị họ biến thành những thuyết “mượn ví dụ để biểu thị pháp”. Dùng Giáo phá Tông, đem Tông phá Giáo, kẻ đuổi dẫn lũ mù, kéo nhau vào lửa, đến nỗi bọn hậu

bồi chẳng được nghe gương sáng của tiền bối, lão nháo bắt chước thầy khinh Phật, lờn Tổ, bài nhân, bác quả mà thôi!

❖ Giáo độ khắp ba căn, thâm trọn lợi độn, ví như chiếu chỉ sáng suốt của vua thánh, vạn quốc tôn sùng, trí - ngu, hiền - tệ đều cùng hiểu rõ, đều phải tuân hành. Nếu kẻ nào chẳng tuân sẽ bị xử cực hình. Nếu kẻ nào chẳng tuân lời Phật dạy ắt sẽ đọa trong ác đạo. Tông chỉ độ được thượng căn, chẳng nhiếp trung căn, hạ căn; giống như tướng quân nhận mật lệnh, người [thân cận] trong doanh mới biết, kẻ ngoài doanh dù có trí huệ cũng chẳng hiểu được. Vì thế mới có thể dùng toàn quân diệt giặc, thiên hạ thái bình. Quân lệnh bị tiết lộ, ba quân sẽ tan vỡ; Tổ ấn bị tiết lộ, năm tông¹ chết tiêu. Kẻ chưa ngộ chỉ được phép tham cứu thoại đầu, chẳng được xem đọc sách Thiền, thật ra chỉ là vì sợ kẻ ấy hiểu lầm ý Tổ, chấp mê là ngộ, lấy giả rồi chân. Đây gọi là [Tổ ấn] bị tiết lộ, tai hại cực lớn.

❖ Về nguồn không hai, phương tiện nhiều cửa. Phương tiện của nhà Thiền vượt ngoài khuôn khổ, tựa hồ quét sạch hết thảy ngôn ngữ. Kẻ không lãnh hội được ý ấy, chẳng hiểu ý chỉ rời lia ngôn ngữ, chuyên nhai bã hèm, nên đối với Tông chỉ lo suy diễn [ý Tổ] chẳng chịu tận lực tham cứu, đối với Giáo bèn lầm lạc học đòi viên dung, phá hoại sự tướng! Chỉ có bậc đại đạt là được lợi ích cả nơi Tông lẫn nơi Giáo; nếu không, đề hồ, cam lộ bị chứa trong bình độc bèn thành tỳ sương, trầm độc!

❖ Dù trung căn, hạ căn vẫn có thể được lợi ích nơi Giáo, nhưng nếu chẳng phải là bậc thượng thượng căn sẽ chẳng thể thông suốt Giáo để vận dụng. Dầu kẻ trung, hạ căn khó thể chuyên chí nơi

¹ **Năm tông:** năm tông của nhà Thiền là Lâm Tế, Quy Ngưỡng, Tào Động, Vân Môn và Pháp Nhãn.

Tông, nhưng bậc thượng căn lại có thể đại triệt đại ngộ để hòng chứng nhập.

Trong Giáo, phải thông đạt hết thể pháp, Phật pháp, sự, lý, tánh, tướng, lại còn phải đại khai viên giải (*nhà Thiền gọi là đại triệt đại ngộ*) thì mới có thể làm đạo sư cho cả trời lẫn người.

Trong Tông, tham vỡ được một câu thoại đầu, thấy được bản lai, bèn có thể xiển dương tông phong “trực chỉ”. Nếu nhằm lúc Phật giáo đại hưng khởi và là bậc thông đạt rộng rãi Phật pháp thì hãy nên tham cứu theo nhà Thiền, giống như Tăng Diêu vẽ rồng, hễ điểm nhãn, rồng liền bay lên ngay lập tức. Còn nhằm khi Phật pháp suy vi, kẻ túc căn kém cỏi hãy nên tu trì theo Giáo. Ví như thợ vụng chế đồ mà bỏ hết dây mực thì rốt cuộc chẳng làm gì được cả!

❖ Nay muốn báo ơn Phật, lợi lạc hữu tình thì nhà Thiền dù chuyên xiển dương tông phong, vẫn phải dùng Giáo để ấn chứng; bên Giáo thì tận lực tu trì quán hạnh, chẳng lạm bàn thiền ngữ. Ấy là vì tâm thông diệu đế, hễ gặp duyên liền thành Tông. “Cây bách, que phân khô, quạ kêu, sẻ hót, nước chảy, hoa trôi, ho khạc, phẩy tay, cười khẩy, giận chửi”, pháp nào pháp nấy đều là Tông cả. Lẽ nào diệu pháp viên đôn do chính kim khẩu đức Như Lai nói ra chẳng đáng kể là Tông ư? Cần gì phải mượn cái thanh chống cửa nhà người để chống đỡ cửa nẻo nhà mình! Trong nhà vốn sẵn gỗ Tiên, gỗ Nam, có sao vứt bỏ chẳng dùng? Hãy nên biết rằng: pháp không cao, hèn, chỉ là nhất đạo thường nhiên, do căn cơ có sống hay chín nên nơi mỗi pháp được lợi ích khác biệt!

5. Luận về Trì Chú

❖ Một pháp Trì Chú chỉ nên dùng làm trợ hạnh, chẳng nên lấy Trì Chú làm chánh hạnh, coi Niệm Phật là pháp tu phụ! Dù pháp

môn Trì Chú cũng chẳng thể nghĩ bàn, nhưng phàm phu được vãng sanh hoàn toàn nhờ vào lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, cũng như do đại thệ nguyện của A Di Đà Phật cảm ứng đạo giao mà được Ngài tiếp dẫn. Nếu chẳng hiểu lẽ này, dù pháp nào cũng đều chẳng thể nghĩ bàn, tu bất cứ pháp nào mà chẳng được, nhưng vẫn trở thành “Không Thiên, không Tịnh Độ, giường sắt và cột đồng, vạn kiếp với muôn đời, không có ai nương dựa!”

Nếu tự biết mình là phàm phu đầy dẫy triền phược, toàn thân là nghiệp lực, nếu chẳng cậy vào nguyện lực hoằng thệ của Như Lai, quyết khó thể chắc chắn thoát khỏi luân hồi ngay trong đời này, ắt sẽ biết lực dụng của những giáo pháp đức Phật đã dạy ra trong cả một đời đều chẳng bằng được nổi một pháp Tịnh Độ này.

Nếu trì chú, tụng Kinh để gieo trồng phước huệ, tiêu tội nghiệp thì được; nhưng nếu vọng động mong cầu thần thông thì đúng là bỏ gốc theo ngọn, chẳng khéo dụng tâm. Nếu như tâm này cố kết, lại chẳng hiểu rõ lý, giới lực chẳng vững, Bồ Đề tâm chẳng sanh, tâm nhân - ngã càng thịnh, ắt chẳng mấy chốc sẽ bị ma dựa phát cuồng! Phàm muốn được thần thông, phải đắc đạo trước đã! Hễ đắc đạo liền tự có thần thông. Nếu chẳng dốc sức vào đạo, chỉ mong cầu thần thông, đừng nói là chưa đắc thần thông, dù có đắc cũng trở thành chướng đạo! Vì thế, chư Phật, chư Tổ thầy đều nghiêm cấm, chẳng muốn người đời tu tập thần thông! Do trong đời thường có những người có kiến giải như thế nên tôi mới nhiều lần giải bày như vậy!

❖ Chỉ nên trì chú để trợ tu Tịnh Nghiệp, đừng bộp chộp tác pháp, khinh nhờn Phật, thánh. Nếu đường đột tác pháp nhưng thân tâm chẳng cung kính, chẳng chí thành, rất có thể ma sự sẽ khởi. Chỉ có một việc là nên tác pháp, nhưng đây lại chẳng phải là phận sự của các ông. Đó là: nếu ai phát tâm xuất gia, nhưng [thầy thế độ] chưa

chứng đạo, chẳng thể quán xét căn cơ, bèn cầu xin Phật từ ngẫm dạy cho biết người ấy xuất gia được hay không, hòng tránh khỏi tệ nạn hạng đầu trộm đuôi cướp lộn sòng Tăng chúng.

Nhưng ngày nay Tăng chúng thâm nạp đồ đệ, cứ sợ chẳng thâm được nhiều, dù biết rõ kẻ đó là phường hạ lưu, vẫn cứ vội vã thâm nạp, chỉ sợ nó bỏ đi mất, mấy ai chịu quyết trách như thế nữa! Tham danh lợi, ưa quyền thuộc đến nỗi Phật pháp ngập chìm sát đất, không cách nào hưng khởi được nữa!

❖ Người niệm Phật chẳng phải là không được trì chú, nhưng phải phân định rõ đâu là chánh, đâu là trợ thì trợ cũng quy về chánh. Nếu cứ lằng nhằng chẳng thể phân biệt, đến ngày nào đó nhìn lại, chánh cũng chẳng phải là chánh nữa! Chú Chuẩn Đề, chú Đại Bi, chẳng có chú nào hơn kém cả! Nếu tâm chí thành, pháp nào cũng linh. Tâm chẳng chí thành, pháp nào cũng chẳng linh!

❖ Học chú Vãng Sanh bằng [chánh âm] tiếng Phạn¹ cũng là rất tốt, nhưng chẳng được sanh tâm phân biệt, cho chú văn lược dịch là sai. Hễ khởi tâm niệm ấy sẽ sanh tâm ngờ vực đối với hết thảy các chú chép trong Đại Tạng, cho là những chú ấy chẳng hợp Phật ý. Phải biết rằng những vị dịch Kinh đều chẳng phải tầm thường, sao lại vì những bản dịch của họ không giống nhau bèn sanh lòng miệt thị? Hơn một ngàn năm, những người trì chú này được lợi ích chẳng kể nổi số; chẳng lẽ mọi người trì chú trong hơn một ngàn năm ấy đều chẳng biết tiếng Phạn hay sao? Học thì đương nhiên phải học, tuyệt đối đừng khởi ý niệm ưu liệt, hơn kém thì lợi ích sẽ chẳng thể nghĩ bàn.

¹ Sở dĩ gọi là chánh âm vì chú Vãng Sanh ta thường đọc chỉ là cách phiên âm theo giọng Hán, mô phỏng Phạn âm.

Hơn nữa, một pháp trì chú rất giống như pháp khán thoại đầu. Pháp khán thoại đầu dùng một câu vô nghĩa để dứt trừ phân biệt phàm tình hồng chứng Chân Trí sẵn có. Pháp trì chú chẳng cần hiểu nghĩa lý câu chú, cứ chí thành khấn thiết mà trì, dốc lòng thành đến cùng cực, tự sẽ được nghiệp tiêu trí rạng, chương tận phước cao, lợi ích chẳng thể nghĩ bàn được!

6. Luận về xuất gia

❖ Phật pháp chính là pháp chung cho cả chín pháp giới, không một ai là chẳng nên tu theo, cũng như không một ai chẳng thể tu nổi! Người trì trai, niệm Phật thì nhiều, nhưng tính đến những người có thể làm cho đạo pháp hưng long, phong tục thuần thiện chỉ sợ chẳng được mấy, [những người làm được như vậy] càng nhiều càng tốt. Xuất gia làm Tăng chính là để gìn giữ cũng như lập bày phương cách lưu truyền đạo pháp của Như Lai.

Có những người lập chí hướng thượng, phát Bồ Đề tâm, triệt ngộ tự tánh, tam học (*Văn - Tư - Tu*) sâu rộng, nhưng lại đặc biệt tán dương Tịnh Độ ngũ hầu mau chóng thoát khỏi vòng khổ ải ngay trong một đời này, chỉ e số người này cũng chẳng được mấy ai, càng được nhiều người như vậy càng tốt. Còn như những kẻ có chút tín tâm, chẳng có đại chí hướng, muốn mượn danh nghĩa Tăng sĩ, ăn không ngồi rồi, ăn bám nhà Phật, mang danh con Phật, nhưng thật ra chỉ là gã cạo đầu, dẫu chẳng tạo ác nghiệp, cũng đã là hạt giống hư, là phế nhân đối với đất nước. Nếu lại còn phá giới, tạo nghiệp, điểm nhục Phật pháp, dù lúc sống trốn được quốc pháp, chết đi chắc chắn đọa vào địa ngục. Đối với pháp, đối với mình đều chẳng lợi ích. Một gã như thế còn chẳng nên có, huống chi là nhiều!

Cổ nhân bảo: “*Xuất gia là việc của bậc đại trượng phu, chẳng phải hạng lòng xoàng làm được*”, đây chính là lời chân thật, chẳng

phải là lời hạ thấp hạng lòng xoàng để đề cao Tăng-già đầu! Ấy là vì đối với việc gánh vác gia nghiệp của Phật, tiếp nối huệ mạng của Phật, nếu chẳng phải là người phá vô minh khôi phục bốn tánh, hoàng dương pháp đạo, lợi lạc chúng sanh thì sẽ chẳng thể làm được. Nay những kẻ làm Tăng phần nhiều là hạng thô bỉ, bại hoại, vô lại, mong được sống an nhàn, thanh thoi; kẻ chịu trì trai niệm Phật còn chẳng có mấy, huống hồ là người có thể gánh vác gia nghiệp, tiếp nối huệ mạng ư? Hiện tại Phật pháp sa sút đến tận đất đen là vì Thanh Thế Tổ (*Thuận Trị*) chẳng xét thời cơ, chẳng tuân Phật chế, thay đổi cách khảo thí Tăng sĩ của triều đại trước (*nhà Minh*), bỏ luôn độ điệp¹, cho phép ai nấy tùy ý xuất gia, gây thành mối tệ vậy!

❖ Cho tùy ý xuất gia, đối với bậc thượng sĩ thật là có lợi ích lớn, nhưng đối với kẻ hạ căn lại là sự tổn hại rất lớn. Nếu như toàn thể thế gian đều là bậc thượng sĩ, cố nhiên pháp tắc này rất hữu ích đối với đạo pháp; thế nhưng bậc thượng sĩ hết như vảy lân, kẻ hạ căn nhiều như lông bò. Chỉ tạm hữu ích ngay trong lúc ấy (*từ đầu nhà Thanh cho đến thời Càn Long, thiện tri thức nhiều như rừng, nên bảo là “hữu ích”*), họa lan sâu hậu thế; cho đến hiện tại, mối tệ ô tạp, lạm dụng đã đến mức cùng cực. Dù có thiện tri thức muốn chỉnh đốn một phen cũng chẳng thể làm gì được, chẳng đáng buồn ư?

Từ rày về sau, người xuất gia điều thứ nhất là phải thật sự phát khởi đại Bồ Đề tâm tự lợi, lợi tha, thứ hai là phải có thiên tư hơn người mới cho xuống tóc, không vậy không được. Còn người nữ có tín tâm hãy bảo họ tu hành tại gia, vạn vạn phần chẳng nên để họ xuất gia, chỉ sợ gặp phải kẻ phóng túng khiến Phật môn bị ô uế, bại hoại chẳng nhỏ. Nếu người nam tu hành thật sự, xuất gia càng dễ,

¹ Thời Minh, Tăng sĩ phải trúng tuyển kỳ khảo thí về nội điển mới được cấp giấy chứng nhận (độ điệp) là Tăng sĩ thực thụ.

bởi họ tham phỏng tri thức, y chỉ từng lâm [nào cũng được]. Người nữ dù là bậc chân tu xuất gia cũng khó, bởi lẽ làm gì cũng dễ bị miệng đời gièm xiêm, việc gì cũng khó thể tùy ý được. Chọn lựa để thể độ người, chẳng độ Ni chúng như thể chính là nghĩa lý trọng yếu bậc nhất để hộ trì Phật pháp, chỉnh lý pháp môn trong đời mạt vậy!

❖ Người đời nay hay coi xuất gia như một phương cách sống trốn tránh, lười nhác, an nhàn. Tệ nhất là kẻ không còn sanh lộ nào khác, lấy xuất gia làm kế sống trộm qua ngày. Bởi thế người xuất gia hiện tại đa phần là hạng vô lại, đạo pháp bị quét sạch sành sanh đều là vì hạng xuất gia bại hoại như thế gây nên nỗi cả!

❖ Tăng nhân đời nay khó thể khiến người khác tin tưởng nổi. Nay đã truy điệu Tăng nhân, lẽ nào lại phỉ báng Tăng nhân. Nếu nêu lên những điều tốt lành của họ để răn nhắc những kẻ bất thiện thì chẳng mắc lỗi gì. Nhưng nếu mình đã thuộc vào hàng học trò thì việc răn nhắc cũng nên châm chước; việc răn nhắc ấy chỉ hàng đức cao trọng vọng mới thực hiện được, chẳng phải là việc nên làm của loài chim non miệng vàng vậy!

❖ Hàng xuất gia nếu chẳng phải chân tu, tập khí đầu đường xó chợ còn tệ hơn kẻ tục. Nếu muốn xa lìa tập khí ấy thì trước hết phải hiểu rõ hết thấy các pháp thế gian đều là khổ, là không, là vô thường, là vô ngã, là bất tịnh, thì ba độc tham - sân - si không cách nào khởi lên được. Nếu vẫn chưa chế ngự chúng được, hãy dùng trung - thứ - nhẫn nhục để đối trị, ắt chúng sẽ tự dứt. Nếu vẫn chưa dứt thì phải tưởng mình như đã chết, tự nhiên vô biên phiền não sẽ hóa thành thanh lương.

❖ Chỉ hạng Thích Tử chúng ta mới lấy việc thành đạo lợi sanh làm cách báo ân tối thượng, chẳng những báo đền cha mẹ nhiều đời, mà còn báo đáp hết thầy cha mẹ trong tứ sanh lục đạo từ vô lượng kiếp. Chẳng những chỉ hiếu kính khi cha mẹ còn sống mà còn phải độ thoát linh thức của cha mẹ khiến họ được vĩnh viễn thoát khỏi khổ luân, thường trụ Chánh Giác. Bởi thế mới nói: đạo hiếu của nhà Phật ắt mật khó sáng tỏ ra vậy.

Tuy nhiên, đạo hiếu của Nho gia lấy việc phụng dưỡng cha mẹ làm đầu. Như đạo Thích tử biệt cha mẹ đi xuất gia, có phải là chẳng đoái hoài đến việc phụng dưỡng cha mẹ chẳng? Phật chế định: Xuất gia phải thưa cùng cha mẹ. Nếu có anh em, con cháu để gởi gắm cha mẹ mới được bảm thính với cha mẹ. Cha mẹ có đồng ý mới được xuất gia. Nếu không, chẳng chấp thuận cho kẻ ấy được xuống tóc.

Sau khi xuất gia xong, nếu như anh em gặp biến cố, cha mẹ không chỗ nương nhờ, người xuất gia cũng được phép chia sót y bát để phụng dưỡng song thân. Vì thế, mới có gương thơm hiếu dưỡng với mẹ của ngài Trường Lô (*Ngài Trường Lô Trách thiên sư đời Tống, người xứ Tương Dương. Lúc nhỏ mồ côi cha, mẹ họ Trần, được bảo bọc nơi nhà cậu. Đến lúc lớn, sư thông suốt sách vở thế gian. Năm 29 tuổi xuất gia, hiếu sâu xa yếu chỉ nhà Thiền, sau trụ trì chùa Trường Lô, đón mẹ về ở phòng phía Đông phương trượng, khuyên mẹ niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ suốt bảy năm trời. Bà mẹ niệm Phật qua đời. Xem sự tích này trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục*), chuyện lạ chôn cha của ngài Đạo Phi (*Đạo Phi thuộc hoàng tộc nhà Đường, người Trường An, mới vừa đầy năm, cha bỏ mình vì việc nước. Bảy tuổi xuất gia, đời loạn lạc, gạo thóc đắt đỏ, sư bèn cống mẹ vào Hoa Sơn, tự nhịn ăn, khát thực nuôi mẹ. Năm sau, sư đến chiến trường Hoắc Sơn, thu nhặt xương trắng, chỉ thành tụng niệm Kinh chú, cầu tìm được xương cha. Mấy ngày sau, xương cha trôi lên giữa đồng xương, hiện ngay trước mặt ngài Đạo Phi. Ngài bèn*

bọc lấy xương tàn, ôm về chôn cất. Xem trong Tổng Cao Tăng Truyện).

Bởi thế Kinh dạy: “*Công đức cùng dường cha mẹ bằng với công đức cùng dường Nhất Sanh Bồ Xứ Bồ Tát*”. Cha mẹ còn sống, phải khéo léo khuyên dụ trì trai, niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Cha mẹ mất rồi, dùng công đức đọc tụng, tu trì của chính mình, luôn chí thành hồi hướng cho cha mẹ ngõ hầu cha mẹ vĩnh viễn thoát khỏi ngũ trược, mãi mãi già biệt sáu đường, chứng Vô Sanh Nhẫn, đạt đến địa vị Bất Thoái, độ thoát chúng sanh đến tận cùng đời vị lai, khiến mình lẫn người đều thành đạo Chánh Giác. Có vậy mới chẳng giống với sự đại hiếu thông thường của thế gian.

❖ Xuất gia làm Tăng phải vì chuyên chí Phật thừa, lập bày cách duy trì đạo pháp, chứ chẳng phải là chỉ có thành Tăng thì mới có thể tu trì Phật pháp.

7. Luận về báng Phật

❖ Hễ ai đời trước quả thật có gieo căn lành, chẳng cần biết là vì học hỏi hay vì cầu đạo, thì đều có thể thành mầm mống đại sự xuất thế. Tham, sân, si, hoặc nghiệp phiền não, các thứ ác báo như tật bệnh liên miên đều là nhân duyên xuất ly sanh tử nhập Phật pháp, miễn sao người ấy tự có thể phản tỉnh hay không.

Nếu chẳng thể tự phản tỉnh, đừng kể chi hạng người tầm thường thấp thỏi bị thế giáo buộc ràng, ngay cả những người như Hối Am, Dương Minh, Tĩnh Tiết, Phóng Ông v.v... dù học vấn, trình độ, mức tu dưỡng đều kỳ đặc, trác tuyệt, rốt cục vẫn chẳng thể triệt ngộ tự tâm, liễu thoát sanh tử. Cái học vấn, tu dưỡng, sự hiểu biết của họ có thể làm cơ sở cho vô thượng diệu đạo, nhưng vì chẳng thể tự phản

tỉnh nên rút cuộc lại thành chướng đạo. Đủ thấy nhập đạo thật khó, khó còn hơn lên trời nữa!

❖ Phật thấy chúng sanh đều là Phật. Chúng sanh thấy Phật đều là chúng sanh. Do Phật thấy chúng sanh đều là Phật nên tùy thuận cơ nghi mà thuyết pháp, mong họ tiêu trừ được vọng nghiệp, tự chứng được cái mình vốn sẵn có. Dù hết thấy chúng sanh đều chứng được Niết Bàn rốt ráo, Phật trọn chẳng thấy mình là người cứu độ, chúng sanh là người được độ bởi họ vốn dĩ là Phật.

Do chúng sanh thấy Phật là chúng sanh nên chín mươi lăm phái ngoại đạo ở Tây Thiên (*Án Độ*) cùng bọn nho sĩ câu nệ, rỗng tuếch xứ này không ai là chẳng dốc sạch tâm lực hủy báng đủ cách mong sao Phật pháp diệt sạch hoàn toàn chẳng còn tung tích gì thì lòng mới khoái. Nhưng mặt trời chói lọi giữa hư không, toan dùng hai tay che kín, càng khiến quang minh của Phật pháp càng thêm tỏ rõ, càng bộc lộ cái nông cạn, hèn kém của chính mình mà thôi!

Người có túc căn do nhân duyên báng Phật, bài Phật bèn lại được quy y Phật pháp, làm đệ tử Phật, thay Phật hoằng dương, giáo hóa. Người không túc căn sẽ vì nghiệp lực ấy vĩnh viễn đọa trong A Tỳ địa ngục. Đợi đến lúc nghiệp báo hết rồi, thiện căn được nghe danh hiệu Phật trong kiếp xưa sẽ phát hiện, nhờ đó mới được nhập Phật pháp, sẽ tạm gieo thiện căn. Đến khi nghiệp tận tình không, khôi phục lại cái mình vốn sẵn có mới thôi.

Phật ân thật là rộng lớn sâu xa cùng cực, chẳng thể hình dung nổi! Một câu gieo vào tâm, mãi mãi là hạt giống đạo. Ví như nghe tiếng cái trống có bôi thuốc độc, xa gần đều chết tươi; ăn chút kim cương, quyết định chẳng tiêu được. Tin được như vậy mới gọi là chánh tín.

❖ Phật pháp không điều nào lớn lao chẳng bao gồm, không điều nhỏ nhặt nào chẳng nêu. Ví như một cơn mưa thấm ướt khắp cả, cây

cỏ cùng được tươi tốt, cái đạo “tu thân, tề gia, trị quốc” không gì là chẳng đủ. Xưa nay, văn chương chỉ thịnh một thời, nhưng công nghiệp đồn lan vũ trụ. Phàm những ai chí hiếu, nhân từ, ngàn đời cùng ngưỡng mộ. Con người mới chỉ biết dõi theo vết tích, chưa biết tìm đến gốc.

Nếu khảo sát kỹ đến cội nguồn, sẽ thấy tinh thần, chí khí, tiết tháo của những vị ấy đều được vun bồi bởi việc học Phật. Chẳng cần phải nhắc tới những chuyện khác, ngay như tâm pháp do hàng thánh nhân Tống Nho đề xướng ra cũng vẫn phải mượn Phật pháp làm khuôn mẫu, hướng hồ là những chuyện khác! Bọn Tống Nho khí lượng hẹp hòi, muốn hậu thế nghĩ chính họ đã phát minh ra tâm pháp ấy, bèn thốt lên những lời báng Phật, hòng khóa lấp cái tội mượn trộm Phật pháp. Từ Tống sang Nguyên, tới Minh, không đời nào chẳng vậy.

Cứ thử tận tâm khảo sát, không ai là chẳng được lợi ích nơi Phật pháp. Họ giảng về tịnh tọa, giảng về tham cứu cho thấy họ có dụng công; lâm chung biết trước lúc đi, cười nói rồi qua đời chính là những điểm biểu lộ cuối cùng của họ. Những mẫu chuyện, những sự tích như vậy chép đầy trong các truyện ký Lý học, nào phải chỉ có một chuyện. Học Phật có phải là mối lo cho xã hội hay chăng?

❖ Bản thể của Nho và Phật đương nhiên chẳng hai. Về mặt công phu của Nho và Phật, nếu chỉ bàn hời hợt sẽ thấy rất tương đồng, nếu bàn sâu sẽ thấy khác nhau như trời với đất. Vì sao như vậy? Nho lấy Thành (*chân thành*) làm gốc, Phật lấy Giác làm tông.

Thành chính là “minh đức” (*cái đức sáng tỏ*), do Thành khởi Minh, do Minh nên có Thành. Hễ Thành và Minh hợp nhất sẽ “minh minh đức” (*làm sáng tỏ cái đức sáng ngời*). Giác có Bồn Giác và Thủy Giác. Do Bồn Giác mà Thủy Giác phát khởi, dùng Thủy Giác để chứng Bồn Giác. Thủy và Bồn hợp nhất tức là thành Phật. Bồn

Giác tức là Thành, Thủy Giác là Minh. Nếu thuyết pháp như thế thì Nho và Phật trọn chẳng khác gì nhau.

Các hạ bảo mình “Học Phật, học Không, thấy Lý chẳng ngoài một chương sách Đại Học là điều quyết định chẳng còn ngờ vực gì nữa”; đây chỉ là bàn luận một cách nông cạn. Nếu luận về mặt thứ lớp sâu cạn của công phu tu chứng thì đại để tương đồng, nhưng sở chứng, sở đạt bất đồng rất lớn. Nho chỉ có thể “minh minh đức”, há có thể đoạn trọn Tam Hoặc, đầy đủ cả phước lẫn huệ như Phật chăng? Há có thể như Bồ Tát chứng Pháp Thân, phá một phần vô minh, thấy một phần Phật Tánh hay chăng? Há có thể như Thanh Văn, Duyên Giác đoạn sạch Kiến Hoặc lẫn Tư Hoặc hay chăng?

Điều thứ ba, dù Thanh Văn chỉ đoạn được Kiến Tư Hoặc là hạng thấp kém nhất, nhưng các ngài đã đắc lục thông tự tại. Bởi thế, ngài Tử Bách nói: *“Nếu buông vọng tình xuống được thì dù là vách núi vẫn có thể đi xuyên qua được”*. Sơ Quả còn phải bảy lượt sanh lên trời, bảy lần sanh xuống nhân gian, nhưng đạo lực của các ngài đã đạt tới mức tùy ý chẳng phạm sát giới. Vì thế, các ngài đi đến đâu, loài trùng giạt ra cả. Do đó, mới nói: *“Sơ Quả cày đất, trùng tránh xa bốn tấc”*, hướng hồ là Nhị, Tam, Tứ Quả ư!

Hãy khoan nói tới những người học theo Nho Giáo cái đã, hãy bàn về thánh nhân thôi. Cố nhiên, đa phần thánh nhân là bậc đại quyền thị hiện. Không nói tới bản địa của các ngài, nếu chỉ căn cứ trên mặt Tích, e rằng các ngài còn chưa thể đoạn sạch được Kiến Hoặc, Tư Hoặc như thế được, hướng hồ là sánh với các vị Pháp Thân đại sĩ thuộc bốn mươi địa vị phá vô minh, chứng pháp tánh ư? Cho dù bảo “minh minh đức” tạm ngang ngửa với “phá vô minh” đi nữa, phải nhớ rằng phá vô minh có bốn mươi một địa vị, “minh minh đức” có ngang bằng được với địa vị đầu tiên là Sơ Trụ hay chăng? Có ngang bằng được với địa vị cuối cùng là Đẳng Giác hay chăng? Dù “minh minh đức” có ngang ngửa với địa vị Đẳng Giác đi nữa, đối

với mình đức vẫn chưa thể mình đến cùng cực được! Phải đến khi phá được một phần vô minh mới đáng gọi là “Thành - Minh hợp nhất, Thủy - Bồn vô nhị” vậy!

Do lẽ đó, tôi nói: *“Xét về Thể thì đồng, nhưng phát huy công phu chứng đạt chẳng đồng!”* Người đời vừa nghe nói “đồng” bèn tưởng Nho Giáo bao gồm trọn Phật giáo, nghe nói “khác” bèn tưởng Phật giáo hoàn toàn khác với Nho giáo. Họ chẳng biết đến nguyên ủy “đồng nhưng bất đồng, bất đồng nhưng đồng”; bởi thế, cứ tranh luận tung bưng, ai nấy lo bảo vệ môn đình của mình, ai nấy đều đánh mất tấm lòng trị thể độ nhân của Phật, Bồ Tát cả!

❖ Kể từ khi đại pháp truyền vào Trung Quốc, đế vương các đời không ai chẳng sùng phụng Phật giáo; chỉ có Tam Võ hủy diệt Phật giáo, nhưng người kế vị lại hưng thịnh Phật giáo. Ví như tiết Đông, đông cứng lại chắc nịch để thành tựu vẻ tươi tốt, sum suê cho tiết Xuân, tiết Hạ. Mặt trời chói lọi giữa hư không, toan dùng hai tay che lấp; ngửa mặt khạc nhổ trời, chính mình bị giầy bẩn.

Tam Võ là Ngụy Thái Võ, Châu Võ Đế, Đường Võ Tông. Thoạt đầu họ đều thâm tín Phật pháp, dốc ý tu tập. Ngụy Thái Võ tin lời sàm hoặc của Hoắc Hạo, Châu Võ Đế tin lời sàm tấu của Vệ Nguyên Tung, Đường Võ Tông tin lời vu báng của Lý Đức Dụ và đạo sĩ Triệu Quy Chân.

Hủy diệt Phật pháp chưa lâu la gì, cả người chủ xướng lẫn kẻ tán trợ đều mắc phải ương họa cùng cực. Ngụy Võ Đế phế Phật rồi, chưa đầy năm sáu năm, Hoắc Hạo bị diệt tộc, bản thân Ngụy Võ Đế cũng bị ám sát. Con lên nối ngôi lại ra sức phục hưng Phật giáo.

Sau khi Châu Võ Đế phế Phật, Nguyên Tung bị biếm truất và xử tội chết, khoảng năm sáu năm sau, vua thân mắc ác tật, khắp mình lở loét, chết chưa đầy ba năm, Tùy Văn Đế lên ngôi lại phục hưng Phật giáo.

Đường Võ Đế phê Phật rồi, chưa đầy một năm sau, Quy Chân bị tru lục, Đức Dụ chết trên đường bỏ trốn, Võ Tông uống kim đan của đạo sĩ dâng, lưng nổi nhọt loét mà chết. Tuyên Tông lại phục hưng Phật giáo.

Tổng Huy Tông lúc đầu cũng thâm tín Phật pháp, sau nghe lời yêu vọng của đạo sĩ Lâm Linh Tổ, bắt đổi tượng Phật thành hình tượng Đạo giáo, xưng Phật là Đại Giác Kim Tiên, gọi Tăng là “đức sĩ”, bắt Tăng mặc áo đạo sĩ, mỗi khi làm lễ, Tăng phải ngồi phía sau đạo sĩ. Hạ chiếu chưa lâu, Kinh thành bị lụt lớn khác gì hồ, biển. Vua tôi hoảng sợ, sai Linh Tổ trị thủy, càng phù phép nước càng dâng tràn. Chợt có bậc đại thánh Tăng Già xuất hiện trong cung cấm, vua đốt hương van nài, Tăng Già chống tích trượng lên mặt thành, nước liền rút sạch. Vua liền hạ chiếu phục hồi quy chế Phật giáo như cũ. Chưa đầy sáu bảy năm sau, cha con cùng bị giặc Kim bắt đi. Người Kim phong Huy Tông làm Hôn Đức Hầu, Khâm Tông làm Trọng Hôn Hầu, cha con cùng chết tại thành Ngũ Quốc.

Phật là đại sư ba cõi, cha lành cả bốn loài, bậc thánh của các thánh, là trời trong trời, dạy người bỏ vọng về chân, nghịch trần hợp giác, dứt trừ Hoặc nghiệp huyễn vọng, khôi phục tâm tánh vốn sẵn có. Cảm ân, báo đức, hộ trì lưu thông Phật pháp còn chưa đủ, hướng hồ là cậy vào thế lực nhất thời, đoạn diệt huệ nhãn của chúng sanh, cắt đứt con đường bằng phẳng của trời người, đào hố sâu địa ngục, ắt chuốc quả báo nhãn tiền, luân hồi muôn kiếp, để tiếng xấu cho đời, thật đúng là tấm gương đành rành vậy!

❖ Cái rộng, dày, cao, sáng nhất trong thế gian không gì bằng trời, đất, nhật, nguyệt; nhưng mặt trời chính ngọ rồi phải xế bóng, trăng tròn rồi phải khuyết, bờ cao sụp thành hang, hang sâu đùn thành gò, biển xanh biến thành ruộng dâu, ruộng dâu biến thành biển xanh.

Xưa nay, bậc đạo cao đức trọng không ai bằng Không Tử, vẫn bị tuyệt lương ở đất Trần, bị hãm nơi đất Khuông, chu du các nước, chẳng gặp được vua hiền; chỉ có một đứa con, tuổi vừa năm mươi đã chết mất, may còn một cháu để duy trì dòng dõi. Từ đây tính xuống, Nhan Uyên đoản mạng, Nhiễm Bá Ngưu cũng đoản mạng, Tử Hạ bị mù, Tả Khâu Minh cũng bị mù, Khuất Nguyên trầm mình dưới sông (*Khuất Nguyên tận trung bị gian thần sàm tấu. Về sau vì Sở Hoài Vương bị vua Tần bắt giữ, ông khôn ngăn phẫn uất, nhưng chẳng làm gì được bèn tự trầm nơi sông Mịch La vào ngày mồng Năm tháng Năm*), Tử Lộ bị bầm nát như tương (*Tử Lộ làm quan ở nước Vệ. Vệ Khoái Công hồ đồ bị con giành ngôi, Tử Lộ tử nạn, bị địch quân bầm nát như*).

Trời, đất, nhật, nguyệt còn chẳng thể thường hằng bất biến; đại thánh, đại hiền cũng chẳng thể chỉ gặp toàn thuận lợi chẳng có nghịch cảnh; chỉ những ai biết vui theo mạng trời, dù gặp cảnh ngộ nào cũng đều an vui cả; thế nhưng mấy trăm ngàn năm sau, từ thiên tử cho đến thứ dân không ai là chẳng kính ngưỡng những vị ấy. Nếu cứ dựa trên tình cảnh khi ấy mà luận, tựa hồ họ chẳng có phước báo gì; nhưng nếu dựa trên đạo hạnh lưu truyền hậu thế để luận, ai có phước hơn nổi những vị ấy chẳng?

Người sanh trong cõi đời ngàn tính vạn toán, làm đủ mọi chuyện, xét đến cùng cực chẳng qua chỉ để thân mình no ấm, con cháu quý hiển mà thôi! Thế nhưng, vài thô cũng che được thân, cần gì phải lượt, là, the, vóc; miếng dùng rau dưa cho qua bữa, cần gì phải cá, thịt, hải sản? Con cháu thì hoặc đọc sách, hoặc cấy cày, hoặc buôn bán để tự nuôi thân, cần gì phải giàu đến trăm vạn?

Vả những kẻ mưu tính sao cho con cháu được giàu sang đến vạn đời, chắc không ai hơn được Tần Thủy Hoàng! Vua Tần thôn tính sáu nước, đốt sách, chôn Nho sĩ, thu binh khí trong thiên hạ đúc thành chuông lớn, không điều nào chẳng nhằm mục đích khiến dân

ngu yếu chẳng thể làm loạn được. Nào ngờ Trần Thiệp vừa đứng lên, quần hùng đua nhau nổi dậy. Họ Tần nhất thống sơn hà chưa quá mười hai, mười ba năm, thân đã diệt, nước đã mất, con cháu bị tru lục hết sạch; khác nào cắt cỏ nhổ tận rễ, không còn chút gì nữa! Muốn cho con cháu được an lạc, hóa ra lại khiến chúng mau bị chết sạch hết cả.

Tào Tháo làm Thừa Tướng thời Hán Hiến Đế, chuyên quyền, bất cứ điều gì hắn làm không ngoài mục đích giảm thế lực của vua, tăng oai quyền cho mình, mong sau khi mình chết đi, con mình sẽ xưng đế. Vừa chết đi, Tào Phi liền soán ngôi, thân cha chưa liệm, Phi đã chuyển hết các phi tần của cha sang cung mình. Tào Tháo chết đi, đọa mãi trong ác đạo hơn một ngàn bốn trăm năm. Đến đời vua Càn Long nhà Thanh, ở Tô Châu có kẻ mổ heo, thấy trên gan phổi heo có hai chữ Tào Tháo. Có kẻ lảng giềng trông thấy, sanh lòng hoảng sợ lớn, liền xuất gia, pháp danh là Phật An, nhất tâm niệm Phật liền được vãng sanh Tây Phương. Việc này có ghi trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục. Tào Tháo phí sạch tâm cơ mưu tính cho con cháu. Tuy con hắn được làm hoàng đế, nhưng chỉ ở ngôi được bốn mươi lăm năm liền bị diệt quốc. Hằng ngày lại còn phải đánh nhau với Đông Ngô và Tây Thục, có bao giờ được hưởng một ngày an vui đâu?

Tiếp đó, hai nhà Tấn (*Tây Tấn và Đông Tấn*), Tống, Tề, Lương, Trần, Tùy và các nhà Lương, Đường, Tấn, Hán, Châu thời Ngũ Đại đều chẳng trường cửu, tựu trung nhà Đông Tấn tồn tại lâu dài nhất, nhưng chỉ được một trăm lẻ ba năm. Các triều khác thì hoặc là hai, ba năm, hoặc tám chín năm, mười năm, hai mươi năm, bốn mươi năm, năm mươi năm rồi liền diệt vong. Đây mới chỉ kể những triều đại chánh thống, còn như những kẻ chiếm càn lãnh thổ, ngụy xưng vương triều, số ấy nhiều lắm, tồn tại còn ngắn ngủi hơn nữa.

Xét cái tâm thuở đầu của họ, không ai là chẳng muốn cho con cháu được an lạc, phú quý, tôn vinh; xét đến kết quả thực sự: lại

khiến cho con cháu càng mau gặp phải kiếp nạn, bị tru lạc, diệt môn tuyệt tộc. Dù quý như thiên tử giàu có như bốn biển, vẫn chẳng thể giữ cho con cháu đời đời hưởng phước, hưởng chi kẻ phàm phu trợ trụi? Từ vô lượng kiếp đến nay, những ác nghiệp đã tạo còn dày hơn đại địa, sâu hơn biển cả, có đảm bảo gia đạo thường hưng thịnh, chỉ có phước không tai ương chăng?

Phải biết rằng: muôn pháp trong thế gian thay đều hư giả, trọn chẳng chân thật, như mộng, như huyễn, như bọt nước, như bóng dáng, như sương móc, như ánh chớp, như bóng trăng in trong nước, như hoa đóm trên không, như ánh nước đọng lúc trời nóng, như thành Càn Thát Bà (*Càn Thát Bà là tiếng Phạn, Hán dịch là Tầm Hương, là nhạc thần của Thiên Đế. Thành trì của họ huyễn hiện chẳng thật, như ta thường nói “thần lâu hải thị”¹ vậy!*).

Chỉ có mỗi một niệm tâm tánh của chính mình hằng cố hằng kim (*xưa nay luôn thường hằng*), chẳng biến, chẳng hoại, tuy chẳng biến hoại nhưng thường tùy duyên. Do ngộ tịnh duyên liền thành Thanh Văn, thành Duyên Giác, thành Bồ Tát, thành Phật. Do công đức sâu hay cạn mà quả vị cao hay thấp. Do mê nhiễm duyên thì sanh lên trời, sanh trong nhân gian, đọa vào Tu La, đọa súc sanh, đọa ngạ quỷ, đọa địa ngục. Do tội phước nặng hay nhẹ mà có khổ hay vui, [thời gian thọ quả] có dài hay ngắn. Nếu là kẻ chẳng biết Phật pháp, chẳng biết làm cách nào được!

Ông đã sùng tín Phật pháp, sao chẳng do nghịch cảnh ấy nhìn thấu tướng trạng thế gian, bỏ mê nhiễm duyên, theo ngộ tịnh duyên, nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Nhờ đó, vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi lục đạo, cao đăng quả vị Tứ Thánh, há chẳng phải là nhờ cái họa nhỏ này mà thường hưởng phước lớn ư?

¹ **Thần lâu hải thị:** lâu sò chợ biển. Người cổ Trung Hoa tin ngoài biển có giống sò rất lớn gọi là Thần, hơi thở của chúng tạo thành những ảo ảnh nhìn xa như lâu gác, chợ búa trên mặt biển.

❖ Phật ân thật là rộng lớn, trọn khắp, chẳng có cùng tận. Vì sao nói thế? Do hết thấy chúng sanh đều có Phật tánh, đều có thể thành Phật, nhưng vì mê chẳng ngộ, đến nỗi lại đem sức công đức Phật tánh ấy dùng làm vào sáu trần cảnh, khởi tham - sân - si, tạo giết - trộm - dâm, do Hoặc tạo nghiệp, do nghiệp thọ báo, trải kiếp dài lâu luân hồi lục đạo, trọn chẳng có ngày ra. Trong những kiếp xưa, Phật đã biết rõ điều này, bèn phát đại nguyện muốn cho hết thấy chúng sanh trong khắp các pháp giới tận cõi hư không cùng ngộ được Phật tánh sẵn có, cùng thoát luân hồi sanh tử, cùng thành đạo Vô Thượng Chánh Giác, cùng nhập Vô Dư Niết Bàn.

Từ đây, vì chúng sanh trong khắp pháp giới Ngài trải kiếp dài lâu hành đạo Bồ Tát, không việc gì có lợi ích mà Phật chẳng đề cao, tu trọn lục độ, chẳng chấp trước một pháp nào, hành hạnh khó làm, nhẫn được chuyện khó nhẫn. Phật bố thí quốc thành, vợ, con, đầu, mắt, tủy, não... không tiếc nuôi gì. Vì thế, Kinh Pháp Hoa nói: *“Ta thấy đức Thích Ca Như Lai trong vô lượng kiếp, hành hạnh khó, hạnh khổ, tích công chứa đức, cầu Bồ Tát đạo chưa từng dừng nghỉ. Xem khắp tam thiên đại thiên thế giới, thậm chí chẳng có chỗ nào nhỏ bằng hạt cải mà chẳng phải là chỗ Bồ Tát xả thân mạng vì chúng sanh cả! Sau đây mới được thành Bồ Đề đạo.”*

Chỉ một hạnh bố thí dù thọ cả kiếp còn chẳng thể nói hết, huống hồ là các hạnh khác như Trì Giới, Nhẫn Nhục, Tinh Tấn, Thiền Định, Trí Huệ và Tứ Nhiếp, vạn hạnh ư? Mãi cho đến khi Hoặc nghiệp hết sạch, phước huệ viên mãn, triệt chúng tự tâm, thành đạo Vô Thượng, Phật bèn vì khắp các chúng sanh giảng pháp mình đã chứng, chỉ vì để ai nấy đều chứng được pháp Ngài đã chứng. Thế nhưng thượng căn ít ỏi, trung căn, hạ căn lại nhiều; cho nên Phật lại tùy cơ lập giáo, khiến ai nấy tùy phận được lợi.

Đến khi việc một đời đã xong, Phật bèn nhập Niết Bàn, nhưng vẫn chẳng bỏ tấm lòng đại bi, lại thị hiện thành Chánh Giác trong thế

giới khác để tiếp tục tế độ. Phật thị hiện sanh trong cõi này hay cõi khác như thế, chẳng thể dùng toán số, thí dụ để tính được nổi. Ví như vàng mặt trời chói lọi vì chiếu thể gian nên mọc lặn chẳng ngừng, cũng như người đưa thuyền vì đưa người qua sông nên qua lại chẳng ngừng!

❖ Phật nghĩ thương xót chúng sanh từ vô thủy trước đến tận vị lai sau, trên đến bậc Đẳng Giác Bồ Tát, dưới đến lục đạo phàm phu, không một ai chẳng thuộc trong vòng đại bi thế nguyện của Ngài. Ví như hư không bao trùm hết thấy, từ sâm la vạn tượng cho đến trời đất đều bị hư không bao trùm cả. Cũng lại như ánh sáng mặt trời chiếu khắp muôn phương, dù kẻ sanh manh trọn đời chẳng thấy được ánh sáng vẫn được ánh mặt trời soi tới, được sống đúng nghĩa con người. Nếu như không có ánh mặt trời chiếu thấu, sẽ chẳng có duyên sanh sống được; [như vậy thì] nào có phải là cứ phải đích thân thấy được ánh sáng thì mới được thọ ân ư?

Kẻ thế trí biện thông đem cái hiểu biết câu nệ, rỗng tuếch của mình để chê bai, phản bác Phật pháp, bảo là: “Phật pháp làm hại thánh đạo, dối đời lừa người”, trọn chẳng khác gì kẻ sanh manh chửi mặt trời, bảo mặt trời chẳng có quang minh! Hết thấy ngoại đạo đều lấy trộm nghĩa lý trong Kinh Phật rồi làm như chính đạo mình có giáo nghĩa ấy; có kẻ còn trộm danh Phật pháp để hành tà pháp. Do đó ta biết rằng Phật pháp chính là đạo gốc của mọi pháp thế gian và xuất thế gian. Ví như biển cả chảy ngầm dưới mặt đất, những chỗ đầy ắp nước, chảy thành dòng thì là vạn con sông, nhưng không con sông nào lại chẳng đổ vào biển cả.

Những kẻ báng Phật kia phải đâu là báng Phật, mà là báng chính mình đó. Bởi vì một niệm tâm tánh của họ toàn thể là Phật. Từ đầu, Phật đã dùng bao cách thuyết pháp, giáo hóa như thế những mong họ bỏ mê về chân, tự chứng Phật tánh chính mình sẵn có mới thôi. Do

Phật tánh đáng tôn trọng nhất, đáng yêu tiếc nhất, nên Phật chẳng hề tiếc công như vậy, dù họ chẳng tin nhận, Phật cũng chẳng nỡ buông bỏ. Nếu như chúng sanh chẳng sẵn có Phật tánh, chẳng kham làm Phật, nhưng Phật cứ uổng công bày cách như thế thì Phật chính là kẻ si dại bậc nhất trong thế gian, mà cũng là kẻ đại vọng ngữ bậc nhất trong thế gian, lẽ nào tám bộ trời rồng, tam thừa thánh hiền lại cùng chịu hộ vệ, y chỉ Phật ư?

❖ Phật xem hết thấy chúng sanh giống như con một, yêu thương không thiên vị ai, luôn muốn cho chúng sanh được độ thoát, vì hết thấy chúng sanh đều có Phật tánh, đều kham làm Phật. Bởi thế, dù là hạng Nhất Xiển Đề tuyệt chẳng có tín tâm, Phật không hề có một niệm buông bỏ. Nếu đúng cơ duyên, họ sẽ tự sanh lòng tin, quy y, y giáo tu trì ngộ hầu đoạn Hoặc chứng Chân, liễu sanh thoát tử.

Kinh Lăng Nghiêm nói: *“Mười phương Như Lai thương xót chúng sanh như mẹ nhớ con. Nếu con bỏ trốn, mẹ dù nhớ cũng chẳng làm gì được! Nếu con nhớ mẹ như mẹ nhớ con, từ đời này sang đời khác mẹ con chẳng hề xa nhau. Nếu tâm chúng sanh nhớ Phật, niệm Phật thì trong hiện tại hoặc trong tương lai nhất định thấy Phật, cách Phật chẳng xa như người nhiễm hương, thân có mùi thơm”*.

Kinh Pháp Hoa dạy: *“Nếu có vô lượng trăm ngàn vạn ức chúng sanh chịu các khổ não, nghe đến Bồ Tát Quán Thế Âm này, nhất tâm xưng danh thì Quán Thế Âm Bồ Tát liền lập tức xem xét âm thanh ấy, khiến họ đều được giải thoát”*.

Kinh còn chép: *“Vị Quán Thế Âm Bồ Tát này hay ban cho sự không sợ hãi cho những chỗ hoảng sợ, nạn gặp nên thế giới Sa Bà này đặt tên cho Ngài là Thí Vô Úy”*.

Ấy là vì xét về thể thì tâm của chúng sanh và tâm của Phật, Bồ Tát chẳng khác gì nhau, chỉ vì chúng sanh mê muội, trái giác theo

trần, đến nỗi đây kia ngăn cách, chẳng được chở che. Nếu như trái trần xuôi giác, một dạ xung danh, sẽ tự nhiên cảm ứng đạo giao, Phật, Bồ Tát rủ lòng từ gia bị, dù gặp hiểm nạn cũng thành yên vui!

❖ Điều trọng yếu trong việc học đạo là đối trị tập khí. Thường có kẻ học vấn càng sâu, tập khí càng thịnh. Ấy là vì coi học đạo giống như học nghề, cho nên càng học nhiều, càng nghịch đạo. Đó chính là cội nguồn khiến cho cả Nho lẫn Thích trong nước ta cùng suy cả!

8. Luận về đạo thầy trò

❖ Những mối quan hệ lớn (*ngũ luân*) trong đời người tính ra chỉ có năm, tức là vua - tôi, cha - con, anh - em, vợ - chồng, bạn bè. Cha sanh, thầy dạy, vua nuôi, ba mối quan hệ này tương đương nhau, sao trong ngũ luân chẳng kể đến thầy; chẳng biết rằng thầy có đức tánh giáo huấn ta thành người nên thầy cũng như cha. Kể đến, có công khuyên dụ, khen thưởng, khuyến khích để ta được thành tài nên thầy cũng như anh. Vì thế, Mạnh Tử nói: “*Thầy là cha, anh*”. Tiếp đó, thầy khiến ta mở mang, đôi bên cùng được lợi ích như hai vàng trắng chiếu lẫn nhau, hai tay vịn vào nhau nên thầy cũng như bạn (*Trong chữ “bằng hữu”, “bằng” gồm hai chữ nguyệt ghép lại; chữ “hữu” giống như hai tay vịn vào nhau*). Bởi thế nhà Phật hay nói: “Tâm sư phỏng hữu” (*tìm thầy kiếm bạn*).

9. Luận về Giới Luật

❖ Pháp môn dù nhiều, nhưng tất cả gồm trọn chẳng sót trong ba môn Giới - Định - Huệ. Vì thế Kinh Lăng Nghiêm nói: “*Nhiếp tâm là Giới, do Giới sanh Định, do Định phát Huệ. Do vậy gọi là Tam*

Vô Lậu Học”. Nhưng trong ba môn này, chỉ có Giới là trọng yếu nhất. Bởi lẽ, trì giới chính là chẳng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện. Hạnh ấy gần với Phật, tâm ấy chẳng đến nỗi trái nghịch với Phật.

Vì thế, trong Kinh Phạm Võng, đức Như Lai vì chúng sanh nói lời bảo chứng rằng: *“Ta là Phật đã thành, các ông là Phật chưa thành. Nếu tin được như vậy thì giới phẩm đã đầy đủ”*. Ngài còn nói: *“Chúng sanh nhận lãnh giới của Phật là nhập vào địa vị Phật; địa vị đã giống như Đại Giác rồi, thật sự là các con của Phật”*. Vì vậy, một pháp Trì Giới chính là đạo trọng yếu đệ nhất để siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử vậy.

❖ Chữ Luật chẳng chỉ riêng những hành vi thô phù mà thôi; nếu chẳng chú trọng lòng kính, giữ gìn lòng thành thì vẫn là phạm luật. Nhân quả là cốt tủy của Luật. Ai chẳng biết nhân quả và khinh mạn nhân quả đều là phạm luật. Người niệm Phật khởi tâm động niệm thường phù hợp với Phật thì Luật, Giáo, Thiên, Tịnh đều cùng thực hành cả.

10. Luận về Kinh điển

❖ Nếu ai thiên tư thông minh, mẫn tiệp thì nghiên cứu tánh tướng các tông chẳng trở ngại gì, nhưng phải lấy pháp môn Tịnh Độ làm chỗ nương tựa, quay về, mới khỏi đến nỗi có nhân không quả, khỏi lâm vào cảnh biến diệu pháp liễu sanh thoát tử thành lời lẽ bàn suông cửa miệng, không cách gì được lợi ích thật sự! Phải nên chú trọng lòng kính, gìn giữ lòng thành, xem Kinh tượng như đức Phật sống, chẳng dám khinh nhờn chút nào, mới hòng do lòng thành của chính mình lớn nhỏ thế nào mà sẽ đạt được các lợi ích sâu hay cạn.

Những người căn cơ chậm lụt, chỉ nên chuyên nghiên cứu pháp môn Tịnh Độ, nếu thật sự tin đến nơi, giữ thật vững, sẽ quyết định liễu sanh thoát tử ngay trong đời này, siêu phàm nhập thánh, so với những kẻ thông hiểu Kinh luận sâu xa nhưng chẳng thực hành pháp môn Tịnh Độ kia, sự lợi hại khác xa hết như trời với đất vậy!

Đối với những kẻ vừa nói trên, chẳng cần biết tư cách như thế nào, trước hết cứ cho dùng liều thuốc một vị này thì bất luận là tà chấp, kiến giải lầm lạc, ngã mạn, phóng túng đến đâu, đề cao thánh cảnh nhưng tự mình đành ở địa vị kém cỏi... đều do thuốc A Già Đà một vị trị chung vạn bệnh này, không một ai là chẳng dứt khoát lành bệnh cả!

❖ Phật pháp uyên thâm, kẻ đại thông minh dù tận hết tâm lực bình sanh vẫn còn có chỗ chưa thể nghiên cứu tường tận được. Nhưng Phật pháp tùy cơ lập giáo; nếu muốn hưởng lợi ích thật sự thì hãy nghiên cứu, tu trì pháp môn đặc biệt, siêu việt, lạ lùng là Tịnh Độ. Đây thật sự là con đường trọng yếu tốn ít tâm lực vậy.

❖ Việc giảng Kinh điển chẳng phải là chuyện dễ dàng, chỉ sợ thầy chẳng rành rồi đến thế. Nếu ủy nhiệm người khác làm, kẻ đó phải là người kiến thức lỗi lạc, thập phần tỉ mỉ, xét suy kỹ càng đôi ba lượt, tra cứu kỹ lưỡng mới có thể đính chánh những chỗ chép lầm, trừ sạch những điểm dơ tệ khiến thiên chân được tỏ bày triệt để. Nếu không, sao chẳng cứ theo đúng dạng vẽ hồ lô¹ may ra chẳng đánh mất sự chân xác sẵn có!

❖ Một bộ Kinh Hoa Nghiêm là vua của Tam Tạng, phẩm cuối cùng quy kết, đặt nặng nguyện vương. Nên tôn trọng Kinh Hoa

¹ Ý nói: Kinh điển lưu truyền như thế nào thì cứ chép đúng y như thế, đừng tự tiện sửa đổi theo ý riêng.

Nghiêm, nhưng chớ xem thường các Kinh khác vì các Kinh Đại Thừa đều lấy Thật Tướng làm bản thể.

Hoa Nghiêm vĩ đại vì là đại pháp xứng tánh cực đằm vượt ngoài các giới, chẳng thâm nhiếp các pháp Nhị Thừa. Điểm huyền diệu của Kinh Pháp Hoa là “hội tam quy nhất” (*gộp ba thừa về một thừa*), “khai Quyền hiển Thật, khai Tịch hiển Bồn”. Tông Thiên Thai cho rằng: “*Pháp Hoa thuần viên độc diệu*¹, Hoa Nghiêm vẫn còn nói kèm *Quyền pháp*” (*chữ Quyền pháp chỉ các địa vị Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác*).

Nhưng trong hội Pháp Hoa, Phật khen ngợi Pháp Hoa là vua của các Kinh, trong hội Hoa Nghiêm Phật cũng khen như thế. Lẽ nào kẻ hoằng Kinh đời sau cứ nhất định phải căn cứ vào năm bộ lớn² để phân định Kinh này cao, Kinh kia thấp, chẳng chấp nhận Kinh nào cũng có những điểm riêng đáng khen ngợi hay sao? Kẻ tu Thiên ca tụng Thiên, người tu Tịnh Độ tán dương Tịnh Độ. Nếu không, sẽ chẳng thể khiến người khác sanh chánh tín, khiến người khác kính ngưỡng.

Chỉ nên khéo hiểu ý nghĩa mỗi Kinh, đừng vướng vào từ ngữ mà lạc mất ý nghĩa. Mạnh Tử xưng tụng Khổng Tử là bậc thánh chưa từng có trong loài người. Khổng Tử thấy vua Nghiêu trong canh, thấy vua Thuấn nơi tường, thấy Châu Công trong mộng. Lòng mong mỏi, hâm mộ ba vị thánh của Ngài sao mà chí thành đến mức cùng cực như thế ấy!

❖ Tổ Thiện Đạo dạy người nhất tâm trì danh, đừng tu tập nghiệp là vì sợ kẻ trung căn, hạ căn do tập nghiệp tâm sẽ khó quy nhất, cho

¹ Gọi là “**thuần viên**” vì chỉ giảng về pháp viên đốn, gọi là “**độc diệu**” vì chỉ mình Kinh Pháp Hoa phô bày diệu nghĩa “hội tam quy nhất”.

² **Năm bộ lớn** là cách phán giáo chia Kinh điển đức Phật đã nói ra làm năm thời kỳ: Hoa Nghiêm, A Hàm, Bát Nhã, Phương Đẳng và Pháp Hoa - Niết Bàn.

nên Ngài dạy chuyên tu. Tổ Vĩnh Minh dạy người “muôn điều thiện cùng tu” và “hồi hướng Tịnh Độ” là vì sợ hành nhân thượng căn thiên chấp, đến nỗi phước huệ chẳng thể xứng tánh viên mãn, cho nên ngài dạy “viên tu” (*tu trọn khắp*).

❖ Kinh rách nát chẳng thể tu bỏ được nữa nếu đốt đi cũng không có lỗi gì. Nhưng nếu thấy còn có thể tu bỏ được thì đừng nên đốt đi. Nếu chẳng biết lẽ biến thông, cứ một mực chẳng dám thiêu, thì Kinh ấy rốt cuộc chẳng thể xem được, cũng chẳng thể cất giữ như Kinh còn tốt, lại trở thành kinh nhòn. Cái lỗi kinh nhòn ấy gây hại cho người lắm, há chẳng nên biết đến lẽ quyền biến hay sao?

❖ Trong các thứ thuốc đối chứng trị bệnh cho người hiện tại, nhân quả là vị thuốc bậc nhất, pháp Tịnh Độ là pháp nên tu bậc nhất. Bất luận căn tánh nào, chẳng thể không trước tiên tìm tòi học hỏi pháp nhân quả, pháp Tịnh Độ.

Còn về giáo tướng, phải chọn lựa người mà giảng giải, bởi những người học ai nấy đều có những điều phải học riêng, Phật học chỉ là học kèm theo mà thôi. Nếu là kẻ căn cơ nông cạn, ắt sẽ chuyên chú vào Giáo tướng, quăng Tịnh Độ ra sau ót, đến nỗi rốt cuộc thành hữu nhân vô quả, cho nên chớ giảng dạy chẳng xứng với căn cơ.

Nay trong số những người tôn sùng Tướng tông cũng có tệ nạn ấy. Người đề xướng [học Tướng tông] chẳng thật sự vì liễu sanh thoát tử, mà chỉ nhằm thông hiểu pháp tướng để có thể giảng nói mà thôi. Nếu như những kẻ đó hiểu “dùng tự lực để liễu sanh tử” là chuyện khó, ắt sẽ chẳng chuyên chú vào việc đó (*tức là chỉ lo học cho hiểu Tướng tông*) rồi bỏ qua pháp Tịnh Độ không thèm hỏi tới, hoặc còn chê bai là pháp nông cạn nữa. Những kẻ ấy đều thuộc loại ham cao chuộng trội, nhưng chẳng biết thế nào là cao trội cả. Nếu

thật sự biết, dù có bị giết cũng chẳng chịu bỏ qua pháp môn Tịnh Độ, cứ cực lực tu hành. Học đạo thật là khó lắm vậy!

❖ Chúng sanh căn khí bất nhất; Như Lai từ bi vô lượng. Nếu ai thật sự chân thật, chí thành, cung kính niệm Phật thì đến lúc lâm chung, tự sẽ có những chuyện chẳng mong mỗi mà tự nhiên đạt được. Những lời lẽ của ngài Tử Bách, ngài Hám Sơn rất là thân thiết, nhưng hai vị đều là bậc tri thức trong Tông môn, nếu [đem những lời đó] nói với những người thật sự có lòng tin chân thành, nguyện thiết tha thì sẽ có ích. Nhưng nếu nói với người chỉ có chút thiện căn, chưa thể chuyên tu thì họ sẽ nghĩ chuyện sanh Tây vượt quá khả năng của họ; từ đó họ sẽ đánh trống lùi. Thuyết pháp chẳng phù hợp căn cơ sẽ thành lời nói suông, đúng là như vậy đó.

❖ Pháp môn Niệm Phật lấy ba pháp Tín - Nguyện - Hạnh làm tông, lấy Bồ Đề tâm làm căn bản, lấy “tâm này làm Phật, tâm này là Phật” làm thật nghĩa “nhân thâu biến quả, quả tột nguồn nhân”, lấy “nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối” làm công phu tối thiết yếu để hạ thủ. Lấy đó mà hành, và nếu tứ hoằng thệ nguyện lại chẳng lia tâm, thì tâm sẽ hợp với Phật, tâm hợp với đạo, ngay trong đời này dự vào dòng thánh, lâm chung lên ngay thượng phẩm, chẳng uổng đời này vậy!

11. Luận về Trung Âm

❖ Trung Âm tức là thần thức, chẳng phải là thần thức biến thành Trung Âm, thế tục gọi là “linh hồn”. Những thuyết “Trung Âm cứ bảy ngày lại một lần sống chết, bốn mươi chín ngày ắt sẽ đầu thai”... chẳng nên chấp nê. Trung Âm có sống chết là do vô minh trong tâm biến hiện tướng sanh diệt, đừng ngây ngô tưởng Trung Âm [thật sự]

có sống chết như người trong thế gian. Trung Âm thọ sanh, nhanh thì như trong khoảng khảy ngón tay liền vào tam đồ, lục đạo; chậm thì đến bốn mươi chín ngày hoặc lâu hơn bốn mươi chín ngày v.v...

Người mới chết mà có thể khiến người quen biết trông thấy vào ban ngày hay ban đêm, tiếp xúc với hoặc trò chuyện với người đó thì chẳng riêng gì Trung Âm mới làm được như vậy, ngay cả những người đã thọ sanh trong đường thiện hay ác vẫn có thể vì người quen thuộc, thân thích khi trước mà hiện hình một phen. Đây tuy là do ý niệm của người đó biến hiện, nhưng chủ yếu là do những thần thánh trong thế gian hỗ trợ nhằm bóng gió chỉ bày: con người chết đi, thần minh (*thần thức*) chẳng diệt và quả báo thiện ác chẳng phải là hư huyền vậy!

Nếu không, người dương gian chẳng biết đến việc cõi âm, mù quáng cho rằng người chết đi thân xác đã mục nát thì thần thức cũng phải phiêu tán, rồi bao người phụ họa theo khiến cho người trong khắp thế gian cùng bị hãm trong hàm sâu tà kiến “chẳng có nhân quả, chẳng có đời sau, hậu thế”, sẽ thấy người lành cũng chẳng tự nỗ lực tu đức, kẻ ác càng muốn cùng hung cực ác tạo nghiệp. Dù có lời Phật dạy mà vẫn không có cách nào để chứng minh thì ai chịu tin nhận đây?

Những chuyện hiện hình hiện bóng ấy đủ chứng tỏ lời Phật chẳng dối, quả báo phân minh, chẳng những người lành càng hướng tới điều lành, ngay cả kẻ ác cũng bị những tình lý ấy khuất phục, chẳng đến nỗi mười phần quyết liệt. Thiên địa, quỷ thần muốn cho con người hiểu rõ việc ấy nên mới có những chuyện người đã chết hiện thân trong cõi đời, người dương gian xử án cõi âm v.v... Đây đều là vì muốn hỗ trợ Phật pháp, giúp sức phổ diễn tri đạo. Lý này rất vi tế, nhưng quan hệ rất lớn. Những chuyện như vậy xưa nay chép trong sách vở rất nhiều, nhưng chưa hề nói rõ nguồn gốc của sự biến hiện đó cũng như những lợi ích liên quan.

❖ Trung Âm tuy lìa thân xác, nhưng vẫn có tình kiến về thân xác giống như khi chưa chết. Đã có tình kiến về thân xác, đương nhiên [nảy sanh ý niệm] phải có cơm áo để sử dụng. Do phàm phu nghiệp chướng quá nặng, chẳng biết Ngũ Uẩn vốn là không, nên [người trong trạng thái Trung Âm] chẳng khác gì với người sống. Nếu là bậc đủ đại trí huệ sẽ nhằm ngay lúc trút bỏ xác thân không còn phải nương tựa nữa, liền biết Ngũ Uẩn là không nên các khổ tiêu diệt, nhất chân hiển hiện, vạn đức phô bày trọn vẹn.

Tuy cảnh giới [người sống và kẻ chết] bất tất phải nhất định giống hệt nhau, nhưng nào trở ngại gì đến việc tùy tình kiến mỗi người mà có các thứ cần dùng. Ví như khi đốt quần áo giấy, người còn sống chỉ giữ ý tưởng gởi áo cho người chết, còn quần áo lớn, nhỏ, ngắn, dài làm sao vừa vặn thích hợp cho được. Nhưng do tình kiến của người sống lẫn tình kiến của người chết, quần áo sẽ vừa vặn cả. Điều này giúp ta thấy được nghĩa lý lớn lao “hết thấy các pháp tùy tâm chuyển biến”...

12. Luận về bốn cõi Tịnh Độ

❖ Hai cõi Phàm Thánh Đồng Cư và Phương Tiện Hữu Dư là ước theo phàm phu đời nghiệp vãng sanh và tiểu thánh Nhị Thừa đã đoạn Kiến Tư Hoặc mà lập, chứ chẳng thể ước theo Phật mà luận. Nếu ước theo Phật mà nói thì chẳng những toàn thể bốn cõi Tịnh Độ đều là Tịch Quang, mà ngay cả đời ác ngũ trược, tam đồ ác đạo, không sự gì Phật chẳng thấy là Tịch Quang. Vì thế nói: “*Tỳ Lô Giá Na ở khắp mọi nơi. Chỗ đức Phật ở gọi là Thường Tịch Quang*”.

“Khắp mọi nơi là Thường Tịch Quang” thì chỉ bậc đã chứng ngộ viên mãn Pháp Thân Tỳ Lô Giá Na quang minh chiếu khắp mới thọ dụng được thôi, còn mọi người khác đều mới chỉ chứng được vài phần. Từ Thập Tín trở xuống cho đến phàm phu, về Lý thì có

Thường Tịch Quang Tịnh Độ, nhưng về Sự thì chẳng có. Nếu muốn hiểu rõ hãy nghiên cứu phần luận về bốn cõi Tịnh Độ trong sách Di Đà Yếu Giải; sách Phạm Võng Huyền Nghĩa cũng giảng đầy nghĩa này (*Tỳ Lô Giá Na, Hán dịch là Quang Minh Biến Chiếu, hoặc Biến Nhất Thiết Xứ, chính là cực quả rốt ráo của chư Phật, là hiệu chung của những vị đã chứng viên mãn pháp thân thanh tịnh. Viên Mãn Báo Thân Lô Xá Na cũng thế. Như Thích Ca, Di Đà, Dược Sư, A Súc Bệ v.v... chỉ là những danh hiệu riêng của các hóa thân Phật mà thôi. Chữ Lô Xá Na, Hán dịch là Tịnh Mãn, do hết sạch Hoặc nghiệp, viên mãn trọn vẹn phước huệ nên ước theo quả báo do Trí Đức và Đoan Đức cảm thành mà gọi như vậy*).

Lại phải biết rằng Thật Báo, Tịch Quang vốn là một cõi. Ước theo quả cảm bởi xứng tánh thì gọi là Thật Báo, ước theo lý được chứng rốt ráo thì gọi là Tịch Quang. Sơ Trụ mới dự vào Thật Báo, chứng được một phần Tịch Quang. Diệu Giác mới là thượng thượng Thật Báo, rốt ráo Tịch Quang. Như vậy từ Sơ Trụ cho đến Đẳng Giác đều chỉ chứng được vài phần hai cõi này, đối với cực quả Diệu Giác thì hai cõi ấy đều là rốt ráo.

Nói đến Thật Báo là chỉ ước về phần chứng, nói đến Tịch Quang là chỉ ước về cứu cánh. Tịch Quang vô tướng, Thật Báo có đủ cả vi trần số chẳng thể nghĩ bàn Hoa Tạng thế giới hải vi diệu trang nghiêm. Ví như hư không vốn chẳng phải là các tướng, nhưng hết thảy các tướng đều do hư không mà phát hiện. Lại như gương báu rỗng sáng, trong suốt, trọn chẳng có một vật gì, nhưng hễ Hò đến Hò liền hiện bóng, Hán đến Hán liền hiện bóng. Thật Báo và Tịch Quang tuy một mà hai, tuy hai mà một. Vì muốn cho người dễ hiểu nên nói là hai cõi.

❖ Trong bốn cõi Tịnh Độ: người đời nghiệp vãng sanh sống trong Đồng Cư, người đoan Kiến Hoặc sống trong Phương Tiện,

người phá vô minh sống trong Thật Báo, người hết sạch Vô Minh trụ trong cõi Tịch Quang.

Thêm nữa, Thật Báo là ước theo quả báo cảm thành mà nói, Tịch Quang là ước theo lý tánh được chứng mà nói; chúng vốn thuộc một cõi, nhưng giảng như vậy cho người ta dễ hiểu. Vì thế, người phần chứng thuộc vào Thật Báo, người phần chứng thuộc về Tịch Quang. Chứ thật sự trong cả hai cõi đều có đủ cả phần chứng lẫn phần chứng. Trong Văn Sao, tôi đã từng trình bày tường tận.

Cõi Đồng Cư tuy có đủ ba cõi kia nhưng người chưa đoạn Hoặc chỉ thọ dụng được cảnh Đồng Cư. Dù là cảnh của người đời nghiệp vãng sanh nhưng chẳng thể gọi cõi đó là cõi phàm phu vì họ đều đạt được ba thứ Bất Thoái.

13. Luận về xá lợi

❖ Xá lợi là tiếng Phạn, Hán dịch là “thân cốt” (*xương nơi thân*), hoặc dịch là “linh cốt” (*xương thiêng*), do sức Giới - Định - Huệ của người tu hành tạo thành, chứ chẳng phải do luyện Tinh - Khí - Thần mà được. Đây chính là biểu tượng tâm hợp với đạo, tâm hợp với Phật vậy, chẳng phải chỉ chết đi đem thiêu mới có, mà [ngay khi còn sống] xương, thịt, tóc nơi thân đều có thể biến thành xá lợi cả.

Xưa có vị cao tăng nhân tắm gội mà được xá lợi. Ngài Tuyết Nham Khâm thiền sư cạo đầu, tóc biến thành xá lợi. Lại có người chí tâm niệm Phật, trong miệng có xá lợi. Lại có người khắc in sách Long Thư Tịnh Độ, tìm được xá lợi trong bản khắc. Lại có người thêu hình Phật, thêu Kinh, nơi mũi kim đâm xuống liền được xá lợi. Lại có người chết đi, đem thiêu, xá lợi vô số, môn nhân ai nấy đều được; có một người đi xa chưa về kịp, đến lúc trở về cúng quả trước tượng, cảm khái đau buồn, liền nhận được xá lợi trước tượng. Ngày thiêu hóa Trường Khánh Nhân thiền sư, trời nổi trận gió lớn, khói

tỏa xa ba, bốn mươi dặm. Khói bay đến đâu, chỗ đó đều có xá lợi, nhặt gom lại được hơn bốn thạch. Nên biết rằng xá lợi do đạo lực cảm thành, kẻ luyện đan chẳng biết nguyên do cứ ức đoán lầm lạc là do Tinh - Khí - Thần cảm thành.

14. Luận về tỳ hương

❖ “Tỳ hương” là đốt hương trên cánh tay. Linh Phong lão nhân (*tổ Trí Húc Ngẫu Ích*) hằng ngày trì hai Kinh Lăng Nghiêm, Phạm Võng, nên ngài thường đốt hương. Chỉ vì hết thấy chúng sanh không ai chẳng tiếc thân mạng, bảo trọng thân mình; đối với những loài khác thì giết thân chúng, ăn thịt chúng, tâm càng vui vẻ, còn mình bị muỗi đốt, gai đâm sẽ khó chịu đựng được. Trong các Kinh Đại Thừa như Pháp Hoa, Lăng Nghiêm, Phạm Võng v.v., đức Như Lai khen ngợi khổ hạnh, dạy đốt thân, cánh tay, ngón tay để cúng dường chư Phật hồng đời trị tâm tham và tâm yêu tiếc, bảo trọng tự thân. Trong lục độ, pháp này thuộc về Bố Thí Độ.

Bố thí có nội, ngoại bất đồng. Ngoại bố thí là quốc thành, vợ con, nội bố thí là đầu, mắt, tủy, não. Đốt hương, đốt thân đều gọi là Xả, phải chí tâm khấn thiết, ngưỡng mong Tam Bảo gia hộ, chỉ mong mình lẫn người nghiệp tiêu, huệ sáng, tội diệt, phước tăng (*nói là mình - người, nhưng thật ra là vì mình. Lại đem công đức ấy hồi hướng cho pháp giới chúng sanh, nên gọi là mình - người*); trọn chẳng được mảy may khởi tâm cầu tiếng tăm, cầu phước lạc nhân thiên thế gian, chỉ vì trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh mà làm thì công đức sẽ vô lượng, vô biên, chẳng thể nghĩ bàn. Đây gọi là tam luân thể không¹, bao gồm trọn vẹn tứ hoằng thể, do tâm

¹ **Tam luân thể không**: bản thể của ba luân đều không, tức là không thấy có người thí, không thấy có người nhận, không thấy có vật được dùng để bố thí.

nguyện nên công đức rộng lớn, do tâm nguyện nên chóng đạt được quả báo.

Nếu như tâm chuộng hư danh, đem cái tâm chấp trước mà bắt chước hành hạnh trừ khử chấp trước thì đừng nói là đốt hương trên cánh tay, dù đốt cả toàn thân vẫn chỉ là khổ hạnh vô ích. Ấy là vì do tâm chấp trước, vì mong được danh dự, chẳng hiểu nghĩa lý tam luân thể không, mà cũng chẳng gồm trọn bốn hoằng thệ nguyện; khiến pháp phá trừ thân kiến của Như Lai trở thành pháp khiến thân kiến càng thêm kiên cố. Tội phước do tâm mà chia, quả báo do tâm mà khác. Vì thế, Kinh Hoa Nghiêm nói: *“Bồ uổng nước thành sữa. Rắn uống nước thành nọc độc. Kẻ trí học thì chứng Niết Bàn, người ngu học đến càng tăng thêm sanh tử!”*

❖ Tâm Bồ Tát hết như thái hư, không gì là chẳng bao quát, vì muốn lợi lạc chúng sanh nên bày mọi phương tiện, trước là dùng dục để lôi kéo, sau mới khiến nhập Phật trí. Chớ dùng tri kiến phàm phu để suy lường lầm lạc. Vì các ngài đã chứng Pháp Nhãn, trọn không còn có nhân - ngã, chỉ muốn nhiếp thọ hết thấy chúng sanh vào biển pháp đại giác của Như Lai. Nếu so đo, tính toán sẽ thuộc về tình kiến, chẳng thể ngầm khế hợp với đạo vô nhân ngã.

Nói “bồ thí đầu, mắt, tủy, não” là sự thật, còn nói [bồ thí cả] kỹ nữ, thể nữ... chẳng qua là để diễn tả tâm bồ thí rộng lớn của Bồ Tát, chớ vì từ hại ý, chấp chết lời nói. [Nếu chấp câu nguyện] “nguyện kỹ nữ đầy đầy trong A-tăng-kỳ thế giới” [là sự thật] thì biết an bài họ vào đâu đây? Câu nói ấy hiển thị Bồ Tát bỏ cả trong lẫn ngoài, trọn chẳng tham tiếc, trong thì bỏ cả đầu, mắt, tủy, não, ngoài thì bỏ quốc thành, vợ con, chẳng sanh tham chấp với bất cứ một pháp nào. Vì thế, ở trong sanh tử chỉ mình Bồ Tát được giải thoát.

Những kẻ nhận bồ thí kia do được nguyện lực của Bồ Tát nhiếp trì nên sẽ ngay trong lúc này hoặc trong đời sau không kẻ nào chẳng

đích thân được hưởng lợi ích, liễu sanh thoát tử; như vua Ca Lợi cắt chặt thân thể [Nhẫn Nhục tiên nhân], sau này trở thành người được [Phật] độ đầu tiên là ngài Kiều Trần Như. Phàm phu tiểu tri tiểu kiến há có thể suy lường được tâm đại Bồ Đề lượng như thái hư ư?

Phải biết rằng: phàm phu chưa đắc Pháp Nhẫn, trong tâm ngưỡng mộ đạo Bồ Tát, nhưng hành sự phải thuận theo lý thường của phàm phu, nếu không, sẽ có thể gây trở ngại cho việc gìn giữ, duy trì đạo pháp. Nếu chưa chứng Vô Sanh Pháp Nhẫn, dù chẳng duy trì pháp đạo, cũng chẳng nên học theo Bồ Tát bỏ đầu, mắt, tủy, não v.v... bởi tự lực chẳng đủ, chẳng kham nhẫn thọ, cả mình lẫn người đều chẳng được lợi ích gì cả. Phàm phu cứ căn cứ theo những điều phàm phu có thể làm được mà làm thì mới nên.

15. Luận về cảnh giới

❖ Người niệm Phật lâm chung được Phật tiếp dẫn; đây là chúng sanh và Phật cảm ứng đạo giao, dù chẳng lìa khỏi tâm nghĩ tưởng nhưng không thể nói là [cảnh giới ấy] chỉ do mỗi mình tâm tưởng hiện, tuyệt đối chẳng có chuyện Phật, Thánh nào đến nghênh tiếp cả. Tâm tạo địa ngục thì lâm chung tướng địa ngục hiện. Tâm tạo Phật quốc thì lâm chung tướng Phật quốc hiện.

Nói “tướng tùy tâm hiện” thì được, nhưng nói “chỉ có tâm không có cảnh” thì chẳng được. Nếu bậc đại giác Thế Tôn nói “chỉ có tâm không có cảnh” thì không có lỗi gì, chứ nếu các hạ nói như vậy ắt sẽ rớt vào tri kiến đoạn diệt, ắt thành tà thuyết phá hoại pháp môn tu chứng của Đức Như Lai; không thể không dè dặt được. Nếu nói tỉ mỉ mỗi điều, ắt phí bút mực. Biết một ắt sẽ suy được cả ba, không còn sót nghĩa nào.

❖ Phải biết rằng hiện tại không có pháp nhất định. Do cái thấy của mỗi người khác nhau nên hãy tạm gác những cảnh giới của Phật, Bồ Tát lại đó, chỉ dùng những cảnh phạm tiểu để giảng rõ. Ông Tử Tấn là con vua Châu Linh Vương, học đạo tiên bảy ngày, khi xuất hiện ở Hầu Sơn thì đã qua đời Tấn. Vì thế mới có thơ rằng:

Vương tử khứ cầu tiên,
Đan thành nhập cửu thiên,
Động trung phương thất nhật,
Thế thượng kỳ thiên niên.

Tạm dịch:

Vương tử học đạo tiên,
Thành đạo đạo cửu Thiên.
Trong động chỉ bảy ngày,
Trần gian gần nghìn niên.

(Chữ “kỳ” phải đọc giọng bằng, có nghĩa là “gần”. Từ đời Châu Linh Vương đến nhà Tấn, thời gian dài gần một ngàn năm).

Lại như ông Lã Thuần Dương gặp Chung Ly Quyền trong quán trọ ở Hàm Đan, ông Chung khuyên họ Lã học đạo Tiên, họ Lã muốn được phú quý rồi mới học. Chung trao cho Lã một cái gói bảo hãy ngủ một giấc. Họ Lã mộng thấy mình làm quan từ chức nhỏ đến chức lớn, rồi làm đến Tể Tướng. Năm mươi năm phú quý vinh hoa, thật ít có trong đời. Con cháu đầy nhà, thường sung sướng không tai ương gì. Sau vì một chuyện chẳng hợp ý bề trên bèn tự thoái quan. Lúc tỉnh giấc ra, chủ quán trọ còn đang nấu nồi cháo kê vàng.

Trong mộng thấy ra vào làm tể tướng, bao nhiêu là chuyện lớn, thời gian lâu cả năm mươi năm, tỉnh giấc, nồi cháo kê vàng vẫn chưa nhừ. Đây chẳng qua là cảnh do tiên nhân biến hiện, mà còn có thể

trong một niệm biến hiện những sự nghiệp, cảnh giới của cả năm mươi năm; hướng hồ là cảnh giới của Phật là vị Trời trong Trời, là Thánh của các Thánh, của các vị đại Bồ Tát đã chứng Pháp Thân? Vì thế, ngài Thiện Tài vào trong lầu gác của đức Di Lặc, vào trong một lỗ chân lông của đức Phổ Hiền, đều ở trong mười phương thế giới hành “lục độ vạn hạnh” trải Phật sát vi trần số kiếp. Xem đoạn văn ấy, ông còn có thể suy lường được chăng?

Phải biết rằng ba đời không thật thể, còn là phàm phu thì chỉ thấy được cảnh giới của phàm phu, không được vịn vào cảnh giới phàm phu thấy được đó mà bảo cảnh giới của Phật, Bồ Tát cũng giống như thế, chẳng có gì khác. Nay tôi dùng ví dụ để giảng rõ: Như gương soi tỏ mấy mươi tầng núi sông, lầu gác, thật không có gần xa, nhưng gần xa rành rành. Sắc pháp thế gian còn như vậy, hướng chi là bậc đã chứng tâm pháp duy tâm tự tánh ư? Bởi thế mới nói: *“Ư nhất hào đoan, hiện bảo vương sát, tọa vi trần lý, chuyển đại pháp luân (trên đầu sợi lông, hiện cõi bảo vương, ngồi trong vi trần, chuyển đại pháp luân)”*.

Mười đời xưa nay, trước sau không lìa đương niệm, vô biên cõi nước chẳng xa cách [một khoảng nhỏ bằng] đầu sợi lông. Phàm những gì thuộc về cảnh giới không thể nghĩ bàn thì hãy nên ngưỡng tin lời Phật, đừng suy lường xằng. Nếu như khẩn thiết đến cùng cực, sẽ tự hiểu rõ hết, cũng không cần phải hỏi ai khác cả. Nếu chẳng khẩn thiết, chí thành, dù ra sức lễ bái, trì tụng, nhưng cứ suốt ngày đem những cảnh giới mà phàm phu không thể suy lường được để cuồng vọng suy lường, thì có khác gì đi theo vết xe đổ của huyễn nhân pháp sư, dù có muốn không vương lấy tội báo báng Phật, báng Pháp, báng Tăng cũng không thể được.

❖ Biết lệnh nghiêm¹ có rất nhiều điều linh cảm, tôi khôn ngăn bội phục. Như ước về lúc thọ pháp, nếu Đại Sĩ cùng Thiên Long Bát Bộ cùng hiện thì Mật Tông vẫn có cấm giới không cho tuyên truyền diêu cảnh. Đây phải chăng là vì lòng sùng phụng trong sạch, bền chắc mà ngài thuận lòng thị hiện chăng? Nếu hiểu như vậy, nhất định [người được thấy diêu cảnh đó] phải có sở chứng. Nếu [người ấy] không có sở chứng, nhất định Thánh chẳng tùy tiện ứng hiện suông.

Còn như việc “thấy ứng thân” như luận Khởi Tín đã nói, thì đó là tình cảnh người niệm Phật lúc lâm chung, vì chưa phá được vô minh nên Ứng Thân, Báo Thân, Pháp Thân [người ấy] được thấy đó đều chẳng phải là do thiện căn của người ấy mà được thấy. Bồ Tát ứng hiện ở Phạm Âm động tại Phổ Đà cũng là phương tiện quyền biến để tăng trưởng tín tâm cho chúng sanh, tuy người người được thấy nhưng chẳng thể lấy đó làm chứng cứ. Nếu cứ vịn vào đó, ắt sẽ khiến hết thấy mọi người đều dựa dẫm vào đó mà đồn thổi. Người xưa được thấy Bồ Tát Văn Thù ở Ngũ Đài rất nhiều, nhưng đều là những vị có đại nhân duyên hoặc là công phu tu tập sâu dày, hễ ai gặp Ngài đều có điềm chứng ngộ giải nhập.

Năm Quang Tự thứ mười hai, Quang tôi triều bái Ngũ Đài, trước hết ngụ tại xưởng chế tạo lưu ly ở Bắc Kinh, tìm tác phẩm Thanh Lương Sơn Chí khắp nơi nhưng chỉ tìm được một bộ, thường xem hằng ngày. Do trời lạnh, đến tháng Ba mới đến được núi. Ở trên núi hơn bốn mươi ngày, thấy những người lên núi triều bái, đa số nói được thấy Bồ Tát Văn Thù, nhưng người thật sự hành trì rất ít. Thế mới biết là những người lên núi triều bái nói được thấy Bồ Tát đều chỉ nói dựa theo những tích chuyện của cổ nhân để khoe khoang đó thôi. Nếu ai thật sự được thấy ắt sẽ giấu kín. Vàng thau khác biệt.

¹ **Lệnh nghiêm**: tiếng gọi cha người khác một cách tôn kính.

Nếu không, ngài Văn Thù chẳng tự trọng, khinh thị hiện thân, còn ra thế nào nữa!

“Lý tức Phật” tất cả chúng sanh đều có, chứ không phải chỉ riêng người “nghịch trần hiệp giác”. Nếu là “nghịch trần hiệp giác” thì đã thuộc về “danh tự tức Phật”. Ông X. nọ [khoe] khi nhập định giống hệt như Tỳ Lô Giá Na, khi xuất định lại vẫn là phàm phu, nhưng chẳng biết hổ thẹn, còn lớn tiếng khinh người. Nếu thật sự giống hệt như Tỳ Lô Giá Na, quyết chẳng đến nỗi vẫn là phàm phu. Ông ta toan dùng Mật Tông để lèo người, không biết rằng Quang tôì dù chẳng biết Mật tông đi nữa, lẽ nào không biết đúng sai, dễ hồ lung lạc được ư!

16. Luận về thần thông

❖ Đạo Tể thiên sư là bậc thánh nhân đại thần thông. Ngài muốn khiến cho hết thảy mọi người sanh tín tâm nên thường hiển hiện những sự chẳng thể nghĩ bàn. Ngài ăn thịt uống rượu để giấu kín cái đức của bậc thánh nhân, là vì muốn cho những kẻ ngu tưởng ngài là kẻ điên rồ, không pháp tắc; nhân đó, chẳng tin tưởng ngài. Nếu không làm thế, ngài sẽ chẳng thể trụ trong thế gian.

Phật, Bồ Tát hiện thân, nếu thị hiện giống như phàm phu thì các ngài chỉ dùng đạo đức để giáo hóa người, tuyệt đối chẳng hiển hiện thần thông. Nếu hiển hiện thần thông sẽ chẳng trụ trong thế gian được; còn nếu hiện làm kẻ điên rồ, dù có hiển thị thần thông cũng chẳng trở ngại gì. Chớ bảo người tu hành ai nấy đều nên uống rượu, ăn thịt! Người lành thế gian còn chẳng uống rượu, ăn thịt, huống hồ là đệ tử Phật! Muốn giáo hóa chúng sanh mà chính mình chẳng y giáo phụng hành thì chẳng những làm cho người khác chẳng tin, mà còn khiến họ thoái thất tín tâm nữa. Vì thế chẳng được học đòi uống rượu, ăn thịt.

Ngài (*Đạo Tế*) ăn những con vật chết, ói ra những con vật sống. Ông ăn con vật chết vào, còn chưa ói ra thịt còn nguyên hình dạng được nỏ, làm sao học đòi ngài ăn thịt cho được? Ngài uống rượu vào bèn nhả ra vàng để thếp tượng Phật, khiến cho vô số cây gỗ lớn từ trong giếng trời lên. Ông uống rượu vào, muốn cho nước từ dưới giếng trào lên còn không được, làm sao học đòi ngài [uống rượu] cho được?

Truyện về Tế Công có đến mấy loại, nhưng chuyện Túy Bò Đề hay nhất. Gần đây có đến tám bản khác nhau lưu thông, đa phần là những bản do người đời sau thêm thắt vào. Chuyện Túy Bò Đề cả văn lẫn nghĩa đều hay, những chuyện được kể trong ấy đều là những sự thực khi ấy. Thế nhân chẳng biết nguyên do, không bắt chước bừa theo thì cũng hủy báng xằng bậy. Học bừa theo đó sẽ quyết định phải đọa địa ngục. Hủy báng xằng bậy tức là dùng tri kiến phàm phu để suy lường thần thông của thánh nhân, cũng mắc lỗi, nhưng so với kẻ học bừa theo, tội còn nhẹ nhiều hơn lắm. Thấy những điều chẳng thể nghĩ bàn của ngài phải nên sanh lòng kính tin, thấy ngài uống rượu, ăn thịt, chẳng chịu bắt chước làm theo thì sẽ được lợi ích, chẳng bị tổn hại vậy.

❖ Người có thể hoằng đạo, chứ đạo chẳng thể hoằng người. Thế gian loạn lạc là do ác nghiệp của đồng phận chúng sanh cảm thành, các thuyết tà vạy cũng thế (*cũng do cùng nguyên do ấy*). Phong tục thế gian biến đổi, lúc thoạt đầu đều là do một hai kẻ phát khởi. Yên bình, loạn lạc, tà, chánh không gì đều chẳng như thế cả; sao chẳng xét đến sức người để chuyển biến, lại cứ quy vào sức thần thông của Phật, Bồ Tát để hòng chuyển biến vậy? Chẳng phải là Phật, Bồ Tát chẳng thể hiển thị thần thông biến hiện, khổ nỗi chúng sanh nghiệp nặng, nên [dù có biến hiện] cũng vẫn như không.

Ví như mây đầy, sương đậm, mờ mịt chẳng thấy được mặt trời giữa ban ngày, bèn bảo là chẳng có mặt trời ư? Con người cùng trời, đất gọi là Tam Tài; Tăng và Phật, Pháp gọi là Tam Bảo. Gọi như vậy là do căn cứ vào ý nghĩa hỗ trợ, tán dương công sanh trưởng [của trời đất], hoằng dương đạo pháp mà đặt tên. Ông cứ muốn bỏ nhân lực, bám vào sức của Phật, Bồ Tát, trời đất, có còn đáng bảo là biết đạo chăng?

Đời đại loạn, đại bi Bồ Tát thị hiện cứu hộ cũng chỉ cứu được kẻ hữu duyên; vì loạn lạc chính là đồng nghiệp, còn túc nhân, hiện duyên (*duyên hiện tại*) là biệt nghiệp. Có biệt nghiệp cảm được Bồ Tát thì sẽ được Bồ Tát gia bị, cứu hộ, há nên ngông nghênh bàn bạc ư? Những việc phương tiện thuận nghịch cứu hộ chúng sanh của Bồ Tát chẳng phải là chuyện kẻ hiểu biết lầm lạc, hẹp hòi có thể thấu hiểu được đâu!

Nay tôi vì ông nói một thí dụ đề từ đó mà suy rồi đừng nói Bồ Tát thật là oan gia, cũng như đề tạo thành nền tảng tốt đẹp hòng nhập đạo thành Phật. Chư Phật lấy tám khổ làm thầy để thành đạo Vô Thượng. Như vậy, Khổ là cái gốc để thành Phật. Thêm nữa, Phật dạy đệ tử lúc ban đầu phải tu Bát Tĩnh Quán. Quán lâu ngày ắt có thể đoạn Hoặc, chứng Chân, thành A La Hán. Như vậy Bát Tĩnh lại là cội gốc của Thanh Tịnh.

Người ở Bắc Câu Lô Châu hoàn toàn chẳng khổ, nên chẳng thể nhập đạo. Châu Nam Diêm Phù Đề sự khổ rất nhiều nên người nhập Phật đạo để liễu sanh tử không thể tính nổi số. Giả sử thế gian tuyệt chẳng có các khổ: sanh, lão, bệnh, tử, đao binh, thủy, hỏa v.v... thì ai nấy đều sống say chết ngủ trong lạc thú phóng dật, có ai chịu phát tâm xuất thế để liễu sanh tử đâu? Ngay cả kẻ thống lĩnh quân mạnh, giữ địa vị cao, gây bao việc khổ não chúng sanh biết đâu là bậc đại bi thị hiện đó chăng? Nghĩa này chỉ có thể nói cùng người thông suốt, đừng nói với kẻ vô tri, vô thức. Nếu là người thông suốt, dù

thật sự là ác ma, cũng có thể được lợi ích; còn người vô tri vô thức nếu biết đến nghĩa này ắt sẽ chẳng biết phát tâm tu hành, trái lại còn hủy báng Phật pháp.

Ví như dùng thuốc, trẻ nhỏ chẳng thể uống thuốc, bèn bôi thuốc lên vú thì nó dù không uống cũng thành uống. Ông toan làm bậc thông suốt, nhưng triển khai rộng lớn nghĩa này thì hại người rất nhiều, lợi người rất ít. Xin hãy thâm tâm niệm, đừng bàn nói ầu. Cảnh giới của Phật, Bồ Tát, phàm phu chẳng thể suy lường được đâu!

17. Luận về bí truyền

❖ Nay các ngoại đạo, không đạo nào chẳng dùng cách bí truyền để dẫn dụ, khêu gợi kẻ vô tri theo đạo họ. Lúc nguyên gia nhập, ắt phải phát thệ: Từ rày về sau, nếu phản lại đạo ắt sẽ mắc ác báo như thế này, như thế nọ. Thật sự ra, đa phần là những pháp dối người. Do trót phát thệ, dù có biết những sai trái trong đạo cũng chẳng dám trái nghịch hoặc phơi bày ra. Cách phát thệ bí truyền của ngoại đạo ràng buộc, làm con người lầm lạc quá đáng vậy.

Đức Phật ta chẳng có pháp bí truyền; đối với một người Ngài cũng nói thế, với vạn người Phật cũng dạy như thế. Cửa đóng, then cài, bên ngoài đặt người tuần hành canh gác, chỉ cho một người vào, thì thâm chẳng cho người ngoài nghe được, những đạo như thế chẳng có chuyện quang minh, chánh đại gì đâu! Mong các vị hiểu được tệ nạn ấy nên tôi mới lược thuật vậy!

❖ Nếu có bí quyết màu nhiệm chỉ khẩu truyền ở chỗ kín đáo thì chính là tà ma ngoại đạo, chẳng phải là Phật pháp.

18. Luận về cầu cơ

❖ Những lời giảng cơ trong đàn cầu cơ đa phần là do những linh hồn dựa dẫm vào tri thức của người xoay cơ mà nói ra. Nếu nói về đạo lý thế gian còn đúng được nhiều, chứ nói đến Phật pháp thì do chính mình chẳng biết, bèn bịa ra các lời nhảm nhí.

❖ Cầu cơ đa phần là các linh hồn giả mạo Phật, tiên, thần, thánh. Những hồn kém cỏi chẳng có sức thần thông, những hồn khá hơn sẽ biết được tâm người nên dựa dẫm vào sự thông minh và tri thức của người [phò cơ] để nói này nói nọ.

Ông Kỷ Văn Đạt nói: *“Cầu cơ đa phần là linh hồn giả danh giảng cơ. Tôi cùng người anh tên là Thản Nhiên cùng phò cơ. Tôi biết làm thơ, nhưng chữ viết không ra gì. Tôi phò cơ thì thi từ mãi tiếp, nhưng chữ viết nguệch ngoạc, xiên xẹo. Thản Nhiên phò cơ thì thi từ tâm thường, chữ viết sắc sảo. Với những hồn giả mạo cổ nhân, nếu chú tâm hỏi vào những điểm bí nhiệm, quan yếu, bèn nại có năm tháng cách xa, chẳng còn nhớ gì nữa, nên biết hồn ấy chẳng phải thật”*.

Như vậy, cái linh ứng của những hồn ấy chỉ là chúng có thể dựa vào những điều đã biết trong tâm của người hiện tại để mượn dùng. Với những điều tuy có trong thức điện, nhưng trong cái thấy biết hiện tại của đương nhân không có, hoặc người ấy chẳng biết đến nghĩa đó thì hồn chẳng thể dạy gì về điều ấy được. Sánh với tha tâm thông của bậc nghiệp tận tình không khác nhau một trời, một vực, nhưng xét về khí phần thì có vẻ tương tự mà thôi. Tôi lại chỉ sợ quý vị bị mê hoặc bởi những lời giảng cơ, nên chẳng thể không dẫn chứng để phân trần vậy.

❖ Gần đây, các đàn cơ ở Thượng Hải rất thịnh hành. Những lời khai thị sửa lỗi, hướng thiện, tiểu luân hồi, tiểu nhân quả [của các đàn cơ ấy] đều rất có ích đối với thế đạo nhân tâm, nhưng những lời giảng về cõi trời, về Phật pháp toàn là những lời lẽ quàng xiên. Chúng ta là đệ tử Phật chẳng thể bài xích pháp ấy vì sẽ mắc lỗi ngăn trở người khác hướng thiện, nhưng cũng chẳng thể phụ họa, tán dương pháp ấy bởi những lời giảng cơ về Phật pháp toàn là ước đoán, chỉ e gây thành cái họa hoại loạn Phật pháp, lầm lạc chúng sanh.

19. Luận về luyện đan

❖ Phật pháp chỉ dạy người dứt ác tu thiện, minh tâm kiến tánh, đoạn Hoặc chứng Chân liễu sanh thoát tử. Toàn bộ Đại Tạng Kinh trọn chẳng có lấy một chữ dạy người vận khí luyện đan, cầu thành tiên bay lên trời, trường sanh bất lão chi cả.

Thời kỳ đầu Dân Quốc, gã dân ma Liễu Hoa Dương soạn Huệ Mạng Kinh, tận dụng Kinh Phật, lời Tổ để chứng minh cho pháp luyện đan, xoay chánh thành tà, dùng pháp báng pháp. Người chưa mở mắt thấy tà thuyết đó ngỡ là chân thật, đánh mất chánh kiến mãi mãi. Lời lẽ, sự tu hành của họ đều là phá hoại Phật pháp, nhưng vẫn hui hui tự đắc, cho mình may mắn gặp được chân thừa, được nghe chánh pháp, đúng là nhận giặc làm con, nấu cát thành cơm, một gã lòe dẫn lũ mù kéo nhau sa hầm lửa, chẳng đáng buồn ư!

Phàm một pháp luyện đan chẳng phải là không lợi ích, nhưng chỉ có thể kéo dài tuổi thọ, cao nhất là thành tiên bay lên trời, pháp ấy còn chưa phải là chân truyền của Lão Tử, huống hồ là chánh đạo của Phật pháp ư? Khổng Tử nói: *“Triêu văn đạo, tịch tử khả hỹ!”* (Sáng nghe đạo, tối chết cũng đành). Lão Tử nói: *“Ngô hữu đại hoạn vi ngô hữu thân”* (Ta có mối lo lớn là ta có thân). Nếu lãnh hội được những lời ấy sẽ chẳng bị bọn luyện đan kia mê hoặc. Hãy đọc kỹ các

sách An Sĩ Toàn Thư, Cư Sĩ Truyện, Bình Tâm Luận, Kê Cổ Lược.... thì gương sáng đặt trên đài, tốt xấu tự phân, lò nung thử vàng, thật giả rạch ròi.

❖ Trộm nghĩ nguồn gốc của Thích và Đạo chẳng hai, nhưng nhánh nhóc, chi phái khác xa nhau một trời một vực. Phật giáo dạy người trước hết tu Tứ Niệm Xứ Quán: quán thân bất tịnh, quán thọ là khổ, quán tâm vô thường, quán pháp vô ngã. Đã biết thân, thọ, tâm, pháp đều thuộc huyễn vọng, khổ, không, vô thường, vô ngã, bất tịnh thì Chân Như diệu tánh sẽ tự hiển hiện.

Nếu ước theo nguyên sơ chánh truyền thì Đạo giáo cũng chẳng lấy việc vận khí luyện đan chỉ cầu trường sanh làm trọng; đời sau tu hành theo Đạo Giáo, không một ai là chẳng coi pháp ấy là chánh tông! Phật giáo không điều lớn lao nào chẳng bao gồm, không điều nhỏ nhất nào chẳng đề cập đến, chẳng những phát huy đạo lý thân tâm tánh mạng đến hết sạch không còn sót, mà ngay cả những điều nhỏ nhất như hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, si...của Thế Đế, mảy may điều thiện nào cũng chẳng bỏ sót. Chỉ riêng đối với việc luyện đan vận khí không có lấy một chữ nhắc đến, nhưng [đệ tử Phật] phải kiêng dè sâu xa [đừng luyện đan], bởi một đấng dạy người biết thân tâm là huyễn vọng, một đấng lại dạy người chấp chặt thân tâm là chân thật.

Cái tâm vừa nói đó chỉ là tâm tùy duyên sanh diệt, chẳng phải là chân tâm sẵn có. Một pháp luyện đan chẳng phải là không có lợi ích, nhưng chỉ kéo dài được tuổi thọ, cao nhất là thành tiên bay lên trời, nếu bảo là pháp để liễu sanh thoát tử thì chỉ là lời nói mớ mà thôi!

20. Luận về tu hành, xử sự phải phù hợp, thích nghi

❖ Đối với pháp niệm Phật phải tùy theo sức lực của mỗi người; tùy tiện niệm ra tiếng, niệm thầm, niệm lớn tiếng, niệm nhỏ tiếng, không cách nào là chẳng được, lẽ nào cứ một mực niệm lớn tiếng đến nổi tổn hơi thành bệnh vậy? Căn bệnh nặng của ông do khí bị thương tổn mà ra nhưng thật sự là do nghiệp lực từ vô lượng kiếp biến hiện.

Do ông tinh tấn niệm Phật nên chuyển hậu báo thành hiện báo, chuyển báo nặng thành báo nhẹ. Chẳng biết là do căn bệnh này sẽ tiêu được tội tam đồ ác đạo trong bao nhiêu kiếp số. Phật lực khó nghĩ lường, Phật ân khó báo, hãy nên sanh lòng vui mừng, nghĩ mình may mắn lớn lao, sanh lòng tin trong sạch lớn lao, dùng một pháp Tịnh Độ tự hành, dạy người, mong sao quyến thuộc trong nhà cùng hết thấy những ai hữu duyên cùng sanh Tây Phương thì mới chẳng phụ căn bệnh này, mới khỏi phụ ân Phật vì mình hiện thân vậy!

❖ Học Phật phải chuyên lấy việc tự liễu ngộ làm chánh, nhưng cũng phải tùy phần, tùy sức làm các công đức. Phải là người có sức lớn lao mới hòng triệt để buông xuống, triệt để đề khởi được. Người căn cơ trung hạ nếu không làm gì hết sẽ liền thành biếng nhác, trây lười, đã chẳng hiểu đúng tự lợi mà đối với việc lợi người cũng gác bỏ hết, trở thành cái tệ như Dương Tử “dù nhỏ một cái lông làm lợi cho người khác cũng chẳng chịu làm”¹. Vì thế phải hành cả hai pháp hỗ trợ cho nhau, nhưng chú trọng vào mặt tự lợi.

Cũng đừng hiểu lầm lời cư sĩ Nhị Lâm (*Bàn Tế Thanh*). Hiểu lầm thì đắc tội với ông Nhị Lâm chẳng nhỏ. Ý của Bàn Nhị Lâm là chuyên chú tự lợi, chứ chẳng phải là phớt lờ việc tùy phần, tùy sức

¹ Dương Tử tức là Dương Châu (Chu), tên tự là Tử Cư, người thời Chiến Quốc, chủ trương thuyết “vị ngã”: dù là làm điều lợi nhỏ nhất dù bằng cái lông cho người khác cũng chẳng chịu làm.

dạy người tu theo pháp môn Tịnh Độ đâu! Việc lợi người chỉ có hàng Bồ Tát mới gánh vác nổi; ngoài ra, ai dám nói những lời lẽ lớn lao ấy! Người căn cơ trung hạ tùy phần, tùy sức làm việc lợi người mới phù hợp với đạo lý tu hành tự lợi, bởi lẽ pháp môn tu hành có lục độ vạn hạnh. Tự mình chưa độ thoát thì việc lợi người vẫn thuộc về tự lợi, nhưng chẳng thể chuyên chú vào hình thức bề ngoài mà làm.

Người tu hành thật sự thì dính vào chuyện khác làm chi? Chỉ vì do chưa thể buông cả toàn thân xuống, cắt đứt vạn duyên được thì chẳng ngại gì đeo đẳng trong lòng để vớt vát lấy một nửa mà thôi.

Niệm Phật tuy trọng chí thành, thanh khiết, nhưng nếu bệnh nhân không đủ sức thì cứ giữ lòng chí thành thâm niệm, hoặc niệm ra tiếng, công đức vẫn giống hệt như vậy. Bởi lẽ, Phật từ rộng lớn, như cha mẹ lúc thấy con cái bệnh khổ, ắt chẳng nệ vào những nghi thức lúc bình thường để trách móc gì, lại còn đến vỗ về, xoa nắn thân thể con, rửa sạch những dơ bẩn. Nếu con bệnh đã lành mà vẫn đối xử với cha mẹ hệt như lúc còn đang bệnh thì sẽ bị sét đánh vậy!

❖ Lập thân, xử thế, gìn lòng thì dù là ngu hay hiền đều phải cung kính, chẳng sanh lòng ngạo mạn. Hành sự thì thân hiền, xa ngu, giữ ưu, bỏ kém. Như thế sẽ tránh khỏi cái tệ lây phải tính xấu, cũng như giữ cho mình khỏi bị làm lạc. Chuyện thiên hạ có cái lý nhất định, nhưng không có pháp nhất định. Nếu chẳng dựa vào sự tình để định đoạt, như chập chết vào toa thuốc để trị biến chứng thì người sống sẽ ít, kẻ chết lại nhiều. Phải tình hợp với lý, pháp phù hợp sự thì mới nên!

❖ Thiên hạ vạn sự có cái lý nhất định, nhưng khi gặp chuyện phải vận dụng cái lý nhất định để hành xử sao cho thích nghi, lý phù hợp cùng quyền, pháp tương ứng với đạo thì mới nên!

❖ Phật pháp phải tùy theo căn tánh mỗi người mà thực hiện, chẳng thể chấp chặt vào quy cách truyền bá thông thường. Nếu trái nghịch căn cơ sẽ khiến người ấy bị mất lợi ích liễu sanh thoát tử thù thắng; cốt sao người ấy phải tự lượng được căn tánh để tu trì [sao cho thích hợp].

❖ Vào thời Phật pháp hưng thịnh dưới các triều Đường, Tống, người tại gia phần nhiều dùng cách hỏa táng; nhưng [nay] nên thuận theo thói tục chôn cất, vì sợ kẻ câu nệ luận bàn quàng xiên, chứ thật ra thiêu thì gọn gàng hơn. Qua bốn mươi chín ngày hãy thiêu là ổn thỏa. Còn chôn thì qua nhiều năm, rất có thể hài cốt bị phơi bày. Cái lệ ba năm tang chế chẳng dùng đến lễ nhạc cổ nhiên phải tuân thủ.

Trước đời Thanh, quan văn có thể xin nghỉ cư tang, quan võ chẳng được phép nghỉ cư tang bởi việc quân chẳng thể xao nhãng được nên chẳng để tang. Bây giờ thanh hành quan niệm “bỏ thói thường là bất hiếu”, dù giữ đúng thời gian tang chế vẫn còn bị chê trách nữa là. Chúng ta nên theo đúng cổ lễ, nhưng phải châm chước mà làm theo, tuy chẳng thể biến cải ngay, nhưng đừng có quá câu nệ là được!

❖ Liên xã mới mở phải có quy chế nhất định, nữ nhân tuyệt đối chẳng được tham dự liên xã, đừng bắt chước nơi khác buông tuồng chẳng thúc liễm đến nỗi một pháp chẳng lập, trăm mối tệ chen chúc nảy sanh. Rất quan trọng, rất quan yếu đấy!

❖ Trộm nghĩ thế đạo nhân tâm hiện thời suy sụp đến cùng cực. Lại còn phung phí quốc khố, so với trước kia thuế má nặng hơn gấp mấy lần, mọi thứ đắt đỏ, dân không lẽ sống. Tai trời vạ người giáng xuống liên tiếp. Gặp phải thời buổi này, muốn hoằng dương đạo

pháp chỉ còn cách khuyên những người tìm đến học hãy học lấy yêu nghĩa nhà Phật.

Với cha nói Từ, với con nói Hiếu, anh nhường em kính, chồng xướng vợ theo, ai nấy trọn hết bốn phận để làm nền tảng [cho việc học đạo]. Ngoài ra, còn phải giữ lòng thành, chuyên chú lòng kính, khắc kỷ, giữ lễ, hiểu nhân rõ quả, mong thoát khỏi luân hồi, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Dù thiên tư cao đến cách mấy cũng phải y theo đây mà hành.

Ngoài ra, những khi có thời gian, có sức thì nghiên cứu hết thầy Kinh luận cũng chẳng trở ngại gì. Cốt sao tùy phận tu trì trong chính gia đình mình thì chẳng cần gì phải cất dựng phòng ốc cho nhiều, lại phải sắp đặt nhiều nhân viên, đây kia qua lại càng phí thời gian. Đây chính là cách tương kế tựu kế để hoằng pháp bậc nhất trong hiện tại vậy.

❖ Muốn cầu vãng sanh hãy nên buông bỏ thế gian này cũng như buông bỏ cái tâm cuồng vọng quá phận mong độ thoát chúng sanh giống như Bồ Tát. Tu cho chính mình chính là điều Bồ Tát phải làm đầu tiên. Nếu chính mình còn là phàm phu, lại toan đảm nhiệm việc ấy thì chẳng những chẳng thể độ người mà còn chẳng thể tự độ nữa! Không ít thiện tri thức thế gian mắc phải bệnh này, nhưng cứ cho là mình có tâm Bồ Tát. Phải biết rằng: [nếu có] tâm ấy, phải cầu vãng sanh trước đã thì mới có lợi ích. Nếu mình là Bồ Tát thì chẳng cầu vãng sanh còn được, chứ nếu không thì tai hại chẳng nhẹ. Tâm cuồng vọng quá phận chính là chương ngại lớn nhất đối với việc tu hành. Chẳng thể chẳng biết điều này.

❖ Trong lúc kiếp trước thời loạn này, lẽ tất nhiên phải đề xướng nhân quả báo ứng và pháp môn Tịnh Độ mới hòng có lợi ích thật sự.

Những kẻ ham cao chuộng trội kia chỉ sợ những pháp ấy mà được đề xướng thì tiếng tăm, giá trị của họ sẽ bị hủy hoại, nên thà để người khác chẳng hiểu, chứ chẳng chịu xuôi theo môn phong của chúng ta.

Hãy thử hỏi họ: Đối với những vật bên ngoài dùng để điều dưỡng sanh mạng, có thể nào cứ cố chấp vào một pháp chẳng chịu biến đổi cho thông suốt hay chẳng? Mùa Hạ dùng sấn dây, mùa Đông khoác áo cừ, đói thì ăn, khát thì uống. Mỗi ngày còn phải chọn lấy những điều thích nghi; thế mà đối với việc hoằng dương đạo pháp thì lại bất trí chẳng hợp lẽ như việc dưỡng sanh, vẫn còn bảo là thật sự muốn làm cho người khác được lợi lạc nữa ư?

❖ Sáng lập liên xã ắt phải thanh tịnh, thơm sạch, chủ nhân ắt phải cung kính chí thành, chẳng thể là hạng người ngạo mạn, mà cũng chẳng thể là người thiếu khí lượng, đức độ. Đối với mọi người đến tham dự đều phải đối đãi ôn hòa, cung kính, khiêm tốn. Lúc chưa niệm Phật cũng như lúc niệm Phật xong, đều chẳng được bàn chuyện nhà, có những yếu nghĩa nào đáng bàn luận, trình bày thì hãy bàn. Nếu không, ai nấy trở về chỗ mình. Những ai quá nhỏ tuổi hãy nên tự niệm ở nhà. Nếu thường đến liên xã, ở gần thì còn tạm được, chứ nếu đường xa, chỉ e nảy ý ham vui bên ngoài, chẳng thể không cẩn thận. Lập liên xã bất quá chỉ là đề xướng trong địa phương mà thôi, phải lấy việc niệm Phật tại gia là chính.

❖ Người học Phật trước hết phải biết nhân quả, dè dặt, cẩn trọng mà xử sự. Nếu đã có thể dè dặt, cẩn trọng thì tà niệm sẽ tự tiêu, chẳng đến nỗi làm điều chẳng đúng pháp. Nếu trót làm, phải cực lực đoạn diệt thì mới là tu hành chân thật. Nếu không, học một đường, làm một nẻo, tri kiến càng cao, hành vi càng tệ. Đây chính là căn bệnh đã lậm vào xương tủy của những kẻ học Phật tự xưng là bậc

thông gia ngày nay. Nếu có thể luôn lấy việc tránh lỗi lầm làm điều mong mỏi thì cứ học một phần sẽ được một phần lợi ích thật sự.

21. Luận về phú cường

❖ Trung Quốc nghèo hèn là vì chẳng tuân theo lễ nghĩa nên mới nghèo hèn đến thế đó. Thử hỏi nguyên nhân gây nên sự nghèo hèn, có nguyên nhân nào ngoài chuyện tham ăn của đút lót, nhận của hối lộ khiến ngoại nhân hưởng lợi hay không? Ông chưa thấy rõ gốc bệnh nên mới bảo là thuốc chẳng hiệu nghiệm, có đáng gọi là trí chẳng? Nước ngoài cường thịnh, nhưng nước họ nhỏ, nếu họ chẳng đồng tâm hiệp lực há có thể tự lập được ư? Trung Quốc mỗi người mỗi ý. Dù có đồng tâm đi nữa, nhưng ngoại nhân đem lợi ra như liên bị của đút lót xoay chuyển, chẳng những chẳng đoái hoài gì đến đất nước và nhân dân, ngay cả thân mình cũng chẳng thêm đếm xỉa đến nữa. Chẳng phải là việc phụng hành lễ nghĩa đã bị đánh mất đó sao?

Xưa Lâm Văn Trung Công đánh đuổi quân Di đủ chứng thực điều ấy. Từ đây, bất cứ việc lớn việc nhỏ gì, không việc nào lại chẳng vì Trung Quốc chu toàn cho thành tựu chẳng? Người Trung Quốc đa phần quên mất tám chữ (hiếu, lễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ) cho nên nước ngoài mới hùng mạnh như thế, Trung Quốc mới yếu hèn đến thế. Nếu như ai nấy đều giữ gìn lễ nghĩa thì các hàng hóa vô ích của ngoại quốc không cách nào tiêu thụ được, mỗi năm Trung Quốc sẽ tiết kiệm được cả mấy ngàn vạn vạn lạng vàng vậy. Người Trung Quốc mà bệ rạc thì phải nói thành thật là bệ rạc đến tột cùng...

Ông tuy đọc sách hiểu đời nhưng chưa lãnh hội cái đạo đọc sách hiểu đời nên mới hỏi như vậy. Với tình thế hiện tại thì đề xướng nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi, và cải ác tu thiện, tín nguyện vãng sanh là cách văn hồi kiếp vận, cứu quốc, cứu dân bậc nhất; đàm

huyền thuyết diệu [so ra] vẫn kém hơn. Muốn cứu đời nhưng chính mình chẳng tận lực thực hành thì sẽ chẳng có hiệu quả thật sự. Từ chính mình lan ra cả nhà, từ một nhà lan đến cả ấp, từ mỗi ấp lan ra cả nước, một khi đã tạo thành nề nếp thì sẽ có hiệu quả chẳng lường được. Nếu không, thì dù có mơ cũng vẫn khó thấy được!

❖ Gần đây những người làm chuyện lớn phần nhiều là trẻ tuổi, đa phần là lập dị, vọng ngoại, coi Nghiêu, Thuấn, Châu, Khổng chẳng ra gì. Kẻ chưa đắc chí bèn cuồng vọng lung lạc người. Kẻ đã đắc chí liền thành phường hại nước một dân. Vì thế thiên tai nhân họa xảy ra liên tiếp, vận nước nguy ngập, dân không lẽ sống. Học Phật cốt là để đối trị tập khí, cải ác hướng thiện. Nếu vô sự bèn miệt mài học Phật, nhưng hữu sự bèn gặt phăng việc học Phật sang một bên thì chỉ mang cái tiếng suông, trọn chẳng có mảy may lợi ích thật sự gì!

22. Luận về cách dự phòng tai họa

❖ Với tình thế hiện tại, chỉ nên tận tâm, còn chuyện họa phước cát hung trong tương lai chẳng thể dự đoán được. Nếu có thể chí thành niệm Phật, niệm Quán Thế Âm Bồ Tát ắt sẽ có sự chuyển biến âm thầm, chẳng đến nỗi vướng phải mối nguy hiểm lớn. Nếu chẳng dốc sức vào đây, dù vận dụng hết cơ mưu cũng vẫn khó đạt hiệu quả tốt đẹp bởi thế cục biến huyền, khó thể dự liệu nổi! Những kẻ vinh hoa, phú quý hiển hách kia trong chốc lát còn bị tiêu tan sạch cả, hưởng hờ gì bọn ta? Khổng Tử nói: *“Kẻ chẳng biết mạng thì chẳng thể coi là quân tử được”*; nhưng phải cực lực tu trì thì mới đáng gọi là Mạng được. Nếu biếng nhác trây lười, tánh tình buông xuôi, dù đạt được hay mất đi cái gì thì cũng chẳng thể gọi là Mạng được!

❖ Tình thế hiện nay là tình thế hoạn nạn. Dù bảo là niệm Phật diệt được túc nghiệp, nhưng phải sanh lòng hổ thẹn lớn lao, chuyển đổi cái tâm tôn người lợi mình, hành hạnh Bồ Tát lợi khắp chúng sanh thì dù túc nghiệp hiện ra, cũng sẽ đều nhờ Phật hiệu quang minh trong Bồ Đề tâm để tiêu diệt hết sạch. Nếu trong đời trước hoặc trong xưa kia đã từng tạo nghiệp lớn, nay dù không làm ác, nhưng chỉ niệm Phật qua quýt, ơ hờ thì công chẳng thắng nổi tội, rất có thể mắc phải ác báo.

Chẳng phải là niệm Phật vô ích, nhưng vì chưa phát Bồ Đề tâm, mà ác nghiệp lại rộng lớn nên công niệm Phật chẳng áp đảo được ác nghiệp. Nếu có thể phát đại Bồ Đề tâm thì như vàng mặt trời rạng rỡ giữa hư không, sương móc tiêu lập tức. Người đời phần nhiều nửa đời tạo ác, sau mới sám hối đôi chút, do bởi chưa thể hoàn toàn không gặp phải ác báo, bèn nói Phật pháp chẳng thiêng, tu trì vô ích! Cư sĩ chẳng coi Quang tô là người ngoài, cố nhiên Quang chẳng thể không cùng cư sĩ trình bày sơ lược nguyên do ngộ hầu cư sĩ thoát khỏi đường mê, vượt lên bến giác vậy!

HẾT PHẦN 5

PHẦN 6

VIII. KHUYÊN NHỦ CÁC THIỆN TÍN TẠI GIA

1. Dạy về luân thường đại giáo

❖ Phải tận tâm học Phật mới có thể tận hết luân thường học Không. Phải tận hết luân thường học Không mới có thể tận tâm học Phật. Thử coi những bậc đại trung, đại hiếu và những vị phát huy tâm pháp của thánh hiền trong Nho Giáo xưa nay không vị nào là chẳng nghiên cứu Kinh Phật sâu xa, ngâm tu thâm chứng. Hợp hai đạo Phật và Nho lại thì cả hai cùng tốt đẹp, tách ra thì cả hai cùng bị tổn thương; bởi lẽ, người trong cõi đời không ai chẳng thuộc trong vòng luân thường, mà cũng không ai ra khỏi tâm tánh được. Để trọn vẹn luân thường tâm tánh ấy thì dùng “chẳng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện” của nhà Phật để khắc kỷ, giữ lễ, ngăn lòng tà, giữ lòng thành, dùng “cha hiền, con hiếu, anh nhường, em kính” để hỗ trợ. Do vậy, cha con, anh em v.v... dắt dìu nhau cùng trọn vẹn luân thường, tâm tánh, trừ khử phiền Hoặc, huyễn vọng để khôi phục Phật tánh sẵn có. Chẳng những về thể là một, mà về dụng cũng chẳng có hai!

❖ Phải biết rằng Phật pháp là pháp chung của cả chín pháp giới, không một ai là chẳng nên tu mà cũng không ai là chẳng thể tu nổi. Những kẻ nói Phật giáo vứt bỏ nhân luân, làm hại thánh đạo đều là những kẻ mù chẳng thấy hình sắc cứ luận càn. Vì sao nói như thế? Đức Phật đối với cha dạy lòng từ, với con dạy lòng hiếu, với vua dạy

lòng nhân, với bầy tôi dạy lòng trung, chồng xướng vợ theo, anh nhường, em kính.

Với những lời lẽ hay đẹp, những hành vi tốt đẹp, không điều nào Kinh Phật lại chẳng thuật rõ túc nhân hậu quả, tiền nhân hậu quả. Những điều Phật dạy về lòng từ, lòng hiếu... giống với Nho Giáo, nhưng những điều đạo Phật dạy về nhân quả ba đời thì Nho giáo còn chưa bao giờ được nghe đến, huống hồ là “đoạn Hoặc chứng Chân” và “viên mãn Bồ Đề, quy về pháp vô sở đắc”! Tiếc là những kẻ ấy chưa được biết đến, chứ nếu đọc kỹ, nghĩ chín, ắt sẽ khóc lóc, đau đớn, tiếng rên cả đại thiên thế giới, buồn thương vì tội lỗi báng Phật vậy!

❖ Muốn học Phật, Tổ, trước hết phải giữ pháp thánh hiền. Nếu như thiếu sót bốn phận, trái nghịch luân thường thì đã là kẻ tội nhân danh giáo, còn làm đệ tử Phật sao được? Phật giáo tuy vượt ngoài thế pháp, nhưng gặp vua nói Nhân, gặp bầy tôi nói Trung, gặp cha nói Từ, gặp con nói Hiếu, từ cạn mà lần đến sâu, hạ học thượng đạt (*học từ những điều căn bản, thấp kém, nhưng đạt được những điều cao quý*). Hãy đọc kỹ An Sĩ Toàn Thư, ắt sẽ biết được đại khái vậy!

❖ Muốn làm Phật tử chân thật, phải bắt đầu làm chân Nho trước đã. Nếu đối với những sự như chí tâm thành ý, khắc kỷ, giữ lễ, giữ lòng kính trọng, lòng thành, hiếu để, vui vẻ, cung kính... mà chẳng thể tu tập, đôn đốc thì nền tảng chẳng kiên cố, học Phật sao được? Chọn lấy tôi trung trong đám con hiếu; kẻ tánh hạnh trái nghịch Nho phong lễ nào gánh vác được gia nghiệp của Như Lai, trên nối tiếp huệ mạng, dưới hóa độ chúng sanh cơ chứ?

Phật pháp không sự gì to lớn chẳng bao hàm, không điều gì nhỏ nhặt chẳng nêu lên. Dù là pháp thế gian hay xuất thế gian, không một pháp nào lại chẳng thuộc phạm vi của Phật pháp. Những kẻ câu

nệ, hủ bại trong thế gian thường cứ bảo “xuất gia là trái nghịch luân lý”, họ đều là hạng chưa suy xét thấu đáo đã vội hủy báng, sợ mắc ghen nên bỏ ăn, tự chôn vùi tánh mạng, thật là đáng thương!

Nếu có mở rộng được tầm mắt thì mới biết Phật pháp lưu truyền rộng rãi khắp trong ngoài Trung Hoa, đạo pháp thanh hành cả hai ngàn năm qua, được rất nhiều vua thánh, tôi hiền, hào kiệt, vĩ nhân hộ trì, truyền bá. Lẽ đương nhiên đạo ấy phải là chân đạo mà phạm tình chẳng thể suy lường được nổi! Dù có bị một hai gã nho sĩ câu nệ, hủ bại bài xích, hay những tên vua bạo ác hủy phá, rút cuộc hai tay vẫn không che nổi mặt trời, ngửa mặt nhỏ lên trời, chỉ càng tự phô bày cái thấy biết kém cỏi, ít ỏi của mình mà thôi, tự làm lạc gây tạo tội lỗi, chứ rút cuộc Phật pháp có bị tổn hại gì đâu?

Lại có kẻ bề ngoài làm ra vẻ chê bai Phật pháp, chứ bề trong lại thực sự tu chứng. Từ đời Tống đến nay, những bậc danh nho không có ai là chẳng như vậy cả! Cho nên Quang tôi nói: *“thành ý chánh tâm do vậy hãy còn khiêm khuyết”* thật đúng là lời bàn quyết định vậy!

❖ Đối với việc học Phật, vốn phải trọn vẹn nhân đạo mới hòng hướng đến được. Nếu chẳng thật sự thực hành hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, si, dù có suốt ngày thờ Phật, Phật cũng chẳng gia hộ! Ấy là vì Phật giáo bao gồm hết cả các pháp thế gian, xuất thế gian. Vì thế với cha nói Từ, với con nói Hiếu, khiến ai nấy đều tận hết bốn phận làm người, sau đấy mới tu pháp xuất thế. Ví như muốn dựng lầu cao vạn trượng, ắt trước hết phải đắp nền móng kiên cố, khai thông đường nước thì lầu cao vạn trượng mới có thể xây lên được, mới vĩnh cửu chẳng hư hoại. Nếu như nền móng chẳng vững, ắt chưa xây xong đã sụp.

Sách Luận Ngữ nói: *“Tuyển trung thân ư hiếu tử chi môn”* (chọn tôi trung từ nơi con hiếu); học Phật cũng giống như vậy. Xưa kia,

ông Bạch Cư Dị hỏi Ô Sào Thiên Sư: “*Thế nào là đại ý Phật pháp?*” Sư dạy: “*Đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành*”. Muốn học Phật pháp, phải khắc kỷ, dè dặt, việc gì cũng đều phải phát xuất từ cái tâm chân thật mà làm. Người như vậy mới đáng gọi là chân Phật tử. Nếu tấm lòng gian ác, lại toan mượn Phật pháp để tránh tội nghiệp, có khác gì trước đã uống thuốc độc, sau lại uống thuốc bổ, muốn cho thân thể khỏe mạnh, nhẹ nhàng, kéo dài tuổi thọ, phỏng có được chăng?

❖ Đại trượng phu muốn văn chương thiên hạ, công nghiệp vang dội vũ trụ, nhưng chẳng thể đoạn Hoặc chứng Chân, liễu sanh thoát tử thì chỉ là chấp vào cái bên ngoài, bỏ sót cái bên trong, chấp cái Có tuy nó chỉ là đăng ngọn, bỏ đi cái Không dù nó chính là đăng gốc. Người đời ai có thể vẹn toàn được mọi việc, chúng ta chỉ nên gắng sức giữ vẹn luân thường, tận lực tu Tịnh Nghiệp là được, cần gì phải bận tâm đến điều gì khác nữa!

❖ Trộm nghĩ Nho lễ coi trọng cúng tế Xuân Thu, Thích giáo đặt nặng việc quanh năm truy tiến. Nghĩ đến cái ân nguồn nước, cội cây mà thực hành cẩn thận, chu đáo việc truy tiến thì thế gian, xuất thế gian nào có gián đoạn chi?

2. Luận về giáo dục gia đình

❖ Gia đình muốn hưng thịnh, phải bắt đầu từ gia quy nghiêm chỉnh. Gia đình gần như tan nát là do từ đầu đã bỏ phế gia quy. Muốn con em thành người, phải bắt đầu từ hành vi, việc làm của mình sao cho đúng phép tắc hòng làm gương cho con em. Lý nhất định phải như thế! Như nay muốn bắt đầu [giáo dục con em] ít tốn công sức nhất, trước hết hãy nói về nhân quả báo ứng khiến chúng

tập thành tánh, mới hòng mai sau chúng chẳng đến nỗi làm càn quá đáng. Đây thật đúng là diệu pháp bậc nhất để tề gia, dạy con, khiến đời yên, dân hiền vậy.

❖ Con em có nên người hay chẳng chỉ là do giáo dục trong gia đình. Phàm đối với con cái, ngay từ nhỏ phải dạy chúng hiếu, lễ, trung, tín, cần kiệm, ôn hòa, cung kính, để khi chúng lớn lên đi học đọc sách mới có nền tảng để hưởng được lợi ích. Nếu như từ nhỏ đã dung túng thành thói, hãy khoan kể đến những đứa không thiên tư, không được học hành đàng hoàng; ngay cả những đứa có thiên tư, có học hành đàng hoàng cũng chỉ thành thợ gọt giũa chữ nghĩa, thành kẻ bại hoại trong cửa Nho mà thôi!

Đời có kẻ tài năng Bắc Đẩu, học rộng năm xe, nhưng hành vi, việc làm toàn là ý mình thông minh, độc hại sanh linh, hủy diệt đạo nghĩa. Những hạng ấy vốn là do từ thuở đầu đã thiếu sự giáo dục trong gia đình mà nên nỗi. Văn Vương nghiêm khắc kể từ vợ góa cho đến anh em để giữ gìn gia đình, đất nước; cũng như sách Đại Học nói muốn trị thiên hạ, quốc gia phải bắt đầu từ “cách vật trí tri, thành ý chánh tâm” đều vì cùng một mục đích. Đây chính là bí quyết vô thượng để dạy con người trở thành thánh, thành Hiền của đạo Nho. Bỏ điều này, cầu lấy điều khác thì đều toàn là tìm tòi nơi cái ngọn vậy!

❖ Với tình hình hiện tại, ngay khi con cái biết nói, nhận biết sự vật, trong nhà hãy dạy con nhận biết mặt chữ trước. Mỗi tờ giấy chỉ viết một chữ, đừng viết cả hai mặt. Hạn định mỗi ngày mấy chữ, mỗi ngày học thuộc mặt những chữ đó xong lại bắt con nhận mặt toàn bộ các chữ đã học một hai lượt nữa. Chưa hơn một năm, con sẽ biết được nhiều chữ. Sau này lúc con đọc sách, phàm đọc qua chữ

nào đều nhận biết được cả, chẳng đến nỗi có cái tệ miệng chỉ đọc lâu lâu [nhưng vẫn không biết chữ].

Tùy theo năng lực của con, sai con làm những việc lặt vặt để tập tành siêng năng. Đừng cho con ăn uống, mặc quần áo quá sang trọng. Phàm những khi con phí phạm ngũ cốc và làm hư hỏng vật gì, chẳng cần biết vật ấy quý giá hay tầm thường thế nào, phải bảo cho con biết những vật ấy chế tạo chẳng dễ, cũng như nói đến những nghĩa lý bị tổn phước, giảm thọ v.v... Nếu con vẫn vậy, nhất định phải trách phạt, quyết chẳng bỏ qua. Có như thế, con sẽ tự kiềm ước, trọn chẳng đến nỗi xa xỉ, phung phí.

Khi con đọc được sách, bảo con hãy đọc kỹ các sách Âm Chất Văn, Cảm Ứng v.v... thuận theo từng mặt chữ mà giảng giải. Hễ hành vi hằng ngày của con là tốt lành, bèn chỉ cho con thấy điều thiện trong hai sách ấy để khen ngợi. Nếu hành vi nào không tốt, bèn lấy những điều bất thiện trong hai sách ấy để quở trách. Như vàng đồ khuôn, như nước có đê ngăn, lẽ nào chẳng thành vật dụng, vẫn cứ chảy lung tung như cũ ư? Con người có đúng là người hay không là do từ nền tảng ấy. Chẳng giảng đến điều ấy, lại muốn trở thành con người vẹn toàn thì họa chẳng thiên tư phải hơn cả Mạnh Tử!

Đến tuổi đi học, đừng cho con vào học ngay những trường hiện thời đang mở, hãy nên cho con học ở nhà vài năm trước đã. Mời một vị thầy học vấn, đức hạnh đều tốt đẹp, tin sâu nhân quả để dạy con học Tứ Thư, Ngũ Kinh. Đợi đến khi con học được mấy phần, vẫn tự lẫn đạo lý chẳng bị làm lạc bởi những tà thuyết, tục luận, mới cho con vào học những trường hiện thời để mở rộng tầm mắt, biết suy xét việc, chẳng đến nỗi hành động trái thời, không cách gì tiến lên được!

Làm được như thế, đứa con nào có thiên tư sẽ tự thành đạt, đứa không thiên tư cũng thành người lương thiện. Thật sự ra, những điều

lão tăng hay nói chẳng ngoài những chuyện “riêng mình thiện, khiến người khác cũng thiện, tự lợi, lợi người”!

❖ Dạy con cái phải bắt đầu từ căn bản. Cái căn bản vừa nói đó chính là hiếu với cha mẹ, giúp đỡ mọi người, nhẫn nhục, chuyên gắng, dùng chính thân mình dạy dỗ người khác, nêu gương đạo đức. Như vàng hay đồng đã nung chảy, nghiêng rót vào khuôn, khuôn ngay sẽ ra hình ngay, khuôn méo thành hình méo. Chưa đổ vào khuôn đã biết trước là sẽ lớn, nhỏ, dày, mỏng, hướng hồ là khi đúc xong.

Gần đây, nhân tình phần nhiều chẳng biết đến điều ấy, thế nên những con em có thiên tư đa phần nông cuồng, bông bột, kẻ không thiên tư lại ương bướng, hèn kém. Đó là vì lúc nhỏ chẳng uốn vào khuôn phép, như nước đồng sôi đổ vào khuôn hồng ắt phải thành đồ hư. Kim loại vốn chỉ một, nhưng đồ đúc ra sai khác nhau một trời một vực, tiếc thay!

Phật lấy Vô Ngã làm giáo. Hiện tại, những kẻ có chút tri kiến thường nhìn lên tận trời, cứ tưởng chỉ có nghĩa lý văn tự mới là Phật pháp, chẳng biết tu thân, tịnh tâm, diệt trừ ngã tướng, tận lực tu Định - Huệ ngộ hầu đoạn Hoặc chứng Chân là Phật pháp!

❖ Trộm nghĩ: cha mẹ yêu con không gì chẳng quan tâm đến, chỉ trừ khi bị bệnh tật, hoạn nạn mới bớt quan tâm. Con trẻ vừa biết nói liền dạy nó niệm danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật và Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát, khiến cho những điều kém xấu đã vun bồi trong đời trước của nó nay nhờ thiện lực này ắt tai họa sẽ tiêu ngay khi chưa nảy mầm, được phước nhưng chẳng biết, không còn phải lo gì đến các hiểm nạn tai ương, bệnh tật, khổ sở v.v...

Khi con vừa hiểu biết đôi chút, liền dạy con trung thứ, nhân từ, kiên giết, phóng sanh và những sự tích nhân quả ba đời rành rành

ngõ hầu tập thành tánh, ngay từ lúc còn thơ đã chẳng dám giết hại tàn nhẫn các loài trùng kiến nhỏ nhoi, lớn lên quyết chẳng đến nỗi làm điều gian ác, khiến cha mẹ, tổ tiên mang nhục lây!

❖ Con em có tài năng, nếu được khéo giáo hóa sẽ dễ trở thành người chánh trực; không khéo giáo hóa đa phần sẽ thành hạng bại hoại. Ngày nay dân không lễ sống, nước nhà lắm nỗi gian nan, mấy phen chao đảo đều là do những kẻ có tài năng nhưng không được khéo dạy khiến mầm họa được ươm từ từ. Người không có tài, đương nhiên phải dạy họ thành thực; với người có tài càng phải nên dạy họ thành thực.

Thế nhưng thành thực vẫn có thể là giả vờ. Thoạt đầu, hãy thường nên dạy dỗ về nhân quả báo ứng và lẽ “con người khởi tâm động niệm gì, mỗi mỗi điều, thiên địa quỷ thần đều biết đều hay cả”, khuyên con phải đọc kỹ các sách Âm Chất Văn, Thái Thượng Cẩn Ứng, đừng cho rằng chúng không phải là sách Phật rồi xem thường. Ấy là vì phạm phu tâm lượng thiện cạn, nếu dùng những lý xa xôi lớn lao để giảng nói sẽ khó thể lãnh hội được. Những sách ấy dù già hay trẻ nghe đến đều được lợi ích cả, huống hồ là những người lấy việc chú trọng điều thiện làm thầy ư?

Với tử thi, phân nhơ, rắn độc mà đức Phật còn dạy người quán để chứng A La Hán, số đó nhiều hơn Hằng hà sa; huống hồ là những lời lẽ thiết thực, tồn dưỡng, cảnh tỉnh này [há nên xem thường] ư?

❖ Còn thuộc địa vị phạm phu chẳng thể không bệnh được, nhưng cũng chẳng nên bỏ mặc chẳng trị. Cách trị bệnh tốn ít sức nhất lại được lợi ích nhiều nhất là lấy bệnh làm thuốc. Lấy bệnh làm thuốc nghĩa là chẳng để bệnh lụy mình. Chẳng hạn như cái bệnh yêu mến con cái quyết chẳng thể đoạn được thì chẳng ngại gì dùng ngay sự yêu mến đó làm cái gót khiến cho con cái khi sống làm người chân

chánh, chết đi sanh về Tịnh Độ. Yêu con như vậy là biến phàm tình thế gian thành thánh quả xuất thế gian. Nếu chẳng khéo sử dụng lòng Ái, mặc lòng nuông chiều con thì còn hơn giết chết con cả trăm ngàn vạn ức vô lượng vô biên lần! Nước nhà diệt vong, nhân dân đồ thân đều là do những kẻ cha mẹ chẳng hiểu rõ sự tình un đúc nên, chẳng đáng buồn ư?

❖ Muốn cho con cháu chẳng hướng theo nẻo bại hoại, cùng nhau noi theo chánh đạo thì nên lấy các sách Cấm Ứng Thiên Vựng Biên, Âm Chất Văn Quảng Nghĩa làm kim chỉ nam. Dù những làn sóng thế tục xấu ác có bủa ngập trời, mây đen phủ kín mặt nhật, cũng chẳng đến nỗi chẳng biết hướng về đâu, chìm đắm mất cả.

Nếu không, dù gió lạnh, sóng yên, mặt trời soi tỏ cũng khó bảo đảm không có nước xoáy ngầm, vào đó liền bị đắm chìm, hưởng hồ trợn chẳng có chuyện gió yên, sóng lặng, mặt trời soi thấy tỏ thế đạo nhân tâm! Phải biết nội dung hai chữ âm đức rất rộng. Thành tựu con em người ta, khiến chúng thành thánh thành hiền, cố nhiên thuộc về âm đức. Thành tựu con em mình khiến chúng thành thánh, thành hiền cũng là âm đức. Ngược lại, khiến con em người ta bị lầm lạc đương nhiên là tổn âm đức; khiến con em mình lầm lạc cũng tổn âm đức. Nếu vừa đủ khả năng lẫn đủ sức thì may mắn nào hơn!

Nếu không, đối với những hành vi, ngôn ngữ hằng ngày trong gia đình, phải lấy việc thành thánh, thành hiền làm đầu, đấy chính là dùng Tục để tu Chân. Nay cư sĩ dùng thân mình thuyết pháp, xin hãy đem ý này thiết tha bảo cùng bè bạn và hết thầy người quen biết thì cũng là một cách để tự lập, lập người, tự lợi, lợi tha vậy!

❖ Nhà Châu mở nước là do ba bà Thái tạo lập nền tảng, Văn Vương thành thánh là nhờ thai giáo. Do vậy biết rằng: thế gian không có bậc thánh, bậc hiền là do đời thiếu những người mẹ thánh

hiền mà nên nổi! Nếu như bà mẹ nào cũng giống như ba bà Thái, dù con họ chẳng thành Vương Quý, Văn Vương, Châu Công, cũng hiếm đứa làm bậy, gian ngoa. Thế nhưng người đời chỉ biết yêu thương con cái, mặc tình nuông chiều thành thói, chẳng biết làm gương cho con. Đây chính là một điều đại bất hạnh của nước ta.

Con người lúc còn nhỏ thường gần bên mẹ, nên chịu ảnh hưởng của mẹ rất sâu. Con gái ngày hôm nay sẽ là mẹ người khác trong mai sau. Muốn vun đắp quốc gia, phải lấy việc dạy dỗ con gái làm nhiệm vụ cấp bách. Đừng bảo: “Con gái là con người ta, cần gì phải mất công lo lắng?” Phải biết rằng: Vì trời đất mà tài bồi một kẻ lương dân biết giữ phận, không công đức nào lớn hơn. Huống hồ nếu một cô gái đức hạnh vẹn toàn, con cái cô ta ắt sẽ noi theo nề nếp tốt đẹp đó, còn gì vẻ vang hơn?

Vả nữa, con dâu, cháu dâu mình chẳng phải là con gái nhà người đó sao? Muốn cho đất nước quật cường, không có hiền mẫu thì không có cách nào hỗ trợ được cả. Đời không mẹ hiền thì chẳng những nước không dân lành, nhà không con ngoan, mà ngay cả những gã thầy chùa bại hoại sống bám vào Phật trong Phật pháp thầy đều do những bà mẹ bất hảo sanh ra. Nếu mẹ thật sự hiền, con sẽ trọn chẳng đến nổi đồn hèn như thế. Tiếc thay!

❖ Gia quyến của ông rất đông, khi các cô em dâu, em gái, con gái v.v... của ông đi học về, hãy đem những sự nhân quả báo ứng và lợi ích của việc niệm Phật bàn luận cùng họ, ngõ hầu ai nấy đều biết “trong tâm mình đã tự biết thì tâm sẽ tương thông thiên địa quỷ thần cũng như sẽ tương thông với từ phụ Di Đà”. Do vậy, họ sẽ đoạn trừ ác niệm, tăng trưởng chánh tín, ngõ hầu hiện tại đáng làm vợ hiền, tương lai xứng làm hiền mẫu khiến cho [nết tốt] đó truyền lan trong làng xóm, đây cũng là pháp luân căn bản để bình trị thiên hạ quốc gia.

Bồ Tát thuận theo thế tục lợi sanh, chẳng bày vẽ phong cách riêng, đối bệnh cấp thuốc khiến cho ai nấy đều đúng đường về nhà mới thôi. Hiện tại, các phụ nữ trong chốn học đường đa phần lầm lạc sanh dị tâm, toan nắm lấy chánh quyền, chẳng biết tự giữ bản phận giúp chồng dạy con chính là căn bản khiến thiên hạ thái bình. Bởi lẽ vương nghiệp nhà Chu bắt nguồn từ ba bà Thái. Ba bà Thái Khương, Thái Nhậm, Thái Tự là những bậc thánh trong hàng nữ nhân, họ chỉ chú trọng vào việc dạy con ngay từ lúc còn trong thai để ngầm giúp chồng. Người đời nay chẳng học theo gương đây, những điều họ toan tính đều là những mưu mô tai ác khiến thiên hạ loạn lạc biết là chừng nào!

❖ Người sanh trong thế gian phải có thiện ác phụ trợ mới hòng thành tựu được. Dù là bậc thánh trời sanh, vẫn cần phải có hiền mẫu, hiền thê phụ trợ đạo đức, hướng hồ là những kẻ kém cõi hơn ư? Do bà Thái Nhậm dạy con từ thuở trong thai nên Văn Vương sanh ra đã có thánh đức. Vì thế Kinh Thi khen ngợi chuyện ngài nghiêm khắc từ vợ góa cho đến anh em để giữ yên gia đình, đất nước. Đây chỉ là nói riêng về Văn Vương, chứ nếu luận về bà Thái Tự, cố nhiên đức hạnh của bà cũng bổ trợ cho đường lối đạo đức của Văn Vương, như hai ngọn đèn cùng chiếu càng thấy sáng rõ, hai tay cùng rửa mới được sạch sẽ. Cứ xem những lời ông Tư Trai khen ngợi tiếng thơm của các bà Thái Nhậm, Thái Tự ắt sẽ thấy rõ.

Vì thế mới nói: đời ít người hiền là do đời thiếu mẹ hiền và vợ hiền vậy! Đó là vì vợ hiền sẽ ngầm giúp chồng, mẹ hiền dạy con cái ngay từ lúc còn trong thai. Hướng hồ mấy năm đầu tiên, luôn ở bên mẹ, được uốn nắn theo khuôn mẫu tốt đẹp, thường được răn dạy, tánh tình sẽ ngầm chuyển biến, chẳng mong đợi mà được vậy.

Tôi thường bảo: “*Dạy con gái là cái gốc để tề gia trị quốc*”, lại cũng thường nói: “*Quyền trị quốc bình thiên hạ, nữ nhân đã nắm giữ*

quá nửa!” chính là ý này. Bởi lẽ, kẻ có thiên tư cao được mẹ hiền un đúc, được vợ hiền giúp đỡ, ắt sẽ trở nên ý thành, tâm chánh, rạng đức sáng, chuyên chí nơi việc lành, lúc cùng thì riêng mình thiện, lúc đạt thì khiến thiên hạ cùng thiện. Dù là kẻ thiên tư bình thường cũng vẫn có thể tuân thủ quy củ, một bề giữ phận lương dân, trọn chẳng đến nỗi vượt lý trái phận, làm điều sai quấy, gian dối, khiến cha mẹ nhục nhã, gây hại cho đời.

Tiếc cho người đời mơ màng chẳng dạy con gái tận hết luân thường, giữ bổn phận, hằng ngày chỉ lo trau chuốt, chẳng màng đến chuyện gì khác. Mai kia làm vợ người ta, làm mẹ người ta, chẳng những chẳng thể giúp chồng dạy con trở thành thiện sĩ, trái lại còn dạy con hóa thành kẻ ác. Bởi vậy mới nói: Đối với con gái, phải dạy họ chú tâm đến việc dạy dỗ con cái [mai sau]. Những câu tôi đã nói như “dạy con gái là cái gốc để tề gia trị quốc” và “quyền trị quốc bình thiên hạ, nữ nhân chiếm quá nửa” chính là lời chân thật.

Gần đây, học vấn phát triển mạnh mẽ, phụ nữ đi học đa phần bị những giáo viên chẳng biết dạy từ cội gốc làm cho lầm lạc. Do đó, họ chẳng coi trọng việc tận hết luân thường, giữ bổn phận, yên cửa yên nhà, giúp chồng dạy con. Ai nấy đều muốn nắm lấy chánh quyền, làm trưởng quan, toan tính quá phận, tập thói cuồng vọng, thật đáng than vạ! Nếu như có kẻ làm đầu cực lực đề xướng việc vun bồi trong gia đình khiến cho việc tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ tự nhiên được hữu hiệu thì may mắn thay!

❖ Phận làm con cố nhiên phải xiển dương đức hạnh của cha mẹ. Để tỏ bày đức ấy phải chú trọng đến việc thân mình tự hành, bản thân phải khắc kỷ, giữ lễ, ngăn tà, giữ lòng thành, biết sai liền sửa, thấy điều nghĩa bèn làm, hiểu nhân rõ quả, kiêng giết, phóng sanh, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, sanh tín, phát nguyện, trì danh hiệu Phật, tự hành, dạy người cùng sanh Tịnh Độ.

Làm được như vậy, dù người ta chẳng biết đến đức hạnh của cha mẹ, nhưng do ngưỡng mộ đức hạnh của người ấy cũng sẽ ngưỡng mộ lây cả đức hạnh của cha mẹ, tổ tiên kẻ đó; cho rằng ông bà cha mẹ phải ngẫm tu đức hạnh đã lâu nên mới có được con cháu nối tiếp như thế. Nếu không, dù cha mẹ, tổ tông có đức tốt ai nấy đều biết, nhưng con cái không ra gì, người ta ắt sẽ đăm ngờ cha mẹ, tổ tông tuy có đức tốt, biết đâu lại có những điều ác ẩn giấu. Nếu không, sao từ cửa đức hạnh tốt đẹp lại nảy sanh hạng con cháu tệ hại đến thế?

Vì thế, phải biết rằng: lập thân hành đạo chính là biểu dương đức hạnh của cha mẹ, tổ tông. Làm con phải chú trọng lòng kính, cẩn thận, dè dặt, tận lực thực hành như thế mới mong khỏi làm nhục lây bậc sanh ra mình!

❖ Đời có hiền mẫu mới có hiền nhân. Các thánh mẫu đời xưa chú trọng thai giáo để un đúc phẩm chất con cái ngay từ thuở đầu, những mong tập quen thành tánh. Thế gian gọi nữ nhân là Thái Thái là vì ba vị thánh nữ Thái Khương, Thái Nhậm, Thái Tự bà nào cũng giúp chồng dạy con, mở mang vương nghiệp tám trăm năm. Cho nên mới dùng chữ Thái Thái để gọi nữ nhân. Quang tôi thường nói: *“Quyền bình trị thiên hạ, nữ nhân nắm hơn quá nửa”*. Tôi còn thường nói: *“Dạy con gái là cái gốc để tề gia trị quốc”* hàm ý: tận hết đạo làm vợ, giúp chồng dạy con.

Chẳng như nữ lưu ngày nay, đa phần chẳng giữ bổn phận, vọng động muốn nắm lấy chánh quyền, làm đại sự, chẳng biết vun bồi ngay từ trong gia đình. Đấy đúng là gom sắt cả chín châu vạn quốc cũng chẳng thể đúc nổi lưỡi kiếm lớn ấy. Bởi vậy, thế đạo nhân tâm ngày càng suy đồi, tai trời vạ người thấy xảy ra liên miên. Tuy những tai vạ ấy do ác nghiệp đồng phận của chúng sanh cảm thành, nhưng thật ra cũng là do đánh mất sự giáo dục trong gia đình mà nên nổi.

Vì thế, kẻ có thiên tư quen thói cuồng vọng, người không thiên tư thành ra bướng bỉnh, sàm sỡ. Nếu như ai nấy đều được mẹ hiền uốn nắn thì người người đều thành thiện sĩ, cùng thì riêng mình thiện, đạt thì khiến người khác cùng thiện; sao đến nỗi trên không đạo để noi, dưới không pháp để giữ, thói tệ nảy sinh trăm mối, dân không lẽ sống vậy!

❖ Chỉ cầu sao chẳng đói, chẳng rét, mơ chi phát tài cự vạn. Để vàng ròng đầy ắp lại cho con, chẳng bằng dạy con một quyển Kinh. Tổ đức bị sứt mẻ mới đáng chết thẹn, chứ tổ nghiệp bị sứt mẻ nào có thương tổn chi!

❖ Con em nhà phú quý đa phần chẳng thành người, nguyên do là thương con nhưng chẳng hiểu đạo: hoặc chỉ chú trọng đến tiền tài, hoặc chỉ lo cho con ăn mặc sang trọng. Tiền xài mặc sức ắt sẽ đến nỗi ăn bậy thành bệnh. Nếu cho đứa này giữ tiền để sanh lợi thì những đứa kia chẳng được giữ sẽ oán hờn cha mẹ, sanh lòng đố kỵ với anh, em, chị em nào được giữ tiền. Đây đều chẳng phải là cách để dạy con hiếu đễ. Nếu con gái có tiền, khi xuất giá ắt sẽ cậy tiền tự kiêu, hoặc khinh thường chồng, hoặc chẳng hiểu rõ sự việc, đem tiền giúp chồng làm việc quấy.

Muốn cho con cái thành hiền nhân thì hãy nên bồi phước, chớ nên tích góp tiền tài. Cửa cải là gốc họa. Các vị từng thấy không ít người tay trắng làm nên đều là do không tiền tự mình siêng gắng mà được, nhưng nhà đại phú gia chẳng mấy chốc gia sản trống rỗng. Vì thế cổ nhân nói: *“Để cho con một rương đầy vàng, chẳng bằng để cho con một quyển sách”*. Đọc sách được thì đọc, không đọc được thì làm nghề nông, hoặc buôn bán, ai có nghề nấy để làm cái vốn lập thân nuôi gia đình. Con gái nếu có tiền lại hiểu đạo lý, lẽ có nhiên

tiền sẽ thành cái vốn để trợ đạo. Nếu chẳng hiểu đạo lý, tiền sẽ hại cô đó, hại luôn chàng rể, hại lây cả đến cháu trai, cháu gái!

❖ Con người một đời thành bại đều là do sự tài bồi, tập tành dần dần lúc nhỏ mà ra. Người đã thành thiếu niên phải biết tốt xấu, vạn phần chẳng được học theo thói đời, hãy nên học hiếu, học lễ, học trung hậu, thành thực. Đang lúc tuổi trẻ mạnh mẽ, cường tráng, hãy nỗ lực đọc sách. Phàm đọc qua sách nào, phải nghĩ xem những điều nào sách dạy là trọng yếu đối với con người thì thực hành theo đó; chứ nếu không chỉ là cố ngốn sách cho nhiều.

Nếu những điều dạy trong các sách nói trên chẳng dễ lãnh hội thì những điều nói trong các sách như Âm Chất Văn, Cảm Ứng Thiên v.v... đều là nói trực tiếp, dễ lãnh hội; hãy nên thường đọc, thường nghiền ngẫm, sửa lỗi hướng thiện. Lúc nhàn hạ, rất nên niệm A Di Đà Phật và Quán Thế Âm Bồ Tát để mong tiêu trừ nghiệp chướng, tăng trưởng phước huệ, đừng nghĩ là khổ sở. Cổ nhân nói: *“Thiếu tráng bất nỗ lực, lão nhân đồ thương bi”* (Trẻ mạnh chẳng nỗ lực, già cả luống sầu thương!) Lúc này bỏ phí quang âm, về sau dù có nỗ lực cũng khó thành tựu! Bởi lẽ, tuổi trẻ đã qua, trí nhớ cùn quá nửa, học cái gì cũng phải dùng sức nhiều nhưng hiệu quả lại ít.

Thứ nhất là phải làm người tốt, thấy người hiền mong được bằng, thấy kẻ chẳng hiền trong lòng tự cảnh tỉnh.

Thứ hai là phải biết nhân quả báo ứng, nhất cử nhất động đừng mặc tình khoái ý, mà phải nghĩ việc này có lợi ích đối với ta, với người thân, người ngoài hay chẳng. Chẳng những làm việc gì cũng như thế mà khi khởi tâm động niệm cũng phải thường như thế. Khởi tâm lành ắt có công đức, khởi tâm xấu ắt mắc tội lỗi. Muốn được báo tốt thì phải giữ tâm tốt. Nói lời lành, làm việc lành, lợi người lẫn vật, chẳng làm hại mình lẫn người thì mới nên. Nếu chẳng vậy, sao hưởng được báo tốt?

Ví như đem hình xấu đặt trước gương sáng, quyết định chẳng thể hiện bóng đẹp để được. Ảnh được hiện so với hình xấu, trọn chẳng khác gì. Nếu người quả thật hiểu sâu nghĩa này, tương lai nhất định thành một bậc chánh nhân quân tử, khiến hết thảy mọi người đều tôn trọng, yêu kính. Mong hãy suy nghĩ cẩn thận, nghĩ ngợi chín chắn thì thật là may mắn lắm!

3. Khuyên nên tại gia hoằng pháp

❖ Như Lai thuyết pháp hằng thuận chúng sanh. Gặp cha nói Từ, gặp con nói Hiếu, ngoài tận hết luân thường, trong tiêu trừ tình lự. Nếu như khôi phục được chân tâm vốn có thì gọi là đệ tử Phật, chứ nào có phải vì đầu tóc mà luận đâu!

Huống nữa, quý hương (*làng*) tốt trong núi sâu, người biết pháp ít ỏi. Kẻ cao minh vì chẳng thông ngôn ngữ nên đều chẳng đến đấy. Hãy cấy vào lòng thành ấy, kiệt lực học đạo, tu hiếu đễ, ngỗ hầu cảm hóa xóm giềng. Trai giới thành lập, giết, trộm, dâm liền tiêu.

Nghiên cứu Kinh luận Tịnh Độ ắt hiểu yếu đạo xuất thế. Thọ trì An Sĩ Toàn Thư sẽ hiểu khuôn mẫu tốt lành khiến cuộc đời thuần dịu. Dùng pháp môn Tịnh Độ khuyên dụ cha mẹ, dùng pháp môn Tịnh Độ dạy con và người thân bè bạn, chính là vì sanh tử đại sự đau đầu lo cho thân sau.

Chẳng cần phải chọn riêng một nơi mà gia đình liền thành đạo tràng, cha mẹ, anh em, vợ con, bằng hữu, thân thích, người quen biết đều thành pháp quyến. Tự hành, dạy người, miệng khuyên, thân siêng gắng khiến cho mọi người cùng quy hướng Tịnh Độ, đều thoát khổ luân, đáng gọi là bậc cao tăng còn để tóc, là đệ tử Phật tại gia vậy!

❖ Hai vị lệnh thân hiện còn sống thì hãy nên dùng những cảm ứng, sự tích của pháp môn Tịnh Độ để thường giảng nói khiến họ phát tâm hoan hỷ, tin nhận phụng hành. Nếu chẳng coi đây là hiếu, dù có tận sức làm hết những điều thế gian coi là hiếu, rốt cuộc có ích lợi gì cho cha mẹ đâu?

Vua Đại Vũ là đại thánh nhân, vẫn chẳng cứu được hồn [cha là] Cỗn hóa thành Hoàng Nai (*chữ Năng đọc thành Nai, có nghĩa là con ba ba có ba chân*) sống trong Vũ Uyên. Thấy vậy chẳng nên Kinh sợ, tỉnh ngộ mong dẫn dắt thần thức cha mẹ cao dự hải hội, thân cận Di Đà hồng chứng được vô lượng quang thọ vốn có sẵn trong tâm ư?

Cư sĩ Chí Liên dù giỏi khổ hạnh, nhưng chỉ e với tông chỉ Tịnh Độ vẫn còn có điều chẳng biết, hoặc có tâm cầu chuyển nữ thân, hoặc mong sanh vào chốn an vui trong đường trời người nên chẳng thể buông xuống triệt để được, đến nỗi vô biên lợi ích bị mất cả vào điều vui thế gian nhỏ nhặt. Phải nên thường giảng nói khiến cho bà ấy chí hướng quyết định. Khuyên một chúng sanh vãng sanh Tịnh Độ chính là thành tựu cho một chúng sanh thành Phật. Thành Phật rồi ắt độ vô lượng chúng sanh, công ấy bắt đầu từ ta, công đức lợi ích ấy há nghĩ bàn nổi chẳng?

Tự mình đã tu Tịnh Độ, lại còn phải đem pháp môn này bảo khắp với mọi người: anh em, thê thiếp, con cái, bảo họ [các người] lẽ nào chẳng chịu phát tâm, đành bỏ mất lợi ích lớn lao này ư? Nếu thiên tánh của họ gần với pháp môn này thì còn gì tốt hơn! Nếu tánh họ hơi xa, giới mãi mãi¹ cũng sẽ nhiễm từ từ, dù xa cũng thành gần. Đấy đáng gọi là lòng yêu mến sâu xa, đáng gọi là lòng từ rộng lớn. Bỏ tám lòng từ ái này chỉ đáng gọi là hữu danh vô thật!

¹ Ý nói khuyên nhủ, khuyến dụ dần dần.

❖ Thái phu nhân niên kỷ đã tám mươi ba, phải thường khuyến dụ bà tín nguyện niệm Phật. Nếu bảo bà suốt ngày niệm Phật chỉ e bà làm không nổi. Trước đây đã toan lập cách trợ niệm ngay khi còn sống, nhưng nghĩ chưa ra. [Đến khi] Trần Thủ Sứ Vương Duyệt Sơn đưa mẹ lên thăm núi, [tôi thấy] quyến thuộc của ông ta rất đông bèn tìm ra một cách trợ niệm rất tuyệt diệu, đã trình bày sơ lược với ông ta, nay sẽ thừa cùng các hạ. Dù các hạ chẳng thực hành được cũng chẳng đến nỗi coi thường bỏ qua, đó cũng là đạo tự lợi, lợi tha vậy.

Trong quyến thuộc của các hạ, các ông con trai ai nấy đều có chức nghiệp, cố nhiên khó thể luôn luôn làm được. Nhưng các bà con dâu thì vô sự thanh nhàn, những kẻ hầu gái như các bà vú v.v... ắt chẳng có việc gì quan trọng, ông nên bảo họ canh theo đồng hồ suốt ngày ở quanh thái phu nhân lớn tiếng niệm Phật chừng nửa giờ. Hết lượt bèn đổi phiên, cả ngày chẳng dứt tiếng niệm Phật. Thái phu nhân nếu niệm theo được thì càng tốt; bằng không thì chỉ nhiếp tâm lắng nghe suốt ngày, thường chẳng lìa Phật. Các người khác cũng chẳng mất sức, bởi lẽ cả ngày bất quá chỉ phải niệm một lượt hay hai lượt, nhưng thời gian cách khoảng giữa hai lượt cũng khá dài. Bọn họ không có chuyện gì quan trọng, bèn nhờ đây mà dốc tận lòng hiếu, gieo thiện căn; ngay đến bọn hầu gái cũng nhờ vào nhân này, gieo duyên xuất ly sanh tử.

Từ nay trở đi, lấy cách này làm lệ thường; dù thái phu nhân tuổi thọ quá cao cũng chẳng được nửa chừng bỏ dỡ. Pháp này lợi ích chẳng thể nghĩ bàn. Phàm ai có tín tâm muốn thành tựu đạo nghiệp vãng sanh cho cha mẹ thì hãy nên khuyên họ làm theo cách này.

❖ Mẹ ông tuổi cao nhưng với pháp môn Tịnh Độ chưa thể hiểu đúng, tu trì, hãy thường nói với mẹ về nỗi khổ luân hồi trong sáu đường, sự vui trong thế giới Cực Lạc. Người sanh trong thế gian siêu thăng cực khó, đọa lạc cực dễ. Nếu chẳng vãng sanh Tây

Phương, đừng nói là nhân đạo chẳng đáng nương cậy, dù sanh lên trời phước thọ thật lâu, một khi phước lực đã tận vẫn phải đọa lạc trong nhân gian như cũ và phải thọ khổ trong tam đồ ác đạo.

Nếu chẳng biết Phật pháp thì chẳng biết làm sao được; còn như nay đã hiểu đại lược Phật pháp, há đành nhường mỗi đại lợi ích này cho người khác, tự mình cam tâm luân hồi trong lục đạo, thoát ra thoát vào, vĩnh viễn không có ngày giải thoát ư? Cứ nói như vậy, may ra mẹ sẽ phát khởi được túc thể thiện căn, tin nhận phụng hành.

Bồ Tát độ sanh tùy thuận cơ nghi, trước hết dùng đức để nhủ, sau mới khiến cho nhập vào Phật trí. Ông cực lực tu hạnh hiếu đễ, lại đem pháp môn Tịnh Độ khuyên lơn, hướng dẫn quyến thuộc của mình và hết thảy những ai hữu duyên cùng làm người trong hội Liên Trì thì công đức rất lớn.

❖ Con hiếu thờ cha mẹ thì phải đặt cái gốc lên trước, đặt cái ngọn ra sau, nuôi thân cha mẹ, khai đạo tinh thần. Nếu chỉ biết báo bổ công lao, phụng dưỡng cho cha mẹ an nhàn, lập thân hành đạo để cha mẹ được vẻ vang, chẳng biết đem đạo thường trụ vô sanh, pháp niệm Phật vãng sanh để khuyên dụ cha mẹ tu trì, khiến cho cha mẹ lúc sống niệm Phật hiệu, chết đi sanh về cõi Phật, già biệt nỗi khổ sanh tử hư huyền, hưởng thường trụ chân lạc, phụng sự Di Đà, chen vai cùng hải chúng nghe viên âm, tam Hoặc trừ sạch, thấy diệu cảnh, viên minh tứ trí, chẳng lìa An Dưỡng, vào khắp mười phương thượng cầu hạ hóa, rộng làm Phật sự, triệt chứng Phật tánh vốn sẵn có trong tâm, làm thuyền Từ độ khắp mọi người trong biển khổ, thì đúng là thấy nhỏ quên lớn, được gần bỏ xa, chính là kiến giải hạn hẹp của kẻ hèn, chẳng phải là tầm nhìn rộng lớn của bậc thông đạt. Nếu như ông có thể làm cho mẹ hiền cũng giống như mình, cũng như quyến thuộc cùng thoát Sa Bà, đồng sanh An Dưỡng, đồng chứng vô lượng quang thọ, đồng hưởng pháp lạc tịch quang, đồng

làm pháp vương tử của Phật A Di Đà, đồng làm đại đạo sư của trời người thì mới là trọn hết tâm lòng hiếu tử, mới xứng với công cha mẹ nuôi dạy. Đây mới đúng là hiếu từ nuôi dạy, chứ chẳng phải như thế gian nói hiếu từ nuôi dạy đâu!

❖ Hành đạo hiếu thì không còn gì lớn hơn được nữa, hết thảy các điều lành không gì chẳng thu tóm, nhưng đạo hiếu có thế gian, xuất thế gian, lớn, nhỏ, bổn, tích sai khác.

Đạo hiếu thế gian là chăm nom, phụng dưỡng cho cha mẹ được yên ổn, đón trước ý, khiến cha mẹ vui vẻ, cho đến lập thân hành đạo để dương danh hậu thế. Dù lớn nhỏ khác nhau nhưng đều là chuyện thuộc về mặt sắc thân; dẫu cho đại hiếu ngút trời, rốt cuộc chẳng ích lợi gì cho tâm tánh, sanh tử của cha mẹ cả! Đúng là chỉ uống công đuổi theo cái ngọn, chẳng xét đến cái gốc. Huống hồ là sát sanh để dâng lên cha mẹ hay để cúng tế khiến cho cha mẹ càng bị oán thù kết chặt, mãi mãi phải đền trả chẳng ngơi ư?

Đạo hiếu xuất thế gian, xét về mặt Tích cũng giống như thế gian chăm nom, phụng dưỡng... cho đến lập thân dương danh, nhưng cái gốc là khiến cho cha mẹ huân tu đại pháp của Như Lai. Cha mẹ còn sống thì khéo léo khuyên dụ sao cho cha mẹ ăn chay, niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Ăn chay ắt chẳng tạo sát nghiệp, vừa diệt được túc ương. Niệm Phật thì ngấm thông Phật trí, thâm hợp diệu đạo. Nếu quả thật tin sâu, nguyện thiết cầu sanh Tây Phương, ắt đến lúc lâm chung được Phật tiếp dẫn, gởi thân nơi chín phẩm sen. Từ đây siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, mãi mãi xa lìa các khổ trong chốn Sa Bà, thường hưởng các sự vui trong chốn Cực Lạc.

Cha mẹ đã khuất bèn thay cha mẹ dốc sức tu Tịnh Nghiệp, chí thành hồi hướng cho cha mẹ. Nếu tâm thật sự chân thiết, cha mẹ sẽ được lợi ích; nếu chưa vãng sanh liền được vãng sanh. Nếu đã vãng sanh, phẩm sen sẽ cao thêm. Đã phát tâm được như thế thì sẽ tương

ứng với bốn hoằng thệ nguyện, khế hợp Bồ Đề giác đạo; há đâu chỉ riêng cha mẹ được lợi ích mà công đức thiện căn, phẩm vị đài sen của chính mình cũng sẽ cao siêu thù thắng!

Huống lại dùng chính thân mình thuyết pháp khiến cho khắp mọi đồng luân cùng phát lòng hiếu thuận. Đạo hiếu ấy mới là thật nghĩa rốt ráo, chẳng phải như thế gian chỉ mong lợi lạc cho sắc thân và đời này, bỏ qua tâm tánh và đời sau chẳng buồn bàn tới! Vì thế biết rằng đạo Phật lấy hiếu làm gốc. Do đó, Kinh Phạm Võng dạy: *“Hiếu thuận với cha mẹ, sư tăng, Tam Bảo. Hiếu thuận là pháp chí đạo. Hiếu gọi là Giới”*.

Lại như trong các giới giết - trộm - dâm - dối, Kinh đều nói phải sanh tâm từ bi, tâm hiếu thuận. Trong giới “Chẳng thực hành phóng sanh, cứu mạng”, Kinh Phạm Võng dạy: *“Hết thấy người nam là cha ta, hết thấy người nữ là mẹ ta, đời đời chẳng lúc nào ta chẳng sanh ra từ họ. Vì thế lục đạo chúng sanh đều là cha mẹ ta, giết chúng sanh để ăn thịt chính là giết cha mẹ mình”*. Bởi thế mới nói đạo Hiếu của Phật giáo gồm khắp tứ sanh lục đạo từ vô thủy trước đến tận vị lai sau, chẳng thể đem chuyện chỉ biết một đời một thân ra so sánh được. Biết vậy rồi mà chẳng kiêng giết, phóng sanh, ăn chay, niệm Phật thì làm sao trọn hết được đạo hiếu chí cực không chi hơn được nữa đây?

❖ Tự mình đã tu trì Tịnh Nghiệp thì cũng phải nên dạy hết mọi người quen biết cùng tu Tịnh Nghiệp. Nên dựa theo phần Phổ Khuyến Môn trong sách Long Thư Tịnh Độ khiến cho ai nấy tùy phần tùy sức gieo thiện căn chẳng thể nghĩ bàn này. Đã muốn đem pháp này dạy người thì nên dạy từ thân đến sơ, ngõ nào để thâm thiếp, con cái chẳng được hưởng lợi ích này ư? Văn Vương nghiêm nhứt với vợ góa cho đến huynh đệ để giữ yên nhà cửa đất nước. Đạo tự hành, dạy người thế gian, xuất thế gian không pháp nào chẳng vậy!

❖ Tự mình cải ác tu thiện, nhất tâm niệm Phật; phạm hết thầy người thân đều là kẻ hữu duyên, cũng nên dạy họ pháp này. Với những người phản đối, hãy khởi tâm thương xót, đừng bắt buộc họ phải làm. Cứ đề đầu bò bắt gặm cỏ thì vạn vạn phần chẳng làm được! Nếu bảo: “Tôi nhất tâm niệm Phật, các sự chẳng bận tâm đến nữa” thì chẳng những là bị trở ngại nơi pháp thế gian, mà cũng chẳng hợp với Phật pháp. Làm đúng với địa vị thì mới nên.

Khuyên người niệm Phật tu hành dĩ nhiên là công đức bậc nhất, nhưng dưới đến vợ con, trên lên cha mẹ, ông bà đều phải nên khuyên nhủ. Nếu chẳng thể khéo léo dùng phương tiện khuyên nhủ gia đình, khiến cho quyến thuộc mình cùng được hưởng lợi ích chẳng thể nghĩ bàn liễu thoát sanh tử ngay trong đời này thì chính là bỏ gốc theo ngọn, chỉ biết lợi người ngoài mà chẳng biết làm lợi cho người thân, có nên chăng?

Với những người trong nhà, vào những khi nhân hạ vô sự, hãy dùng lời lẽ khúc chiết, uyển chuyển tỏ bày tận lý khiến tâm người nghe biết được lẽ phải trái, nên, không nên; vô hình trung ắt sẽ khiến cho tâm thức người nghe được mài giũa dần, nhiễm dần mà chuyển biến.

Còn như khi cái tánh ngu bướng, ngạo nghễ của người ấy trời dậy, nếu thấy đối trị được thì hãy dùng những danh ngôn chí lý để ôn hòa bình tĩnh đối trị. Nếu không được thì cứ mặc kệ, đừng động đến kẻ ấy nữa, đợi khi kẻ ấy hết nóng, lại ôn hòa, bình tĩnh cùng kẻ ấy bàn luận khúc chiết, lâu dần kẻ ấy cũng bị cảm hóa. Trọn chẳng nên dùng đến những phương cách bắt buộc, mạnh mẽ, dữ dội...

❖ Nay là lúc pháp nhược ma cường, muốn hộ trì Phật pháp thì ở ngoài đời dễ hơn, làm Tăng sẽ khó. Nếu các hạ nghiêm trì năm giới, chuyên niệm Di Đà, khắc kỷ, giữ lễ, lời nói tương xứng hành vi, sau đây lại rộng khuyến hóa, chỉ dạy nhằm lợi khắp quần sanh, đừng cạy

mình làm thầy mà tự cao, chẳng được nhận tiền tài để hưởng thọ. Ở nhà thì dạy cho cả nhà, ra đại chúng bèn vì đại chúng trình bày rõ khiến ai nấy đều ngưỡng mộ đức mà tin theo lời mình. Đây gọi là thân đã chánh thì chẳng ra lệnh mà người hành theo, lấy thân mình làm gương, hễ gió thổi qua là cỏ phải rạp xuống.

❖ Tôi hay viết câu liên như sau:

Xả Tây Phương tiếp kính, cứu giới chúng sanh thượng hạ
dĩ viên thành Phật đạo?

Ly Tịnh Độ pháp môn, thập phương chư Phật bất năng phổ
lợi quần manh.

Tạm dịch:

Bỏ đường tắt Tây Phương, cứu giới chúng sanh dùng chi
viên thành Phật đạo?

Rời pháp môn Tịnh Độ, mười phương chẳng thể lợi khắp
quần manh.

Các hạ hãy khởi phát đại dũng mãnh, phát đại tinh tấn gánh vác pháp này. Dùng những ngôn luận hoằng dương Tịnh Độ xứng với căn cơ của cổ nhân để bảo ban làng xóm, sống trong trần lao chẳng nhiễm, tu Chân ngay trong cõi Tục thì mới hợp với ý nghĩa “viên dung, vượt thoát khỏi danh và mạng” vậy.

4. Khuyến nên sống trong cõi trần học đạo

❖ Niệm Phật dĩ nhiên quý tại chuyên nhất; nhưng cư sĩ trên có cha mẹ, dưới có vợ con, ngoài lo toan tính mong cầu giàu sướng, thật chẳng thích hợp [để xuất gia]. Đối với những việc bên trong, cần nên làm thì hãy gắng sức làm, bất tất phải bỏ sạch hết thấy mới là tu hành. Nếu bỏ sạch hết thấy nhưng vẫn nuôi dưỡng cha mẹ, vợ con chẳng thiếu sót thì cũng được. Nếu không, là trái với đạo hiếu, tuy

bảo là tu hành nhưng lại trái nghịch với Phật pháp. Điều này chẳng thể chẳng biết.

Lại phải nên dùng những lợi ích của pháp môn Tịnh Độ để khuyên lơn cha mẹ, khiến họ niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Nếu họ tin nhận phụng hành, lúc lâm chung nhất định được vãng sanh. Một phen được vãng sanh bèn siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, cao dự hải hội, thân cận Di Đà thẳng cho đến khi thành Phật mới thôi. Đạo hiếu thế gian sao sánh bằng được!

Nếu lại còn có thể đem điều ấy bảo ban cho khắp mọi người biết khiến cho cha mẹ người nào cũng đều được vãng sanh thì công đức giáo hóa quy về mình, khiến cho phẩm vị liên đài của cha mẹ và của mình đều được tăng cao. Kinh Thi chép: *“Hiếu tử bất quĩ, vĩnh tứ nhĩ loại”* (Con hiếu chẳng thiếu thốn, [trời] luôn ban thưởng cho các người). Muốn hiếu với cha mẹ, hãy nên suy nghĩ sâu xa rồi tận lực thực hành.

❖ Hoàn cảnh của mỗi người vạn phần chẳng giống nhau; xét đến hoàn cảnh của ông, thật sự là ở tại gia có lợi ích lớn hơn, nếu xuất gia chỉ được lợi ích nhỏ. Ông nhờ tổ nghiệp tạm sanh sống được, trên còn mẹ già để thờ, giữa có anh em để nhờ cậy, trong nhà có vợ hiền, dưới gối chưa có con cái gì. Bác cả nhà ông hơi tin Phật pháp, chú ba, chú tư cũng chẳng chống đối đạo pháp chi lắm, ông ở nhà dốc sức tu Tịnh Nghiệp cũng có thể hướng dẫn bà cụ phát lòng tin niệm Phật, cầu được liễu thoát, lại cũng có thể giúp anh em ở ngoài lo liệu việc nhà, cũng như xướng xuất vợ con, em dâu v.v... cùng tu Tịnh Nghiệp để làm kế sách cùng thoát luân hồi.

Ngoài ra còn tùy duyên khai thị, hướng dẫn xóm giềng, thân thích. Vậy thì nhà mình biến thành đạo tràng, mọi người: thân mẫu, anh, em, vợ, con, cháu, xóm giềng, bằng hữu đều thành pháp quyến; tùy sức tùy phần, thân làm, miệng khuyên, khiến cho cả miền Vĩnh

Gia, những kẻ lạc đường, những người thuộc tà kiến chủng tánh đều được nạp vào lò luyện pháp môn Tịnh Độ viên đốn chí cực lớn lao, luyện thành pháp khí, cùng tu Tịnh Nghiệp, tương lai cùng ngự Liên Bang, cùng chứng Bồ Đề. [Lợi ích như thế] vẫn thua việc ông xuất gia làm Tăng, bỏ mẹ đi xa, khiến người nhà hờn oán thiếu người nương dựa, mẹ ôm lòng phiền con hay sao?

Vả nữa, tất cả những kẻ chẳng hiểu đạo lý đến nơi đến chốn ắt sẽ trở mặt chê Phật pháp trái nghịch thế đạo, làm lạc hủy báng, khiến cho bọn họ tạo khẩu nghiệp phải đọa ác đạo, chưa thấy ích gì mà trước đã tạo nên sự tổn hại lớn lao vậy. Huống chi mẹ ông đã chẳng bằng lòng, há chẳng nên tuân theo ý mẹ, vẫn cứ ôm ấp tấm lòng đó ư? Nếu mẹ ông chẳng chấp thuận cho ông tu hành thì xuất gia còn chấp nhận được, nay mẹ ông hoan hỷ cho ông tu hành, sao lại muốn bỏ mẹ để tu hành?

Trong Phật pháp, lục độ vạn hạnh, các thứ công nghiệp đều vì lợi ích chúng sanh. Ông không xuất gia ắt sẽ lợi ích rất lớn cho mẹ. Chỉ riêng một lẽ đó đã rất nên thuận theo lòng mẹ, cứ ở nhà học đạo khiến mẹ quen thấy, chẳng mong mẹ tin tưởng mà tự nhiên mẹ tin tưởng, không công đức nào lớn hơn; huống hồ nào phải chỉ lợi ích riêng cho một mình mẹ ông thôi đâu!

Thêm nữa, mẹ không bằng lòng cho xuất gia thì đừng nghĩ tới chuyện ấy nữa. Bởi lẽ trong giới luật nhà Phật, cha mẹ chẳng cho phép xuất gia, cứ tự ý mình đi xuất gia, nhà chùa sẽ chẳng cho phép xuống tóc và thọ giới v.v... Không vậy, cả thầy lẫn trò đều mắc tội!

❖ Hiện tại mọi ngăn cấm đều gỡ bỏ cả, người tại gia nghiên cứu, tu tập nhiều như rừng, người được lợi ích sanh Tây Phương cũng thường thấy, cần gì phải xuất gia bỏ cha mẹ? Chuyện ấy Quang tôi tuyệt đối chẳng tán thành. Căn cứ trên thực tế mà nói, trong hiện tại tu tại gia tốt hơn. Vì sao vậy? Vì đối với hết thầy đều vô ngại. So

với người tại gia, người xuất gia bị chướng ngại nhiều hơn; bởi thế, nếu không phải là người phát tâm chân thật, ắt sẽ thành phùng hạ lưu, vô ích đối với Phật pháp, nhục lây đến Phật.

❖ Nếu muốn xuất thế thì chẳng cần gì phải tách ra riêng, chỉ y theo ngôn giáo của Phật, đối trị phiền não tập khí sao cho hết sạch mới thôi. Tuy thân trong cảnh tục, chẳng ngại gì đoạn Hoặc chứng Chân, liễu sanh thoát tử tiến đến Phật Quả. Như cư sĩ Duy Ma bên Tây Thiên và các vị Phó Đại Sĩ, Lý Trưởng Giả, Bàng Cư Sĩ v.v... trong cõi này. Nếu tự lực chẳng đủ, đã có pháp cậy nhờ Phật từ lực vãng sanh Tây Phương để nương tựa. Há phải đâu ai nấy đều phải bỏ tục xuất gia mới đúng là đệ tử Phật ư?

❖ Cư trần học đạo, tu Chân ngay trong cõi tục thì bậc đạt nhân danh sĩ hay kẻ ngu phu, ngu phụ đều làm được cả. Gắng sức tu trì, với những thứ hệ lụy của đời tại gia hãy tưởng như bóng gậy, tiếng hét¹ phải đương đầu, hằng sanh tâm nhàm lìa, luôn sanh chí vui thích², lấy bệnh làm thuốc, biến tắc thành thông, trên chẳng khiến cao đường³ buồn bã, dưới là vợ con chẳng mất nơi nhờ cậy, lại còn khiến cho hết thấy những ai thấy biết nhờ đó sẽ tăng trưởng lòng tin trong sạch, còn gì vui hơn!

❖ Người sống trong thế gian chẳng thể không làm gì cả, chỉ nên trọn hết bổn phận, chẳng dòm dõi chi đến chuyện ngoài bổn phận. Sĩ, nông, công, thương, ai nấy chăm lo nghề mình làm cái gốc để nuôi thân, nuôi gia đình, tùy phận, tùy lực, quyết chí cầu sanh Tây Phương. Nếu có sức thì với việc lành sẽ bỏ của, hoặc giúp lời nói để

¹ Tông Lâm Tế dùng gậy (bổng) và **tiếng hét** (hát) để khai ngộ thiền cơ.

² Nhàm lìa (yếm ly) cõi Sa Bà, **vui thích** (hân nhạo) cõi Cực Lạc.

³ **Cao đường**: tiếng dùng để tỏ vẻ tôn kính mẹ người khác.

tán trợ. Nếu không, phát tâm tùy hỷ cũng thành công đức, dùng đây để vun bồi ruộng phước làm trợ hạnh vãng sanh. Như thuận nước căng buồm, lại thêm chèo lái đến được bến bờ, chẳng sướng lắm ư?

❖ Nếu là bậc đại thông gia thì Thiền - Tịnh song tu, nhưng phải lấy Tịnh Độ làm chủ. Nếu là người căn cơ trung bình thì cũng chẳng cần phải xem khắp Kinh sâu luận rộng, chỉ cốt sao chẳng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương là được. Người ấy chẳng buông bỏ gia nghiệp mà vẫn kiêm tu pháp xuất thế.

Tuy tựa hồ là cách tu tâm thường không gì lạ lùng cả, nhưng lợi ích chẳng thể nghĩ bàn. Bởi lẽ, ngu phu, ngu phụ cảm cú niệm Phật là đã ngầm thông Phật trí, thâm hợp diệu đạo. So ra, lợi ích nhiều hơn hẳn bậc đại thông gia suy lường, phỏng đoán, cứ suốt ngày vất óc phân biệt. Bởi thế, ngu phu, ngu phụ niệm Phật dễ được lợi ích, bậc đại thông gia nếu toàn thân buông xuống được hết sẽ dễ được lợi ích, chứ nếu cứ suy dò nghĩa lý sẽ chẳng được lợi ích; trái lại còn thành bệnh, chưa đắc bảo là đắc, có kẻ trở thành cuồng dại nữa.

Một pháp tham thiền, con người hiện tại chẳng nên học; dù có học cũng chỉ thành văn tự tri kiến¹, quyết chẳng thể đốn minh tự tâm, tự thấy tự tánh. Vì sao vậy? Một là thiếu thiện tri thức chỉ dạy, quyết trách; hai là người học chẳng hiểu căn cội của Thiền. Mang tiếng tham thiền nhưng thật ra là hiểu lầm.

❖ Đối với việc thọ giới, nếu thiện nam tử xuất gia làm Tăng thì phải vào chùa tập tành oai nghi mới biết quy củ chốn tùng lâm. Giữ đúng oai nghi của Tăng thì du phương hành cước² trọn chẳng trở

¹ **Văn tự tri kiến**: sự thấy hiểu dựa theo phân biệt, nhận định ý nghĩa của Kinh văn, chứ không lãnh hội trực nhập được huyền nghĩa, yếu chỉ.

² Tăng sĩ đi tham học các nơi gọi là du phương **hành cước**.

ngại gì. Nếu không, mười phương từng lâm không trụ nơi nào được cả.

Nếu người nữ tại gia, cửa nhà khá giả, thân có thể tự làm chủ, đến chùa thọ giới cũng chẳng phải là không được. Còn nếu như gia cảnh cùng quẫn, cần gì phải làm vậy. Chỉ cần đối trước Phật, khẩn thiết chí thành sám hối tội nghiệp trong vòng bảy ngày, tự thệ thọ giới. Đến ngày thứ bảy, đối trước Phật xưng rằng: “Đệ tử con tên là... thề thọ năm giới, làm mãn phần Ưu-bà-di (*Ưu-bà-di Hán dịch là Cận Sự Nữ, hàm nghĩa đã thọ năm giới, kham phụng sự Phật. Mãn Phần nghĩa là thọ trì trọn vẹn năm giới*). Đến hết cuộc đời chẳng sát sanh, đến hết cuộc đời chẳng trộm cắp, đến hết cuộc đời chẳng dâm dục (*nếu là gái có chồng thì nói “chẳng tà dâm”*), đến hết cuộc đời chẳng nói dối, đến hết cuộc đời chẳng uống rượu”. Nói như vậy ba lần liền được đắc giới.

Nếu chí tâm thọ trì thì công đức chẳng hơn kém, đừng bảo tự thệ thọ trì là chẳng đúng pháp. Đây là thánh huấn của đức Như Lai đã dạy trong Kinh Phạm Võng.

❖ Tam Quy - Ngũ Giới là cửa ngõ ban đầu để vào Phật pháp; tu các pháp môn khác đều nương theo đây mà vào, hướng hồ là pháp môn Tịnh Độ liễu sanh thoát tử giản dị nhất, chí viên, chí đôn chẳng thể nghĩ bàn ư? Chẳng cảnh tỉnh tam nghiệp, chẳng trì năm giới, còn chẳng có phần lại được thân người, huống chi là muốn được liên hoa hóa sanh, thân đầy đủ quang minh tướng hảo ư?

5. Vì hàng tại gia đệ tử lược giảng ý nghĩa của Tam Quy, Ngũ Giới, Thập Thiện

Thương thay, từ vô thủy đến nay chúng sanh luân hồi sáu nẻo, không được cứu, không chỗ về nương, không nơi gởi gắm, như con

côi mất cha, đường kẻ cùng quẫn nhà tan cửa nát, toàn là do phiền não ác nghiệp cảm thành quả khổ sanh tử ấy, mù lòa không huệ nhật, chẳng thể tự thoát khỏi. Đại Giác Thế Tôn thương xót, thị hiện sanh trong thế gian, vì chúng sanh thuyết pháp, dạy họ thọ Tam Quy để làm cái gốc bỏ tà về chánh, dạy họ trì Ngũ Giới hòng làm cái gốc đoạn ác tu thiện, dạy họ hành Thập Thiện để làm gốc rễ thanh tịnh ba nghiệp thân - khẩu - ý.

Từ đấy, chẳng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện. Tam nghiệp đã được tịnh rồi mới hòng tuân tu đạo phẩm, ngộ hầu trái giác hợp trần, chuyển phàm thành thánh, đoạn gốc tham - sân - si, thành đại đạo Bồ Đề giới - định - huệ. Bởi thế, đức Phật giảng Tứ Đế, Thập Nhị Nhân Duyên, Lục Độ, ba mươi bảy phẩm trợ đạo v.v... vô lượng pháp môn. Lại muốn cho chúng sanh mau thoát sanh tử, chóng thành Phật đạo, đức Phật bèn dạy pháp môn Niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, khiến họ chẳng phí nhiều sức, hoàn tất được ngay trong đời này. Ôi! Ôn đức Thế Tôn thật là cùng cực, dù là cha mẹ hay trời đất cũng chẳng thể sánh ví được.

Bất Huệ (*Tổ Ấn Quang tự xưng*) thọ ân thật sâu, nhưng không cách nào báo được ân sâu. Nay các vị lầm nghe lời người, chẳng ngại xa xôi ngàn dặm đến đây, toan bái tôi làm thầy, nhưng tôi tự xét mình vô đức, ba bốn lượt khước từ, quý vị vẫn chẳng chịu nghe. Nay bất đắc dĩ, đem ý xuất thế thuyết pháp độ sanh của đức Như Lai bàn đại khái cùng quý vị, cũng như giải thích sơ lược về ý nghĩa của Tam Quy, Ngũ Giới, Thập Thiện và pháp môn Tịnh Độ ngõ hầu tất cả quý vị lãnh hội được, tất cả quý vị tuân thủ được, còn như từ Tứ Đế cho đến Ba Mươi Bảy Phẩm Trợ Đạo v.v... chẳng phải là những điều quý vị có thể hiểu thấu nên tôi lược đi không nhắc đến. Nếu quý vị y giáo phụng hành, chính là thờ Phật làm thầy, sá gì Bất Huệ! Nếu chẳng y giáo phụng hành là đã phụ ân Bất Huệ, huống chi là Phật ân!

Tam Quy:

- Một là quy y Phật.
- Hai là quy y Pháp.
- Ba là quy y Tăng.

Quy là quay theo, Y là nương tựa. Như người rớt xuống biển, chợt có thuyền đi đến, liền hướng về đó. Đây là ý nghĩa “quay theo”; ngồi yên ổn trên thuyền là ý nghĩa “nương tựa”. Sanh tử là biển, Tam Bảo là thuyền; chúng sanh quy y liền lên bờ kia.

Đã quy y Phật bèn thờ Phật làm thầy, từ nay trở đi cho đến khi mạng chung, chẳng được quy y thiên ma, ngoại đạo, tà quỷ, tà thần.

Đã quy y Pháp bèn thờ Pháp làm thầy, từ nay trở đi cho đến khi mạng chung, chẳng được quy y Kinh sách ngoại đạo.

Đã quy y Tăng bèn thờ Tăng làm thầy, từ nay trở đi cho đến khi mạng chung, chẳng được quy y đồ chúng ngoại đạo.

Ngũ Giới:

- Một là chẳng sát sanh.
- Hai là chẳng trộm cắp.
- Ba là chẳng tà dâm.
- Bốn là chẳng nói dối.
- Năm là chẳng uống rượu.

1. Sát sanh

Loài vật cũng giống như ta, ham sống sợ chết. Ta đã ưa sống, há vật lại muốn chết! Do đó hãy nghĩ: Có nên giết hại loài vật chăng? Hết thấy chúng sanh luân hồi sáu nẻo, tùy nghiệp thiện - ác, thăng - giáng, siêu - trầm, ta cùng bọn chúng trong nhiều kiếp lần lượt làm cha mẹ nhau, lần lượt làm con cái nhau, phải nghĩ cách cứu vớt, nỡ nào giết hại? Hết thấy chúng sanh đều có Phật tánh, trong đời tương lai sẽ đều thành Phật. Nếu ta đọa lạc còn mong được cứu vớt.

Thêm nữa, ta đã tạo sát nghiệp, ắt phải đọa ác đạo đền bồi nợ cũ, xoay vần giết hại lẫn nhau chẳng khi nào xong. Suy nghĩ như thế nào còn dám giết? Nhưng nguyên nhân sát sanh là do ăn thịt. Nếu biết được những nhân duyên như trên vừa nói sẽ tự chẳng dám ăn thịt nữa. Kẻ ngu lại cho thịt là ngon, chẳng biết thịt vốn do tinh huyết tạo thành; trong chứa phân tiểu, ngoài lẫn bần thỉu, tanh tưởi, hôi thối, ngon lành chỗ nào? Thường quán bất tịnh, ắt ăn vào sẽ ói ra.

Thêm nữa, sanh vật là người, cầm thú, giò, bọ, cá, tép, muối, mòng, rận, rệp, tất cả những loài có sanh mạng; đừng bảo con vật lớn chẳng được giết, con vật nhỏ thì giết được! Trong Kinh Phật có rộng nói công đức kiêng giết, phóng sanh. Tục nhân chẳng thể đọc đến thì hãy xem sách Vạn Thiện Tiên Tư của An Sĩ tiên sinh ắt sẽ biết được đại khái!

2. Chẳng trộm cắp

Thấy nghĩ được cái gì, chẳng cho bèn chẳng lấy. Người biết liêm sỉ chẳng phạm lỗi này, nhưng nếu luận tỉ mỉ thì chẳng phải là bậc đại thánh đại hiền sẽ rất khó chẳng phạm. Vì sao? Lấy công giúp tư, tổn người lợi mình, cậy thế lấy của, dùng mưu kế đoạt vật, ghen ghét vì người khác phú quý, mong họ bần tiện; làm lành để phô trương; đối với các việc lành, tâm chẳng hiểu đúng, chẳng hạn như lập trường miễn phí, chẳng chọn thầy nghiêm, khiến con em người khác bị làm lạc; thí thuốc chữa bệnh chẳng phân biệt thật giả khiến người dùng bị nguy tánh mạng; thấy người bị tai nạn gấp vẫn xem thường chẳng cứu, lè mề hờ hững đến nỗi lỡ việc; làm tác trách cho xong việc, mặc kệ tiền tài người khác bị lãng phí, trong lòng không coi đó là chuyện khẩn yếu. Những điều như thế đều gọi là trộm cắp. Vì các vị đều ở chốn tốt lành nên tôi chỉ chọn ra những điều tệ hại nhất để nói đại lược mà thôi!

3. Chăng tà dâm

Tục nhân nam nữ lập gia đình sanh con đẻ cái, trên là liên quan đến phong hóa, dưới là liên quan đến việc cúng giỗ. Dù vợ chồng ăn nằm với nhau chẳng bị cấm, nhưng phải kính nhau như khách, cốt để [có con cháu] giỗ quải tổ tiên, chẳng được lấy đó làm điều khoái lạc, ham dục đến nỗi mất mạng. Dù là vợ mình, tham vui quá cũng là phạm tội, nhưng tội ấy còn nhỏ nhất. Nếu chẳng phải là vợ mình mà ăn nằm bừa bãi thì gọi là “tà dâm”, tội ấy cực nặng!

Hành tà dâm là đem thân người làm chuyện súc sanh, khi báo hết mạng tận, trước là đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, sau là đọa trong đường súc sanh ngàn vạn ức kiếp chẳng thể thoát khỏi. Hết thấy chúng sanh từ dâm dục sanh nên giới này khó giữ, dễ phạm. Dầu là bậc hiền đạt, cũng có lúc còn vi phạm, huống chi kẻ ngu?

Nếu lập chí tu trì thì trước hết phải biết rõ lợi - hại (*lợi là chẳng phạm giới này sẽ được lợi lạc gì; hại là những họa hại do phạm giới này*) cũng như phương pháp đối trị thời sẽ như thấy rắn độc, như gặp oán tặc, Kinh sợ, hoảng hốt, dục tâm sẽ tự dứt. Cách đối trị chép rộng trong Kinh Phật. Tục nhân không duyên xem đến hãy đọc sách Dục Hải Hồi Cuồng của An Sĩ tiên sinh sẽ biết được đại khái.

4. Chăng vọng ngữ

Lời nói đáng tin, chẳng thốt lời hư dối. Nếu thấy nói chẳng thấy, chẳng thấy nói thấy, lấy hư làm thật, biến có thành không, phạm điều gì tâm chẳng xứng với miệng, toan khinh dối người khác đều là vọng ngữ cả. Lại nếu như chưa đoạn Hoặc bảo là đã đoạn Hoặc, chưa đắc đạo bảo là đắc đạo thì gọi là đại vọng ngữ. Tội ấy rất nặng, sau khi mạng chung nhất định đọa thẳng vào A Tỳ địa ngục, vĩnh viễn không có lúc thoát ra. Nay người tu hành chẳng biết giáo lý Phật pháp, đa phần như thế cả, cho nên phải đau đầu răn đe. Điều này thật thiết yếu.

Bốn điều trên chẳng luận là xuất gia hay tại gia, thọ giới hay không thọ giới hề phạm liên vương tội lỗi, bởi thể tánh của chúng là ác. Nhưng người chưa thọ giới thì mắc tội một tầng; người đã thọ giới mắc tội gấp đôi bởi ngoài chuyện làm điều ác ra, còn thêm cái tội phạm giới. Nếu giữ được chẳng phạm thì công đức vô biên; hết thảy phải nên gắng sức.

5. Chẳng uống rượu

Rượu làm cho tâm người mê loạn, hoại giống trí huệ. Uống vào sẽ bị điên đảo, hôn cuồng, làm chuyện càn quấy, nên Phật chế định người tu hành trọn chẳng được uống rượu. Lại như hành, hạ, kiêu, tởi, nén, năm thứ thực vật nồng gắt, mùi vị hôi hám, bản chất chẳng thanh khiết, ăn chín sanh dâm, ăn sống tăng lòng nóng giận, người tu hành đều chẳng được ăn. Với giới này, người chưa thọ giới ăn uống chúng chẳng bị tội gì; người thọ giới mà dùng hay ăn chúng liên phạm một tầng giới của Phật. Phật đã cấm chế, các vị vẫn phạm nên mắc tội vậy.

Thập Thiện:

- Một là chẳng sát sanh.
- Hai là chẳng trộm cắp.
- Ba là chẳng tà dâm.
- Bốn là chẳng nói dối.
- Năm là chẳng nói thêu dệt.
- Sáu là chẳng nói đôi chiều.
- Bảy là chẳng ác khẩu.
- Tám là chẳng tham.
- Chín là chẳng sân.
- Mười là chẳng si.

Ba điều đầu gọi là thân nghiệp, bốn điều giữa là khẩu nghiệp, ba điều cuối là ý nghiệp. Nghiệp nghĩa là “sự”. Nếu trì chẳng phạm thì gọi là Thập Thiện, nếu phạm chẳng trì thì gọi là Thập Ác. Thập Ác chia làm thượng, trung, hạ, cảm ba đường ác địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Thập Thiện chia thành thượng, trung, hạ cảm ba thiện đạo trời, người, A-tu-la. Nhân lành cảm quả lành, nhân ác cảm quả ác, quyết định chẳng nghi, chẳng sai mảy may. Trong phần nói về Ngũ Giới đã giảng giết - trộm - dâm - dối rồi.

Ỡ ngữ (*nói thêu dệt*) là những lời lẽ phù phiếm, vô ích, chải chuốt, bóng bảy bàn nói chuyện dâm dục khiến người khác nghĩ bậy.

Lưỡng thiệt (*nói đôi chiều*) là đến người này nói người kia, đến người kia nói người này, dâm thọc thị phi, đồn xóc hai đầu v.v...

Ác khẩu là ngôn ngữ thô ác như dao, như kiếm, vạch trần lỗi kín của người, chẳng kiêng dè. Nếu lại còn khiến cho cha mẹ người bị xấu lây, thì gọi là “đại ác khẩu”, tương lai mắc phải quả báo súc sanh. Đã thọ giới nhà Phật, chớ nên phạm giới này.

Tham keo là tiền tài của mình chẳng chịu thí cho người thì gọi là “keo”, chỉ mong vợ của cải của người về mình thì gọi là “tham”.

Sân khuể là giận dữ, thấy người được gì bèn sầu lo, phẫn nộ, thấy người bị mất gì bèn mừng rỡ, sung sướng, lại còn cậy thế, cậy oai khinh người rẻ vật.

Tà kiến là chẳng tin làm lành được phước, làm ác mắc tội, nói không nhân quả, chẳng có đời sau, khinh chê thánh ngôn, hủy báng Kinh giáo của Phật...

Mười điều thiện này bao hàm hết thảy. Nếu có thể tuân hành thì không điều ác nào chẳng đoạn, không điều thiện nào chẳng tu. Chỉ sợ quý vị chẳng thể lãnh hội nên tôi nay chỉ nêu đại lược một hai việc: hiếu thuận cha mẹ, chẳng trái, chẳng nghịch, khúc nhô uyển chuyển khuyên cha mẹ nhập đạo, dứt mặn ăn chay, trì giới niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử. Nếu cha mẹ tin theo thì chẳng còn gì tốt hơn.

Với anh em liền tận sức nhường nhịn, với vợ chồng thời hết sức kính trọng, với con cái thời tận sức giáo huấn khiến chúng trở thành người tốt, người hiền, chớ để chúng mắc tình quen thói kiêu căng, đến nỗi thành hạng người chẳng ra gì. Với xóm giềng làng nước, phải hòa mục, nhường nhịn, giảng cho họ nghe nhân quả thiện ác, khiến họ sửa lỗi hướng thiện. Với bằng hữu tận lực giữ chữ tín. Với tôi tớ phải từ ái. Với việc công bèn tận tâm kiệt lực như khi làm chuyện tư.

Hễ gặp người quen biết, họ hàng, gặp cha nói Từ, gặp con nói Hiếu. Còn như Kinh doanh cố nhiên là để kiếm lời, nhưng chẳng được bán hàng giả, lừa dối người khác. Nếu như đem phong tục này giáo hóa cho cả một ấp, một làng thì sẽ khiến cho họa loạn chưa nảy mầm đã tiêu, các hình phạt trở thành vô dụng; có thể nói là ra ngoài tận trung, trong nhà tận chính vậy!

6. Các sách vở nên đọc

❖ Thuật rộng nguyện luân, giảng sâu xa duyên khởi thì chỉ có mình Kinh Vô Lượng Thọ. Chuyên giảng về pháp quán cũng như dạy rõ các nhân vãng sanh thì chỉ có mình Thập Lục Quán Kinh (*Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật*). Hai Kinh trên đây pháp môn rộng lớn, để lý tình vi, kẻ độn căn đời mạt thật khó thể được lợi ích.

Tìm lấy một bản Kinh câu văn giản dị nhưng nghĩa lại giàu, dùng ít chữ nhưng nghĩa lý phong phú, độ khắp ba căn, hạ thủ dễ nhưng thành công cao, dùng sức ít mà đạt hiệu quả nhanh chóng, chuyên ròng tu một hạnh lại viên thành vạn đức, khiến cho nhân tâm mau chóng khế hợp quả giác thì chỉ có mình Kinh Phật Thuyết A Di Đà mà thôi!

Ấy là vì một phen nghe đến y báo, chánh báo trang nghiêm, thượng thiện nhân cùng nhóm họp, ắt sẽ sanh lòng tin chân thành, phát nguyện khẩn thiết, quyết có cái thể [mạnh mẽ] như sông ngòi tuôn chảy không sao ngăn được. Từ đây giữ chặt khư khư, chấp trì vạn đức hồng danh, niệm đầu chú tâm vào đó mãi cho đến khi nhất tâm bất loạn. Làm được như vậy thì ngay trong đời này đã dự vào dòng thánh, lâm chung theo Phật vãng sanh, khai Phật tri kiến, cùng thọ dụng như Phật.

Bởi thế biết rằng một pháp Trì Danh bao gồm vạn hạnh, toàn sự tức lý, toàn vọng tức chân, nhân tốt biến quả, quả thấu nguồn nhân. Thật đúng là đường tắt để quay về gốc, là cửa ngõ trọng yếu để nhập đạo.

❖ Kinh A Di Đà có bản Yếu Giải do đại sư Ngẫu Ích trước tác, lý - sự đều đạt tới mức cùng cực, là bản chú giải bậc nhất kể từ khi đức Phật nói ra Kinh này, diệu cực xác thực, dù cổ Phật tái hiện trong thế gian chú giải lại Kinh này cũng chẳng thể hay hơn được! Chớ nên xem thường, hãy tin nhận chắc chắn.

Kinh Vô Lượng Thọ có bản sơ giải của pháp sư Huệ Viễn đời Tùy, giải văn thích nghĩa thật là trong sáng, gãy gọn. Kinh Quán Vô Lượng Thọ có bản [chú giải] Tứ Thiếp Sớ của hòa thượng Thiện Đạo. Ngài chỉ muốn khiến cho ba căn cùng được lợi ích nên đa phần phát huy về mặt sự tướng. Sau phần nói về Thượng Phẩm Thượng Sanh, Ngài phát huy sự hơn kém của hai cách Chuyên Tu và Tạp Tu,

khiến người đọc sanh lòng tin chân thành kiên cố. Dù đức Thích Ca Mâu Ni Phật và chư Phật hiện thân bảo hộ pháp môn Tịnh Độ này để tu các pháp môn khác cũng chẳng thay đổi ý nguyện chút nào; có thể nói sách ấy là kim chỉ nam cho hành giả Tịnh Nghiệp.

Còn như cuốn Quán Kinh Diệu Tông Sao của tông Thiên Thai thì do để lý cực viên dung nên trung hạ căn chẳng được lợi ích, chẳng bằng sách Tứ Thiếp Sớ lợi khắp ba căn, lợi căn hay độn căn đều được lợi ích cả!

❖ Cổ nhân muốn cả thế gian cùng tu nên lấy Kinh A Di Đà làm nhật khóa, bởi lẽ Kinh này ngôn từ ngắn gọn, nghĩa lý phong phú, hạnh giản dị, hiệu quả nhanh chóng. Bạc đại sĩ hoàng pháp chú sớ, ngợi khen Kinh này từ cổ đến nay chẳng đếm được hết. Trong số đó, tìm lấy bản rộng lớn, tinh vi thì không bản nào bằng được tác phẩm Sớ Sao của ngài Liên Trì; còn thẳng chóng, yếu diệu thì không chi bằng tác phẩm Yếu Giải của ngài Ngẫu Ích. U Khê đại sư dùng pháp ấn Đế - Quán bất nhị của tông Thiên Thai để soạn Lược Giải Viên Dung Trung Đạo Sao lý cao thâm nhưng sơ cơ vẫn lãnh hội được, văn giảng minh bạch nhưng người tu lâu [đọc đến] vẫn khâm phục.

❖ Về Tịnh Độ thì chọn lấy sách như Di Đà Sớ Sao, ngôn từ giản dị nhưng tinh vi, lý sâu xa nhưng dễ nhận, thật là cuốn sách trọng yếu trong Tịnh Độ, là người hướng dẫn tốt cho kẻ sơ cơ.

❖ Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên của Kinh Hoa Nghiêm dùng mười đại nguyện vương để dẫn dắt quy hướng Tịnh Độ. Đọc phẩm này sẽ biết rằng pháp Niệm Phật cầu sanh Tây Phương chính là chỗ quy kết sau cùng để thành Phật trong một đời của Kinh Hoa Nghiêm,

thật là phương tiện tối thắng để tự lợi khi tu nhân, là phương tiện tối thắng để lợi tha khi đắc quả của mười phương chư Phật.

❖ Phẩm Hạnh Nguyên nghĩa lý bao la, văn tự vi diệu. Tụng đến khiến cho chấp trước ta - người - chúng sanh của con người biến mất nào còn có nữa, thiện căn vắng sanh Tịnh Độ ngày càng thấy tăng trưởng, ắt sẽ tự hành dạy người; nhưng chẳng được nghĩ rằng “chưa trì Kinh này, dù có tu Tịnh Độ cũng là bạc phước, thiên lệch!”

Các vị Liên Trì, Ngẫu Ích v.v... cũng đều cực lực tán dương [Kinh Di Đà]. Trong Di Đà Yếu Giải có câu: *“Trong giáo pháp cả một đời của đức Như Lai, chỉ mình Kinh Hoa Nghiêm nói về một đời viên mãn, nhưng cái nhân để viên mãn chỉ trong một đời là ở phần cuối Kinh: ngài Phổ Hiền dùng mười đại nguyện vương dẫn dắt hướng về Cực Lạc để khuyến tấn Thiện Tài và Hoa Nghiêm hải chúng.*

Ồi! Điều Kinh Hoa Nghiêm đã dạy lại nằm trọn trong Kinh này, nhưng thiên hạ xưa nay tin thì ít, nghi lại nhiều, nói càng nhiều nghĩa càng hao, tôi chỉ còn có cách mổ tim vậy máu mà thôi!”

Vì thế, ngài Vô Ấn nói: *“Hoa Nghiêm là quảng bản Di Đà (bản Kinh Di Đà nói rộng), Kinh Di Đà là lược bản Hoa Nghiêm (bản Kinh Hoa Nghiêm nói giản lược)”*. Xem lời của hai vị đại sư ắt biết rằng xem Kinh mà thiếu con mắt viên đốn chính là cô phụ ân Phật nhiều lắm!

❖ Cuối quyển 5 Kinh Lăng Nghiêm là chương Đại Thế Chí Niệm Phật Viên Thông, đây chính là lời khai thị tối thượng của Tịnh tông. Chỉ riêng mình chương này đã có thể sánh cùng bốn Kinh tạo thành Tịnh Độ ngũ Kinh!

❖ Sách Tịnh Độ Thập Yếu do đại sư Ngẫu Ích dùng mắt kim cương xem khắp các sách xiển dương Tịnh Độ mà soạn thành một tác phẩm khế lý, khế cơ, chí cực không thể thêm gì được nữa. [Trong sách ấy, cuốn] thứ nhất là Di Đà Yếu Giải do đại sư tự soạn, văn uyên thâm nhưng dễ lãnh hội, lý viên đôn nhưng duy tâm, không gì tuyệt hơn. Hãy nên thường xem, đọc, nghiền ngẫm. Chín cuốn còn lại không cuốn nào lý viên mãn, từ ngữ hay khéo, khế hợp thời cơ sâu xa bằng cuốn Yếu Giải. Dù chưa thể hiểu trọn vẹn mỗi một cuốn, nhưng một phen giở xem khác nào uống thuốc tiên, dần dà lâu ngày, phàm chất ắt thành xác tiên vậy.

❖ Sách Tịnh Độ Thánh Hiền Lục chép tỉ mỉ các hạnh nguyện khi tu nhân và công đức khi đã đắc quả của Phật Di Đà, và các việc tự hành, dạy người của các vị Bồ Tát Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ... Kể đến là các sự tích vãng sanh từ Viên Công (*tổ Huệ Viễn*), Trí Giả cho đến các đại Tổ sư, thiện tri thức đầu đời Thanh; rồi đến sự tích niệm Phật vãng sanh của Tỳ-kheo-ni, vua quan, sĩ thứ, phụ nữ, ác nhân, súc sanh. Lại còn chọn chép cả những ngôn luận thiết yếu ngõ hầu người đọc có căn cứ để chọn lấy pháp, không cách nào nghi ngờ được nữa, bèn noi gương cổ nhân tận lực tu Tịnh Nghiệp. So với việc tham phòng thiện tri thức, đọc sách này lại càng thật sự quan yếu hơn.

❖ Sách Long Thư Tịnh Độ Văn đoạn nghi khởi tín, bao lượt phân tích, trình bày rành rẽ, chia môn, định loại pháp môn tu trì, là cuốn sách hướng dẫn quý bậc nhất của người sơ cơ. Nếu muốn lợi lạc khắp hết thảy, chẳng thể không bắt đầu từ cuốn sách này.

❖ Sách Pháp Uyển Châu Lâm (*gồm một trăm quyển*) luận rõ nhân quả, lý - sự cùng nêu, sự tích báo ứng rành rẽ phân minh. Đọc

đến không lạnh mà run, dù ở trong nhà kín phòng tối vẫn thường như đang đối diện Phật, trời, chẳng dám nảy sanh chút ác niệm nào. Thượng - trung - hạ căn đều được lợi ích, chẳng đến nỗi vương mối tệ nhận lầm đường nẻo, chấp lý phế sự, ngã theo thiên tà, cuồng vọng. Như ngài Mộng Đông nói: *“Người khéo bàn tâm tánh ắt chẳng bỏ lia nhân quả, người tin sâu nhân quả rốt cuộc sẽ hiểu thật rõ tâm tánh”*. Lễ ấy thể đương nhiên như thế.

Câu nói này của ngài Mộng Đông quả là lời bàn luận cùng tột thiên cổ chẳng sửa đổi được, mà cũng là mũi kim đâm thẳng xuống đỉnh đầu những kẻ cuồng huệ buông tuồng vậy.

❖ Bộ An Sĩ Toàn Thư giác thế, dạy người tận thiện tận mỹ, bàn đạo luận đức, vượt cô siêu kim, lời lẽ giản dị nhưng súc tích, lý sâu nhưng dễ hiểu, dẫn những sự tích có chứng cứ đích xác, phát huy tột cùng nguyên nguyên những nghĩa luận, đúng là của báu để lưu truyền cho con cháu, mà cũng là bộ kỳ thư để tuyên giảng.

Mỗi lời đều là tâm pháp của Phật, của Tổ, là đạo mạch thánh hiền, là đạo trọng yếu khiến đời yên, dân hiền, là bí phương rạng rỡ, tốt lành. Nếu có thể hành đúng theo sách ấy sẽ nối chí thánh hiền, liễu sanh thoát tử giống như đưa ra giấy cầm đồ để lấy lại vật cũ, sánh với những thiện thư khác được lưu thông trong đời thì có khác nào đem quả núi sánh với đụn đất, biển cả sánh với vũng nước vậy!

An Sĩ tiên sinh họ Châu, tên Mộng Nhân, còn có tên là Tư Nhân, người Côn Sơn, tỉnh Giang Tô, thông hiểu rộng khắp Kinh sách của tam giáo (*Phật - Nho - Lão*), tin tưởng sâu xa vào pháp môn Niệm Phật, đến tuổi nhược quan (*chừng 20 tuổi*) đi học bèn chán con đường khoa cử, phát Bồ Đề tâm, soạn sách giác ngộ người đời, ngõ hầu trước là để ai nấy chẳng làm lỗi, sau là thoát khỏi biển khổ sanh tử.

Vì thế, ông viết cuốn sách khuyên kiêng giết hại đặt tên là Vạn Thiện Tiên Tư, sách giới dân tên Dục Hải Hồi Cuồng. Ấy là vì chúng sanh tạo nghiệp chỉ hai sự này là nhiều nhất, mà sửa lỗi thì cũng chỉ hai sự này là khẩn yếu nhất. Ông còn soạn Âm Chất Văn Quảng Nghĩa (*giảng rộng nghĩa lý bài Âm Chất Văn của Văn Xương Đế Quân*) ngõ hầu với mỗi một pháp, ai cũng biết phân biệt đầu mối, đều biết kiêng dè. Sách phê bình, biện luận cùng tột, tinh vi, đáng gọi là bậc công thần của Đế Quân, triệt để bóc trần, phơi bày tất cả cái tâm rủ lòng giáo huấn khiến cho ngàn đời trước, ngàn đời sau cả người giáo huấn lẫn người được giáo huấn không buồn bã, tiếc nuối gì. Ấy là vì tiên sinh kỳ tài diệu ngộ, đã dùng những sự tích thế gian để phát huy những nghĩa lý áo diệu, u vi của Phật, Tổ, khiến cho người nhả, kẻ tục cùng xem, người trí, kẻ ngu cùng hiểu.

Lại vì trong các pháp môn tu hành, chỉ có pháp Tịnh Độ là thiết yếu nhất nên tiên sinh lại soạn cuốn Tây Quy Trục Chỉ để giảng rõ đại sự niệm Phật cầu sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử. Bởi lẽ, tích đức tu thiện chỉ được phước nhân - thiên, phước hết lại phải đọa lạc. Niệm Phật vãng sanh là dựa vào địa vị Bồ Tát, quyết định đạt thành Phật đạo.

Ba cuốn sách đầu tuy dạy người tu thiện nghiệp thế gian, nhưng vẫn gồm đủ pháp liễu sanh thoát tử. Cuốn sách thứ tư tuy dạy người pháp liễu sanh tử, nhưng phải tận lực hành điều thiện thế gian. Thật có thể nói là tiên sinh hiện thân cư sĩ để thuyết pháp độ sanh. Ai bảo tiên sinh chẳng phải là Bồ Tát tái lai, tôi chẳng dám tin.

❖ Văn bút lẫn nghĩa luận của sách Cảm Ứng Thiên Vựng Biên thủy đều siêu tuyệt, nhưng chẳng được quán thông Phật pháp như An Sĩ Toàn Thư. Ngoại trừ sách An Sĩ Toàn Thư ra, tôi cho rằng cuốn này là hay nhất.

❖ Sách Cảm Ứng Thiên giảng thẳng [vào vấn đề], là sách do bậc đại thông gia soạn, lời chú giải thuần dùng văn bạch thoại, chỉ đọc qua một lượt, sẽ tự hiểu rõ ý nghĩa. Lúc con cái còn nhỏ, rất nên bảo chúng đọc sách này để nhờ sách này răn dạy con cái mình, tương lai chúng ắt sẽ được thọ dụng chân thật hòng gỡ bỏ mối lo cho mình.

❖ Sách Cư Sĩ Truyện do tiến sĩ Bành Thiệu Thăng Tô Châu soạn vào thời Càn Long. Ông xem khắp các sách vở, chọn lấy những gương đại trung, đại hiếu, thanh cao, chánh trực, liêm khiết, hữu công danh giáo, hiểu sâu Phật pháp từ đời Hán đến nay, ghi chép những sự nhập đạo, tu chứng của họ, và chép cả những câu văn phát huy Phật pháp. Số người được chép lên đến mấy trăm người, chép thành sáu quyển.

❖ Tam Giáo Bình Tâm Luận do học sĩ Lưu Mật đời Nguyên soạn. Trước hết, sách chỉ rõ tam giáo đều khuyên người dứt ác tu lành, chẳng nên phế một giáo nào. Tiếp đó, sách luận rõ công dụng cùng cực của từng giáo sâu cạn bất đồng. Cuối cùng sách đả phá sạch những thuyết của Hàn Dũ, Âu Dương, Trình, Chu.

❖ Thích Thị Kê Cô Lược chép theo năm tháng các đời, ghi sự tích của Thích Nho thành từng mục. Từ Phục Hy cho đến cuối đời Minh, quốc gia thái bình hay loạn lạc, Phật pháp hưng thịnh hay suy vong, tội do hủy báng, phước do tin tưởng, lợi ích do tu trì, pháp ngữ của Tổ sư, hạnh chân thật của chư Tăng, và những kẻ trung thứ lỗi lạc, kẻ gian ác cùng cực đều chép tỉ mỉ cả khiến cho ai nấy giờ xem liền biết pháp giới, ngồi ngay ngắn xem khắp cổ kim, há phải đâu chỉ có ích cho riêng người tu đạo, mà còn là của báu kỳ lạ trong tay áo của những ai đọc sách để luận cổ suy kim nữa!

❖ Nếu đã có tín tâm, hãy nên đọc các sách Tịnh Độ. Nếu chẳng thể đọc nhiều thì chọn lấy cuốn sách dễ hiểu, nghĩa lý rộng rãi nhất như cuốn Kinh Trung Kinh Hựu Kinh (*Trong các con đường tắt nhất, lại là con đường tắt hơn nữa*). Cuốn sách này thâm thập yêu nghĩa của các nhà, phân môn chia loại, khiến người xem đến chẳng phí sức nghiên cứu, tìm đọc mà ngộ thẳng vào chỗ yếu diệu, cốt tủy của Tịnh Độ. Đối với kẻ sơ cơ, sách này có lợi ích rất lớn.

❖ Cao Tăng Truyện quyển 1, 2, 3, 4; Cư Sĩ Truyện, Tỳ Kheo Ni Truyện, Thiện Nữ Nhân Truyện, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục đều ghi chép lời lẽ tốt lành, hành cao đẹp của chư cổ đức. Xem đến ắt sẽ nảy lòng vui mừng ngưỡng mộ, trọn chẳng đến nỗi mắc lỗi được chút ít đã cho là đủ, cam phận kém hèn.

Hoàng Minh Tập, Quảng Hoàng Minh Tập, Đàm Tân Văn Tập, Chiết Nghi Luận, Hộ Pháp Luận, Tam Giáo Bình Tâm Luận, Tục Nguyên Giáo Luận, Nhất Thừa Quyết Nghi Luận đều là những sách hộ trì giáo pháp. Đọc đến chẳng những không bị tà ma, ngoại đạo mê hoặc, lại còn phá tan được thành lũy tà kiến của chúng nữa. Các sách này đọc đến sẽ khiến cho chánh kiến kiên cố, chúng có thể dùng để chứng tỏ, soi sáng Kinh giáo. Chớ bảo là “cứ nhất tâm đọc Kinh, chẳng thèm dòm dõi gì đến những sách ấy”. Cái tri kiến sai biệt ấy nếu không đả thông được, khi gặp địch rất có thể bị chuốc lấy nhục vậy!

❖ Sách Mộng Đông Ngũ Lục do cư sĩ Tiền Y Am trích tuyển những câu nói chuyên dạy về Tịnh Độ trong Mộng Đông Di Tập soạn thành, lưu truyền ở phương Nam ngõ hầu đáp ứng nỗi hận đã lâu của những người vô duyên hội ngộ. Toàn tập thì có ở Bắc Kinh, nhưng ở phương Nam chỉ có lược bản này. Sách này văn từ, nghĩa

lý tinh diệu, là trước tác đáng xếp hạng nhất sau sách của các vị Ngẫu Ích, Tịnh Am.

❖ Ngài Mộng Đông nói: “*Thật vì sanh tử, phát Bồ Đề tâm, dùng tín nguyện sâu trì danh hiệu Phật*”. Mười sáu chữ này là đại cương tông của pháp môn Niệm Phật. Một đoạn khai thị này tinh vi, thiết thực đến cùng cực, hãy nên đọc kỹ.

Toàn bộ sách Mộng Đông Ngữ Lục văn từ, nghĩa lý chu đáo, đích thật là kim chỉ nam trong Tịnh tông. Nếu còn muốn đọc thêm nữa thì cuốn Di Đà Yêu Giải của Ngẫu Ích lão nhân, đúng là một tác phẩm hướng dẫn tốt ngàn đời chỉ có một.

Nếu có thể một lòng hành theo hai cuốn sách này sẽ chẳng cần phải nghiên cứu hết thảy Kinh luận nào nữa. Nếu thường xem ba Kinh Tịnh Độ và các sách như Tịnh Độ Thập Yếu v.v... ngửa tin lời chân thành của Phật, của Tổ, phát lòng tin chân thành, phát nguyện thiết tha, dùng lòng chí thành cung kính trì danh hiệu Phật, dù ở trong nhà tối phòng kín vẫn như đang đối trước Phật, trời, khắc kỷ giữ lễ, thành thật, cẩn thận, e dè, chẳng giống như những kẻ trong đời hiện tại trọn chẳng câu thúc, phóng túng không biết e sợ gì. Quang tôi dù còn là phàm phu sanh tử, vẫn dám bảo đảm ngay trong đời này các hạ sẽ già biệt Sa Bà, cao dự hải hội, tự làm đệ tử Phật Di Đà, làm bạn hiền của các vị đại sĩ.

❖ Có các sách Tịnh Độ, các giáo nghĩa Tịnh Độ như thế, phải nên hiểu biết trọn vẹn; dù chẳng đọc khắp các Kinh cũng chẳng bị khiếm khuyết chi! Còn như chẳng biết đến pháp môn Tịnh Độ, dẫu thâm nhập nghĩa lý mọi Kinh, triệt ngộ tự tâm lại toan liễu sanh thoát tử thì chẳng biết phải mất mấy đại kiếp mới mãn được nguyện ấy! Chẳng biết đến món thuốc A Già Đà (*Hán dịch là Đối Trị, trị được hết thảy các bệnh*) trị chung vạn bệnh này thật đáng đau buồn thay!

Biết nhưng không tu, hoặc tu nhưng chẳng chuyên chí lại càng đáng đau tiếc hơn nữa!

HẾT PHẦN 6

PHẦN TẶNG BỔ

1. Thư gửi Sài Dã Ngu

(Lá thư này vốn không có trong Văn Sao, nhân vì người đời thường đối với những nghĩa như mê - ngộ, chúng sanh - Phật, cuồng - thánh v.v... khởi nghi nên kèm thêm thư này để giải trừ những mối nghi ấy.)

Ai cũng có thể trở thành Nghiêu, Thuấn, ai cũng có thể thành Phật. Nhưng Thánh mất niệm thành cuồng, cuồng chế ngự được niệm ắt sẽ thành Thánh. Mê thì Phật thành chúng sanh, ngộ thì chúng sanh tức là Phật. Xét lẽ ấy, mấu chốt ở tại nơi ta. Vì thế, trên phải ngưỡng mộ chư Thánh, dưới phải trọng tánh linh của mình, dè dặt Kinh sợ, phần chí tu trì, đôn đốc luân thường, tận hết bốn phận, các điều ác đừng làm, vâng làm các điều thiện, sáng dậy tối ngủ chẳng nẩy sanh điều gì đáng thẹn. Làm được như thế chính là làm thánh, làm hiền, chẳng điểm nhục, ô uế trời đất.

Lại còn sanh lòng tín nguyện trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương để mong tự chứng được Phật tánh sẵn có, viên thành vô thượng Bồ Đề mới thôi. Đại trượng phu sanh trong thế gian nếu chẳng biết đại thể, chỉ biết đắm đuối ăn uống, nam nữ, tham cầu sắc thanh, của cải, lợi lộc thì có khác gì dị loại đâu? Nỡ nào để cái tánh có khả năng làm được Nghiêu, Thuấn, có thể thành Phật bị luân hồi trong lục đạo bao kiếp dài lâu, chịu đủ mọi nỗi khổ cùng cực, chẳng đáng buồn ư?

Người đã phát tâm quy y Tam Bảo thì phải lấy việc niệm niệm đối trị phiền não làm gốc, ngăn tà, giữ lòng thành, khắc kỷ, giữ lễ, cải ác tu thiện, trọn hết bốn phận, luân thường, chuyên tu Tịnh

Nghiệp, tự hành, dạy người, ngõ hầu trong là cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc, ngoài là thân thích, bạn bè, láng giềng chòm xóm cùng được gọi ân giáo hóa của Phật, cùng thành thiện nhân mới chẳng uổng phí cái đời này, chẳng uổng duyên gặp gỡ này.

Sách Trung Dung nói: *“Ai cũng bảo mình là người trí, nhưng cứ bị xua vào, vướng vào lưới rập, hầm bẫy, chẳng ai biết tránh cả”*. Là vì chỉ biết hướng ngoại rong ruổi tìm cầu, chẳng biết hồi quang phản chiếu, nên mới mắc hại như thế. Nếu có thể phản chiếu tự tâm, ngầm vận dụng trí ngõ hầu tự chiếu ắt sẽ có thể học thánh, học hiền, học Phật, học Tổ, ắt lúc sống đã dự vào cảnh giới thánh nhân, mắt đi liền sanh về cõi nước Cực Lạc. Đây là những điều Quang tôi vì ông mệnh danh là “đại ý”.

Thêm nữa, chỉ vì thánh mất niệm thành cuồng, cuồng chế ngự được niệm sẽ thành thánh, mê thì Phật thành chúng sanh, ngộ thì chúng sanh chính là Phật. Nếu chẳng khéo hiểu bốn câu này rất có thể đến nỗi sanh nghi, luận bàn lăm lặc. Nay tôi sẽ giải thích sơ lược.

Thứ nhất, nói thánh hay Phật đều là ước theo bản thể của tự tâm mà nói, chứ chẳng phải đã thành Phật hay thành thánh. Tiếp đó, “mất niệm”, “chế ngự được niệm”, “mê - ngộ” đều là nói người ấy nghịch hay thuận, có tu luyện, gìn giữ hay không. Cuối cùng, “thành cuồng”, “thành thánh”, “thành chúng sanh”, “chính là Phật” là nói đến hiệu quả của việc nghịch thuận, tu trì, gìn giữ.

Nếu chẳng hiểu “thành Phật, thành thánh” là nói về bản thể, ắt sẽ lầm tưởng mình đã thành Phật, thành thánh, cũng như hiểu lầm “thành cuồng”, “thành chúng sanh” sẽ có hại rất lớn. Bởi thế, tôi chẳng thể không giảng sơ lược cho ông hiểu về điểm này. Những điều khác xin đọc kỹ Văn Sao ắt sẽ tự biết.

2. Thư phúc đáp Du Huệ Úc, Trần Huệ Sưởng

Nghiệp chướng sâu nặng, bầm chất ngu tối, may được nghe pháp môn Tịnh Độ nên được quy y dưới tòa, chỉ còn biết tận lực tuân thủ lời giáo huấn già già chắc thật của thầy tôi để mong chóng liễu sanh tử, chẳng phụ tấm lòng đau đáu của thầy. Đã là Phật tử, ắt phải phát tâm tự độ, độ người. Nay các đệ tử chưa tự độ được mình, còn nói gì độ người, nhưng khi gặp thân hữu phải phương tiện khuyên họ tin tưởng, đây cũng là phận sự của chính mình vậy.

Thường thấy có hai hạng người kiến giải hoặc lời lẽ đều khiến mình làm, khiến người khác làm chẳng phải ít.

- a) Một hạng cho rằng: Phật vô dục, Kinh A Di Đà lại nói đến các thứ vàng, chất báu, dường như vẫn là dục vọng, chẳng bằng Kinh Kim Cang “hết thấy đều không” thật cao siêu huyền diệu. Bởi thế, miệt thị pháp môn Tịnh Độ, chẳng sanh lòng tin. Hạng người này chẳng hiểu ý nghĩa hai Kinh Kim Cang và Di Đà nên cứ chấp theo ý mình mà loạn đạo.
- b) Hạng thứ hai cho rằng Phật dạy con người thấy rõ bản tánh của hết thấy các pháp, có sao chính mình lại khởi lòng tham dục? Sao chúng ta lại phải khổ sở bỏ đi cái thật sự có trước mắt để mong cầu chuyện vu vơ sau khi chết? Đây là hạng người chấp trước tà kiến, mặc tình báng Phật, báng Pháp.

Hai hạng người này tuy phẩm vị có cao thấp [khác nhau] nhưng đều tà kiến hết như nhau, đều tự làm, làm người giống hết nhau. Các đệ tử phải tận lực bảo hộ các thứ cảnh giới Tây Phương đều là thật tướng trang nghiêm do công đức của Phật A Di Đà hóa hiện, là quả

báo để hưởng thọ phước đức tự tại, chẳng giống với đời ngũ trược do nghiệp lực cảm thành.

Huống nữa, tất cả mọi thứ trong cõi Sa Bà đều là khổ, không, vô thường, nên phải buông bỏ chúng để cầu lấy những cái thật. Lời lẽ của kẻ ngu này (*tổ Ấn Quang tự xưng*) dù chẳng trái nghịch chánh lý, vẫn chẳng thể phát khởi chánh tín nổi. Nghĩ lại thầy tôi, tất cả ngôn luận của ngài đều như mặt trời rực rỡ, không tối tăm nào chẳng chiếu tỏ được; đành xin mượn mấy lời trong sách để phá mối tà kiến này.

Thư các vị gởi tới có nhắc đến hai loại tà kiến này, ấy là dùng tri kiến phàm phu để suy lường cảnh giới Như Lai, giống như Khổng Tử nói “*thích thực hành trí huệ nhỏ nhoi*” hay như Mạnh Tử bảo là “*tự mình bỏ phí*”. Hạng người ấy vốn chẳng có tư cách giá trị gì để đàm luận, nhưng Phật từ rộng lớn chưa từng bỏ bất cứ loại người nào, nên chẳng ngại gì lập bày phương tiện để đánh thức cơn mơ ngủ của chúng.

Do Phật trọn chẳng có tâm tham nên mới cảm được các báu trang nghiêm. Phàm những sự hóa hiện đều là những cảnh giới trang nghiêm thù thắng chẳng cần phải tốn sức người trừ tính, lo liệu, cảnh giới phàm phu của thế giới Sa Bà há sánh được ư?

Ví như người từ thiện hữu đức, tâm địa hành vi thấy đều chánh đại quang minh nên tướng mạo cũng hiện vẻ tươi sáng, hiền từ, rạng rỡ. Cố nhiên họ chẳng có tâm mong cầu dung nhan tướng mạo đẹp đẽ nhưng tự nhiên được đẹp đẽ. Người tạo nghiệp tâm địa cáu bẳn, ô uế, hung ác, nên diện mạo cũng tăm tối, dữ dằn theo. Cố nhiên họ chỉ muốn vẽ mặt mình đẹp đẽ, khiến người khác tưởng mình là thiện nhân chánh đại quang minh, nhưng vì tâm địa chẳng lành dù có muốn thế cũng chẳng được.

Đấy là ước theo con mắt của phàm phu, chứ trong mắt quý thần, họ sẽ thấy thiện nhân thân có quang minh. Quang minh lớn hay nhỏ tùy thuộc người ấy đức lớn hay nhỏ. Quý thần thấy người ác thân có

các tướng hắc ám, ác bạo... tướng ấy lớn hay nhỏ cũng do kẻ đó ác nhiều hay ít mà hiện.

Kẻ [tà kiến] kia bảo Kinh Kim Cang là không, chính là chẳng hiểu Kinh Kim Cang chỉ phát minh lý tánh, chứ chưa luận đến quả báo do chứng được lý tánh. Sự trang nghiêm nơi cõi nước Thật Báo không chướng ngại chính là quả báo rốt ráo đạt được của Kinh Kim Cang. Phàm phu nghe đến ắt sẽ ngỡ vực làm sao có chuyện ấy được.

Kinh Kim Cang nhằm dạy kẻ trai gái lành phát Bồ Đề tâm nhưng chẳng trụ tướng, mà lại muốn độ hết chúng sanh. Dù độ vẫn chẳng thấy mình là người độ, chúng sanh là kẻ được độ, cũng chẳng thấy có pháp Niết Bàn rốt ráo để đạt được. Đó gọi là “vô sở trụ nhi sanh tâm”, đã đạt vô sở đắc mà thành Phật; há nên bảo đức Phật được thành và cõi nước ngài trụ trong Kinh Kim Cang cũng chỉ giống như cảnh giới ngũ trược ác thế này ư? Cũng chỉ là rỗng tuếch chẳng có được một vật gì ư?

Cõi Phật thanh tịnh, người ta một phen được nghe đến thân tâm liền thanh tịnh, thế nhưng kẻ kia lại bảo là tham dục, thì gã đó chỉ là giới tử sống trong hầm xí, tự khoe mình thơm tho, sạch sẽ, chê chiên đàn là hôi thối, chẳng mong lìa khỏi hầm phân đó để ngửi được mùi thơm này!

Lũ Đạo Chích¹ tụ tập cả mấy ngàn đứa, hoành hoành trộm cắp trong thiên hạ, lại tự khoe mình là hạng có đạo đức, thống trách vua Nghiêu bất nhân, vua Thuấn bất hiếu, vua Vũ dâm dật, vua Thang, Châu Võ Vương bạo loạn, chê Khổng Tử là nguỵ, là vô đạo; tri kiến của chúng có khác gì hai hạng người tà kiến ấy đâu?

Lại như gần đây, có kẻ phé Kinh, phé hiếu, phé cả luân thường, trần truồng đi lại, cho đó là bẩm thọ đức tự nhiên của trời đất, chẳng nhọc lòng tạo tác. Nhưng nếu Hạ đã đua nhau lửa lò, sao Đông về

¹ **Đạo Chích**: tên một kẻ trộm lừng danh thời cổ, thường dùng để chỉ kẻ trộm.

lại chẳng trần truồng nữa? Bảo là bầm thọt tự nhiên, chẳng cần phải tạo tác, sao lại phải đào giếng, cày ruộng, dệt vải mới hòng có cái ăn cái mặc, chẳng phải là tạo tác đó ư?

Kẻ ác phá hoại, ngăn trở người khác làm lành thường như thế. Họ cứ bảo “làm lành phải vô tâm, nếu hữu tâm thì chẳng phải là làm lành thật sự”! Nhưng thánh hiền tự cổ không ai chẳng sáng lo chiều lắng, dè dặt, cẩn thận như vào nơi vực sâu, như đi trên băng mỏng, chẳng phải là hữu tâm ư? Nói chung, hạng người ấy ý chỉ muốn coi không tu trì là cao thượng, nên mới đề ra luận thuyết mù lòa cực hạ tiện như thế, tự huyễn mình là bậc hiểu lý, mong người coi mình là bậc cao minh, là đại thông gia, là chân danh sĩ, chẳng hề biết toàn thân đang ở trong hàm phẫn. Trừ những kẻ có cùng tri kiến, nào ai chấp nhận những lý lẽ ấy đâu!

3. Thư phúc đáp cư sĩ Ngu Tăng

Một việc phóng sanh vốn là để cảm phát cái tâm kiêng giết, cứu vật cho đồng nhân, thực hành tâm trắc ẩn bất nhẫn đó thôi. Thế nhân phần nhiều tâm hạnh khác nhau, dù chẳng thể khiến cho mọi người đều cảm động, nhưng nếu cảm động được một người thì cả đời người ấy đã bớt giết cả mấy ngàn sanh mạng, huống hồ nào phải chỉ có mỗi một người thôi đâu!

Còn như ông bảo cá lớn nuốt cá bé, dù có thả nó xuống sông sâu cũng khó cứu nó thoát nạn lưới chài. Điều suy nghĩ ấy tựa hồ hữu lý, nhưng thật ra là trở ngại thiện niệm, hỗ trợ sát nghiệp của người khác! Người ấy may mắn làm thân người, may ra chẳng đến nỗi thân bị giết hại nên mới lý luận vô lý như thế, toan dùng cái trí của mình ngăn trở việc phóng sanh.

Nếu như họ bị vướng chài và là các sanh mạng sắp bị giết, nhất định họ sẽ chẳng khởi lên các tưởng niệm như thế, chỉ mong có ai

cứu lấy mạng sống của mình, quyết chẳng có ý niệm “không mong được người khác cứu, chỉ sợ sau này lại bị con vật khác ăn mất, bị người khác bắt được, chỉ mong cam tâm bị giết để sau này khỏi bị mắc các nạn ấy nữa”. Dù lúc ấy có ý niệm như thế đi nữa, vẫn chẳng đáng để bàn cãi; huống hồ trong lúc ấy, vạn vạn phần chẳng thể nghĩ tưởng như thế được!

Kẻ nào nhằm lúc mình chẳng bị đánh đập đau đớn gì bèn ngăn trở thiện niệm của người khác, nói những lời khơi động sát cơ cho người khác như thế, mà nếu đời sau chẳng thọ báo thì nhật nguyệt sẽ mọc ngược, trời đất sẽ bị đảo lộn! Có nên thốt lời xằng bậy chẳng?

Dĩ nhiên có chuyện cá lớn nuốt cá nhỏ, thả ra rồi lại bị bắt cũng chẳng phải là không thể có, nhưng nói cá lớn ăn sạch cá nhỏ không còn sót gì, quyết chẳng có lẽ ấy! Được thả rồi lại bị người khác bắt sạch hết cũng quyết chẳng có lẽ ấy! Cần chi phải lo quá như thế? Ví như cứu giúp người bị nạn, nếu cho một manh áo, hoặc cho một bữa ăn cũng có thể giúp cho người ấy chẳng đến nỗi phải bị chết ngay, nhưng lại cứ đối trước người ấy bảo: “Một manh áo, một bữa cơm này sao có thể khiến người ấy no ấm suốt đời được? Có cho cũng chẳng lợi ích gì, chẳng thà mặc cho kẻ đó đói lạnh đến chết ắt kẻ ấy chẳng phải chịu đói lạnh dài lâu!”

Lại như cường đạo cướp giết người khác, kẻ có sức mạnh ra tay chống cự, ngăn trở, kẻ kia bèn bảo: “Nếu ông có thể chống cự, ngăn trở kẻ cướp cả đời mới thật là tốt, còn như chỉ chống cự, ngăn trở một lúc thì rốt cuộc có ích lợi gì đâu? Chẳng thà mặc cho nó cướp hết sạch đi, sau này mới khỏi bị cướp nữa thì tốt hơn!” Đối với con cái, cha mẹ thường chăm sóc, nuôi nấng, nhưng mẹ hiền chẳng thể chăm sóc thân đời sau của con; kẻ kia bèn bảo: “Đã chẳng thể chăm sóc, nuôi nấng thì chẳng bằng giết phút nó đi, chẳng tốt hơn sao?”

Quân tử tu đức chẳng vì điều thiện nhỏ bèn không làm, chẳng vì điều ác nhỏ mà làm. Kẻ kia cứ muốn muôn sự chẳng sai suyền điều

gì mới chịu hành phóng sanh, tức là muốn cho thế nhân suốt cả đời chẳng làm những việc phóng sanh, kiêng giết. Tương lai khi kẻ ấy sắp bị chết, cả vạn người không có lấy một ai cứu cho. Đau thay, buồn thay; chẳng đáng đừng phải dài dòng phân giải!

4. Thư phúc đáp cư sĩ Thiệu Huệ Viên

Hôm qua nhận được thư ông gửi đến, trong xóm ông có ông Phan Trọng Thanh ở Trương Gia Khẩu gửi thơ muốn được quy y. Người này tánh tình chân thành, chất phác, cũng có học vấn. Ông ta đã phát tâm thì Quang tôi cũng chỉ tùy duyên.

Nay tôi đặt pháp danh quy y cho ông ta là Huệ Thuần, bởi hết thấy chúng sanh đều có Phật tánh, tức là đều có Phật huệ; nhưng vì bị tham, sân, si v.v... xen tạp nên Phật huệ bị trở thành tri kiến chúng sanh. Nay đã biết vốn sẵn đủ Phật huệ thì đối với tất cả những điều nghĩ ngợi, móng niệm, xử sự thấy đều kiểm điểm, chẳng cho những tri kiến tham, sân, si...phát sanh.

Lại còn phải dùng lòng tín nguyện sâu trì danh hiệu Phật, kiêng giết, phóng sanh, yêu tiếc tánh mạng loài vật, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, tự hành, dạy người cùng tu Tịnh Nghiệp thì trí huệ ấy sẽ dần dần thuần. Nếu giữ được như vậy chẳng để mất, vãng sanh Tây Phương thì huệ ấy càng dễ thuần, đến khi phiền não hết sạch, phước huệ viên mãn là huệ đã thuần đến cực điểm bèn viên thành Phật đạo.

Thế nhân hay lầm tưởng mình có trí huệ, chẳng biết rằng trí huệ đó là vàng còn trong quặng, trợn chẳng sử dụng được, cần phải nung luyện cho tiêu sạch hết mọi tạp chất thì mới có ích. Đại ý như thế, mong hãy dốc chí!

Người học Phật tận lực thực hành nhiệm vụ. Nay thể nhân đa phần miệng lưỡi nhanh nhạy, ăn nói hay ho, bóng bảy, trong bụng thối nát, vô ích, thật đáng buồn!

5. Thư gửi cư sĩ Vương Tâm Thiền

Mẹ ông đã có thể niệm Phật thì hãy bảo các nàng dâu giúp mẹ niệm Phật. Lại nên khuyên bà ăn chay trường để trợ thành đạo nghiệp cho mẹ mới là hiếu. Nếu cứ nghĩ niệm Phật chỉ sợ tổn hao tâm lực, ăn chay sợ chẳng đúng phép vệ sinh mới là hiếu thì lòng hiếu ấy khác gì con La Sát cái yêu người đâu.

Hiếu như vậy phá hoại đạo nghiệp của mẹ, chẳng làm cho mẹ được liễu sanh thoát tử, trái lại còn khiến mẹ ở mãi trong sanh tử. Hiếu như vậy là đã xô người xuống giếng, còn quăng thêm đá nữa, khiến cho mẹ chẳng được siêu sanh, luân lạc bao kiếp. Dù là hiếu nhưng chẳng biết hiếu đúng cách lại hóa thành ngỗ nghịch.

Ông lo việc công, về hình dáng bắt tất phải làm ra vẻ tu trì, nhưng trong lòng chẳng thể thường nghĩ nhớ hay sao? Nếu ông nhớ mẹ, ai cấm trong tâm ông thường nhớ đến mẹ? Ông tự thốt lên những lời trở ngại ấy nhưng toàn là luận về mặt hình thức, nào phải là luận trên phương diện tâm địa? Hiện tại thời cuộc nguy ngập như thế, nếu trong tâm vẫn chẳng chịu thâm niệm Phật thì chuyện tương lai chẳng biết phải giải quyết như thế nào!

Ông đọc Văn Sao, Gia Ngôn Lục, nhưng những điều nói trong các sách ấy vẫn chưa đủ để xóa tan được lòng nghi nên tôi lại phải dùng một tờ giấy với vài trăm chữ để an ủi, vỗ về, đều là do ông thường ngày chẳng chịu suy xét, nghiền ngẫm mà ra cả. Ông hãy nên đem lòng hiếu đúng đắn để dạy các cô con dâu, thường mật niệm tự hành thì lợi ích rất lớn. Mong ông hãy hạ cố xét kỹ thì thật là may lắm vậy!

Liên Trì đại sư nói: “Cha mẹ lìa được trần cấu, đạo làm con mới được thành tựu”. Vì thế, sau khi cha mẹ đã mất, phận làm con đều phải nên chí thành niệm Phật ngũ hầu cha mẹ chưa được vãng sanh sẽ được vãng sanh, vãng sanh rồi sẽ liền cao thêm phẩm vị. Điều ấy phù hợp với ba thứ phước Tịnh Nghiệp dạy trong Quán Kinh, thành tựu đạo hiếu thế gian và xuất thế gian vậy.

ẤN QUANG ĐẠI SƯ GIA NGÔN LỤC HẾT

Dịch xong ngày 27 tháng 03, năm 2004



QUY TẮC TU HỌC

Lời khai thị của Đại Sư Ấn Quang

Bất luận là người tu tại gia hay xuất gia, cần phải:

- Trên kính, dưới hòa.
- Nhẫn điều mà người khác không thể nhẫn được.
- Làm những việc mà người khác không thể làm được.
- Thay người làm những việc cực nhọc.
- Thành toàn việc tốt cho người.
- Khi tĩnh tọa, thường nghĩ đến điều lỗi của mình.
- Lúc nhân đàm, đừng bàn đến điều sai trái của người.
- Lúc đi, đứng, nằm, ngồi, ăn, mặc, từ sáng đến tối, từ tối đến sáng, một câu Phật hiệu không để gián đoạn, hoặc niệm nho nhỏ, hoặc niệm thầm. Ngoài việc niệm Phật, đừng dấy khởi một niệm nào khác. Nếu khởi vọng niệm, phải tức thời bỏ ngay.
- Thường có lòng hổ thẹn và tâm sám hối.
- Mặc dù đã tu trì, vẫn luôn hiểu công phu của ta rất nông cạn, chẳng nên tự kiêu căng, khoa trương.
- Chỉ xem xét chuyện nhà mình, không để ý chuyện nhà người.
- Chỉ noi theo gương tốt, không bắt chước gương xấu.
- Hãy xem mọi người đều là Bồ Tát, chỉ riêng mình ta quả là phàm phu.

Thật sự có thể y như lời tôi mà tu hành, nhất định được vãng sanh Tây Phương Cực Lạc Thế Giới.

Nam Mô A Di Đà Phật!

